

**Đại Phương Đẳng Đại  
Tập Hiền Hộ Kinh  
giảng ký 2**

**大方等大集賢護經  
講記**

**Chủ giảng: Pháp sư Từ Pháp**

**Địa điểm: Hằng Dương Am núi Kê Túc, tỉnh Vân Nam**

**Thời gian: Từ 08 tháng Tám đến 04 tháng Chín năm 2006**

**Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa**

**Giảo duyệt: Đức Phong và Huệ Trang**

# NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

*(Trang trống)*





*Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2*

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh  
giảng ký 2**

**大方等大集賢護經講記**

**慈法法師**

Chủ giảng: Pháp sư Từ Pháp

Địa điểm: Hằng Dương Am núi Kê Túc, tỉnh Vân Nam

Thời gian: Từ 08 tháng Tám đến 04 tháng Chín năm 2006

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo duyệt: Đức Phong và Huệ Trang

*11. Phẩm thứ bảy: Giới Hạnh Cụ Túc*

*(Kinh) Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Phần Giới Hạnh Cụ Túc phẩm đệ thất.*

**(經)大方等大集賢護分戒行具足品第七。**

*(Kinh: Kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Phần. Phẩm thứ bảy: Giới Hạnh Đầy Đủ).*

Đức Thế Tôn do nương theo giáo pháp mà xuất hiện trong cõi đời, dùng văn tự làm phương tiện truyền đạt, dùng mười hai bộ loại trong Tam Tạng để lợi ích rộng khắp hữu tình vào thời Mạt Pháp. Các thiện tri thức nương theo giáo ngôn văn tự để tùy văn nhập quán, tiêu các nghiệp tướng, thấu hiểu tâm trí, thật là thuận tiện. Đức Thế Tôn tại các địa điểm bất đồng, thuận theo nhân duyên bất đồng, ở trong hàng Thanh Văn, hoặc Bồ Tát, trưởng giả, vương giả, Bà La Môn, đủ loại chúng sanh, đối với mỗi loại, đều tuyên giảng, giáo hóa. Về sau, tôn giả Ma Ha Ca Diếp và các bậc thiện xảo hội tập kinh điển, như Thanh Văn Thượng Tọa Bộ kết tập kinh điển tại Thất Diệp Quật (Saptaparni Guha)<sup>1</sup>, và cũng có Đại Chúng Bộ, cho đến các vị Bồ Tát thuộc các địa vị đều cùng lúc vân tập, ghi lại các thứ kinh điển do đức Phật đã tuyên thuyết, truyền bá cho đời

---

<sup>1</sup> Thất Diệp Quật là cái hang cách thành Vương Xá (nay là thành phố Rajgir, tiểu bang Bihar) chừng hai cây số. Trước khi nhập Niết Bàn, đức Phật đã ngự ở đây một thời gian. Ở nơi đó, Tam Tạng kinh điển được kết tập lần đầu do ngài A Nan trùng tuyên kinh tạng, và ngài Ưu Ba Ly trùng tuyên Luật Tạng.

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

sau, khiến cho hữu tình hữu duyên trong thế gian do gặp gỡ kinh điển mà được độ thoát. Đây gọi là “*dùng mười hai bộ loại trong Tam Tạng để hóa độ hữu tình*”. Chúng ta hữu duyên, gặp được diệu điển rất sâu này, dùng nó làm pháp tắc để nương theo pháp hành trì, ắt sẽ đạt được thành tựu.

Chúng ta thấy thứ tự tiếp nối trong bộ kinh này: Trước hết là khiến cho chúng ta có chánh tư duy. Thông qua chánh tư duy, khiến cho chúng ta sanh khởi chánh tín, thọ trì, quan sát. Hiện thời, [trong phẩm này] bèn tuyên nói giới hạnh trọn đủ. Mỗi phẩm đều hướng dẫn tăng thượng, không gì chẳng nhằm hướng dẫn chúng ta thoát khỏi tướng Dị Thục Quả của chính mình từ vô thủy đến nay, thành tựu một pháp tắc vô ngã và vô úy. Các lời dạy của đức Thế Tôn đều vì khiến cho chúng ta đạt được phương tiện đại tự tại, hoặc có thể nói là thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Như thế chính là chánh nhân xuất thế duy nhất của chư Phật Thế Tôn: “*Khiến cho chúng sanh khai thị ngộ nhập tri kiến của Phật, thành tựu đạo nghiệp thanh tịnh*”. Mười phương chư Phật, không vị nào chẳng dùng nguyện này để xuất thế. Hàng Phật tử chúng ta chớ có kiến giải nghi hoặc đối với điều này, hãy tùy thuận lời dạy của đức Phật, làm đệ tử chân thật của đức Phật, chánh hành Phật pháp.

***(Kinh) Nhĩ thời, Hiền Hộ Bồ Tát phục bạch Phật ngôn: - Hy hữu Thế Tôn!***

**(經)爾時，賢護菩薩復白佛言：「希有世尊！」**

***(Kinh: Lúc bấy giờ, Hiền Hộ Bồ Tát lại bạch cùng đức Phật rằng: - Đức Thế Tôn hy hữu).***

Thế Tôn quả thật là hy hữu trong thế gian. Như Lai trọn đủ mười hiệu, tức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thế, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Mười hiệu như thế do Như Lai đã từ nhiều kiếp lâu xa tới nay siêng khổ tu trì, nhất tâm tu trì công đức và lợi ích chân thật, được mười phương chư Phật thanh tịnh lần lượt thọ ký, lần lượt truyền đạt, lần lượt chấp nhận pháp tắc thanh tịnh, trọn chẳng phải là hư huyền, trống rỗng, cũng chẳng phải là tự tánh bản sông hư huyền. Người học Phật trong hiện thời phần nhiều đàm luận Phật tánh, tự tánh, nhưng công đức nơi mười hiệu của Như Lai do thật sự nương vào hai pháp Tu Đức và Tánh Đức mà trọn đủ, cũng là phước huệ trọn đủ, chẳng phải là lời lẽ

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

phù phiếm. Hữu tình trong thời Mạt Pháp rất nhiều kẻ học vẹt, rất hiếm người thật sự hành trì. Vì thế, phần nhiều chẳng trọn đủ phước huệ, chẳng trọn đủ thiện xảo!

Chúng ta nên thủ hộ pháp tắc ấy như thế nào? Cần phải có một cơ chế như thế này, tức là nghe pháp tu trì, nghe pháp bèn chánh hạnh. Nghe pháp rồi đích thân chứng nhập. Nghe pháp rồi thủ hộ, truyền bá. Nếu chẳng có ngôn giáo để có thể y chỉ, khó thể chánh tín pháp này, khó thể tu tập! Đối với pháp này, có nhiều kẻ nghi báng; người có thể sanh chánh tín, yêu mến thì thật là chẳng thể nghĩ bàn! Cũng có kẻ nghi báng, nhưng vì có các vị thiện tri thức siêng khổ tu tập, cho đến đúng pháp mà tu tập, hoặc liên tục truyền đạt các thứ pháp ích, họ (kẻ nghi báng ấy) dần dần sanh khởi sự ngưỡng mộ và yêu thích đối với pháp này. Chúng ta có thể nương theo kinh điển để tu tập, xác thực là chánh hạnh, chánh đạo. Các vị thiện tri thức nếu chỉ thật sự hướng đến pháp tắc này, sẽ nương theo kinh điển để hành trì, dần dần thâm nhập, ắt sẽ có thể đích thân chứng pháp ích chẳng thể nghĩ bàn của Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội.

*(Kinh) Nãi hữu như tư tối thắng tam-muội. Thế Tôn! Nhược chư Bồ Tát xả gia, xuất gia, thâm tâm nhạo dục thuyết thử tam-muội, diệc đương tư duy thử tam-muội giả, bỉ đẳng ưng đương an trụ hà pháp, nhi năng tuyên thuyết, cập tư duy da?*

**(經)乃有如斯最勝三昧。世尊！若諸菩薩舍家出家，深心樂欲說此三昧，亦當思惟此三昧者，彼等應當安住何法，而能宣說及思惟耶？」**

*(Kinh: Bèn có tam-muội tối thắng như thế. Bạch Thế Tôn! Nếu các Bồ Tát bỏ nhà xuất gia, thâm tâm ưa thích muốn nói tam-muội này, cũng sẽ tư duy tam-muội này, họ nên an trụ trong pháp nào để có thể tuyên nói và tư duy?)*

Hiền Hộ Bồ Tát thay cho hàng đại chúng xuất gia đặt ra câu hỏi này. Vì lẽ nào? Hết thấy hữu tình trong thời Mạt Pháp chẳng khéo khai giáo, mà cũng chẳng có người khéo khai giáo! Cũng chẳng có người khéo hỏi, khéo đáp, nhằm thuận tiện truyền lại giáo pháp, cho nên Ngài thay mặt hữu tình khai vấn, khiến cho chúng ta quen thuộc, tư duy, tu tập.

*(Kinh) Phật cáo Hiền Hộ ngôn: - Hiền Hộ! Nhược hữu Bồ Tát xả gia, xuất gia, thâm nhạo quảng tuyên, phục dục tư duy như thị tam-muội giả.*

**(經)佛告賢護言：「賢護！若有菩薩舍家出家，深樂廣宣，復欲思惟如是三昧者。**

*(Kinh: Đức Phật bảo ngài Hiền Hộ rằng: - Nay Hiền Hộ! Nếu có Bồ Tát bỏ nhà xuất gia, thích rộng tuyên nói sâu xa, lại muốn tư duy tam-muội như thế).*

Chúng ta nhất định phải chú ý một ngôn từ: “*Tư duy như thị tam-muội*” (Tư duy tam-muội như thế). Kinh Hiền Hộ nhắc đi nhắc lại chúng ta phải tư duy tam-muội này như thế nào!

*(Kinh) Bĩ xuất gia Bồ Tát, đương tiên hộ trì thanh tịnh giới hạnh, bất khuyết giới hạnh, bất nhiễm giới hạnh, bất ô giới hạnh, bất trước giới hạnh, bất trước giới hạnh, bất động giới hạnh, bất bị ha giới hạnh, trí giả sở tán giới hạnh, thánh sở ái kính giới hạnh. Ứng đương niệm trì như thị chư giới dã.*

**(經)彼出家菩薩，當先護持清淨戒行，不缺戒行，不染戒行，不污戒行，不濁戒行，不著戒行，不動戒行，不被呵戒行，智者所贊戒行，聖所愛敬戒行。應當念知如是諸戒也。**

*(Kinh: Vị xuất gia Bồ Tát ấy trước hết hãy nên hộ trì giới hạnh thanh tịnh, giới hạnh chẳng khuyết, giới hạnh chẳng nhuốm bẩn, giới hạnh chẳng ô uế, giới hạnh chẳng nhờn bẩn, giới hạnh chẳng chấp trước, giới hạnh bất động, giới hạnh chẳng bị quở trách, giới hạnh được người trí khen ngợi, giới hạnh được bậc thánh kính yêu. Hãy nên nghĩ biết các giới như thế).*

“*Hộ trì thanh tịnh giới hạnh*” (Hộ trì giới hạnh thanh tịnh): “*Thanh tịnh*” là dùng vô lậu giới thể để lợi ích rộng khắp thế gian, thủ hộ thanh tịnh. Vì thế, trong Tam Tụ Giới, mỗi tụ đều có diệu dụng riêng.



## ***Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

Chư Phật Như Lai nói giới có ba tụ: Biểu hiện nơi oai nghi (Nhiếp Luật Nghi Giới) thì phần nhiều được Thanh Văn thủ hộ; biểu hiện nơi thiện pháp (Nhiếp Thiện Pháp Giới) thì Bồ Tát hành pháp phần nhiều mến chuộng; hạnh lợi tha lợi ích rộng khắp chúng sanh (Nhiều Ích Hữu Tình Giới) là pháp tối thượng thừa, phần nhiều do những người trong cõi đời hiện thời được gọi là “*hành pháp Kim Cang Thừa*” thủ hộ. Tam Tụ Tịnh Giới thật ra là do một giới hiển lộ, do một pháp tạo thành, tức là giới pháp thanh tịnh do chư Phật truyền trao. Đương nhiên, xuất gia hay tại gia, mỗi hạng người sẽ có giới tướng biểu hiện riêng.

Thanh Văn hiển hiện pháp thuần bạch qua bốn oai nghi, tức là đi, đứng, nằm, ngồi, chẳng lia tâm trí vô lậu, chẳng tạo, chẳng tác, thủ hộ tịch diệt, coi tịch diệt là vui. Vì thế, trong pháp Thanh Văn, “*tịch diệt là vui*” chính là thủ hộ tăng thượng, đích thân chứng đoạn diệt, cho đến đích thân chứng chân thật. Đó chính là cái được gọi là “*chứng A La Hán quả, xa lìa hậu hữu (thân trong đời sau), trụ trong hai loại Niết Bàn là Hữu Dur và Vô Dur*”. Thừa này tịnh hóa thế gian, cho đến khiến cho chánh pháp có hình tướng trụ thế, biểu hiện trong bốn oai nghi. Vì thế, [pháp Thanh Văn Thừa] là pháp Thật Hữu. Trong giới hạnh của Bồ Tát, phần nhiều là diệu dụng của trí huệ trong Như Huyền Quán. Do đó, đối với tâm trí động niệm, đều dùng Bồ Đề tâm để huân tu, phần nhiều vận dụng rộng rãi nơi tâm trí, thuần thiện thế gian, để khiến cho chúng sanh liễu giải tâm trí. Từ vấn đề căn bản của tâm địa và tâm trí mà giải quyết hết thảy các pháp tác, từ huân tu tâm địa mà phát khởi diệu dụng rộng lớn. Đó là điều được nhiếp thọ trọn khắp bởi giới Bồ Tát, được nhiếp thọ bởi trí huệ môn, là điều được thiết lập và vận dụng bởi tâm niệm.

Bồ Tát giới và Thanh Văn giới tuy tên gọi khác nhau, nhưng xét theo nội dung, nếu là người có tâm Đại Thừa, tuy thọ giới Thanh Văn, vẫn có thể giữ giới Bồ Tát, có nhiều pháp thiện xảo. Nhưng cũng có khá nhiều kẻ tuy thủ hộ giới pháp Đại Thừa, nhưng tâm tánh yếu kém, phần nhiều lo tự lợi, giống hạnh của hàng “*hạ sĩ*” nói theo Tạng truyền Phật giáo. [Hạng căn tánh hạ sĩ] do sợ hãi luân hồi trong thế gian, bèn mong cầu xuất ly. Hạng hữu tình ấy tuy trì giới Bồ Tát, vẫn là cái tâm Thanh Văn. Trong cái tâm Thanh Văn ấy, đối với giới Bồ Tát, vẫn phần nhiều là hiển lộ oai nghi, phần nhiều ưa thích thể hiện oai nghi trong “*đi, đứng, nằm, ngồi*”. Nếu đã yêu thích trọn đủ oai nghi, thì cũng sẽ có tâm địa thủ hộ, người ấy chẳng thể nghĩ bàn, là người thông đạt Nhị Thừa. Người trọn đủ hai pháp Bồ Tát và Thanh Văn chính là bậc thiện xảo chẳng thể nghĩ bàn, có thể khiến cho chánh pháp trụ thế, truyền bá. Truyền bá thì

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

phần nhiều là thể hiện đức hạnh của bậc Bồ Tát. “*Trụ trì*” là an trụ trong giới đức thanh tịnh, thủ hộ bốn oai nghi. Vì thế, trụ thế và truyền bá, mỗi sự đều có diệu tướng. Trụ trì là có nhiều môn Thiền Định, hoằng truyền thì phần nhiều là dùng trí huệ để truyền đạt. Vì thế, Bồ Tát phần nhiều thủ hộ trí huệ, ít chú trọng Thiền Định. Các vị Thanh Văn thì phần nhiều chuộng Thiền Định, ít có diệu dụng trí huệ, nhưng đây chỉ là nói theo sự thiên trọng nơi các tướng.

Nếu dựa theo tâm tánh để nói, hết thảy chúng sanh vốn là Phật. Nói theo giáo ngôn thuộc về quả địa, như Thiền Tông Trung Hoa, cho đến trong giáo pháp về Như Lai Tạng Tánh, phần nhiều tuyên thuyết giáo pháp như thế. Dùng sự giác ngộ nơi quả địa để xem xét thế gian, [sẽ thấy] chẳng có một pháp nào để có thể thành, chẳng có một chúng sanh để có thể độ, cho đến chẳng có một phiền não nào để có thể đoạn. Tự tánh vốn quang minh, chẳng đắm nhiễm, nhưng dựa trên sự thủ hộ thanh tịnh của pháp cội nguồn, ngay trong hiện tiền bèn giải thoát rành rành, rất ráo chẳng vướng mắc, tâm trí giống hệt như nhau. Như giáo ngôn thuộc về quả địa trong pháp môn Tịnh Độ, nương theo nguyện lực của Phật, dùng sự giác ngộ nơi quả địa làm cái tâm trong khi tu nhân, hiện tiền khởi tác dụng, chẳng nhờ vào phương tiện, xa lìa tạo tác, chỉ tùy thuận Phật quả, chỉ tùy thuận Phật nguyện, cho nên thủ hộ thanh tịnh bình đẳng, yêu thích hết thảy hữu tình trong thế gian, cùng sanh về viên mãn báo độ A Nậu Đa La. Cái được gọi là “*viên mãn báo độ*” chẳng nhờ vào đến, đi, chẳng nhờ vào tu trì, do sức công đức của Phật mà thành tựu, do Tánh Đức và Tu Đức của Phật cùng lúc trọn đủ hồi thí, là pháp giống hệt như ông trưởng giả để lại gia sản cho con [trong kinh Pháp Hoa], chẳng nhờ vào phương tiện, tự nhiên trọn đủ. Đó là giáo pháp được hồi thí từ quả địa.

Trong giới pháp tam thừa, giáo pháp cuối cùng dùng thế nguyện để thủ hộ, như giáo ngôn Tịnh Độ dùng thế nguyện của A Di Đà Phật để nhiếp hóa mười phương hữu tình, khiến cho họ tùy thuận Phật nguyện mà được giải thoát. Đây là dùng tam-muội-da giới làm công đức chân thật, dùng chuyện lợi ích rộng khắp hữu tình làm giới pháp. Vì thế, trong tam tụ giới có Nhiều Ích Hữu Tình Giới. Có nhiều người niệm Phật lấy Phật nguyện làm sanh mạng của chính mình, người như thế thật sự là người thủ hộ tam-muội-da. Người ấy có thể yêu mến thế gian, chẳng xả hết thảy chúng sanh khổ não, hồi hướng làm đầu. “*Đầu*” là như thế nào? Tức là chọn lựa một pháp tác thanh tịnh như thế hòng làm cho hết thảy chúng sanh thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề ngay trong

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

thân hiện tại. Chuyện chẳng thể nghĩ bàn rất sâu như thế chỉ có Phật và Phật mới có thể đích thân tuyên nói, hết thấy hữu tình tùy thuận lời tuyên giảng của đức Phật mà đạt được công đức và lợi ích, và cũng có thể tiến nhập pháp thiện xảo ấy!

Đối với Tam Tụ Tịnh Giới trên đây, kinh nói “*trì thanh tịnh giới hạnh*” (giữ giới hạnh thanh tịnh) ngụ ý nói đến Tam Tụ Giới ấy. Kế đó, “*bất khuyết giới hạnh*”, “*bất nhiễm giới hạnh*”, “*bất ô giới hạnh*” v.v... chính là nói theo kiểu chia chẻ giới hạnh tỉ mỉ, vì đối với mỗi điều giới đều nói lớn, nhỏ, nặng, nhẹ, và cũng nói thông thả hay cấp bách. [Để hiểu rõ những điều ấy], chẳng thể chỉ tốn công một ngày là được. Do thời gian hạn chế, chúng ta có thể học tập sau này. Ở đây, chỉ nghe danh tướng thì cũng là phương tiện.

Ở chỗ này, nhắc đến giới pháp tam thừa cũng là vì muốn khiến cho mọi người liễu giải Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội, sẽ thật sự thủ hộ sự tu trì thế nguyện. Nếu chúng ta chẳng thủ hộ thế nguyện, mà muốn nhập pháp tắc như vậy, muốn đạt được lợi ích như vậy, muốn khiến cho mười phương chư Phật thấy đều hiện tiền, muốn đối diện chư Phật để nghe pháp, muốn cho tâm trí tâm khai ý giải, sẽ không thể thành tựu được! Vì [những điều] muốn “*khiến cho*” như thế, quả thật là điều mà tam-muội cùng thủ hộ. Tam-muội do gì mà được thành tựu? Nương theo thế nguyện để an lập căn bản. Vì thế có cái được gọi là “*tam-muội-da thế nguyện*”. Đối với điều này, có nhiều chúng sanh tuy tu pháp mà chẳng biết!

Do vậy, tam-muội cũng được dẫn phát từ sự thủ hộ giới luật. Vì thế, tỳ-kheo thọ giới phải nên lập thế nguyện. Bồ Tát thọ giới cũng nên lập thế nguyện. Thế nguyện tam-muội-da giới lợi lạc trọn khắp hữu tình bất quá chỉ là danh xưng đơn giản đó thôi. Tuy là như thế, vẫn lập thế nguyện. Chúng ta muốn đạt được công đức và lợi ích chẳng thể nghĩ bàn của Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền thì cũng phải nên thủ hộ thế nguyện. “*Thanh tịnh giới hạnh*” cũng lại giống như thế!

***(Kinh) Hiền Hộ! Bĩ xuất gia Bồ Tát vân hà đương đắc thanh tịnh giới hạnh? Nãi chí vân hà đương đắc thánh sở ái kính giới hạnh dã? Hiền Hộ! Bĩ xuất gia Bồ Tát ưng đương y bĩ Ba La Đề Mộc Xoa, thành tựu oai nghi, thành tựu chúng hạnh, nãi chí thành tựu vi trần số đẳng giới hạnh.***

**(經)賢護！彼出家菩薩云何當得清淨戒行？乃至云何當得聖所愛敬戒行也？賢護！彼出家菩薩應當依彼波羅提木叉，成就威儀，成就衆行，乃至成就微塵數等戒行。**

*(Kinh: Nay Hiền Hộ! Vị xuất gia Bồ Tát ấy như thế nào thì sẽ đạt được giới hạnh thanh tịnh? Cho đến như thế nào thì sẽ đắc giới hạnh được bậc thánh kính yêu? Nay Hiền Hộ! Vị xuất gia Bồ Tát ấy hãy nên nương theo Ba La Đề Mộc Xoa để thành tựu oai nghi, thành tựu các hạnh, cho đến thành tựu các giới hạnh số lượng nhiều như vi trần).*

Ba La Đề Mộc Xoa (Prātimokṣa) được nhắc tới ở đây chính là Bảo Giải Thoát Giới (保解脫戒, giới bảo vệ sự giải thoát). Trong Thanh Văn Thừa, Ba La Đề Mộc Xoa rất trân quý, được hàng Thanh Văn thủ hộ, được người có cuộc sống trọn đủ các thứ phước đức thù thắng trong cuộc đời lâm tỳ vết [trên thế gian này] thủ hộ. Trong quá khứ, bậc xuất gia sa-môn rất khó có, vì sao? Phải vượt qua đủ mọi thứ ngăn trở thì mới có thể tiến nhập pháp tắc xuất gia, lãnh thọ giới giáo thanh tịnh của hàng xuất gia. Cho đến thủ hộ đủ loại oai nghi, tức cái được gọi là “*giáo ngôn Ba La Đề Mộc Xoa*”. Ba La Đề Mộc Xoa là tiếng Phạn, dịch sang tiếng Hán là Các Cá Bảo Giải Thoát (các điều bảo vệ sự giải thoát), chính là giáo ngôn thanh tịnh trân bảo do đức Thế Tôn ban cho hàng xuất gia, mà cũng là giáo ngôn bí mật, khiến cho hết thầy người xuất gia biết lý do, biết duyên do, biết cái nhân gây nên phạm giới, biết cái quả do phạm giới, biết nhân, biết quả, biết sự chuyên đổi giữa nhân và quả. Vì thế, biết là phạm giới bèn biết sám hối. Công đức và nội dung của Ba La Đề Mộc Xoa chỉ có Phật và Phật mới đích thân biết; bởi lẽ, nó do đức Phật đích thân chế định, do đức Phật đích thân tuyên nói, được hết thầy hàng xuất gia yêu thích, thủ hộ. Ba La Đề Mộc Xoa rất sâu, chẳng thể nghĩ bàn! Nếu ai siêng gắng, sốt sắng thủ hộ, tu tập, người ấy sẽ là tròng mắt của trời, người, là người đáng được tam giới cúng dường.

“*Thành tựu oai nghi, thành tựu chúng hạnh*” (Thành tựu oai nghi, thành tựu các hạnh): “*Oai nghi*” thuộc vào trong Oai Nghi Giới, được biểu hiện qua bảy chi nơi thân và miệng. “*Chúng hạnh*” (Các hạnh) thuộc về Thiện Pháp Giới, tức là thiện pháp ứng trong hết thầy mọi nơi, tịnh hóa thế gian.

“*Nãi chí thành tựu vi trần số đẳng giới hạnh*” (Cho đến thành tựu các giới hạnh có số lượng nhiều như vi trần): Giới hạnh ấy chính là giới

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

hạnh trọn khắp. Nếu có các vị xuất gia Bồ Tát thọ nhận giới pháp thanh tịnh, đạt được giới thể thanh tịnh, trọn khắp hết thảy mọi nơi chẳng giết, chẳng trộm, chẳng nói dối, chẳng dâm, chẳng uống rượu, cho đến trong các thứ pháp tắc mà đều thủ hộ mỗi pháp tắc, chẳng rối loạn lẫn nhau, chân thật chẳng dối. Đó là giới đức thanh tịnh.

***(Kinh) Kiến dĩ kinh bố, thanh tịnh hoạt mạng. Ư chư giới trung, đương niệm thành tựu.***

**(經)見已驚怖，清淨活命。於諸戒中，當念成就。**

*(Kinh: Thấy rồi kinh sợ, sống đời thanh tịnh. Trong các giới sẽ mong thành tựu).*

Giới là căn bản của Vô Thượng Bồ Đề. Tuy mỗi thừa trong tam thừa đều thủ hộ, chẳng làm loạn lẫn nhau, nhưng chẳng thể đánh mất cái gốc “*tạo lợi ích rộng lớn cho chúng sanh*”. Đối với Giới, phải nên dấy lòng thủ hộ, yêu thích thủ hộ. Nếu buông lung thì sẽ là phá giới. Nếu đã buông lung, chính là đã nhuốm bản giới, làm ô uest giới. Vì sao? Nó sẽ nhanh chóng khiến cho giới đức tán hoại, giới thể phần nhiều bị ô nhiễm, phần nhiều chẳng được thể gian yêu chuộng, chẳng thể khiến cho chánh pháp trụ thế. Tỳ Ni (Vinaya, giới luật) có thể trụ thế, tức là Phật pháp trụ thế. Vì vậy, đức Thế Tôn căn dặn hữu tình trong thế gian: “*Sau khi ta diệt độ, hãy lấy Giới làm thầy*”.

***(Kinh) Ứng tín thậm thâm bất đắc trước Nhân. Ư Không, vô tướng, vô nguyện chư pháp trung, văn thuyết chi thời, tâm bất kinh sợ, vô hữu hối hận.***

**(經)應信甚深不得着忍。於空無相無願諸法中，聞說之時，心不驚怖，無有悔沒。**

*(Kinh: Hãy nên tin rất sâu, đừng chấp trước Nhân. Đối với các pháp Không, Vô Tướng, Vô Nguyện, khi nghe nói, tâm chẳng kinh sợ, chẳng hối hận, lui sụt).*

Đối với ba pháp tắc thuộc về Tam Giải Thoát là Không, Vô Tướng, Vô Nguyện, đều rất ráo yêu mến. “*Không*” là hết thảy các pháp tắc thế gian và pháp tắc xuất thế gian đều rất cuộc là chẳng có gì để có thể đạt được, vì bản tánh của chúng là Không. Do nhận biết bản tánh vốn là Không, tự nhiên lìa bỏ hết thảy các nguyện, cho nên hết thảy thế gian

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2**

hay xuất thế gian, hết thảy phương tiện thiện xảo đồng thời tán hoại. Vì sao tán hoại? Do vốn chẳng tạo tác.

Từ trong Không, Vô Tướng, Vô Nguyên mà an trụ thanh tịnh. Đó là đạt được thành tựu trong giải thoát môn. Các vị sa-môn xuất gia ắt phải nên thủ hộ pháp giải thoát môn. Nếu không, ắt sẽ bị nhiều thứ phiền não xâm hại.

*(Kinh) Hiền Hộ! Dĩ thị nhân duyên, bỉ xuất gia Bồ Tát thành tựu như thị thanh tịnh giới hạnh, bất kiến giới hạnh, bất trước giới hạnh, nãi chí thành tựu thánh sở ái kính giới hạnh dã.*

**(經)賢護！以是因緣，彼出家菩薩成就如是清淨戒行，不見戒行，不著戒行，乃至成就聖所愛敬戒行也。」**

*(Kinh: Nay Hiền Hộ! Do nhân duyên ấy, vị xuất gia Bồ Tát ấy thành tựu giới hạnh thanh tịnh, giới hạnh chẳng thấy, giới hạnh chẳng chấp trước, cho đến thành tựu giới hạnh được bậc thánh yêu kính như thế).*

Khi hết thảy Bồ Tát trì giới, chẳng thấy giới, chẳng thấy trì giới, chẳng thấy phạm giới, trong lúc như thế, quang minh nơi tâm cảnh và vô lậu giới thể chân thật an trụ, vô trước giới thể thật sự thành tựu, vô vi giới thể chân thật lợi ích thế gian. Như thế thì các thứ giới pháp thanh tịnh chẳng có người trì, chẳng có kẻ phạm, thủ hộ thanh tịnh, trì giới thanh tịnh. Trì giới thanh tịnh là chẳng có tri kiến chính mình đang phạm giới hay trì giới. Vì thế, tôn trọng hết thảy, đối với người trì giới chẳng kính, đối với kẻ phạm giới chẳng sân. Thủ hộ giới pháp chân thật như thế, khiến cho chánh pháp trụ thế, tịnh hóa thế gian.

Có nhiều chúng sanh dùng cái tâm yêu ghét để trì giới, dùng cái tâm ô nhiễm để trì giới, dùng cái tâm “hữu sở đắc” (có điều gì đó để đạt được) để trì giới. Đó chính là phạm giới. Trong phần văn tự ở phía sau, đức Thế Tôn đã có tuyên thuyết thanh tịnh. Vì sao tư duy của hết thảy phạm phu chẳng tương ứng với tư duy của đức Thế Tôn? Vì cái tâm của chúng sanh đắm nhiễm. Thấy các giới hạnh, các giới hạnh ô trược, các giới hạnh bại hoại, các giới hạnh nhuốm bần, bèn cho là ta có giới để trì, cho là kẻ khác phạm giới. Loại hữu tình ấy phần nhiều sẽ tu trì và huân tập theo kiểu “khen mình, báng người”, sẽ mắc hại. Vì sao? Do tâm kiêu mạn, do tâm ô nhiễm, do tâm bất tịnh, do tâm hữu lậu, do tâm có nhiều

đôi đũa, do tâm trí sanh diệt. Chư Phật Như Lai tuyên nói giáo hóa thanh tịnh, giới đức thanh tịnh, thị hiện thanh tịnh cho hết thảy chúng sanh, xa lìa đôi đũa.

*(Kinh) Nhĩ thời, Hiền Hộ Bồ Tát phục bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Bĩ xuất gia Bồ Tát, vân hà đắc hữu như thị bất thanh tịnh giới hạnh, khuyết giới hạnh, nhiễm trước giới hạnh, ô giới hạnh, y y giới hạnh, trí sở ha hủy giới hạnh, thánh sở bất ái giới hạnh dã?*

**(經)爾時，賢護菩薩復白佛言：「世尊！彼出家菩薩，云何得有如是不清淨戒行，缺戒行，染著戒行，污戒行，依倚戒行，智所訶毀戒行，聖所不愛戒行也？」**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, Hiền Hộ Bồ Tát lại bạch cùng đức Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Vì sao vị xuất gia Bồ Tát ấy có giới hạnh chẳng thanh tịnh, giới hạnh thiếu khuyết, giới hạnh đắm nhiễm, giới hạnh ô uế, giới hạnh dựa dẫm, giới hạnh bị bậc trí quở trách, chê bai, giới hạnh chẳng được bậc thánh mến chuộng như thế?)*

Hiền Hộ Bồ Tát vì muốn hộ trì Phật pháp trụ thế, muốn thay cho các vị thiện tri thức xuất gia trong thời Mạt Pháp thừa hỏi các pháp tắc, khiến cho hết thảy hàng xuất gia sẽ thủ hộ giới pháp thanh tịnh, cho nên đặt ra câu hỏi này.

*(Kinh) Phật cáo Hiền Hộ Bồ Tát ngôn: - Hiền Hộ! Nhược hữu xuất gia Bồ Tát thủ trước Sắc, thọ trì cấm giới, tu w phạm hạnh.*

**(經)佛告賢護菩薩言：「賢護！若有出家菩薩取著色，受持禁戒，修於梵行。**

*(Kinh: Đức Phật bảo Hiền Hộ Bồ Tát rằng: - Này Hiền Hộ! Nếu có xuất gia Bồ Tát chấp giữ Sắc, thọ trì cấm giới, tu tập phạm hạnh).*

Đôi với cái gọi là Sắc, dù phạm, hay chẳng phạm, dù thiện hay ác, dù đúng hay sai, dù tốt hay xấu, đủ thứ như thế đều là đối với pháp mà sanh khởi.

*(Kinh) Như thị thủ trước Thọ, thủ trước Tướng, thủ trước Hành, thủ trước Thức, thọ trì cấm giới, tu hành phạm hạnh. Tu hành dĩ, tác như thị niệm: “Ngã kim như thị trì giới, như thị khổ hạnh, như thị tu học, như thị phạm hạnh, nguyện ngã vị lai, đắc sanh thiên thượng, hoặc sanh nhân gian, tự tại hữu sanh, thọ chư quả báo”. Hiền Hộ! Dĩ thị nhân duyên, bỉ xuất gia Bồ Tát thành tựu như thị bất thanh tịnh giới, nãi chí thánh giả sở bất ái giới. Thị vị vi cầu hữu cố, vi hữu sanh cố, vi thọ dục quả cố, vi sanh xứ sở cố.*

**(經)如是取著受，取著想，取著行，取著識，受持禁戒，修行梵行。修行已，作如是念：「我今如是持戒，如是苦行，如是修學，如是梵行，願我未來，得生天上，或生人間，自在有生，受諸果報」。賢護！以是因緣，彼出家菩薩成就如是不清淨戒，乃至聖者所不愛戒。是謂爲求有故，爲有生故，爲受欲果故，爲生處所故。**

*(Kinh: Cháp giữ Thọ, cháp giữ Tướng, cháp giữ Hành, cháp giữ Thức như thế. Thọ trì cấm giới, tu hành phạm hạnh. Đã tu hành bèn nghĩ như thế này: “Ta nay trì giới như thế, khổ hạnh như thế, tu học như thế, phạm hạnh như thế, nguyện trong tương lai, ta được sanh lên trời, hoặc sanh trong nhân gian, tự tại tái sanh, thọ các quả báo”. Nay Hiền Hộ! Do nhân duyên ấy, vị xuất gia Bồ Tát ấy thành tựu giới chẳng thanh tịnh, cho đến giới chẳng được thánh nhân yêu mến như thế. Đó là vì cầu hậu hữu (thân trong đời sau), vì có sanh, vì nhận lãnh cái quả trong cõi Dục, vì cầu chỗ sẽ sanh về).*

Trước đó, đã có các thứ đắm nhiễm ấy; sau đó, tất nhiên sẽ có các thứ phát tâm ấy. Do cái tâm đắm nhiễm ấy, ắt tạo nghiệp ấy. Tuy siêng ròng tu trì, nhưng vì cầu quả báo trong đời sau, đó chính là cái hạnh ô nhiễm. Xét theo giới pháp và giáo pháp nhà Phật, đây là kẻ phạm giới. Vì sao? Chư Phật Như Lai xuất thế, chẳng vì tăng trưởng mạnh mẽ thế gian, chẳng vì tổn giảm thế gian, chỉ vì khiến cho chúng sanh trong thế gian xuất ly thế gian, vì lợi ích thế gian. Nếu chúng ta dùng cái tâm thế tục để tư duy Phật pháp, sẽ có nhiều hạnh ô nhiễm, có hạnh muốn cầu thân thể trong đời sau. Nếu người trì giới tham cầu lợi ích do trì giới,



người tu khô hạnh tham cầu quả báo vui sướng trong đời vị lai, người như thế bị đức Thế Tôn gọi là “mâm cháy, hạt lép”, chẳng phải là bậc chánh hạnh!

*(Kinh) Hiền Hộ! Thị cố, bỉ xuất gia Bồ Tát niệm dục thuyết thử tam-muội, tư thử tam-muội giả, yếu đương tiên cụ thanh tịnh giới hạnh, nãi chí thành tựu thánh sở ái giới.*

**(經)賢護！是故，彼出家菩薩念欲說此三昧，思此三昧者，要當先具清淨戒行，乃至成就聖所愛戒。**

*(Kinh: Đây Hiền Hộ! Vì thế, vị xuất gia Bồ Tát ấy nghĩ muốn nói tam-muội này, suy nghĩ tam-muội này, trước hết, phải nên trọn đủ giới hạnh thanh tịnh, cho đến thành tựu giới được thánh nhân yêu mến).*

Kinh văn đã dùng hai hạnh đúng pháp và phi pháp để so sánh, khiến cho chúng ta chọn lựa hạnh như pháp, bỏ đi hạnh phi pháp.

*(Kinh) Diệc niệm thường hành Đản Ba La Mật, sở vị tối thắng thí, chư pháp thí, thượng thí, diệu thí, vi diệu thí, tinh diệu thí, vô thượng thí.*

**(經)亦念常行檀波羅蜜，所謂最勝施，諸法施，上施，妙施，微妙施，精妙施，無上施。**

*(Kinh: Cũng muốn thường hành Đản Ba La Mật, như là tối thắng thí, chư pháp thí, thượng thí, diệu thí, vi diệu thí, tinh diệu thí, vô thượng thí).*

“Tối thắng thí” là bố thí giáo ngôn Đệ Nhất Nghĩa Đệ thù thắng nhất. “Chư pháp thí” là đối với các hữu tình hữu duyên bèn tùy cơ thí pháp, khiến cho họ trừ các nghi hoặc, thành tựu Bồ Đề. “Thượng thí”, “diệu thí”, “vi diệu thí” chính là tặng thượng thí pháp, cho đến nói các giáo ngôn theo thứ tự, khiến cho chúng sanh rất ráo yêu mến. “Tinh diệu thí”, “vô thượng thí” nhằm dẫn dắt chúng sanh phát tâm Vô Thượng Bồ Đề. “Thí” là các loại giáo pháp hồi thí Vô Thượng Bồ Đề. Vì thế nói là hoặc dùng Tài Bố Thí để hướng dẫn chúng sanh, hoặc dùng Pháp Bố Thí để hướng dẫn chúng sanh, hoặc dùng Vô Úy Bố Thí để hướng dẫn chúng

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2**

sanh, mục đích duy nhất là muốn khiến cho chúng sanh thành tựu Vô Thượng Bồ Đề.

*(Kinh) Diệc thường dũng mãnh, tinh tấn bất hưu, bất xả trọng đả.*

**(經)亦常勇猛，精進不休，不捨重擔。**

*(Kinh: Cũng thường dũng mãnh, tinh tấn chẳng ngơi, chẳng bỏ gánh nặng).*

Hết thấy hiền thánh, người trí đã chứng đắc Bồ Đề tâm phần, Bồ Đề nghiệp phần, lìa bỏ gánh nặng. Cái được gọi là “gánh nặng” chính là gánh nặng luân hồi, gánh nặng phiền não. Ở đây, hiền thánh và người trí chia sẻ gánh nặng của chúng sanh, lợi ích rộng khắp hữu tình, dùng Đồng Sự để tu trì vì yêu mến hữu tình trong thế gian.

*(Kinh) Bất vong chánh niệm, thường hành nhất tâm, chánh tín thanh tịnh, vô hữu tật đố, bất trước thế gian lợi dưỡng, danh văn, như pháp sách cầu, dĩ tế hình mạng, hằng hành khát thực, bất thọ biệt thỉnh.*

**(經)不忘正念，常行一心，正信清淨，無有嫉妒，不着世間利養名聞，如法索求，以濟形命，恆行乞食，不受別請。**

*(Kinh: Chẳng quên chánh niệm, thường hành nhất tâm, chánh tín thanh tịnh, chẳng có ghen tỵ, chẳng chấp trước lợi dưỡng và tiếng tăm thế gian, đúng như pháp tìm cầu để duy trì thân mạng, luôn hành khát thực, chẳng nhận lời thỉnh riêng).*

Thờ đức Thế Tôn tại thế, có cho phép [các tỳ-kheo] nhận lời thỉnh cúng dường riêng, và có pháp Đầu Đà chẳng chấp nhận biệt thỉnh, như tôn giả Ca Diếp tùy thời khát thực, chẳng tiếp nhận biệt thỉnh.

*(Kinh) Yếm ly nhân gian, nhạo A Lan Nhã.*

**(經)厭離人間，樂阿蘭若。**

*(Kinh: Chán lìa nhân gian, thích chốn tịch tĩnh).*

Pháp chán lìa và pháp xuất ly tuy có sai biệt, nhưng chán lìa chính là thiện xảo và cơ sở để xuất ly. Nếu chẳng có cái tâm chán lìa và xuất ly, sẽ rất khó thành tựu. Nói “*xuất ly*” tức là chẳng đối đãi, xa lìa trần nhiễm của thế gian. Muốn thành tựu cái tâm xuất ly ấy thì chán lìa chính là phương tiện.

*(Kinh) Tôn sùng thánh chủng, kính sự Đầu Đà, tức thể ngữ ngôn, dẫn luận xuất thế, xử chúng tĩnh mặc, giả ngôn bất đa, thường kính u tha, bất cảm khinh mạn.*

**(經)尊崇聖種，敬事頭陀，息世語言，但論出世，處衆靜默，假言不多，常敬於他，不敢輕慢。**

*(Kinh: Tôn sùng dòng thánh, vâng giữ hạnh Đầu Đà, dứt bất ngôn luận thế gian, chỉ luận đàm xuất thế, ở trong đại chúng mà yên lặng, ít nói, kiệm lời, thường kính trọng người khác, chẳng dám khinh mạn).*

Những điều này đều thật sự khiến cho chúng ta đúng như thật quán chiếu hành vi của chính mình, là giáo pháp trực tiếp nhất để kiểm điểm hành vi của chính mình.

*(Kinh) U nhất thiết thời, thường hành tâm quý.*

**(經)於一切時，常行慚愧。**

*(Kinh: Trong hết thảy các thời, thường giữ lòng hổ thẹn).*

Chúng ta đều biết: Trong Tùy Phiền Não thì Vô Tàm, Vô Quý, Phóng Dật, và Giải Đãi là thượng phẩm Tùy Phiền Não. Hữu tình trong đời Mạt Pháp phần nhiều chẳng hổ thẹn, đối với pháp tánh phần nhiều có giải ngộ, bèn ngỡ là đã chứng. Vì thế, đối với giáo ngôn của Như Lai, bèn dùng kiến giải của chính mình, phần nhiều tạo thành tà kiến, tà tri. Thật ra là kiêu mạn, chẳng hiểu biết gì!

*(Kinh) Hữu ân tất tri, tri ân tất báo.*

**(經)有恩必知，知恩必報。**

*(Kinh: Có ân ắt biết, biết ân ắt báo).*

Trên báo bốn trọng ân, hết thầy chúng xuất gia đều được bốn trọng ân thâm nhiếp. Đức Phật dạy bảo chúng ta, cho nên có Phật ân. Sư trưởng dạy bảo chúng ta, bèn có ân sư trưởng. Quốc độ chuyên chở chúng ta, cho nên có ân chuyên chở. Đối với các loại ân, hễ đã biết, sẽ chẳng thể quên: Hết thầy đàn-na hữu tình (thí chủ) như mẹ, dưỡng dục chúng ta. Chúng ta “*tri ân tất báo*” (biết ân, ắt báo) như thế nào?

*(Kinh) Ư thiện tri thức, thường niệm thân cận.*

**(經)於善知識，常念親近。**

*(Kinh: Đối với thiện tri thức, thường nghĩ thân cận).*

Chẳng giải đãi.

*(Kinh) Chư sư tôn sở, cẩn sự vô vi.*

**(經)諸師尊所，謹事無違。**

*(Kinh: Đối với các bậc sư tôn, kính cẩn phụng sự, chẳng trái nghịch).*

Hàng xuất gia đối với chỗ thọ giáo phải nên cẩn thận, chớ nên chống trái. Thật sự là rèn luyện cái tâm cung kính và tâm cảm ơn của chính mình. Ở đây, chỉ có sự Tự Thọ Dụng được hiển hiện, các duyên khác chỉ là trợ duyên. Cho nên hết thầy thiện tri thức là tăng thượng trợ duyên.

*(Kinh) Nhược văn như thị thậm thâm kinh điển, chuyên tâm thính thọ, chung vô bì yếm. Ư pháp sư sở, khởi từ phụ tâm, thiện tri thức tâm, nãi chí sanh ư chư Như Lai tướng.*

**(經)若聞如是甚深經典，專心聽受，終無疲厭。於法師所，起慈父心，善知識心，乃至生於諸如來想。**

*(Kinh: Nếu nghe kinh điển rất sâu như thế, chuyên tâm nghe nhận, trọn chẳng mệt chán. Đối với pháp sư, khởi tâm tưởng như cha lành, tâm coi như thiện tri thức, cho đến sanh tâm coi họ như các đức Như Lai).*

Tương như thế chính là chánh tư duy thiện xảo. Trong giáo ngôn của đức Thế Tôn, nhất là trong kinh Địa Tạng, đã ghi chép khá nhiều câu chuyện: Có nhiều hữu tình trong thế tục vốn nhiều thiện căn, do gặp gỡ phàm phu Tăng mà thành tựu thánh quả, cũng có nghĩa là nhờ vào ngoại duyên, tuy [các vị tăng ấy] chẳng phải là thánh nhân, nhưng cũng có thể khiến cho họ thành tựu. Huống hồ được gặp vị thầy có thể nương theo pháp mà truyền đạt, nương theo pháp để trao đổi ư? Vì thế, nếu đối với thầy mà sanh tâm tưởng thầy như là Như Lai, quả thật là diệu dụng nơi tự thân.

*(Kinh) Dĩ vi như thị vi diệu pháp cố, thành tựu Vô Thượng Đại Bồ Đề cố, chuyển tăng ái kính, tôn trọng tâm cố.*

**(經)以爲如是微妙法故，成就無上大菩提故，轉增愛敬，尊重心故。**

*(Kinh: Do vì diệu pháp như thế, vì thành tựu Vô Thượng Đại Bồ Đề, vì càng tăng thêm lòng yêu kính, lòng tôn trọng).*

Cái tâm tôn trọng thật sự chẳng phải là quá khứ, hiện tại, vị lai, chẳng trong, chẳng ngoài, chẳng tự, chẳng tha, chỉ dựa theo cái tâm chân thật, cung kính, mà có thể cầu hết thấy các pháp, thành tựu hết thấy các thiện xảo. Vì thế, trong Câu Xá Luận, Thiên Thân Bồ Tát đã đề ra bốn pháp tu, tức là cung kính tu, vô gián tu (tu chẳng gián đoạn), vô nhiễm tu, tất mạng tu (畢命修, tu cho đến hết đời). Trong đó, cung kính tu chính là pháp tu hàng đầu, là pháp tắc trọng yếu đứng đầu. Nếu chúng ta chẳng biết cung kính, phần nhiều sẽ chẳng đạt được pháp ích, chẳng tăng trưởng thiện căn, tâm trí bế tắc. Hữu tình thời Mạt Pháp do ý thức cưỡng chấp, bế tắc, phần nhiều tự phụ là đã tự chứng, tự cho là đúng, cũng có lắm kẻ ngỡ mình là quý báu, xâm phạm lẫn nhau, húng chửi nhiều họa hại. Học Phật mà nếu chỉ tăng thêm tri kiến, kẻ đó sẽ đọa lạc vì chẳng có pháp hạnh. Chúng ta phải nương theo pháp để hành, chớ nên chỉ tăng thêm tri kiến. Như thế thì sẽ khéo đạt được pháp ích, khéo thủ hộ pháp tắc. Nhưng trong thời đại này, chúng ta trao đổi văn tự, trao đổi hình ảnh, trao đổi pháp tắc hết sức thuận tiện, nhưng kẻ nghe pháp rất nhiều, người hành trì thật ít! Kết quả là do đa văn mà tăng thượng mạn, do đa văn mà bế tắc tự tâm, do đa văn mà độc hại cả mình lẫn người, tức là nghe mà chẳng hành, dấu nghe mà chẳng biết, nghe xong tăng thêm tà

mạn. Nghe xong rồi dùng ý riêng để lý giải, tức là cho rằng kiến giải của chính mình là chánh xác, đâm ra bẻ tắc tự tâm, chẳng thể đắc vô ngại trí, đối với pháp tắc thanh tịnh, chẳng thể đích thân chứng đắc, tu tập. Vì thế, bị nhiều họa hại bởi tri kiến. Đó là công nghiệp của đời Mạt Pháp khiến thành ra như thế.

*(Kinh) Phục thứ Hiền Hộ! Nhược bỉ Bồ Tát hoặc thời chí u Thanh Văn nhân sở, văn thuyết như thị thậm thâm kinh pháp, bỉ pháp sư sở vô ái kính tâm, vô tôn trọng tâm, bất sanh từ phụ tướng, bất sanh thiện tri thức tướng, bất sanh chư Phật tướng, bất sanh giáo sư tướng, bất năng thân cận, thừa sự, cúng dường, tùy u hà sở, văn thị kinh điển. Đương tri thị nhân bất năng thính thọ, thư tả, giải thuyết, linh pháp cứu trụ. Như thị chi nhân, nhược năng thính thọ, nhược năng thư tả, nhược năng giải thuyết, linh pháp cứu trụ, vô hữu thị xứ!*

**(經)復次賢護！若彼菩薩或時至於聲聞人所，聞說如是甚深經法，彼法師所無愛敬心，無尊重心，不生慈父想，不生善知識想，不生諸佛想，不生教師想，不能親近承事供養，隨於何所，聞是經典。當知是人不能聽受，書寫解說，令法久住。如是之人，若能聽受，若能書寫，若能解說，令法久住，無有是處！**

*(Kinh: Lại này Hiền Hộ! Nếu vị Bồ Tát ấy hoặc có lúc đến chỗ của hàng Thanh Văn, nghe nói kinh pháp rất sâu như thế, đối với vị pháp sư ấy chẳng có tâm yêu kính, chẳng có tâm tôn trọng, chẳng sanh ý tướng như cha lành, chẳng tướng là thiện tri thức, chẳng sanh tâm tướng như chư Phật, chẳng sanh tâm tướng như thầy dạy, chẳng thể thân cận, thừa sự, cúng dường, ở nơi đó được nghe kinh điển ấy. Hãy nên biết người ấy chẳng thể nghe nhận, biên chép, giải nói, khiến cho pháp tồn tại lâu dài. Người như thế, nếu có thể nghe nhận, nếu có thể biên chép, nếu có thể giải nói, khiến cho pháp tồn tại lâu dài thì chẳng có lẽ ấy!)*

Ở đây, đức Thế Tôn đã nêu bày hai loại pháp hạnh: Một là phi pháp hạnh, hai là như pháp hạnh, để chúng ta quan sát, chọn lựa.

*(Kinh) Phục thứ Hiền Hộ! Nhược bỉ Bồ Tát hoặc phục chí u Thanh Văn nhân sở, văn thuyết như thị tăng thượng diệu pháp, bất sanh ái kính tâm, bất sanh tôn trọng tâm, nãi chí bất sanh chư Phật tướng, bất năng tận tâm thân cận, cúng dường giả, nhược năng đọc tụng, nhược năng thọ trì, nhược năng giải thuyết, linh thị kinh điển bất tốc diệt giả, vô hữu thị xứ! Hà dĩ cố? Dĩ bất tôn trọng thị kinh điển cố. Thị cố, tư pháp bất cứu tất diệt.*

**(經)復次賢護！若彼菩薩或復至於聲聞人所，聞說如是增上妙法，不生愛敬心，不生尊重心，乃至不生諸佛想，不能盡心親近供養者，若能讀誦，若能受持，若能解說，令是經典不速滅者，無有是處！何以故？以不尊重是經典故。是故，斯法不久必滅。**

*(Kinh: Lại này Hiền Hộ! Nếu Bồ Tát ấy lại đến chỗ của hàng Thanh Văn, nghe nói diệu pháp tăng thượng như thế, chẳng sanh tâm kính yêu, chẳng sanh tâm tôn trọng, cho đến chẳng sanh tâm tướng như Phật, chẳng thể trọn hết tâm lực thân cận, cúng dường, mà nếu có thể đọc tụng, nếu có thể thọ trì, nếu có thể giải nói, khiến cho kinh điển ấy chẳng bị mau chóng diệt mất, chẳng có lẽ ấy! Vì sao vậy? Do chẳng tôn trọng kinh điển ấy. Vì thế, pháp ấy chẳng lâu sau ắt bị diệt mất).*

Chúng ta là kẻ diệt pháp, hay là kẻ khiến cho pháp được lưu truyền lâu dài trong cõi đời? Hoàn toàn do chúng ta có thể nghe pháp chánh hành hay không? Tức là nghe pháp rồi bèn y pháp hành trì.

*(Kinh) Phục thứ Hiền Hộ! Nhược bỉ Bồ Tát hoặc phục chí u Thanh Văn nhân sở, văn thuyết như thị vi diệu kinh điển, sanh ái kính tâm, sanh tôn trọng tâm, cập khởi giáo sư tướng, chư Như Lai tướng, thân thừa cúng dường, tức năng thính thọ, diệt năng thư tả, phục năng giải thuyết, năng linh thị kinh cứu trụ lợi ích, tư hữu thị xứ.*

**(經)復次賢護！若彼菩薩或復至於聲聞人所，聞說如**

**是微妙經典，生愛敬心，生尊重心，及起教師想，諸如來想，親承供養，即能聽受，亦能書寫，復能解說。能令是經久住利益，斯有是處。**

*(Kinh: Lại này Hiền Hộ! Nếu vị Bồ Tát ấy đến chỗ hàng Thanh Văn, nghe nói kinh điển vi diệu như thế, sanh lòng yêu kính, sanh tâm tôn trọng, và tưởng như giáo sư, tưởng như các Như Lai, đích thân, thừa sự, cúng dường, liền có thể nghe nhận, cũng có thể biên chép, lại có thể giải nói, sẽ có thể khiến cho kinh này tồn tại lâu dài, lợi ích, ắt có lẽ ấy).*

Ở đây, hướng dẫn cho chúng ta thủ hộ như thế, tu tập như thế, yêu mến pháp tắc này như thế. Tất cả những lời tuyên giảng của đức Phật dùng hai loại như pháp và phi pháp để tuyên nói, khiến cho chúng ta được thấy, được nghe, có thể vận dụng. Do vậy, phương tiện của đức Thế Tôn rất thiện xảo, nêu bày thanh tịnh đúng pháp và phi pháp [là như thế nào]. Trong khi chúng ta học tập, lựa chọn, phải nên nhận thức rõ ràng đúng pháp và phi pháp. Các chúng sanh tri kiến hỗn loạn, ngỡ phi pháp là đúng pháp, cho nên tuy hành pháp mà chẳng đạt được lợi ích, phần nhiều mắc hại. Nếu chúng ta quan sát tỉ mỉ, [sẽ thấy] phần nhiều là hành pháp chẳng đúng pháp như thế đó, dùng pháp ô nhiễm để hành trì giới pháp, dùng cái tâm ô nhiễm để hành pháp. Do vậy, phần nhiều chẳng tương ứng!

*(Kinh) Phục thứ Hiền Hộ! Nhược bỉ Bồ Tát phục u Thanh Văn nhân sở, văn thuyết như thị vi diệu kinh điển, tức u bỉ sở, sanh tôn trọng tâm, như chư Phật tướng, thân cận, thừa sự, cúng kính cúng dường giả, như thị chi nhân, tuy vị tu học như thị kinh điển, tức vi tu tập. Tuy vị giải thích, tức vi giải thuyết, linh thị diệu pháp cứu trụ thế gian, bất hủy, bất diệt, tư hữu thị xứ.*

**(經)復次賢護！若彼菩薩復於聲聞人所，聞說如是微妙經典，即於彼所，生尊重心，如諸佛想，親近承事，恭敬供養者，如是之人，雖未修學如是經典，即為修習。雖**



**未解釋，即爲解說，令是妙法久住世間，不毀不滅，斯有是處。**

*(Kinh: Lại này Hiền Hộ! Nếu Bồ Tát ấy lại ở chỗ hàng Thanh Văn, nghe nói kinh điển vi diệu như thế, liền đối với người đó, sanh tâm tôn trọng, tưởng như chư Phật, thân cận, thừa sự, cung kính cúng dường, người như vậy tuy chưa tu học kinh điển như thế, mà chính là tu tập. Tuy chưa giải thích, mà chính là giải nói, khiến cho diệu pháp ấy tồn tại lâu dài trong thế gian, chẳng hủy, chẳng diệt. Có lẽ như thế ấy!)*

Ở đây, phải nên thủ hộ. Vì sao đức Thế Tôn phải giảng hai thứ pháp tắc đúng pháp và phi pháp, và hai thứ pháp tắc hợp lẽ và chẳng hợp lẽ cặn kẽ như thế? Vì muốn khiến cho chúng ta đối với tự tâm đừng tự phụ, đừng tự phụ kiến giải của chính mình. [Nếu tự phụ] như thế, sẽ chẳng tương ứng với pháp, phần nhiều sẽ húng nhận các pháp ủy khuất, mê muội! Có nhiều chúng sanh siêng khổ hành phi pháp, đúng là kẻ đáng thương, tự cho là đúng, chẳng y giáo để hành, thật sự là kẻ mù hành sự mù quáng! Cổ nhân nói là “*manh nhân ky manh mã*” (người mù cưỡi ngựa đui), kết quả cứ suy ra sẽ tự biết!

*(Kinh) Hà dĩ cố? Dĩ năng ái kính tôn trọng pháp cố. Thị cố, thử kinh cứu trụ thế gian. Hiền Hộ! Dĩ thị nhân duyên, ngô kim ngữ như: Thị nhân u thị thuyết pháp sư sở, sanh ái nhạo tâm, sanh kính trọng tâm, sanh tôn quý tâm, khởi thiện tri thức tướng, khởi giáo sư tướng, khởi chư Phật tướng, tận tâm thừa sự, cung kính cúng dường dã. Hiền Hộ! Nhược năng như thị, thị tắc danh vi hành ngã sở hành, thọ ngã giáo giới dã. Phục thứ Hiền Hộ! Bỉ xuất gia Bồ Tát tất dục giải thuyết như thử tam-muội. Phục dục tư duy thử tam-muội giả, thường đương nhạo hành A Lan Nhã sự.*

**(經)何以故？以能愛敬尊重法故。是故，此經久住世間。賢護！以是因緣，吾今語汝：是人於是說法師所，生愛樂心，生敬重心，生尊貴心，起善知識想，起教師想，起諸佛想，盡心承事，恭敬供養也。賢護！若能如是，是則名爲行我所行，受我教誡也。復次賢護！彼出家菩薩，**

**必欲解說如此三昧。復欲思惟此三昧者，常當樂行阿蘭若事。**

*(Kinh: Vì sao vậy? Do có thể yêu kính, tôn trọng pháp. Vì thế, kinh này tồn tại dài lâu trên thế gian. Đây Hiền Hộ! Do nhân duyên ấy, ta nay bảo ông: Người ấy đối với vị thầy thuyết pháp, sanh tâm yêu mến, sanh tâm kính trọng, sanh tâm tôn quý, khởi ý tưởng coi như thiện tri thức, khởi ý tưởng coi như giáo sư, khởi ý tưởng coi như Phật, tận tâm thừa sự, cung kính cúng dường. Đây Hiền Hộ! Nếu có thể như thế thì gọi là hành các điều ta hành, tiếp nhận lời răn dạy của ta. Lại đây Hiền Hộ! Vị xuất gia Bồ Tát ấy ắt muốn giải nói tam-muội như thế, lại muốn tư duy tam-muội này, sẽ thường thích làm các chuyện thuộc về A Lan Nhã).*

“A Lan Nhã sự” là xả hai thứ ồn náo nơi chính mình và ồn náo do duyên khác đem lại. Đối với chuyện A Lan Nhã, có chuyện nói theo sự tưởng, chẳng hạn như chúng ta ở nơi núi sâu rừng thẳm, xa lìa thành, ấp, thôn, xóm. Đó là chỗ A Lan Nhã. Cũng có thể nói theo pháp tắc, tức là người thành tựu thủ hộ tâm trí A Lan Nhã, tâm trí xa lìa ồn náo, tâm trí nhàn tĩnh, người ấy được gọi là “nhàn nhân” trong Phật pháp. [Nếu tâm trí xa lìa ồn náo, nhàn tĩnh], nơi tụ hội đều là chỗ A Lan Nhã, do tâm trí nhàn tĩnh, do chẳng nhiệm trước, do chẳng nắm níu, tâm trí nhất thời, nhất như. Đó là người thành tựu tâm trí A Lan Nhã. Vì thế, có nơi chốn A Lan Nhã, và có pháp tắc thành tựu nơi chốn A Lan Nhã. Ở đây, hai chuyện ấy bổ trợ lẫn nhau!

*(Kinh) Bất đắc cư xử tụ lạc, thành ấp. Xả ly bằng đảng, đa cầu chi xứ. Bất tham y thực, bất đắc trừ tụ cốc mễ, thực cụ. Bất đắc thọ súc tài vật, sanh tư. Bất đắc tham cầu danh văn, lợi dưỡng. Bất tích trọng mạng, thường niệm xả thân.*

**(經)不得居處聚落城邑。舍離朋黨，多求之處。不貪衣食，不得貯聚穀米食具。不得受畜，財物生資。不得貪求名聞利養。不惜重命，常念捨身。**

*(Kinh: Chẳng được ở trong thôn xóm, thành, ấp. Lìa bỏ bè đảng và chỗ nhiều tham cầu. Chẳng tham cơm áo, chẳng được tích trữ gạo,*

***Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

*thóc, đồ ăn. Chẳng được nhận lấy, cất chứa tiền tài, các vật dụng sinh hoạt. Chẳng được tham cầu tiếng tăm, lợi dưỡng. Chẳng tiếc quý thân mạng, thường nghĩ xả thân).*

Trụ xứ A Lan Nhã có hai pháp nên hành. Trước kia, khi chúng tôi ở trong núi, có thiện tri thức dạy chúng tôi hai hạnh sau đây, tức là hạnh xả thân và hạnh xả thức. Trước là xả cái thân, đến chỗ A Lan Nhã, hoặc là chỗ hang động có La Sát sống, hoặc là vách đá cheo leo, hoặc nơi có cây to, hoặc bên hang thẳm, các chỗ hiểm trở, chỗ khó khăn. Ở tại chỗ hiểm nạn, mà chẳng có tai nạn, có thể hành pháp tắc để thủ hộ. Đối với chuyện xả thân ở đây, [phải hiểu] xả thân chẳng phải là tự sát! Nhưng nếu có La Sát muốn ăn thân này, có thể giao ra sanh mạng cúng dường, khiến cho quý ấy được nghe lời dạy về Đệ Nhất Nghĩa Đề. Xả thân này để thí giáo ngôn tôi thượng thừa, cho đến xả thức, chẳng câu nệ hết thảy các pháp, chẳng câu nệ hết thảy các chỗ. Hiện thời, người trụ A Lan Nhã rất ít, có nhiều người né tránh thế gian. Nếu là người có tâm trí thật sự tịch tĩnh, xa lìa ồn náo, chẳng hướng tới danh lợi, chẳng tham cầu quả báo danh lợi trong vị lai, thật sự hướng đến pháp tắc, sẽ được gọi là người cư trụ tại A Lan Nhã.

*(Kinh) Viễn ly tham trước, hằng tu tử tưởng, thường hành tâm quý.*

**(經)遠離貪著，恆修死想，常行慚愧。**

*(Kinh: Xa lìa tham đắm, luôn tưởng như đã chết, thường giữ lòng hổ thẹn).*

Rất nhiều người đã đọc truyện ký của ngài Mật Lặc Nhật Ba (Milarepa)<sup>2</sup>, trong ấy, có khá nhiều cách tu trì tâm quý, cho đến xả thân

---

<sup>2</sup> Jetsun Milarepa (1052–1135) là một vị đại hành giả thành tựu (Mahasiddha) của Phật giáo Tây Tạng. Ngài sanh trong một gia đình giàu có ở miền Tây xứ Tây Tạng. Khi cha Ngài mất sớm, chú và thím Ngài đã tìm mọi cách tước đoạt gia sản, khiến cho mẹ, bản thân Ngài và em gái đều khôn cùng. Căm thù, Ngài bỏ nhà, tìm học thuật phù thủy, dùng phù chú giết chết chú, thím. Say máu trả thù, Ngài giết chết rất nhiều người. Sau đó, Ngài hối hận sâu xa, xin theo học với đại dịch giả Marpa, chịu rất nhiều thử thách, và bị hành hạ rất khắc nghiệt. Chẳng hạn, tôn giả Marpa bắt Ngài xây một cái tháp ba tầng, xây xong, bắt phá tan rồi xây lại. Bất cứ chuyện lớn nhỏ gì, Milarepa cũng đều bị đánh, chửi thậm tệ. Cuối cùng, sau nhiều năm, Marpa chấp thuận và dạy pháp cho Ngài. Đến lúc đó, Marpa mới cho biết ông có ý hành hạ như

*Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2*

đề tu trì. Trong trụ xứ A Lan Nhã, các thiện tri thức phải nên siêng tu pháp này. Đối với Ban Châu tam-muội hạnh, cũng nên tư duy như thế, quan sát như thế, tu trì như thế.

*(Kinh) Bất tạo chư ác, nhiếp thọ chánh pháp, vô hữu nghi tâm, thường niệm viễn ly, bất thủ chúng tướng. Đương tu từ tâm, vật hoài hiềm oán. Thường khởi từ bi, vô hành sân khuể, an tâm hỷ xả, mạc tưởng ái tăng. Thường đương kinh hành, phá trừ Thụy Cái. Hiền Hộ! Xuất gia Bồ Tát nhược năng an trụ như thị pháp hạnh, tắc năng tu học, giải thuyết, tư duy như thị Niệm Phật Hiền Tiền tam-muội dã.*

**(經)不造諸惡，攝受正法，無有疑心，常念遠離，不取衆相。當修慈心，勿懷嫌怨。常起慈悲，無行瞋恚，安心喜舍，莫想愛憎。常當經行，破除睡蓋。賢護！出家菩薩若能安住如是法行，則能修學解說，思惟如是念佛現前三昧也」。**

*(Kinh: Chẳng tạo các ác, nhiếp thọ chánh pháp, chẳng có tâm nghi, thường nghĩ xa lìa, chẳng giữ lấy các tướng. Hãy nên tu từ tâm, đừng ôm lòng hiềm oán. Thường dậy lòng từ bi, chẳng dậy lòng sân hận, an tâm nơi hỷ xả, đừng nghĩ đến yêu ghét. Hãy thường nên kinh hành, phá trừ cái chướng mê ngủ. Nay Hiền Hộ! Xuất gia Bồ Tát nếu có thể an trụ trong pháp hạnh như thế, sẽ có thể tu học, giải nói, tư duy Niệm Phật Hiền Tiền tam-muội như thế).*

Trong phần trước, Hiền Hộ Bồ Tát đã thay mặt đại chúng xuất gia khải thỉnh giáo pháp, đức Thế Tôn đã như thật giải đáp pháp tắc đó.

---

vậy đề tiêu trừ nghiệp chướng cho Milarepa. Sau khi đắc pháp, nhất là pháp môn Lục Du Già của Naropa, Milarepa lui về ẩn tu trong một sơn cốc, sống khổ hạnh, và cuối cùng chứng ngộ, trở thành bậc đại hành giả về nhiều Mật Pháp. Những bài thơ của Ngài diễn tả sự chứng ngộ được phổ thành ca khúc và lưu truyền rất rộng rãi. Một đệ tử đắc pháp của Ngài là Gamgopa đã truyền thừa pháp mạch của Ngài, đặc biệt là pháp Đại Thủ Ấn (Mahamudra). Các môn đệ của Gamgopa đã lập nên tông phái Kargyupa (một trong bốn tông phái lớn nhất của Phật giáo Tây Tạng). Trong đó, tôn giả Dusum Khyenpa, đệ tử của Gamgopa, đã sáng lập chi phái Karma Kargyupa và trở thành Karmapa đời thứ nhất. Chi phái Karma Kargyupa là chi phái lớn nhất trong phái Karyupa.

*(Kinh) Nhĩ thời, Hiền Hộ Bồ Tát phục bạch Phật ngôn: - Hy hữu Thế Tôn! Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, sở thuyết kinh điển, thậm thâm, thậm thâm, tối thắng vi diệu, bất khả tư nghị. Nhiên bỉ vị lai chư Bồ Tát đẳng, giải đãi, lãn nọa, tuy vẫn như thị thâm diệu kinh điển, sanh đại khùng bố, kinh nghi thoái một, bất phát hoan hỷ, ái nhạo chi tâm. Bỉ đẳng đương phục tác như thị niệm: “Ngã kim đương ưng dư chư Phật sở, nãi khả tu tập như thị kinh điển. Sở dĩ giả hà? Ngã kim tự tri đa chư chướng nạn, thân ngộ bệnh khổ, khí lực thậm vi, ninh kham tu hành như thị kinh điển?”*

**(經)爾時，賢護菩薩復白佛言：「希有世尊！如來、應供、等正覺，所說經典，甚深甚深，最勝微妙，不可思議。然彼未來諸菩薩等，懈怠懶惰，雖聞如是深妙經典，生大恐怖，驚疑退沒，不發歡喜，愛樂之心。彼等當復作如是念：「我今當應餘諸佛所，乃可修習如是經典。所以者何？我今自知多諸障難，身遇病苦，氣力甚微，寧堪修行如是經典？」**

*(Kinh: Lúc bảy giờ, Hiền Hộ Bồ Tát lại bạch cùng đức Phật rằng: - Hy hữu Thế Tôn! Kinh điển do Như Lai Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đã nói rất sâu, thật sâu, vi diệu thù thắng nhất, chẳng thể nghĩ bàn. Nhưng các vị Bồ Tát trong đời vị lai giải đãi, lười nhác, tuy nghe kinh điển sâu mầu như thế, lại sanh lòng sợ hãi to lớn, kinh hoảng, ngờ vực, lui sụt, chẳng phát tâm hoan hỷ và yêu thích. Họ sẽ lại còn nghĩ như thế này: “Ta nay hãy nên từ chỗ nơi các đức Phật khác tu tập kinh điển như thế. Vì sao vậy? Ta nay tự biết [chính mình] nhiều chướng nạn, thân gặp bệnh khổ, khí lực hết sức yếu ớt, há kham nổi tu hành kinh điển như thế ư?”)*

Do thân thể yếu kém, lắm chướng duyên, bèn chẳng tu hành pháp này. Chúng ta thường gặp những kẻ có kiêu suy nghĩ đúng như Hiền Hộ Bồ Tát đã nói. Trong một tài liệu thống kê những người hành pháp Ban Châu tại Đài Loan đã chỉ rõ: Tại Đài Loan, nhiều người mắc bệnh nan y hành pháp này, chẳng hạn như các bệnh nhân ung thư v.v... Trên thực

tế, pháp này hết thảy mọi người đều có thể hành, chỉ cần lìa bỏ các duyên, muốn chứng Chư Phật Hiện Tiền tam-muội, thì sẽ có thể hành trì, nhưng người đời Mạt Pháp, thân tâm yếu kém, phước báo chẳng đủ, hễ hơi thoái đọa, nhân duyên hành pháp sẽ chẳng đủ. Đối với chuyện này, chúng ta phải nên khéo quan sát.

*(Kinh) Thế Tôn! Bĩ bối như thị, ư thậm thâm pháp, cánh sanh phóng xả, viễn ly chi tâm, bất năng phát cần dũng mãnh, tinh tấn, nhạo dục thành tựu như thị kinh điển. Thế Tôn! Nhĩ thời, diệc đương hữu chư Bồ Tát tinh tấn cần cầu, chuyên niệm chi giả, ái nhạo thị pháp, khuyến trì thị pháp, nhiếp thọ thị pháp. Nhược chư pháp sư thuyết thị pháp giả, ư thị pháp trung, như pháp hành cố, năng xả thân mạng, bất trước danh văn, bất cầu lợi dưỡng, bất tự tuyên thuyết kỹ thân công năng, bất nhiễm y bát.*

**(經)世尊！彼輩如是，於甚深法，更生放舍，遠離之心，不能發勤勇猛精進，樂欲成就如是經典。世尊！爾時，亦當有諸菩薩精進勤求，專念之者，愛樂是法，勸持是法，攝受是法。若諸法師說是法者，於是法中，如法行故，能捨身命，不著名聞，不求利養，不自宣說己身功能，不染衣鉢。**

*(Kinh: Bạch Thế Tôn! Hạng người ấy như thế, đối với pháp rất sâu, lại sanh lòng buông bỏ, xa lìa, chẳng thể phát tâm siêng năng, dũng mãnh, tinh tấn, mong muốn thành tựu kinh điển như thế. Bạch Thế Tôn! Lúc bấy giờ, cũng sẽ có các Bồ Tát là người tinh tấn siêng cầu, chuyên niệm, yêu mến pháp này, khuyến trì pháp này, nhiếp thọ pháp này. Nếu các pháp sư nói pháp này, do ở trong pháp này đúng như pháp mà hành, có thể xả thân mạng, chẳng chấp trước tiếng tăm, chẳng cầu lợi dưỡng, chẳng tự tuyên nói công năng của chính mình, chẳng nhiễm y bát).*

“Bất nhiễm y bát” tức là chẳng biểu lộ thiện duyên do mình đã hành, hay công đức do trì giới, cho nên nói là “bất tuyên kỹ năng” (chẳng tuyên nói năng lực của chính mình).

*(Kinh) Bất nhạo thành ấp, thường thú không nhàn sơn lâm tĩnh xứ. Kỳ hoặc văn thị vi diệu pháp cố, sanh đại hoan hỷ, cánh đương cụ túc, phát cần tinh tấn, thính thọ như thị vi diệu pháp môn. Thường đọc tụng cố, thường niệm trì cố, tư duy nghĩa cố, như thuyết hành cố, bỉ đẳng u vị lai thể chư Như Lai sở, phi đồ trực dục cầu bỉ đa văn, diệc vô đản cầu tại u hữu xứ.*

**(經)不樂城邑，常趣空閒山林靜處。其或聞是微妙法故，生大歡喜，更當具足，發勤精進，聽受如是微妙法門。常讀誦故，常念持故，思惟義故，如說行故，彼等於未來世諸如來所，非徒直欲求彼多聞，亦無但求在於有處。**

*(Kinh: Chẳng thích thành, ấp, thường đến chỗ tĩnh tịch nơi núi rừng thanh vắng. Hoặc do nghe pháp vi diệu này mà sanh lòng hoan hỷ to lớn, hãy nên phát tâm siêng năng, tinh tấn trọn đủ, nghe nhận pháp môn vi diệu như thế. Do thường đọc tụng, do thường niệm trì, do tư duy ý nghĩa, do hành đúng như lời dạy, trong đời vị lai, họ sẽ ở chỗ các đức Như Lai không chỉ là mong cầu đa văn, mà cũng chẳng chỉ cầu phước báo nơi thân sau).*

Hai pháp đa văn và hữu xứ (mong có thân sau) chính là điều tham ái của hữu tình trong đời Mạt Pháp. Trong đại chúng xuất gia và tại gia học Phật hiện thời, người đa văn thì nhiều, người hành pháp rất hiếm hoi. Chúng ta có thể quan sát chung quanh, có thể quan sát tự tâm, tùy tiện tìm một vị xuất gia học Phật hay kẻ tại gia, nếu thuyết pháp thì ai nấy tựa hồ như Phật chẳng ngăn ngại, nhưng nói đến hành pháp, ai nấy đều chẳng được! Người tương ứng mười phần thừa thớt, kẻ đa văn quá u là nhiều! Chúng ta có thể y giáo quan sát, đừng dùng tự tâm, tự mạn để quan sát! “*Diệc vô đản cầu tại u hữu xứ*” nghĩa là chẳng cầu phước báo nơi thân sau. Kẻ hành các thiện duyên mà mong cầu thiện báo hay lạc báo (quả báo vui sướng) trong vị lai rất u là đông, nhưng người chẳng cầu phước báo trong đời sau, lợi ích thế gian xuất ly luân hồi rộng khắp, hết sức thừa thớt! Đừng nói ai khác, hãy tự xét bản thân chúng ta, [sẽ thấy chính mình phạm lỗi tham cầu y hệt]. Đây là tướng trạng trong thời Mạt Pháp.

*(Kinh) Duy vị thành tựu chư công đức cố, thường niệm cần cầu, tinh tấn, dũng mãnh. Thế Tôn! Nhiên phục ưng hữu vãng tích dĩ tăng*

*cúng dường chư Phật, túc chủng thiện căn chư thiện nam tử, thiện nữ nhân bồi, phát đại tinh tấn, vị vãng như thị vi diệu pháp cố, cánh phát như thị đại thệ trang nghiêm: “Nguyện ngã đương đắc cần kiệt cơ phu, tán cốt, tiêu tủy, xí nhiên thân tâm, khổ hạnh bất tức, tất dục thành tựu như thị diệu điển. Chung vô tạm thời giải đãi, lân nọa, nhi bất thính vãng vi diệu thắng pháp. Diệc vô bất tư thậm thâm nghĩa lý, phục vô xả tha, bất vị tuyên thuyết. Nhi thường dũng mãnh, hành đại tinh tấn, đản vị nhiếp thọ chư Bồ Tát cố, thính vãng Như Lai như thị diệu điển. Văn dĩ, tức tiện sanh hoan hỷ tâm”.*

**(經)唯爲成就諸功德故，常念勤求，精進勇猛。世尊！然復應有往昔已曾供養諸佛，宿種善根諸善男子善女人輩，發大精進爲聞如是微妙法故，更發如是大誓莊嚴：願我當得幹竭肌膚，散骨消髓熾然身心，苦行不息，必欲成就如是妙典。終無暫時懈怠懶惰，而不聽聞微妙勝法。亦無不思甚深義理，復無舍他，不爲宣說。而常勇猛，行大精進，但爲攝受諸菩薩故，聽聞如來如是妙典。聞已，即便生歡喜心」。**

*(Kinh: Chỉ vì thành tựu các công đức, thường nghĩ siêng cầu, tinh tấn, dũng mãnh. Bạch Thế Tôn! Nhưng lại có các hàng thiện nam tử, thiện nữ nhân xưa kia đã từng cúng dường chư Phật, gieo các thiện căn từ trước, phát đại tinh tấn, do được nghe pháp vi diệu như thế, bèn phát đại thệ trang nghiêm như thế này: - “Nguyện con sẽ khô cạn da thịt, nát xương, tiêu tủy, thân tâm hừng hực, khổ hạnh chẳng ngơi, ắt muốn thành tựu kinh điển màu nhiệm như thế, trọn chẳng tạm thời giải đãi, lười nhác chẳng nghe pháp thù thắng vi diệu. Cũng chẳng hề không suy nghĩ nghĩa lý rất sâu, lại chẳng bỏ người khác, chẳng vì họ tuyên nói. Lại thường dũng mãnh, hành đại tinh tấn, chỉ vì nhiếp thọ các vị Bồ Tát, lắng nghe kinh điển màu nhiệm của Như Lai. Nghe xong, liền sanh tâm hoan hỷ”).*

Đối với thệ nguyện đại trang nghiêm trong đoạn văn tự này, chúng ta hãy nên quan sát, siêng năng thủ hộ, chẳng thể lìa bỏ! Nếu lìa bỏ, đối với pháp này, khó thể thành tựu được!



*(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn tán bĩ Hiền Hộ Bồ Tát ngôn: “Thiện tai! Thiện tai! Như nhữ sở thuyết, ngã kim tùy hỷ. Hiền Hộ! Ngã tùy hỷ cố, nhất thiết tam thế hàng hà sa đẵng chư Phật Thế Tôn, giai diệt tùy hỷ”. Thời, bĩ Hiền Hộ Bồ Tát phục bạch Phật ngôn: - Nhược hữu tại gia Bồ Tát, xử u thế gian, văn thị tam-muội, dục tự tư duy, tức vị tha thuyết, nãi chí nhất nhật, hoặc kinh nhất dạ. Thị nhân an trụ kỷ chủng hành pháp, đương đắc thành tựu Tư Duy tam-muội, vị tha thuyết dã?*

**(經)爾時，世尊贊彼賢護菩薩言：「善哉！善哉！如汝所說，我今隨喜。賢護！我隨喜故，一切三世恆河沙等諸佛世尊，皆亦隨喜」。時，彼賢護菩薩復白佛言：「若有在家菩薩，處於世間，聞是三昧，欲自思惟，即爲他說，乃至一日，或經一夜。是人安住幾種行法，當得成就思惟三昧，爲他說也？」**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn khen ngợi Hiền Hộ Bồ Tát rằng: “Lành thay! Lành thay! Đúng như ông đã nói, ta nay tùy hỷ. Nay Hiền Hộ! Do ta tùy hỷ, hết thấy các đức Phật Thế Tôn trong ba đời nhiều như số cát sông Hằng cũng đều tùy hỷ”. Khi ấy, Hiền Hộ Bồ Tát lại bạch cùng đức Phật rằng: - Nếu có tại gia Bồ Tát, ở trong thế gian, nghe tam-muội này, muốn tự tư duy, liền vì người khác nói, cho đến trong một ngày, hoặc trải qua một đêm. Người ấy an trụ trong mấy loại hành pháp thì sẽ được thành tựu Tư Duy tam-muội này, vì người khác tuyên thuyết?)*

Chúng ta thấy rất rõ ràng: Trong phần trước, Hiền Hộ Bồ Tát thay mặt đại chúng xuất gia thưa hỏi đức Thế Tôn [chúng con phải nên] dùng gì để vận dụng, thủ hộ, tu tập Thập Phương Chư Phật Tát Giai Hiện Tiền tam-muội? Nay Ngài thay mặt hàng tại gia Bồ Tát khái vấn.

*(Kinh) Phật ngôn: - Hiền Hộ! Bĩ tại gia Bồ Tát xử u thế gian, nhược dục tu tập Tư Duy tam-muội, hoặc nhất nhật, nhất dạ, nãi chí nhất câu ngu nhữ thời giả, ngô kim ngữ nhữ: Bĩ tại gia Bồ Tát ký cư*

*thế gian, đương ưng chánh tín, bất khởi xan tham, thường niệm hành thí, tùy đa thiếu thí, đương nhất thiết thí, bất cầu quả báo, ưng quy y Phật. Hựu quy y Pháp, diệc quy y Tăng, bất sự thiên thần, diệc vô lễ bái. Bất sanh tật đố, thường niệm tùy hỷ, đương tu thanh tịnh, như pháp hoạt mạng, bất ái nhi nữ, bất trước thê thiếp, bất nhiễm cư gia, bất đam tài bảo, thường nhạo xuất gia. Niệm trừ tu phát, tu Bát Quan Trai, hằng trụ già-lam, thường hoài tâm quý, phát Bồ Đề tâm, bất niệm dư thừa. Kiến hữu trì giới thanh tịnh tỳ-kheo, tu phạm hạnh giả, chung vô điều hý, thường hành cung kính, tụng thù văn học như thử tam-muội. Đương u sư sở, sanh ái kính tâm, khởi tôn trọng tâm, thiện tri thức tướng, sanh giáo sư tướng, khởi chư Phật tướng. Nhất thiết chúng cụ, tất dĩ phụng chi. Thường đương thức ân, hằng tư báo đức, dĩ năng giáo ngã vi diệu pháp cố.*

**(經)佛言：「賢護！彼在家菩薩處於世間，若欲修習思惟三昧，或一日一夜，乃至一穀牛乳時者，吾今語汝：彼在家菩薩既居世間，當應正信，不起慳貪，常念行施，隨多少施，當一切施，不求果報，應歸依佛。又歸依法，亦歸依僧，不事天神，亦無禮拜。不生嫉妒，常念隨喜。當須清淨，如法活命，不愛兒女，不著妻妾，不染居家，不耽財寶，常樂出家。念除鬚髮，修八關齋，恆住伽藍，常懷慚愧，發菩提心，不念餘乘。見有持戒清淨比丘，修梵行者，終無調戲，常行恭敬，從誰聞學如此三昧。當於師所，生愛敬心，起尊重心，善知識想，生教師想，起諸佛想。一切衆具，悉以奉之。常當識恩，恆思報德，以能教我微妙法故。**

*(Kinh: Đức Phật nói: - Nay Hiền Hộ! Vị tại gia Bồ Tát ấy ở trong thế gian, nếu muốn tu tập Tư Duy tam-muội, hoặc một ngày, một đêm, cho đến trong khoảng thời gian vắt sữa bò, ta nay bảo ông: Vị tại gia Bồ Tát ấy đã ở trong thế gian, hãy nên chánh tín, chẳng dấy lòng keo tham,*

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

*thường nghĩ bố thí, dẫu thí nhiều hay ít, đều nên thí cho hết thầy, chẳng cầu quả báo, hãy nên quy y Phật. Lại quy y Pháp, và cũng quy y Tăng, chẳng thờ thiên thần, mà cũng chẳng lễ bái [thiên thần]. Chẳng sanh ghen ghét, thường nghĩ tùy hỷ. Hãy nên tu thanh tịnh, đúng như pháp mà sống, chẳng yêu con cái, chẳng chấp trước thế thiếp, chẳng nhiễm đời sống tại gia, chẳng đăm đuối của cải, thường thích xuất gia. Nghĩ trừ bỏ râu tóc, tu Bát Quan Trai, luôn ở nơi già-lam, thường ôm lòng hổ thẹn, phát Bồ Đề tâm, chẳng nghĩ tới các thừa khác. Thấy có tỳ-kheo trì giới thanh tịnh, người tu phạm hạnh, trọn chẳng đũa bõn, thường luôn cung kính, theo vị ấy nghe học tam-muội như thế. Hãy nên đối với thầy, sanh tâm kính yêu, dấy lòng tôn trọng, tưởng như thiện tri thức, tưởng như thầy dạy, dấy tâm tưởng như chư Phật. Hết thầy các vật đều dùng để dâng hiến. Thường nên biết ân, luôn nghĩ báo đức, do vị ấy có thể dạy ta pháp vi diệu).*

Chẳng phải là vô duyên có đức Thế Tôn khen ngợi, tán dương sự vi diệu của Phật pháp, mà vì lợi ích thực tế của Phật pháp có thể thật sự khiến cho chúng ta thoát lìa khổ não vì sanh tử, sự mê hoặc của sanh tử, khổ não vì phiền não, sự mê hoặc của phiền não, sự khổ não của Kiến Tư, sự mê hoặc của Kiến Tư. Thật sự tiến nhập tự tại, tự biết đạo nghiệp Bồ Đề, cho đến viên mãn A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, lợi ích rộng khắp trời, người! Do đó, nghe diệu pháp vi diệu thù thắng này quả thật chẳng thể nghĩ bàn!

*“Khởi tôn trọng tâm, thiện tri thức tưởng, sanh giáo sư tưởng, khởi chư Phật tưởng. Nhất thiết chúng cụ, tất dĩ phụng chi, thường đương thức ân, hằng tư báo đức”* (Dấy lòng tôn trọng, tưởng như thiện tri thức, tưởng như thầy dạy, dấy tâm tưởng như chư Phật. Hết thầy các vật đều dùng để dâng hiến. Sẽ thường biết ân, luôn nghĩ báo đức), đây thật sự là nhằm dẫn phát tâm trí chúng ta thật sự tôn trọng, tự tôn (tự tôn trọng chân tâm của chính mình) đúng như thật. Hết thầy các ngoại duyên đều là tăng thượng duyên phụ trợ để chọn lựa hồng phát tâm. Hết thầy các pháp tắc trọn đủ tự thọ dụng và tha thọ dụng tuyệt đối xuất phát từ phát tâm.

***(Kinh) Hiền Hộ! Bĩ tại gia Bồ Tát xử tục chi thời, ưng trụ như thị chư pháp hạnh dĩ. Nhiên hậu, giáo thị như thị tam-muội, như thị tư duy, như thị tu tập.***

**(經)賢護！彼在家菩薩處俗之時，應住如是諸法行已。然後，教示如是三昧，如是思惟，如是修習」。**

*(Kinh: Nay Hiền Hộ! Vị tại gia Bồ Tát ấy lúc ở trong thế tục, hãy nên trụ trong các pháp hạnh như thế. Sau đây, chỉ dạy tam-muội như thế, tư duy như thế, tu tập như thế).*

Trong phần trước đã nói “*thường nghĩ xuất gia*”, cho đến Bát Quan Trai Giới, phát Bồ Đề tâm, chẳng nghĩ tới các thừa khác, chỉ tu hành tinh tấn nơi pháp này, do nghe pháp mà sanh ý tưởng tôn trọng, [khởi lên] các thứ [tâm tưởng] như thế. Sau đó là “*giáo thị như thị tam-muội, như thị tư duy, như thị tu tập*” (chỉ dạy tam-muội như thế, tư duy như thế, tu tập như thế).

*(Kinh) Thời, bĩ Hiền Hộ Bồ Tát phục bạch Phật ngôn: - Hy hữu Thế Tôn! Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, kim nãi vị bĩ xuất gia, tại gia chư Bồ Tát bồi chánh tín thành tựu, nhạo thâm pháp giả, tuyên thuyết như thị vô thượng diệu pháp, linh trụ như thị vô lượng pháp hạnh. Nhiên hậu, đương đắc tư duy, giải thuyết như thị tam-muội.*

**(經)時，彼賢護菩薩復白佛言：「希有世尊！如來、應供、等正覺，今乃爲彼出家在家諸菩薩輩正信成就，樂深法者，宣說如是無上妙法，令住如是無量法行。然後，當得思惟，解說如是三昧。**

*(Kinh: Lúc bảy giờ, Hiền Hộ Bồ Tát lại bạch cùng đức Phật rằng: - Hy hữu Thế Tôn! Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác nay vì các vị xuất gia, tại gia Bồ Tát chánh tín thành tựu, ưa thích pháp sâu, tuyên nói vô thượng diệu pháp như thế, khiến cho họ trụ trong vô lượng pháp hạnh như thế. Sau đây, sẽ được tư duy, giải nói tam-muội như thế).*

“*Vô thượng diệu pháp*”: “*Vô thượng*” là chẳng có đối đãi, chẳng có tạo tác. Pháp thì mỗi pháp đều có diệu dụng, chẳng nhiễm, chẳng chấp, khiến cho chúng sanh thoát khỏi tất cả trầm luân trong thế gian, như hữu tình trong Dục Giới phần nhiều trầm luân trong các pháp đối

đãi mà chẳng hay biết, lăm điều phải chọn lựa, lăm quân trong thiện ác. Như hữu tình Sắc Giới phần nhiều đắm nhiễm trong sự thủ hộ Thiên Định, thậm chí dùng Thiên Định làm chỗ y chỉ cho sanh mạng. Như hữu tình trong Vô Sắc Giới thường thủ hộ Phi Tướng Phi Phi Tướng Định. Đó đều là nghiệp tướng của lục đạo luân hồi. Người có thể vượt thoát tam giới là do có diệu pháp, cho nên “*vô thượng diệu pháp*” có thể khiến cho hữu tình trong thế gian thoát lìa tam giới, chẳng hoại tam giới, lợi ích hữu tình rộng khắp. Kẻ thoát khỏi tam giới, chẳng bị tam giới câu thúc, chẳng bị tam giới trói buộc. Nếu chẳng bị thiện ác trói buộc, sẽ có thể tự tại xuất ly Dục Giới. Nếu chẳng bị đắm nhiễm bởi Thiên Định, sẽ xuất ly Sắc Giới, cho đến Vô Sắc Giới. Pháp như thế là trí huệ thanh tịnh chẳng nhiễm, chẳng chấp trước, là pháp tác an lạc thanh tịnh trực tiếp thoát khỏi tam giới. Do vậy gọi là “*diệu pháp*”.

*(Kinh) “Thế Tôn! Như Lai diệt hậu, như thị tam-muội, u Diêm Phù Đề, năng quảng hành phử?” Phật cáo Hiền Hộ Bồ Tát ngôn: - Hiền Hộ! Ngã diệt độ hậu, thử tam-muội kinh, u Diêm Phù Đề, tứ thiên niên trung quảng hành u thế, nhi hậu ngũ bách niên, mạt nhất bách tuế trung, chánh pháp diệt thời, tỳ-kheo hành ác thời, phỉ báng chánh pháp thời, chánh pháp phá hoại thời, trì giới tổn giảm thời, phá giới xí thịnh thời, chư quốc tương phạt thời, đương tư chi tế, phả hữu chúng sanh xí nhiên thiện căn, vãng tích dĩ tăng thân cận chư Phật, cúng dường, tu hành, thực thiện chủng tử, vị bỉ chư trượng phu bồi đắp thị kinh cổ, thử tam-muội điển phục đương lưu hành u Diêm Phù Đề. Sở vị Phật oai thần cổ, cổ linh bỉ đẳng u ngã diệt hậu, văn thử kinh dĩ, hoan hỷ thư tả, độc tụng, thọ trì, tư duy kỳ nghĩa, vị tha giải thích, như thuyết tu hành.*

**(經)世尊！如來滅後，如是三昧，於閻浮提，能廣行不？」佛告賢護菩薩言：「賢護！我滅度後，此三昧經，於閻浮提，四千年中廣行於世，而後五百年，末一百歲中，正法滅時，比丘行惡時，誹謗正法時，正法破壞時，持戒損滅時，破戒熾盛時，諸國相伐時，當斯之際，頗有衆生熾然善根，往昔已曾親近諸佛，供養修行，植善種子，**

**爲彼諸丈夫輩得是經故，此三昧典復當流行於閻浮提。所謂佛威神故，故令彼等於我滅後，聞此經已，歡喜書寫，讀誦受持，思惟其義，爲他解釋，如說修行」。**

*(Kinh: “Bạch Thế Tôn! Sau khi Như Lai diệt độ, tam-muội như thế có thể lưu hành rộng rãi trong Diêm Phù Đề hay chăng?” Đức Phật bảo Hiền Hộ Bồ Tát rằng: - Này Hiền Hộ! Sau khi ta diệt độ, nơi Diêm Phù Đề, kinh tam-muội này sẽ lưu hành rộng khắp cõi đời trong bốn ngàn năm, nhưng vào một trăm năm sau rốt của năm trăm năm cuối [thời Mạt Pháp], khi chánh pháp diệt, khi tỳ-kheo làm ác, khi chánh pháp bị phỉ báng, khi chánh pháp bị phá hoại, khi trì giới bị tổn giảm, khi phá giới lừng lẫy, khi các nước đánh lẫn nhau, trong thuở ấy, nếu có chúng sanh thiện căn lừng lẫy, xưa kia đã từng thân cận chư Phật, cúng dường, tu hành, gieo chủng tử lành, do các vị trượng phu ấy có được kinh này, kinh điển tam-muội này lại được lưu hành trong Diêm Phù Đề. Đó gọi là do oai thần của đức Phật, khiến cho họ sau khi ta diệt độ, họ đã nghe kinh này xong, bèn hoan hỷ biên chép, đọc tụng, thọ trì, tư duy ý nghĩa, vì người khác giải thích, tu hành đúng như lời dạy).*

Đây là đức Thế Tôn thọ ký, là lời chân thật, là lời như thật, chẳng phải là suy đoán. Chúng ta hãy khéo tư duy. Đức Thế Tôn nói “chánh pháp diệt thời” (khi chánh pháp diệt), hiện thời thì Chánh Pháp và Tượng Pháp đều đã qua, đang bước vào thời Mạt Pháp, cũng là vào “hậu ngũ bách tuế” (năm trăm năm cuối cùng) thì trong một trăm năm sau rốt [của năm trăm năm ấy], sẽ phát khởi lợi ích như thế đó. Vì sao kinh điển như thế có thể lưu thông trong Diêm Phù Đề? Vì các vị trượng phu đã từng gieo các thiện căn nơi kinh điển này tu trì, thủ hộ.

*(Kinh) Nhĩ thời, Hiền Hộ Bồ Tát cập Bảo Đức Ly Xa Tử, văn Như Lai thuyết chánh pháp diệt thời, bi khấp vũ lệ.*

**(經)爾時，賢護菩薩及寶德離車子，聞如來說正法滅時，悲泣雨淚。**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, Hiền Hộ Bồ Tát và Bảo Đức Ly Xa Tử nghe đức Như Lai nói lúc chánh pháp diệt, buồn khóc trào lệ).*

Có nhiều vị thiện tri thức trông thấy đức Thế Tôn sắp nhập diệt, muốn khuyên đức Phật trụ thế vì thương xót thế gian, cho nên “*bi khắp vũ lệ*” (buồn khóc, trào lệ). Ở đây, nghe nói lúc chánh pháp diệt thì cũng giống như thế, vì chư Phật Như Lai là chỗ nương cậy của chúng sanh, giáo pháp do chư Phật đã nói cũng là chiếc bè báu để hết thảy chúng sanh thoát lìa biển khổ. Pháp này diệt sẽ khiến cho hết thảy chúng sanh mất chỗ nương cậy, cho nên “*buồn khóc trào lệ*”.

*(Kinh) Tùng tòa nhi khởi, chỉnh lý y phục, thiên dẫn hữu kiên, hữu tất trước địa, hiệp chưởng cung kính, nhi bạch Phật ngôn.*

**(經)從座而起，整理衣服，偏袒右肩，右膝着地，合掌恭敬，而白佛言。**

*(Kinh: Từ chỗ ngồi đứng dậy, chỉnh đốn y phục, trật vai áo phải, gối phải đặt sát đất, chắp tay cung kính, mà bạch cùng đức Phật rằng).*

“*Thiên dẫn hữu kiên, hữu tất trước địa*” (Trật vai áo phải, gối phải đặt sát đất): Cho đến nhiều theo chiều phải ba vòng, đó là lễ tiết khai thỉnh giáo pháp của Ấn Độ do lòng cung kính.

*(Kinh) “Thế Tôn! Ngã đẳng đương ư Như Lai diệt hậu. Hậu ngũ bách tuế, mạt bách niên trung, sa-môn điên đảo thời, chánh pháp dục diệt thời, phi báng chánh pháp thời, phá hoại chánh pháp thời, trì giới tổn giảm thời, phá giới tăng trưởng thời, chánh pháp hộ giảm thời, phi pháp hộ tăng thời, chúng sanh loạn thời, chư quốc tương phạt thời, năng ư Như Lai sở thuyết kinh điển diệu tam-muội trung, độc tụng, thọ trì, tư duy nghĩa lý, vị tha quảng thuyết. Hà dĩ cố? Ngã tâm vô yếm, chung bất tri túc. Thị cố, ngã ư Như Lai sở thuyết Tu Đà La trung, năng thính văn cố, năng thụ tả cố, năng độc tụng cố, năng thọ trì cố, năng tư duy cố, năng tu hành cố, năng quảng thuyết cố”. Nhĩ thời, Thương Chủ ưu-bà-tắc, Già Ha Ngập Đa cư sĩ chi tử, Na La Đạt Đa Ma Nạp đẳng, văn Như Lai thuyết vị lai thế trung, chánh pháp hoại diệt, vị chánh pháp cố, bi ai khắp lệ, tùng tòa nhi khởi, chỉnh lý y phục, thiên dẫn hữu kiên, hữu tất trước địa, cung kính hiệp chưởng, nhi bạch Phật ngôn.*

**(經)「世尊！我等當於如來滅後。後五百歲，末百年中，沙門顛倒時，正法欲滅時，誹謗正法時，破壞正法時，持戒損滅時，破戒增長時，正法護滅時，非法護增時，衆生亂時，諸國相伐時，能於如來所說經典妙三昧中，讀誦受持，思惟義理，爲他廣說。何以故？我心無厭，終不知足。是故，我於如來所說修多羅中，能聽聞故，能書寫故，能讀誦故，能受持故，能思惟故，能修行故，能廣說故」。爾時，商主優婆塞，伽訶耆多居士之子，那羅達多摩納等，聞如來說未來世中，正法壞滅，爲正法故，悲哀泣淚，從坐而起，整理衣服，偏袒右肩，右膝着地，恭敬合掌，而白佛言。**

*(Kinh: “Bạch Thế Tôn! Sau khi đức Như Lai diệt độ, chúng con sẽ vào lúc một trăm năm rốt sau của năm trăm năm cuối, là lúc sa-môn điên đảo, lúc chánh pháp sắp diệt, lúc phi báng chánh pháp, lúc phá hoại chánh pháp, lúc trì giới tổn giảm, lúc phá giới tăng trưởng, lúc hộ trì chánh pháp giảm thiểu, lúc hộ trì phi pháp tăng trưởng, lúc chúng sanh loạn lạc, lúc các nước chinh phạt lẫn nhau, có thể đối với tam-muội màu nhiệm trong kinh điển do đức Như Lai đã nói mà đọc tụng, thọ trì, tư duy nghĩa lý, vì người khác rộng nói. Vì lẽ nào? Tâm con chẳng chán, trọn chẳng biết đủ. Vì thế, chúng con đối với Khế Kinh do Như Lai đã nói có thể lắng nghe, có thể biên chép, có thể đọc tụng, có thể thọ trì, có thể tư duy, có thể tu hành, có thể nói rộng khắp”. Lúc bấy giờ, ưu-bà-tắc Thương Chủ là con của cư sĩ Già Ha Ngập Đa, Na La Đạt Đa Ma Nạp v.v... nghe Như Lai nói chánh pháp sẽ hoại diệt trong đời vị lai, buồn bã tuôn lệ, từ chỗ ngồi đứng dậy, chỉnh đốn y phục, trật vai áo phải, gối phải đặt sát đất, cung kính chấp tay, bạch với đức Phật rằng).*

Chúng ta thấy: Không chỉ là hàng xuất gia thực hiện lễ tiết “*thiên đản hữu kiên, hữu tất trước địa*” (trật vai áo phải, gối phải đặt sát đất);



tại gia Bồ Tát cũng giống như thế. Đây là phong tục tập quán của Ấn Độ, là phương thức biểu thị sự thủ hộ toàn thể.

*(Kinh) Thế Tôn! Ngã đẳng năng u Như Lai sở thuyết diệu Tu Đa La, cập năng thọ trì Tu Đa La giả, ngã giai nhiếp hộ, linh đắc tăng trưởng. Thế Tôn! Ngã kim phục vị Như Lai sở thuyết vi diệu kinh điển, tác kỳ gia hộ, linh đắc quảng tuyên, cứu trụ u thế. Hà dĩ cố? Dĩ thị kinh điển năng u vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, đa sở thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề cố. Thế Tôn! Ngã đẳng đắc văn vị tăng hữu pháp, chí tâm thọ trì, tư duy kỳ nghĩa, vị tha giải thuyết, quảng hành lưu bố dã. Thế Tôn! Ngã kim văn thử thậm thâm kinh pháp, nhất thiết thế gian vô hữu tín giả. Ngã tiên vị kỳ tạo thiện căn khí, nhiên hậu vị giải.*

**(經)「世尊！我等能於如來所說妙修多羅，及能受持修多羅者，我皆攝護，令得增長。世尊！我今復為如來所說微妙經典，作其加護，令得廣宣，久住於世。何以故？以是經典能於無量阿僧祇劫，多所成就阿耨多羅三藐三菩提故。世尊！我等得聞未曾有法，至心受持，思惟其義，為他解說，廣行流佈也。世尊！我今聞此甚深經法，一切世間無有信者。我先為其造善根器，然後為解」。**

*(Kinh: Bạch Thế Tôn! Chúng con có thể đối với Tu Đa La màu nhiệm do Như Lai đã nói và người có thể thọ trì Tu Đa La, đều có thể nhiếp hộ, hộ trì, khiến cho tăng trưởng. Bạch Thế Tôn! Con nay lại vì kinh điển vi diệu do Như Lai đã nói mà thực hiện gia hộ, khiến cho kinh được tuyên lưu rộng rãi, tồn tại lâu dài trong thế gian. Vì sao vậy? Do kinh điển ấy có thể trong vô lượng A-tăng-kỳ kiếp thành tựu nhiều người đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Bạch Thế Tôn! Chúng con được nghe pháp chưa từng có, chí tâm thọ trì, tư duy nghĩa lý, vì người khác giải nói, lưu truyền rộng rãi. Bạch Thế Tôn! Chúng con nay nghe kinh pháp rất sâu này, [nếu như] hết thấy thế gian chẳng có ai tin, con sẽ trước hết vì họ tạo pháp khí thiện căn, sau đó sẽ vì họ giải nói).*

## **Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2**

Chúng ta thấy các vị tại gia và xuất gia Bồ Tát đều khẳng định sau khi đức Thế Tôn diệt độ, lúc chánh pháp diệt, cho đến khi các thứ tướng ác hiện ra, họ sẽ làm cho pháp Ban Châu tam-muội này được lưu truyền rộng khắp trong cõi đời, truyền bá trong cõi đời, muốn lợi ích rộng khắp hữu tình; cho nên phát thệ nguyện như thế, thủ hộ Tam Bảo và giáo ngôn của Tam Bảo. Các vị tại gia và xuất gia Bồ Tát học Phật trong hiện thời đã dùng gì để nhận biết và thủ hộ tâm trí của chính mình? Các vị thiện tri thức ơi! Hãy khéo quan sát, khéo liễu giải tâm nguyện và hành vi của chính mình.

Có khi thủ hộ Phật pháp càng trọng yếu hơn tự lực tu trì, vì thủ hộ Phật pháp có thể khiến cho Phật pháp được truyền bá rộng khắp. Đương nhiên, tự lợi chân thật của người tu chứng cũng là chẳng thể nghĩ bàn. Nếu đã có thể thủ hộ, lại có thể chân thật tu hành, đây thật sự là thành tựu thủ hộ. Nếu có thể khéo thủ hộ, truyền bá rộng khắp, dẫu chính mình chưa hành trì pháp tắc, nhưng công đức và lợi ích do tùy hỷ sẽ chẳng thể nghĩ bàn như đức Thế Tôn đã tuyên thuyết trong bộ kinh này.

Trong đời Mạt Pháp, nếu hộ trì đạo tràng, hộ trì giáo pháp, hộ trì người hành pháp, yêu thích thủ hộ, tán thán, tùy hỷ, công đức của người ấy sẽ chẳng thể nghĩ bàn. Vì Mạt Pháp là lúc pháp suy, thế mà nhân duyên thế tục hưng hực, tà kiến điên đảo hưng hực, cho nên nhân duyên hộ trì pháp, truyền bá Phật pháp, và tu tập Phật pháp càng quan trọng hơn!

***(Kinh) Nhĩ thời, chúng trung hữu ngũ bách tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, wu-bà-tắc, wu-bà-di, tứ bộ chúng đặng, văn Như Lai thuyết vị lai thế trung, chánh pháp hoại diệt, vị chánh pháp cố, bi khắp vũ lệ, tùng tòa nhi khởi, chỉnh trì y phục, thiên dẫn hữu kiên, hữu tất trước địa, cung kính hiệp chưởng, nhi bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Ngã đặng thọ trì Như Lai chánh pháp, nhiên chư Đại Sĩ thiện trượng phu bối, nhĩ thời w ngã đương tác y chỉ, đương tác phú hộ, vị ngã kinh kỹ, năng linh ngã đặng w Như Lai sở thuyết như thị thậm thâm Tu Đa La trung, thủ chân thật nghĩa, như pháp tu hành. Duy nguyện Thế Tôn, phó chúc ngã đặng chư thiện trượng phu phân minh lập ký. Hà dĩ cố? Thế Tôn! Ngã cập bỉ đặng giai năng hộ trì, nhiếp thọ chánh pháp cập nhiếp thọ giả cố.***

**(經)爾時，衆中有五百比丘、比丘尼、優婆塞、優婆夷、四部衆等，聞如來說未來世中，正法壞滅，爲正法故，悲泣雨淚，從坐而起，整持衣服，偏袒右肩，右膝着地，恭敬合掌，而白佛言：「世尊！我等受持如來正法，然諸大士善丈夫輩，爾時於我當作依止，當作覆護，爲我經紀，能令我等於如來所說如是甚深修多羅中，取真實義，如法修行。唯願世尊，付囑我等諸善丈夫分明立記。何以故？世尊！我及彼等皆能護持，攝受正法及攝受者故」。**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, trong đại chúng có năm trăm tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, bốn bộ chúng, nghe Như Lai nói trong đời vị lai, chánh pháp hoại diệt, vì chánh pháp nên buồn khóc, trào lệ, từ chỗ ngồi đứng dậy, chỉnh đốn y phục, trật vai áo phải, gồi phải đặt sát đất, cung kính chấp tay, mà bạch cùng đức Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Chúng con thọ trì chánh pháp của Như Lai, nhưng các vị thiện trượng phu đại sĩ này trong khi đó sẽ làm chỗ y chỉ cho chúng con, sẽ che chở, bảo vệ, lo toan cho chúng con, khiến cho chúng con có thể giữ lấy nghĩa chân thật nơi Tu Đa La rất sâu do Như Lai đã nói như thế, đừng như pháp tu hành. Chỉ mong đức Thế Tôn phân minh thọ ký, phó chúc cho chúng con và các vị thiện trượng phu ấy. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Chúng con và họ đều có thể hộ trì, nhiếp thọ chánh pháp và người nhiếp thọ).*

Chúng ta thấy các vị xuất gia tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, và chúng tại gia ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, vì muốn khiến cho pháp này trụ thế, đã khuyến thỉnh đức Thế Tôn phân minh thọ ký, hòng làm cho pháp này được rõ ràng tồn tại lâu dài trong cõi đời. Chúng ta học tập một pháp tắc, nếu chẳng có cội nguồn xuất xứ, sẽ chẳng thể thật sự giải quyết vấn đề. Chẳng hạn như đối với các phiền não “sinh, lão, bệnh, tử”, [nếu chẳng hiểu rõ cội nguồn phát sanh các phiền não ấy] mà có thể thật sự giải quyết, sẽ chẳng có lẽ ấy! Chúng ta có thể tiêu trừ đủ loại Phiền Não Chương, tiêu trừ đủ loại Sở Tri Chương trong đời hiện tại, nhưng nếu chẳng thuận theo pháp giáo như lý, thì cũng chẳng thể kiến lập từ đâu

được! Vì thế, ở đây, nhằm mong đức Thế Tôn sẽ thọ ký phân minh cho các hữu tình mà khái thỉnh như thế.

*(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn tức tiếu vi tiểu, phóng kim sắc quang. Kỳ minh biến chiếu thập phương thế giới chư Phật quốc dĩ, hoàn chí Phật sở, hữu nhiều tam táp, từng danh thượng một.*

**(經)爾時，世尊即便微笑，放金色光。其明遍照十方世界諸佛國已，還至佛所，右繞三匝，從頂上沒。**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn liềm mỉm cười, tỏa ra quang minh sắc vàng. Quang minh ấy chiếu trọn khắp các cõi Phật trong mười phương thế giới xong, trở về chỗ Phật, nhiều theo chiều phải ba vòng rồi biến mất nơi đỉnh đầu đức Phật).*

Đây là tướng thọ ký của chư Phật. Tướng thọ ký của hết thầy chư Phật đều có phóng quang minh, lợi ích rộng khắp vô lượng thế giới, chiếu sáng vô lượng thế giới. Nếu trán của đức Thế Tôn phóng quang, tức là sẽ tuyên dương giáo pháp rộng khắp với các vị Bồ Tát. Nếu cổ họng phóng quang, sẽ tuyên dương giáo pháp rộng khắp với các bậc trí giả Thanh Văn. Nếu ngực phóng quang, sẽ tuyên nói các giáo pháp với chư thiên và nhân loại. Nếu rốn phóng quang, phần nhiều là thuyết pháp cho loài quý thần. Nếu đầu gối phóng quang, phần nhiều là chiếu rọi các hữu tình thuộc súc sanh đạo và thuyết pháp cho họ. Nếu bàn chân phóng quang, có thể lợi ích rộng khắp hữu tình trong u minh địa ngục. Do vậy, trong khắp các nơi của lục đạo, đức Phật dùng quang minh nhiếp thọ, đối với mỗi đường, đều có cơ chế tương ứng, khiến cho họ được độ thoát. Ở đây, quang minh của đức Thế Tôn nhập vào đỉnh đầu, nhiều theo chiều phải ba vòng, tức là khi đức Thế Tôn nói thọ ký, sẽ thị hiện tướng ấy.

*(Kinh) Nhĩ thời, tôn giả A Nan tác như thị niệm: “Thế Tôn tích lai dĩ đa vi tiểu, nhiên u tiểu thời, tất vi dị sự. Ngã kim ung vấn vi tiểu nhân duyên”. Như thị niệm dĩ, tức từng tòa khởi, chỉnh trì y phục, thiên dẫn hữu kiên, hữu tất trước địa, hiệp chưởng hướng Phật, dĩ kệ bạch ngôn: - Kỳ tâm thanh tịnh, hạnh vô uế, hữu đại oai đức, cự thần thông. Nhất thiết tối tôn thế trung thượng, hiển hiện vô cầu như minh nguyệt, vô ngại thánh trí giải thoát tâm. Ca-lăng-già thanh thiên trung tối. Nhất thiết dị luân mạc năng động. Kim hốt vi tiểu hữu hà duyên?*

**(經)爾時，尊者阿難作如是念：「世尊昔來已多微笑，然於笑時，必為異事。我今應問微笑因緣」。如是念已，即從坐起，整持衣服，偏袒右肩，右膝着地，合掌向佛，以偈白言：「其心清淨行無穢，有大威德巨神通。一切最尊世中上，顯現無垢如明月。無礙聖智解脫心，迦陵伽聲天中最。一切異輪莫能動，今忽微笑有何緣？」**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, tôn giả A Nan nghĩ như thế này: “Đức Thế Tôn trước nay đã mỉm cười nhiều lần, nhưng khi Ngài cười, ắt có chuyện lạ. Nay ta phải nên hỏi nhân duyên khiến Ngài mỉm cười”. Nghĩ như thế rồi, Ngài liền từ chỗ ngồi đứng dậy, chỉnh đốn y phục, trật vai áo phải, gối phải đặt sát đất, chắp tay hướng về đức Phật, dùng kệ bạch rằng: - Tâm Ngài thanh tịnh, hạnh chẳng uế. Có đại oai đức, thần thông lớn. Tôn quý nhất trong cả cõi đời, hiển hiện vô cầu như trăng sáng, tâm thánh trí giải thoát vô ngại, tiếng Ca Lãng hay tuyệt cõi trời, hết thầy dị thuyết chẳng thể động. Nay do duyên gì bỗng mỉm cười?)*

Tán tụng đức Thế Tôn có đại oai đức thanh tịnh, có đại oai đức thiện xảo, là bậc thầy tôn quý của thế gian, hiện tướng trăng sáng không cầu nhờ, dùng thánh trí vô ngại, tâm trí giải thoát để tuyên thuyết bằng âm thanh tuyệt vời, tức “Ca Lãng Già thanh” ([tiếng nói của đức Phật vì diệu] như tiếng chim Ca Lãng Tàn Già hót) để truyền bá trong thế gian. Đức Thế Tôn thuyết pháp, trọn đủ tám loại diệu âm, thường gọi là phạm âm lưu truyền rộng khắp trong thế gian, khiến cho chúng sanh được nghe bèn đắc ngộ. “Ca Lãng Già thanh” chẳng phải là tiếng nam, hay tiếng nữ, tiếng chẳng trong trẻo, chẳng thô đục, tiếng chẳng cao, chẳng thấp, tiếng chẳng mạnh, chẳng yếu. Xa lìa tám âm thanh thế gian như thế đó, dùng âm thanh thanh tịnh để truyền bá rộng khắp trong thế gian. “Nhất thiết dị luân mạc năng động” tức là hết thầy tri kiến ngoại đạo quyết định sẽ tùy thuận [Phật ngôn], có thể trừ nghi.

*(Kinh) Thông đạt chánh chân vị ngã thuyết, năng đa lợi ích  
Lưỡng Túc Tôn.*

**(經)通達正真為我說，能多利益兩足尊。**

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2**

*(Kinh: Thông đạt chánh chân vì con nói, Lương Túc Tôn tạo nhiều lợi ích).*

Tán thán đức Thế Tôn phước huệ trọn đủ, nói giáo pháp chân thật cho chúng ta.

*(Kinh) Văn thị Như Lai vi diệu âm, nhất thiết giai đương đại hoan hỷ.*

**(經)聞是如來微妙音，一切皆當大歡喜。**

*(Kinh: Nghe tiếng vi diệu của Như Lai, hết thảy sẽ đều đại hoan hỷ).*

Như Lai dùng âm thanh vi diệu để mở mang tâm trí của con người, ban cho con người công đức thành tựu giải thoát, cho nên sẽ khiến cho nhiều chúng sanh hoan hỷ, hớn hở.

*(Kinh) Chư Phật Thế Tôn khởi hư tiếu? Phật phóng quang hỷu thắng nhân. Thùy ư tư nhật hoạch đại lợi? Thị cổ kim ưng tuyên tiếu chỉ. Thùy ư kim nhật đắc chứng chân? Thùy ư kim nhật thọ pháp vương? Thùy ư kim nhật tự quán đẳng? Thùy ư kim nhật đăng Phật vị? Thùy ư kim nhật lợi thế gian? Thùy đương tổng tuyên Phật pháp tạng? Thùy ư Phật trí đắc thường trụ? Dĩ thị tôn ưng hiển tiếu duyên.*

**(經)諸佛世尊豈虛笑？佛復放光有勝人。誰於斯日獲大利？是故今應宣笑旨。誰於今日得證真？誰於今日受法王？誰於今日自灌頂？誰於今日登佛位？誰於今日利世？誰當總宣佛法藏？誰於佛智得常住？以是尊應顯笑緣」。**

*(Kinh: Chư Phật Thế Tôn há cười suông? Phật phóng quang, có người thù thắng. Ngày nay ai được lợi to lớn? Vì thế, xin nói ý mỉm cười. Ngày nay ai được chứng lẽ chân? Ngày nay ai được Phật thọ ký? Ngày nay ai sẽ tự quán đẳng? Ngày nay ai sẽ lên ngôi Phật? Ngày nay ai sẽ lợi thế gian? Ai sẽ tổng tuyên Phật pháp tạng? Ai sẽ thường trụ nơi Phật trí? Phật hãy nên dạy duyên mỉm cười!)*

*Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2*

Ngài A Nan tán thán đức Thế Tôn có lợi ích như vậy, cho đến chứng chân, đạt được đại lợi, tiếp nhận vương vị, thọ nghi thức quán đảnh, cho đến tiếp nhận Phật vị để lợi ích thế gian, tuyên thuyết pháp tạng. Hết thấy chư Phật xuất thế, không vị nào chẳng vì lợi ích thế gian, tuyên nói rộng rãi pháp tạng, thẳng thừng chỉ bày tâm trí của hết thấy chúng sanh. Hết thấy các pháp tạng chẳng lìa tâm trí hiện tiền của hết thấy chúng sanh. Do nhân duyên ấy, trước hết nói tới đại lợi, sau là nói đến nhập pháp vị, cho đến thành Phật lợi ích thế gian rộng khắp, tuyên dương pháp tạng.

*(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn tức dĩ kệ cáo trưởng lão A Nan viết: - A Nan! Nhữ kiến Đại Tập phủ? Nhiếp hộ ngũ bách tùng tòa khởi.*

**(經)爾時，世尊即以偈告長老阿難曰：「阿難！汝見大集不？攝護五百從坐起。」**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn dùng kệ bảo trưởng lão A Nan rằng: - A Nan! Ông thấy Đại Tập chăng? Nhiếp hộ năm trăm người đứng dậy).*

Nay chúng ta đang học kinh Đại Tập; Đại Tập là đại chúng tụ tập, là kinh điển do đức Phật tuyên thuyết cho hữu tình trong Dục Giới và Sắc Giới. Như trong Long Tạng (Càn Long Đại Tạng Kinh), có các bộ (các tiểu loại) như Đại Tập Bộ, Bảo Tích Bộ, Bát Nhã Bộ, A Hàm Bộ, Tạp Bộ v.v... Kinh này thuộc về Đại Tập Bộ.

*(Kinh) Thân tâm hoan hỷ phát thành ngôn, ngã bối đương lai hoạch tư pháp. Thử đẳng nhất tâm chiêm sát ngã, ngã u hà thời diệc phục nhiên. Hàm u ngã tiền hưng đại thế, ngã bối đương lai chứng tư đạo. Phục hữu bát bối tùng tòa khởi, ngũ bách thượng thủ thử vi tôn. Bĩ u mặt thế pháp hoại thời, vị thế gian pháp, cố tuyên thuyết. Ngã kim cáo nhữ như thị ngôn, u thử chúng trung vô ngại trí. Thị bối phi u nhất Phật sở, khởi lập hiệp chúng kính chư tôn.*

**(經)身心歡喜發誠言，我輩當來獲斯法。此等一心瞻察我，我於何時亦復然。咸於我前興大誓，我輩當來證斯道。復有八輩從坐起，五百上首此為尊。彼於末世法壞時**

**， 爲世間法故宣說。我今告汝如是言， 於此衆中無礙智。  
是輩非於一佛所， 起立合掌敬諸尊。**

*(Kinh: Thân tâm hoan hỷ, nói chân thành: “Chúng con tương lai đắc pháp này”. Bọn họ nhất tâm nhìn ngắm Phật: “Khi nào con cũng được như thế?” Đều đối trước Phật, phát thệ lớn: “Mai sau chúng con chứng đạo này”. Lại tám loại chúng cùng đứng dậy, có năm trăm người làm thượng thủ. Họ trong đời mạt, khi pháp hoại, vì pháp thế gian mà tuyên nói. Ta nay bảo ông như thế này: Như các vị ấy trí vô ngại, họ chẳng chỉ ở nơi một đức Phật, đứng dậy, chấp tay kính Thế Tôn).*

*“Thị bối phi u nhất Phật sở, khởi lập, hiệp chưởng, kính chư tôn”* (Những người ấy chẳng phải ở chỗ một đức Phật, đứng dậy, chấp tay, cung kính các đức Thế Tôn): Những người nghe giáo ngôn này, có thể liên tục thủ hộ, quan sát, tu tập, chẳng phải chỉ gặp một vị Phật, hai vị Phật, ba vị Phật.

*(Kinh) Ngã quán vô lượng thời, bát vạn chư Phật giai hiện tiền. Bát nhân vi thủ tùng tòa khởi, hoàn vị hộ trì thị diệu pháp.*

**(經)我觀往昔無量世， 八萬諸佛皆現前。 八人爲首從坐起， 還爲護持是妙法。**

*(Kinh: Ta quán vô lượng đời xưa kia, tám vạn chư Phật đều hiện tiền. Tám người làm đầu đều đứng dậy, vẫn vì hộ trì diệu pháp này).*

*“Thị diệu pháp”* chính là pháp tắc Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội.

*(Kinh) Tiền thử bát vạn ức do-tha, phục trị như thị số chư Phật.*

**(經)前此八萬億由他， 復值如是數諸佛。**

*(Kinh: Trước đó, tám vạn ức do-tha, lại gặp chư Phật số như thế).*

*“Bát vạn ức”* thì chúng ta dễ hiểu, nhưng đối với con số “do-tha” (na-do-tha, nayuta), thường là chúng ta chẳng thể vận dụng tư duy [để hình dung rõ ràng] cho mấy. Đó là số lượng cực đại, thậm chí chẳng thể tính kê, nhưng chư Phật Như Lai đối với chuyện chẳng thể nói kê, sẽ có



***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

cách diễn tả, còn có cách so sánh “*bất khả xưng bất khả xưng*”, cho đến thật sự còn có con số “*vô sở khả xưng vô sở khả xưng*”. Trong kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm có phẩm Số Tự, chuyên môn nói đến sự biến hóa của số lượng. Tâm trí phàm phu đối với các con số có thể lưu tâm, nghĩ bàn, tư duy, ghi nhớ hết sức hữu hạn. Trong kinh điển Phật giáo thường nói “*như Hằng hà sa số chư Phật*”, cho đến nói “*vô lượng Hằng hà sa số chư Phật*”. Các con số như vậy đối với nhân loại chúng ta khó thể đơn giản nói rõ được, cho nên dùng Hằng hà sa làm đơn vị để thuyết minh, giống như chúng ta dùng các đơn vị số lượng trăm, ngàn, vạn, ức để miêu tả vậy.

***(Kinh) Tâm đắc giải thoát đại danh xưng, bỉ thời thử bối dĩ nhiếp trì.***

***(經)心得解脫大名稱，彼時此輩已攝持。***

***(Kinh: Tâm đạt danh xưng giải thoát lớn; khi ấy, bọn họ đã nhiếp trì).***

Hết thấy giải thoát là vì đối với danh xưng trong thế gian, chúng ta thường nói: Người nhàn tản trong Phật pháp xa lìa hết thấy nhiệt nã, tức là Sở Tri Chướng phiền nã, các nỗi khổ phiền nã như sanh, lão, bệnh, tử, cầu chẳng được, yêu thương phải chia lìa, oán ghét cứ gặp gỡ, cho đến vô minh phiền nã, cho đến các phiền nã nhỏ nhặt như vi trần. Như vậy thì “*đại danh xưng*” chính là người nhàn tản, là người vô tâm nhàn tản trong thế gian. Hữu tình trong thế gian có khá nhiều chấp trước, nhiều đắm chấp, chấp trước thiện, chấp trước ác, chấp trước được, chấp trước mất, chấp trước phàm, chấp trước thánh, những điều như thế khó thể thuật trọn. Do vậy, có nhiều gánh nặng, tức gánh nặng thiện, ác, trí, ngu v.v... rất ráo giải thoát vượt khỏi lẽ thường, đó là “*đại danh xưng*”.

***(Kinh) Kim phục u ngã thắng pháp trung, năng vi nhiếp hộ lợi ích thủ.***

***(經)今復於我勝法中，能為攝護利益首。***

***(Kinh: Nay lại trong thắng pháp của ta, đứng đầu nhiếp hộ các lợi ích).***

“*Sư đạo*” (Vị thầy hướng dẫn), thiện tri thức, các vị A Xà Lê, các

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2**

vị tại gia, xuất gia có thể giáo hóa thế gian, thì gọi là “lợi ích thủ” (người đứng đầu tạo lợi ích).

**(Kinh) Giáo hóa vô lượng Bồ Tát chúng, đoạn trừ tật đố chư đại nhân. Thủ đẳng u ngã diệt độ thời, thủ ngã xá-lợi hưng cúng dường. Thiện trì ngã tư chư Phật sự, an trí khiếp tứ biến thập phương.**

**(經)教化無量菩薩衆，斷除嫉妒諸大人。此等於我滅度時，取我舍利興供養。善持我斯諸佛事，安置篋笥遍十方。**

*(Kinh: Giáo hóa vô lượng các Bồ Tát, các đại nhân đoạn trừ ghen tỵ, bọn họ khi ta đã diệt độ, sẽ cùng cúng dường xá-lợi Phật, khéo giữ các Phật sự của ta, an trí khắp thờ khắp mười phương).*

Sau khi đức Thế Tôn diệt độ, dùng các thứ nhân duyên để tạo phước cho thế gian, khiến cho chúng sanh đều có chỗ để nương nhờ. Như chúng ta thấy tượng Phật, tức là do đức Thế Tôn lưu lại, tượng hảo có thể hóa độ chúng sanh. Giống như cha mẹ chúng ta đã chẳng còn trên cõi đời, di tượng của họ cũng có thể khiến cho chúng ta nhớ tưởng ân đức của cha mẹ, nhớ tưởng nội hàm lợi ích chân thật ân dưỡng dục của cha mẹ. Lại như xá-lợi (śarīra) thì có toàn thân xá-lợi, xá-lợi do nát thân, xá-lợi xương, xá-lợi thịt, đủ loại xá-lợi, đều do chư Phật truyền lại cho cõi đời. Nay chúng ta thấy kinh điển Đại Thừa, kinh điển liễu nghĩa, đó cũng là Pháp Thân xá-lợi của chư Phật. Lại như các loại pháp phục đã chế định cũng do đức Thế Tôn hóa hiện, muốn khiến cho hết thảy những kẻ hữu duyên hễ tiếp xúc bèn đạt được lợi ích độ thoát, người cúng dường cũng đạt được lợi ích.

Trong thời vua A Dục (Asoka Maurya), nhà vua đã kiến tạo tám vạn bốn ngàn tháp thờ xá-lợi của Phật. Theo ghi chép, tại Trung Hoa có mười tám chỗ, là nơi được phân bố xá-lợi nhiều nhất trên thế giới, là quốc gia rộng nhất, có xá-lợi răng của Phật, xá-lợi ngón tay của Phật, xá-lợi tóc của Phật, xá-lợi thịt của Phật, xá-lợi xương của Phật, xá-lợi kết tinh của Phật v.v... Các xá-lợi ấy đều có thể làm vật gia trì phước đức và trí huệ cho hữu tình trong đời Mạt Pháp, mà cũng là ruộng phước chân chánh xuất thế và nhập thế.

*(Kinh) Bình địa tạo tháp, hoặc tại sơn, phó chúc thiên long cập kim điều. Tư đẳng y trọng u thử kinh, thọ chung giai đắc sanh thiên thượng.*

**(經)平地造塔或在山，付囑天龍及金鳥。斯等依仗於此經，壽終皆得生天上。**

*(Kinh: Đất bằng tạo tháp hoặc trên núi, căn dặn trời rồng và kim điều. Bọn họ nương cậy vào kinh này, thọ mạng hết, đều sanh thiên giới).*

Tạo tháp thờ phụng kinh điển, hoặc tạo tháp thờ xá-lợi cũng lại chẳng thể nghĩ bàn, có thể khiến cho trời, người được giải thoát, hoặc sau khi mất sẽ được sanh lên trời. Quả thật là cổ vũ khích lệ đối với phước báo nhân thiên.

*(Kinh) Hậu tuy chuyển sanh u nhân gian, nhi thường bất ly thăng gia tánh. Thiện trì ngã tư Bồ Đề sự, hoàn phát đại nguyện tùy bản tâm.*

**(經)後雖轉生於人間，而常不離勝家姓。善持我斯菩提事，還發大願隨本心。**

*(Kinh: Về sau, tuy sanh vào nhân gian, thường chẳng lìa khỏi dòng cao quý. Khéo trì Bồ Đề sự của ta, lại phát đại nguyện thuận tâm mình).*

Trung Hoa từ sau thế kỷ mười chín đến nay, nhất là sau phong trào Ngũ Tứ và vận động phá tứ cự<sup>3</sup>, một mực kéo dài cho đến hiện tại,

---

<sup>3</sup> Phá Tứ Cự là một phong trào cách mạng do Mao Trạch Đông đề xướng song song với Cách Mạng Văn Hóa, chủ trương phá sạch cự tư tưởng, cự văn hóa, cự phong tục, và cự tập quán, nhằm mục đích tiêu diệt văn hóa cũ, suy tôn lãnh tụ, và chủ yếu là đập tan những thành phần đối lập trong Đảng và chánh quyền. Nguyên nhân là do trước đó, Mao Trạch Đông đã liên tiếp đưa ra các kế hoạch ngũ niên điên rồ, không thực tế, khiến cho kinh tế Trung Hoa lụn bại, quần chúng bất mãn, các thành phần lãnh đạo trong Đảng cũng tỏ ra nghi ngờ khả năng lãnh đạo của họ Mao. Bị mê hoặc bởi các luận thuyết của Mao Trạch Đông và sự tuyên truyền, khích động của bọn tay sai, các sinh viên và học sinh nhanh chóng thành lập các đoàn quân Hồng Vệ Binh rộng khắp tại Hoa Lục, hùng hổ phá hủy các cổ vật, sách vở, tranh ảnh cổ, kể cả các di tích như điện đường, chùa chiền, miếu thờ, đạo quán, các nhà kỷ niệm của những

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

đề xướng “*bình đẳng, dân chủ, tự do*”, tức là chẳng có khái niệm “*chủng tánh*”. Ấn Độ cho tới hiện thời vẫn có bốn loại chủng tánh, biểu hiện mười phần rõ rệt trong kết cấu của xã hội. Kẻ sanh vào tầng lớp “*tiện dân*” sẽ bị kẻ khác kỳ thị; do vậy, “*thường bất ly thắng gia tánh*” đối với người Ấn Độ mà nói sẽ là mười phần trọng yếu! Nói theo phía người Hoa, thật ra, mọi người vẫn có phân biệt! Tuy nói là bình đẳng, nhưng gia đình nông dân, gia đình công nhân, gia đình cán bộ, cho đến gia đình cán bộ cao cấp, gia đình cán bộ quân đội, ý thức sanh hoạt, cơ chế giáo dỡng, cảm thọ về cái tôi, vẫn sai biệt rất lớn. Lại còn người thuộc sắc tộc Hán, người thuộc sắc tộc thiểu số, cảm nhận sai khác đều rất lớn, chúng ta chẳng thể nào không đối diện với những tình huống cụ thể ấy!

Sanh trong gia đình có dòng họ sang cả là một thứ cổ vũ, là hướng dẫn tăng thượng cho phước báo nhân thiên. Đức Thế Tôn thuyết pháp thường dùng phước báo nhân thiên tăng thượng để hướng dẫn, khiến cho chúng ta tiến nhập Bồ Đề, chẳng phải là cơ duyên có thể lướt qua. Vì nếu chỉ nói đến giáo pháp Vô Thượng Bồ Đề, hết thảy chúng sanh tâm đều mê mờ, chẳng thể yêu thích. Nếu nói theo thứ tự tiến dần dần, sẽ có thể dẫn dắt chúng sanh yêu thích, hướng tới, thật sự thâm nhập tu tập

---

đanh sĩ thời cổ v.v... Thậm chí gia phả cũng bị đốt, xé; các vật dụng trang điểm, mỹ phẩm, các trang phục và dụng cụ trong nghệ thuật tuồng cổ và nghệ thuật dân gian đều bị phá hủy. Các màu sắc tươi sáng, rực rỡ, các kiểu trang trí đều bị cấm ngặt, vì bị coi là tàn dư của phương Tây và chế độ cũ. Cả nước xám xịt trong sắc áo chàm của công nhân, mọi người ăn mặc đồng phục như nhau, tóc cắt ngắn cùn như nhau. Các họa sĩ, thư pháp gia, nghệ sĩ, tăng sĩ, đạo sĩ, linh mục, giáo sĩ, thành phần trí thức, học thức đều bị tấn công, làm nhục trước công chúng. Cuộc vận động này được phát khởi vào ngày Một tháng Sáu năm 1966 qua bài báo Quét Sạch Nguru Xà Quỷ Thần đăng trên Nhân Dân Nhật Báo. Sau đó, vào ngày 12 tháng Tám năm 1966, Lâm Bưu trong hội nghị toàn đảng Trung Cộng đã chính thức đề ra mười sáu điều lệ hành động để chính thức phát động phong trào này. Các đường phố bị đổi tên, chánh quyền cho người viết báo chữ to dán trên tường hô hào đá kích các tư tưởng cũ và thành phần trí thức. Thậm chí Khổng Miếu cũng bị tấn công, thi hài của Diễn Thánh Công (Khổng Lệnh Di, hậu duệ đời thứ 76 của Khổng Tử) bị quật khỏi mồ, lật trường, và treo lủng lẳng trên cây trước Khổng Miếu. Hồng Vệ Binh phá hoại đến mức không thể kiểm soát, đến nỗi khi họ sắp tấn công vào Tử Cấm Thành Bắc Kinh, thủ tướng Châu Ân Lai phải hạ lệnh điều Giải Phóng Quân đến bảo vệ Tử Cấm Thành, nhưng phần lớn các nỗ lực của ông bị bọn cánh tả trong đảng như Khang Sanh, Giang Thanh, Trương Xuân Kiêu và chính Mao Trạch Đông vô hiệu hóa. Chính nhờ Châu Ân Lai, Bắc Kinh mới không bị đổi tên thành Đông Phương Hồng Thành.

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

pháp tắc trong Phật pháp. Do vậy, nói theo kiểu tăng thượng, sẽ là mười phần trọng yếu. Vì thế, trong quá trình sơ chuyển pháp luân, đức Thế Tôn nói ra giáo ngôn nhân thiên ngũ thừa, nói giáo ngôn tam thừa, đợi cho tới khi nhân duyên chín muồi, Ngài chỉ nói Nhất Thừa. Như kinh Diệu Pháp Liên Hoa chỉ nói Nhất Thừa giáo, bỏ các phương tiện, khai quyền hiển thật, chỉ nói tối thượng thừa, ban cho hết thảy chúng sanh lợi ích rốt ráo, dùng liễu nghĩa giáo để chân thật hồi thí chúng sanh. Đó là dẫn dắt dần dần theo thứ tự.

“*Hoàn phát đại nguyện tùy bốn tâm*” (Lại còn phát ra đại nguyện thuận theo bốn tâm): “*Bốn tâm*” là hết thảy chúng sanh vốn là Phật, xác định nhận biết “*hết thảy chúng sanh đều trọn đủ trí huệ và đức tướng của Như Lai*”, tiến thẳng vào Bồ Đề, sanh tử trọn chẳng liên quan, trọn chẳng thể nhiễm. Nhưng tuy nói “*chẳng có sanh tử để có thể đắc*”, hết thảy chúng sanh trầm luân trong nhân quả không gì chẳng gánh vác, tâm trí mê muội.

Do đó, đức Thế Tôn mới nói dần dần phước báo nhân thiên, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, cho đến tối thượng thừa, khiến cho họ nhận biết bốn tâm, quy kết bốn tâm vốn sẵn trọn đủ, chẳng nhờ vào phương tiện, tự nhiên trở về pháp tánh rạng ngời, chiếu tỏ mười phương, mau chóng thoát khỏi biển khổ sanh tử, quả thật là hư vọng tạo tác, đối đãi tạo tác, tức là tạo tác liên tục ngay trong mỗi niệm hiện tiền.

***(Kinh) Hoặc thời vị pháp chí tha quốc, hằng trị như thị thâm diệu điển. Đắc dĩ chuyển thọ chúng đa nhân, dĩ hoan hỷ tâm trừ tận đố.***

**(經)或時爲法至他國，恆值如是深妙典。得已轉授衆多人，以歡喜心除嫉妒。**

***(Kinh: Có lúc vì pháp đến nước khác, thường gặp diệu điển sâu như thế. Đã được, dạy lại nhiều người khác, dùng tâm hoan hỷ trừ ghen ty).***

Trong thời đại này, cái tâm ghen ty đã trùm lấp tâm trí của rất nhiều vị xuất gia lẫn tại gia, hữu tình học Phật, hay không học Phật. Chẳng hạn như nhìn vào trạng thái toàn thể của nền kinh tế trong nước, mọi người ai nấy tăng cường chụp giựt. Vì thế, kẻ có tiền mong có tiền càng nhiều hơn, kẻ có quyền mong có quyền nhiều hơn. Nắm níu không

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2**

được, chẳng tiếc lao tâm, chẳng tiếc lao lực, rốt cục chẳng đạt được, phần nhiều sanh mệt mỏi, phần nhiều là vì đã xen tạp tâm ngạo mạn, tâm ghen tỵ! Hữu tình trong thế gian không ai chẳng là như thế, chúng ta có thể quan sát như thật.

*(Kinh) Cầu pháp tinh thành, vô giải quyện, khinh tài tiện mạng khởi ái thân. Hàng phục nhất thiết chư ngoại luận, thường dĩ diệu pháp huệ thí bĩ.*

**(經)求法精誠無懈倦，輕財賤命豈愛身。降伏一切諸外論，常以妙法惠施彼。**

*(Kinh: Cầu pháp tinh thành, chẳng lười mệt, coi thường tài mạng, há yêu thân? Hàng phục hết thảy ngoại đạo luận, thường dùng diệu pháp thí cho họ).*

Ở đây, nhắc đến một chương ngại lớn nhất đối với tu pháp trong thời đại này. Chương ngại gì vậy? Giải đãi, buông lung, chán mệt, chẳng thẹn, chẳng hổ! Đây là trạng thái toàn thể trong thời đại này. Do vậy, bậc thành tựu xuất thế, trụ thế rất hiếm hoi, vì giáo ngôn và ngôn thuyết học Phật dần dần tăng thêm nhiều, nhưng người thật sự thâm nhập tu tập ít ỏi. Do đó, hoàn toàn chẳng thể mười phần khiến cho người thế gian cảm nhận [Phật pháp] là nơi đáng nương cậy, đáng làm trông mắt, noi theo Phật pháp, sẽ khiến cho hữu tình trong thế gian thật sự tùy thuận giáo ngôn trí huệ thanh tịnh của Phật giáo để lìa khổ, được vui. Chúng ta phải khéo thoát khỏi thời đại lắm kẻ giải đãi này, thành tựu Bồ Đề, như câu nói “*hướng thượng nhất chiêu, toàn khán tự thân*” (phương cách hướng thượng hoàn toàn tùy thuộc chính mình). Muốn lìa khỏi đời hiện tại, nhất định chẳng thể buông lỏng cái tâm mạnh mẽ, tâm tinh tấn, tâm như pháp tế nhị thực tiễn thủ hộ. Nếu buông lỏng mà muốn xuất ly thế gian này, quả thật sẽ là rất khó!

*(Kinh) Thời thế vô năng thọ tư kinh, diệc vô độc tụng, chuyển giáo nhân. Duy hữu thử bối ngũ bách hiền, kim u ngã tiền tòng tòa khởi.*

**(經)時世無能受斯經，亦無讀誦轉教人。唯有此輩五百賢，今於我前從坐起。**

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

*(Kinh: Khi đòi không ai thọ kinh này, cũng chẳng đọc tụng, dạy người khác. Chỉ có năm trăm hiền nhân này, nay đối trước ta đều đứng dậy).*

Nếu trước đó, chúng ta chẳng yêu mến và tu tập pháp này trong một thời gian khá dài, mà có thể trực tiếp thọ trì kinh điển này, thật sự sẽ gặp khó khăn nhất định, vì lòng tin tưởng, hướng tới vẫn chưa đủ, làm sao có thể nghe kinh pháp, ngưỡng mộ kinh pháp, thực hành kinh giáo cho được?

*(Kinh) Phục thử bát sĩ chư Bồ Tát, đương lai bắc thiên thọ tu pháp. Nhạo hằng quảng tuyên đa lợi ích, hoàng thị thậm thâm Tu Đa La. Thử bát Chánh Sĩ vi thượng thủ, bỉ ngũ bách số phục vô tăng. Viễn ly tật đố, khí danh văn, lai thế đương thọ quảng đại pháp.*

**(經)復此八士諸菩薩，當來北天授斯法。樂恆廣宣多利益，弘是甚深修多羅。此八正士爲上首，彼五百數復無增。遠離嫉妒棄名聞，來世當授廣大法。**

*(Kinh: Lại nữa, tám vị đại Bồ Tát ấy, sẽ đến bắc thiên thọ pháp này. Luôn thích rộng tuyên nhiều lợi ích, hoàng dương Khế Kinh rất sâu này. Tám Chánh Sĩ ấy làm thượng thủ, số năm trăm ấy chẳng tăng thêm. Xa lìa ghen tỵ, bỏ danh văn, đời sau sẽ dạy pháp rộng lớn).*

Đoạn văn tự này thật sự là thọ ký. Trong hiện tiền đại chúng, có phải là có hạng người này được thọ ký hay không? Tôi chẳng hiểu, mà cũng chẳng biết, nhưng mọi người đối với pháp mà nếu có thể sanh lòng yêu thích, cũng chẳng loại trừ năm trăm vị hiền giả ấy, ai biết là người nào, là vị nào? Người có Thiên Nhân thấy rõ, người có Túc Mạng Minh biết rõ, người có Lưu Tận Thông biết rõ, người hành pháp biết rõ, người thành tựu Bồ Đề biết rõ.

*“Thử bát Chánh Sĩ vi thượng thủ, bỉ ngũ bách số phục vô tăng”* (Tám Chánh Sĩ ấy làm thượng thủ, số năm trăm ấy chẳng tăng thêm): Tám vị Chánh Sĩ ấy và năm trăm tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di cùng nhau nguyện, bất cứ lúc nào, chỗ nào, cũng đều thủ hộ người tu trì Thập Phương Chư Phật Tát Giai Hiện Tiền tam-muội, trong hết thảy mọi nơi, hết thảy mọi lúc, đều khiến cho hiện duyên của họ thành tựu, trọn đủ. Tám vị Chánh Sĩ và con số năm trăm chẳng có tăng giảm.

*(Kinh) Như thị tỳ-kheo cập ni bối, chư u-bà-tắc, u-bà-di. Xảo trí, vô đố, đặng pháp sư, đương thành Chánh Giác đại oai đức.*

**(經)如是比丘及尼輩，諸優婆塞優婆夷。巧智無妒登法師，當成正覺大威德。**

*(Kinh: Hàng tỳ-kheo và ni như thế, các u-bà-tắc, u-bà-di. Trí khéo, chẳng ganh, làm pháp sư, sẽ thành Chánh Giác, oai đức lớn).*

Đây là đức Thế Tôn thọ ký tình hình hạng người ấy trong đời Mạt Pháp sẽ khiến cho giáo ngôn này được lưu truyền rộng rãi trong cõi đời, tức là thọ ký cho tứ chúng, vì đây là pháp tắc để tứ chúng tham dự và thủ hộ. Chẳng phải chỉ nói riêng về hàng xuất gia, hoặc là nói đến bậc thánh, bậc trí, cũng chẳng phải chỉ nói riêng chúng tại gia, mà là tứ chúng đều gồm đủ.

*(Kinh) Bĩ bất tư nghị thần đức cụ, bách phước chi thể tướng trang nghiêm. Đạt vi diệu lạc trừ chúng khổ, trường bạt tam độc phiền não căn.*

**(經)彼不思議神德具，百福之體相莊嚴。得微妙樂除衆苦，長拔三毒煩惱根。**

*(Kinh: Trọn đủ thần đức chẳng nghĩ bàn, thể tướng trăm phước trọn trang nghiêm. Đạt vi diệu lạc trừ các khổ, nhỏ sạch rễ tam độc phiền não).*

Nói “*tướng trăm phước*” tức là trọn đủ thiện xảo, như ngôn thuyết thiện xảo, thực thi thiện xảo (thực hiện thiện xảo), giáo thọ thiện xảo, cho đến tu trì thiện xảo, thành tựu thủ hộ thiện xảo, có thể khiến cho chúng sanh lìa khổ, được vui, dẹp trừ các nguồn khổ! Nói “*tam độc*” tức là tham, sân, si, tức căn bản phiền não. Hữu tình thời Mạt Pháp trọn đủ tham, sân, si, đó là trạng thái biểu hiện nơi tâm trí của người đời. Nếu lắng lòng quan sát, chúng ta sẽ có thể thấy rộng khắp các loại phiền não căn của tham, sân, si.

*(Kinh) Thử đặng tòng kim xả mạng dĩ, chung bất thọ sanh ác đạo trung. Nhất thiết sanh trung thường hòa hợp, sở ngộ Bồ Đề tối thắng sự.*



**(經)此等從今捨命已，終不受生惡道中。一切生中常和合，所遇菩提最勝事。**

*(Kinh: Bọn họ từ nay xả mạng rồi, trọn chẳng thọ sanh trong đường ác. Trong hết thấy đời thường hòa hợp, luôn gặp chuyện Bồ Đề tối thắng).*

Đức Thế Tôn thọ ký: Khi đức Thế Tôn tuyên thuyết, pháp này một mực được tiếp tục lưu truyền rộng khắp cho đến vị lai. “*Nhất thiết sanh trung thường hòa hợp*” (Trong hết thấy các đời thường hòa hợp). Vì hành pháp Ban Châu tức Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiên tam-muội, khiến cho tâm trí chúng sanh điều nhu, từ bi, yêu mến thế gian. Hòa hợp là một tiêu chí đặc biệt trọng yếu trong sự thủ hộ, vì xa lìa ghen ghét, vì thường tùy hỷ, vì tâm trí điều nhu, vì yêu mến hữu tình trong thế gian, vì muốn dẹp trừ nỗi khổ cho chúng sanh. Hòa hợp là một đại pháp tắc khá trọng yếu, mà cũng là pháp tắc tập thể, nhất là trong cuộc sống hiện thời, do ở trong thời Mạt Pháp, hữu tình ương ngạnh, khó giáo hóa, phần nhiều chấp chặt ý kiến của chính mình, cho nên tranh cãi lẫn nhau hết sức thường xuyên!

*(Kinh) Ký xả nhất thiết ác thú sanh, diệc năng vĩnh ly chư nạn xứ. Công đức bất khả tri biên tế, như thị vô lượng thọ đa phước. Phục đương đắc kiến Di Lặc Phật, u bỉ thường khởi hòa hợp tâm. Cung kính cúng dường lợi ích tha, duy cầu Vô Thượng Bồ Đề cố.*

**(經)既舍一切惡趣生，亦能永離諸難處。功德不可知邊際，如是無量受多福。復當得見彌勒佛，於彼常起和合心。恭敬供養利益他，唯求無上菩提故。**

*(Kinh: Hết thấy đường ác chẳng còn sanh, cũng mãi xa lìa các chốn nạn. Công đức chẳng thể biết ngăn mé, vô lượng thọ, phước nhiều như thế. Lại sẽ được thấy Di Lặc Phật, tâm thường hòa hợp với kẻ khác. Cung kính, cúng dường lợi ích họ, vì chỉ cầu Vô Thượng Bồ Đề).*

Chúng ta biết Câu Lưu Tôn Phật (Krakucchanda) là vị Phật đầu tiên trong Hiền Kiếp, Ngài xuất thế khi loài người thọ sáu vạn năm. Câu Na Hàm Mâu Ni (Kanakamuni) Thế Tôn là vị Thế Tôn thứ hai, xuất thế

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

khi loài người thọ bốn vạn tuổi. Ca Diếp (Kāśyapa) Thế Tôn là vị Thế Tôn thứ ba. Phật Thích Ca là vị thứ tư, Phật Di Lặc là vị Thế Tôn thứ năm, theo thứ tự như thế đó. Tính theo thứ tự sẽ có một ngàn vị Phật xuất thế. Nay chúng ta đang thuộc vào tiểu kiếp thứ chín của Hiền Kiếp, thuộc kiếp giảm, thọ mạng của nhân loại ngày càng ngắn hơn, nhân duyên phước đức ngày một giảm bớt. Một mực giảm cho đến khi tuổi thọ của con người là mười năm, loài người rất lùn, lại có tam tai bầu bạn. Sau đó, lại dần dần tăng trưởng. Khi Phật Di Lặc giáng thế, con người thọ tám vạn bốn ngàn năm, thân cao bốn mươi mét. Cỏ cây cũng biến hóa. Chẳng hạn như hiện thời kiêu mộc<sup>4</sup> có lẽ chỉ tương đương với quán mộc trong vị lai. Quán mộc trong hiện thời có thể giống như cỏ trong thuở ấy. Tùy thuộc vào phước đức và nhân duyên của con người biến hóa, thân thể cũng tăng giảm theo, trăm vị cũng tăng giảm theo. Do thiện ác tăng hay giảm, trăm vị tăng hay giảm. Do phước đức nhân duyên biến hóa, cái nghiệp duyên thể chất của con người cũng biến hóa.

*(Kinh) Bĩ thời, thử bối hằng tập hội, thừa sự siêu thế Lương Túc Tôn. Vị thử chư Phật diệu Bồ Đề, đương độ sanh tử đẳng bỉ nạn. Ư hậu mạt thế pháp hoại thời, bỉ đẳng diệc thường trì thử pháp. Như thị xứ sở hằng tu hành, ngộ Di Lặc thế sự nhược tu.*

**(經)彼時此輩恆集會，承事超世兩足尊。爲此諸佛妙菩提，當度生死登彼岸。於後末世法壞時，彼等亦常持此法。如是處所恆修行，遇彌勒世事若斯。**

---

<sup>4</sup> Kiêu mộc (喬木, arbor) là cách gọi các loài cây có thân gỗ cứng. Điểm đặc trưng của kiêu mộc là có một thân chính to, có chất gỗ cứng, cành lá vươn ra bốn phía, có thể tỏa bóng rợp, tàng cây có hình dáng nhất định, cao từ năm mét trở lên. Ta thường gọi là “cây có thân mộc”. Kiêu mộc chia thành ba loại: Tiểu kiêu mộc (từ chín mét trở xuống), trung kiêu mộc (từ mười cho đến mười tám mét), đại kiêu mộc (cao hơn mười mét).

Quán mộc (灌木, shrub, bush) là các loại mộc thành lùm hay bụi, không có thân chính rõ rệt. Tàng cây có hình dáng không nhất định, không cao quá sáu mét. Loại này vẫn có thể có thân gỗ, nhưng không có thân chính rõ rệt. Trong loại này, còn có một loại được gọi là Á Quán Mộc (half shrub), có hình dạng như Quán Mộc nhưng thân mềm, phần lớn có thân ngầm dưới đất, mùa Đông chết rụi, đến mùa Xuân lại mọc lên.

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

*(Kinh: Lúc ấy, bọn họ thường nhóm họp, thừa sự siêu thế Lương Túc Tôn. Do diệu Bồ Đề của chư Phật, sẽ vượt sanh tử, lên bờ kia. Mai sau Mạt Pháp, pháp sắp hoại, họ cũng thường luôn trì pháp này. Luôn tu hành nơi chốn như thế, gặp đời Di Lặc như thế đó).*

Trong giáo ngôn, năm trăm vị tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di ấy, cùng với tám vị Chánh Sĩ thường hộ trì pháp này, tiếp nối cho đến tận tương lai lúc gặp Di Lặc Thế Tôn.

*(Kinh) Sở khả u thử Hiền Kiếp nội, quảng vị lợi ích thế gian đấng. Bĩ nhất thiết xứ hộ thị kinh, an trụ tam thế vô úy sở.*

**(經)所可於此賢劫內，廣為利益世間燈。彼一切處護是經，安住三世無畏所。**

*(Kinh: Có thể ở trong Hiền Kiếp này, làm đèn soi đời rộng lợi ích. Hộ trì kinh này khắp mọi nơi, an trụ ba đời, không sợ hãi).*

Đối với tám vị Chánh Sĩ, năm trăm tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di là những vị có trí huệ, đức Phật đã thọ ký cho đến khi pháp vận của Phật Di Lặc bắt đầu, các vị ấy vẫn có thể lợi ích thế gian rộng khắp. Trọn cả Hiền Kiếp, các vị ấy đều có thể lợi ích thế gian rộng khắp. Đây là sự thọ ký rộng lớn, chẳng phải là một vị Phật Thế Tôn thọ ký. Cho nên khi họ gặp Di Lặc Thế Tôn, cũng sẽ truyền bá giáo pháp này rộng khắp. Như thế thì nay chúng ta đang thuộc thời Mạt Pháp, sau khi đức Phật diệt độ, khi chánh pháp hoại, khi các điều ác hùng hực, chúng ta thủ hộ kinh Ban Châu Tam Muội, sẽ là phước đức và nhân duyên như thế nào? Sẽ giống như đức Phật đã thọ ký, chính là đèn sáng chiếu soi thế gian, có thể khiến cho hữu tình giải đãi, buông lung, chẳng hổ, chẳng thẹn trong thế gian sẽ sanh nhiều hổ thẹn, liễu giải và thủ hộ thiện căn của chính mình. Pháp này có thể khích lệ chúng sanh tự biết, tự giác, tự hiểu rõ.

*(Kinh) Tương lai ức số đa chư Phật, bất khả tư nghị nan đắc biên. Tư giai cúng dường, quảng tu hành, thường hộ như thị thắng Phật sự.*

**(經) 將來億數多諸佛，不可思議難得邊。斯皆供養廣修行，常護如是勝佛事。**

*(Kinh: Tương lai chư Phật nhiều ức số, chẳng thể nghĩ bàn, khó biết trọn. Thầy đều cúng dường, rộng tu hành, thường hộ thắng Phật sự như thế).*

Ở đây là nói [các vị hộ trì ấy] sẽ ở nơi chư Phật nhiều đến vạn ức số trong kiếp vị lai, “*bất khả tư nghị nan đắc biên*” (chẳng thể nghĩ bàn, khó biết được ngần mé) tức là do nhân duyên rộng lớn đều cúng dường, tu hành rộng khắp, hộ trì các Phật sự thù thắng như thế. Vì thế, hành pháp Ban Châu cũng rộng khắp đến tận vị lai, cho đến ức số chư Phật. Vì sao? Do công đức có sức tiếp nối rộng lớn chẳng thể nghĩ bàn của Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội, do thiện căn ấy chẳng thể tan hoại, do chân thật chẳng thoái chuyển.

Chúng ta đều biết, trong pháp tắc giáo ngôn của chư Phật, khá nhiều pháp tắc có thoái chuyển. Như trong giáo ngôn của Thanh Văn có một điển cố như sau: Một vị xuất gia vừa chứng đắc Sơ Quả, du hóa nhân gian, một lúc nọ, ở nơi tháp miếu của một vị Thế Tôn, bàn tay vô ý đặt trên tháp miếu. Khi đó, vị ấy đánh mất Sơ Quả. Vì sao? Tâm khinh mạn, tâm giải đãi mà ra. Đối trước tháp miếu của đức Thế Tôn mà làm lạc sanh kiêu mạn, do cái tâm lười nhác mà thoái thất Sơ Quả. Trong khi chúng ta tu tập pháp tắc, có tiến, có lùi, đó là pháp tắc tự lực. Nếu thuận tánh tu trì pháp tắc bất thoái, đương nhiên là sẽ chẳng tiến, chẳng lùi, chỉ là thủ hộ thanh tịnh, bình đẳng. Trong đời hiện tại, nếu tu trì phước đức nhân duyên tăng thượng, sẽ có tiến, có thoái. Nếu thuận tụy nương vào tự lực tu trì, muôn trong một đời thành tựu pháp tắc bất thoái chuyển, sẽ rất khó. Vì dấu cho loại pháp tắc ấy đã rất khó gặp gỡ [mà nay ta đã được gặp gỡ], bản thân do chúng ta thiện ác xen tạp, sẽ phần nhiều noi theo điều thiện tạp nhiễm, tuy thường hành pháp, phần nhiều là “*một tiến, chín lùi*”. Đó gọi là “*một nóng, mười lạnh*”. Mọi người đối với chuyện này đều đã quán chiếu và cảm nhận rất nhiều, có thể quan sát được!

*(Kinh) Kỳ hūu tại tiền thành Bồ Đề, bỉ bỉ hàm đồng tu cúng dường. Nhi hoặc ư tiên thủ diệt độ, ngã trụ đa thế na-do-tha. Kim thử Hiền Hộ đại Bồ Tát, cập thị Bảo Đức xuất chúng trân. Thương Chủ,*

*Ngập Đa Già Ma Na, đương kiến hằng sa vô số Phật. Ư bỉ diệc thọ vô thượng kinh, tiền dĩ kinh lịch đa kiếp số. Diệu toán bất năng tận kỳ hình, vô lượng ức kiếp thù năng tri. Nhược hữu chúng sanh đắc văn danh, hoặc u giác thời, cập thụ mộng. Năng phát dũng mãnh sư tử吼, bỉ bồi giai đắc Thiên Nhân Tôn.*

**(經)其有在前成菩提，彼彼咸同修供養。而或於先取滅度，我住多世那由他。今此賢護大菩薩，及是寶德出衆珍。商主岌多伽摩那，當見恆沙無數佛。於彼亦受無上經，前已經歷多劫數。妙算不能盡其形，無量億劫誰能知。若有衆生得聞名，或於覺時及睡夢。能發勇猛師子吼，彼輩皆得天人尊。**

*(Kinh: Ai đã thành đạo Bồ Đề trước, họ đều cùng nhau tu cúng dường. Hoặc ai đã nhập Niết Bàn trước, ta trụ thế nhiều do-tha kiếp. Nay như Hiền Hộ đại Bồ Tát, cùng Bảo Đức xả các thân bảo. Thương Chủ, Ngập Đa Già Ma Na, sẽ thấy hằng sa vô số Phật. Cũng thọ kinh vô thượng nơi Phật, trước đã trải qua nhiều kiếp số. Dẫu giỏi toán, chẳng tính trọn hết, vô lượng ức kiếp ai biết được? Nếu có chúng sanh được nghe danh, hoặc lúc tỉnh giác và nằm mộng. Có thể dũng mãnh sư tử吼, họ đều chúng đắc Thiên Nhân Tôn).*

“Thiên Nhân Tôn” là đáng được thế gian ứng cúng, là đáng Điều Ngự Trượng Phu.

*(Kinh) Nhược hữu chúng sanh dẫn văn danh, trực năng tín kính cập tùy hỷ. Nhất thiết tác Phật vô nghi lự, hà huống cúng dường u bỉ thân!*

**(經)若有衆生但聞名，直能信敬及隨喜。一切作佛無疑慮，何況供養於彼身。**

*(Kinh: Nếu có chúng sanh chỉ nghe tên, lập tức tín kính và tùy hỷ. Hết thấy thành Phật há ngờ chi? Huống hồ cúng dường thân vị ấy).*

## **Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2**

Nếu có chúng sanh nghe danh tự, danh hiệu của các vị đại Bồ Tát đó, nghe danh hiệu của pháp tắc, cũng được thành Phật, chẳng có ngờ vực! “*Trực năng tín kính cập tùy hỷ*” (Liên có thể tín kính và tùy hỷ): Bởi lẽ, pháp này là pháp siêng rông, pháp tinh tấn, có thể khiến cho Phật pháp được truyền bá rộng rãi trong thế gian, là pháp lợi ích thế gian rộng khắp. Khá nhiều người vốn chẳng học Phật, do thấy người khác kính hành Ban Châu mà hướng đến Phật pháp, yêu mến Phật pháp, cho đến có nguyện vọng tiến nhập hồng hiệu rõ Phật pháp. Vì sao vậy? Do bản thân pháp tắc này là siêng rông, cảm động người khác tới mức cùng cực! Người thế tục đối với cơ chế ngủ nghê, ăn uống v.v... trong cuộc sống thường nhật đã dưỡng thành thói quen. Thế mà [người hành Ban Châu] ngày ăn một bữa, thường đi, chẳng nằm, chẳng ngồi, cho đến trừ bỏ ngủ nghê, thật sự là một pháp tắc tu hành cảm động lòng người tột bậc. Nhưng trong ấy, do lại có Phật lực gia trì, Phật nguyện lực nhiếp trì, sức thần thông của Phật nhiếp trì, [cho nên] công đức và thiện căn của chính mình được chín muồi, tương ứng. Vì thế, đạt được lợi ích chẳng thể nghĩ bàn từ Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội. Đã thế, phàm lẫn thánh đều có thể hành, cho nên pháp này rất rộng lớn, có thể cảm động thế gian rộng lớn, có thể khiến cho hữu tình trong thế gian đạt được lợi ích chẳng thể nghĩ bàn. Vì vậy, nay chúng ta duy trì và tu tập pháp này chính là chuyện hết sức có ý nghĩa, mười phần thỏa đáng, mười phần tương ứng, mà đối với thân phận học Phật hoặc cơ chế học Phật của chúng ta cũng đều rất thỏa đáng.

*(Kinh) Kỳ sở thọ pháp bất tư nghị, thọ mạng pháp trụ diệt vô lượng. Lợi ích quảng đại vô cùng tận, công đức trí huệ bất khả tri. Bỉ quá khứ Phật nan tư lượng, thanh tịnh trì giới Hằng sa số. Thử bối u bỉ quảng hành thí, duy cầu Vô Thượng Phật Bồ Đề.*

**(經)其所受法不思議，壽命法住亦無量。利益廣大無窮盡，功德智慧不可知。彼過去佛難思量，清淨持戒恆沙數。此輩於彼廣行施，唯求無上佛菩提。**

*(Kinh: Lãn nhận Phật pháp chẳng nghĩ bàn, thọ mạng, pháp trụ cũng vô lượng. Lợi ích rộng lớn chẳng cùng tận, công đức trí huệ chẳng thể biết. Quá khứ chư Phật khó suy lường, thanh tịnh trì giới nhiều Hằng sa. Họ thí rộng rãi ở nơi ấy, chỉ cầu Vô Thượng Phật Bồ Đề).*

*Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2*

Niệm Phật thành Phật, quyết định [chứng đắc] Vô Thượng Bồ Đề, chẳng còn ngờ nữa! Duyên theo Phật, quyết định thành Phật. Chuyện này được chân thật chiếu kiến trong pháp duyên khởi. Vì sao? Duyên theo Phật, ắt sẽ rốt ráo biết tự tâm, do chẳng lìa tâm pháp, cho nên rốt ráo Vô Thượng Bồ Đề.

*(Kinh) Bỉ chư công đức bất khả số, đa kiếp tuyên thuyết mạc năng cùng. Ư Bồ Đề trung vô tăng giảm, thường niệm hộ trì kinh pháp.*

**(經)彼諸功德不可數，多劫宣說莫能窮。於菩提中無增減，常念護持是經法。**

*(Kinh: Các công đức ấy chẳng thể đếm, nhiều kiếp tuyên nói chẳng tận cùng. Trong Bồ Đề chẳng hề tăng giảm, thường nghĩ hộ trì kinh pháp này).*

Đức Thế Tôn cũng khó nghĩ bàn công đức và lợi ích của pháp này, cho nên “*đa kiếp tuyên thuyết mạc năng cùng*” (nhiều kiếp tuyên nói chẳng thể cùng tận).

*(Kinh) A Nan! Nhược nhân hộ thử kinh, thư tả, đọc tụng, cập ức niệm. Nhữ ưng quyết định hưng ái kính, chung bất ly thị ngũ bách trung.*

**(經)阿難若人護此經，書寫讀誦及憶念。汝應決定興愛敬，終不離是五百中。**

*(Kinh: A Nan! Nếu người hộ kinh này, biên chép, đọc tụng và nghĩ nhớ. Ông nên quyết định yêu kính họ, trọn chẳng lìa năm trăm người ấy).*

Thiện tri thức ơi! Lời thọ ký này là sự gia trì tăng thượng và cố vũ hết sức có ý nghĩa. Thật sự là ấn khê sự thành tựu. Trong năm trăm vị hiền giả, tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di ấy, vị nào là bậc thiện xảo? Dù nhận biết hay không nhận biết, quý vị đều phải nên khéo thủ hộ pháp tắc.

*(Kinh) A Nan! Nhược nhân trì thử kinh, tự đương cần tâm cầu kiên cố. Tịnh trì cấm giới, xả thụy miên, quyết định đắc tư diệu tam-muội. Ngã Tỳ Ni xứ thuyết Mộc Xoa, chư tỳ-kheo học cư Lan Nhã. Nhược năng Đầu Đà bất xả ly, đắc thử tam-muội định vô nghi.*

**(經)阿難若人持此經，自當勤心求堅固。淨持禁戒舍睡眠，決定得斯妙三昧。我毘尼處說木叉，諸比丘學居蘭若。若能頭陀不捨離，得此三昧定無疑。**

*(Kinh: A Nan! Nếu ai trì kinh này, hãy nên tâm siêng cầu kiên cố. Giữ giới thanh tịnh, bỏ ngủ nghỉ, chắc chắn đắc tam-muội mau nhiệm. Trong Luật Tạng nói đến Mộc Xoa, các tỳ-kheo học, trụ Lan Nhã. Nếu chẳng xả lìa hạnh Đầu Đà, quyết đắc tam-muội này chẳng nghi).*

Mộc Xoa tức là Ba La Đề Mộc Xoa, dịch sang tiếng Hán là Các Cá Bảo Giải Thoát Giới (các giới bảo đảm sự giải thoát). Lan Nhã tức là chỗ A Lan Nhã, tâm trí tịch tĩnh, bỏ các ồn náo. Đầu Đà: Mười hai hạnh Đầu Đà, chẳng hề thọ thỉnh (tức chẳng nhận lời thỉnh cúng dường riêng), mặc y phẩn tảo, ăn một bữa, một chiếc áo do các mảnh vải vụn chằm lại, tu một mình dưới tàng cây v.v... Nếu ai có thể thường thủ hộ [hạnh ấy], nhất định sẽ có thể thành tựu tam-muội này.

*(Kinh) Nhất thiết biệt thỉnh tận năng xả, phàm thị mỹ vị giai đoạn trừ.*

**(經)一切別請盡能舍，凡是美味皆斷除。**

*(Kinh: Hết thầy biệt thỉnh đều xả hết, phàm là vị ngon đều đoạn trừ).*

Tham cầu sắc, vị, tham chuộng lợi dưỡng, sẽ khó thể thành tựu pháp này.

*(Kinh) Sư sở thường khởi chư Phật tâm, thù vân bất chứng tư tam-muội?*

**(經)師所常起諸佛心，誰云不證斯三昧?**

*(Kinh: Tâm thường tưởng thầy như chư Phật, lẽ đâu chẳng chứng tam-muội này?)*



Nếu đối với thầy, thường nói là trong pháp tắc giáo thọ tam-muội, tưởng thầy như Phật, cái tâm ấy sẽ viên mãn. Viên mãn là vì có khởi đầu viên mãn; cho nên chứng đắc tam-muội chẳng xa. Trong thời đại này, đối với kinh điển, đối với thầy dạy mà khởi lên ý tưởng đúng như pháp, sẽ khá khó khăn! Vì hữu tình trong đời Mạt Pháp có nhiều nghiệp tập, có lắm tâm nghiệp chẳng viên mãn, cho nên tưởng thầy giống như Phật rất khó! Làm như thế nào? Y pháp, bất y nhân, chẳng đánh mất thiện xảo. Nhưng nếu quý vị nói: “Ta chẳng quan tâm chuyện này, ta biết sư trưởng là phương tiện hư giả lập ra. Nếu cái tâm viên mãn, ta sẽ coi thầy giống như Phật”. Đó là quý vị thiện xảo, đạt được lợi ích ấy, chẳng phải do duyên nào khác, mà là do tâm duyên sanh ra. Coi đó là sự thật, ắt sẽ thành tựu tam-muội này.

*(Kinh) Tham, khuể, si hoạn tiên giác tri, ngã mạn, tật đố hàm viễn ly.*

**(經)貪患癡患先覺知，我慢嫉妒咸遠離。**

*(Kinh: Tham, giận, si hoạn nhận biết trước, ngã mạn, ghen tỵ đều xa lìa).*

Đây là một nhân tố cơ bản nhất, hoặc có thể nói là pháp tắc thuộc về nền tảng hồng thành tựu pháp tắc này.

*(Kinh) Tình vô cấu trước niệm vô vi, độc tụng, tư duy thắng tam-muội.*

**(經)情無垢著念無爲，讀誦思惟勝三昧。**

*(Kinh: Tình chẳng chấp cấu, niệm vô vi. Đọc tụng, tư duy thắng tam-muội).*

Khi chúng ta đọc tụng kinh điển này, sẽ thấy phần nhiều là nhắc nhở chúng ta: “Đây là tư duy tam-muội”.

*(Kinh) Thanh tịnh ý xứ vô khả nhiễm, điều phục chư căn, tức oán hiềm. Nhất tâm chuyên niệm Như Lai thân, độc tụng, thọ trì diệu tam-muội. Nhược hữu Bồ Tát tại cư gia, tâm thường kiên trụ xuất gia sự. Thọ trì, độc tụng khẩu nghiệp thành, tâm thường niệm học thử tam-muội.*

**(經)清淨意處無可染，調伏諸根息怨嫌。一心專念如  
來身，讀誦受持妙三昧。若有菩薩在居家，心常堅住出家  
事。受持讀誦口業成，心常念學此三昧。**

*(Kinh: Tâm ý thanh tịnh chẳng thể nhiễm, điều phục các căn, dứt oán hiềm. Nhất tâm chuyên niệm thân Như Lai, đọc tụng, thọ trì diệu tam-muội. Nếu có Bồ Tát sống tại gia, tâm thường trụ chắc chuyên xuất gia. Khẩu nghiệp chuyên đọc tụng, thọ trì, tâm thường niệm học tam-muội này).*

“Tâm thường kiên trụ xuất gia sự” (Tâm thường trụ vững nơi chuyện xuất gia): Tuy đang ở tại gia, nhưng thường nghĩ xuất gia, thường nghĩ tới y bát. Đây là người tu hành tại gia có đủ thiện duyên và phước đức tăng thượng. Đức Thế Tôn đối với các vị đại Bồ Tát, tức tại gia Bồ Tát, đã dạy nhiều lượt như vậy, tán thán sự chân thật của công đức xuất gia. Trong đời Mạt Pháp này, tuy rất nhiều người xuất gia có vị đúng pháp, có kẻ chẳng đúng pháp, hoặc là có các thứ tướng trạng đáng nghi, nhưng vẫn chẳng thể ô nhiễm, nhuốm bản lợi ích và pháp tắc căn bản của xuất gia. Chớ nên vì nghiệp duyên của con người, vì nghiệp tập, chướng duyên, cộng nghiệp của thời đại mà ngăn chướng công đức xuất gia trong Phật pháp. Chớ nên vì hoàn cảnh con người, hoàn cảnh của thời đại mà soi mói Tam Bảo. Nếu ai vì một vị Tăng có những chỗ chẳng đúng pháp mà phỉ báng Tam Bảo, phỉ báng Tăng pháp, kẻ đó là người ngu muội. Nếu do đôi ba người hoặc nhiều người mà phỉ báng, cũng giống như thế. Cho đến do nhân duyên một đoàn thể, nhiều đoàn thể, hoặc do Tăng nhân trong một thời đại có lắm làm lỗi mà ngờ vực, phỉ báng công đức xuất gia của Tam Bảo thì cũng giống như thế. Vì có sao? Công đức xuất gia chẳng do một kẻ nào mà có, mà là do công đức của người thật sự hành hạnh xuất gia thủ hộ và thành tựu. Đối với chuyện này, các vị thiện tri thức nhất định phải khéo quan sát, đừng vì sai trái nơi hành vi của kẻ khác mà che lấp tâm duyên của chính mình, chướng ngại pháp tắc và lợi ích của chính mình. Thường nghe nói có người chửi bới Tăng pháp, Tăng nhân, chớ nên như thế! Nghiệp tạo tác và hành vi của con người trong mỗi thời đại hoàn bị hay không là do cộng nghiệp của thời đại ấy biểu hiện, chẳng phải do người xuất gia ấy muốn làm, mong làm, thực hiện. Vì thế, chớ nên chửi bới người xuất gia. Xuất gia chỉ là tướng mạo bề ngoài! Nếu quý vị tưởng người xuất gia

như thấy Phật, quý vị sẽ thấy Phật. Nếu quý vị hề thấy [người xuất gia] bèn sanh ý tưởng thị phi, chỗ nào cũng thấy lỗi lầm, tức là quý vị mang tâm tưởng lầm lỗi, sẽ mắc quả báo làm lỗi, vương duyên làm lỗi. Các vị thiện tri thức ơi! Pháp do chúng ta duyên theo sẽ trở thành chủng tử, quả báo trong vị lai tất nhiên sẽ chín muồi. Do vậy, người thật sự tu hành chẳng thấy lỗi của thế gian. Vì sao ở đây [đức Phật dạy]: Ở bất cứ nơi nào, đều phải nghĩ đến pháp xuất gia? Vì công đức xuất gia chẳng phải bất cứ ai cũng có thể chiếm hữu, chẳng phải là người hiện tướng xuất gia hay tại gia có thể chiếm hữu. Chỉ có người hành pháp tác xuất gia, ngưỡng mộ xuất gia thì mới đạt được lợi ích, đạt được thiện xảo. Do vậy, người hành pháp tại gia thường nghĩ xuất gia, kiên cố cái tâm, “*thọ trì, đọc tụng, thành tựu khẩu nghiệp, tâm thường mong học tam-muội này*”. Đó là yêu cầu đối với người tại gia.

*(Kinh) Hằng ứng tu trì ngũ chủng giới, diệc thường sở thọ Bát Giới Trai. Thường trụ tự miếu, xả tư sanh, độc tụng, tư duy thử tam-muội.*

**(經)恆應修持五種戒，亦常數受八戒齋。常住寺廟舍資生，讀誦思惟此三昧。**

*(Kinh: Luôn nên tu trì năm loại giới, cũng thường xuyên thọ Bát Giới Trai. Thường ở chùa miếu, xả của cải, đọc tụng, tư duy tam-muội này).*

“*Năm loại giới*” là chẳng giết, chẳng trộm, chẳng nói dối, chẳng dâm, và chẳng uống rượu, thanh tịnh thủ hộ như thế. “*Thọ tám giới*”: Thông thường chúng ta đề xướng người tại gia ở trong chùa miếu thọ trì Bát Quan Trai Giới, hoặc là phi gia bát giới. Do đó, có thể làm chuyện của người xuất gia, khiến cho chúng ta chẳng đánh mất cái duyên thù thắng trong chùa, chẳng mất cơ hội thù thắng nơi tự viện, chẳng đánh mất công đức được đại chúng huân tu. Như thế thì chúng ta chẳng đánh mất cơ hội của chính mình, chẳng rối loạn nhân duyên của chính mình, có thể thật sự khởi tác dụng của việc trụ trong tự viện, tác dụng của cộng tu, xa lìa cái hại tại gia, công đức chẳng thể nghĩ bàn, cho tới trong một thế giới Diêm Phù Đề, nhiều thế giới, các hữu tình trong trọn khắp mỗi thế giới đều trì ngũ giới, chẳng bằng công đức thù thắng, công đức chẳng thể sánh bằng của một người thanh tịnh vâng giữ Bát Quan Trai Giới. Vì

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2**

thế, các vị thiện tri thức ơi! Chúng ta là người xuất gia, đương nhiên phải thủ hộ pháp tắc xuất gia, thật sự hãy nên tôn trọng hiện duyên của chính mình. Còn người tại gia đến chùa miếu xin thọ trì, thủ hộ Bát Quan Trai Giới, quả thật là thiện căn của quý vị chẳng thể nghĩ bàn! Nếu kẻ tại gia chúng ta muốn thọ Bát Giới, muôn thủ hộ sẽ rất khó. Vì lẽ nào? Do tạp duyên hừng hực, do nhiều người quấy nhiễu, do bị ngoại duyên chế ngự, gây khó. Chúng ta thủ hộ tám giới ở trong tự viện rất dễ. Mọi người trọn đủ cái duyên thù thắng như vậy, ai nấy hãy nên quý trọng!

“*Thường trụ tự miếu, xả tư sanh*” (Thường ở trong chùa miếu, bỏ của cải), tức là chẳng tham cầu thế gian, thường yêu thích đạo tràng, yêu thích hành pháp, yêu thích duy trì pháp tắc Phật pháp, thích huân tập.

**(Kinh) Bất đương đam trước chúng phụ thiếp, vật ái nhi nữ cập trên tài. Trụ ưu-bà-tắc hành tu tâm, dẫn đương ức trì thủ tam-muội.**

**(經)不當耽著衆婦妾，勿愛兒女及珍財。住優婆塞行羞慚，但當憶持此三昧。**

*(Kinh: Đừng nên đắm đuối các thê thiếp, đừng yêu con cái và của báu. Trụ ưu-bà-tắc hành hổ thẹn, chỉ nên nhớ giữ tam-muội này).*

“*Bất đương đam trước chúng phụ thiếp, vật ái nhi nữ cập trên tài*”: Đây là nói về nam nữ. Nam thì đừng đắm đuối thê thiếp, nữ thì đừng quá yêu đắm con cái và của cải. “*Hành tu tâm*” (Giữ lòng hổ thẹn), đó là nói ưu-bà-tắc phải nên biết tại gia chẳng thể làm chuyện của bậc đại trượng phu, phải hổ thẹn. Quý vị nói: “Tôi là tại gia cư sĩ, có cần sanh khởi lòng hổ thẹn hay không?” Nếu đối với giáo ngôn của đức Thế Tôn, chẳng thể mạnh mẽ vứt bỏ các thứ trói buộc tại gia, quả thật phải nên sanh lòng hổ thẹn. Quý vị chẳng thể xuất gia, hãy nên sanh lòng hổ thẹn. Đó là phương tiện tăng thượng trong tu pháp. Nếu quý vị nói chính mình là kẻ tại gia không hổ, không thẹn, vẫn rất tốt đẹp, thì đạo nghiệp khó thể tăng thượng thành tựu, vì quý vị chẳng có tâm yêu thích tăng thượng!

**(Kinh) Mạc u tha sở khởi hại tâm, duy tư trừ khử chư điều hý. Vô xứ khả trước trụ u nhân, dẫn niệm tư duy thủ tam-muội.**

**(經)莫於他所起害心，唯思除去諸調戲。無處可著住於忍，但念思惟此三昧。**

*(Kinh: Đừng dấy lòng hãm hại người khác, chỉ nghĩ trừ bỏ các đùa bỡn. Không chỗ chấp trước, trụ nơi Nhẫn, chỉ nghĩ tư duy tam-muội này).*

“*Mạc ư tha sở khởi hại tâm*” (Đừng đối với người khác dấy lòng làm hại): Trong thế tục, đừng làm các điều ác, khó lắm! Nhưng trong tự viện, chẳng hạn như chúng xuất gia, nếu tạo ác nghiệp, hoặc tâm tưởng ác nghiệp, thật sự sẽ bị ràng buộc, lại còn không chỉ là những thứ tiếp nhận trong nội tâm. Vì sao xuất gia? Do có sự ngăn che, bảo vệ thiện xảo, vì được mọi người nhìn ngó, được mọi người yêu mến, được mọi người thủ hộ, được mọi người giám sát, đốc thúc, được mọi người cúng dường. Do nhân duyên ấy, cho nên người xuất gia có phương tiện tu đạo, có phương tiện xuất ly. Chẳng hạn như tiếp nhận sự tín thí của mười phương. Của tín thí nuôi thân ta; nếu chẳng thành tựu đạo nghiệp, đời đời kiếp kiếp khó thể đền trả mười phương tín thí. Đêm ngày ba lượt trăm trở, dùng gì để triệt tiêu? Vì thế, hàng xuất gia nếu chẳng tu hành đạo nghiệp, nếu chẳng dùng tâm trí chân thật để thủ hộ đạo nghiệp, đúng là cho đến đời vị lai chẳng thể đền trả! Món nợ ấy lần lượt tăng trưởng, chẳng thể nghĩ bàn, khó thể tính lường! Đối với chuyện này, hàng tại gia ưu-bà-tắc phải nên sanh tâm hổ thẹn, vì pháp tắc xuất gia có lợi ích chân thật như thế. Tuy thấy tợ hồ có áp lực, nhưng [pháp tắc xuất gia] thật sự khiến cho hữu tình chân thật xuất ly. Nếu người xuất gia chẳng thành tựu, cái nợ tức thế khó thể đền trả, đời này qua đời khác, trăm đời, ngàn đời, vạn đời, nhiều đời nhiều kiếp chẳng thể đền trả cái nợ thập phương. Đấy chẳng phải nói để [người nghe] sợ hãi, mà là nói đến nhân quả. Đó gọi là “*tha phương tín thí, nhật dạ tam phiên*” (Đối với tín thí từ phương khác, ngày đêm ba lượt trăm trở). Người tín thí có sức cũng lớn, công năng cũng cao, vì tịnh tín cho nên chân thành. Chân thành thì sẽ tăng trưởng chẳng ngớt!

“*Duy tư trừ khử chư điều hý*” (Chỉ nghĩ trừ khử các đùa bỡn): Do người tại gia có các thứ giải trí, các thứ phóng dật, các thứ hành vi chẳng ngăn đón, các thứ ngôn thuyết có ích hay vô ích, có trở ngại hay không trở ngại, cho nên có nhiều điều buông lung, gây hại cho cõi đời, [có hại] cho cả mình lẫn người. Trong Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận của Long Thọ

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

Bồ Tát có phẩm Tri Tại Gia Quá Hoạn, [quý vị] có thể tra duyệt văn tự hòng liễu giải những họa hoạn của tại gia. Rất nhiều cư sĩ tuổi trẻ sẽ nói: “Tôi còn chưa hưởng thụ hết phước đức trong nhân gian. Thế gian còn rất nhiều thứ lạ lùng tốt đẹp, còn có những trò vui tôi chưa nếm thử”. Nhưng quý vị chẳng dám bảo đảm chính mình còn có thể sống mấy ngày, sống mấy năm! Có người nói, “tôi về già sẽ học Phật”. Quý vị có thể sống đến già hay không, vẫn là một ẩn số! Ai cũng chẳng dám nói chính mình có thể sống đến năm nào, tháng nào, ngày nào? Trừ phi chính mình có Thiên Nhân Minh, mười phần biết rõ tương lai của chính mình. Hoặc là nói có sanh mạng tự tại lực, người như vậy có thể nắm giữ sanh mạng, nhưng người ấy tuyệt đối sẽ chẳng lần khân trong thế tục. Chúng ta vẫn cứ ngỡ chính mình còn rất trẻ, có rất nhiều thời gian để vui chơi, buông lung, cho đến tiếp tục làm những chuyện có hại, tức là tham, sân, si, mạn, nghi, tri kiến chẳng chánh đáng. Đúng là hãy nên cảnh tỉnh chính mình: Mạng người vô thường, trôi tuột qua như nước trên núi, sớm tối khó giữ được. Hôm nay hãy còn sống, ngày mai khó bảo đảm! Đó chẳng phải là lời dọa nạt, mà thật sự là lời chân thành! Có thể là vì ngoại duyên của tôi lừng lẫy, cơ bản là mỗi ngày đều gặp phải cảnh cáo tử vong.

Vì thế, đối với sanh tử vô thường, luôn có cảm giác mười phần thân thiết! Nhân loại đối diện với một người bạn nghiêm túc nhất, thân cận nhất là tử vong! Các bạn bè thân tình khác, tuổi thọ, cho đến tiếng tăm, lợi dưỡng, các thứ hưởng thụ, đều chẳng phải là bạn bè thật sự của ta, đều là gặp gỡ trong một lúc, do nhân duyên hòa hợp mà tạm thời gặp gỡ! Chỉ có tử vong là thân cận nhất, luôn luôn bầu bạn, luôn luôn theo sát, chẳng hề lìa bỏ! Chẳng có một khắc nào lìa bỏ chúng ta, chỉ đến khi nhân duyên chín muồi, sẽ trở thành sự thật. Nếu chẳng quán như thế, đạo nghiệp của quý vị làm sao thành tựu cho được? Quý vị dùng gì để duyên khởi vậy? Vì thế, các vị thiện tri thức hãy khéo quan sát nhé!

***(Kinh) Mạc w tài vật sanh chấp trước, hoa, hương, đồ phẩn, cập chư man. Vô xứ nhiễm trước an bỉ nhĩn, đản đương thọ trì thử tam-muội.***

**(經)莫於財物生執着，花香塗粉及諸鬘。無處染著安彼忍，但當受持此三昧。**

*Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2*

(*Kinh*: Đứng với tài vật sanh chấp trước, hương, hoa, phấn bôi, tóc mượt mà. Chẳng hề nhiễm đấm, an trụ Nhân, chỉ nên thọ trì tam-muội này).

“*Vô xứ nhiễm trước an bỉ nhân*” (Chẳng hề đấm nhiễm mà an trụ trong Nhân): Đối với các chỗ đấm nhiễm, tâm có thể thanh tịnh quan sát, chẳng nhiễm, chẳng chấp, đó là an nhẫn. Nhẫn là chấp nhận, tùy thuận. Vô Sanh Nhân chính là pháp Nhân chẳng tạo tác.

(*Kinh*) *Nhược tỳ-kheo-ni cầu thử kinh, đương cần quy kính, trừ tật đố. Điều hý, cống cao, cập ngã mạn, chúng bỉ Bồ Đề diệc bất nan.*

**(經)若比丘尼求此經，當勤歸敬除嫉妒。調戲貢高及我慢，證彼菩提亦不難。**

(*Kinh*: Nếu tỳ-kheo-ni cầu kinh này, nên siêng quy kính, trừ ghen tỵ. Đùa bỡn, kiêu căng, và ngã mạn, chúng Bồ Đề ấy cũng chẳng khó).

Từ tỳ-kheo, ưu-bà-tắc, và ngay lập tức nói đến tỳ-kheo-ni, vì sao? Trong rất nhiều cách thuyết pháp, đức Thế Tôn đều nói theo kiểu như vậy. Được nhắc đến ở đây là do tỳ-kheo-ni cũng thuộc vào hai chúng xuất gia, chúng [tỳ-kheo-ni] này có phân lượng nhất định, cần phải nhắc đến. “*Đương cần quy kính trừ tật đố, điều hý, cống cao, cập ngã mạn*” (Hãy nên siêng năng quy ngưỡng, kính trọng, trừ ghen ghét, đùa bỡn, kiêu căng và ngã mạn). Đây đều là những lầm lỗi mà nữ chúng thường mắc phải!

(*Kinh*) *Ung phát tinh tấn, phá thụy miên, nhất thiết chư cầu giai đương đoạn. Tâm ái nhạo pháp, tịnh mạng tồn, duy đương độc tụng thử tam-muội.*

**(經)應發精進破睡眠，一切諸求皆當斷。心愛樂法淨命存，唯當讀誦此三昧。**

(*Kinh*: Nên phát tinh tấn, trừ ngủ nghỉ, hết thảy mong cầu đều nên đoạn. Tâm yêu mến pháp, giữ tịnh mạng, chỉ nên đọc tụng tam-muội này).

“*Nhất thiết chư cầu giai đương đoạn*” (Hết thảy các mong cầu đều nên đoạn): Đó gọi là sống thiếu dục tri túc, an trụ trong tâm trí nhàn

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2**

tĩnh, xa lìa ồn náo. “*Tâm ái nhạo pháp tịnh mạng tôn, duy đương độc tụng thử tam-muội*” (Tâm yêu thích pháp, luôn giữ ý niệm sống thanh tịnh, chỉ nên đọc tụng tam-muội này), khiến cho chúng ta chuyên tâm nhập, tu tập pháp tắc này. Trong tự viện, so ra có nhiều cơ hội và cũng có nhiều nhân duyên hơn để thực hiện chuyện này. Do vậy, sau đây, chúng tôi cố vũ mọi người hãy tận lực đến tự viện thọ giới, tu hành pháp tắc. Như thế thì sẽ chẳng đánh mất nhân duyên thù thắng của tự viện, đợi đến khi chúng ta quay về thế tục, sẽ nói đến chuyện thế tục. Đó cũng là một phương tiện.

**(Kinh) Tâm thường bất cộng tham dục cấu, mạc khởi khuể hận vô bách não. Bất dĩ ma phược hệ chúng sanh, duy đương thọ trì thử tam-muội.**

**(經)心常不共貪慾俱，莫起恚恨無迫惱。不以魔縛系衆生，唯當受持此三昧。**

*(Kinh: Tâm thường chẳng xen tạp tham dục, đừng dấy nóng giận, chẳng bức não. Đừng để ma trói buộc chúng sanh, chỉ nên thọ trì tam-muội này).*

Hãy đừng nên trộn lẫn với tham dục, chẳng xen tạp sân hận bức não. Hiện thời, hữu tình trong thế gian sân hận, bức bách, não hoạn là chuyện hết sức thường xuyên, hết sức dễ dàng sanh khởi. Nữ chúng càng biểu hiện dữ dội hơn! Hãy nên chú ý! Nhất là người xuất gia, tâm hãy nên thường sanh từ bi. Người xuất gia trong quá khứ, bất luận là tỳ-kheo, hay tỳ-kheo-ni, đều phải nên có hai thứ tu trì, tức là từ tâm quán và quang minh quán. Từ tâm quán là khiến cho hết thảy hữu duyên thanh thản, vui sướng, an lạc, hoặc dấy lên thiện niệm. Quang minh quán là trừ hết thảy đối đãi thiện ác, tâm chẳng vướng mắc, gột trừ cấu nhơ trong tâm, được trụ trong an lạc. Hai pháp ấy chính là pháp tắc ắt phải hành của hàng xuất gia. Nếu không có hai pháp hạnh ấy, xuất gia rất khó, bất luận xuất gia với hình thức như thế nào, sẽ luôn chẳng tương ứng, luôn rất khó đạt được lợi ích chân thật. Ở đây, vẫn hy vọng chúng ta xa lìa các triền phược, chẳng phiền não lẫn nhau. Nếu chúng ta cộng trụ mà chẳng có tâm từ bi, tâm yêu mến, tâm tạo thêm lợi ích cho đối phương, hoặc là chẳng cùng nhau huân tập, chẳng có tâm tu pháp, vậy thì sẽ có não hại,



mà nã hại sẽ khiến cho tâm trí của kẻ khác phiền bức, chẳng thể an ổn, cho đến nảy sanh oán hận, đối địch.

*(Kinh) Vô dĩ siểm khúc hữu sở vi, vật tham hảo y cập đồ huân. Mạc hành lưỡng thiết, ly phân tha, duy đương thọ trì thử tam-muội.*

**(經)無以諂曲有所爲，勿貪好衣及塗薰。莫行兩舌離分他，唯當受持此三昧。**

*(Kinh: Đừng hành các hạnh tâm siểm khúc, đừng tham áo đẹp và hương xông. Đừng nói đôi chiều, lời ly gián, chỉ nên thọ trì tam-muội này).*

Ở đây, nữ chúng dễ vướng vào trạng thái này. “*Vô dĩ siểm khúc hữu sở vi*” (Đừng làm các chuyện siểm khúc): Siểm khúc khiến cho kẻ khác bị thương tổn nhất, vì nó chẳng thật. Nay chúng ta tu pháp, hãy y pháp, đừng y nhân. Hoàn cảnh như thế sẽ mùi phân thích đáng, hữu ích. Mọi người đều duyên theo một pháp tắc trong Phật pháp để tới nơi đây.

Vì thế, đối với pháp phải nên siêng ròng, hãy nên đọc tụng kinh điển cho nhiều, hãy tu tập pháp tắc cho nhiều, lìa bỏ nhân ngã thị phi, xa lìa siểm khúc, xa lìa a dua, nịnh hót, màu mè giả dối, hãy như thật tự biết pháp tắc của chính mình, như thật thủ hộ tâm trí của chính mình, gạt bỏ các hành vi chẳng thật. Thật ra, đối với các hành vi chẳng chân thật, ai nảy đều chẳng ưa. Đối với chuyện này, chúng tôi đề xướng “*y pháp, bất y nhân*” rất thuận tiện, vì trong siểm khúc, sẽ có nhiều tình cảm giả dối xen vào.

“*Vật tham hảo y cập đồ huân*” (Đừng tham áo đẹp và hương xông): Chẳng tham đả trang phục! [Miễn sao y phục] có thể chống lạnh, ngăn trùng, rắn, có thể che chỗ xấu xa, có thể khiến cho người trụ trong an lạc thì là có ý nghĩa. Nó có thể khiến cho chúng ta thành tựu đạo nghiệp, như thế là đủ rồi! Đối với những thứ khác, chớ nên quá mức dụng tâm, kéo tiêu hao sanh mạng và sự duy trì sanh mạng của chính mình. Đồ huân (塗薰), tức là hương bôi và hương xông. Người Ấn Độ có thói quen ấy. Nay chúng ta cũng có huân hương, nhưng chẳng phải mong cầu tốt đẹp cho riêng mình, mà là để khiến cho đại chúng an lạc, cho đến khiến cho người hộ pháp được an lạc, vui sướng.

“*Mạc hành lưỡng thiệt, ly phân tha*” (Đừng nói đôi chiều, chia cách kẻ khác): Đây có thể là nghiệp tướng tội bậc đặc thù của nữ chúng. Bên này nói bên nọ, có tác dụng ly gián lẫn nhau, tổn hại cả mình lẫn người, như thế sẽ khiến cho mọi người đều chẳng thoải mái. Đối với khẩu nghiệp, nữ chúng càng phải nên chú ý, vì mọi người tụ hội rất dễ tán gẫu, hý luận nhiều lắm, thậm chí phê phán ưu khuyết, đúng sai. Vì thế, chúng ta ngoài lúc tu hành, hãy ít nói năng những lời tầm phào chẳng có ý nghĩa, tức là [đừng bàn luận] nhân ngã thị phi, hãy nói nhiều về pháp tắc, cho đến niệm Phật cho nhiều, cho đến “*đánh chết ý niệm*”, tinh tâm niệm Phật. Đó là phương tiện.

*(Kinh) Nam nữ thanh sắc bất hệ tâm, tịch tuyệt vô chư tà niệm sự. Ư giáo sư sở sanh Phật tướng, duy đương thọ trì tam-muội.*

**(經)男女聲色不繫心，寂絕無諸邪念事。於教師所生佛想，唯當受持此三昧。**

*(Kinh: Thanh sắc nam nữ chẳng bận lòng, dứt bật không còn chuyện tà niệm. Đối với thầy dạy, tướng như Phật, chỉ nên thọ trì tam-muội này).*

Tà niệm là tâm chẳng thể tự chế ngự được. Đó gọi là “*diện đối hý sắc, tà thái ngoại dật*” (mặt mang về cột nhà, tâm thái tà vạy bộc lộ ra ngoài, chẳng thể giấu giếm được), do tâm trí bất chánh. Nếu người nào tâm trí hoảng hốt, chẳng thể tự an lạc thủ hộ tâm trí, sẽ chẳng thể duy trì pháp tắc chân thật, còn người tâm trí đơn thuần, tâm trí thẳng thắn, tâm trí nhất như sẽ “*duy đương thọ trì tam-muội*” (chỉ nên thọ trì tam-muội này).

*(Kinh) Sở sanh vĩnh ly chúng ác đạo, ư Phật pháp trung bất không tín. Phá trừ tam hữu chư chương nạn, yếu thường thọ thị tam-ma-đề.*

**(經)所生永離衆惡道，於佛法中不空信。破除三有諸障難，要常受是三摩提」。**

*(Kinh: Thọ sanh mãi lìa các đường ác, đối với Phật pháp chẳng tin suông. Phá trừ các chương nạn ba cõi, phải thường thọ lãnh tam-muội này).*

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiện Hộ Kinh giảng ký 2***

“Sở sanh vĩnh ly chúng ác đạo, u Phật pháp trung bất không tín” (Đối với chỗ thọ sanh, vĩnh viễn lìa khỏi các đường ác. Đối với Phật pháp chẳng tin suông): Như hiện thời chúng xuất gia và tại gia ở nơi đây, đến tự viện mà nếu chẳng thể đúng pháp hành trì, sẽ đúng là xuất gia rỗng tuếch, học Phật phí công! Rơi vào trường hợp danh tự hư giả, thật sự chẳng tương ứng, chủ yếu là cô phụ bốn ân đức sâu nặng, cô phụ khát vọng của hữu tình trong tam đồ nạn duyên, cô phụ tín thí, cô phụ thầy dạy. Vì thế, trong Phật pháp, chúng ta phải nên chân thật thủ hộ, tu tập đúng như lý. “Phá trừ tam hữu chư chương nạn, yếu thường thọ thị tam-ma-đề” (Phá trừ các chương nạn trong tam giới, phải thường thọ lãnh tam-ma-đề này): Tam-ma-đề là tam-muội, thành tựu an trụ, công đức chân thật. Bài kệ này tiếp nối phần Trường Hàng trước đó, không ngừng khích lệ chúng ta nhận biết pháp tắc trì giới đầy đủ. Sau khi chúng ta đã kết thúc học tập, mọi người có thời gian, hãy lật xem kinh điển, niệm Phật, kinh hành, tư duy, quan sát. Chớ nên nghĩ lúc chúng ta học tập chỉ học tập. Sau khi ra khỏi thời khóa, bèn tán gẫu. Nếu cứ như thế thì thiện pháp chẳng thể duy trì liên tục được, tu pháp chẳng liên tục, đạo nghiệp chẳng liên tục, thiện căn công đức rất khó chín muồi! Cổ nhân đã nêu một thí dụ: Giống như nấu nước, đốt nóng tới sáu bảy mươi độ, để nguội, lại đun đến ba mươi độ, hai mươi độ, lại để nguội. Cứ đun đi đun lại như thế, nói chung là chẳng thể tiếp tục đun sôi được! Vì thế, đối với pháp, chúng ta phải liên tục. Học tập trong hiện tiền là điều trọng yếu, nhưng học tập sau đó càng trọng yếu hơn, vì thời gian học tập sau đó càng dài, càng nhiều hơn!

### ***12. Phẩm thứ tám: Xưng Tán Công Đức***

Pháp vốn trọn đủ, chẳng cần chúng ta phải bỏ thêm công sức. Thông qua một pháp hội, chỉ là biểu hiệu một phần, hoặc ít phần nội dung thực tế, vì muốn khiến cho các hữu duyên hữu tình trong hiện tiền sẽ nhờ vào cơ chế ấy mà thành thực thiện căn của chính mình, có thể tu chứng, cho đến thành tựu tam-muội này.

Đối với pháp tu trì Ban Châu tam-muội, muốn đắc Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội như thế, quả thật chẳng khó! Khó ở chỗ phát tâm, khó ở chỗ như thật liễu giải toàn thể cơ chế của pháp này, khó ở chỗ thể nguyện quyết định thủ hộ. Trong cõi đời, vốn chẳng có hai pháp khó và dễ, hoặc có chuyện khó hay dễ, chỉ tùy thuộc vào tư lương có đầy đủ hay không, pháp duyên có đủ hay không! Các

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

chuyện đều trọn đủ nhân duyên, khó và dễ là nói tương đối! Thật ra, chẳng có gì có thể chướng ngại cơ hội khiến cho chúng ta đích thân chứng tam-muội như vậy. Chúng ta có cơ hội học tập và coi trọng nó, tất nhiên cũng có cơ hội thành tựu. Hết thầy đại chúng hiện tiền đừng ngại vực điều này. Chư Phật là đáng nói lời thành thật, đáng nói lời chân thật, chúng ta có thể như lý, như pháp học tập, nhận thức pháp tắc này, hiểu rõ sự phát tâm. Như thế thì đối với công đức và lợi ích chân thật của tam-muội Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền như thế, sẽ thật sự không xa! “Xa” chỉ vì dụng tâm khác nhau, do cảm nhận nghiệp tướng [khác biệt]. Nếu chúng ta thoát khỏi sự cưỡng chấp nghiệp tướng từ vô thi tới nay của chính mình, thật sự liễu giải pháp tắc “*vạn pháp duy thức*”, liễu giải giáo nghĩa chân thật “*tánh Không duyên khởi*”. Lại nhìn pháp này, sẽ thật sự giống như vật trong lòng bàn tay. Điều chủ yếu nhất trong tu tập Phật pháp là phát tâm, nhân duyên tối sơ ở chỗ phát tâm. Sự tiến tu tập sau đó chính là sự chứng thực và xác lập của phát tâm.

Nay đang trong thời gian An Cư, năm nay có tháng Bảy nhuận, có thể là ba tháng an cư, mà cũng có thể bốn tháng an cư. Chúng thường trụ chùa Phóng Quang nhất trí yêu cầu bốn tháng an cư. Vì sao trong vòng một tháng của tháng Bảy nhuận chúng ta học tập pháp này? Điều chủ yếu nhất là vì muốn cho mọi người sau khi An Cư kết thúc, sẽ có một pháp để tiếp tục [tu tập], có một pháp để thực hành. Vì một khi An Cư kết thúc, mỗi cá nhân đối với sự y chỉ và nhận thức pháp tắc sẽ có thể là muôn ngàn sai khác, nhưng sau khi chúng ta đã học tập, vừa khéo là mỗi người sẽ dựa theo nhân duyên [riêng biệt của chính mình] để tu tập pháp tắc này, thâm nhập pháp tắc này, cho đến thành tựu lợi ích chân thật nơi tam-muội.

***(Kinh) Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh, quyển đệ tứ.  
Hiền Hộ Phần Xưng Tán Công Đức phẩm đệ bát.***

***Nhĩ thời, Hiền Hộ Bồ Tát, cập Bảo Đức Ly Xa Tử, Thiện Thương Chủ trưởng giả, Già Ha Ngập Đa cư sĩ tử, Na La Đạt Đa Ma Nạp, Thủy Thiên trưởng giả, dĩ ngũ bách đồ chúng đẳng, văn Phật sở thuyết, giai đại hoan hỷ, tức dĩ ngũ bách thượng y phục, phụng phú Thế Tôn. Phục dĩ đa chủng cúng cụ, cúng dường Thế Tôn, tâm nhạo pháp cố.***

**(經)大方等大集賢護經卷第四。**

### **賢護分稱讚功德品第八。**

**爾時，賢護菩薩，及寶德離車子，善商主長者，伽訶  
峇多居士子，那羅達多摩納，水天長者，與五百徒衆等，  
聞佛所說，皆大歡喜，即以五百上衣服，奉覆世尊。復以  
多種供具，供養世尊，心樂法故。**

*(Kinh: Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh, quyển thứ tư.  
Hiền Hộ Phần. Phẩm thứ tám: Khen Ngợi Công Đức.*

*Lúc bấy giờ, Hiền Hộ Bồ Tát, và Bảo Đức Ly Xa Tử, trưởng giả  
Thiện Thương Chủ, con của cư sĩ Già Ha Ngập Đa, Na La Đạt Đa Ma  
Nạp, trưởng giả Thủy Thiên, và năm trăm đồ chúng v.v... nghe lời Phật  
dạy, đều hết sức hoan hỷ, liền dùng năm trăm y phục thượng diệu dâng  
lên che đức Thế Tôn. Lại dùng nhiều loại vật cúng để cúng dường đức  
Thế Tôn vì tâm vui thích pháp).*

“*Tâm nhạo pháp cố*” (Do tâm ưa thích pháp): Bốn chữ này đã nêu rõ năm trăm đồ cúng dùng năm trăm bộ y phục thượng diệu để dâng cúng đức Thế Tôn, hòng biểu lộ sự vui thích đối với pháp, biểu lộ sự vui sướng, hớn hờ trong nội tâm.

“*Đa chủng cúng cụ*” (Nhiều loại vật cúng): Không vật dụng nào chẳng phải là các vật dụng được người cúng dường hoan hỷ, tôn trọng, yêu thích. Phong tục tập quán của Ấn Độ là như thế đó. Nhằm biểu lộ tâm tình vui sướng, tâm tình tôn trọng của chính mình, bèn dùng các phẩm vật mà chính mình tôn trọng, yêu thích làm phương thức biểu lộ. Xá-lợi răng Phật hay xá-lợi xương Phật ở Trung Hoa thường được đưa triển lãm tại nước ngoài, nhất là đến các nước như Miến Điện, Thái Lan v.v... Các chỗ xe chở xá-lợi đi qua, người ta đều đem các thứ mà chính mình nghĩ là quý trọng nhất ném lên xe. Y phục của các vị pháp sư thủ hộ xe chở xá-lợi đều bị đè nặng trĩu! Đây là một thứ phong tục tập quán của họ. Người Hoa nếu tôn trọng thứ chi đó, có thể là tán thán mây câu, nói mấy lời rất hoan hỷ là được rồi, “*điểm đến thì dừng*”, chắc chắn chẳng đem những món đồ quý trọng rải lên đó! Chẳng có thói quen ấy, chẳng có phong tục ấy! Nhưng tại các quốc gia như Ấn Độ và Đông Nam Á, họ sẽ biểu hiện có phần cụ thể hơn!

*(Kinh) Các dĩ kỷ thân phụng thừa Như Lai.*

**(經)各以己身奉承如來。**

*(Kinh: Ai nấy đều dùng thân của chính mình để phụng sự Như Lai).*

Tức là lễ bái, tán thán, tùy thuận lời dạy của tổ sư. Như một ngàn hai trăm năm mươi vị tỷ-kheo thường theo đức Thế Tôn du hóa, cũng là dùng thân tâm để cúng dường đức Thế Tôn, dùng công đức quyên thuộc để trang nghiêm đức Phật.

*(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn cáo A Nan ngôn: - Thị Hiền Hộ Bồ Tát thường u bỉ đẳng ngữ bách đồ chúng, nhi tác nghĩa sư.*

**(經)爾時，世尊告阿難言：「是賢護菩薩常於彼等五百徒衆，而作義師。**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn bảo ngài A Nan rằng: - Vị Hiền Hộ Bồ Tát này thường làm thầy dạy về nghĩa lý cho năm trăm đồ chúng ấy).*

“Nghĩa sư” là vị hướng dẫn phát tâm, hướng dẫn về pháp tắc, cho đến hướng dẫn về cách thành tựu và xác định pháp tu.

*(Kinh) Thuyết chư pháp yếu, giáo hóa ủy dụ.*

**(經)說諸法要，教化慰喻。**

*(Kinh: Nói các pháp yếu, giáo hóa, an ủi, huấn dụ).*

Các vị thiện tri thức thường nói tỷ dụ, muốn cho chúng sanh hướng tới pháp, tạo thành cơ hội tăng thượng để thoát lìa các nạn duyên đối với pháp. Có khi chúng ta tu pháp sẽ gặp đủ loại trở ngại, chẳng đủ tư lương, cho đến nảy sanh sợ hãi, sanh tâm thoái đọa. Vì thế, hết thấy Bồ Tát và thiện tri thức đều an ủi, khuyên dụ, thành thực thiện căn cho người đó, khiến cho người đó tiến nhập Bồ Đề.

*(Kinh) Linh bỉ hoan hỷ. Dĩ hoan hỷ cố, bỉ bối tức đắc tùy thuận chi tâm, chân thật chi tâm, thanh tịnh chi tâm, ly dục chi tâm, trừ chư phiền não, vô phục Cái Triền.*

**(經)令彼歡喜。以歡喜故，彼輩即得隨順之心，真實之心，清淨之心，離欲之心，除諸煩惱，無復蓋纏。**

*(Kinh: Khiến cho họ hoan hỷ. Do hoan hỷ, nên họ liền có tâm tùy thuận, tâm chân thật, tâm thanh tịnh, tâm ly dục, trừ các phiền não, chẳng còn có Cái và Triền).*

“Đắc” trong từ ngữ “tức đắc” chính là “có thể thành tựu”. Trong quá trình chúng ta học tập giáo ngôn Ban Châu, nếu có thể thường xuyên sanh vui mừng đối với pháp này, thích cúng dường pháp tắc này, cho đến lễ bái kinh điển, tán thán người hành pháp, cúng dường người hành pháp, thủ hộ đạo tràng hành pháp, sẽ đạt được lợi ích chẳng thể nghĩ bàn nơi Phật pháp, cho tới thành tựu tín thuận, tùy thuận lợi ích của pháp tắc này!

“Vô phục Cái Triền” (Chẳng còn có Cái và Triền): Hai pháp Cái và Triền là nghiệp tướng của chúng sanh. Ở đây, chúng tôi không ngại nêu ra. Phạm phủ trọn đủ hai pháp Cái và Chướng (tên gọi khác của Triền). “Cái” được chia thành năm món Cái. Cổ nhân nói [danh tướng của các món Cái] không đồng nhất. Có người nói [Ngũ Cái] là tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ. Cũng có người cho rằng [Ngũ Cái] là Tham Dục Cái, Sân Khuê Cái, Điều Cử Cái, Thụy Miên Cái (chướng ngại do ngủ nghỉ gây ra), và Nghi Cái. “Cái” (蓋) có nghĩa là khiến cho chúng sanh chẳng thấy được vàng mặt trời trí huệ, chẳng đạt được phương tiện trí huệ, trong tâm tối tăm, phần nhiều chẳng trọn đủ thiện xảo. Ngũ Cái che lấp tâm thức, khiến cho chánh pháp mai một; do vậy, chẳng thể đạt được các thiện xảo nơi thế gian và xuất thế gian.

“Triền” thì có Thập Triền, phiền não nhập tâm. Do nó khiến cho hành nhân chẳng có sức tự tại, cho nên gọi là Triền (纏, trói buộc). “Cái” trong phần trước là phiền não thô nặng, còn Triền trong phần sau là Tùy Phiền Não. Thập Triền phổ biến nhất nơi con người hiện thời. Mười loại Triền bao gồm: Một là vô tâm (chẳng xấu hổ), hai là vô quý (chẳng biết thẹn). Kẻ chẳng hổ, chẳng thẹn sẽ không có cách nào tiến nhập pháp tắc, phần nhiều đọa trong hạng tâm thường, tự thỏa mãn, đạt được chút ít đã cho là đủ. Trong lúc đức Thế Tôn giảng kinh Pháp Hoa, có năm ngàn người rời đi. Đức Thế Tôn nói những kẻ tăng thượng mạn ấy rời đi, rất tốt! Vì sao? Vì họ chứng đắc chút ít đã cho là đủ, tự cho là đúng. Ba là ngủ nghỉ, bốn là hậu hối (làm rồi bèn hối hận), năm là xan

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

(慳, keo kiệt), sáu là tật (嫉, ganh ghét), bảy là điệu (掉, lao chao), tám là miên (眠, trầm mê), chín là phần (忿, căm phẫn), mười là phú (覆, giầu giếm). Mười Triền pháp do nghiệp phần của chúng sanh mà hiện. Hiện thời, nếu chúng ta chẳng sử dụng hành pháp Ban Châu mà mong đổi trị Thập Triền và Ngũ Cái thì hầu như không có cách nào, rất khó trực tiếp nhận biết chúng, hoặc điều chỉnh chúng, nhưng hành pháp Ban Châu tiêu trừ các món Cái và Triền Phục ấy rất dễ dàng!

Đối với điều thứ ba là Thụy (睡, ngủ nghê) trong Thập Triền, phải nên nhắc tới đôi chút. Thông thường, chúng ta cho rằng nhắm mắt là ngủ. Ngủ gây chướng ngại cho việc sử dụng sức tự tại của mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, và ý, tức năm căn bế tắc thì gọi là Ngũ. Có người tu pháp trong mộng<sup>5</sup>, người ấy chẳng gọi là Ngũ. Vì sao? Người ấy đang tu

---

<sup>5</sup> Đây là pháp tu quán tưởng và điều khiển ý thức trong mộng của Mật Tông Tây Tạng, thường được biết đến với tên gọi là Dream Yoga (Svapnadarsanta trong tiếng Sankrit, hay Milam Naljor trong tiếng Tây Tạng). Pháp tu nổi tiếng nhất gọi là Lục Pháp của Naropa do tôn giả Naropa đề xướng. Tôn giả Gamgopa đề xướng các bước căn bản như sau:

1. Nắm bắt giấc mộng: Nhận thức sinh động trong giấc mơ. Để thực hiện điều này, hành giả phải quán mọi cảm nhận trong cuộc sống hằng ngày đều như giấc mơ, để đến khi ngủ, khi nằm nghiêng bên phải, họ thật sự nhận biết chính mình đang bắt đầu tiến vào mộng, đồng thời mật niệm chân ngôn, quán tưởng ý thức hình thành từ từng chủng tử trong tâm trí trước khi ngủ thiếp đi.

2. Huấn luyện giấc mộng: Hành giả phải tập luyện sao cho tâm trí nhận biết chính mình đang nằm mộng, đối diện với mọi cảnh tượng trong mộng đều chẳng hoan hỷ hay sợ hãi.

3. Quán tưởng: Hành giả kiểm nghiệm tự tâm trong giấc mộng, luôn nhận biết chính mình đang nằm mộng, trừ khử mọi ý niệm vi tế sợ hãi hay chấp trước, luôn nhận thức cái tâm vô ngại.

4. Thiền Định: Hành giả phân tích mọi trình tự của giấc mộng, biết đó chỉ là sự phản chiếu của mọi ý niệm vi tế ẩn tàng trong tạng thức. Nếu tán tâm hay hôn trầm trong giai đoạn này, khi thức giấc hành giả phải lập tức quán chiếu các chủng tử (bija) của các chân ngôn tương ứng và thực hành phép quán Đại Thủ Ấn (Mahamudra) khi vừa thức dậy.

Mỗi tông phái trong Tạng truyền Phật giáo có các bước quán tưởng về giấc mộng sai khác đôi chút, nhưng chẳng rời ngoài bốn giai đoạn chánh yếu như trên. Các vị thầy có thẩm quyền về pháp tu này đều khuyên cáo: Để tu pháp này, phải được truyền thừa, hướng dẫn, và giám hộ bởi một vị đạo sư có kinh nghiệm thực chứng, không thể tự tiện học qua sách vở hay tài liệu vì dễ đi sai đường, hay bị tẩu hỏa nhập ma. Cũng như nếu không cẩn thận, học nhầm pháp tu của đạo Bon cũng có danh xưng



## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

pháp. Nếu chúng ta đã biết pháp tắc trong Phật pháp, mà vẫn buông lung vô độ, tham ngủ nghê, thì về sau sẽ hối hận. Về sau hối hận gì vậy? Luống uổng một đêm, luống uổng một ngày, ngày này qua ngày nọ luống uổng như thế đó. Trong một đời người, ta dùng mất nửa thời gian để ngủ; thực tế là thuộc vào trạng thái chẳng thể tự chủ. Ban ngày, khi mặt trời mọc, chúng ta trông thấy tướng quang minh, toàn thể nhân loại đều được ánh sáng mặt trời soi rọi, khá có tinh thần, các thứ hành vi có thể rõ ràng hơn, tự chủ hơn. Khi mặt trời lặn, khi màn đêm buông xuống, sẽ dễ buồn ngủ, tâm trí mất đi sự tự chủ. Đó là tướng biểu hiện của cộng nghiệp.

Trong tướng biểu hiện của cộng nghiệp, chúng ta sẽ cảm nhận, và cũng có thể trông thấy: Lúc ngủ, sức tự chủ của chúng ta bị vùi lấp bởi sự bức bách của nghiệp, bị đè nén bởi cảm nhận, bị vô minh đè nén. Do bị đè nén mà chẳng đắc lực. Vì thế, trong khi mơ ngủ, phần nhiều chẳng tự chủ. “*Đạ*” (Ban đêm) có ý nghĩa “*tối tâm che phủ*”. Thật ra, ban ngày chúng ta có tự chủ hay chẳng? Chẳng phải là thường bị tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến sai khiến ư? Nếu là như vậy, trong lúc ban ngày và trong mộng, chúng ta đều chẳng thể tự chủ, kết quả là một kẻ thường mơ màng, tâm tối!

“*Tứ hối*” (Điều thứ tư là Hối): Đối với Hối (悔), trong Phật giáo thường nói đến sám hối, chẳng có duyên gây ra hậu hối (後悔, hối hận sau khi đã làm chuyện gì đó). Hậu hối phần nhiều là vì nhân duyên “kết quả đạt được chẳng tương ứng với lòng mong mỏi của chính mình”, bèn nảy sanh một thứ tướng phiền não. Do vậy, gọi là Triền, cũng gọi là Tùy Phiền Não. Người hậu hối sẽ thường nói: “Ôi trời ơi! Ta chẳng nên làm chuyện này, ta chẳng thể làm chuyện kia...” Người như thế suốt đời chẳng thành tựu chuyện gì! Những người có trí huệ đã sớm biết duyên khởi, quá trình và kết quả, chọn lựa rõ ràng pháp tắc như thế, sẽ tuyệt đối chẳng khiến cho chính mình bị che lấp, mê mờ, cũng sẽ chẳng bị sự tướng che lấp, càng chẳng bị mê mờ vì điều được, lẽ mất!

“*Ngũ xan*” (Điều thứ năm là Xan): “*Xan*” (慳, keo kiệt) là chẳng nỡ bỏ các vật. Đối với tài vật, chính mình còn chẳng thể dùng, huống hồ cho người khác ư? Hữu tình thời Mạt Pháp ích kỷ, keo kiệt rất nghiêm trọng!

---

tương tự, sẽ rơi vào cảnh giới của thần đạo, hay quỷ đạo, chẳng phải là Kim Cang Thừa.

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

“*Luc tật*” (Điều thứ sáu là ghen ghét): Chẳng muốn kẻ khác hơn mình, đó là Tật (嫉, ghen ghét). Vì thế, do cái tâm hiếu thắng, sẽ có lắm điều ghen tỵ. Người ghen tỵ cần phải hành pháp tùy hỷ cho nhiều, thường hành pháp tùy hỷ khiến cho tâm trí của chính mình sáng sủa, an trụ trong lợi ích rộng lớn, coi sự thành tựu của người khác như sự thành tựu của chính mình. Như thế thì thiện duyên sẽ trọn đủ, tự thân an lạc. Trong thời đại này, cái tâm so đo, háo thắng khá nhiều. Do vậy, chính là thời đại đấu tranh kiên cố, cái tâm ghen tỵ mười phần phổ biến. Chúng ta phải nên tự khéo tư duy, tiêu trừ nó (tâm ghen tỵ) từ nghiệp tướng của chính mình. Dùng tâm trí tùy hỷ và tán thán để tùy hỷ công đức và thiện duyên của người khác, tùy hỷ phước báo và thành tựu của người khác. Như thế thì chúng ta sẽ đạt được sự an vui rộng lớn, vì lúc quý vị tùy hỷ sự thành tựu của người khác, nếu thấy người khác thành tựu cũng giống như chính mình đạt được. Như vậy thì sẽ nảy sinh sự vui sướng và an lạc, sẽ sống hết sức hòa bình, rộng lớn, xa lìa các khổ não bức bách trong tâm. Có nhiều hữu tình muốn hơn người khác đã lâu, vĩnh viễn mong luôn ở trong trạng thái tôn quý, giỏi giang hơn người khác. Đó là tâm trí Tu La. Kết quả của tâm trí như thế là cuộc sống đấu tranh chằng ngời, quá khó khăn, quá khổ sở. Cuộc sống như vậy sẽ khá bức bách!

“*Thất điệu*” (Điều thứ bảy là lao chao): “*Điệu cử*” (掉舉, trao cử) là tâm trí bộp chộp, thiện căn khá mỏng ít, là kẻ hư vọng chấp giữ “lấy, bỏ”, rất khó có tâm trí trầm tĩnh, bình thản. Tâm trí chằng an, chằng thể thủ hộ điều gì, chằng được an vui trong các cảnh giới. Đó gọi là chằng thể Chỉ, tức là tu trì Xa-ma-tha sẽ khó thể thành tựu. Hôn trầm và điệu cử là một cặp pháp đối ứng. Hữu tình trong thời Mạt Pháp nếu chưa đắc Thiền Định, phần nhiều chằng hôn trầm thì sẽ đọa vào điệu cử. Chằng điệu cử, ắt sẽ rơi vào hôn trầm, chằng thể thoát ra, chằng có con đường thứ ba để đi! Nhưng con đường thứ ba chính là Chỉ Quán thành tựu, đạt được niềm vui tam-muội.

“*Bát miên*” (Điều thứ tám là Miên): Mê ngủ có tính chất hôn trầm kéo dài, chằng thể tự không chế.

“*Cửu phần*” (Món Triền thứ chín là phần): Vì tâm chằng tương ứng, chằng thể sanh ra lợi lạc, bèn sanh sân hận. Cổ nhân nói “*phần phần bất bình*”. Tuy chằng kịch liệt như Sân Hận, nhưng cũng là một thứ phiền não. Vì vậy, nói Phần là Não Hoạn.

“*Thập phú*” (Món triền phược thứ mười là Giấu Giếm): Thường che giấu khuyết điểm của chính mình, mong tự bào chữa, vì sợ mất danh

## ***Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

dự. Danh dự đúng là hư giả, nhưng rất nhiều người vì danh dự hư dối, chẳng tiếc sức giầu giém. Người thời Mạt Pháp, nghiệp duyên hùng hực, tạp duyên hùng hực, thường xuyên qua lại với người khác, suốt đời siêng năng tạo lỗi, tức là cơ hội phạm phải lầm lỗi rất nhiều. Chỉ cần tỏ lộ thì sẽ được an lạc, giống như phương tiện vứt bỏ rác rưởi, nhưng nếu che giấu khuyết điểm, sẽ giống như tiếc nuối, cất giấu rác rưởi! Có các vị Bồ Tát suốt đời siêng năng tom góp rác rưởi, thường hay tự bào chữa, luôn mong tô vẽ cho chính mình có bộ dạng rất viên mãn, rất thiện lương, rất nghiêm túc. Kết quả là tự thân hứng chịu tràn trề các lỗi lầm vì chẳng như thật! Vì lỗi lầm chẳng có tự tánh, cho nên hễ sám hối bèn được an lạc!

Vì sao phải nêu ra hai loại Triền và Cái? Chính là do chúng ta sống trong thời Mạt Pháp, trong khi tu tập, chẳng nhận biết rõ ràng, nhưng đây lại là một nghiệp tướng đặc biệt trọng yếu. “Tham, sân, si, mạn, nghi, tri kiến chẳng chánh đáng” khá thô nặng, thông thường chúng ta có thể thấy được, nhưng các món Triền sau đó như vô tâm, vô quý, hôn trầm, điều cử, hậu hồi, keo tham, ghen tỵ, mọi người chẳng để ý. Thật ra, chúng nó đều có thể sanh khởi căn bản phiền não giống y hệt như năm món trước (tham, sân, si, mạn, nghi). Hễ hơi nặng hơn thì “tham, sân, si, mạn, nghi, tri kiến chẳng chánh đáng” là sáu món căn bản phiền não sẽ bộc lộ. Sáu căn bản phiền não ấy mười phần thô nặng! Nhưng người học Phật trong hiện thời, đội cái mũ “là người học Phật” thì đông, chỉ là đeo đội để trang sức, chứ thật ra chẳng phải vậy. Nếu chẳng đối trị thích đáng “tham, sân, si, mạn, nghi, tri kiến chẳng chánh đáng” của chính mình, tiêu trừ nó, chuyển hóa nó, sẽ chẳng trở thành người học Phật! Chẳng thể tiêu trừ Tùy Phiền Não của chính mình, quý vị học Phật để làm gì? Có ý nghĩa chi đâu? Nhưng người hiện thời khoác lấy danh xưng học Phật đông lắm, kẻ tiêu trừ phiền não của chính mình ít ỏi! Do vậy, “liạ khổ, được vui” ít kẻ đạt được! Vì nỗi khổ phiền não, nỗi khổ do Sở Tri Chương, bất luận là phiền não thô nặng, hay Tùy Phiền Não, đều đem đến nỗi khổ cho chúng ta là chuyện rất rõ ràng, xác đáng! Chẳng hạn như chúng ta có thể trực tiếp cảm nhận nỗi khổ tham, sân, si. Nếu chúng ta thông qua học tập và tu tập Phật pháp, khéo điều chỉnh, khéo nhận thức, thoát khỏi chúng, sẽ có thể liạ khổ, được vui, mà cũng có thể khiến cho người khác liạ khổ, được vui, cũng chính là tự lợi và lợi tha, tự giúp mình, giúp đỡ người khác.

Nhắc nhở những điều này là vì người học Phật trong hiện thời tự giát vàng đông lắm, tự mình trang hoàng cho bản thân càng ngày càng

*Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2*

“giống”, tức là bề ngoài càng ngày càng giống [người đang tu hành] Phật pháp, nhưng nội dung càng ngày càng đậm phiền não! Có kẻ Sở Tri Chương càng ngày càng nhiều, có kẻ phiền não càng ngày càng nặng, học Phật như thế chính là đi ngược đường. Vì thế, đa văn càng lắm, chỉ ăn nói tăng thêm lưu loát, khinh mạn kẻ khác, phiền não lừng lẫy, tạo các ác nghiệp, đời này khổ nạn, đời sau ắt hẳn sẽ bị nhiều quả báo ác, tất nhiên sẽ đọa lạc, chẳng được nghe danh tự Tam Bảo. Vì sao vậy? Vì vận dụng Phật pháp hư giả, chẳng chân thật. Như thế thì quả thật là vô nghĩa. Các vị thiện tri thức ơi! Đối với chuyện này, chúng ta nhất định phải đích thân khéo quan sát nhé!

*(Kinh) Thời, ngũ bách nhân nhất tâm hiệp chưởng, cung kính đánh lễ, thoái trụ nhất diện. Nhĩ thời, Hiền Hộ tức bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Bồ Tát Ma Ha Tát cụ túc kỷ pháp, nhi năng đắc thử Niệm Phật tam-muội dã?*

**(經)時，五百人一心合掌，恭敬頂禮。退住一面。爾時，賢護即白佛言：「世尊！菩薩摩訶薩具足幾法，而能得此唵佛三昧也？」**

*(Kinh: Khi đó, năm trăm người nhất tâm chấp tay, cung kính đánh lễ, đứng lui qua một phía. Lúc bấy giờ, ngài Hiền Hộ liền bạch cùng đức Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Bồ Tát Ma Ha Tát trọn đủ mấy pháp sẽ có thể đắc Niệm Phật tam-muội này?)*

Khắp nơi trong kinh điển đều khơi gợi mọi người liễu giải chỗ y chỉ cơ bản để tu trì hồng thành tựu môn Niệm Phật tam-muội này.

*(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn cáo Hiền Hộ ngôn: - Hiền Hộ! Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát cụ túc tứ pháp, đắc thị tam-muội.*

**(經)爾時，世尊告賢護言：「賢護！若菩薩摩訶薩具足四法，得是三昧。**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn bảo Hiền Hộ rằng: - Nay Hiền Hộ! Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát trọn đủ bốn pháp, sẽ đắc tam-muội này).*

“Cụ túc tứ pháp” tức là có thể tương ứng với bốn pháp.

**(Kinh) Hà đẳng vi tứ? Nhất giả, bất trước nhất thiết ngoại đạo ngữ ngôn.**

**(經)何等爲四？一者、不著一切外道語言。**

*(Kinh: Những gì là bốn? Một là chẳng chấp trước các lời lẽ của ngoại đạo).*

“*Nhất thiết ngoại đạo ngữ ngôn*” (Hết thầy lời lẽ của ngoại đạo) không gì chẳng phải là cầu pháp ngoài tâm, tâm trí hư vọng tăng giảm, tâm trí tạo tác, đáng gọi là pháp tắc hữu lậu của các tạp duyên hừng hực trong sự liên tục đời đời nhị nguyên, là pháp tắc sanh diệt, là pháp tắc thiện ác, là các loại như thế. Chúng ta biết: Trong giáo ngôn, đức Thế Tôn đã nói lời như thật, lời chân thật, lời vô lậu, lời trí huệ, lời từ bi, lời phương tiện. Các lời lẽ như thế đều là cơ sở y chỉ của việc chứng tam-muội. Vì sao rất nhiều người niệm Phật, hoặc trì chân ngôn, dẫu hằng ngày niệm tám vạn câu Phật hiệu, hoặc sáu vạn câu Phật hiệu, trì chân ngôn mấy ngàn biến, mấy vạn biến, nhưng phiền não vẫn hừng hực y như cũ? Điều chủ yếu nhất là do chẳng nắm chắc một điểm, chẳng nhận biết, tức là nói dối, nói thêu dệt chưa ngưng dứt. Ác tâm, hư ngụy tâm, mạn tâm chưa ngưng dứt. Tu trì như thế thì chân ngôn chẳng thể thành tựu, niệm Phật chẳng thể tương ứng. Nếu chúng ta chẳng biết khéo gìn giữ khẩu nghiệp, chân ngôn sẽ chẳng thể nào thành tựu được! Nếu chúng ta chẳng khéo thủ hộ tâm trí, sẽ không có cách gì thành tựu niệm Phật được! Do vậy, là người niệm Phật cũng thế, mà người trì chân ngôn cũng thế, hãy nói lời thành thật, lời chân thật, thủ hộ tâm địa nhất như, càng là trọng yếu! Đừng nên dùng cái tâm hư vọng, tâm hư giả tạo nhiều khẩu nghiệp. Nếu cứ như thế mà mong có thành tựu, sẽ chẳng tương ứng. Đối với chuyện này, chúng ta nhất định phải tự mình chú tâm coi trọng.

**(Kinh) Nhị giả, bất nhạo nhất thiết chư ái dục sự.**

**(經)二者、不樂一切諸愛慾事。**

*(Kinh: Hai là chẳng ưa thích hết thầy các chuyện ái dục).*

Chuyện ái dục mười phần rộng khắp. Có người nói: Trong Dục Giới này, do có tình thức mà yêu mến lẫn nhau. Tình yêu mến ấy do vì lẽ

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

gì mà yêu mến? Do nghiệp vô minh thôi thúc, sai khiến, chẳng thể tự không chế được. Có kẻ say mê tiền tài, có người say mê thế lực, có kẻ say sưa danh vọng, có kẻ yêu mến oai đức. Cho đến người học Phật bèn yêu chuộng [cái danh] “ta là người học Phật”. Xét tới nhân duyên thực tế, lợi ích thực tế, [các thứ đó] có phải là tồn tại hay không? Cái được gọi là “ái dục” là vì mê mất mà kiến lập, do thiếu khuyết mà kiến lập, tức là tâm trí chẳng đầy đủ, chẳng trọn đủ, chẳng biết cội nguồn, mà tạo thành một sự khúc xạ trong pháp đối đãi, đó là điều hữu tình trong Dục Giới đều cùng có. Nếu xa lìa ái dục, các môn Thiền Định, tức Sắc Giới thiện xảo, sẽ tự nhiên hiện tiền, sanh vào Sắc Giới Thiên, hoặc là ở trong nhân gian mà hưởng thụ đủ loại vui sướng của Sắc Giới Thiên. Chúng ta có thể khéo quan sát chuyện này.

***(Kinh) Tam giả, thường bất viễn ly Đầu Đà công đức.***

**(經)三者、常不遠離頭陀功德。**

***(Kinh: Ba là thường chẳng xa lìa công đức Đầu Đà).***

Đó gọi là “thiếu dục, tri túc” để nuôi thân, như thật thủ hộ pháp tắc tịch tĩnh, yêu thích chôn A Lan Nhã, cho đến buông bỏ các duyên trong tâm và các duyên bên ngoài. “Xả” là chẳng nắm níu, đúng như thật mà tiến nhập, thủ hộ tịch tĩnh.

***(Kinh) Tứ giả, thường yếm tam giới chư hữu sanh xứ.***

**(經)四者、常厭三界諸有生處。**

***(Kinh: Bốn là thường chán các chỗ “có sanh” trong tam giới).***

Tam giới là Dục Giới, Sắc Giới, và Vô Sắc Giới. Chúng ta nói người tu pháp hiện thời phần nhiều phiền não thô nặng, cho đến đối với Tùy Phiền Não, chẳng thể tiêu trừ, chuyển hóa tướng phiền não, nghiệp phiền não, và nỗi khổ phiền não của chính mình. Căn bản là chẳng thể nói đến chuyện thoát tam giới được, vì chẳng may may dính líu đến xuất tam giới. Nếu chúng ta nhờ vào Phật pháp để kết duyên thì cũng là có ý nghĩa! Nhưng nếu hiện thời gặp gỡ Phật pháp mà không trừ phiền não nơi tự thân, cũng như phiền não của người khác, bất luận là căn bản phiền não, hay Tùy Phiền Não, chúng ta đều phải nên xét kỹ Phật pháp rốt cuộc để làm gì? Phật pháp xuất hiện trong cõi đời là vì muốn trừ Sở Tri Chương và Phiền Não Chương, thành tựu Bồ Đề cho chúng sanh.

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

Người tu tập Phật pháp, nếu tâm sân hận sâu nặng, tâm đố kỵ sâu nặng, tâm phiền não sâu nặng, tâm tham dục sâu nặng, chẳng thể tự kiềm chế, thậm chí khổ chẳng thể nói nổi. Khi đó, cần phải điều chỉnh, nhận thức chính mình và pháp tắc đã học, để coi xem chính mình có phải là người thật sự tu tập, ứng dụng, thành tựu pháp tắc hay không? Nếu chẳng như vậy, sẽ vẫn là một kẻ khoác lấy danh tiếng Phật pháp hư giả, giống như kẻ nắm giữ báu ma-ni có thể xuất sanh vạn vật mà lại đi ăn mày. Nói theo cách nói phổ biến nhất trong quá khứ thì là “*nữ trước kim oản khứ yếu phạn*” (cầm chén vàng đi xin ăn)!

***(Kinh) Hiền Hộ! Thị vi Bồ Tát Ma Ha Tát tụng tứ pháp, đắc tam-muội.***

***(經)賢護！是為菩薩摩訶薩具足四法，得此三昧。***

***(Kinh: Này Hiền Hộ! Đó là Bồ Tát Ma Ha Tát tụng đủ bốn pháp, đắc tam-muội này).***

Chúng ta hãy khéo quan sát, khéo tu tập, có thể tương ứng trọn đủ bốn pháp ấy, ắt chứng tam-muội sẽ chẳng phải là chuyện khó. Nếu chẳng trọn đủ [bốn pháp ấy], đối với tam-muội này, chẳng cần phải bàn tới, chẳng dính dáng, vì vẫn còn cách biệt quá xa, vẫn phải nên buông bỏ rất nhiều thứ!

***(Kinh) Phục thứ Hiền Hộ! Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân đọc tụng, thọ trì thị tam-muội điển, hoặc thời phục năng vị tha giải thuyết, hiện tiền tức hoạch ngũ chủng công đức.***

***(經)復次賢護！若有善男子善女人，讀誦受持是三昧典，或時復能為他解說，現前即獲五種功德。***

***(Kinh: Lại này Hiền Hộ! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân đọc tụng, thọ trì kinh điển tam-muội này, hoặc có khi lại có thể vì người khác giải nói, hiện tiền sẽ đạt được năm loại công đức).***

Đây là hai pháp. Một là tự mình đọc tụng, thọ trì kinh điển tam-muội này, đạt được năm thứ công đức và lợi ích. Hai là khi vì người khác giải nói, sẽ liền đạt được năm thứ công đức trong hiện tiền. Chúng ta có thể nghiệm chứng năm loại công đức ấy và lợi ích của chúng. Vì báng pháp thì sẽ có nỗi khổ do báng pháp, chửi bới sẽ tự có nỗi khổ do

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2**

chửi bới, hành pháp sẽ tự có niềm vui do hành pháp. Đối với lạc, chúng ta có thể như thật quan sát. Đức Thế Tôn dạy: Trì tụng kinh điển này, cho đến vì người khác giải nói, sẽ có năm thứ công đức. Sau khi chúng ta đã có nhân duyên tự mình đọc tụng, do nhân duyên trao đổi, giải nói với người khác, sẽ có thể thấy năm thứ công đức ấy tương ứng hay không? Nếu tương ứng, tức là chư Phật nói lời thành thật. Nếu chẳng tương ứng, lẽ nào Phật chẳng nói lời thành thật ư? Hãy nên tự hỏi ngược lại chính mình, xét xem chính mình có phải là thật sự đọc tụng kinh điển này, vì người khác giải nói hay không? Như thế chính là hành chân thật!

**(Kinh) Hà đẳng vi ngũ? Nhất giả, nhất thiết chúng độc bất năng tổn hại.**

**(經)何等爲五? 一者、一切衆毒不能損害。**

**(Kinh: Những gì là năm? Một là hết thấy các chất độc chẳng thể tổn hại).**

Do công đức hành pháp hoặc tụng kinh, hết thấy các chất độc chẳng thể tổn hại. Nếu quý vị nói: “Tôi cố ý tìm các chất độc đến thử xem sao?” Tâm trí kiểu đó chẳng tương ứng! Cũng có nghĩa là: Nếu chúng ta thật sự tu tập pháp tắc này, hết thấy các thứ độc hại do thiếu ý thức, hoặc các thứ độc hại của người khác đều chẳng thể làm hại chúng ta!

**(Kinh) Nhị giả, nhất thiết binh trượng bất năng phá thương.**

**(經)二者、一切兵仗不能破傷。**

**(Kinh: Hai là hết thấy các thứ vũ khí chẳng thể gây thương tổn).**

Chẳng bị vũ lực, hung khí gây thương tổn. Ở đây, đức Thế Tôn nói đến lợi ích và công đức trong hiện tiền. Chúng ta chớ nên sợ hãi lợi ích, mà cũng đừng nên tham cầu lợi ích; chỉ nên như thật đối diện lợi ích này!

**(Kinh) Tam giả, nhất thiết chư thủy bất năng phiêu một.**

**(經)三者、一切諸水不能漂沒。**

**(Kinh: Ba là hết thấy các thứ nước chẳng thể trôi chìm được).**



Đương nhiên đây chẳng phải là để cho chúng ta thí nghiệm, chẳng hạn như nói: “Ta nháy xuống nước xem sao?” Nhất định đừng nên có loại tâm lý chẳng tương ứng ấy. Đức Thế Tôn nói các pháp ấy, hoàn toàn chẳng vì để cho chúng ta thách thức các nạn duyên ấy, mà nhằm bảo chúng ta: Giả sử nhằm lúc có nạn duyên ấy hiện tiền, công đức và lợi ích ấy sẽ hiện tiền.

*(Kinh) Tứ giả, nhất thiết mãnh hỏa bất năng phân thiêu. Ngũ giả, ác vương, huyện quan bất năng đắc tiện.*

**(經)四者、一切猛火不能焚燒。五者、惡王縣官不能得便。**

*(Kinh: Bốn là hết thấy lửa mạnh chẳng thể thiêu đốt. Năm là vua ác và quan huyện chẳng thể có dịp làm hại).*

Kẻ ác không gì chẳng vì tâm trí chỉ quan tâm đến lợi ích hiện tiền. Ở đây, nói cách khác là chẳng bị kẻ nắm giữ quyền cao chức trọng nô dịch, sai sử.

*(Kinh) Sở dĩ giả hà? Do thị tam-muội từ tâm lực cố.*

**(經)所以者何? 由是三昧慈心力故。**

*(Kinh: Vì có sao vậy? Do sức từ tâm của tam-muội này vậy).*

Đọc tụng hoặc vì người khác giải nói, sức từ tâm của tam-muội này sẽ tự nhiên tương ứng. Tuy chưa chứng tam-muội, sức ấy đã sanh khởi. Cũng có nghĩa là: Tuy đã giải nói cho người khác, tam-muội vẫn chưa tương ứng, nhưng sức tam-muội đã sanh khởi chùng tánh chín muồi trong tâm Từ, cho đến có thể nói là cơ chế hoàn thiện. Do vậy sẽ đắc lực, tức là sẽ đắc lực khi nạn duyên hiện tiền.

*(Kinh) Hiền Hộ! Nhược bỉ thiện nam tử, thiện nữ nhân, nhất tâm cần cầu thị tam-muội thời, độc tụng, thọ trì thị tam-muội thời, tu duy tu tập thị tam-muội thời, vị tha giải thích thị tam-muội thời.*

**(經)賢護！若彼善男子善女人，一心勤求是三昧時，讀誦受持是三昧時，思惟修習是三昧時，爲他解釋是三昧時。**

*(Kinh: Này Hiền Hộ! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy khi nhất tâm siêng cầu tam-muội này, khi đọc tụng, thọ trì tam-muội này, khi tư duy, tu tập tam-muội này, khi vì người khác giải thích tam-muội này).*

Đây là bốn loại chúng sanh, tức là các chúng sanh dùng bốn loại phương pháp để tiếp xúc giáo ngôn của tam-muội này: Có người là cầu tam-muội này, có người thì đọc tụng, thọ trì tam-muội này, có người tu tập, tư duy tam-muội này, có người vì kẻ khác giải nói tam-muội này. Bốn loại hữu tình ấy đạt được công đức và lợi ích như sau...

*(Kinh) Nhược hữu chúng độc, cập dĩ binh trượng, nhất thiết thủy, hỏa, ác vương, huyện quan năng thương hại giả, vô hữu thị xứ!*

**(經)若有衆毒，及以兵仗，一切水火惡王縣官能傷害者，無有是處。**

*(Kinh: Nếu có các thứ chất độc, cùng với vũ khí, hết thủy nước, lửa, vua ác, quan huyện có thể tổn thương [người hành trì, đọc tụng, tư duy, tu tập, vì người khác giải nói tam-muội này], chẳng có lẽ ấy).*

Vì sao đức Thế Tôn cổ vũ chúng ta như vậy? Thật ra, Ngài như thật bảo cho chúng ta biết lợi ích do tư duy tam-muội này, lợi ích do giải nói tam-muội này, lợi ích do siêng cầu tam-muội này, lợi ích do đọc tụng, thọ trì tam-muội này. Trong bốn loại cơ chế, lợi ích đều giống hệt như nhau!

*(Kinh) Phục thứ Hiền Hộ! Giả sử thế gian Hoại Kiếp chi hỏa, thế giới diễm hách, thiên địa đồng nhiên. Nhược bỉ thọ trì thử tam-muội điển, chư thiện nam tử cập thiện nữ nhân, thiết linh đạo lạc đại kiếp hỏa trung, tam-muội oai thân, bỉ hỏa tức diệt.*

**(經)復次賢護！假使世間壞劫之火，世界焰赫，天地洞然。若彼受持此三昧典，諸善男子及善女人，設令墮落**

## 大劫火中，三昧威神，彼火即滅。

*(Kinh: Lại này Hiền Hộ! Giả sử khi thế gian bốc lửa Hoại Kiếp, thế giới cháy sáng rực, trời đất rỗng tuếch. Nếu các thiện nam tử và thiện nữ nhân thọ trì kinh điển tam-muội này, dù rơi vào lửa đại kiếp, do sức oai thần của tam-muội, lửa ấy bèn tắt).*

Trong phần trước, đức Thế Tôn đã thọ ký mười phần rõ rệt, nơi một ngàn đức Phật trong Hiền Kiếp, cho đến tột cùng đời vị lai, có năm trăm tỷ-kheo, tỷ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, cho đến tám vị Đại Sĩ v.v... đều thủ hộ sự thiện xảo của tam-muội này, chẳng để kinh điển bị mai một trong thế gian, độ nhiều chúng sanh, lợi ích rộng khắp nhiều hữu tình. Đời đời tiếp tục như thế, Ngài lại còn nói: Khi Di Lặc Phật Thế Tôn giáng thế, pháp này cũng được thanh tịnh tiếp nối, lưu truyền rộng khắp trong thế gian. Do vậy, sức của môn tam-muội này chẳng phải là pháp riêng biệt, hoặc phương pháp giải thoát riêng biệt của đức Thế Tôn, mà đều có thể truyền bá rộng khắp trong các nơi chốn của mười phương chư Phật, khiến cho hết thảy hữu tình hữu duyên đều có thể đạt được lợi ích chân thật rộng lớn. Chư vị thiện tri thức ơi! Chúng ta liên tưởng văn tự trong phần trước, sẽ có cảm nhận và quan sát rành rẽ đối với lời dạy của đức Thế Tôn.

*(Kinh) Hiền Hộ! Hựu như anh thủy năng diệt tiểu hỏa. Như thị Hiền Hộ! Giả sử trì kinh chư thiện nam tử, cập thiện nữ nhân, lạc bỉ hỏa trung, tam-muội lực cố, đại hỏa tùy diệt. Nhược bất diệt giả, vô hữu thị xứ.*

**(經)賢護！又如罌水能滅小火。如是賢護！假使持經諸善男子及善女人，落彼火中，三昧力故，大火隨滅。若不滅者，無有是處。**

*(Kinh: Này Hiền Hộ! Lại như nước từ cái vò có thể diệt lửa nhỏ. Như thế đó Hiền Hộ! Giả sử các thiện nam tử và thiện nữ nhân trì kinh rơi vào lửa ấy, do sức của tam-muội, lửa lớn liền tắt. Nếu chẳng tắt, chẳng có lẽ ấy).*

Bọn phàm phu bình phàm chúng ta chẳng thể thấy biết kiếp hỏa. Nếu kiếp hỏa xảy ra, sanh mạng sẽ không có chỗ nào nương nhờ. Ở đây,

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2**

đức Phật nói tướng đại công đức có thể diệt kiếp hỏa khi kiếp hỏa xảy ra. Đức Thế Tôn là đấng nói lời thành thật, muốn khiến cho chúng sanh thật sự nhận thức lợi ích của pháp tắc này trong Phật pháp, cho đến lợi ích của tam-muội.

*(Kinh) Phục thứ Hiền Hộ! Nhược bỉ thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì kinh thời, nhược bỉ ác vương, nhược ác huyện quan, nhược kiếp tặc, nhược sư tử, nhược hổ lang, nhược độc xà, nhược năng tác chướng ngại giả, vô hữu thị xứ.*

**(經)復次賢護！若彼善男子善女人受持經時，若彼惡王，若惡縣官，若劫賊，若師子，若虎狼，若毒蛇，若能作障礙者，無有是處。**

*(Kinh: Lại này Hiền Hộ! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy lúc thọ trì kinh mà hoặc là vua ác, hoặc quan huyện ác, hoặc giặc cướp, hoặc sư tử, hoặc cọp, sói, hoặc rắn độc, giả sử có thể gây chướng ngại thì chẳng có lẽ ấy).*

Không chỉ là chẳng bị kiếp hỏa tổn hoại, mà các ác duyên cũng chẳng thể thành tựu, cũng chẳng có lẽ ấy!

*(Kinh) Hựu thiết bỉ đẳng hành thị kinh thời, nhược bị dạ-xoa, nhược La-sát, nhược ngạ quỷ, nhược Cưu Bàn Trà, nhược Tỳ Xá Xà, nữ chí nhất thiết phi nhân năng vi chướng ngại, diệc vô hữu thị xứ.*

**(經)又設彼等行是經時，若被夜叉，若羅刹，若餓鬼，若鳩槃荼，若毘舍闍，乃至一切非人能為障礙，亦無有是處。**

*(Kinh: Lại giả sử những người ấy khi tu hành kinh này, nếu bị dạ-xoa, hoặc la-sát, hoặc ngạ quỷ, hoặc Cưu Bàn Trà, hoặc Tỳ Xá Xà, cho đến hết tất phi nhân có thể gây chướng ngại thì cũng chẳng có lẽ ấy).*

Trong phần trước đã nói thế gian chẳng thể xâm hại; ở đây nói quỷ thần cũng chẳng thể xâm hại.

*(Kinh) Hựu nhược bỉ nam tử, nữ nhân đọc tụng kinh thời, chánh tư duy thời, vị tha thuyết thời, nhập tam-muội thời.*

**(經)又若彼男子女人讀誦經時，正思惟時，爲他說時，入三昧時。**

*(Kinh: Lại nếu người nam kẻ nữ ấy khi đọc tụng kinh, khi chánh tư duy, khi vì người khác nói, khi nhập tam-muội).*

Trong bốn loại cơ chế ở đây, hoặc là khi đọc tụng, khi vì người khác giảng nói, khi tư duy, khi nhập tam-muội, lợi ích đều giống nhau. Chẳng phải là đã chứng đắc tam-muội thì mới có lợi ích như thế. Khi đọc tụng, lợi ích cũng giống hết. Khi tư duy, lợi ích cũng giống như hết. Khi nói cho người khác, lợi ích giống hết. Khi nhập tam-muội, lợi ích giống hết. Dù là khi tu nhân, hay khi vừa mới hướng đến, hay được tiếp xúc, cho đến một niệm tùy hỷ, cũng đạt được lợi ích chẳng thể nghĩ bàn này. Như thế thì chúng ta sẽ yêu mến pháp tắc này, tiếp xúc tam-muội này sẽ phát khởi duyên khởi rộng lớn, thanh tịnh, chân thật, tức là duyên khởi lợi ích thế gian, ta lẫn người đều được lợi.

*(Kinh) Hành phạm hạnh thời, nhược thất y, nhược thất bát, nãi chí hữu chư chướng ngại sự giả, vô hữu thị xứ.*

**(經)行梵行時，若失衣，若失鉢，乃至有諸障礙事者，無有是處。**

*(Kinh: Khi hành phạm hạnh, nếu mất y, hoặc là mất bát, cho đến có các chuyện chướng ngại thì chẳng có lẽ ấy).*

Đức Thế Tôn nói công đức và lợi ích của pháp tắc này đến chỗ cực vi tế, thậm chí những chi tiết vặt vãnh trong cuộc sống, như các chuyện nhỏ nhặt như mất y, mất bát v.v... Ngài đều nhắc nhở chúng ta: “Do hành pháp này, sẽ chẳng có chướng ngại như thế”. Trước kia, khi tôi ở trong núi, thường có kẻ hỏi: “Ở trong núi có gì ăn? Dùng gì đây?” Thật ra, nếu chúng ta thật sự nương theo lời giáo huấn của Thích Ca Thế Tôn, bất luận sống ở chỗ hẻo lánh tới mấy đi nữa, chẳng cần phải lo nghĩ vì cơm áo. Quý vị có thể thí nghiệm thử xem! Quý vị hành trì đúng pháp, đọc tụng đúng pháp, thâm nhập pháp tắc đúng pháp, chánh tư duy quan sát pháp tắc này, quý vị sẽ đạt được lợi ích chẳng thể nghĩ bàn.

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

Trước kia, vị thầy quy y của tôi khi vừa mới tiếp xúc Phật pháp, thầy thường ở trong núi. Mỗi ngày, hai giờ sáng thầy thức dậy, trèo lên núi để tu trì pháp mà thầy nghĩ là đáng nên tu trì. Có khi tới các chỗ rất heo lánh, nơi chẳng có người sống để tu tập pháp tắc, thường chẳng có cơm ăn. Chẳng phải là chính thầy không có cơm ăn, mà là do Ngài thường chẳng có ý nghĩ nấu cơm. [Thế nhưng] cứ mỗi khi thầy cảm thấy đói bụng, sẽ thường có người đưa thức ăn tới. Thầy gặp rất nhiều chuyện như thế. Sau đó, tôi ở trong núi, cũng đích thân thể nghiệm như thế rất nhiều. Không chỉ là sự ăn uống và tiêu dùng của chính mình, mà cho đến pháp tắc, cho đến các nhân duyên khác, đều có chư Phật, Bồ Tát, hộ pháp long thiên, thiện tri thức dùng oai thần nhiếp thọ, hộ trì, khiến cho hiện duyên của quý vị nhanh chóng chuyển hóa. Quý vị có tin hay không? Phải tu tập! Chẳng tu tập, sẽ chẳng được!

Quý vị nói xem, lợi ích nhiều như thế có thật hay không? Trong quá trình kinh hành Ban Châu, quý vị cứ thông thả quan sát, tu tập, chẳng vì lợi ích mà kinh hành; nhưng quý vị phải quan sát chuyện này, phải quan sát vi tế. Chẳng quan sát các lợi ích ấy, sẽ chẳng thể liễu giải Ban Châu. Quý vị nói: “Tôi là người vừa mới phát tâm cầu tam-muội này, có lợi ích như thế hay không?” Có chứ! Quý vị nói: “Tôi vừa mới đọc tụng kinh điển này, có lợi ích như thế hay không?” Có chứ! Quý vị nói: “Tôi vừa mới giải nói cho người khác, chính tôi chẳng chứng đắc tam-muội như thế, có lợi ích như thế hay không?” Có chứ! Nếu đã chứng đắc tam-muội như thế, sẽ chẳng may mắn hoài nghi lợi ích ấy, tự nhiên sẽ có thiện xảo rộng lớn!

Do vậy, trong bốn loại cơ chế ấy, lợi ích giống nhau, chỉ là nói theo phương diện chủ động hay bị động. Chẳng hạn như đối với người đã chứng đắc tam-muội thì là chủ động. Lại như chúng ta hướng tới pháp tắc này, cũng là chủ động, chỉ là phẩm lượng chủ động có khác biệt. Tuy là như thế, nhưng nói theo cơ chế hành pháp chủ động thì lợi ích giống hệt nhau. Nếu nhận thức điều này, chúng ta đối với pháp sẽ chẳng có chuyện chẳng yêu mến, chẳng truyền bá, chẳng thực tập. Chúng ta đã gặp món trân bảo này, chớ nên bỏ mất, nhất là pháp này có thể hành, có thể biết, có kinh điển để có thể nương cậy, có pháp để có thể tu tập!

***(Kinh) Duy trừ túc vọng bất khả chuyển giả.***

**(經)唯除宿殃不可轉者。**

(**Kinh:** Chỉ trừ [trường hợp đã có] vọng hoạn từ đời trước chẳng thể chuyển được).

Đối với câu nói này, có những Bồ Tát chắc là nảy sinh lo ngại. Có sao nêu ra điểm này? Chúng tôi nêu ra một thí dụ. Chẳng hạn như một người mà phước đức và nhân duyên đã tới tột cùng, tức là nghiệp đã đến chỗ cùng tận, định nghiệp đã hiện, vốn nên sống tới sáu mươi tuổi. Quý vị nói: “Kinh hành Ban Châu sẽ có thể sống tới một trăm hai mươi tuổi”. Đây chắc là một cách nói chẳng tương ứng cho lắm, vì trong nghiệp báo có định nghiệp. Như sắc thân này của chúng ta có định nghiệp “*ắt phải chết*”, vì chúng ta là Phần Đoạn Sanh Tử. Cái ngày sanh ra đời chính là một chỉ dấu “*sắc thân này ắt phải tử vong*”. Đó là định nghiệp xứ. Ngoại trừ loại nghiệp duyên này, các chương duyên khác [do công đức hành Ban Châu] đều có thể tiêu trừ. Quý vị nói: “Tôi kinh hành Ban Châu có thể sống tới vạn vạn năm hay không?” Sắc thân của quý vị không được, nhưng thiện duyên của quý vị có thể tiếp nối. Chẳng thể nói là “Ngã tiếp nối”, vì nếu nói như thế, chẳng phải đã trở thành “thường pháp” hay sao? Chính là “nghiệp tiếp nối”, chẳng phải “Ngã tiếp nối!”

Có hữu tình chấp trước pháp tắc “có Ngã”. Ta có thể sống khá lâu, hoặc là nói “trong vị lai, Ngã là như thế nào?” Đó đều là nói giả thiết, vì Ngã có dấu hiệu là gì? Có người nói dùng Tứ Đại làm dấu hiệu, người ấy đã chết thì cái Ngã làm sao an lập cho được? Có người coi ý thức là Ngã. Ý thức biến đổi, Ngã làm sao tồn tại cho được? Thật ra, Phật pháp quan sát rất thấu triệt, quan sát chân thật: Pháp là vô ngã, con người cũng là vô ngã. Sự vật, ý thức, cho đến hết thấy các thứ đều chẳng có tự tánh, chúng ta phải quan sát như thật. Biểu hiện của sắc thân và ý thức chỉ là biểu hiện của nhân duyên mà thôi! Do nhân duyên liên tục, bèn miễn cưỡng gọi nghiệp tướng là Ngã. Rất nhiều người nói: Trong Tạng truyền Phật giáo, có người này chuyển thế bao nhiêu đời, người kia chuyển thế bao nhiêu đời, đó chẳng phải là Ngã ư? Chẳng phải. Đó là một thế nguyện, nghiệp tướng liên tục đó thôi! Nếu thật sự là một cái Ngã, sẽ chẳng gọi là Hoạt Phật (Phật sống). Họ cũng chẳng “*hoạt*” được, mà cũng chẳng có ý nghĩa! Do vậy, chúng ta từ sự tiếp nối nghiệp vô ngã, tiếp nối nhân duyên vô ngã, mà trông thấy sự tiếp tục của từng pháp tắc đó thôi!

Bàn tới Vô Ngã, chớ nên sanh lòng sợ hãi, phải dám quan sát, vì trong giáo ngôn của đức Thế Tôn, pháp là vô ngã, pháp là vô thường. Ất cần phải nhận thức điều ấy. Nếu quý vị chẳng liễu giải, cứ mong né

*Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2*

tránh điều này, sẽ nảy sinh rất nhiều nỗi sợ hãi, hoảng hốt, cho đến chẳng dám léo hánh các chuyện này! Như thế thì sẽ chẳng đạt được giải thoát, trí huệ, và phương tiện rốt ráo. Đối với điều này, chúng ta nhất định phải khéo tư duy và quan sát.

Vì thế, “*duy trừ túc ương bất khả chuyển hóa*” (chỉ trừ ương hoạn từ đời trước chẳng thể chuyển hóa), tức là dị duyên (cái duyên của Di Thực Quả) nối tiếp chín muồi, tức là mạng của người ấy được chuyển tới chỗ này. Đó có phải là Túc Mạng Luận hay không? Chẳng phải! Chỉ bất quá là nhân duyên của nó chín muồi, chín muồi như thế đó. Vậy thì chúng ta phải biến đổi điều gì? Trên thực tế là trừ phiền não, trừ chương ngại, lia các nỗi khổ hậu hoạn. Cũng có nghĩa là chẳng còn tạo tác các nỗi khổ hậu hữu. Đó là sự thiện xảo của Phật pháp trong hiện đời.

Nếu quý vị mong cho nỗi khổ trước kia cũng ngưng dứt, tức là có tâm vị lai, tâm quá khứ, tâm hiện tại. Nếu cưỡng chấp an lập ba cái tâm ấy, người như thế sẽ luân hồi chẳng ngớt, vì loại tâm đối đãi ấy tất nhiên là có nghiệp tương luân hồi.

*(Kinh) Phục thứ Hiền Hộ! Nhược bỉ thọ trì tam-muội kinh điển, chư thiện nam tử, thiện nữ nhân bối, nhược hoạn nhãn, nhược hoạn nhĩ, nhược hoạn ty, nhược hoạn thiết, nhược hoạn thân, nhược hoạn tâm. Phục hữu chư dư chủng chủng hoạn nạn, nãi chí mạng nạn, phạm hạnh nạn giả, diệc vô thị xứ. Phục thứ Hiền Hộ! Nhược bỉ nam tử, nữ nhân, u thủ kinh trung, đắc như thị văn, đắc như thị kiến, đắc như thị tri, như thị cụ túc dĩ, nhược bất trị Phật, nhược bán chánh pháp, phá hòa hợp Tăng, bối Phật Bồ Đề giả, diệc vô thị xứ!*

**(經)復次賢護！若彼受持三昧經典，諸善男子善女人輩，若患眼，若患耳，若患鼻，若患舌，若患身，若患心。復有諸餘種種患難，乃至命難，梵行難者，亦無是處。復次賢護！若彼男子女人，於此經中，得如是聞，得如是見，得如是知，如是具足已，若不值佛，若謗正法，破和合僧，背佛菩提者，亦無是處。**

*(Kinh: Lại này Hiền Hộ! Nếu các vị thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì kinh điển tam-muội ấy, hoặc bị bệnh mắt, hoặc bị bệnh tai, hoặc*



## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

*bị bệnh mũi, hoặc bị bệnh lưỡi, hoặc bị bệnh về thân, hoặc bệnh về tâm. Lại có các thứ hoạn nạn khác, cho đến nạn về tánh mạng, chướng nạn về phạm hạnh thì cũng chẳng có lẽ ấy. Lại này Hiền Hộ! Nếu nam tử, nữ nhân ấy ở trong kinh này được nghe như thế, được thấy như thế, được biết như thế, trọn đủ như thế, mà nếu chẳng gặp Phật, hoặc báng chánh pháp, phá hòa hợp Tăng, trái nghịch Bồ Đề của Phật thì cũng chẳng có lẽ ấy).*

Đoạn văn tự này từ các hoạn nạn nơi thân thể mà nói đến chuyện không có các hoạn nạn. Một là từ chỗ hoạn nạn thuộc về pháp duyên và chỗ hoạn nạn thuộc về thiện pháp để nói tới chuyện không có các hoạn nạn, tức là sẽ miễn trừ các loại bệnh tật nơi thân thể, [hai là] cũng sẽ tránh khỏi các thứ mạng nạn thuộc về phạm hạnh nhờ sức của tam-muội.

*“Nhược bất trị Phật, vô hữu thị xứ”* (Nếu chẳng gặp Phật, chẳng có lẽ ấy), nghĩa là nhất định sẽ gặp Phật. Vì lẽ nào? Tu trì Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền Lập tam-muội, dù là đắc hay chẳng đắc, do đã gieo cái nhân, hễ quả đã thành, tức là tam-muội hiện tiền, mười phương chư Phật đều hiện tiền, sẽ được trông thấy, sẽ vận dụng. Chẳng hiện tiền thì cái nhân ấy vẫn chân thật, chẳng dối; trong tương lai sẽ đạt được cái quả ấy. Nếu quý vị nói: “Tôi chẳng cầu trong tương lai, mà muốn cầu ngay trong hiện tại, có được hay không?” Muốn vậy thì quý vị hãy đích thân chứng tam-muội, sẽ được thấy chư Phật, đích thân được nghe dạy bảo.

*“Nhược báng chánh pháp, phá hòa hợp Tăng, bói Phật Bồ Đề giả, diệc vô hữu thị xứ”* (Nếu báng chánh pháp, phá hòa hợp Tăng, trái nghịch Bồ Đề của Phật, cũng chẳng có lẽ ấy): Chúng ta thật sự nương tựa giáo điển như thế, mà nếu báng pháp, phá hòa hợp Tăng, trái nghịch Bồ Đề, chẳng thể có lẽ ấy. Đừng nên xem thường trạng thái trong xã hội hiện thời! Hiện thời, kẻ phá hoại Tăng pháp, phá hoại pháp Bồ Đề của Phật, phỉ báng chánh pháp thường lừng lẫy trong những người học Phật, chứ ngoại đạo chẳng thể phá! Do vậy nói: *“Ngoại thú chẳng thể xâm phạm, quấy nhiễu sư tử vương. Chỉ có trùng sanh trong bụng sư tử mới có thể khiến cho xương cốt, thể chất của sư tử bị tan hoại, sắc thân tan hoại”*. Phật pháp cũng giống như thế đó! Tuy Phật pháp đã thể hiện tướng trạng Mặt Pháp, thân tướng sư tử rất oai hùng, dũng mãnh, ngoại đạo vẫn chẳng dám xâm phạm, quấy nhiễu, nhưng Ba Tuần đã lập thệ nguyện, chúng ta cũng chớ nên quên! Tức là hấn sẽ từ trong nội bộ của

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

Phật pháp mà bại hoại, tàn diệt Phật pháp, hủy diệt tự viện, hủy diệt đạo tràng. Có kẻ thích làm cho đạo tràng tu pháp chẳng được an lạc, chẳng được yên tĩnh. Mọi người tu tập Phật pháp chẳng có thứ tự. Đối với những kẻ phá diệt đạo tràng ấy, chúng ta hãy nên dùng lời thệ nguyện của Ba Tuần cảnh tỉnh họ, khiến cho họ bỏ ác duyên “trở thành quyến thuộc của Ba Tuần”. Đây là ác duyên, nếu quý vị chẳng nhắc tới chuyện ấy, sẽ có kẻ đến tự viện để gây họa hại cho tự viện, phá hoại sự kiến thiết của quý vị.

Chúng ta đều biết: Trong Bồ Tát giới, chỗ nào cũng đều bảo chúng ta, đối với chuyện kiến lập tháp miếu, dựng lập tượng Phật, khiến cho chúng sanh có chỗ để tu pháp, hành pháp, nghe giảng, và trao đổi Phật pháp. Nhân duyên phước đức như thế chúng ta đều phải thực hiện. Các vị tăng sĩ là người phải nên thủ hộ tự viện, thủ hộ đạo tràng, siêng năng tu tập các pháp trong đạo tràng, cho đến thành tựu các pháp. Hàng Bồ Tát và các vị Thanh Văn tuy thọ trì và truyền bá [các pháp môn] sai khác, nhưng bất luận xuất gia hay tại gia, đều phải bảo vệ đạo tràng, thực hiện pháp tắc, tôn trọng hòa hợp, chẳng trái nghịch Bồ Đề. Đây là con đường chánh đáng tất nhiên, là điều có ý nghĩa. Đối với kẻ trái nghịch, chúng ta nhất định phải cảnh tỉnh chính mình và người khác: “Đừng đọa lạc thành quyến thuộc của Ba Tuần, phá hoại đạo tràng, hủy hoại Phật pháp, khiến cho việc kiến thiết đạo tràng gặp nhiều duyên trái nghịch, thậm chí chẳng thể thành tựu”. [Nếu làm các hành vi phá hoại] như thế thì quý vị đáp y của Như Lai mà phá hoại pháp của Như Lai, ăn cơm của Như Lai mà diệt giáo pháp của Như Lai! Đó gọi là “đệ tử của Ba Tuần”, vì Ba Tuần đã lập thệ nguyện như thế này: Vào lúc đức Thế Tôn sắp diệt độ, hán đã đối trước đức Thế Tôn thốt ra lời ác như sau: “*Thế Tôn! Sau khi Ngài nhập diệt, ta sẽ sai quyến thuộc của ta đáp y của Ngài, ăn cơm của Ngài, ở trong chùa của Ngài, phá hoại pháp của Ngài*”. Ở trong chùa miếu, chúng ta phải cảnh tỉnh chính mình, cảnh tỉnh người khác như thế nào? Nếu gặp phải kẻ hoại pháp, hủy diệt hòa hợp, khiến cho tự viện chẳng kiến thiết tương ứng, chửi bới Tăng chúng, rửa xả Phật pháp, hãy nên nhắc nhở kẻ đó đừng đọa lạc thành quyến thuộc của Ba Tuần, chớ làm quyến thuộc của Ba Tuần. Đó là chuyện có lợi, có ý nghĩa, có xuất xứ. Nếu trong quá trình chúng ta thật sự hành trì pháp tắc tam-muội, sẽ chẳng hành trì các pháp tắc [phá hoại Phật pháp, phá hòa hợp Tăng như thế]. Nếu thật sự yêu mến pháp tắc tam-muội, sẽ chẳng có cơ hội để tạo tác các nghiệp duyên ấy! Cho nên nói là “*vô hữu thị xứ*” (chẳng có lẽ ấy, không thể nào xảy ra được).

*(Kinh) Hiền Hộ! Đương tri tức bỉ trì kinh nam tử, nữ nhân, như thượng chư sự mặc năng vi ngại, duy trừ tức vương bất năng chuyển nhĩ!*

**(經)賢護! 當知即彼持經男子女人, 如上諸事莫能爲礙, 唯除宿殃不能轉耳。**

*(Kinh: Nay Hiền Hộ! Hãy nên biết các chuyện trên đây chẳng thể trở ngại, người nam, kẻ nữ trì kinh được, chỉ trừ vương họa trong đời trước chẳng thể chuyển mà thôi!)*

Có các vị Bồ Tát tuy đến tu tập pháp, nhưng tâm trí chẳng tương ứng, hoặc là trong tâm chẳng tiếp nhận. Đối với chuyện này, trong các kinh Đại Thừa, đức Thế Tôn đã thọ ký khiến cho mọi người vui mừng, được cô vũ. Sau khi Ba Tuần đã phát ác thế như trên, đức Thế Tôn dùng tâm trí quang minh rộng lớn, thọ ký cho Ba Tuần và con cái của hắn: “Lành thay! Ông đã phát ra ác nguyện, nhưng vì công đức oai thần chẳng thể nghĩ bàn của Phật pháp, quyền thuộc của ông do đấng Như Lai, ăn cơm của Như Lai, hành pháp của Như Lai, ở trong chùa của Như Lai, bèn được thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề”. Ở đây, chúng ta cũng có thể nhắc nhở: Chẳng hạn như có kẻ tạo nhiều duyên trái nghịch, gây nguy hại cho Tăng chúng, nguy hại đạo tràng, nguy hại hòa hợp, nguy hại người khác học pháp tắc trong Phật pháp, lời thọ ký này của đức Thế Tôn cũng có thể nhắc nhở kẻ đó tín thuận lời đức Phật dạy như thế, thủ hộ lời dạy của đức Thế Tôn, có thể thoát lìa sanh tử y hệt. Vì thế, đối với chỗ thiện xảo rộng lớn trong lời dạy của đức Thế Tôn, cho đến các loại hữu tình nếu hữu duyên với Phật pháp, ắt sẽ thành tựu.

*(Kinh) Phục thứ Hiền Hộ! Bỉ thiện nam tử, thiện nữ nhân trì thị kinh giả, thường vị nhất thiết chư thiên xưng tán.*

**(經)復次賢護! 彼善男子善女人持是經者, 常爲一切諸天稱讚。**

*(Kinh: Lại này Hiền Hộ! Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy do trì kinh này, thường được hết thảy chư thiên ca ngợi).*

Sau đó, đức Thế Tôn bảo chúng ta: Hành pháp tắc này, sẽ được hết thấy hữu tình trong thế gian ca ngợi, kính yêu, thủ hộ, mong gặp gỡ, quan tâm chiếu cố. Tức là Ngài đã từ đủ mọi khía cạnh để nêu ra công đức thù thắng, công đức chẳng thể nghĩ bàn, công đức viên mãn rộng lớn rốt ráo của pháp tắc này. Ở đây, Ngài nói theo phương diện “xưng tán”.

*(Kinh) Diệc vị nhất thiết chư long xưng tán, hựu vị nhất thiết Dạ Xoa xưng tán. Hựu vị nhất thiết Càn Thát Bà đẳng chi sở xưng tán. Hựu vị nhất thiết A Tu La đẳng chi sở xưng tán. Hựu vị nhất thiết Ca Lô La đẳng chi sở xưng tán. Hựu vị nhất thiết Khẩn Na La đẳng chi sở xưng tán. Hựu vị nhất thiết Ma Hầu La Già chi sở xưng tán. Hựu vị nhất thiết nhân phi nhân đẳng chi sở xưng tán. Hựu vị nhất thiết tứ đại thiên vương chi sở xưng tán. Hựu vị nhất thiết Đế Lợi Thiên Vương chi sở xưng tán. Hựu vị nhất thiết Đại Phạm Thiên Vương chi sở xưng tán. Như thị nãi chí thường vị nhất thiết chư Phật Thế Tôn chi sở xưng tán dã.*

**(經)亦爲一切諸龍稱讚，又爲一切夜叉稱讚。又爲一切乾闥婆等之所稱讚。又爲一切阿修羅等之所稱讚。又爲一切迦樓羅等之所稱讚。又爲一切緊那羅等之所稱讚。又爲一切摩睺羅伽之所稱讚。又爲一切人非人等之所稱讚。又爲一切四大天王之所稱讚。又爲一切帝利天王之所稱讚。又爲一切大梵天王之所稱讚。如是乃至常爲一切諸佛世尊之所稱讚也。**

*(Kinh: Cũng được hết thấy các rồng khen ngợi, lại được hết thấy Dạ Xoa khen ngợi. Lại được hết thấy Càn Thát Bà ca ngợi. Lại được hết thấy A Tu La ca ngợi. Lại được hết thấy Ca Lô La ca ngợi. Lại được hết thấy Khẩn Na La ca ngợi. Lại được hết thấy Ma Hầu La Già ca ngợi. Lại được hết thấy nhân phi nhân ca ngợi. Lại được hết thấy tứ đại thiên vương ca ngợi. Lại được hết thấy Đế Lợi Thiên Vương ca ngợi. Lại được hết thấy Đại Phạm Thiên Vương ca ngợi. Như thế cho đến thường được hết thấy chư Phật Thế Tôn ca ngợi).*

Nói theo phương diện khen ngợi: [Người thọ trì kinh điển này] được hết thấy hữu tình trong thế gian, cho đến chư Phật, Bồ Tát đều khen ngợi. Đức Thế Tôn dùng thiện xảo đại oai đức như thế để khích lệ chúng ta yêu mến, đọc tụng, tu tập, truyền bá, giải nói, đích thân chứng đắc pháp tắc này.

*(Kinh) Phục thứ Hiền Hộ! Hựu bỉ chư thiện nam tử, thiện nữ nhân trì thị kinh giả, thường vị nhất thiết chư thiên ái kính. Như thị nữ chí thường vị nhất thiết chư long, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân phi nhân đẳng chi sở ái kính. Hựu vị nhất thiết tứ thiên đại vương chi sở ái kính. Như thị thường vị nhất thiết Đế Lợi Thiên Vương, nữ chí nhất thiết Đại Phạm Thiên Vương chi sở ái kính. Như thị thường vị nhất thiết chư Bồ Tát bối, nữ chí nhất thiết chư Phật Thế Tôn chi sở ái niệm dã.*

**(經)復次賢護！又彼諸善男子善女人持是經者，常爲一切諸天愛敬。如是乃至常爲一切諸龍、夜叉、乾闥婆、阿修羅、迦樓羅、緊那羅、摩睺羅伽、人非人等之所愛敬。又爲一切四天大王之所愛敬。如是常爲一切帝利天王，乃至一切大梵天王之所愛敬。如是常爲一切諸菩薩輩，乃至一切諸佛世尊之所愛念也。**

*(Kinh: Lại này Hiền Hộ! Các thiện nam tử, thiện nữ nhân trì kinh này lại thường được hết thấy chư thiên yêu kính. Như thế cho đến thường được hết thấy các rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân phi nhân v.v... yêu kính. Lại được hết thấy tứ thiên đại vương yêu kính. Như thế thường được cho đến hết thấy Đế Lợi Thiên Vương, cho tới hết thấy Đại Phạm Thiên Vương yêu kính. Thường được hết thấy các hàng Bồ Tát cho tới hết thấy chư Phật Thế Tôn yêu mến, nghĩ nhớ như thế).*

Ngài dùng hai pháp tán thán và ái kính như trên để viên mãn bảo chúng ta: Người cầu được truyền dạy pháp Ban Châu tam-muội, người đọc tụng, người giải nói, người đích thân chứng đắc như thế, sẽ đạt được tướng công đức rộng lớn, rớt ráo chẳng thể nghĩ bàn, được hết thấy hữu

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2**

tình trong thế gian yêu kính, cho đến được hết thầy chư Phật, Bồ Tát yêu mến, tưởng nhớ. Chuyện này quả thật chẳng thể nghĩ bàn. Nếu chư Phật, Bồ Tát yêu mến, nghĩ nhớ một ai, hoặc yêu mến, nghĩ nhớ một pháp tắc, sẽ có lợi ích như thế nào? Tâm trí của quý vị giống như một chiếc cell phone, trong ấy chứa đầy các dây số của chư Phật, Bồ Tát. Quý vị tùy tiện nhấn số nào, cũng đều nhận được lời chúc phước trí huệ của Phật, Bồ Tát, chúc phước quý vị cát tường, khỏe mạnh, oai đức, chúc phước vô tận pháp tắc và gia trì. Bởi đó, quý vị sẽ nhận được lợi ích chẳng thể nghĩ bàn! Nhưng có kẻ do bị La Sát thâm nhiếp, ác quỷ thâm nhiếp, chẳng hạn như kẻ nhằm lúc hành tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, bị lục đạo ác tánh thâm nhiếp, sẽ biểu lộ thành phiền não thô nặng! Sắc thân này của chúng ta nếu chẳng được thiện hay ác thâm nhiếp, sẽ đều là tướng “không lập” (tồn tại rỗng tuếch), tức là giống như một cái bát, trong đó chẳng đựng chi hết, rỗng không. Một khi nghiệp báo của sắc thân này sắp tận, thiện thần lẫn ác thần đều buông bỏ, thân thể rỗng tuếch, người ấy sẽ chết! Vì thế, đừng nên cho rằng sắc thân này là cái Ta chi cả! Muốn đem nó giả dạng thành thứ gì, quý vị giả dạng chẳng đầy vài chục năm, nó sẽ mất đi. Chẳng cần biết quý vị trau chuốt nó cỡ nào, nó sẽ tan hoại. Thật sự chẳng có thứ gì vĩnh hằng, mà cũng chẳng có một cái Ngã bất hoại! Chúng ta phải như thật nhận thức tánh chất vô thường ấy!

**(Kinh) Phục thứ Hiền Hộ! Hựu bỉ chư thiện nam tử, cập thiện nữ nhân, dĩ kinh lực cố, thường vị nhất thiết chư thiên thủ hộ.**

**(經)復次賢護！又彼諸善男子及善女人，以經力故，常爲一切諸天守護。**

**(Kinh: Lại này Hiền Hộ! Các thiện nam tử, và thiện nữ nhân ấy, do sức của kinh, lại thường được hết thầy chư thiên thủ hộ).**

Trong phần trước là khen ngợi, yêu kính, ở đây nói đến chuyện thủ hộ.

**(Kinh) Như thị thường vị nhất thiết chư long, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, cập nhân phi nhân chi sở thủ hộ. Hựu vị nhất thiết tứ thiên đại vương, như thị Đế Lợi Thiên Vương, nữ chí Đại Phạm Thiên Vương chi sở thủ hộ. Như thị thường vị nhất thiết chư Bồ Tát bối, nữ chí nhất thiết chư Phật Thế Tôn, tất giai phú hộ.**

**(經)如是常爲一切諸龍、夜叉、乾闥婆、阿修羅、迦樓羅、緊那羅、摩睺羅伽、及人非人之所守護。又爲一切四天大王，如是帝利天王，乃至大梵天王之所守護。如是常爲一切諸菩薩輩，乃至一切諸佛世尊，悉皆覆護。**

*(Kinh: Thường được hết thấy các rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, và nhân phi nhân thủ hộ như thế. Lại được hết thấy tứ thiên đại vương, Đế Lợi Thiên Vương như thế, cho đến Đại Phạm Thiên Vương thủ hộ. Thường được hết thấy các vị Bồ Tát cho đến hết thấy chư Phật Thế Tôn thấy đều che chở, bảo vệ như thế).*

Trong phần trước nói là “*thủ hộ*”, vì sao đến chỗ chư Phật, Bồ Tát bèn đổi thành “*phú hộ*”? Nếu còn nói “*thủ hộ*” sẽ chẳng tương ứng, khiến cho chúng sanh có tâm tăng thượng mạn; cho nên liền thay đổi một từ ngữ, nói là “*phú hộ*” (覆護), hàm ý chư Phật, Bồ Tát dùng đại oai đức chân thật thành tựu, chẳng chấp tướng mà che chở, bảo vệ. Trừ Phật, Bồ Tát ra, hết thấy Đại Phạm Thiên Vương, Đế Lợi Thiên (Trāyastriṃśa, Đạo Lợi Thiên), tứ thiên vương, cho đến Càn Thát Bà, A Tu La, các rồng, Dạ Xoa, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân phi nhân v.v... đều là đối tượng được lợi ích do niêm Phật, cho nên nói “*họ đến thủ hộ quý vị*”. Vì lẽ nào? Niêm Phật có thể ban cho họ lợi ích chân thật; cho nên nói “*họ sẽ đến ca ngợi, đến yêu kính*”, cho tới “*đến thủ hộ*”. Ở đây, chư Phật Thế Tôn như thật khen ngợi, yêu mến, nghĩ nhớ, che chở, bảo vệ, chư Bồ Tát cũng giống như thế. Đối với chuyện này, tôi cảm thấy mọi người tu tập pháp này vẫn là thuận tiện nhất. Mỗi người chúng ta thật sự tu tập pháp tắc này, lợi ích chân thật sẽ thấm vào sanh mạng của chúng ta, sẽ như thật tồn tại trong sự duy trì sanh mạng, sẽ thiết thực khiến cho chúng ta cảm nhận, vận dụng được!

*(Kinh) Thập phương thế giới vô lượng A-tăng-kỳ thế giới trung, hiện trì pháp giả.*

**(經)十方世界無量阿僧祇世界中，現持法者。**

*(Kinh: Những người đang trì pháp trong vô lượng A-tăng-kỳ thế giới khắp mười phương thế giới).*

Mười phương chư Phật, Bồ Tát che chở, bảo vệ người đang trì pháp trong vô lượng A-tăng-kỳ thế giới trong mười phương thế giới.

*(Kinh) Phục thứ Hiền Hộ! Hựu bỉ chư thiện nam tử, thiện nữ nhân, dĩ kinh oai lực cố.*

**(經)復次賢護！又彼諸善男子善女人，以經威力故。**

*(Kinh: Lại này Hiền Hộ! Các thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy lại do oai lực của kinh).*

Chúng ta nhất định phải chú ý đôi chút. Quý vị được che chở, bảo vệ, yêu mến, tưởng nhớ, ca ngợi, đều là do đọc tụng, cầu được truyền trao, cho đến giải nói kinh điển và đích thân chứng đắc sức tam-muội, cho nên mới có lợi ích tương ứng ấy. Chúng ta nhất định đừng nên vứt bỏ cội nguồn: “*Dĩ kinh oai lực cố*” (Do sức oai đức của kinh). Do sức của kinh, mỗi đoạn [kinh văn] đều có ngôn từ như vậy để nhắc nhở chúng ta. Nếu chẳng nương theo pháp tắc này, chẳng nương theo kinh điển này, chẳng thể thọ trì kinh điển này, chẳng giải nói, truyền đạt, tu tập kinh điển này, chẳng thủ hộ tam-muội này, các lợi ích ấy sẽ chẳng thể tương ứng.

Có người vì chính mình đã tu tập pháp tắc đôi chút, đạt được đôi chút tương tự lợi ích, bèn quăng kinh điển và pháp tắc qua một bên, do tham cầu oai đức cho chính mình, ngộ chính mình có oai đức, người như thế sẽ hứng chịu quả báo ác. Nêu một thí dụ đơn giản nhất để nói, chẳng hạn như chúng ta ngồi trong xe thiết giáp, súng ông bình thường chẳng bắn trúng ta. Khi đó, chúng ta nói: “Ồ chà! Ta thật sự có oai đức, súng chẳng bắn trúng ta được!” Sau đó, từ trong xe thiết giáp xông ra ngoài, kết quả là súng vừa bắn liền thùng toang. Chúng ta chớ nên cậy vào oai đức của thiện pháp để biểu lộ nghiệp duyên hư vọng của chính mình. Có người có thể mặc áo giáp chống đạn, bị người khác bắn trúng, liền nói: “Các người thấy đó, ta trúng đạn mà chẳng chết!” Nhưng nếu kẻ đó cởi áo giáp chống đạn ra, súng vừa bắn trúng sẽ chết tươi! Chúng ta đạt được các thứ phước đức, nhân duyên, đều nhờ vào sức tam-muội này, nhờ vào sức của kinh điển này, nhờ vào đọc tụng, truyền đạt, hướng đến, cho đến do thành tựu pháp tắc này mà đạt được lợi ích chân thật. Ở đây, chẳng thể nói suông, chẳng thể khoe mẽ giả dối được! Rất nhiều kẻ chẳng đạt được lợi ích trong Phật pháp là vì đã khoe mẽ giả dối như thế, cũng như dựa



vào hình tượng hư giả “*ta học Phật*” mà mong đạt được nội dung thực chất, nhưng thật sự hoàn toàn chẳng thật sự tu tập Phật pháp; cho nên lợi ích chẳng tương ứng. Rất nhiều kẻ học tập Phật pháp, nhưng chẳng tu tập pháp tắc, chỉ trộm cái danh, trộm lấy ngôn thuyết để sau đó đi khoe với người khác, có được hay chẳng? Khi nói với người khác, đạt được lợi ích, nhưng vì cái tâm hư giả, khi muốn bản thân chiếm hữu lợi ích ấy, lập tức vứt bỏ kinh điển và pháp tắc, sẽ bị thương tổn. Chúng ta có thể khéo quan sát, phải như thật nhận biết tánh chất liên tục của pháp này.

*(Kinh) Nhất thiết chư thiên giai dục kiến chi.*

**(經)一切諸天皆欲見之。**

*(Kinh: Hết thảy chư thiên đều muốn trông thấy).*

Ở đây, lại dùng pháp “*dục kiến*” (muốn thấy) để bảo cho chúng ta biết công đức quang minh chân thật và công đức trang nghiêm rộng lớn của pháp tắc tam-muội này. Đó gọi là “*lợi ích chân thật*”, tức là lợi ích được an lập trong hết thảy thế gian, bất luận là Sắc Giới, hay Dục Giới, cho đến Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát giới, chư Phật giới, lợi ích của người hành pháp đều là trực tiếp khế hợp với sự biểu đạt này. Đó là lợi ích rộng lớn rớt ráo như thật, an trụ viên mãn chân thật, là chân thật chẳng dối!

*(Kinh) Như thị nhất thiết chư long, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lôu La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, cập nhân phi nhân đẳng, giai tư dục kiến.*

**(經)如是一切諸龍、夜叉、乾闥婆、阿修羅、迦樓羅、緊那羅、摩睺羅伽、及人非人等，皆思欲見。**

*(Kinh: Cũng như thế, hết thảy các rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lôu La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, và nhân phi nhân v.v... đều nghĩ muốn trông thấy).*

Vì sao? Do thiện xảo hồi thí, do sức oai đức của kinh, do tạo phương tiện cho hết thảy chúng sanh, do mở kho báu lớn cho hết thảy chúng sanh, do hồi thí chân thật cho hết thảy chúng sanh, thường nói là “*vị chúng khai pháp tạng, quảng thí công đức bảo*” (vì chúng mở kho pháp, rộng thí báu công đức). Người niệm Phật bất luận là thân phàm,

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

thân thánh, thân ngu si, hay thân điên đảo, chỉ nương theo danh hiệu của Phật, có thể lợi lạc trọn khắp hữu tình thuộc chín pháp giới trong mười phương, khiến cho thiện nghiệp của hữu tình trong thiện đạo hưng hực, khiến cho hữu tình trong thánh đạo thành tựu viên mãn, khiến cho hữu tình ngu si, tội ác thoát lìa tổn thương trong chôn u minh. Đó là chân thật chẳng thể nghĩ bàn, chẳng phải là nói tùy tiện, chẳng phải là ngôn thuyết vô nghĩa, hoặc khoa trương vô nghĩa. Pháp tắc ấy chân thật lợi ích trọn khắp hữu tình thuộc chín pháp giới trong mười phương, an trụ trong công đức rộng lớn như thật nơi thế gian, cho nên là đại phước đức, oai đức thù thắng thành thực! Chúng ta chớ nên vì được gặp gỡ mà coi rẻ, buông bỏ nó. Càng chớ nên vì đã được gặp gỡ mà chẳng coi là thật, để rồi tham lam các pháp tắc khác. [Nếu hành xử như thế], đúng là chỗ đáng buồn, đáng đau khổ của hết thầy trời, người, vì thế gian đã đánh mất trân bảo này. Nếu chúng ta đánh mất ma-ni trân bảo lợi ích hết thầy thế gian này thì chư thiên, quý thần, cho tới chư Phật, Bồ Tát sẽ đều vì chúng ta buồn bã than thở. Ở đây, hãy nên như thật xét kỹ pháp tắc này!

***(Kinh) Hựu bỉ nhất thiết tứ thiên đại vương, như thị nhất thiết Dao Lợi Thiên Vương, nãi chí nhất thiết Đại Phạm Thiên Vương, giai tư dục kiến. Như thị nhất thiết chư Bồ Tát bối, nãi chí nhất thiết chư Phật Thế Tôn, các dục kiến chi.***

**(經)又彼一切四天大王，如是一切切利天王，乃至一切大梵天王，皆思欲見。如是一切諸菩薩輩，乃至一切諸佛世尊，各欲見之。**

***(Kinh: Lại nữa, hết thầy tứ thiên đại vương, hết thầy Dao Lợi Thiên Vương cho tới hết thầy Đại Phạm Thiên Vương, đều nghĩ muốn trông thấy như thế. Cũng như thế, hết thầy các vị Bồ Tát, cho đến hết thầy chư Phật Thế Tôn đều muốn trông thấy).***

Phân lượng ở đây rất nặng, nói hết thầy hữu tình trong thế gian, dù thánh, hay phàm, người trí, kẻ ngu, cùng với hết thầy chư Phật đều muốn trông thấy. Vì Ban Châu tam-muội vốn có tên là Thập Phương Chư Phật Tát Giai Hiền Tiên, hiện tiền như thế nào? Nếu chẳng muốn thấy quý vị, quý vị làm sao có thể thấy được? Do vậy, “*đắc kiến*” (được thấy) là do oai thần của chư Phật gia bị, do nhân duyên ấy mà sanh ra thiện xảo.

*(Kinh) Phục thứ Hiền Hộ! Hựu bỉ chư thiện nam tử, thiện nữ nhân, dĩ kinh oai cố, nhất thiết chư thiên thường chí kỳ sở, thân kiến kỳ hình, linh bỉ quán đồ.*

**(經)復次賢護！又彼諸善男子善女人，以經威故，一切諸天常至其所，親見其形，令彼觀睹。**

*(Kinh: Lại này Hiền Hộ! Các thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy lại do oai lực của kinh mà hết thấy chư thiên thường đến chỗ người ấy, đích thân hiện hình dáng của họ để cho những người ấy được trông thấy).*

Ở đây, phân lượng càng lớn hơn nữa! Chúng ta thấy “dục kiến” (muốn thấy) cũng thế, “tán thán” cũng thế, cho đến “ái niệm” cũng thế, vẫn có cảm giác cách biệt. Ở đây, đức Thế Tôn trực tiếp bảo chúng ta: “Dĩ kinh oai cố, nhất thiết chư thiên, thường chí kỳ sở” (Do oai lực của kinh, hết thấy chư thiên thường tới chỗ người ấy). Chỗ người ấy là chỗ nào vậy? Chính là chỗ người hành pháp, người yêu mến pháp, chỗ người muốn cầu pháp này, người đọc tụng kinh điển, người giải nói cho kẻ khác, người đích thân chứng tam-muội. Chỗ của những người như thế đó!

Khi tôn giả Hổ Ba (Khruba Bonchum) đến đây<sup>6</sup>, đã nhắc tôi rất nhiều lần: Chỗ này của chúng ta tụ tập rất nhiều vị trời. Tôi chẳng nghi ngờ chuyện ấy, vì điều ấy đúng như kinh điển đã nói. Đó là chuyện rất như thật, rất chuẩn xác, rất chân thật. Tôi tin tưởng kinh giáo sâu đậm, mà cũng tin vào con mắt của các bậc trí giả. Đương nhiên mọi người sẽ nói: “Vì sao tôi chẳng trông thấy?” Vậy thì quý vị cứ từ từ, nếu quý vị có các thiện xảo như thiên nhãn, pháp nhãn, huệ nhãn, chuyện này cũng chẳng khó. Nếu nương theo kinh điển, cũng là cảm nhận thấy rất thuận tiện, vì ở đây mọi người đều niệm Phật, hành Ban Châu hơn một năm qua, ngày đêm chẳng gián đoạn, rất cảm động người trong thế gian. Chúng ta trong tiếng niệm Phật, trong đạo tràng, đầy khởi đủ thứ chủng tử có tánh ác hay tánh thiện, nhân duyên tốt, nhân duyên xấu, nhưng nhất định là nhân duyên chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao vậy? Đạo nghiệp, đạo tràng sẽ chuyển hóa loại nhân duyên ấy, chẳng hạn như khi chư thiên, quý thần đến làm chứng cho chúng ta, sẽ trực tiếp gia trì chúng ta thiện xảo tăng thượng. Như vậy thì ác duyên sẽ bị tiêu trừ.

---

<sup>6</sup> Tôn giả Khruba Bonchum được mời đến chùa Phóng Quang ở Kê Túc vào tháng Tư năm 2006 (chú thích của người ghi lại lời giảng).

*(Kinh) Như thị nhất thiết chư long, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân phi nhân đẳng, giai kiến kỳ hình, tùy nghi lợi ích. Hựu bỉ nhất thiết tứ thiên đại vương, Đế Lợi Thiên Vương, nãi chí nhất thiết Đại Phạm Thiên Vương đẳng, giai thân lâm thị.*

**(經)如是一切諸龍、夜叉、乾闥婆、阿修羅、迦樓羅、緊那羅、摩睺羅伽、人非人等，皆見其形，隨宜利益。又彼一切四天大王，帝利天王，乃至一切大梵天王等，皆親臨視。**

*(Kinh: Cũng như thế, hết thấy các rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân phi nhân v.v... đều hiện thân hình, tùy nghi tạo lợi ích. Lại nữa, hết thấy tứ thiên đại vương, Đế Lợi Thiên Vương, cho đến hết thấy Đại Phạm Thiên Vương v.v... đều đích thân giáng lâm cho thấy).*

Các thiện tri thức ơi! Lời nói này có phân lượng rất nặng. Nó từng chút dẫn dắt chúng ta, sợ chúng ta sẽ kinh hoảng. Nếu ngày nào đó, quý vị thật sự trông thấy, đừng nên sợ hãi! Có người đột nhiên trông thấy thân to lớn sẽ sanh sợ hãi, vì thân vi tế của chư thiên đều rất cao lớn, hoặc rất sáng ngời, rất trang nghiêm, rất oai đức. Lại các loài như rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, thiên long bát bộ, có nhiều loài khiến nhân loại trông thấy sẽ sợ hãi, kinh hoảng. Hàng Bồ Tát phần nhiều đều là bậc thiện căn thuần thực, hoặc có rất nhiều vị là Thập Địa, hoặc Bát Địa Bồ Tát. Do các nhân duyên như thế mà đích thân hiện trước chúng ta, gia trì thủ hộ đạo nghiệp của đạo tràng này, thật sự là chuyện chẳng thể nghĩ bàn. Họ cũng là bậc hồi thí lợi ích do hành pháp, lợi ích lẫn nhau. Như thế thì chúng ta dần dần cũng có thể tập quen, sẽ chẳng hoảng sợ!

*(Kinh) Như thị nhất thiết chư Bồ Tát bối, nãi chí nhất thiết chư Phật Thế Tôn, phi dẫn trú nhật, hoặc u mộng trung, vị hiện hình tượng, tự xưng danh hiệu, ma danh ủy an, xưng dương, khuyến phát dã.*

**(經)如是一切諸菩薩輩，乃至一切諸佛世尊，非但晝日，或於夢中，為現形像，自稱名號，摩頂慰安，稱揚勸發也。**

*(Kinh: Cũng như thế, hết thấy các vị Bồ Tát cho đến hết thấy chư Phật Thế Tôn, không chỉ là trong ban ngày, mà hoặc là còn trong mộng bèn hiện hình tượng, tự xưng danh hiệu, xoa đầu an ủi, khen ngợi, khuyến phát tâm).*

Đối với đoạn văn tự này, chúng ta phải nên mười phần cẩn thận đọc tụng, liễu giải, hướng tới pháp tắc này, mong cầu pháp tắc này, đọc tụng kinh điển này, vì người khác giải nói, đích thân chứng tam-muội, cho đến đối với người cùng được tiếp xúc, thủ hộ pháp này và kinh điển này, sẽ dìu dắt họ đúng như kinh điển đã dạy, sẽ đều đạt được sự nghĩ nhớ yêu mến, thủ hộ, che chở chẳng thể nghĩ bàn, cho đến đích thân giảng lâm, các thứ công đức như thế. Chúng ta nhất định sẽ nhận biết rõ ràng, tư duy cặn kẽ. Như thế thì đối diện với tướng cảnh giới, trông thấy quý, thần, trời, Bồ Tát, Phật, sẽ chẳng kinh hãi, chẳng sanh lòng hoảng hốt, chẳng đến nỗi mai một, đắm nhiễm bởi nhân duyên ấy, có thể trụ trong an lạc, có thể thấy Phật để hỏi pháp, trực tiếp tiến nhập, đích thân chứng tam-muội, tức Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội.

*(Kinh) Phục thứ Hiền Hộ! Hựu bỉ chư thiện nam tử, thiện nữ nhân, tuy vị tăng văn chư kinh điển, dĩ thị tam-muội oai thần lực cố, tự nhiên hữu nhân lai chí kỳ sở, nãi chí mộng trung, vị kỳ tuyên thuyết, linh bỉ đắc văn, ức trì bất thất dã.*

**(經)復次賢護！又彼諸善男子善女人，雖未曾聞諸餘經典，以是三昧威神力故，自然有人來至其所，乃至夢中，為其宣說，令彼得聞，憶持不失也。**

*(Kinh: Lại này Hiền Hộ! Lại nữa, các thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy tuy chưa từng nghe các kinh điển khác, do sức oai thần của tam-muội này, tự nhiên có người đến chỗ kẻ đó, thậm chí trong mộng, vì kẻ đó*

## **Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2**

tuyên nói, khiến cho kẻ đó nghe rồi sẽ ghi nhớ, vâng giữ, chẳng quên mất).

Đức Thế Tôn nói Tam Tạng mười hai bộ loại, hoặc là hiền thuyết, hoặc mật thuyết, các thứ giáo ngôn, do oai thần của sức tam-muội này, đối với những người chưa nghe pháp này, chưa tu tập kinh điển này, sẽ khiến cho họ được nghe, vâng giữ chẳng quên! Pháp Tịnh Độ vốn ngầm hộ trì tam thừa, ngầm hành trì pháp tắc tam thừa, vì trong lúc tu nhân, A Di Đà Phật Thế Tôn đã dùng sức thệ nguyện đại chúng tử Đà-la-ni của Ngài, khiến cho hết thảy chúng sanh đạt được sức vô ngại, đạt được tự tại trong hết thảy các pháp. Chúng ta thường cho rằng pháp Niệm Phật chỉ đơn giản là trì danh hiệu Phật, thật ra chẳng phải vậy! Vì chúng tử thiện xảo ấy, có thể khiến cho hết thảy chúng sanh nhập tâm trí của bốn loại vô ngại lực, đạt được tự tại trong hết thảy các pháp tắc, có thể thực hành, hộ trì rộng lớn hết thảy các pháp, đích thân chứng hết thảy các pháp. Vì một câu Nam-mô A Di Đà Phật thật sự gồm trọn bốn nghĩa chân thật trong giáo ngôn thanh tịnh của hết thảy chư Phật, được hết thảy chư Phật như thật tuyên nói, có thể triển khai các phương diện tỉ mỉ, vi tế, tối thắng, sai biệt trong giáo ngôn của hết thảy Như Lai. Có sức chẳng thể nghĩ bàn như thế, phạm tình chẳng thể suy lường được! Nếu có thể thâm nhập pháp tắc này, vô lượng pháp môn sẽ được tự tại thiện xảo, nhập vào sức tự tại vô ngại. Đó là thệ nguyện do A Di Đà Phật Thế Tôn đã phát trong khi tu nhân. Trong kinh Vô Lượng Thọ và phẩm Vô Lượng Thọ Như Lai Hội của kinh Đại Bảo Tích, đức Phật cũng đối trước A Dật Đa Bồ Tát thọ ký nhiều lượt: Nếu có các chúng sanh sanh khởi tín tâm đối với pháp môn này, hành trì, thủ hộ, sẽ sanh khởi phương tiện oai đức rộng lớn, có sức tự tại chọn lựa đối với vô lượng pháp môn. Vì thế, trong ấy có nội hàm của cơ chế thọ ký, thệ nguyện, và huân tu.

Trong giáo ngôn Tịnh Độ được truyền bá trên thực tế tại Trung Hoa, có nhiều vị Bồ Tát truyền bá pháp tắc “*chuyên tu, chuyên niệm A Di Đà Phật*”, quả thật là vì mong lợi lạc hữu tình đang mê mất, hữu tình đang tán loạn, hữu tình đa nghi, hữu tình tự coi là hèn kém và thiện căn chẳng thành thực sẽ có thể đối với một pháp môn mà tùy thuận tự tại, tùy thuận khế nhập, đối với một pháp môn sẽ đạt được nhân duyên cổ vũ, khích lệ, giáo hóa. Nhưng có nhiều hữu tình hiểu lầm, hoặc có thể nói là hữu tình ngu si, mê muội, điên đảo, cưỡng chấp một pháp, cho nên thường nảy sanh những giáo thuyết quá khích gây ngăn trở, thậm chí diệt pháp, báng pháp, hủy pháp. Đó là sự tuyên nói chẳng tương ứng với

## ***Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

pháp tắc do thời đại này tạo thành. Nếu đối với hữu tình trong thời Mạt Pháp không có sức tu trì, hữu tình thiện căn chưa thành thực, hữu tình nhiều lo ngại, hữu tình chẳng khéo tu tập pháp tắc, mà hướng dẫn các loại hữu tình ấy thâm nhập một môn, sẽ là rất thiện xảo, là sự lựa chọn có ý nghĩa.

Có nhiều hữu tình do tâm tham, tâm tạp loạn, tâm kiêu mạn, tâm tà kiến, dẫu muốn tu pháp thành tựu mà chẳng thể thành tựu, chẳng thể thâm nhập, chẳng thể chọn lựa. Vì vậy, đức Thế Tôn cho đến các vị thiện tri thức truyền pháp trong đời sau, đều dùng đủ mọi thiện xảo để dẫn dụ, hướng dẫn chúng ta thâm nhập một môn, ngõ hầu thành tựu sự lựa chọn trong hết thảy các pháp, cho đến thành tựu Vô Thượng Bồ Đề, đắc Bất Thoái Chuyển ngay trong một đời. Quả thật, chẳng có pháp cố định, mà cũng chẳng có pháp để phi báng các duyên khác, hoặc ngôn thuyết thật sự để gây trở ngại cho duyên khác. Những thứ như thế chỉ là phương tiện nhất thời để ngăn che, bảo vệ. Hiện thời, trong thế gian này, chúng ta thường nghe nói kiểu truyền bá Phật pháp chẳng tương ứng, tức là “*dùng một pháp để diệt các pháp*” như thế đó. [Kiểu nói thế ấy thúc giục hành nhân hãy] thực hiện giáo ngôn dựa theo các ngôn thuyết quá khích, mâu thuẫn với nội hàm thực chất rộng lớn, “*nhiếp trọn khắp ba căn, lợi ích rộng khắp hết thảy hữu tình*” của giáo ngôn Tịnh Độ<sup>7</sup>. Nói theo nội hàm chân thật của giáo ngôn Tịnh Độ, thật sự là “*chẳng bỏ hết thảy các pháp, chứa đựng rộng khắp hết thảy các pháp, trọn đủ nội dung chân thật của hết thảy các pháp, có thể lợi ích rộng khắp hết thảy hữu tình trong pháp giới*”. Đó là nội hàm công đức chân thật của pháp Tịnh Độ. Công đức và lợi ích của Ban Châu tam-muội cũng là như thế.

***(Kinh) Phục thứ Hiền Hộ! Ngã nhược thuyết bỉ chư thiện nam tử, cập thiện nữ nhân tàm trì tam-muội vi diệu kinh điển, sở đắc công***

---

<sup>7</sup> Tức là các “giáo thuyết” do hiểu lệch lạc kinh nghĩa, hoặc muốn lập di, nhằm tạo sắc thái “đặc biệt” cho đường lối của chính mình hòng lôi kéo tín đồ, chỉ gây thêm hoang mang cho người tu Tịnh Độ trong hiện thời, như đề xướng phải niệm A Mi Đà Phật thì mới được vãng sanh, niệm A Di Đà Phật là sai. Hoặc bịa chuyện bảo chư tổ Việt Nam kiêng không niệm A Mi Đà Phật vì Mi là tên của một công nương nào đó, phải kiêng húy, tuy chẳng nêu ra được tên của vị công nương đó. Hoặc dù đã quy y, phải tìm một vị pháp sư Tịnh Tông quy y lại để được đặt pháp danh là Diệu Âm thì mới đúng là hành giả Tịnh Độ! Hoặc phải hành trì theo lời dạy của Tổ Thiện Đạo (tuy cách hành trì ấy do họ hiểu lệch lạc lời dạy của Tổ) mới đúng là giáo nghĩa Tịnh Độ chân chánh, coi các lời dạy của chư tổ Tịnh Độ sau đó là lệch đường, hoặc quá khích đến nỗi đề xướng “chỉ cần tin và phát nguyện vãng sanh là đủ, không cần tam quy, ngũ giới” v.v...

*đức, thiết kinh kiếp số, chung bất năng tận. Ngã chi trí biện, tuy phục vô cùng, diệc bất năng thuyết. Hà huống bỉ bối, văn thử tam-muội, y giáo tu hành, như pháp nhi trụ dã.*

**(經)復次賢護！我若說彼諸善男子，及善女人暫持三昧微妙經典，所得功德，設經劫數，終不能盡。我之智辯，雖復無窮，亦不能說。何況彼輩，聞此三昧，依教修行，如法而住也」。**

*(Kinh: Lại này Hiền Hộ! Nếu ta nói công đức đạt được do các thiện nam tử, và thiện nữ nhân ấy tạm trì kinh điển tam-muội vì diệu, dấu trải qua bao kiếp số, trọn chẳng thể nói hết được. Biện tài trí huệ của ta tuy vô cùng, vẫn chẳng thể nói! Huống hồ bọn họ nghe tam-muội này, y giáo tu hành, an trụ đúng pháp).*

Trong nhiều kiếp, vô cùng kiếp, đức Thế Tôn tán thán chẳng thể trọn hết, huống hồ hết thấy các vị Bồ Tát, các vị Thanh Văn, các vị Duyên Giác, cho đến hết thấy hàng phàm phu mà có thể tán thán cùng tận ư? Công đức đạt được do tạm nghe, cho đến tạm trì kinh điển này, Phật còn chẳng thể tán thán trọn hết, huống hồ [công đức do] tu trì, thâm nhập tu tập pháp như thế ư?

Đức Thế Tôn nêu ra một so sánh, một lời khuyên dạy như vậy để xưng tụng, tán thán công đức và lợi ích của pháp này, mong cho hết thấy chúng sanh hữu duyên sẽ thật sự liễu giải công đức và lợi ích chân thật của pháp này, tức là nêu ra tướng công đức to lớn cho đến lợi ích rất ráo chẳng thể nghĩ bàn của Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội!

*(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn vị trùng mình thử nghĩa, nhi thuyết kệ viết.*

**(經)爾時，世尊爲重明此義，而說偈曰。**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn vì muốn nêu rõ lại nghĩa này bèn nói kệ rằng).*

Trùng tuyên các công đức do thọ trì, cầu truyền dạy, giải nói, cho đến đích thân chứng đắc Ban Châu tam-muội.



*(Kinh) Nhược nhân hữu năng giải thích tư, chư Phật đại tịch thăng tam-muội. Giả linh ngã kim thuyết công đức, do bỉ Hằng hà thủ nhất sa. Nhược năng vị tha thuyết tam-muội, thủy bất năng nịch, hỏa bất thiêu. Dao, trượng, độc hại sở bất thương. Vương, tặc, ác quan bất đắc tiện. Nhược năng độc tụng tam-muội kinh, bất úy nhất thiết khùng bố sự. Như bỉ đại xà, chư đại độc, thử đẳng kinh lực năng diệt trừ. Nhược hữu thọ trì thị kinh điển, bất úy nhất thiết chư ác nhân. Dạ Xoa, La Sát, cập chư long, bỉ đồ chung vô đắc kỳ tiện. Nhược thường thủ hộ, cúng dường giả, tiện tại Lan Nhã vi bằng loại. Sư tử, hổ, lang, chư thú đẳng, tê ngu, sài, báo, cập dã ngu. Nhược năng hộ trì thử tam-muội, bỉ hữu oai lực bất khả đương. Viễn ly nhất thiết ác tâm nhân, cập chư Dạ Xoa đạm tinh khí.*

**(經) 「若人有能解釋斯，諸佛大寂勝三昧。假令我今說功德，猶彼恆河取一沙。若能爲他說三昧，水不能溺火不燒。刀杖毒害所不傷，王賊惡官不得便。若能讀誦三昧經，不畏一切恐怖事。如彼大蛇諸大毒，此等經力能滅除。若有受持是經典，不畏一切諸惡人。夜叉羅刹及諸龍，彼徒終無得其便。若常守護供養者，便在蘭若爲朋類。師子虎狼諸獸等，犀牛豺豹及野牛。若能護持此三昧，彼有威力不可當。遠離一切惡心人，及諸夜叉啖精氣。」**

*(Kinh: Nếu ai giải thích môn tam-muội, thù thắng đại tịch của chư Phật. Nếu nay ta nói công đức ấy, như nhặt hạt cát từ sông Hằng. Nếu vì người khác nói tam-muội, nước chẳng nhấn chìm, lửa chẳng đốt. Dao, trượng, độc hại chẳng thương tổn. Vua, giặc, quan ác chẳng hại được! Nếu hay đọc tụng kinh tam-muội, chẳng sợ hết thấy chuyện kinh hãi. Như rắn lớn, chất độc rất mạnh, do sức kinh này diệt trừ ngay. Nếu ai thọ trì kinh điển này, chẳng sợ hết thấy các kẻ ác. Dạ Xoa, La Sát, và các rồng, chúng chẳng thừa cơ gây hại được. Nếu thường thủ hộ, cúng dường kinh, khác nào trụ trong A Lan Nhã. Sư tử, cọp, sói, các loài thú, tê giác, sài, báo, và trâu rừng. Nếu hay hộ trì tam-muội này, oai lực người ấy thật khôn sánh. Xa lìa hết thấy kẻ tâm ác, và các Dạ Xoa nuốt tinh khí).*

“*Viễn ly nhất thiết ác tâm nhân*” (Xa lìa hết thầy kẻ tâm ác): Thật sự là do sức tam-muội mà có thể khiến cho kẻ có tâm ác chuyển thành thiện. Đó là chân thật, chẳng dối. Trước đó, đã nhắc tới tê giác, sài<sup>8</sup>, báo, cạp, sói, các loài thú cũng do sức tam-muội này khiến cho ác tâm mãnh liệt của chúng ngưng dứt tạo tác, cho đến chuyển sang thủ hộ những người hành pháp này. Rất nhiều người hành pháp trong quá trình tu hành, đã thấy các sanh mạng, các thứ tướng cảnh giới, các thứ cảm nhận, nhân loại, phi nhân loại, loài thú, loài chẳng phải thú, thiên, phi thiên, các vị hiền thánh, Bồ Tát, thầy đều trông thấy, nhưng chẳng đắm nhiễm. Vì sao? Duyên theo sức tam-muội chiếu kiến. Đối với chuyện này, cũng chớ nên sợ hãi, vì giống như huyễn lực, như vật soi bóng trong gương, như sương, như tia chớp, như mộng huyễn, chẳng có thực chất. Nếu người hành pháp chọn lựa như thế, sẽ thẳng một đường mà đi, chẳng ngoái cổ lại, sẽ đạt được niềm vui thù thắng của pháp ích từ các lợi ích do pháp đem lại, rốt ráo an trụ trong pháp tắc như thế.

Các vị Bồ Tát đang hiện diện ơ! Đối với pháp tắc này, có vị hành trì sâu hơn, có vị hành cạn hơn, có vị hành lâu hơn, có vị vừa mới tiếp xúc, có vị thậm chí còn chưa tiếp xúc, có vị chỉ nghe nói, yêu mến pháp tắc như thế, công đức ấy đều chẳng thể nghĩ bàn. Vì công đức ấy trọn đủ chặng đầu, trọn đủ chặng giữa, và trọn đủ chặng cuối cùng. Phát tâm cầu được truyền dạy, đọc tụng kinh điển đều chẳng thể nghĩ bàn. Giải nói cho người khác, tuyên nói kinh điển này, đích thân chứng tam-muội, chẳng thể nghĩ bàn!

“*Cập chư Dạ Xoa đạ tinh khí*” (Và các Dạ Xoa nuốt tinh khí): Đây là những quỷ thần ác theo sát chúng sanh trong thế gian. Loại quỷ ăn nuốt tinh khí này đoạt mạng con người, đoạt tâm trí của con người, đoạt sắc thân của con người, nhất là người hiện thời uống rượu, hút thuốc, ăn hành tỏi, các thứ tanh tươi, do ngũ huân khiến cho thân thể con người tỏa ra hơi hướng xấu ác. Do vậy, các loài quỷ ăn tinh khí sẽ thường theo sát. Có nhiều hữu tình bị các chứng hôn trầm, lãng quên v.v... phần nhiều vì [nguyên nhân] như thế mà phát sanh, tức là bị quỷ

---

<sup>8</sup> Sài (豺, dhole, mountain wolf, whistling dog, còn gọi là sài cầu, hồng lang, sài khuyển) tức là một loài chó hoang tại châu Á, thường được người Việt gọi là sói lửa, hay sói đỏ. Loài động vật ăn thịt hoạt động về đêm này rất hung bạo, thường ăn thịt các loài nai, hươu, lợn rừng, nhưng khi quá đói, chúng có thể tấn công cả trâu, bò, ngựa. Chúng thường sống thành bầy đàn, từ năm bảy con cho đến năm mươi con.

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

thần ác rình rập, khiến cho tâm thần vô lực. Đó là nạn duyên có tánh chất ác do quý ăn tinh khí tạo thành. Khi tâm trí quý vị thanh tịnh, tạp duyên yếu ớt, nhất là do nhân duyên chẳng ăn, chẳng dùng các thứ hôi tanh v.v... liên tục đã lâu, hôn trầm sẽ nhanh chóng giảm thiểu. Vậy thì người xuất gia, người tu pháp đã tu tập lâu ngày, vì sao vẫn lắm hôn trầm? Vì các chủng tử trong quá khứ chẳng dễ gì thoát được!

Sắc thân của chúng ta vốn chẳng bị hôn trầm, chẳng bị sức hôn trầm không chế, [bị hôn trầm hay không] đều là do ác thân hay thiện thân bầu bạn. Mỗi người sanh ra đều có hai vị thần tụ tập, tức là hai thiện thân bầu bạn từ lúc còn sống cho đến khi chết đi, bầu bạn suốt cuộc đời. Nếu hai vị thần lìa bỏ, thân thể sẽ tiêu vong. Có người đến bệnh viện, trông thấy người sống đời thực vật, thân thể còn sống, nhưng chẳng có ý thức hay cảm giác, tức là thân thể chỉ có tướng trạng rỗng không. Trong tình huống thông thường, thân thể trống rỗng sẽ chẳng dễ duy trì sanh mạng, nhưng có bệnh nhân dựa vào các thứ như được truyền dịch dinh dưỡng v.v... để kéo dài sanh mạng, nhưng cảm giác đã chẳng còn, do hai vị thiện và ác thân đã đều lìa bỏ. Người bị ác thân sai sử, sẽ hiện tướng hung ác, cố ý làm chuyện hung ác, cho đến làm các chuyện thuộc về ác duyên và ác tướng. Nếu thiện thân thủ hộ, người ấy sẽ làm các chuyện thiện xảo, làm các thứ thiện duyên, nói những lời mềm mỏng, làm các chuyện mềm mỏng và lợi ích. Đối với điều này, trong kinh điển, đức Thế Tôn đã chỉ rõ, nhưng nếu quý vị thật sự đạt được tâm trí Bồ Đề thanh tịnh, xa lìa tam giới, sẽ chẳng bị chuyện này quấy nhiễu, chẳng thuộc vào loại này.

Thông thường, sau khi đã ngồi nghe giảng mười lăm phút ở đây, chủng tử của con người sẽ xuất hiện. Càng hành pháp lâu ngày, khi đạt đến mức mập mé, sẽ càng cảm thấy có tình huống như thế này: Nếu được nhắc nhở thì không sao, chẳng được nhắc nhở thì con người sẽ rất nhanh chóng buồn ngủ. Nhất là đối với những người tu pháp đã đạt được an ổn đôi chút. Người ấy cứ ngỡ ngoại duyên đã an ổn, cho nên sẽ buông lung. Hễ buông lung, sẽ buồn ngủ liền. Tình huống ấy xảy đến rõ rệt nhất trong khi đang tu pháp; chứ lúc bình thời, ở trong ngũ dục, hoặc là trong khi làm các thứ nghề nghiệp, sẽ chẳng bị hôn trầm, vì người đang làm việc, do thân tâm an lạc, hoặc phải suy nghĩ, bàn bạc; còn trong khi tu pháp thì lại bị che lấp. Sự che lấp ấy phần nhiều là vì ác quỷ thần che lấp. Kẻ càng tự nghĩ chính mình hành pháp đắc lực, có thọ dụng tốt đẹp, sẽ càng bị che lấp! Do chủng tử nổi dậy, tâm kiêu mạn sanh khởi, sẽ bị che lấp. Có khi tôi thấy trong khi đi thối, nhất là vào trong nội viện,

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

[hành nhân] ngủ gục hết. Nếu là người sáng suốt, bèn hét to một tiếng để xua đuổi loại hữu tình ác ấy. Ai đã chèo kéo các hữu tình tánh ác ấy? Do các hữu tình hôn trầm chuốc vùi! Họ dưỡng dục chúng nó, dùng sanh mạng của chính mình để dưỡng dục. Kẻ hút thuốc, ăn hành tỏi, có khi từ xa đã khiến cho người khác cảm thấy có mùi vị khó ngửi, hoặc khiến cho người khác có cảm giác không ưa thích. Thật ra, kẻ ấy đã bị quỷ thần ác xâm phạm. Thông thường, chúng ta sẽ cho rằng nói như vậy chẳng tương ứng, nhưng trong kinh điển nhà Phật, trong giáo ngôn về sự tu trì, trong nghi quỹ, đều đòi hỏi rất nghiêm ngặt. Đối với hai thứ điều cử và hôn trầm, đều quở trách, thống trách! Kẻ tự xưng là “tu pháp” trong hiện thời, nhất là kẻ tự đắc ý, tức là kẻ ngỗ chính mình tu pháp có thành tựu, sẽ hôn trầm nhiều nhất. Chúng ta chỉ nên phê phán đôi chút, mười phần thì tám chín phần đang hôn trầm! Trước kia, trong xã hội, tôi đã gặp một số người nói: “Ông X... tu hành rất khá, bà Y... tu hành rất thiện xảo!” Tôi nói: “Tạm thời không cần bàn luận. Cứ ngồi xuống là biết ngay!” Chẳng hạn như ngồi hai tiếng đồng hồ. Họ vừa ngồi xuống, chừng năm mười phút đã hôn trầm, hai mươi phút bèn điều cử. [Nếu đã hôn trầm trong khi tĩnh tọa], trong các lúc khác, sẽ chẳng thể nói là như thật được! Nếu có thể thật sự ngồi thanh tịnh, thân tâm khinh an, sự khinh an từ bên trong phát ra, tịch tĩnh khinh an, đó là người thật sự tu hành Phật pháp. Nếu không, sẽ là kẻ hôn trầm, ngồi đó làm chi? Tiếp nhận mười phương cúng dường, chính mình hôn trầm, cứ lãng phí từng lúc như thế. Kẻ sơ phát tâm, tinh tấn dũng mãnh, phần nhiều có thể xa rời tật này. Người tu hành “lão đạo” ngược lại, sẽ hãm nhập sâu đậm trong ấy! Từ chúng xuất gia hay chúng tại gia, đều có thể thấy chuyện này! Pháp Ban Châu nếu phát tâm dũng mãnh, sẽ có thể tránh khỏi nhân duyên này. Vì trừ phi nương dựa vào một chỗ nào đó [để tạm nghỉ], chỉ cần đang đi kinh hành, hễ hôn trầm sẽ ngã chổng gọng, hoặc quý vị dùng phương pháp tự đối gạt khi bị hôn trầm, sẽ chẳng thể được, sẽ ngay lập tức lảo đảo. Vì thế, phương pháp này mười phần chẳng thể nghĩ bàn!

***(Kinh) Nhược năng giải thuyết thử tam-muội, bỉ vô chư bệnh, cập chương tai. Sở sanh báo nhãn chung bất suy, ngôn từ thanh diệu, hữu đại biện.***

**(經)若能解說此三昧，彼無諸病及障災。所生報眼終不衰，言詞清妙有大辯。**

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2**

*(Kinh: Nếu hay giải nói tam-muội này, chẳng có các bệnh và tai chướng. Báo nhãn vốn có chẳng hề suy, ngôn từ thanh diệu, đại biện tài).*

“Sở sanh báo nhãn chung bất suy” (Con mắt được sanh bởi quá báo chẳng hề bị kém đi): Đối với người hành Ban Châu, có người nói: “Chẳng ngủ trong một thời gian dài, sợ mắt sẽ bị hỏng”. Chẳng phải như vậy! Người thật sự hành Ban Châu, mắt chẳng bị ảnh hưởng, thường là mắt rất sáng. Nhưng người hiện thời tin sâu pháp này rất ít, ngờ vực thì nhiều, vì đã dùng phàm tình để biện định, cho nên bị ngăn trở, rất khó tùy thuận sức tam-muội, chẳng đạt được nguyện lực và sức thần thông chẳng thể nghĩ bàn của Phật gia trì, cho đến chẳng được phước đức bất cộng gia trì, chẳng thể tùy thuận [các sức gia trì ấy], chỉ tùy thuận nghiệp duyên của chính mình, đọa trong hiện duyên của chính mình, chẳng thể tự thoát được!

*(Kinh) Nhược nhân chứng tri thâm tịch Thiên, thân thể hùng kiện vô chúng bệnh. Nhất sanh vĩnh tuyệt chư ác sắc, hậu chung bất úy địa ngục đạo.*

**(經)若人證知深寂禪，身體雄健無衆病。一生永絕諸惡色，後終不畏地獄道。**

*(Kinh: Nếu người chứng biết Thiên sâu lắng, thân thể khỏe mạnh, chẳng bệnh tật. Suốt đời dứt bặt các ác sắc, chết đi, chẳng sợ đường địa ngục).*

Trong sự tu trì hiện tiền của chúng ta, sẽ sanh khởi sự lựa chọn vô úy. Đã là vô úy ngay trong hiện tiền, sao còn có thể sợ hãi địa ngục? Cho tới đối với lục đạo, đều chẳng sợ hãi. Vì sao? Người ấy đã lập tức lựa chọn dứt khoát, lựa chọn ngay trong một niệm này, chọn lựa trong một niệm kia. Niệm nào cũng lựa chọn dứt khoát, tu ngay trong lập tức, tu ngay nơi mỗi niệm, được gọi là “*người thường hành đạo*”, cho nên chẳng sợ hãi lục đạo. Các vị thiện tri thức ơi! Nếu chúng ta thật sự nương theo pháp để tu trì, nương theo pháp để hành, nương theo giáo để tu trì, nương theo giáo để hành, có thể hướng đến, tùy thuận tam-muội này, mong cho mỗi niệm hiện tiền đều là duyên khởi thanh tịnh, duyên khởi bình thản, duyên khởi viên mãn, duyên khởi vô ngại, duyên khởi

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2**

chân thật, duyên khởi vô úy, duyên khởi thanh tịnh, từ bi, trí huệ giống hệt như Phật.

Trong mỗi duyên khởi, đều tu ngay trong mỗi niệm hiện tiền, tức là nếu có thể tiếp nối duyên khởi, chẳng tạo tác, người ấy chắc chắn sẽ tương ứng với tam-muội. Cho nên đích thân chứng tam-muội chẳng khó!

*(Kinh) Nhược hữu năng đọc tam-muội điển, chư thiên thủ hộ cấp long thân. Dạ Xoa, La Sát, dữ oán cừu, bỉ tuy ác lâm, bất kinh cụ. Nhược năng vị tha thuyết tư kinh, thiên, long, Dạ Xoa giai hoan hỷ.*

**(經)若有能讀三昧典，諸天守護及龍神。夜叉羅刹與怨仇，彼雖惡臨不驚懼。若能為他說斯經，天龍夜叉皆歡喜。**

*(Kinh: Nếu ai đọc kinh điển tam-muội, chư thiên, long thân đều thủ hộ. Dạ Xoa, La Sát, và oán cừu, tuy hiện tướng ác, chẳng sợ hãi. Nếu vì người khác nói kinh này, trời, rồng, Dạ Xoa đều hoan hỷ).*

“Thiên long Dạ Xoa giai hoan hỷ” (Trời, rồng, Dạ Xoa đều hoan hỷ): Vì khi chúng ta niệm Phật, thân tướng quang minh. Có nhiều người niệm Phật, hành pháp, sau khi đã như thật hành trì, sau khi kinh hành, sắc thân sẽ biến hóa. Nếu trong khi hành đạo Ban Châu, cứ tìm kiếm cơ hội để ngủ, người như thế sau khi kinh hành xong, khí sắc chẳng có gì! Nhưng nếu thật sự như lý, như pháp hành trì suốt một ngày một đêm, ấn định kỳ hạn để cầu chứng, trong một ngày một đêm yêu mến, bảo vệ, trân trọng mỗi niệm hiện tiền, tu trì đúng pháp trong một ngày một đêm ấy, sắc tướng của người đó sẽ rục rở chẳng thể nghĩ bàn, có thể chiếu pháp giới. Vì thế, sẽ như trong phần Trường Hàng trước đó đã nói: Do được chư thiên, quý thần, cho tới các vị Bồ Tát, chư Phật nghĩ tưởng, đích thân giáng lâm, yêu thương che chở, hộ niệm, bảo bọc, cho nên quang minh chói ngời chẳng thể nghĩ bàn! Vì sao có hữu tình sau khi kinh hành Ban Châu lại đâm ra chẳng tương ứng? Vì trong khi hành Ban Châu, đã nhất định ngủ thiếp đi. Quý vị chớ nên trách lỗi người ấy, mà cũng chẳng cần phải tới hỏi người ấy, cứ để cho người ấy tự mình sám hối là đúng. Chẳng thể đòi hỏi! Vì hành pháp hoàn toàn dựa vào sự hướng về pháp của chính mình, cũng như sự nhận thức phát tâm của chính mình. Nếu quý vị chẳng phát tâm, chẳng thật sự niệm Phật, vậy thì khí sắc và quang tướng của quý vị sẽ âm đạm. Nếu quý vị dối gạt kẻ

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

khác, hoặc nội tâm dấy lên sân tâm, mạn tâm, cho tới tâm tà kiến, tâm báng pháp, chính mình sẽ mắc hại. Vì sao? Rỗng, trời, quý thần, La Sát, cho đến oán đối sẽ đích thân kéo đến, quý vị sẽ bị lừa dối, làm nhục, đích xác là chẳng thể nghĩ bàn như thế! Nếu lúc các ác quỷ thần đó, cho đến trời, rỗng, kẻ oán, người thân v.v... đều đích thân kéo đến, hãy nói kinh cho họ. Dầu chỉ niệm Phật cũng được, hoàn toàn chẳng phải là quý vị phải tuyên giảng gì cho họ! Chỉ dùng Phật hiệu, tức sáu chữ chân ngôn (nam-mô A Di Đà Phật) đã trọn đủ hết thấy kinh giáo rộng lớn và Tam Tạng mười hai bộ loại, chỉ sợ quý vị chẳng trì niệm. Nếu quý vị dùng cái tâm chẳng ô nhiễm để niệm tụng sáu chữ chân ngôn, sẽ là pháp môn tổng trì lợi ích trời, người rộng khắp, chẳng hề thiếu khuyết. Rỗng, trời sẽ đều hoan hỷ.

Pháp tắc này do chính mình khám nghiệm, chẳng cần người khác uốn nắn, kiểm soát chi cả! Chúng ta có thể tự quan sát chính mình hành pháp có như pháp hay không, tương ứng hay không, chân thật hay không? Sự phát tâm của chúng ta và kết quả tuyệt đối tương ứng; đó là chân thật chẳng giả. Vì ở đây, đức Thế Tôn đã nói như thế, và cũng có rất nhiều người không ngừng tu tập tại đây. Ta tiếp xúc hành giả như pháp, từ sự phát nguyện cho đến hành pháp, mãi cho tới khi kết thúc, cho đến ngày kế tiếp vẫn giữ vững hoặc hộ trì, nếu [người ấy] chẳng tùy ý ngủ mất, hoặc nói những lời tạp nhạp v.v... Người có thể gìn giữ như thế, liên tục hành trì, diện mạo sẽ mỗi ngày một mới mẻ. Đó là điều chắc chắn, chẳng ngờ! Đương nhiên cũng có hành giả chẳng đúng pháp, chẳng hạn như tuy phát tâm hành Ban Châu một ngày một đêm, nhưng phần nhiều tinh thần sa sút, vọng tưởng, thậm chí lười nhác. Sau khi ra khỏi đạo tràng, nói năng tạp nhạp rất nhiều, vọng tưởng toại bởi, người khác sẽ hiểu lầm pháp tắc này, chê bai pháp tắc này. Nhưng [các lỗi lầm ấy] đích xác là do nghiệp duyên thúc đẩy tạo thành, chẳng phải là khuyết điểm của pháp tắc này. Chúng ta nhất định phải nhận rõ điều này!

Ngoài ra, trong hành pháp này, nếu có lúc được thấy, nghe, tiếp xúc những gì, nhất định chớ nên sợ hãi. Vì lẽ nào? Quý vị là người nương theo Phật, là người niệm Phật, lập một niệm, đoạn các tướng, chẳng sợ hãi Âm cảnh hiện tiền. Đối với cảnh quang minh, cho đến cảnh trang nghiêm, chư Phật hiện tiền, đều chớ nên sợ hãi. Chỉ nên do thấy Phật mà được nghe pháp, đừng nên làm chi khác. Như thế thì sẽ có thể trực tiếp tiến nhập Bồ Đề, chẳng bị thoái chuyển. Trong thứ tự tu hành, hiện thời có một số người bị Âm cảnh đánh bại. Thật ra là do họ phát tâm chẳng rõ ràng, cũng tức là vừa mới ra khỏi cửa, trông thấy quang

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

cảnh tốt đẹp, [do đắm đuối phong cảnh], chẳng tới được chỗ muốn đến, bèn nói: “Ồi trời! Chỗ định đến cũng chẳng có chi hết, chỗ này đã rất tốt rồi!” Đó là bị Âm cảnh trói buộc, bị cảnh tướng hiện duyên trói buộc, chẳng thể vượt qua. Cảnh giới quang minh, cảnh giới trang nghiêm, cảnh giới chư Phật hiện tiền đều trọn chẳng thể được. Vì sao? Do quý vị chẳng tiến nhập pháp tác.

Có nhiều người bị Âm cảnh lừa gạt. Tôi đã gặp người hành pháp bảy ngày tám đêm, thường là hề trông thấy cảnh quang minh, tức là tướng cảnh giới hơi tốt đẹp đôi chút, liền bị hãm rất sâu vào đó. Kẻ thoát ra rất ít. Thường là người hành pháp từ ba ngày trở xuống, người thoát khỏi Âm cảnh rất ít, nhưng người thật sự phát tâm rõ rệt, chẳng đắm nhiễm cảnh giới. Đương nhiên là cũng có người chẳng có cảnh giới, vì sức tự chủ vẫn đủ, cho nên chẳng có cảnh giới gì! Nếu thật sự chẳng đắm nhiễm cảnh giới, chẳng sợ cảnh giới, sẽ chẳng hãm mộ cảnh giới, mà cũng chẳng sợ hãi cảnh giới. Hành pháp như thế là thuận tiện nhất, sẽ là chuyện nước chảy thành sông. Thấy Phật chẳng phải là cưỡng cầu! Đã phát ra cái nguyện như thế, niệm Phật mà muốn thấy chư Phật là để nghe pháp, hề phát nguyện liền đạt được, chẳng còn tiếp tục dùng ý niệm để quấy nhiễu chính mình, chỉ hành pháp niệm Phật là được rồi! Như thế thì sẽ rất thuận tiện. Nếu trong mỗi niệm [đều mong mỏi] “*ta muốn thấy Phật, ta muốn thấy Phật*”, có được hay không? Sợ rằng [cứ mong ước như thế], sẽ trở thành gánh nặng, đâm ra bị nó trói buộc, bị tri kiến ấy trói buộc, bị trì hoãn trong trạng thái ấy, sẽ nảy sinh cái nguyện chẳng tương ứng. Chúng tôi phải nên nhắc nhở đôi chút về chuyện này.

***(Kinh) Chư thiên trú dạ thường ca tán, nhất thiết Thế Tôn ái nhược tử. Nhược nhân vị tha thường chuyển đọc, nhất thiết pháp trung vô hữu nghi.***

**(經)諸天晝夜常歌嘆，一切世尊愛若子。若人爲他常轉讀，一切法中無有疑。**

***(Kinh: Chư thiên ngày đêm thường ca ngợi, hết thấy Thế Tôn thương như con. Nếu vì người khác thường chuyển đọc, trong hết thấy pháp đều chẳng nghi).***

“*Nhược nhân vị tha thường chuyển đọc, nhất thiết pháp trung vô hữu nghi*” (Nếu ai vì người khác thường đọc tụng, trong hết thấy các



pháp chẳng có gì nghi ngờ): Không chỉ riêng chính mình hành pháp tắc này! Nếu có thể truyền đạt cho người khác, cho đến lần lượt hướng dẫn hữu tình học tập, tu tập, đọc tụng kinh điển như thế, thì trong hết thảy các pháp, sẽ chẳng nghi ngờ, chẳng bị ngăn ngại, chẳng thể có tâm trí và cơ hội như thế!

Đối với kinh điển Ban Châu Tam Muội này, sau khi chúng ta đã học, tôi thấy người vứt bỏ pháp bảo này, pháp tắc này thì nhiều, người trân quý đã hiếm lại càng hiếm hơn. Cũng có nghĩa là người coi pháp bảo này như tròng mắt của chính mình ít lắm. Thật ra, pháp này còn trọng yếu hơn tròng mắt rất nhiều! Vì mắt có thể sanh, có thể diệt, có thể tốt, có thể xấu. Trăm năm cũng kết thúc, nhưng pháp bảo này thì sao? Cho đến hết đời vị lai, luôn tồn tại rộng rãi trong thế gian, lợi ích rộng khắp vô lượng chúng sanh thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Chúng ta có yêu mến thủ hộ pháp bảo này như trân bảo hay không? Đối với chuyện này, chúng ta cần phải tự phản tỉnh, quan sát. Chính quý vị còn chẳng trân quý, quý tiếc pháp này, há còn có thể tuyên nói với người khác, truyền đạt kinh điển này ư? Khi tôi được gặp kinh Ban Châu Tam Muội lần đầu tiên, mười phần rung động! Vì khá nhiều vấn đề nghi nan trong việc hành Ban Châu đều được nhắc tới, và cũng đều giải quyết hết! Bởi thế, tôi rất kích động, mang kinh này từ miền Đông Bắc tới đây, hy vọng chúng ta sẽ có cơ hội học tập như thế. Lúc ấy, tôi học tập vẫn chưa phải là bản kinh này, mà chỉ coi nó như một tài liệu tham khảo, vì giáo ngôn trong kinh này hết sức tỉ mỉ, thanh tịnh, toàn vẹn, giải quyết các nghi nan đối với chuyện hành trì Ban Châu trong hiện tiền, bất cứ vấn đề gì cũng đều chẳng bỏ sót! Quý vị có thể thường xuyên đọc, nhất là đối với người thường hành Ban Châu, có thể thật sự đọc thì rất nhiều vấn đề căn bản là chẳng cần phải hỏi ai khác, chỉ cần hỏi kinh điển là có thể giải quyết.

*(Kinh) Bĩ chư dung sắc vô đẳng luân, khởi ư Bồ Đề hữu thoái giảm? Nhược năng chuyển giáo chư chúng sanh, tao trị ác vương, nhân dân loạn. Thời niên kháng hạn, cốc giá quý, chung vô thọ tộ cập cơ hoang.*

**(經)彼諸容色無等倫，豈於菩提有退減？若能轉教諸衆生，遭值惡王人民亂。時年亢旱谷價貴，終無受弊及饑荒。**

## **Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2**

(**Kinh:** Người ấy dung mạo đã khôn sánh, há có thoái giảm nơi Bồ Đề? Nếu hay dạy lại các chúng sanh, gặp gỡ vua ác và dân loạn. Nhằm lúc hạn hán, giá gạo cao, trọn chẳng chịu khổ và đói kém).

“Thời niên kháng hạn, cốc giá quý, chung vô thọ tể cấp cơ hoang” (Gặp lúc hạn hán, giá gạo cao, trọn chẳng chịu khổ và đói kém): Nhằm năm đói kém, cho đến bị tai ương hạn hán, lũ lụt, giá gạo cao v.v... chúng ta đều chẳng gặp phải các nỗi nguy hại như thế. Có thể là nhân loại phải đối diện các vấn đề mà chẳng hay biết. Nếu hay biết, sẽ có thể giải quyết. Giống như hiện thời, chúng ta hành pháp Ban Châu gặp các vấn đề, nếu thật sự biết, nếu liễu giải chánh xác, cũng sẽ chẳng trở thành vấn đề. Điều chánh yếu là khi chúng ta gặp phải vấn đề mà chẳng hiểu biết vấn đề, đó là vô minh, là lúc nguy hiểm nhất.

Hiện thời, nhân loại sanh tồn trên quả địa cầu này trong không gian, chúng ta gặp các tai nạn có thể nhận biết và không thể nhận biết. Tai nạn có thể nhận biết thì có thể dự phòng; tai nạn không thể nhận biết luôn áp ủ trong ý thức sanh mạng của chúng ta tột bậc chẳng thể nghĩ bàn. Tôi chẳng mong nói bất cứ điều gì đem lại sự bất an cho đại chúng, nhưng sâu thẳm trong tâm linh của toàn thể nhân loại, toàn là các nhân duyên chẳng an ổn, cho đến các nhân duyên có tánh chất xấu ác cực đoan như ích kỷ, tội ác, tà kiến. Sau đó, [các nhân duyên xấu ác ấy] sẽ dẫn đến các quả báo đúng là chẳng thể nghĩ bàn!

Tôi đã trải qua vài lần nhân duyên tai nạn khá lớn ở Trung Hoa trong thời gian gần đây. Chẳng hạn như đại thủy tai, động đất, bệnh SARS (severe acute respiratory syndrome, hội chứng hô hấp cấp tính nghiêm trọng) v.v... Lúc dịch SARS dữ dội nhất là ở Quảng Châu, tôi trực tiếp đến Quảng Châu. Lúc ấy, cũng là lúc Quảng Châu rối loạn nhất, mọi người sợ hãi bệnh SARS đã đến mức cùng cực. Sau khi nhân duyên ở Quảng Châu đã giảm xuống, tôi đến Bắc Kinh đúng ngay lúc tình hình dịch ở Bắc Kinh bắt đầu nghiêm trọng. Khi nhân loại đối diện nỗi kinh hoàng trước tai nạn không biết rõ, quả thật rất đáng thương. Vì sao? Vì chẳng hiểu biết! Tôi nói: “Tôi dùng sanh mạng của chính mình để thử nghiệm SARS đôi chút xem rốt cuộc nó là gì?” Về sau, tôi nói: “SARS là một con rắn. Hễ trông thấy, ắt phải chết”. Lúc ấy, có rất nhiều người hỏi tôi, tôi đều nói như thế. Vì sao người ta thấy nó ắt sẽ chết? Con người phần nhiều sợ hãi nó, mà chẳng hiểu biết nó!

Tôi cảm thấy nỗi sợ hãi là một thứ lớn nhất trong sanh mạng, sợ hãi đối với vô minh, sợ hãi đối với nghiệp báo. Như chúng ta kinh hành

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

Ban Châu, rất dễ gặp các nhân duyên trước kia chưa từng gặp, hoặc các tướng cảnh giới trước kia chưa hề biết. Như thế thì hữu tình tà kiến sẽ đắm nhiễm. Ở trong đó, bèn nói cao, nói thấp, nói sợ hãi, nói chẳng sợ hãi. Nếu là người trí, đối với họ, đó chỉ là một quang cảnh, tùy duyên trông thấy, trọn chẳng liên can. Vì thế, họ an trụ trong thanh tịnh, hồi thí giáo ngôn thanh tịnh cho người khác, khiến cho chúng sanh thẳng thừng tiến nhập Bồ Đề, thấy chư Phật thanh tịnh thí giáo. Đó là pháp tắc chẳng thể nghĩ bàn! Khi nạn SARS bùng nổ khá dữ dội tại Trung Hoa, tôi thật sự cảm nhận tâm lý mười phần sợ hãi của nhân loại ngu si đối với vô minh. Đương nhiên cũng có một số ít, một số người cực ít chẳng sợ hãi chuyện này; nhưng đại đa số thì trong chỗ thăm sâu của tâm lý đều sợ hãi, không thể đè nén được. Nỗi sợ hãi ấy chẳng thể diễn tả được! Thật ra, thật sự là chẳng có gì, chủ yếu là nỗi sợ hãi trong tâm trí, là ma nạn do vô minh đem lại. Phần lớn mọi người chẳng có duyên với thứ ấy, nhưng họ đều sợ hãi.

So với các nghiệp duyên mà nhân loại phải đối diện mai sau, chắc là SARS yếu ớt nhất. Giống như một trận gió phát qua thế gian nhiệt nảo này, bất quá trận gió ấy u ám mà thôi. Chắc là có liên quan đến bất cứ một người nào đó, hoặc đều chẳng liên quan. Nếu một người ẩn núp trong căn phòng “*khỏe mạnh, điều nhu, chẳng sát sanh*” của chính mình, chắc là cơn gió đen đúa ấy chẳng thổi qua quý vị. Nhưng nếu kẻ nào đang thuộc trong nghiệp duyên của sát nghiệp, ác nghiệp, vô minh nghiệp hừng hực mà chẳng có gì ngăn đón, sẽ rất khó chẳng bị thương tổn! Đối với quả báo trong tương lai, rất nhiều người đã dự đoán chuyện này. Chuyện này cũng chẳng cần phải dự đoán! Đó là nhân duyên mà nhân loại chúng ta phải đối diện, đòi hỏi mỗi cá nhân chúng ta, tức là những người đang sống, từng người trong thế gian hiện thời, đối với chỗ thăm sâu trong tâm linh của chính mình, cần phải khéo quan sát xem nó có khỏe mạnh hay không? Có cần điều trị hay không? Nó là từ bi, trí huệ, hay là vô minh, điên đảo? Là thương xót thế gian, yêu mến thế gian, bố thí cho thế gian, hay là xâm hại thế gian, nhiễu loạn thế gian, rối loạn thế gian? Các vị thiện tri thức ơi! Hãy tự khéo quan sát, khéo tư duy, đừng nghe lời kẻ khác. Người khác nói tốt hay xấu đều vô ích. Chẳng hạn như trên núi Kê Túc đã ba lần có bão lốc lớn, có người bèn mua cho chúng tôi một lều trại và chiếc xuồng loại thổi lên được [để sử dụng thoát hiểm]; nhưng chuyện ấy thật sự chẳng liên quan đến chúng tôi. Người khác dự báo tai nạn, vốn chẳng liên quan đến quý vị. Vì sao? Trong cộng nghiệp còn có biệt nghiệp. Nếu quý vị nhớ Phật, niệm Phật,

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

có gì sợ hãi? Quý vị có thể dùng gạo để ngăn chặn tai nạn hay không? Quý vị có thể dùng bè cao su để ngăn chặn kiếp thủy (nước lụt trong lúc hoại kiếp) hay không? Quý vị có thể dùng lều trại để ở tại nơi không thể ở hay chăng? Đây thật sự là tâm trí đang bị tướng cảnh giới dao động rất đáng thương, nhưng trong thế gian này, nỗi sợ hãi lan truyền rất mạnh mẽ!

Nếu chúng ta hành pháp, hộ pháp, nương theo pháp để hành, thâm nhập tu tập, đích thân chứng tướng đại công đức của Chư Phật Hiện Tiền tam-muội như thế, sẽ chẳng sợ hãi các tai nạn ấy. Quý vị chỉ có thể trừ diệt Kiếp Hỏa, diệt tai nạn, lợi ích rộng khắp các hữu tình đang mắc nạn, chẳng sợ hãi, làm nơi chôn an ổn cho chúng sanh đang mắc tai nạn. Đây chẳng phải là nói suông, mà thật sự phải nên là như thế. Đó là tâm địa chân thật, tâm địa rộng lớn, tâm địa an lạc, tâm địa chọn lựa, mà cũng là tâm địa bi trí vô úy. Ở chỗ này, chúng ta hãy nên thật sự tu tập pháp tắc này. Chẳng hạn như khi người khác bị tai nạn, khi thế gian có nguy nạn, chúng ta hãy nên thật sự đứng ra, thật sự tu pháp ở nơi đó, bố thí vô úy, bố thí an lạc cho chúng sanh ở nơi đó. Chẳng phải là trốn tránh, hoặc là hời hợt nói về tai nạn!

Chín năm trước, tôi nói chỗ chúng ta đang ở này sẽ dần dần thích hợp cho nhân loại sống. Nay chúng ta đã đạt được đôi chút thể nghiệm. Trước kia, hễ đến mùa mưa, ắt là người xuất gia ở chùa Phóng Quang không ai chẳng khoác áo bông. Hễ mưa xuống, ẩm ướt và rét buốt rất khó chịu đựng, nhưng hiện thời trên cơ bản là một lớp áo. Buổi sáng thức dậy, mặc thêm đôi chút là được rồi. Lại sau mấy năm, chỗ này đã dần dần trở thành ấm áp, vừa thích hợp cho con người sống sót. Nhưng ở rất nhiều nơi khác, cuộc sống của nhân loại phải đối diện vấn đề thích ứng với nhiệt độ rất cao! Quý vị thấy tại Ấn Độ, hay khu nhiệt đới ở Bản Nạp, rất nóng, người ta vẫn sống được. Chúng tôi nói theo trạng thái thông thường, đương nhiên là con người không ngừng dùng máy điều hòa không khí để điều hòa hoàn cảnh sống. Nhưng trong hoàn cảnh hiện thời của chúng ta, nếu nhân duyên của mọi người đầy đủ, xây được ao phóng sanh ở phía trước chùa, phước đức của người sống ở nơi đây sẽ khá an ổn, chúng ta chẳng cần phải điều chỉnh chi khác, mà có thể sống bình thường, yên ổn. Đương nhiên, chẳng phải vì sanh tồn mà chúng ta tới chỗ này, nhưng hoàn cảnh như vậy đối với sự dụng công tu đạo khá thích hợp. Hoàn cảnh như vậy ở trong nước ngày càng ít. Rất nhiều nơi hoàn cảnh đã trở thành mười phần nóng, chẳng ai muốn bàn đến chuyện tu trì, chỉ cần có cơ chế bảo đảm sanh mạng là được rồi. Cũng có

## *Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2*

nghĩa là quý vị có thể tiếp nối sanh mạng, chẳng phải bực bội, chẳng cần giãy giụa, đừng bị tật bệnh, tai nạn là được rồi. Nhưng hoàn cảnh của chúng ta ở đây khá thích hợp, khá rộng rãi, thông dong, mọi người có thể tụng kinh, kinh hành, cho đến học tập pháp gì [cũng được]. Có thể nói đó là các chuyện chẳng thể thực hiện được trong hoàn cảnh náo nhiệt, bực bách, hoặc hoàn cảnh đã mất cân bằng, [thế mà] chúng ta có thể thực hiện ở nơi đây.

Đây là một nhắc nhở liên quan đến khu vực. Lại còn vì sao mọi người kinh hành Ban Châu ở nơi đây? Tôi cảm thấy nơi này được phước đức hộ trì. Ở chỗ khác, chẳng phải là không thể kinh hành Ban Châu được. Nhưng nếu đi kinh hành Ban Châu tại chỗ có “đất mỏng”, đại địa sẽ bị chấn động, quý thần bất an, họ sẽ nhiều loạn quý vị. Có người nói “cảnh giới ở chỗ này nhiều như vậy”. Chẳng hạn như có người sống tại Chung Nam Sơn (tỉnh Thiểm Tây), cảnh giới hết sức nhiều, sống ở chỗ X... còn có hữu tình bị quý thần công kênh chạy vòng vòng. Đó là vì ở chỗ “đất mỏng”, là nơi quý thần, ác La Sát cư trụ! Nếu quý vị làm thiện pháp cho họ, niệm Phật, tụng kinh, bái sám, hồi hướng cho họ, họ sẽ hoan hỷ, thủ hộ quý vị. Nhưng nếu quý vị tạo ác nghiệp ở đó, ăn uống phóng túng, vui chơi buông lung, quý vị sẽ lãnh quả báo ác tương ứng, thậm chí có thể bị tàn hại sanh mạng. Hiện thời, có nhiều kẻ sống ở trong tự viện, ở trong núi, do phóng dật mà đâm ra mắc hại khá nhiều, vì chẳng biết tu hành đúng pháp, tức là do chẳng biết đúng pháp cúng dường, thủ hộ, hồi thí, cho nên mắc nhiều họa hại!

Tự viện của chúng ta ở trong vùng núi rừng này, vẫn mong mọi người hãy quý tiếc nhân duyên hành pháp của chính mình. Nếu quý vị trở về nhà, chúng tôi chẳng nói tới, nhưng nếu đã ở nơi đây, hãy quý tiếc mỗi ngày của chính mình. Đó thật sự là chuyện có ý nghĩa! Chẳng phải là cưỡng ép chính mình, mà là phải tôn trọng nhân duyên của chính mình. Cưỡng ép chính mình sẽ chẳng có ý nghĩa chi hết! Chẳng hạn như nếu quý vị mười phần chẳng muốn làm chuyện này, hãy nên trở về nhà nghỉ ngơi, an dưỡng. Nhưng nếu đã hành pháp, tự viện quả thật là một nơi chôn thích hợp, là chuyện có ý nghĩa. Chúng ta ở ngay nơi vùng địa chấn của Vân Nam mà còn có cơ chế hành pháp an ổn, phải nên quý trọng! [Có trường hợp, tuy] có chỗ để kinh hành Ban Châu, nhưng thật sự chẳng làm được. Chẳng hạn tại nơi có cơ chế ác duyên trong gia đình khá nhiều, để kinh hành Ban Châu sẽ cần phải có sức đột phá chướng ngại khá lớn! Nhưng kinh hành Ban Châu trong các đạo tràng sẽ khá thuần tịnh, đơn giản, hoặc tại nơi nhà cửa đơn giản, yên ổn, vẫn là rất có

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

ý nghĩa! Nếu thời gian kinh hành Ban Châu khá dài thì ở trên lầu cũng chẳng thích hợp cho lắm. Trước kia, kinh hành Ban Châu tại chùa Bảo An, tầng hai bị rung động, rất nhiều người đều cảm thấy giống như đang ở trên chiếc thuyền trôi trên biển. Đó là vấn đề thuộc về cơ chế tải trọng. Chùa Bảo An ở trên một quả núi có tên là Thố Thạch Sơn (厝石山), là một khối đá, hễ kinh hành, cả quả núi rung động. Nếu chúng ta ngủ tại đó thì không bị lay động, nhưng khi chúng ta niệm Phật kinh hành chính là truyền bá đại oai đức. Sức đại oai đức được tiếp nối, nội hàm thực chất của sức oai đức đều được biểu hiện trong quá trình chúng ta niệm Phật kinh hành. Nếu quý vị quan sát tỉ mỉ, tu tập như thật, như vậy thì chúng ta sẽ khế nhập nội hàm thực chất của pháp tắc này, sẽ chẳng thoát lệch kinh điển, chẳng cách biệt quá lớn đối với pháp tắc.

***(Kinh) Nhược nhân giải thuyết thử tam-muội, sở hữu công đức bất tư nghị. Giả tuy ma nhiều chư chúng sanh, bất năng động tư nhất mao phát. Ngã tiền thuyết bỉ trì kinh nhân, chúng hoạn khủng bố cập phiền não. Bỉ chung bất năng gia tổn hại, duy trừ vãng nghiệp tiên định vương.***

**(經)若人解說此三昧，所有功德不思議。假雖魔嬈諸衆生，不能動斯一毛髮。我前說彼持經人，衆患恐怖及煩惱。彼終不能加損害，唯除往業先定殃。**

*(Kinh: Nếu ai giải nói tam-muội này, tất cả công đức chẳng thể nghĩ bàn. Dầu cho ma nhiều loạn chúng sanh. Chẳng động mảy tóc, lông người ấy. Trước kia, ta nói người trì kinh, vương hoạn, sợ hãi, và phiền não. Trọn chẳng thể tổn hại người ấy, chỉ trừ định nghiệp gây vương hoạn).*

“Ngã tiền thuyết bỉ trì kinh nhân, chúng hoạn khủng bố cập phiền não. Bỉ chung bất năng gia tổn hại, duy trừ vãng nghiệp tiên định vương” (Trước kia, ta đã nói người trì kinh ấy, các sự họa hoạn, kinh sợ và phiền não trọn chẳng thể gây tổn hại cho người ấy, chỉ trừ các tai ương do định nghiệp từ trước). Vì sao nói như thế? Có nhiều hữu tình bạc phước ít đức, chẳng thể sám hối, chẳng thể tiến nhập một pháp tắc, phần nhiều dùng tà kiến, tâm kiêu mạn, tâm lừa dối để hành pháp. Có khi còn có các chướng duyên hiện tiền! Nếu chúng ta có chướng duyên hiện tiền, hãy

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

sám hối, niệm Phật, vứt bỏ tạp duyên ác tánh của chính mình, nhất tâm niệm Phật, thủ hộ pháp tắc ấy, thì hết thấy ác duyên sẽ trọn chẳng thể gia hại. Đích xác là có hữu tình bạc phước, hữu tình ác duyên đã chín muồi, hữu tình có thiện duyên chẳng đầy đủ, gặp pháp này, sẽ nảy sanh ác phiền não và ác kiến, đâm ra mắc hại. Nỗi hại ấy là họa hại nhất thời, nhưng nói rõ ràng thì vẫn là kết duyên thù thắng chân thật với Vô Thượng Bồ Đề.

***(Kinh) Nhược hữu hộ trì u thử kinh, thị tắc u ngô vi trưởng tử.***

**(經)若有護持於此經，是則於吾爲長子。**

***(Kinh: Nếu ai hộ trì kinh điển này, người ấy là con cả của ta).***

Trong giáo ngôn Tịnh Độ, đức Thế Tôn một mực dạy: Người niệm Phật chẳng phải là Tiểu Thừa, mà là trưởng tử của ta. Nói “*trưởng tử*” tức là một pháp tắc tôn quý, thù thắng. “*Một pháp tôn quý, thù thắng*” chẳng phải do chúng ta tự xưng. Nếu chúng ta tự xưng, sẽ xuất hiện vấn đề, nhưng đức Thế Tôn có thể tuyên nói như thế. Bảo Vương tam-muội như thế dung nạp hết thấy các tam-muội, trọn đủ hết thấy các tam-muội, thành tựu hết thấy tam-muội, vì là Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền Lập, cho nên nói trọn hết thấy các pháp. Vì trong hết thấy các pháp, Phật là chủ của hết thấy các pháp, Ngài có thể tuyên nói hết thấy các pháp. Hễ thấy hết thấy chư Phật, sẽ trọn đủ hết thấy các pháp. Vì thế, được gọi là Bảo Vương tam-muội, chân thật, không giả! Đây là nói vô úy, nói chân thật, chẳng phải vì khuyến dụ chúng sanh mà nói giả thiết. Vì thế, từ xưa tới nay, kinh Ban Châu Tam Muội là một pháp môn bất cộng, được các vị đại thiện tri thức trải các đời thủ hộ, tu tập, tôn sùng. Các vị thành tựu trải các đời đều thâm nhập tu tập kinh điển này, thâm nhập quan sát. Các Ngài thật sự tu tập thành tựu, thủ hộ. Bất luận Giáo Hạ, Luật Tông, Tịnh Độ Tông, cơ bản là lịch đại tổ sư của các tông, các thiện tri thức phần nhiều đều hành trì pháp này. Nhất là các vị thiện tri thức thuộc Luật Tông, các thiện tri thức Tịnh Độ Tông, các thiện tri thức thuộc Giáo Hạ đã hành trì pháp này khá trọn khắp. Cơ bản là đến cuối cùng, các Ngài ắt đều hành pháp này. Do vậy, “*thị tắc u ngô vi trưởng tử*” (vì thế, chính là con cả của ta). Đức Thích Ca Thế Tôn đã như thật tuyên nói với chúng ta như thế, vì trong tám vạn bốn ngàn pháp, pháp này như biển cả, hết thấy các pháp đều quy về pháp này, thường nói là “*Tịnh Độ vi quy*” (Tịnh Độ là chỗ quay về). Đó chính là một cơ chế giáo ngôn được các vị thiện tri thức trong hết thấy các pháp môn từ

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

xưa đến nay đã đề ra. Chẳng nói như thế tức là đã trái nghịch lợi ích chân thật của giáo ngôn Đại Thừa, lia khỏi cơ chế chân thật của giáo ngôn Đại Thừa. Trong quyển thứ tám mươi một [của kinh Hoa Nghiêm], tức phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, đức Thế Tôn đã nêu ra như thế. Các vị Pháp Thân đại sĩ như Văn Thù, Phổ Hiền, quy kết đến cuối cùng, đều phát nguyện vãng sanh quốc độ Cực Lạc của A Di Đà Phật. Phát nguyện gì vậy? “*Nguyện tôi lâm chung chẳng chướng ngại, vãng sanh cõi Vô Lượng Quang của A Di Đà Phật*”. Vì sao phải phát ra thế nguyện như thế? Bậc Pháp Thân đại sĩ, Phổ Hiền đã thành Phật, cho đến vị đã sớm thành Phật là Văn Thù Sư Lợi, các bậc đại sĩ như thế đều hướng dẫn về Cực Lạc, vì muốn cho hết thấy hành giả có trí huệ, hành giả được hưởng pháp ích rộng lớn, sẽ thành Phật ngay trong một đời.

***(Kinh) Ngã dĩ xưng tán w bỉ đẵng, đương lai chi thế diệc phục nhiên.***

**(經)我已稱讚於彼等，當來之世亦復然。**

***(Kinh: Ta đã xưng tán những người ấy, trong đời tương lai cũng giống vậy).***

Ở đây, đức Thế Tôn khen ngợi, tán thán người ấy, cho đến vị lai Phật cũng xưng tán. Vì sao? Chư Phật trụ thế, không vị nào chẳng tán thán giáo ngôn này, vì muốn thấy Phật. Phật tán thán loại hữu tình ấy, rồi cuộc đời thành tựu Phật đạo, công đức chẳng thể nghĩ bàn!

***(Kinh) Nhược năng hộ trì như pháp, tự ưng恆發歡喜心。咸共宣通勿捨。***

**(經)若能護持如斯法，自應恆發歡喜心。咸共宣通勿捨，我今爲汝如是說」。**

***(Kinh: Nếu hay hộ trì pháp như thế, hãy nên luôn phát tâm hoan hỷ. Đều cùng tuyên nói, đừng buông bỏ, ta nay vì ông nói như thế).***

Kinh diễn từ lúc bắt đầu tuyên nói mãi cho đến hiện tại, đức Thế Tôn đều nói như thế, khuyên chúng ta thủ hộ, tu tập, thâm nhập pháp tắc này. Các vị thiện tri thức ơi! Hãy khéo tư duy, khéo quan sát!

### ***13. Phẩm thứ chín: Nhiêu Ích***



*(Kinh) Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Phần Nhiêu Ích phẩm đệ cửu.*

**(經)大方等大集賢護分饒益品第九。**

*(Kinh: Kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Phần. Phẩm thứ chín: Lợi Ích Rộng Khắp).*

Phẩm này nêu bày Nhất Thiết Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội có trọn đủ các công đức và lợi ích, cho nên gọi là phẩm Nhiêu Ích.

*(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn phục cáo Hiền Hộ Bồ Tát ngôn: - Hiền Hộ! Ngã niệm vãng tích, quá vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, thời hữu nhất Phật, hiệu Vô Úy Vương Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, xuất hưng u thế.*

**(經)爾時，世尊復告賢護菩薩言：「賢護！我念往昔，過於無量阿僧祇劫，時有一佛，號無畏王如來、應供、等正覺、明行足、善逝、世間解、無上士、調御丈夫、天人師、佛、世尊，出興於世。**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn lại bảo Hiền Hộ Bồ Tát rằng: - Nay Hiền Hộ! Ta nhớ xưa kia, quá vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, khi đó, có một vị Phật hiệu là Vô Úy Vương Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn xuất hiện trong cõi đời).*

Đức Thế Tôn thuyết pháp, dùng chuyện này để tuyên nói nội hàm trang nghiêm tâm trí rộng lớn của hết thảy chúng sanh. Quá khứ, hiện tại, vị lai, cùng lúc lựa chọn. Nếu dựa theo báo đức sai biệt, đức Thế Tôn đã từng trong vô lượng kiếp xuất hiện nơi cõi đời để lợi ích thế gian rộng khắp. Nay khi chúng ta học Phật, hãy tâm trí đầy khởi một niệm, nếu dùng vô úy thiện xảo để chân thật thủ hộ, tức là khi tùy thuận Thập

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2**

Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội này, thì cũng giống như Vô Úy Vương Như Lai xuất hiện trong cõi đời, trọn chẳng khác biệt! Do một niệm chọn lựa, phát tâm giống như chư Phật, trí giống như chư Phật, oai đức giống như chư Phật, tiếp nối thanh tịnh như thế, quyết định đích thân chứng đắc.

Hết thầy chư Phật đều tuyên nói như thế, chẳng hề có cao thấp, không có lời nào khiến cho chúng sanh sợ hãi, khiến cho chúng sanh lựa chọn pháp chân thật. Nói theo phía Thế Tôn, báo đức là như thế. Nói theo lý tánh của pháp tắc, trong sát-na chúng sanh sanh khởi một niệm tối sơ, vô úy như thế, chọn lựa tùy thuận hành pháp Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội như thế, yêu mến thủ hộ thì sẽ có thể lợi ích thế gian rộng khắp y hết!

**(Kinh) Đương nhĩ chi thời, hữu trưởng giả tử, danh Tu Đạt Đa, dĩ nhị vạn nhân, câu nghệ bỉ Phật Vô Úy Vương sở. Đáo dĩ, đánh lễ bỉ Thế Tôn túc.**

**(經)當爾之時，有長者子，名須達多，與二萬人，俱詣彼佛無畏王所。到已，頂禮彼世尊足。**

**(Kinh: Trong thuở đó, có con ông trưởng giả, tên là Tu Đạt Đa, cùng với hai vạn người cùng đến chỗ đức Phật Vô Úy Vương ấy. Đã đến nơi bèn đánh lễ dưới chân đức Thế Tôn ấy).**

Lễ dưới chân đức Thế Tôn. “Túc” là Lương Túc Tôn. Nếu tùy thuận Thế Tôn Lương Túc Tôn, tùy thuận giáo ngôn của Thế Tôn Lương Túc Tôn, tùy thuận sự tu trì của Lương Túc Tôn, tùy thuận sự hồi thí của Lương Túc Tôn, sẽ đều đạt được hai con mắt phước và huệ. Lúc này, chúng ta đang học pháp, có phải thật sự là tâm và thân giống hệt nhau mà lễ kính đáng Lương Túc Tôn hay không? Hữu tình trong hiện thời, phần nhiều lễ kính nghiệp duyên, hiện duyên của chính mình, cho đến tùy thuận nghiệp tập của chính mình, bất luận là túc nghiệp hay hiện nghiệp. Đó gọi là trong cái cảm nhận sai khác hoặc tương tự đối với sự huân tập đấm nhiễm, chẳng phải là oai đức của chư Phật. Vì thế, chẳng có tự ngã để vứt bỏ, chẳng thể tùy thuận giáo ngôn của Như Lai Lương Túc Tôn.

**(Kinh) Kính lễ tất dĩ, thoái tọa nhất diện.**

**(經)敬禮畢已，退坐一面。**

*(Kinh: Kính lễ xong xuôi, lui qua ngòai một phía).*

Do cơ chế giáo ngôn, khiến cho hết thấy chúng sanh vứt bỏ tự ngã, lễ kính dưới chân đức Phật, có thể thanh tịnh an lập, trọn đủ hiện duyên.

*(Kinh) Thời, Tu Đạt Đa tức tiện thỉnh bĩ Vô Úy Vương Như Lai, quảng tuyên như thị tam-muội thâm nghĩa.*

**(經)時，須達多即便請彼無畏王如來，廣宣如是三昧深義。**

*(Kinh: Khi đó, Tu Đạt Đa liền thỉnh đức Vô Úy Vương Như Lai tuyên nói rộng khắp nghĩa sâu của tam-muội như thế).*

Ở đây, chúng ta thấy sự biểu hiện rõ rệt của các vị thiện tri thức xuất hiện trong cõi đời thưở quá khứ, cho đến nói về lúc Nhiên Đăng Cổ Phật (Dīpaṃkara) vừa mới phát tâm, dùng thân phận của trưởng giả tử Tu Đạt Đa để xuất hiện lễ kính dưới chân đức Thế Tôn, thưa hỏi đức Thế Tôn giáo ngôn Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiên tam-muội rất sâu, nhằm dẫn dắt chúng ta là bọn hữu tình trong đời Mạt Pháp tùy thuận cầu thỉnh như thế, giáo ngôn như thế, tu trì như thế.

*(Kinh) Hiền Hộ! Nhĩ thời, bĩ Vô Úy Vương Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, tri trưởng giả tử hữu thâm tín tâm.*

**(經)賢護！爾時，彼無畏王如來、應供、等正覺，知長者子有深信心。**

*(Kinh: Này Hiền Hộ! Lúc bấy giờ, Vô Úy Vương Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác biết trưởng giả tử có tín tâm sâu đậm).*

“Tri” là thấy ông ta cung kính, lễ bái, như thật tùy thuận, như thật khai thỉnh giáo pháp, cho nên yêu thích, thủ hộ. Hiện tiền chúng ta hành pháp này, hoặc một ngày, hoặc trong ba năm, năm năm, mười năm, chẳng đạt được lợi ích như đã nói, phần nhiều sanh lòng thoái khuất, thậm chí sanh tâm phỉ báng, ngờ vực, tâm dè bieu. Vì sao như thế? Do cái

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2**

tâm thâm tín chẳng đủ! Nói đến “tâm thâm tín”, tức là biết pháp tánh đầy đủ và chẳng đầy đủ, có phải là vận dụng pháp hiển hiện hay không. Nếu tin sâu pháp tánh, há có đầy đủ hay chẳng đầy đủ? Nếu có tâm thâm tín, há có pháp tác tương ứng hay chẳng tương ứng ư? Phần nhiều là cái tâm hư giả, tâm siểm khúc, tâm chú trọng lợi ích bất cần thủ đoạn, tâm chẳng tương ứng, hoặc là tâm thích lọc lừa mưu mô, hoặc cái tâm xu phụ lợi ích, chẳng thể thuận theo pháp tánh, chẳng thể tin sâu thuận theo pháp tác, chẳng thể tùy thuận công đức do lợi ích thế gian, phần nhiều là chạy theo lợi lộc, cái tâm chỉ biết cầu lợi bất cần thủ đoạn. Vì thế, chẳng thể thâm nhập một pháp, chẳng thể thành tựu! Đây là căn bệnh chung của người tu tập trong thời đại này. Hằng ngày thay đầu, mỗi giờ sửa mặt, sáng ba, tối bốn, luôn luôn chẳng tương ứng! Vì thế, thông thường chúng ta hành pháp, tốt nhất là đừng nên thay đổi đường lối, chớ nên hành trì khác lạ, cứ một môn thâm nhập như thế. Nếu chọn lựa một pháp nghĩa, sẽ có thể liễu đạt hết thảy pháp tác. Vì sao? Vì pháp nào cũng đều bình đẳng, nhưng phải thấy chân tâm, dùng chân tâm để lựa chọn. Nếu chẳng phải như vậy, sáng ba, tối bốn, nói chung là chẳng liên quan gì cả, nói chung là cái tâm vô thường, cái tâm biến hóa. Đó gọi là cái tâm hư giả, chỉ chú trọng lợi ích bất cần thủ đoạn, như thế thì sẽ là tặc tâm, sẽ là bất lợi nhất trong Phật pháp. Nói “đại lợi” tức là cái tâm chọn lựa.

*(Kinh) Nhạo dục thính văn như thị tam-muội, ứng thời tùy thuận nhi vị phu diễn.*

**(經)樂欲聽聞如是三昧，應時隨順而為敷演。**

*(Kinh: Vui thích nghe nói tam-muội như thế, sẽ ngay lập tức tùy thuận mà diễn giảng rộng khắp).*

“Phu diễn” (敷演) là tiếp nói rộng khắp, diễn thuyết pháp tác này.

*(Kinh) Hiền Hộ! Thời, Tu Đạt Đa w bĩ Phật sở, văn tam-muội dĩ, độc tụng, thọ trì, tư duy kỳ nghĩa, tức như thuyết hành. Ký tu hành dĩ, hoàn tức w bĩ Vô Úy Vương Như Lai pháp trung, xả gia, xuất gia, thể trừ tu phát, phục ca-sa y.*

**(經)賢護！時，須達多於彼佛所，聞三昧已，讀誦受持，思惟其義，即如說行。既修行已，還即於彼無畏王如來法中，舍家出家，剃除鬚髮，服袈裟衣。**

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

*(Kinh: Ngày Hiền Hộ! Khi đó, Tu Đạt Đa ở nơi đức Phật ấy, nghe tam-muội xong, đọc tụng, thọ trì, tư duy nghĩa lý, liền tu hành đúng như lời dạy. Đã tu hành rồi, lại còn ở trong pháp của Vô Úy Vương Như Lai, bỏ nhà xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa).*

Chúng ta thấy duyên khởi này là như thế nào? Từ kiên thành lễ kính dưới chân đức Phật, sau đó, lui qua ngòai một phía, khải vấn đức Thế Tôn dạy bảo như thế. Tức là thưa hỏi pháp tắc Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiền Tiên tam-muội. Hỏi xong, đức Thế Tôn thâm nhập quan sát, biết ông ta yêu mến, bèn tuyên nói cho ông ta. Ông ta nghe xong, có thể đọc tụng, thọ trì, tư duy nghĩa lý, đúng như lời dạy hành trì, còn ở ngay trong pháp của đức Vô Úy Vương Như Lai, bỏ nhà xuất gia.

Người hành pháp trong quá khứ triệt để tùy thuận, chẳng giữ lại gì, nhất tâm quy mạng, cung kính, trân trọng thọ trì. Trong hiện thời, người xuất gia lần tại gia chúng ta phần nhiều có giữ lại. “Giữ lại” tức là gì vậy? Chính là chẳng dám xả thân, hoàn toàn phó mình cho một pháp tắc, có lắm nỗi sợ hãi; nhưng các vị thiện căn thành thực chẳng hề sợ hãi gì, đối với pháp bèn dũng mãnh, chẳng tiếc nuôi sanh mạng!

***(Kinh) Kinh bát vạn tuế, tư duy trụ trì như thị tam-muội.***

**(經)經八萬歲，思惟住持如是三昧。**

*(Kinh: Trải qua tám vạn năm, tư duy trụ trì tam-muội như thế).*

Hiện thời, những người tu pháp chúng ta thường có những kẻ thoát đầu rất dũng mãnh tìm đến, nhưng ba ngày sau bèn nói: “Ồi trời ơi! Chúng tôi vẫn chẳng thích hợp pháp này, tôi vẫn nên tu pháp khác vậy”. Nếu có thể dùng tám vạn năm để tư duy, thủ hộ pháp tắc này, chắc là vẫn có ý nghĩa. Vì sao? Có kẻ dăm ba ngày, mười ngày, tám bữa đều kiên trì chẳng nổi, sẽ nẩy sanh lòng nghi ngờ đối với pháp. Còn có người chừng một năm, nửa năm, hoặc bảy ngày, nửa tháng, chẳng biết chính mình là gì! Tâm kiêu mạn sanh khởi, tà tâm sanh khởi, tâm tội ác cũng sanh khởi. Cái tâm tham cầu lợi dưỡng và tiếng tăm cũng sanh khởi, bèn đi giáo hóa người khác.

Chúng ta thấy ông Tu Đạt Đa, tức Nhiên Đăng Cổ Phật thuở tu nhân, suốt tám vạn năm tư duy, tu trì, thủ hộ tam-muội này như thế. Chúng ta phải so sánh, đối với pháp phải phát khởi sự thủ hộ chân thật và lựa chọn thủ hộ rộng lớn trong vị lai. Nếu dăm ba ngày, một năm, nửa năm, đã nóng lòng mong đạt được hiệu quả và lợi ích; đó chẳng phải là

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

người tu pháp, sẽ chẳng đạt được lợi ích trong Phật pháp, chỉ đáng gọi là kẻ trộm ở trong Phật pháp, vênh vang một thời, sau đó sẽ phải hối hận. Vì sao? Quý vị chẳng chân thật tu tập, thủ hộ pháp tắc, mà là mong giành lấy lợi ích nơi pháp. Giành lấy lợi ích gì vậy? Chính là nhờ vào pháp để hoàn thành lợi ích riêng tư của chính mình. Như thế thì sẽ chẳng đạt được sự chân thật trong Phật pháp. Trong pháp tắc này, có nhiều hữu tình thuộc loại đắm nhiễm, vì thiện căn và phước đức của hữu tình trong thời ác trước mỏng ít, bèn dựa vào pháp tắc để nuôi nấng tà kiến và danh lợi của chính mình. Như thế thì sẽ gặp nhiều họa hại. Họa hại ấy là họa hại ngay trong đời hiện tại, có ý nghĩa rất ráo, chúng ta chẳng thể phủ nhận. Nhưng dù là họa hại trong đời hiện tại, cũng có [các trường hợp] có thể miễn trừ, tức là những ai có thiện căn thành thực và cơ chế thành thực.

***(Kinh) Hựu phục tại bỉ Vô Úy Vương Như Lai sở, văn nhất thiết pháp, giai tất thọ trì.***

**(經)又復在彼無畏王如來所，聞一切法，皆悉受持。**

***(Kinh: Lại ở chỗ Vô Úy Vương Như Lai, nghe hết thầy pháp, thầy đều thọ trì).***

Do công đức trong tám vạn năm tư duy, trụ trì tam-muội này, cho nên sau đó, lại tu tập hết thầy các giáo pháp của Vô Úy Vương Như Lai. Nếu ta có thể chọn lựa thuần thực một pháp tắc, vậy thì tất nhiên sẽ thủ hộ hết thầy các pháp. Chẳng hạn như nếu chúng ta thật sự chọn lựa lợi ích của pháp tắc Niệm Phật này, vậy thì hành trì hết thầy các pháp cũng là chọn lựa, là vô úy. Đương nhiên, nếu trong các pháp tắc khác, thật sự chọn lựa lợi ích thì cũng sẽ yêu mến, tu tập hết thầy các pháp tắc. Vì sao? Hễ chọn lựa một pháp tắc, sẽ chẳng sợ hãi, chẳng có gì thoái thất, chẳng có gì được hay mất, chẳng có gì tán hoại. Đó là tu tập rộng lớn, tu tập thanh tịnh, tu tập chân thật, đối với không gian rộng lớn để tạo tác các nghiệp trong tâm địa, sẽ ngay lập tức vượt qua. Trong quá khứ, bị tội ác nghiệp, điên đảo nghiệp, phiền não nghiệp, vô minh nghiệp, đối đãi nghiệp, phan duyên nghiệp, đủ loại nghiệp lấp đầy không gian và thời gian, cùng lúc vọt ra, từ đó mà phát khởi rộng lớn đến vị lai, trong hết thầy các pháp, nảy sanh diệu dụng thanh tịnh. Do vậy, chúng ta nói “tâm trí rộng lớn đã thật sự thành thực”. Đó là chỗ thiện xảo vô úy trong Phật pháp.

*(Kinh) Thị hậu phục kinh chư Như Lai sở, văn thuyết tư pháp.*

**(經)是後復經諸如來所，聞說斯法。**

*(Kinh: Sau đó, lại từ chỗ các đức Như Lai, nghe nói pháp này).*

Không chỉ nghe nói giáo ngôn Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội từ một đức Như Lai, mà còn đến chỗ các đức Như Lai để nghe nói kinh pháp này.

*(Kinh) Diệt giai năng trì. Ư chư Phật sở, chủng chư thiện căn, năng quảng thành tựu bất tư nghị dĩ. Nhiên hậu xả mạng, tức đắc thượng sanh Tam Thập Tam Thiên, đồng thọ quả báo, tức bị kiếp trung, hoàn phục trị ngộ đệ nhị Như Lai, nhi bị Như Lai, từng sát-lợi sanh, xuất gia thành đạo, danh viết Điện Đức Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác. Nhi phục ư bị Điện Đức Như Lai pháp trung, xuất gia tu hành, kinh bát vạn tứ thiên tuế, hoàn phục tư duy như thị tam-muội, nhi cánh trị ngộ đệ tam Như Lai. Bị đệ tam Phật, ư Bà La Môn gia sanh dĩ, diệt xuất gia thành đạo, hiệu viết Quang Vương Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác. Phục ư bị Như Lai sở, xuất gia tu hành, diệt ư bát vạn tứ thiên tuế trung, thường đắc tư duy như thị tam-muội.*

**(經)亦皆能持。於諸佛所，種諸善根，能廣成就不思議已。然後捨命，即得上生三十三天，同受果報，即彼劫中，還復值遇第二如來，而彼如來，從剎利生，出家成道，名曰電德如來、應供、等正覺。而復於彼電德如來法中，出家修行，經八萬四千歲，還復思惟如是三昧，而更值遇第三如來。彼第三佛，於婆羅門家生已，亦出家成道，號曰光王如來、應供、等正覺。復於彼如來所，出家修行，亦於八萬四千歲中，常得思惟如是三昧。**

*(Kinh: Cũng đều có thể thọ trì. Ở chỗ chư Phật, gieo các thiện căn, đã có thể thành tựu rộng khắp chẳng thể nghĩ bàn. Sau đó, xả*

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

*mạng, liền được sanh lên Tam Thập Tam Thiên, cùng hưởng quả báo, liền ngay trong kiếp ấy, lại được gặp gỡ vị Như Lai thứ hai. Vị Như Lai ấy sanh trong chủng tánh Sát-đế-lợi, xuất gia, thành đạo, tên là Điện Đức Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác. [Tu Đạt Đa] lại ở trong pháp của Điện Đức Như Lai xuất gia tu hành, trải qua tám vạn bốn ngàn năm, vẫn lại tư duy tam-muội như thế, lại được gặp gỡ đức Như Lai thứ ba. Vị Phật thứ ba ấy, sanh trong gia đình Bà La Môn, cũng xuất gia thành đạo, hiệu là Quang Vương Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác. Lại ở chỗ Như Lai ấy, xuất gia tu hành, cũng trong tám vạn bốn ngàn năm thường được tư duy tam-muội như thế).*

Đây là Nhiên Đăng Cổ Phật trong khi tu nhân, đã gặp giáo ngôn của chư Phật. Ở chỗ vị Phật thứ nhất, trải qua tám vạn năm. Nơi vị Phật thứ hai, trải qua tám vạn bốn ngàn năm, nơi vị Phật thứ ba lại trong tám vạn bốn ngàn năm thường tư duy tam-muội như thế. Các vị thiện tri thức ơi! Chúng ta hãy xem chính mình hành trì tam-muội này, thời gian yêu mến được mấy năm, hay mấy ngày? Đối với tam-muội này, tin sâu hay vẫn sợ hãi? Hay là thủ hộ rốt ráo? Tôi thường nghe có Bồ Tát tìm đến đây phát nguyện, phát nguyện xong bèn thoái đạo. Thoạt đầu vì ở nhà chịu khổ, chịu nạn, do tình cảm thế tục dây dưa, nghiệp duyên chằng néo, áp lực cuộc sống trói buộc, đủ thứ trói buộc, chẳng được rồi! Tính đến tự viện để chứng tam-muội, nói: “Tôi chẳng thể nào không chứng tam-muội này!” Được ít lâu bèn nói: “Không được rồi! Tôi tu trì thời gian dài ngàn ấy mà chẳng thể tương ứng!” Nếu so với tám vạn năm, hay tám vạn bốn ngàn năm, như thế nào thì mới tương ứng? Đức Thế Tôn chẳng dùng số năm để ảnh hưởng chúng ta, chỉ nói chúng ta dùng tâm trí và lập ý nguyện rộng lớn rốt ráo, tin sâu và yêu mến, như thế thì mới có thể chọn lựa, xác lập ý hướng rộng lớn.

Nếu quý vị chẳng lập, phước đức mỏng ít, nông cạn đối với pháp, tín tâm nông cạn, hành pháp nông cạn, phát tâm lẫn phước đức lẫn nhân duyên đều nông cạn, pháp duyên nông cạn. Nông cạn ở chỗ nào? Một niệm hiện tiền của quý vị vừa động, đã văng tuốt qua nơi khác. Vừa mới mon men, đã dấy nghi tâm, chẳng hề có thâm tín. Nhiên Đăng Cổ Phật đã vì chúng ta chọn lựa như thế: Ngài thường tu tập một pháp, chẳng thoái đạo, ắt được thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Nếu chúng ta đối với pháp thường xuyên tán hoại, mà mong đạt được lợi ích thế tục trong pháp ấy, cho đến vì nhân duyên tà kiến, sẽ là chẳng tương ứng.



*(Kinh) Hiền Hộ! Thời bĩ trưởng giả tử Tu Đạt Đa tự thị chi hậu, quá bách dư kiếp, tức đắc thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.*

**(經)賢護！時彼長者子須達多自是之後，過百餘劫，即得成就阿耨多羅三藐三菩提。**

*(Kinh: Đây Hiền Hộ! Trưởng giả tử Tu Đạt Đa từ thuở đó về sau, trải qua hơn một trăm kiếp, liền được thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề).*

Trăm kiếp thành Phật, thật khó! Thông thường, nói theo quy củ thông thường, sẽ là ba đại A-tăng-kỳ kiếp bèn thành tựu Phật đạo. Nhiên Đăng Cổ Phật thị hiện trong một trăm kiếp đã thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, đúng là chẳng thể nghĩ bàn! Trong khi tu nhân, Thích Ca Văn Như Lai (Thích Ca Mâu Ni Phật) do cái tâm mạnh mẽ, tán thán Phát Sa Phật suốt bảy ngày bảy đêm, chỉ nói: “*Thiên thượng thiên hạ vô như Phật, thập phương thế giới diệc vô tỷ, thế gian sở hữu ngã tận kiến, nhất thiết vô hữu như Phật giả*”, bèn vượt qua chín kiếp, thành Phật trước ngài Di Lặc. Đó là sự thiện xảo khích lệ được thành tựu bởi cái tâm mạnh mẽ. Trong khi hành pháp này, chúng ta có nhận biết như thế hay không?

Có người nói: “Nếu trăm kiếp thành Phật, tôi chẳng hành pháp này. Vì niệm A Di Đà Phật, vãng sanh thế giới Cực Lạc, đắc bất thoái chuyển ngay trong một đời, thành Phật ngay trong một đời, tôi vẫn nên cầu sanh về thế giới Cực Lạc”, cũng rất tốt lành! Chúng ta đối với pháp so sánh như thế, vì sao đức Thế Tôn muốn làm cho hết thảy chúng sanh thành Phật ngay trong một đời mà thiết lập một pháp tắc chân thật, thù thắng rộng lớn như thế? Để cho chúng ta so sánh. Trong quá khứ, chư Phật đã siêng khổ tu trì trong bao kiếp lâu xa, muốn khiến cho chúng sanh đạt được lợi ích chân thật. Vì lẽ nào? Do lập tức thành tựu Phật đạo, do xa lìa các khổ. Vì nếu chúng ta chẳng lập tức thành tựu Phật đạo, nhiều đời mê muội, một hai ngày còn mê muội, huống hồ nhiều kiếp, huống hồ chẳng thể nói cùng tận kiếp, lẽ nào chẳng mê muội ư? Suốt đời này, chúng ta có bao nhiêu thứ gây mê hoặc? Mê muội đối với pháp, mê muội đối với tín tâm, mê muội đối với tương lai, mê muội trong tu hành. Quý vị có thể thật sự như thật thọ trì ư? Tiến nhập như pháp ư? Chẳng

cần âm ĩ phô trương cái tâm của chính mình! Quý vị hãy như thật quán sát chính mình có phải là thâm tín hay không? Nếu chẳng tin sâu, dấu âm ĩ phô trương thì vẫn là cái tâm sanh diệt, tâm đối đãi! Nó chẳng liên tục, vì sao? Thật sự chẳng có sự nương tựa liên tục, vì trong cái tâm sanh diệt mà muốn liên tục, ắt cần phải thanh tịnh phát khởi thâm tín, chẳng có con đường thứ hai! Nếu lập ra một con đường khác, sẽ là luân hồi. Các vị thiện tri thức ơi! Nhất định phải khéo quan sát, khéo tư duy.

*(Kinh) Hiền Hộ! Nhữ ưng đương tri, nhĩ thời, bỉ trưởng giả tử Tu Đạt Đa giả, khởi dị nhân hồ? Tức bỉ quá khứ Nhiên Đăng Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác thị dã. Hiền Hộ! Thị cố, đương tri, bỉ trưởng giả tử Tu Đạt Đa giả, dĩ hữu như thị ái nhạo pháp cố. Phục hữu như thị cầu pháp hành cố, năng tốc thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề dã.*

**(經)賢護！汝應當知，爾時，彼長者子須達多者，豈異人乎？即彼過去然燈如來、應供、等正覺是也。賢護！是故，當知，彼長者子須達多者，以有如是愛樂法故。復有如是求法行故，能速成就阿耨多羅三藐三菩提也。**

*(Kinh: Nay Hiền Hộ! Ông hãy nên biết, trưởng giả tử Tu Đạt Đa thuở ấy, há có phải ai khác? Chính là quá khứ Nhiên Đăng Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác vậy. Nay Hiền Hộ! Vì thế, hãy nên biết: Trưởng giả tử Tu Đạt Đa do yêu mến pháp như thế, lại do cầu pháp hành như thế mà có thể mau chóng thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề).*

Chúng ta đều biết Thích Ca Văn Phật được thọ ký A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề từ chỗ Nhiên Đăng Cổ Phật. Chư Phật đã thành tựu trong quá khứ phần nhiều đều là ở nơi chư Phật, đích thân được thọ ký là “sẽ đích thân chứng đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề”. Nếu đã đích thân được thọ ký, chắc chắn sẽ chẳng thoái chuyển nơi Vô Thượng Bồ Đề, chẳng có nghi tâm, sẽ hành trì chẳng chần chừ. Đó là lúc oai đức và thiện xảo thành thực chẳng thể nghĩ bàn. Nếu là người chưa được thọ ký, sẽ có nhiều nỗi hoài nghi!

Trong kinh Kim Cang, đức Thế Tôn đã nói: Nếu đối với hành pháp mà có sở đắc, thì Nhiên Đăng Cổ Phật đã chẳng thọ ký. Nay chúng

ta có phải là có sở đắc hay chẳng? Đức Phật có thọ ký cho chúng ta hay không? Chúng ta có yêu mến hành pháp Ban Châu, hay là có hành pháp sở cầu hay không? Nếu quý vị chẳng yêu mến pháp như thế, thích pháp như thế, mà yêu thích những thứ khác, quý vị phải cẩn thận, có thể là đã đi lệch đường mất rồi!

*(Kinh) Phục thứ Hiền Hộ! Nhữ kim đương quán thị tam-muội vương, vị chư Bồ Tát cập chúng sanh bối, nhi tác ký hứa đại hoàng ích sự.*

**(經)復次賢護！汝今當觀是三昧王，為諸菩薩及衆生輩，而作幾許大弘益事。**

*(Kinh: Lại này Hiền Hộ! Ông nay hãy nên quán tam-muội vương này, vì các Bồ Tát và chúng sanh thực hiện chừng đó chuyện lợi ích to lớn).*

Ở đây, đức Phật dạy ngài Hiền Hộ quán. [Trong đoạn kinh văn này, phải hiểu] Hiền Hộ là hữu tình cầu pháp, ưa thích pháp, yêu mến pháp, khéo thủ hộ trong hiện tiền, chẳng phải là nói đến một vị Bồ Tát. Thượng Thủ của hết thầy các vị Bồ Tát đều là Hiền Hộ Bồ Tát, mà Thượng Thủ của hết thầy Bồ Tát đều là hữu tình yêu mến pháp, ưa thích pháp trong hiện tiền. Nếu quý vị yêu mến pháp, ưa thích pháp, hướng về pháp, sẽ giống như ngài Hiền Hộ, thuộc về cùng một pháp vị với ngài Hiền Hộ, là Thượng Thủ của mười sáu vị Chánh Sĩ. “Thủ” là yêu mến pháp, ưa thích pháp, hành pháp, thủ hộ sự thành tựu của pháp, truyền bá pháp, như vậy chính là người đứng đầu của hết thầy các vị Chánh Sĩ, bất luận xuất gia hay tại gia. Đây là nói chân thật theo tỷ dụ, cũng là nói tới sự thiện xảo trụ thế của Hiền Hộ Bồ Tát, cũng có phần trụ trong an lạc nơi sự tùy thuận của Hiền Hộ Bồ Tát trong đời Mạt Pháp. Vì tùy thuận tâm trí và sự thủ hộ của Hiền Hộ Bồ Tát, sẽ nhất định có thể thành tựu công đức chẳng thể nghĩ bàn này!

Đối với “tam-muội vương”, chớ nên quá bận tâm về danh tự này. Thêm vào một chữ Vương, tức là chẳng dám khinh dễ hứa khả cho hữu tình. Trong phần sau, đối với sự tán thán về lai lịch, cũng nói tốt bậc. Tất cả các ngôn từ đều vận dụng tới cực hạn, chẳng phải là khoa trương. Thế nào là tốt bậc? Chính là tuyên nói như thật!

*(Kinh) Sở vị đương đắc nhất thiết chư Phật trí địa cố.*

**(經)所謂當得一切諸佛智地故。**

*(Kinh: Được gọi là sẽ đạt được trí địa của hết thầy chư Phật).*

Các vị thiện tri thức ơi! Đối với pháp tắc này, nếu có thể tương ứng, quyết định sẽ chẳng thoái chuyển đối với trí địa của chư Phật! Vì trí Nhất Thiết Trí của chư Phật, nói theo phía Như Lai, sẽ là chẳng có gì để nói năng. Nếu xét theo danh xưng, như trong phần sau, đối với các thứ trí đều có nhắc tới, nhưng các thứ trí ấy đều yếu ớt so với trí của chư Phật, vì danh hiệu trí huệ của chư Phật, nội dung của danh tự, nếu muốn xưng thuyết, sẽ có thể ngập tràn toàn thể trần sa, toàn thể thế giới hải, cho đến thế giới chúng tử hải. Vì sao? Mỗi trí của chư Phật đều trọn khắp chân thật, chẳng có gì không bao hàm trong ấy.

*(Kinh) Phục năng nhiếp thọ nhất thiết chư Phật đa văn hải cố.*

**(經)復能攝受一切諸佛多聞海故。**

*(Kinh: Lại có thể nhiếp thọ biển đa văn của hết thầy chư Phật).*

Tam-muội vương ấy chính là trí địa của hết thầy chư Phật, cũng là biển đa văn của chư Phật. Chư Phật dùng trí trọn khắp để nghe hết thầy các pháp, hành hết thầy các pháp, trọn đủ công đức của hết thầy các pháp. Cho nên chúng ta dùng công đức chân thật của một pháp, một tam-muội để nhập biển trí của hết thầy chư Phật, nhập biển đa văn của hết thầy chư Phật.

*(Kinh) Hiền Hộ! Thị cố, như đấng đương ưng cần cầu như thị tam-muội, thường nhạo thính văn, độc tụng thọ trì, tư duy tu hành. Ký văn thọ dĩ, đương phục vị tha độc tụng, thọ trì, giải thích nghĩa lý, linh tha cần cầu, hàm đắc văn thọ, chánh niệm tư duy, như thuyết tu hành. Sở dĩ giả hà? Hiền Hộ! Nhược năng cần cầu, độc tụng, thọ trì, chánh niệm tu hành, quảng tuyên lưu bố thị tam-muội giả, bất cứu đương đắc chứng chư Phật trí, chư Như Lai trí, đại tự tại trí, bất tư nghị trí, bất khả xưng trí, vô đẳng đẳng trí, Nhất Thiết Trí trí, nãi chí đắc bỉ bất cộng tha trí cố. Hiền Hộ! Nhược phục hữu nhân, năng thiện tuyên thuyết, bỉ ưng chánh ngôn.*

**(經)賢護！是故，汝等當應勤求如是三昧，常樂聽聞，讀誦受持，思惟修行。既聞受已，當復爲他讀誦受持，解釋義理，令他勤求，咸得聞受，正念思惟，如說修行。所以者何？賢護！若能勤求讀誦受持，正念修行，廣宣流佈是三昧者，不久當得證諸佛智，諸如來智，大自在智，不思議智，不可稱智，無等等智，一切智智，乃至得彼不共他智故。賢護！若復有人，能善宣說，彼應正言。**

*(Kinh: Nay Hiền Hộ! Vì thế, các ông hãy nên siêng cầu tam-muội như thế, thường ưa thích nghe, đọc, tụng, thọ trì, tư duy tu hành. Đã nghe nhận rồi, sẽ lại vì người khác đọc, tụng, thọ trì, giải thích nghĩa lý, khiến cho người khác siêng cầu, đều được nghe, nhận, chánh niệm tư duy, tu hành đúng như lời dạy. Vì sao vậy? Nay Hiền Hộ! Nếu có thể siêng cầu, đọc tụng, thọ trì, chánh niệm tu hành, tuyên nói, truyền bá rộng rãi tam-muội này, chẳng lâu sau, sẽ chứng chư Phật trí, chư Như Lai trí, trí đại tự tại, trí chẳng thể nghĩ bàn, trí chẳng thể diễn nói, trí không sánh bằng, trí Nhất Thiết Trí, cho đến trí mà mọi người khác đều chẳng có. Nay Hiền Hộ! Nếu lại có ai có thể khéo tuyên nói, người ấy hãy nên tuyên nói chánh đáng).*

“Chánh ngôn” ở đây là tuyên nói như thật, tuyên nói chẳng tăng giảm, chẳng tuyên nói những điều được thiết lập hư giả.

*(Kinh) Kim thử tam-muội tức thị nhất thiết chư Bồ Tát nhãn.*

**(經)今此三昧即是一切諸菩薩眼。**

*(Kinh: Nay tam-muội này chính là mắt của hết thảy các Bồ Tát).*

Trí huệ là mắt của Bồ Tát, tức Bát Nhã Ba La Mật.

*(Kinh) Chư Bồ Tát phụ.*

**(經)諸菩薩父。**

*(Kinh: Cha của Bồ Tát).*

Do có thể sanh ra các Bồ Tát.

*(Kinh) Chư Bồ Tát mẫu.*

**(經)諸菩薩母。**

*(Kinh: Mẹ của các Bồ Tát).*

Do dưỡng dục các Bồ Tát.

*(Kinh) Năng dữ nhất thiết chư Bồ Tát bồi chư Phật trí giả. Hiền Hộ! Như thị thuyết giả, thị vi thiện thuyết thời, thiện thuyết thị tam-muội dã. Hiền Hộ! Nhược phục hữu chư nam tử, nữ nhân năng thiện thuyết thời, bỉ đương chánh ngôn.*

**(經)能與一切諸菩薩輩諸佛智者。賢護！如是說者，是爲善說時，善說是三昧也。賢護！若復有諸男子女人能善說時，彼當正言。**

*(Kinh: Có thể ban trí của chư Phật cho hết thầy các vị Bồ Tát. Nay Hiền Hộ! Nói như thế thì là lúc khéo nói, sẽ khéo nói tam-muội này. Nay Hiền Hộ! Nếu nhằm lúc các nam tử, nữ nhân có thể khéo nói, họ hãy nên tuyên nói chánh đáng).*

Lần thứ hai đề cập “chánh ngôn” đối với tam-muội này. “Chánh ngôn” là nói như thật về công đức chân thật, lợi ích chân thật, và pháp tắc chân thật được chứa đựng trong tam-muội này.

*(Kinh) Thị tam-muội giả, tức thị Phật tánh, tức thị pháp tánh, tức thị Tăng tánh, tức thị Phật địa.*

**(經)是三昧者，即是佛性，即是法性，即是僧性，即是佛地。**

*(Kinh: Tam-muội này chính là Phật tánh, chính là pháp tánh, chính là Tăng tánh, chính là Phật địa).*

Lành thay! Đối với giáo ngôn quá sâu này, đối với lời ẩn khế này, chúng ta phải nên khéo tư duy, khéo quan sát, khéo thủ hộ, khéo truyền bá! Trong kinh Hiền Hộ, đức Thế Tôn đã như thật bảo chúng ta: Thập

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội chính là Phật tánh, mà cũng là triệt đề, như thật tuyên nói lợi ích và công đức chân thật của pháp tắc này, biểu đạt chẳng chiết khấu pháp này chính là Phật tánh, là Pháp tánh, là Tăng tánh, cho đến Phật địa. Nếu chứng đắc Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội, tức là có thể thấy Phật. Thấy Phật thì sẽ có thể nghe pháp, nghe pháp sẽ có thể hiểu rõ công đức của pháp là chân thật, chẳng có tự tánh, tức là an trụ nơi lợi ích chân thật do thấy chư Phật, đối với Vô Sanh Pháp Nhẫn bèn tùy thuận. Cho nên “*tức thị Phật địa*” (chính là Phật địa). Đây là nói vô úy, chỉ có đức Thế Tôn có thể nói như thế.

***(Kinh) Thị đa văn hải, thị vô tận tạng Đầu Đà, thị vô tận tạng Đầu Đà công đức.***

**(經)是多聞海，是無盡藏頭陀，是無盡藏頭陀功德。**

***(Kinh: Là biển đa văn, là vô tận tạng Đầu Đà, là vô tận tạng Đầu Đà công đức).***

Đầu Đà (Dhūta) là nói theo kiểu chẳng dịch nghĩa, có rất nhiều cách dịch. [Dịch Đầu Đà thành] Đầu Tẩu (抖擻) là một cách dịch khá phổ biến. Đầu Tẩu hình dung chúng ta giữ sạch tro bụi trên y phục. Hạnh Đầu Đà có thể giữ sạch nghiệp tướng trần lao của hết thảy các nghiệp thiện ác từ vô thủy tới nay, tâm trí thanh tịnh. Trong biển vô tận cõi nước, đó là chỗ quy kết của hết thảy các thứ nỗ lực tiến lên, hoặc là chỗ quy kết của sức công đức thanh tịnh để triệt đề trở về cõi nguồn. Điều đó được gọi là “*vô tận tạng Đầu Đà công đức*”.

***(Kinh) Thị vô tận tạng chư Phật công đức.***

**(經)是無盡藏諸佛功德。**

***(Kinh: Là vô tận tạng công đức của chư Phật).***

Hai chữ “*vô tận*” rất dễ lý giải. “*Tạng*” được tuyên nói như thế nào? Chính là công đức vốn sẵn có của hết thảy chúng sanh và hết thảy chư Phật, chẳng phải do tạo tác mà có. Nói “*vô tận tạng chư Phật công đức*” là vì muốn ngăn trở lòng kiêu mạn bình phàm của hết thảy chúng sanh mà nói như thế. Trong vô tận tạng, hết thảy công đức của chư Phật và công đức của hết thảy chúng sanh vốn bình đẳng như nhau. Vì ngăn

che cái tâm kiêu mạn của chúng sanh, vì thật sự ban cấp lợi ích của Phật pháp, cho nên nói như thế!

*(Kinh) Thị vô tận tạng năng sanh thâm nhẫn.*

**(經)是無盡藏能生深忍。**

*(Kinh: Là vô tận tạng có thể sanh ra nhẫn sâu).*

Vô Sanh Pháp Nhẫn là môn Nhẫn khó nhất trong hết thảy các môn Nhẫn, chẳng sanh, chẳng diệt, bất cấu, bất tịnh, chẳng đến, chẳng đi, nhất tâm chân thật như thế, phô bày sự an trụ trong công đức chân thật của Vô Sanh Pháp Nhẫn. Hết thảy hữu tình, cho đến hết thảy Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát ở nơi đây chẳng thể sanh khởi quyết định. Như Bồ Tát còn có hạnh nguyện để an lập, Thanh Văn còn có sự tịch diệt, Niết Bàn còn có thể cầu chứng, bậc trí thì còn có trí huệ để thủ hộ, người từ bi thì còn có từ bi phải nên thực hiện, phạm phu hữu tình thì còn có tham, sân, si, mạn, nghi, tri kiến bất chánh, cho đến các Tùy Phiền Nã thường bầu bạn, cho nên đối với Vô Sanh Nhẫn chẳng thể lựa chọn.

*(Kinh) Thị năng sanh đại từ, năng sanh đại bi.*

**(經)是能生大慈， 能生大悲。**

*(Kinh: Có thể sanh đại từ, có thể sanh đại bi).*

Đồng thể đại bi, vô duyên đại từ. Vì sao nói như thế? Pháp từ bi chính là đẹp khổ, ban vui. Hết thảy các bậc thiện xảo, hết thảy những người học Phật đều nên tu tập pháp này, nương vào trí huệ làm gốc, dùng tâm trí bất động, chẳng tăng, chẳng giảm, phát khởi thiện xảo oai đức rộng lớn. Oai đức thiện xảo ấy phát khởi từ chỗ nào? Từ cái được gọi là “*tâm chẳng có chuyện gì*”, từ trong cái tâm chẳng tạo tác, từ trong cái tâm chẳng có đến, đi, đối đãi. Nếu trong tâm chúng ta có đối đãi, cho đến có cái đắm nhiễm, sẽ trọn chẳng thể đạt được đại từ và đại bi.

*(Kinh) Năng sanh Bồ Đề dã.*

**(經)能生菩提也。**

*(Kinh: Có thể sanh Bồ Đề).*



Trong kinh giáo, đức Thế Tôn đã tuyên nói có Thanh Văn Bồ Đề, Duyên Giác Bồ Tát, và tối thượng thừa Bồ Đề của chư Phật. Trong hết thảy các giáo ngôn về Bồ Đề, chẳng lìa ba tâm Bồ Đề ấy. Nếu là phước báo nhân thiên, sẽ chẳng thể dùng Bồ Đề để an lập, chẳng thể dùng Bồ Đề để nói năng, vì đó chẳng phải là pháp thủ hộ bởi lực đạo chúng sanh. Bởi lẽ, Bồ Đề phần là xuất thế thiện xảo, là tướng công đức thiện xảo lợi ích thế gian.

*(Kinh) Hiền Hộ! Thị vi bỉ năng thiện thuyết thời, thuyết thị tam-muội dã. Hiền Hộ! Nhược phục hữu nhân năng thiện tuyên thuyết thị tam-muội thời, bỉ ưng chánh ngôn.*

**(經)賢護！是爲彼能善說時，說是三昧也。賢護！若復有人能善宣說是三昧時，彼應正言。**

*(Kinh: Đây Hiền Hộ! Đó là người khi khéo nói bèn nói tam-muội này. Đây Hiền Hộ! Nếu lại có người khi khéo tuyên nói tam-muội này, người ấy phải nên nói năng chánh đáng).*

Đôi với “chánh ngôn”, đức Thế Tôn không ngừng uốn nắn chúng ta phải nên tuyên nói Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội bằng ngôn ngữ chánh giáo, chánh pháp tắc, lời lẽ chân thật, lời lẽ chẳng đùa cợt, lời lẽ như thật, lời lẽ chẳng tăng giảm như thế nào. Tức là đôi với tam-muội này, bèn nói như thật. Đức Thế Tôn đích thân dạy chúng ta tuyên nói với người khác như thế nào, chẳng phải là dùng lời lẽ tăng giảm, lời lẽ do quý vị tự suy nghĩ, lý giải, hoặc là lời lẽ xuất phát từ sự chứng lượng<sup>9</sup>. Sự chứng lượng của quý vị ở đây chẳng dấy lên tác dụng. Vì sao? Do đức Thế Tôn đích thân dạy bảo, đúng như đức Thế Tôn đã chế giới. Hết thảy các giới pháp do đức Thế Tôn chế định, chẳng phải do các vị Bồ Tát hoặc hiền thánh nào khác có thể an lập! Vì thế, lời dạy ở đây giống như giới pháp, chẳng thể tăng giảm, do chính miệng của đức Phật tuyên thuyết.

*(Kinh) Thị tam-muội vương, năng phá nhất thiết chư pháp hắc ám, năng tác nhất thiết đại pháp quang minh.*

---

<sup>9</sup> Chứng lượng ở đây phải hiểu là trình độ, mức độ chứng ngộ của một cá nhân.

**(經)是三昧王，能破一切諸法黑暗，能作一切大法光明。**

*(Kinh: Tam-muội vương này có thể phá sự tối tăm nơi hết thấy các pháp, có thể làm quang minh cho hết thấy các đại pháp).*

Trong công đức chân thật nơi đại quang minh tạng của chư Phật Như Lai, trong sự lợi ích chân thật rộng khắp của Nhất Chân pháp giới, hết thấy hữu tình trong chín pháp giới dù thánh hay phàm, đều là tối tăm, chỉ do mức độ sai biệt mà nói là ám đạm, tối tăm, hay âm u như thế đó thôi. Âm u là thứ được chúng sanh trong ba ác đạo thủ hộ, tối tăm là thứ được ba thiện đạo thủ hộ, ám đạm là các thứ Hoặc vi tế của chư Bồ Tát, tức là nhân duyên do Trần Sa Hoặc và Vô Minh Hoặc mang lại. Trong đại quang minh tạng do chư Phật đích thân chứng đắc, chẳng có gì hắc ám, chẳng có pháp tắc nào đối đãi.

*(Kinh) Hiền Hộ! Thị vi bỉ năng thiện thuyết tam-muội dã.*

**(經)賢護！是為彼能善說三昧也。**

*(Kinh: Đây Hiền Hộ! Đó là người có thể khéo nói tam-muội).*

Ở đây, đức Thế Tôn đã khiến cho chúng ta trực tiếp thuận theo giáo ngôn của đức Thế Tôn để tuyên nói công đức của môn tam-muội này.

*(Kinh) Hiền Hộ! Nhữ nghi quán thử Bồ Tát Niệm Phật Hiện Tiền tam-muội, vị chư chúng sanh, tác đại lợi ích, nãi chí nhất thiết chư Bồ Tát bồi, trụ u thử độ, biến kiến thập phương nhất thiết thế giới chư Phật Thế Tôn, đáo chư Phật sở, cung kính lễ bái, thỉnh văn chánh pháp, cúng dường chúng Tăng, diệc bất tham trước.*

**(經)賢護！汝宜觀此菩薩唵佛現前三昧，為諸衆生，作大利益，乃至一切諸菩薩輩，住於此土，遍見十方一切世界諸佛世尊，到諸佛所，恭敬禮拜，聽聞正法，供養衆僧，亦不貪著。**

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

*(Kinh: Đây Hiền Hộ! Ông nên quán tam-muội Bồ Tát Niệm Phật Hiền Tiên này, vì các chúng sanh tạo lợi ích to lớn, cho đến hết thấy các vị Bồ Tát ở trong cõi này, thấy trọn khắp chư Phật Thế Tôn nơi hết thấy các thế giới trong mười phương, tới chỗ chư Phật, cung kính lễ bái, lắng nghe chánh pháp, cúng dường chúng Tăng mà cũng chẳng tham đắm).*

Đây là nói theo thứ tự. “*Trụ u thử độ*” (Trụ trong cõi này) rất quan trọng. Vì tu trì pháp tắc này chính là “*chẳng lìa cõi mình, mà thấy mười phương chư Phật*”. Kinh văn rất rạch ròi, rất rõ ràng bảo chúng ta: Các vị Bồ Tát nếu hành pháp này, sẽ đạt được lợi ích ấy. Lợi ích ấy được biểu lộ ở chỗ nào? Chính là “*trụ u thử độ, biến kiến thập phương nhất thiết thế giới chư Phật Thế Tôn*” (trụ trong cõi này, thấy trọn khắp chư Phật Thế Tôn nơi hết thấy các thế giới trong mười phương). Trông thấy chư Phật, do chư Phật thấy đều hiện tiền, cho nên “*đáo chư Phật sở*” (đến chỗ chư Phật), sau đó “*cung kính lễ bái*”. Đây là một pháp. “*Thính văn chánh pháp*” lại là một pháp nữa. “*Cúng dường chúng Tăng*” lại là một pháp nữa. “*Diệc bất tham trước*” (Cũng chẳng tham đắm) là quy kết về căn bản.

Nếu tham đắm chỗ này, sẽ gọi là kẻ tăng thượng mạn, là kẻ đắm nhiễm, tất nhiên sẽ đọa nhập “*dĩ vi hữu sở đắc*” (cho là có cái để đạt được). Kết quả là chỗ nào cũng đều dùng cái tâm tăng thượng mạn để tuyên nói pháp tắc “*cho là có pháp để có thể đạt được*” khiến cho chúng sanh mê mất. Vì thế, thông thường hành Ban Châu tam-muội hoặc hành Niệm Phật tam-muội, trông thấy chư Phật, lắng nghe giáo huấn của chư Phật, phần nhiều thủ hộ nghiêm mật tam nghiệp, nhất là khẩu nghiệp phải nên thủ hộ nghiêm mật nhất, trọn chẳng dễ dãi tuyên nói với kẻ khác. Vì sao vậy? Để khỏi tăng thượng mạn, để chẳng tham đắm, vì chẳng có một pháp để có thể đạt được, vì thấy Phật, nghe pháp, liễu đạt tự tánh, chẳng đắm nhiễm, vì chẳng tăng, chẳng giảm. Do nhân duyên này, “*diệc vô tham trước*” (cũng chẳng tham đắm) rất quan trọng, đó là chỗ quy kết. Sự quy kết ấy chính là chỗ lợi ích chân thật, tức là nghe giáo pháp của chư Phật, [liễu giải] pháp chẳng có tự tánh. Nếu chẳng phải là như vậy, Phật pháp cũng là có đắm nhiễm!

*(Kinh) Hiền Hộ! Dĩ thị nghĩa cố, chư Bồ Tát đẳng nhược dục thành tựu tam-muội vương giả.*

**(經)賢護! 以是義故, 諸菩薩等若欲成就三昧王者。**

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2**

*(Kinh: Này Hiền Hộ! Do bởi nghĩa ấy, các vị Bồ Tát nếu muốn thành tựu tam-muội vương).*

Niệm Phật tam-muội là vua của các tam-muội; đây là nói quyết định, cho đến Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội cũng được thành tựu bởi Niệm Phật tam-muội. Công đức ấy chẳng hai, chẳng khác, chỉ là Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền do kinh Ban Châu Tam Muội tuyên nói (kinh Hiền Hộ mà nay chúng ta đang học là một bản dịch của kinh ấy) [đặc biệt ở chỗ] chẳng lìa cõi này mà thấy mười phương chư Phật. Đây là một giáo pháp bất cộng. Các pháp môn khác cũng có giáo pháp [quán tưởng, hoặc xưng niệm danh hiệu] của một vị tôn tôn nào đó, một vị thiện tri thức nào đó, một vị Phật nào đó, hoặc [quán tưởng] một hình tượng nào đó, chỉ có [đối tượng để tu trì trong] pháp này là Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội. Lời dạy rộng lớn như thế chỉ có kinh Ban Châu Tam Muội lựa chọn và tuyên nói. Đây thật sự là một bảo điển, khó có, khó gặp! Có thể nghe lời dạy như vậy, tìm cầu sự tu trì như vậy thì chính là chẳng thể nghĩ bàn. Như trong phần trước, chúng tôi đã nói công đức và lợi ích của Ban Châu tam-muội đối với người hướng đến, mong cầu được truyền dạy pháp này, đọc tụng kinh điển này, tuyên nói cho người khác, cho đến chứng đắc tam-muội này cũng là công đức chẳng thể nghĩ bàn, chư Phật đầu tán thán cũng chẳng thể tận.

*(Kinh) Thường đương chuyên tâm tinh cần quán sát bỉ Tứ Niệm Xứ.*

**(經)常當專心精勤觀察彼四念處。**

*(Kinh: Thường nên chuyên tâm siêng ròng quan sát Tứ Niệm Xứ).*

Tứ Niệm Xứ (Smṛtyupasthāna) ở đây khác với Tứ Niệm Xứ của Thanh Văn. Tứ Niệm Xứ [của Thanh Văn] là “quán thân bất tịnh, quán thọ là khổ, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã”. Tứ Niệm Xứ ở đây là quán như thế nào?

*(Kinh) Hiền Hộ! Vân hà Bồ Tát quán Tứ Niệm Xứ? Hiền Hộ! Bồ Tát Ma Ha Tát thường đương chuyên tâm quán sát thân hạnh, tất cánh bất kiến nhất thiết chư thân.*

**(經)賢護！云何菩薩觀四念處？賢護！菩薩摩訶薩常當專心觀察身行，畢竟不見一切諸身。**

*(Kinh: Nay Hiền Hộ! Thế nào là Bồ Tát quán Tứ Niệm Xứ? Nay Hiền Hộ! Bồ Tát Ma Ha Tát thường nên chuyên tâm quan sát thân hạnh, rốt ráo chẳng thấy hết thấy các thân).*

Ở đây là quan sát, chẳng phải là dễ dãi, hời hợt phủ nhận. Trong giáo ngôn của chư Phật Thế Tôn, chẳng buộc chúng ta dễ dãi, hời hợt chấp nhận một pháp tắc, cũng như dễ dãi mù quáng tuân theo một pháp tắc, mà là để cho chúng ta tự mình xét kỹ, quan sát, quan sát đúng như lý, quan sát đúng như lời dạy, quan sát bằng trí huệ, quan sát bằng từ bi, trọn chẳng quan sát giả dối, mù quáng. Quan sát như vậy có thể khiến cho chúng ta chọn lựa pháp tắc, có thể an trụ trong lợi ích chân thật.

*(Kinh) Thường đương chuyên tâm quan sát thọ hạnh, nhi diệc bất kiến nhất thiết chư thọ.*

**(經)常當專心觀察受行，而亦不見一切諸受。**

*(Kinh: Thường nên chuyên tâm quan sát thọ hạnh, mà cũng chẳng thấy hết thấy các thọ).*

Một là quan sát thân hạnh, hai là quan sát thọ hạnh.

*(Kinh) Thường đương nhất tâm quán sát tâm hạnh, nhi diệc bất kiến nhất thiết chư tâm.*

**(經)常當一心觀察心行，而亦不見一切諸心。**

*(Kinh: Thường nên nhất tâm quán sát tâm hạnh, mà cũng chẳng thấy hết thấy các tâm).*

Thiện tri thức ơi! Chớ nên dễ dãi, hời hợt coi nhẹ môn Tứ Niệm Xứ này! Trong giáo ngôn của Thanh Văn, đức Thế Tôn đã có lời dạy thanh tịnh về Tứ Niệm Xứ dành cho các vị tỳ-kheo. Ngài nói: “*Các thầy tỳ-kheo! Hãy nên an trụ trong Tứ Niệm Xứ như thế, hành các thiện pháp an lạc*”. Tứ Niệm Xứ là pháp ắt phải tu của các vị sư phụ xuất gia trong quá khứ, “*quán thân bất tịnh, quán thọ là khổ, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã*”. Quán như thế, sẽ đạt được tâm trí tịch tĩnh, trụ trong

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2**

an lạc rốt ráo, xa lìa thế gian, xa lìa quá khứ, xa lìa hết thấy đối đãi đắm nhiễm, có thể khiến cho tự tâm tịch diệt, có thể giải thoát ngay trong đời hiện tại. Môn Tứ Niệm Xứ này có ý nghĩa. Chúng ta chớ nên xem nhẹ nó. Nếu có thể tùy thuận pháp tắc như thế, chúng ta sẽ có thể thực hiện nó.

**(Kinh) Thường đương nhất tâm quán sát pháp hạnh, nhi diệc bất kiến nhất thiết chư pháp.**

**(經)常當一心觀察法行，而亦不見一切諸法。**

**(Kinh: Thường nên nhất tâm quán sát pháp hạnh, mà cũng chẳng thấy hết thấy các pháp).**

Tứ Niệm Xứ ở đây khác với Tứ Niệm Xứ của Thanh Văn. Đây là bốn phép Quán được lập ra cho các hữu tình hành Bồ Tát đạo. Nếu một khi đã có thể lựa chọn bốn phép Quán chẳng có tự tánh này, Định kiến (kiến giải do tu Định) sanh khởi, chúng ta có thể dùng ấn Thật Tướng để ấn khế vạn sự vạn vật, hồng đạt được giải thoát. Như thế thì trong hết thấy hiện duyên, có thể nói là thường luôn tu, tu cho đến hết thọ mạng, tu ngay trong hiện tiền, tu chẳng gián đoạn, tu chân thật, tu cung kính, thường nói là “*như pháp tu hành, thành tựu Bồ Đề*”.

**(Kinh) Hiền Hộ! Như thị đẳng sự, thù năng tín giả.**

**(經)賢護！如是等事，誰能信者。**

**(Kinh: Này Hiền Hộ! Chuyện như thế, ai có thể tin được?)**

Chuyện như vậy ai có thể tin tưởng? Trên thực tế, đức Thế Tôn vẫn nêu ra một tỷ dụ, chẳng phải là lựa chọn, để khiến cho mọi người trở về pháp vị như thế.

**(Kinh) Duy bỉ lậu tận A La Hán, cập dĩ A Tỳ Bạt Trí chư Bồ Tát đẳng.**

**(經)唯彼漏盡阿羅漢，及以阿毘跋致諸菩薩等。**

**(Kinh: Chỉ có lậu tận A La Hán và các vị Bồ Tát A Tỳ Bạt Trí).**

A La Hán là bậc đạo nghiệp chẳng thoái chuyển; cho nên hoàn thành tất cả sự tu tập ngay trong một đời, phạm hạnh đã lập, không bị trôi buộc bởi hậu hữu (thân sau). A Bệ Bạt Trí (A Tỳ Bạt Trí,

*Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2*

Avaiartika) đã thành tựu công đức chân thật của ba thứ bất thoái, bao gồm Vị Bất Thoái, Hạnh Bất Thoái, và chẳng thoái chuyển nơi pháp tắc. Chúng ta nói Bát Địa Bồ Tát trụ trong A Bộ Bạt Trí, đạt được chẳng thoái chuyển.

Giáo ngôn Tịnh Độ từ đầu tới cuối đều tuyên nói: Nương vào nguyện lực của Phật, nương vào pháp giáo rất sâu của Phật, hồi thí quả địa, cho đến khiến cho Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội được thành tựu như thế. Đó cũng là hạnh của bậc A Bộ Bạt Trí. Nói theo phía phàm phu, mong đạt được thánh đạo hạnh của A Bộ Bạt Trí, sẽ chẳng thể đạt được ngay trong một đời. Vì sao? Không chỉ là một đời, một mạng, mà nhiều đời, nhiều kiếp, mới hòng đạt được công đức chẳng thoái chuyển của A Bộ Bạt Trí. Muốn đạt được A Bộ Bạt Trí ngay trong một đời, trong đời này chỉ có cách nương theo Tịnh Độ, chỉ có nương theo giáo ngôn về quả địa là pháp Ban Châu có công đức chẳng thể nghĩ bàn như vậy thì mới có thể thành tựu. Đương nhiên, cũng có các giáo thuyết khác, tức là “*thành tựu ngay trong một đời*” cũng thường tuyên nói trong các giáo pháp khác thuộc quả địa [như Mật Tông chẳng hạn]. Giáo ngôn Tịnh Độ là giáo ngôn thuộc về quả địa; đó là điều chắc chắn, chẳng thể nghi ngờ! [Giáo ngôn Tịnh Độ] muốn khiến cho hết thảy chúng sanh đắc A Bộ Bạt Trí ngay trong một đời, hoặc có thể nói là thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề trong một đời. Vì sau khi đã có thể đạt được công đức và lợi ích to lớn do vãng sanh quốc độ Cực Lạc của A Di Đà Phật, [người đã vãng sanh] sẽ có thọ mạng vô lượng liên tục rộng khắp đến tận đời vị lai, cho nên sẽ trực tiếp thành tựu Bồ Đề. Từ Sơ Phát Tâm cho tới khi thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, chẳng vượt khỏi một đời. Đó là tướng đại công đức. Tâm lực của Bồ Tát sẽ chẳng thể thấu đạt công đức ấy, hết thảy hiện thánh chẳng thể do sức của chính mình mà biết nổi! Hết thảy Bồ Tát, hết thảy hiện thánh tụ tập cùng một chỗ, cùng nhau nghĩ bàn, phân tích cặn kẽ trí huệ chẳng thể nghĩ bàn ấy cũng đều chẳng thể bèn mảng được!

*(Kinh) Hiền Hộ! Thị trung nhất thiết ngu hoặc phàm phu, u bỉ Niệm Phật Hiện Tiền tam-muội, thường đương tư duy chư Phật Thế Tôn, bất đắc sanh trước.*

**(經)賢護！是中一切愚惑凡夫，於彼唵佛現前三昧，常當思惟諸佛世尊，不得生著。**

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

*(Kinh: Này Hiền Hộ! Hết thấy phàm phu ngu hoặc trong ấy, đối với Niệm Phật Hiền Tiên tam-muội, hãy thường nên tư duy chư Phật Thế Tôn, đừng sanh chấp trước).*

Tư duy mà chẳng sanh chấp trước, lành thay! Lời này rất sâu, chẳng thể nghĩ bàn! Vì sao? Do chẳng thể nghĩ bàn, khiến cho chúng ta thường tư duy. Tư duy điều gì vậy? Tư duy về sự hồi thí, ân đức, diệu tướng, và lời dạy của đức Thế Tôn, nhưng chẳng đắm nhiễm. “*Chẳng chấp trước*” tức là chẳng chấp trước những thứ chúng sanh hay biết, những hành vi đã biết, sự được mất, cảm xúc, tức là chỗ bất khả đắc (chẳng thể đạt được) trong Tứ Niệm Xứ đã được nói trong phần trước: Không thấy hết thấy các pháp, không thấy hết thấy các Thọ, cho đến chẳng đắm nhiễm hết thấy thân, thọ, tâm, pháp v.v... Do đó, nói là “*không thấy*”. “*Không thấy*” có nghĩa là “*chẳng nhiễm*”. Vì thế, thường tư duy, thường quán mà chẳng nhiễm. Đây là một yêu cầu hành pháp, mà cũng là một pháp tắc đặc biệt trọng yếu.

Thường là chúng ta đối với một hành pháp, hễ tư duy bèn đắm nhiễm, bèn chấp trước. Vì thế, “*thị trung, nhất thiết ngu hoặc phàm phu, u bỉ Niệm Phật Hiền Tiên tam-muội, thường đương tư duy Phật Thế Tôn, bất đắc sanh trước*” (ở trong ấy, hết thấy phàm phu ngu hoặc đối với Niệm Phật Hiền Tiên tam-muội, thường nên tư duy chư Phật Thế Tôn mà chẳng sanh chấp trước). Tức là phàm phu ngu hoặc vì ưa chấp trước, đó là “*ngu hoặc*”. Nếu chúng ta tư duy Niệm Phật tam-muội, tư duy cơ chế giáo ngôn của chư Phật Thế Tôn, tư duy về chư Phật Thế Tôn như thế mà chẳng sanh chấp trước. Đó là đã vượt khỏi phàm ngu, tức là đã vượt thoát sự chướng ngại trong tâm trí của phàm phu ngu hoặc.

Trưa hôm nay, khi mọi người học Cổ Văn, đã bàn đến vấn đề quản lý và quản chế. Phật pháp chẳng quản chế chúng ta, mà là khiến cho chúng ta an lạc. Sự giáo dục và sự điều dưỡng đúng đắn thì phải có thể khiến cho chúng ta an lạc nơi pháp, tâm trí điều phục, nhu thuận, chẳng cảm thấy bị ép bức, chẳng bị hạn chế, được an trụ trong công ước chung của cộng đồng. Đó là hình thức quản lý đúng lẽ, là quản lý có trí huệ, là một loại hình thức giao tiếp từ bi. Còn quản chế thì sao? Áp bức, dồn ép lẫn nhau, tổn hại và hạn chế lẫn nhau, khiến cho con người đau khổ. Đó chẳng phải là Phật pháp, nhưng trong nhân duyên hiện thời, phần đông là kẻ ham muốn quyền lợi, phần nhiều là kẻ chẳng biết pháp từ bi thiện xảo, phần nhiều đắm nhiễm. Do vậy, hạn chế lẫn nhau, [khiến



cho] kẻ khác đau khổ, chẳng thể cảm nhận sự thủ hộ do trí huệ và từ bi của Phật pháp ban tặng.

Nếu đã gặp gỡ Phật pháp, mà còn sanh ra các nỗi đau khổ ấy, thì còn dính dáng gì đến Phật pháp nữa? Đó chính là trái nghịch chánh nhân xuất thế của Phật pháp. Chư Phật xuất thế nhằm dẹp khổ, ban vui, là trí huệ, từ bi, và thiện xảo. Hiện thời, trong việc quản lý người xuất gia và tại gia, trong cơ chế học Phật, có nhiều sự hạn chế, còn chuyện mọi người giao tiếp trong tình huống yêu mến, bảo vệ, tôn trọng, cũng như những người cùng nhau điều hợp một pháp tắc, thủ hộ đạo tràng, thủ hộ một nguyên tắc cộng đồng thì càng ngày càng thưa thớt! Trên cơ sở rất thưa thớt ấy, càng cần thiết chúng ta phải nên đứng ra, vận dụng hai pháp phương tiện bi và trí đối với hữu tình. Cũng có nghĩa là hiện thời, người tạo sự thuận tiện cho kẻ khác rất ít ỏi, mà người ước thúc kẻ khác rất nhiều.

Trong cơ chế như thế, chúng ta càng phải nên thật sự đứng ra vận dụng trí huệ, vận dụng từ bi để lợi ích rộng khắp hiện tiền hữu tình! Tôn trọng hiện tiền chính là tôn trọng tự tâm. Vì sao? Do tâm cảnh nhất như. Đối với cảnh giới hiện tiền của chính mình, chúng sanh hiển hiện trong cảnh giới hiện tiền cho đến hữu duyên biến hiện, nếu chẳng tôn trọng, sẽ là chẳng tôn trọng tự tâm, tức là từ trong pháp chẳng đối đãi mà nẩy sanh sự tổn hại do đối đãi. Quý vị sẽ gây nên mối hại vô cùng, đánh mất pháp ích thanh tịnh rộng lớn. Các vị thiện tri thức ơi! Phải khéo tư duy, khéo quan sát!

*(Kinh) Hựu diệc tư duy chư Phật Thế Tôn thuyết như tư pháp, nhi diệc bất trước.*

**(經)又亦思惟諸佛世尊說如斯法，而亦不著。**

*(Kinh: Lại cũng tư duy chư Phật Thế Tôn nói pháp như thế, nhưng cũng chẳng chấp trước).*

Đức Thế Tôn lập đi lập lại lời nhắc nhở này, trước là nói về pháp tắc của giáo nghĩa, sau là nói về lợi ích của pháp tắc giáo nghĩa, nhằm dạy chúng ta tư duy, dạy chúng ta pháp tắc để giảng nói Ban Châu tam-muội đúng lý bằng các lời lẽ chánh đáng, cũng như lợi ích chân thật của môn Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội này. Ngài dùng lời lẽ chẳng khác lạ, lời lẽ chẳng thù dật, lời lẽ chẳng phải chỉ có chính mình hiểu nổi để đúng như thật truyền đạt giáo ngôn của đức Thế Tôn, nói giải bày trọn vẹn, nói không che lấp, chẳng giấu giếm. Đó

chính là điều chúng ta tu hành, mà cũng chính là chỗ tồn tại của công đức và lợi ích nơi chánh hạnh.

*(Kinh) Hựu diệc tư duy: “Ngã thính văn pháp, nhất thiết sở vi giai bất đắc trước”. Hà dĩ cố? Hiền Hộ! Chư pháp giai không, bản lai vô sanh cố.*

**(經)又亦思惟：「我聽聞法，一切所爲皆不得著」。何以故？賢護！諸法皆空，本來無生故。**

*(Kinh: Cũng lại tư duy: “Ta nghe pháp, đối với hết thảy các việc làm đều chớ nên chấp trước”. Vì sao? Này Hiền Hộ! Các pháp đều là Không, do vốn chẳng sanh).*

Vốn vô sự! Thiên hạ vốn bình an, vốn chẳng nhuốm mây trần. Do vậy, nếu khi có người khởi tâm, liền liễu giải ngôn từ và tâm trí của người ấy ở chỗ nào. Đó là sự quan sát thấy thấu suốt cảnh giới Nhất Thật. Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo thí giáo như thế, khiến cho thiện tri thức xét kỹ thế gian chẳng nhiễm, chẳng dính mắc, tức là xét quán kỹ cảnh giới Nhất Thật. Như trong kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo đã có nhắc nhở như thế, xem kỹ thế gian như thế nào, xem kỹ nhân quả như thế nào? Có Chiêm Sát Luân để chiêm sát ba nghiệp thân, khẩu, ý trong quá khứ, hiện tại, vị lai, cho đến nói Thập Thiện, Thập Ác, khiến cho người khác hiểu biết để chọn lựa nghiệp, xu hướng theo pháp, hoặc nói tới nguyên do v.v... Trong cảnh giới Nhất Thật là sự chọn lựa như thế, khởi tâm động niệm liền có thể biết rõ. Vì sao vậy? Do vốn vô sự, vốn chẳng nhuốm bụi, vốn chẳng có một pháp, vốn vô sanh. Chọn lựa như thế, các thiện tri thức sẽ đạt được đại thiện xảo, đại phương tiện. Vì vậy, trong thời hiện tiền, một khi sanh khởi, sẽ có thể biết rõ kết quả. Vì sao? Do hiện duyên sanh khởi, có duyên thì sẽ ắt có tiếp tục. Hễ có sự tiếp tục, ắt sẽ có kết quả, chẳng nhờ vào bất cứ phương tiện nào mà trực tiếp thấu suốt bản hoài, trực tiếp thấu suốt cội nguồn, trực tiếp liễu giải tướng nhân quả.

*(Kinh) Hiền Hộ! Chư pháp bất khả niệm, vô niệm xứ cố.*

**(經)賢護！諸法不可念，無念處故。**

*(Kinh: Này Hiền Hộ! Các pháp chẳng thể niệm, do chẳng có niệm xứ).*

Lành thay! Chúng ta tạo niệm, dù thiện niệm hay ác niệm, dù là niệm hay phi niệm, dù sanh niệm, diệt niệm, dù là thánh niệm, hay phàm niệm, trong các thứ niệm đều là sanh sanh diệt diệt, tiếp nối trong từng sát-na. Nếu là niệm trong “*chư pháp bất niệm*” (các pháp chẳng niệm), chánh niệm hiện tiền như thế, các pháp chẳng nhiễm, sẽ vận dụng các pháp để thành tựu sự yêu mến và thủ hộ. Vì sao? Hiện duyên sanh khởi chính là pháp tướng, niệm mà vô niệm, chính là cách niệm thanh tịnh, lợi ích rộng khắp hữu tình. Chúng ta thường muốn dùng niệm để xua đuổi niệm. Xua đuổi niệm sẽ thường có cảm giác nặng nề, có sự sanh diệt tiếp nối, có sự khích lệ sanh diệt. Do vậy, trôi giạt trong biển sanh tử, chẳng thể tự thoát ra được, vì sóng nghiệp ngập trời, hoặc chìm xuống, hoặc nổi lên, quý vị chẳng có sức tự tại. “*Chư pháp bất khả niệm*” (Các pháp chẳng thể niệm) là nói như thật, nói chân thật.

*(Kinh) Hiền Hộ! Chư pháp viễn ly, tuyệt tâm tướng cố. Hiền Hộ! Chư pháp bất khả chấp trì, Chân Như vô đắc cố.*

**(經)賢護！諸法遠離，絕心想故。賢護！諸法不可執持，真如無得故。**

*(Kinh: Này Hiền Hộ! Các pháp xa lìa, do dứt bật tâm tướng. Này Hiền Hộ! Các pháp chẳng thể chấp trì, do chẳng đắc Chân Như).*

Lành thay! Đức Thế Tôn dạy chúng ta trí huệ chân thật như thế, gột sạch trần cấu chẳng thể đạt được từ vô thủy đến nay của chúng ta. Vì trần cấu chẳng thể đạt được chính là vọng nhiễm, chấp trước hư vọng, cho nên ngay lập tức gột rửa hết sạch! Nếu tùy thuận lời dạy, sẽ gột rửa cấu như trong tâm. Nếu vẫn dùng tâm để tưởng, do những điều hay biết về sau, Phiền Não Chướng sẽ che lấp tự tâm, trần cấu lại bùng bùng dấy lên. Giáo ngôn rất sâu như thế được tuyên nói như thật trong kinh Ban Châu Tam Muội, mọi người có thể thân cận giáo ngôn thù thắng, khó được nghe như thế, quả thật là do phước đức chín muồi. Nếu nhất niệm tùy thuận, công đức của người ấy chẳng thể nghĩ bàn, thậm chí chư Phật chẳng thể tán thán cùng tận!

*(Kinh) Hiền Hộ! Chư pháp vô nhiễm như hư không cố.*

**(經)賢護！諸法無染，如虛空故。**

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2**

*(Kinh: Này Hiền Hộ! Các pháp chẳng nhiệm vì như hư không).*

Các thiện tri thức ơi! Hãy khéo tùy văn nhập quán, thuận theo kinh văn để ấn tâm, thuận theo kinh văn để biết cái tâm, chẳng nhờ vào giải thích, chẳng nhờ vào tăng giảm, chỉ thẳng thừng ấn khế là được rồi! Vì chúng ta do tập quán hay biết, do thói quen tư duy, khiến cho chúng ta luôn bị trói buộc trong suy nghĩ và những điều chính mình đã biết, chẳng đạt được phương tiện tự tại rộng lớn. Nếu có thể như thật nương vào giáo ngôn thanh tịnh của đức Thế Tôn để ấn chứng tự tâm, tự tâm tất nhiên sẽ giống như tâm Phật, an trụ như thật.

*(Kinh) Hiền Hộ! Chư pháp thanh tịnh, viễn ly chúng sanh cố. Hiền Hộ! Chư pháp vô trước, nhân duyên diệt cố.*

**(經)賢護！諸法清淨，遠離衆生故。賢護！諸法無濁，因緣滅故。**

*(Kinh: Này Hiền Hộ! Các pháp thanh tịnh vì xa lìa chúng sanh. Này Hiền Hộ! Các pháp chẳng vẫn đục vì nhân duyên diệt).*

Nói “các pháp do nhân duyên sanh, duyên diệt, pháp cũng diệt”, thật sự chẳng có một pháp để đạt được. Vì do duyên sanh thì sẽ theo duyên mà diệt. Các thứ nhân duyên quá khứ, hiện tại, vị lai sanh khởi từ một niệm trong hiện duyên; đây chính là nhân duyên. Cái nhân duyên ấy rất thuận tiện, có thể thấy thấu suốt, có thể quan sát. Đối với nhân duyên trong quá khứ, nếu mê mờ trong ấy, đó chính là nghiệp tướng vô minh, chẳng thể hiểu rõ. Đối với các mong mỗi trong tương lai, nếu chẳng thể như thật, các mong mỗi trong tương lai cũng trở thành cơ duyên đọa lạc, chẳng có sức tự tại. Do vậy, “các pháp chẳng vẫn đục, vì nhân duyên diệt”, duyên khởi, duyên diệt, thật sự là huyễn sanh, huyễn diệt. Đó chính là hiện duyên khách lệ. Chúng sanh từ vô thủy tới nay, nếu lúc một niệm nảy sanh, dù là tiếp tục tịnh, hay tiếp tục nhiễm, sẽ sanh ra hai thứ thế gian tịnh và nhiễm. Do đó, có Tịnh Độ của chư Phật. Vì chư Phật thông đạt pháp tánh, đích thân chứng pháp tánh, Tịnh Độ của chư Phật hiện. Chúng sanh do mê mất tâm trí thanh tịnh vốn sẵn có, cho nên từ Năng và Sở mà kiến lập thiện và ác. Do vậy, ngũ trước ác thế và các thứ ác thế, các thứ trước nhiễm trong thế gian sẽ cùng lúc sanh khởi, liên tục kiến lập. Chúng ta hãy khéo quan sát, khéo tư duy.

**(Kinh) Hiền Hộ! Chư pháp vô vi, Phú-già-la bất khả đắc cố.**

**(經)賢護! 諸法無爲, 富伽羅不可得故。**

*(Kinh: Này Hiền Hộ! Các pháp vô vi, do Phú-già-la (Pudgala)<sup>10</sup> chẳng thể được).*

Đối với tâm trí của hết thảy chúng sanh, chẳng thể chấp trước được!

**(Kinh) Hiền Hộ! Chư pháp tức Niết Bàn tướng, bốn tánh thanh tịnh cố.**

**(經)賢護! 諸法即涅槃相, 本性清淨故。**

*(Kinh: Này Hiền Hộ! Các pháp chính là tướng Niết Bàn, vì bốn tánh thanh tịnh).*

“Chư pháp tức Niết Bàn tướng” (Các pháp chính là tướng Niết Bàn). Vì sao? Dựa theo bản chất để nói thì do bốn tánh thanh tịnh, cho nên các pháp tịch diệt, tức là tướng Niết Bàn. Thiên tri thức có “*pháp nghĩa*” như thế để ẩn khế tự tâm của chúng ta. Tâm trí của chúng ta vốn chẳng tạo tác, chỉ khi nào ẩn khế như thật, sẽ có thể thanh tịnh biết rõ giáo ngôn của chư Phật. Ngày hôm qua, tôi nhận được điện thoại của một vị Bồ Tát. Ông ta đại khái đã tiếp xúc Phật pháp từ mười năm trước. Về sau, sanh khởi ngờ vực đối với Phật pháp; sau đó, nhờ học Phật, niệm Phật, nay đã có đôi chút cảm nhận. Ông ta nói: “Đối với Nhất Thiết Trí, phải có tri kiến quyết định”. “*Tri kiến quyết định*” chính là “*pháp chẳng có tự tánh*”, quyết định tùy thuận, sanh lòng vui thích đối với pháp.

---

<sup>10</sup> Phú-già-la (Pudgala, Pudgalāstikāya) còn được phiên âm là Bồ Đặc Già La, Phúc Già La, Phát Già La, hay Phổ La. Đôi khi còn dịch nghĩa là Số Thủ Thủ, Hữu Tình, Chúng Sanh, hoặc Ngã, có ý nghĩa chánh yếu là “*chủ thể xoay chuyển luân hồi trong lục đạo*”, tức là cái Ngã đang bị vọng chấp, vô minh ràng buộc. Bộ phái Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ cho rằng Phú Già La chỉ là giả danh của Ngũ Âm, chẳng có thực chất (Học phái Trung Quán kế thừa tư tưởng này). Độc Tử Bộ thì chủ trương Phú Già La là một cái Uẩn “*phi tức, phi ly*”, chẳng thể nói là Ngã, nhưng nó mang theo các nghiệp từ đời trước đi luân hồi. Nó là chủ thể có tánh chất luân hồi, có ký ức, và là chủ thể của sáu thức.

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2**

“Chư pháp tức Niết Bàn” (Các pháp chính là Niết Bàn), “phiền não tức Bồ Đề”. Đây thật sự là dùng Phật ấn để ấn chúng, khiến cho chúng ta trực tiếp ấn khế hết thấy các hiện duyên. Đối với hết thấy hiện duyên, chỉ dùng Phật ấn để ấn, dùng dùng vọng tưởng để ấn khế sự cảm nhận. Đó là nghiệp ấn! Nghiệp ấn của phàm phu chỉ là nghiệp tướng liên tục. Vì thế, dùng nghiệp để kế tục nghiệp, kết quả giống như nước lũ, khiến cho quý vị bị cuốn vào biển sanh tử, chẳng phải là biển trí và biển đại trí nguyện của chư Phật. Do vậy, có biển nghiệp của chúng sanh, mà cũng có biển nguyện của chư Phật. Một niệm sai lầm, sẽ là biển nghiệp. Biển nghiệp vô biên, vùi dập vô tận trong biển sanh tử. Một niệm khác đi, sẽ là biển Chánh Biến Tri của chư Phật, an trụ nơi vô nghi, lợi ích thế gian rộng lớn. Biển nghiệp và biển nguyện vốn là một biển. Vì thế nói: “Vốn chẳng có biển đại tịch diệt để đạt được!” Trong biển đại tịch diệt, sẽ trông thấy bốn tánh.

**(Kinh) Hiền Hộ! Chư pháp vô sở hữu, nhất thiết vật bất khả đắc cố. Hiền Hộ! Thị cố, chư Bồ Tát đẳng nhược dục tư duy thử tam-muội giả, bất khả dị tướng nhi năng đắc nhập.**

**(經)賢護! 諸法無所有, 一切物不可得故。賢護! 是故, 諸菩薩等若欲思惟此三昧者, 不可異相而能得入。**

*(Kinh: Này Hiền Hộ! Các pháp vô sở hữu, vì hết thấy các vật chẳng thể được. Này Hiền Hộ! Do đó, các vị Bồ Tát nếu muốn tư duy tam-muội này, chẳng thể do tướng khác mà có thể nhập được!)*

Nếu nương vào điều thiện tạp loạn và tư duy vọng tưởng của chính mình mà muốn nhập môn tam-muội này, sẽ chẳng thể thấy, chẳng thể nhập, chẳng thể thành tựu. Do vậy, chư Phật Như Lai đã có lời dạy “chánh ngôn” đối với tam-muội này, khiến cho chúng ta chánh tư duy, chánh khế nhập, chánh thiện xảo hòng ấn khế tự tâm.

**(Kinh) Vô đắc tướng cố, đắc kiến chư Phật.**

**(經)無得相故, 得見諸佛。**

*(Kinh: Do chẳng đạt được tướng, cho nên được thấy chư Phật).*

Lành thay! Hai câu nói này rất trọng yếu! Thường là chúng ta sẽ dùng hai thứ đối đãi ấy. Trong tâm trí đối đãi, sanh khởi pháp tác đối

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

đãi; nhưng trong tâm trí chẳng đối đãi, lập tức viên dung. Pháp tắc “*chẳng đối đãi*” viên dung như thế nào? Trong kinh Kim Cang, đức Thế Tôn đã dạy: “*Kiến chư tướng phi tướng, tức kiến Như Lai*” (Thấy các tướng chẳng phải là tướng, liền thấy Như Lai); ở đây nói: “*Vô đắc tướng cố, đắc kiến chư Phật*” (Do chẳng đạt được tướng, cho nên được thấy chư Phật). Kinh khác nhau cùng nói giống nhau [về sự] lựa chọn chân thật. Đây là sự tuyên nói chân thật trong trí huệ chân thật. Đối với điều này, chúng ta thường sanh khởi sợ hãi; vì trong tâm trí đối đãi, sẽ nhất định sanh khởi cảm nhận đối đãi: Một là vô tướng, hai là thấy chư Phật. Chư Phật là vô tướng. Nếu quý vị dám lựa chọn, sẽ ngay lập tức đạt được đại lợi. Vì chúng ta bị câu thúc bởi các tướng, cho nên chẳng thấy tướng của chư Phật. Nếu chẳng bị câu thúc bởi các tướng, sẽ thấy diệu tướng thanh tịnh của chư Phật.

Chọn lựa như thế nào? Trọn chẳng thể nương vào tư duy của quý vị để hiểu. Cái được hiểu bởi tư duy chính là pháp đối đãi. Trong pháp đối đãi, sẽ rất khó khế nhập. Thiện tri thức ơi! Trong trí chẳng thể nghĩ bàn, muốn tư duy, suy nghĩ cưỡng chấp ý nghĩa, điều lợi ấy sẽ chẳng thể hiện tiền. Nếu một người đột phá chỗ này, tức là [đột phá] chỗ tri kiến đối đãi, người ấy sẽ đạt được nhân duyên thiện xảo. Hai người đột phá thì hai người đạt được. Ba người đột phá thì ba người đạt được. Nếu vô lượng chúng sanh đột phá, vô lượng chúng sanh sẽ đạt được. Nếu quý vị dùng tri kiến đối đãi mà muốn nghe giáo ngôn, như “*vô đắc tướng cố, đắc kiến chư Phật*” (do chẳng đạt được tướng, được thấy chư Phật); nếu trụ trong tâm trí đối đãi, sẽ vĩnh viễn chẳng thể nghe, dấu nghe mà như chẳng nghe, chỉ là gieo chủng tử [vào tạng thức]! Khi lần sau lại được nghe, quý vị còn kêu: “Trời ạ! Câu này nói lần trước mâu thuẫn với lần sau!” Do vậy, trong tâm trí chẳng đối đãi, sẽ tự nhiên thuận theo, tùy văn nhập quán, đạt được pháp ích. Nhập quán gì vậy? Trí quán, quán chẳng đắm nhiễm đối đãi, quán thanh tịnh, quán chẳng động tâm niệm, tức là cái được gọi là “*quán như thật, chẳng tăng giảm*”.

Nhưng tâm trí phàm phu, từ vô thủy đến nay, nương vào đối đãi mà kiến lập, nói tốt, nghe xấu, hoặc dựa vào xấu mà nói tốt, đều là an lập trong pháp đối đãi, lẫn lộn trong hai loại Biên Kiến, rất khó dùng cái tâm viên dung, tâm chẳng đối đãi, tâm thanh tịnh, tâm ẩn khế, tâm chẳng tăng giảm để như thật an trụ, tùy thuận pháp tắc. Do vậy, người y giáo phụng hành rất hiếm hoi. Tuy đức Thế Tôn khắp nơi dạy chúng ta “*y giáo phụng hành*”, nhưng chúng ta thường là “*y giải phụng hành*” (nương vào kiến giải của chính mình để phụng hành), nương theo sự suy

nghĩ của chính mình, nương vào Phật pháp đã qua xử lý của chính mình để phụng hành. Vì thế, phần nhiều chẳng thể đạt được lợi ích chân thật, do chẳng thể tùy thuận Phật trí, chẳng thể vào trong biển Phật trí. Do nương vào hạn lượng mà chính mình vốn có, cho nên dùng hạn lượng để gò ép Phật pháp vào “khuôn khổ”. Phật pháp kiểu đó là Phật pháp do quý vị sửa đổi, là Phật pháp bị biến dạng, là Phật pháp do nương theo cái tâm tăng giảm của phàm phu, kết quả vẫn là tri kiến phàm phu. Do vậy, chẳng đạt được lợi ích nơi Phật pháp.

*(Kinh) Chánh niệm chư Phật hòa hợp tương ứng, diệc đắc tư duy Trợ Bồ Đề Phần, niệm văn chánh pháp, tư lượng phân biệt, tuyền trạch Bồ Đề Phần, nhi bất kiến tự thân, diệc bất chứng chư pháp.*

**(經)正念諸佛和合相應，亦得思惟助菩提分，念聞正法，思量分別，選擇菩提分，而不見自身，亦不證諸法。**

*(Kinh: Chánh niệm chư Phật hòa hợp tương ứng, cũng tư duy Trợ Bồ Đề Phần, nghĩ tưởng, nghe chánh pháp, suy lường, phân biệt, chọn lựa Bồ Đề Phần, mà chẳng thấy tự thân, cũng chẳng chứng các pháp).*

Đoạn văn tự này mười phần quan trọng! Chính là chuyển biến to lớn của tri kiến phàm hay thánh. Quý vị nhất định phải tự hỏi chính mình có chuyển biến ở chỗ này hay không? Quý vị có thể khám nghiệm tri kiến của chính mình là tri kiến thanh tịnh, tri kiến chẳng đối đãi, chánh tri, chánh kiến, hay là tri kiến ngu si, tri kiến điên đảo, tri kiến hư vọng, tri kiến đối đãi? Nếu là tri kiến thuộc loại sau, sẽ chẳng thể thành tựu Bồ Đề, vì quý vị cưỡng chấp. Nếu buông xuống, liền nhập Phật trí. Chúng ta có thể dùng đoạn văn tự này để phán đoán, ấn khả tự tâm, dù phàm hay thánh, dù trí hay ngu, có thể tự mình cân nhắc chỗ thuận theo và nương tựa trong tâm trí của chính mình.

Trong rất nhiều kinh điển, đức Thế Tôn đều nói như thế để khiến cho chúng sanh buông xuống tri kiến của chính mình, tùy thuận chánh giáo của Như Lai, khéo nhập lợi ích của Phật pháp. Đó gọi là “*hồi quán tự tâm, vô nhiễm, vô trước*” (quay lại quán tự tâm, chẳng nhiễm, chẳng chấp trước). Các cơ chế giáo ngôn ấy thật sự không ngừng ấn khế chúng ta. Các vị thiện tri thức trong quá khứ khi có khai ngộ, có chứng ngộ, hoặc đối với pháp mà cho rằng có gì để đắc, sẽ đến chỗ thiện tri thức để gột sạch tâm cấu, để thiện tri thức ấn khế cho mình, chứng thực tri kiến của chính mình, cũng như [ấn chứng] pháp tắc do chính mình đã chứng



thật sự tương ứng với lời dạy của Phật. Như Lục Tổ đại sư khi gặp tổ Hoàng Nhẫn, chân tâm Lục Tổ thường sanh hoan hỷ, trong hết thấy thiện duyên sanh khởi sự vô úy và yêu thích, tâm thường sanh quang minh chiếu sáng thế gian. Trong sự tối tăm của hết thấy hiện duyên, giống như đèn sáng trong cõi đời. Tuy là như thế, [Lục Tổ] vẫn cần pháp sư Hoàng Nhẫn dùng pháp nghĩa để ấn chứng, hứa khả, dùng kinh Kim Cang để ấn chứng, hứa khả, khiến cho Lục Tổ vô ngại rất ráo. Cho nên Ngài đã diễn tả [bằng ba câu] “*hà kỳ tự tánh, hà kỳ tự tánh, hà kỳ tự tánh*” (nào ngờ tự tánh [vốn tự thanh tịnh], nào ngờ tự tánh [vốn chẳng sanh diệt], nào ngờ tự tánh [vốn tự trọn đủ]). Đoạn văn tự ở đây cũng là ngôn ngữ để ấn khế.

*(Kinh) Sở dĩ giả hà? Hiền Hộ! Thị trung bất khả dĩ sắc tướng cố nhi đắc kiến Phật.*

**(經)所以者何? 賢護! 是中不可以色相故而得見佛。**

*(Kinh: Vì sao vậy? Này Hiền Hộ! Vì trong ấy, chẳng thể dùng sắc tướng để thấy Phật).*

Ở đây, đã tổng kết rõ ràng. Đó là giáo ngôn mười phần rõ rệt, giáo ngôn mười phần như thật, giáo ngôn mười phần chẳng thể nghĩ bàn, là giáo ngôn xa lìa đối đãi! Nếu quý vị nương vào tâm trí đối đãi, sẽ ngay lập tức đối đãi. Vì có sao? “*Thị trung bất khả dĩ sắc tướng cố nhi đắc kiến Phật*” (Trong ấy, chẳng thể dùng sắc tướng để thấy Phật): Quả thật đã ban cho chúng ta một pháp tắc tu hành và sự lựa chọn tu hành rất rõ rệt. Vậy thì quý vị có thể tu tập như thế hay không? Nhiều người đã lý giải chỗ này. Hễ lý giải [suông mà không tu tập] thì chẳng thể đạt được lợi ích. Chỉ có người tu tập sẽ tất nhiên ấn khế tự tâm!

Dùng giáo ngôn “*không tăng giảm*” để ấn khế tự tâm rất thuận tiện, như chúng ta dùng một cái ấn to để đóng dấu. Quý vị chẳng cần phải lý giải, cứ đóng dấu là được rồi! Chúng ta thấy một tay [trong ngàn cánh tay] của Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát cầm một cái ấn, ấn gì vậy? Chính là một chữ chủng tử (Bīja)<sup>11</sup> biểu thị Quán Thế Âm,

---

<sup>11</sup> Chủng tử (Bīja, seed syllable) của A Di Đà Phật và Quán Thế Âm Bồ Tát đều là chữ Hī (𑖦) thường được dịch là Tâm. Trong Mật Tông, khi quán chủng tử của chữ này thì dùng văn tự Tát Đàm (Siddham). Thông thường, để quán Bốn Tôn, hành giả quán tự tâm có một tòa sen, trên đó, có mặt trời và mặt trăng xếp chồng lên nhau. Trên hai vầng nhật nguyệt ấy, xuất hiện chữ chủng tử. Chữ Hī của Quán Thế Âm

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

biểu thị A Di Đà Phật, biểu thị ấn khế của mười phương chư Phật. Hễ áp [cái ấn ấy] xuống, liền thành lập. Vì thế, trong kinh điển Đại Thừa, khắp nơi có cách nói như thế này: “*Cửu hành nhi bất chứng, phóng quang tức Bồ Đề*” (Hành đã lâu ngày mà chẳng chứng, phóng quang chính là Bồ Đề). Cũng có nghĩa là: Một niệm tương ứng liền được khế nhập, liền được thành tựu, chẳng phải nhọc nhằn thực hiện! Chọn lựa ở chỗ này mười phần khó khăn! Khó ở chỗ nào? Khó buông xuống chấp trước hư vọng, khó buông xuống Ngã Chấp, khó buông xuống nhiễm tâm, khó buông xuống phân biệt đối đãi. Dầu chỉ buông xuống trong sát-na, vẫn chẳng muốn buông bỏ! Vì sao? Sẽ sanh lòng hoảng sợ. Chúng ta có thể khéo quan sát tâm linh của chính mình. Có người nói: “Ta nghe pháp một niệm hoan hỷ”, vì sao? Khi đó chẳng đắm nhiễm, chẳng chấp trước, chẳng có chỗ đối đãi, có thể vui sướng vì thật sự ấn khế trong nháy mắt. Nếu có thể tiếp tục duy trì, sẽ liên tục thủ hộ sự thành tựu. Nếu chẳng thể liên tục, chỉ là tiếp xúc một phen, vẫn chưa thật sự ấn khế tự tâm. Vì nếu có thể ấn khế tự tâm, tất nhiên chẳng nghi!

***(Kinh) Bất khả dĩ thanh tướng cố, nhi đắc văn pháp.***

**(經)不可以聲相故，而得聞法。**

***(Kinh: Chẳng thể dùng thanh tướng để được nghe pháp).***

Nay chúng ta trao đổi Phật pháp, thật sự nhờ vào nhĩ căn, nhãn căn, và thân tiếp xúc của mọi người để kích phát tâm trí vốn sẵn có nơi

---

Bồ Tát là màu trắng, chữ Hī của A Di Đà Phật là màu đỏ. Chữ ấy sẽ dần dần biến thành hình tượng Bồ Tôn trong pháp hành giả đang tu. Chẳng hạn như khi quán chú Lục Tự Đại Minh thì quán chiếu chữ Hī phóng quang minh sáu màu, mỗi màu chiếu vào một đường tương ứng trong lục đạo (chẳng hạn màu trắng ứng với thiên đạo, màu xanh ứng với A Tu La đạo...). Sau đó, chúng tử biến thành Quán Thế Âm Bồ Tát bốn tay, thân có màu trắng, ngồi xếp bằng trên tòa sen, vai khoác da nai, mặc quần ngũ sắc, thiên y trắng có các dải lụa vờn quanh. Hai tay Ngài chấp trước ngực ôm châu Như Ý Ma Ni, hai tay kia giơ ngang vai, một tay cầm hoa sen, tay kia cầm tràng hạt, từ trong tâm Bồ Tôn lại hiện ra chúng tử, lưu xuất vô tận bốn tôn Quán Thế Âm Bồ Tát có hình dạng giống hệt như thế, trùng trùng vô tận... Mỗi hóa thân ấy lại ngự trên đỉnh đầu của mỗi chúng sanh, cảm hóa họ thâm đắm trong tâm từ bi. Bản thân hành giả cũng trở thành Quán Thế Âm phóng quang cứu độ chúng sanh y hệt. Sau đó lại lần lượt quán các Bồ Tôn lưu xuất ấy hội nhập vị Bồ Tôn chính. Vị Bồ Tôn chính lại trở thành chúng tử, chúng tử tan biến vào vàng nhật nguyệt nơi hoa sen trong tâm. Cuối cùng toàn thể biến thành không, rỗng rang chẳng còn gì.

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

mỗi người, tức là tâm trí “*chẳng đến, chẳng đi*” nhằm thuận thực tướng công đức và công đức tạng ấy. Thật sự chẳng có pháp nào để đạt được, chẳng có pháp nào để gặp, chẳng có pháp nào để có thể thành, đúng như thật mà biết tự tâm!

***(Kinh) Bất khả dĩ hy vọng tâm thành tựu Đàn Ba La Mật.***

**(經)不可以希望心成就檀波羅蜜。**

***(Kinh: Chẳng thể dùng cái tâm hy vọng để thành tựu Đàn Ba La Mật).***

“Đàn” (Dāna) là bố thí, có pháp bố thí, tài bố thí, và vô úy bố thí. Nếu hy vọng được đền đáp, do Đàn Ba La Mật là “*chẳng dùng gì để thành tựu*”, cho đến Lục Ba La Mật, tức Trì Giới, Tinh Tấn... cho đến Thập Ba La Mật, nếu có tâm cầu được đền đáp, sẽ khó thể đạt được lợi ích thanh tịnh trong Phật pháp, khó thể đạt tới bờ kia. Vì sao? Một khi đức Thế Tôn thuyết pháp, sẽ là tam luân thể không, chẳng có chỗ nào đắm nhiễm! Do vậy, bố thí mà chẳng có vật để bố thí, chẳng có đối tượng tiếp nhận sự bố thí, mà cũng chẳng có người hành bố thí, [đó là “*tam luân thể không*”], là Đàn Ba La Mật. Đối với pháp bố thí, cũng giống như thế. Nếu quý vị cho rằng chính mình có ơn với người khác, đó là tà kiến! Vì sao? Do muốn tìm kiếm nhân duyên càng lớn hơn nữa! Người như vậy chẳng đạt được lợi ích từ Phật pháp. Vì thế, trong Phật pháp, Bố Thí, Trì Giới, Nhẫn Nhục, Tinh Tấn, Thiên Định, cho đến các loại trí huệ Ba La Mật, đều lấy “*chẳng đắm nhiễm, chẳng chấp trước*” làm phương tiện cội gốc!

Hiện thời, trong tự viện, đạo tràng của chúng ta, hành pháp cũng thế, làm mọi việc cũng thế, duy trì đạo tràng cũng thế, xuất gia hay tại gia cũng thế, nếu có cái tâm đắm nhiễm, tâm mong được đền đáp, kẻ ấy sẽ chẳng đạt được lợi ích nơi Phật pháp. Vì sao? Giống như đã nói trong phần trước: Giống hết như quý vị buôn bán. Bất quá, quý vị là một gã lái buôn trong Phật pháp, bán chác Như Lai, vụng trộm rĩa ráy từng chút một, vẫn chẳng thể chân chánh, đúng như thật thủ hộ và truyền thừa gia nghiệp của Như Lai. Vì thế, “*bất khả dĩ hy vọng tâm thành tựu Đàn Ba La Mật*” (chẳng thể dùng cái tâm hy vọng để thành tựu Đàn Ba La Mật). Lúc chúng ta ban cho người khác pháp, tài vật, hoặc vô úy, tuyệt đối chẳng thể dùng cái tâm hư vọng, tức là cái tâm “*mong được đền đáp*” để hành trì. Nếu dùng cái tâm như thế, sẽ chẳng phải là người tu tập Phật

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

pháp, cho nên chẳng thể thành tựu Đản Ba La Mật, tức Bồ Thí Ba La Mật. Hết thấy các thứ khác cũng giống như thế, nêu lên một sẽ suy ra ba, chúng ta có thể dùng cách loại suy (analogy)<sup>12</sup> để xem xét kỹ lưỡng rộng khắp!

Hiện thời, có kẻ tạo chút thiện căn, chẳng hạn như vì tự viện làm một tí việc, sẽ tính toán: “Ta đã làm bao nhiêu chuyện cho Phật pháp, phải ban cho ta chút gì chớ? Ta sẽ đạt được gì?” Kẻ như thế phải nên thật sự học Phật pháp, chớ nên kinh doanh Phật pháp! Có lắm kẻ đầu cơ bán chác Phật pháp, có kẻ biết, có kẻ chẳng biết. Kẻ biết tức là cố ý làm, sẽ là kẻ bại hoại, hủy diệt Phật pháp. Kẻ không biết là do ngu si cho nên chẳng biết, ngộ Phật pháp cũng là buôn bán, khiến cho Phật pháp đọa vào thế tục. Rất nhiều kẻ thật sự lợi dụng kẻ hở trong Phật pháp, lợi dụng Phật pháp để bán chác Như Lai, mong đổi lấy các quả báo hư giả cho bản thân, nhưng trên thực tế là chẳng tương ứng, đâm ra, chẳng đạt được gì! Vì thế, đức Thế Tôn nói: “*Nếu ai có thể trì giới, sẽ có thể đạt được ba thứ lợi*”. Hoặc như trong giới Bồ Tát có nói: “*Nếu ai có thể trì giới, sẽ đạt được năm loại lợi*”. Năm loại lợi ấy chẳng cầu mà đạt được, nhưng người đòi xấu ác mà cầu, tham cầu cho nhiều, thậm chí liều mạng cầu, vắt óc tìm mưu kế, nghĩ hết mọi biện pháp, sử dụng trọn mọi mảnh khóc, để rồi sau đó hứng chịu toàn là quả báo của mảnh khóc, quả báo vì đã vắt óc tìm mưu kế, oan uổng hứng chịu khổ báo. Bởi lẽ, những gì đã tạo tác đều sanh khởi khổ duyên, chẳng phải là lợi ích thật sự tồn tại. Chư vị thiện tri thức ơi! Chúng ta hãy khéo tư duy, khéo quan sát!

***(Kinh) Bất khả dĩ nhạo trước chư hữu cụ túc Thi Ba La Mật.***

***(經)不可以樂著諸有具足屍波羅蜜。***

***(Kinh: Chẳng thể yêu đắm các thứ đang có mà mong trọn đủ Trì Giới Ba La Mật).***

Nếu quý vị chấp trước “*ta có các pháp tắc chi đó*”, “*ta có giới và giới đức gì đó*”, như thế thì sẽ chẳng đạt được Thi Ba La Mật (Thi Ba La Mật, Trì Giới Ba La Mật, Sīla Pāramitā). Nếu có thiện tri thức khéo đọc tụng, thì sẽ đạt được sự an ủi từ Đại Trí Độ Luận, vì trong ấy, Long Thọ

---

<sup>12</sup> “Suy luận loại suy” là dựa trên hai sự vật giống nhau để suy ra các đặc tánh tương tự. Chẳng hạn như Trái Đất là hành tinh có khí quyển bao bọc, có chứa nước. Hỏa Tinh (Mars) cũng có khí quyển, và cũng là hành tinh. Suy ra, Hỏa Tinh cũng có thể có nước.

Bồ Tát đối với thời Mật Pháp, đối với giới pháp, đã phân tích sâu sắc, nhất là đối với Thi Ba La Mật. Chúng ta hãy khéo tư duy, khéo quan sát.

Hiện thời, rất nhiều hữu tình nói: “Chờ ta phát tâm thanh tịnh, viên mãn rồi sẽ làm chuyện chi đó”. Thật ra là chẳng liễu giải tự tâm, chẳng liễu giải pháp thật ra chẳng có viên và bất viên, chỉ nên như thật liễu giải tự tâm. Tự tâm chưa viên, sự tướng sẽ chẳng viên. Nếu thấu triệt tự tâm thanh tịnh, hết thấy vốn viên! Trước kia, khi chùa Phóng Quang sắp kiến thiết, tôi nói với mọi người: “Đây là một đạo tràng Bồ Đệ Giác, vốn trọn đủ, chẳng cần phải tạo tác. Tất cả tạo tác đều là ý thức bị nhiễm về sau, là pháp sanh diệt, là pháp đối đãi, chẳng phải do đạo tràng Bồ Đệ Giác an lập”. Vì thế, chùa Phóng Quang đã được kiến thiết hoàn thành từ lâu, nay chúng ta chỉ là người sử dụng. Người nào sử dụng? Người thành tựu đạo nghiệp sử dụng! Ai tới thành tựu đạo nghiệp thì là người sử dụng đạo tràng này, kiến thiết đạo tràng này. Do trong quá trình kiến thiết ấy, đạo tràng này đã là một đạo tràng vốn trọn đủ. Nói “*đạo tràng vốn trọn đủ*” tức là vốn sẵn có, vốn an lập, vốn đã thành tựu. Do trong đạo tràng, chuyện làm nhiều hay làm ít đều có, nhưng tính toán hết sức nhiều! Có người dựng một gian nhà cũng tính, có người mua hai khối gỗ hay đá cũng tính, có người đánh lễ ba mươi vạn lễ, mười vạn lễ, mua mấy quyển kinh cũng đều có thể tính. Tính toán gì vậy? Ta đã vì Phật pháp làm các chuyện nhiều ngàn ấy, ta có thể đạt được những gì? Loại người ấy rất đáng thẹn, rất đáng thương, nhưng nhân duyên ấy lại là sự biểu hiện rất chân thật phàm tình của phàm phu. Do vậy, tôi không ngừng đề cập “*đây là một đạo tràng Bồ Đệ Giác, là một đạo tràng vốn đã kiến tạo hoàn thành*”. Những người kiến thiết về sau đều là hưởng thụ phước đức chín muồi từ công đức vốn sẵn có ấy. Đạo tràng này chẳng cần chúng ta xây dựng. Vì sao? Tất cả các sự kiến thiết của chúng ta đều vì duy trì Phật pháp, duy trì thành tựu, duy trì một cơ chế chân thật mà thôi, là phước đức chín muồi mà thôi, chỉ là như thế đó thôi!

“*Chư hữu trọn đủ*” là một thứ tâm tham lam của hữu tình trong thế gian. Người như thế chẳng thể trì giới. Kinh thường nói: “*Ta phải viên mãn pháp thế gian, mà cũng phải viên mãn pháp xuất thế gian*”. Như thế thì có lẽ chúng ta chẳng thể thành tựu trong một đời được, cần phải nhiều đời nhiều kiếp mới dần dần thành tựu. Vì nhìn từ tướng nhân quả của thế tục thì sẽ là như thế. Nếu chúng ta muốn thành tựu pháp tắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề ngay trong một đời, chớ nên giữ ý tưởng như thế. Nếu là có thể giữ, quý vị sẽ chẳng thể thành tựu được!

*(Kinh) Bất khả dĩ xan lận bí pháp, nhi đắc Niết Bàn. Bất khả dĩ thâm trụ Phú Già La tướng, nhi hoạch đa văn.*

**(經)不可以慳吝祕法，而得涅槃。不可以深住富伽羅想，而獲多聞。**

*(Kinh: Chẳng thể do keo kiệt pháp bí mật mà đắc Niết Bàn. Chẳng thể do trụ sâu nơi ý tướng Phú Già La mà đạt được đa văn).*

Dùng tâm dục của chúng sanh để mong đạt được đa văn, sẽ là chuyện chẳng thể được!

*(Kinh) Bất khả dĩ phan duyên chư hạnh, nhi năng viễn ly chư sự.*

**(經)不可以攀緣諸行，而能遠離諸事。**

*(Kinh: Chẳng thể do nắm níu các hạnh mà có thể xa lìa các sự).*

Đối với chuyện này, từ các pháp đối đãi, chúng ta có thể quan sát thấy.

*(Kinh) Bất khả dĩ nhạo trước trụ xứ, nhi đắc chứng quả.*

**(經)不可以樂著住處，而得證果。**

*(Kinh: Chẳng thể do yêu chấp chỗ ở mà được chứng quả).*

Trong Tứ Hướng và Tứ Quả nơi pháp Thanh Văn, Tứ Quả chẳng có sở chứng, chẳng có gì để đắc. Bỏ Tát từ Tín vị, Hiền vị, Trụ vị, Hạnh vị, cho đến các địa vị Hồi Hướng, cho đến Sơ Địa, Thập Địa, Đẳng Giác, Diệu Giác, cũng chẳng chấp trước. Nếu có chấp trước, sẽ chẳng phải là quả vị.

Trong hữu tình thế gian, có kẻ nói: “Ta đã chứng quả”. Tôi nói [với người ấy]: “Quý vị hãy tìm Phật ấn chứng”. Chứng quả gì vậy? Vẫn là tự mình đạt được. Trong pháp “*chẳng có gì để đạt được*”, há có gì để chứng quả? Người ấy tâm đắm nhiễm, nhiễm ở chỗ nào? Ngõ là có sở đắc! Vì thế, người ấy sẽ bắt giữ một thứ gì đó. Nếu làm lạc hứa khả cho kẻ đó, kẻ đó sẽ gây nguy hại cho thế gian. Có người nói: “Tôi đối với chỗ nào đó có ngộ xứ”. Ngộ xứ có thể coi là giải ngộ, chứng ngộ, có thể

nương theo kinh điển, hoặc nương theo pháp tắc đề ấn khế, nhưng nếu nói chính mình chứng quả, điều này mười phần nguy hiểm! Hiện thời, cái tâm chứng quả (tức tự nghĩ là mình đã chứng quả chi đó) rất nhiều; có người cho rằng chính mình đã dự vào địa vị Bồ Tát chi đó. Tôi nói: “Quý vị chẳng cần nói chính mình là Bồ Tát, chẳng cần nói chính mình đã đăng địa! Quý vị chẳng biết chư vị Bồ Tát có thiện xảo to cỡ nào. Nếu hay biết, căn bản là quý vị sẽ chẳng ăn nói quàng xiên!” Vì Đẳng Địa Bồ Tát có vô lượng tam-muội thiện xảo cùng lúc hiện tiền, vô lượng tam-muội thiện xảo tự nhiên trọn đủ, vô lượng tam-muội thiện xảo tự nhiên vận dụng, vô lượng thần thông do đạt được hết thảy sức tự tại. Như Long Thọ Bồ Tát vừa mới nhập Hoan Hỷ Địa, liền tự đắc lực nơi trăm ngàn tam-muội. Khi thuyết pháp cho người khác, Ngài thường nhập Nguyệt Quang tam-muội, [người nghe] chỉ thấy ánh trắng thanh tịnh chiếu rọi, chẳng thấy thân Ngài. Chẳng phải là hễ quý vị nói chứng quả bèn chứng quả! Phải nên mười phần hiểu rõ chỗ này!

*(Kinh) Bất khả dĩ tùy thuận tham ái, ly chư quá phi. Bất khả dĩ thường nhạo đấu tránh, thành tựu chư Nhân.*

**(經) 不可以隨順貪愛，離諸過非。不可以常樂鬥諍，成就諸忍。**

*(Kinh: Chẳng thể tùy thuận tham ái để lìa các lỗi sai. Chẳng thể do thường thích tranh đấu mà thành tựu các Nhân).*

Trong Lục Độ, công đức của pháp Nhân Nhục thâm nhập, rộng rãi hơn so với Bồ Thí và Trì Giới, vì sao? Do thường chẳng tranh đấu, do hòa hợp với thế gian, do lợi ích hữu tình. Ở đây, tâm trí lợi ích dễ dàng hiện tiền. Có người bố thí mà cũng có thể đấu tranh, chẳng hạn như có tâm mong được đền đáp, có tâm mong thành tựu mà bố thí. Người như vậy sẽ nảy sanh tâm kiêu mạn, khiến cho các hữu tình mà kẻ ấy tiếp xúc cảm thấy hèn hạ, khiến cho trong tâm họ sanh ra áp lực, chẳng thoải mái. Có người trì giới mà cũng có thể đấu tranh, khiến cho kẻ được gọi là “phạm giới” sanh khởi lòng sợ hãi, thương tổn. Người thật sự trì giới sẽ khiến cho kẻ chẳng trì giới hoặc kẻ chẳng biết giới đạt được an vui. Vì sao? Do giữ lấy, hướng theo giới đức thì sẽ được an lạc. Nếu quý vị trì giới thì sẽ an lạc, điều phục, nhu thuận, sẽ là chẳng đắm nhiễm, tức là dùng Thi La Ba La Mật để đạt được hai pháp bi và trí. Như vậy thì kẻ

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

chẳng trì giới và kẻ phạm giới sẽ hướng đến giới pháp, chẳng sanh lòng sợ hãi đối với giới pháp. Rất nhiều người trì giới khiến cho kẻ khác sanh khởi sợ hãi. Như thế thì chẳng phải là Thi La Ba La Mật, chẳng thể thành tựu Thi La Ba La Mật thiện xảo. Do vậy, hễ thường đấu tranh, sẽ chẳng thể thành tựu Nhân Ba La Mật.

Trong các đối pháp ở đây, chúng ta có thể quán chiếu tâm trí của chính mình mười phần rõ ràng. Hiện thời, có người nói chính mình có bản lãnh to nhiều, nhưng thường thích tranh đấu, chẳng có gì vẫn bới ra chuyện để tranh chấp, vô duyên cứ bới ra chuyện. Tôi cảm thấy mọi người phải nên ngăn trở hạng người ấy, hoặc là xa lìa sự tương, hoặc là khuyến hóa hạng người đó đừng ham sanh sự, vì ham thích sanh sự là khổ nạn. Đối với kẻ ham thích sanh sự, mọi người phải tận lực giúp đỡ kẻ đó, tập thể giúp đỡ, tập thể quan tâm, yêu mến kẻ đó. Khi kẻ đó sanh sự, lập tức dẹp yên, đừng để cho các chuyện ấy lan truyền, vì truyền bá các chuyện ấy sẽ rất khổ; nhất là khi truyền bá càng nhiều, càng mạnh mẽ, sẽ thương tổn cả mình lẫn người. Vì thế, “*vốn vô sự*” chính là sự an trụ thanh tịnh trong Phật pháp. “*Vốn nhàn*” là sự an trụ chân thật trong Phật pháp. Như vậy thì mới có thể lợi ích rộng khắp hữu tình, hiệp trợ đạo tràng, thành tựu đạo nghiệp. Nếu trong tâm tung bưng nhón nháo, náo nhiệt, chẳng có chuyện gì cứ bới ra chuyện. Hễ có chuyện bèn làm lớn chuyện, khiến cho mọi người bất an. Đối với người như thế, mọi người hãy nên tôn trọng, yêu mến, che chở, giúp đỡ kẻ đó, bất luận là ai. Vì chuyện như thế nếu quá nhiều, mọi người sẽ chịu chẳng nổi!

Đối với bậc trí, có thể ngay lập tức xử lý thị phi. Vì sao? Do tâm trí của bậc trí vô nhiễm. Đối với chuyện đúng hay sai, chúng ta dựa theo sự tương để xử lý là được rồi. Xử lý như thế nào? Chúng ta khiến cho hữu sự trở thành vô sự là được rồi, chẳng còn so đo chuyện ấy, chớ nên tranh chấp chuyện ấy! Chẳng tranh chấp, nhưng cần phải điều chỉnh. Có người biện giải nói chính mình chẳng có chuyện ấy. Đó là do chẳng tự xét mình, chẳng sanh khởi tâm thương xót chúng sanh. Đối với chúng sanh gây chuyện, chúng ta đều phải nên thương xót. Ai gây chuyện, mọi người đều nên thương xót kẻ đó. Do kẻ đó ngu si, điên đảo, do tâm trí tối tăm, mê muội. Tối thiểu là kẻ đó chẳng từ bi đối với chính mình, chẳng từ bi đối với người khác. Vậy thì mọi người chúng ta đều phải nên từ bi đối với kẻ như thế, thương xót kẻ như thế, thông cảm với kẻ như thế, ban cho kẻ đó một không gian rộng lớn, bảo kẻ đó thật sự là chẳng có chuyện gì. Cái tâm [khoan dung] ấy sẽ khiến cho sự nóng nảy, bực bội của mọi người sẽ lắng xuống; nhưng nếu quý vị tranh biện với kẻ đó, sẽ đúng là



***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

chẳng có trí, mà cũng chẳng có bi. Như thế sẽ khiến cho một cuộc tranh cãi mới nổ ra! Vì thế, nếu đã có chuyện, mọi người lập tức xử lý, chẳng cần biện bác! Hễ cần điều chỉnh liền điều chỉnh. Điều chỉnh như thế nào? Để cho người có chuyện sẽ nêu ra, chúng ta sẽ điều chỉnh. Quý vị chẳng cần biện bác, bào chữa chính mình chẳng có chuyện ấy. Nếu biện bác, sẽ sanh ra đấu tranh, như thế thì mọi người cư xử với nhau sẽ mười phần gian nan. Vì thế, người trí chẳng biện bác. Do người trí vô nhiễm, cho nên chẳng dây dưa ở chỗ này.

Vẫn hy vọng mọi người thật sự thành tựu đạo nghiệp, chẳng phải là thành tựu “*ai lớn, ai nhỏ, ai đúng, ai sai, ai mạnh, ai yếu*”. [Tranh biện] kiểu đó vô ích, chẳng phải là Phật pháp. Do vậy, khi có đấu tranh thị phi, mọi người hãy cùng nhau yêu thương, che chở kẻ gây thị phi, mỗi người tạo cho kẻ ấy đôi chút cảm giác không thị phi là được rồi. Kẻ đó có thị phi, quý vị chẳng có thị phi là được rồi. Quý vị chẳng chấp trước vào đó, chuyện sẽ qua! Nếu thật sự cần phải giải quyết, vậy thì giải quyết là xong. Chúng ta học Phật, nhất định phải khéo quan sát, khéo nhận biết, khéo thành tựu!

***(Kinh) Bất khả dĩ thường hành ác nghiệp, nhi đắc thiện quả.***

**(經)不可以常行惡業，而得善果。**

***(Kinh: Chẳng thể do thường tạo ác nghiệp mà đạt được thiện quả).***

Kẻ chuộng thị phi là kẻ hành ác nghiệp, vì nhiều thị phi thì sẽ bị xâm hại nhiều. Nếu tâm trí thanh nhàn, xa lìa thiện ác, sẽ là tướng giải thoát. Nếu tướng thường làm việc thiện pháp, thì là lạc tướng. Nếu thường từ bi lợi ích rộng khắp hữu tình, đẹp khổ, ban vui, tức là tướng từ bi. Nếu chẳng nhiễm, chẳng chấp trước, thì là tướng trí huệ. Chúng ta dùng tướng gì vậy? Nếu chuộng đấu tranh, khiến cho người khác sợ hãi, khiến cho tâm người khác bất an, đây thật sự là tướng ngu si, tướng ác nghiệp. Kẻ đó sắp bị rơi xuống giếng, mọi người hãy cấp tốc chìa tay giúp đỡ. Hãy nên giúp đỡ người như thế, chớ nên tranh luận với họ!

***(Kinh) Bất khả dĩ Thanh Văn thừa nhân, nhi chứng Bồ Tát Niệm Phật tam-muội.***

**(經)不可以聲聞乘人，而證菩薩念佛三昧。**

## **Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2**

*(Kinh: Người thuộc Thanh Văn Thừa chẳng thể chứng Bồ Tát Niệm Phật tam-muội).*

Hữu tình thuộc Thanh Văn Thừa chẳng thể thấy pháp tánh và Phật tánh, chỉ tùy thuận tịch diệt, chẳng hiểu rõ Phật tánh. Nếu thấu đạt Phật tánh, sẽ tiến nhập tâm trí rộng lớn của giáo ngôn Đại Thừa. Đó là sự sai biệt thuộc về cơ chế ngôn giáo.

*(Kinh) Diệc bất khả đắc chư Bồ Tát nhẫn.*

**(經)亦不可得諸菩薩忍。**

*(Kinh: Cũng chẳng thể đắc các môn nhẫn của Bồ Tát).*

Nếu chúng ta vẫn chìm đắm trong thị phi, vẫn tranh chấp thiện ác, sẽ lìa khỏi Phật pháp quá ư là xa! Do vậy, chúng ta chớ nên đưa Phật pháp lên cao chót vót rồi chẳng dùng đến. Nếu như vậy, rất đáng tiếc. Chúng ta phải vận dụng Phật pháp vào tâm trí, sanh mạng, và nghiệp duyên của chính mình. Nghiệp phiền não đưa đến, vừa khéo vận dụng Phật pháp. Hữu tình gặp phải khổ não đưa đến, vừa khéo vận dụng Phật pháp. Có kẻ nói chuyện thị phi, vừa khéo vận dụng Phật pháp, chẳng nhiệm, chẳng chấp trước. Nếu đối phương cưỡng chấp, ắt thương xót hỏi thí, hãy nên dẹp trừ, cứu vớt sự khổ ấy, khiến cho kẻ đó an vui. Kẻ nói thị phi quá khô, kẻ tạo thị phi càng khổ hơn. Kẻ cưỡng chấp thị phi, truyền đạt thị phi, chính là bị Khổ Khổ bức bách! Các vị thiện tri thức ơi! Chúng ta thấy rõ mà cũng cảm nhận rõ rệt chuyện này. Khi mọi người cộng trụ (cùng ở chung một chỗ), nếu ai nấy đều tiêu trừ thị phi, ai nấy đều tiêu trừ đắm nhiễm, mọi người đều là đạo hữu. Nếu ai nấy tranh nhau nói thị phi, nói thiện, nói ác, mày, tao, người nọ, kẻ khác, như thế thì chắc chắn sẽ xảy ra vấn đề. Vấn đề gì vậy? [Chỗ cộng trụ của] mọi người chẳng phải là đạo tràng, mà là đấu tranh tràng, xa lìa Phật pháp, chẳng mảy may liên quan đến Phật pháp. Chúng ta tiêu diệt Phật pháp, hay kiến lập lợi ích của Phật pháp? Hãy khéo tư duy, khéo quan sát chỗ này.

“*Bồ Tát nhẫn*” là lúc nghịch hại bèn lợi ích rộng khắp hữu tình. Chúng ta đọc câu chuyện của vua Ca Lợi, trong lúc tu nhân, đức Thế Tôn đã bị vua Ca Lợi cắt đứt chân tay. Đức Thế Tôn bảo nhà vua: “*Sau khi ta chứng A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, sẽ độ ngươi đầu tiên*”. Đó chính là chư Phật, Bồ Tát hành nhẫn vậy!

*(Kinh) Diệt bất khả dĩ tạt đồ thủ trước, nhi đắc Không tam-muội.*

**(經)亦不可以嫉妒取著，而得空三昧。**

*(Kinh: Cũng chẳng thể do ghen ghét, chấp trước mà đắc Không tam-muội được).*

Tức là giải thoát tam-muội của ba môn tam-muội Không, Vô Tướng, Vô Nguyện. Hoặc dùng Không tam-muội, hoặc dùng Vô Tướng tam-muội, hoặc dùng Vô Nguyện tam-muội mà đạt được ba môn giải thoát. Nói “*giải thoát*” tức là công đức chân thật, chẳng đắm nhiễm, chẳng chấp trước, chẳng vướng mắc. Có thể hành tam-muội như thế hay không? Thường tư duy, chánh quan sát, thuận theo pháp tánh để quan sát, sẽ đạt được sức tam-muội ấy!

*(Kinh) Diệt bất khả dĩ hành ái dục, nhi nhập Xa-ma-tha.*

**(經)亦不可以行愛慾，而入奢摩他。**

*(Kinh: Cũng chẳng thể do hành ái dục mà nhập Chỉ).*

Tức là chẳng thể thành tựu Chỉ Quán, trong cách nói của Đại Thừa bèn tuyên nói như thế. Nói “*ái dục*” tức là tri kiến, tri kiến điên đảo của chúng sanh, sanh khởi từ tâm trí thiếu sót, là sự đắm nhiễm kéo dài. “*Chỉ*” là Chỉ trong “*chỉ ác dương thiện*” (止惡揚善, dứt điều ác, tuyên dương điều thiện), tự nhiên thành tựu Tỳ-bà-xá-na chẳng thể nghĩ bàn, tức pháp tắc thuộc về trí huệ hạnh và trí huệ quán. Do Chỉ Quán mà có thể nhập trí quán, khiến cho mọi người sanh chánh kiến, chánh niệm, đạt được tâm trí trí huệ.

*(Kinh) Diệt bất khả dĩ giải đãi, lãn nọa, chứng chư thánh đạo.*

**(經)亦不可以懈怠懶惰，證諸聖道。**

*(Kinh: Cũng chẳng thể dùng giải đãi, lười nhác để chứng các thánh đạo).*

Đây là lời dạy mười phần đơn giản, rõ ràng. Từ lời dạy đối với pháp này, chúng ta có thể khéo ẩn khế tự tâm, trọn chẳng thể dùng tri kiến tự đại, tự phụ để ẩn khế tự tâm. Đó là chẳng tương ứng.

*(Kinh) Nãi chí bất khả dĩ bất xả dị niệm chư vật, nhi năng thành tựu tư duy dã.*

**(經)乃至不可以不捨異念諸物，而能成就思惟也。**

*(Kinh: Cho đến chẳng thể do không xả ý niệm khác về các vật mà có thể thành tựu tư duy được).*

Sự tư duy này là chánh tư duy. Nếu chẳng tùy thuận tri kiến của Như Lai để chánh tư duy, tri kiến mà chúng ta nương vào đều là tư duy bất chánh! Nếu là tư duy bất chánh, sẽ tạo thành cái gọi là “tà kiến vọng tưởng”. Nếu chánh tư duy, chánh ngữ tất nhiên hiện tiền, chánh nghiệp và chánh mạng tất nhiên thành tựu. Do sanh ra chánh niệm, sẽ có chánh định và chánh trí. Vì thế, tự nhiên thông suốt Bát Chánh Đạo, một mực thủ hộ.

*(Kinh) Hiền Hộ! Thị cố, ngã kim dĩ thử tam-muội, phó chúc thế gian chư thiên vương bối, thọ trì, thủ hộ, diệc phó u nhữ, đương lai tuyên bố, vật linh đoạn tuyệt.*

**(經)賢護！是故，我今以此三昧，付囑世間諸天王輩，受持守護，亦付於汝，當來宣佈，勿令斷絕。**

*(Kinh: Nay Hiền Hộ! Vì thế, ta nay đem tam-muội này phó chúc cho các vị thiên vương trong thế gian thọ trì, thủ hộ, cũng giao phó cho ông tuyên diễn, lưu truyền trong tương lai, đừng để đoạn tuyệt).*

Ở đây, đức Thế Tôn căn dặn các vị thiên vương. Đối với đạo tràng Ban Châu này, rất nhiều vị có Thiên Định thường quán nơi này, yêu mến, bảo vệ nơi này. Mọi người tự giác hoặc không tự giác từ các nơi trên toàn quốc gạt bỏ mọi việc, buông xuống thân tình để đến đạo tràng này, cũng phần nhiều là được các vị thiên thân, long thiên hộ pháp, thiện tri thức gia trì, mới có sức đến đây. Nếu chỉ dựa vào nghiệp duyên của chính mình, chắc là người tìm đến rất thưa thớt! Đây là nói như thật. Nếu quý vị cho rằng [nói như vậy] là khoa trương, thì đó là khoa trương. Nếu chẳng cho đó là khoa trương, tức là quý vị có thiện căn.

Đức Thế Tôn căn dặn các vị thiên vương, vì so với các hữu tình trong thế tục, so với các loại phàm phu hữu tình, thiên vương vẫn có oai đức hơn. Chư thiên hộ pháp muốn ảnh hưởng đến huyền mộng của nhân

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

loại, cho đến tạo nghiệp hết sức thiện xảo, đối với họ, [thực hiện các điều đó] rất đơn giản. Vì thế, trong quá khứ có Lục Niệm, tức “*niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Huệ, niệm Tử, niệm Thiên*”. Người tại gia đều niệm phước đức của chư thiên, vì sao? Vì loại thiên chúng ấy phần nhiều được bậc Thập Địa Bồ Tát thủ hộ, ứng hóa trong thế gian, chư Phật phần nhiều giao phó [việc hộ pháp] cho họ.

“*Chúc lụy*” (囑累) chính là căn dặn, truyền đạt, giao phó quý vị: Quý vị phải thủ hộ khiến cho pháp tắc này tiếp tục tồn tại. Ở đây, đức Thế Tôn là căn dặn Hiền Hộ Bồ Tát truyền đạt pháp tắc này, khiến cho nó được tồn tại lâu dài. Hiền Hộ Bồ Tát là vị đứng đầu truyền đạt giáo ngôn này trong năm trăm vị tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, cũng như là Thượng Thủ của mười sáu vị Chánh Sĩ, tám vị Đại Sĩ. Vì thế, đức Phật căn dặn vị này (Hiền Hộ Bồ Tát), thay vì căn dặn năm trăm tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di hoằng truyền pháp này, mà cũng là căn dặn tám vị Đại Sĩ, mà cũng là căn dặn mười sáu vị Chánh Sĩ. Hơn nữa, đức Thế Tôn minh xác căn dặn các vị thiên vương, họ cũng là người đại diện. Đức Thế Tôn dùng chư thiên để đại diện thiên long bát bộ, cho đến hàng nhân phi nhân, khiến cho họ thủ hộ rộng lớn.

***(Kinh) U thị, Thế Tôn thuyết tư pháp thời, hữu bát na-do-tha Dục Sắc Giới chư thiên tử, giai phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm.***

**(經)於是，世尊說斯法時，有八那由他欲色界諸天子，皆發阿耨多羅三藐三菩提心。**

***(Kinh: Ngay lúc đó, khi đức Thế Tôn nói pháp ấy, có tám na-do-tha các vị thiên tử trong Dục Giới và Sắc Giới đều phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm).***

Đối tượng để tuyên nói trong kinh Đại Tập là hai cõi Dục Giới và Sắc Giới, chẳng tuyên nói trong Vô Sắc Giới.

Đại Tập bao gồm hai ý:

- Một là chỉ hữu tình trong hai cõi Sắc Giới và Dục Giới, tuyên nói trong hàng trời, người.

- Một ý nghĩa khác là nói đến chuyện mọi người tu tập nghe pháp, như đã trần thuật trong Tự Phần của kinh này: Chư thiên, các vị thánh nhân, các tỳ-kheo, các vị trưởng giả, con của các vị trưởng giả, quốc

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2**

vương, chúng tánh Bà La Môn, chúng tánh Sát-đế-lợi, nhân phi nhân v.v... Các loại chúng sanh tập hợp tại Trúc Lâm Tinh xá, nghe đức Thế Tôn tuyên nói giáo ngôn rất sâu này, dự vào chỗ tụ tập to lớn này.

Hai ý nghĩa của Đại Tập được nêu rõ ở đây!

**(Kinh) Phục hữu vô lượng bách thiên nhân, diệc phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm. Nhiên nhi tư bối, giai ư vị lai quá Hằng sa kiếp, tận đắc thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, giai đồng nhất hiệu, danh Chánh Giải Thoát Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, trụ thế giáo hóa, thọ mạng diệc đẳng.**

**(經)復有無量百千人，亦發阿耨多羅三藐三菩提心。**

**然而斯輩，皆於未來過恆沙劫，盡得成就阿耨多羅三藐三菩提，皆同一號，名正解脫如來、應供、等正覺，住世教化，壽命亦等。**

*(Kinh: Lại có vô lượng trăm ngàn người cũng phát tâm A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Nhưng những người ấy, trong vị lai, qua khỏi Hằng sa kiếp, trọn hết đều được thành A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, đều có cùng một hiệu là Chánh Giải Thoát Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, trụ thế, giáo hóa, thọ mạng cũng như nhau).*

Giống như trong kinh Vô Lượng Thọ đã thọ ký danh hiệu Diêu Âm Như Lai. Người niệm Phật, người tu trì pháp tác rộng lớn này, luôn cùng một ngàn vị Phật chẳng hề trở ngại lẫn nhau, ai nấy đều thành Phật, lợi ích hữu tình rộng khắp. Sự giáo hóa và lợi ích của các Ngài thật sự là như thế, giống như huấn luyện tập thể, chẳng ảnh hưởng tới chuyện quý vị thành Phật. Nếu quý vị nói: “Mọi người đều đã thành Phật, tôi chẳng thành Phật”, đó là nghiệp ngu si, tâm ngu si, hạnh điên đảo. Dẫu cho vô lượng chúng sanh thành Phật, ta vẫn thành Phật. Vì sao? Vì đây là pháp tác bản chất, chẳng phải là nghiệp duyên hư vọng.

**(Kinh) Hiền Hộ! Dĩ tư sơ phát Bồ Đề tâm cố.**

**(經)賢護！以斯初發菩提心故。**

*(Kinh: Này Hiền Hộ! Do những người ấy mới phát Bồ Đề tâm).*

“*Tư sơ phát Bồ Đề tâm*” (Những người đó mới phát Bồ Đề tâm). Vì sao? Vì gặp pháp này và giáo ngôn này. Nay chúng ta cũng gặp đức Thế Tôn nói pháp như thế, giáo ngôn như thế, chúng ta có phát tâm A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề hay không? Phần văn tự sau đó đúng là đã khích lệ chúng ta cũng phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm, cũng tức là cái tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, xa lìa siểm khúc, xa lìa tri kiến đối đãi tự tha, xa lìa thương tổn. Người học Phật nhất định chớ nên thương tổn chính mình. Nói “*gạt bỏ tự ngã*” chẳng phải là tự hại. Nếu cưỡng chấp tự ngã, cho là có ngã, nhất định sẽ tự tàn hại chính mình, hoặc bị hại vì thiện pháp, hoặc do vì [chấp trước] nặng nề mà bị hại, hoặc bị ác pháp hại, các thứ nguy hại đều gây nguy hại cho chính mình.

Chư vị thiện tri thức hãy khéo học Phật pháp, xa lìa cái gọi là “*tổn hại tự ngã*”, tức cưỡng chấp tự ngã. Hai gánh nặng của chúng ta, một là gánh nặng trần bảo, tức là quý vị tự cho rằng chính mình luôn đúng. Thứ kia là gánh nặng rác rưởi, tức quý vị cho rằng người khác đều sai be bét. Hai gánh nặng ấy sẽ đè chết người. Xưa kia, người Hoa có nói: “*Thôi thiên liễu tam tòa đại sơn*” (Xô đổ kèn ba quả núi lớn). Trên thực tế, nay thân chúng ta bị đè bởi hai quả núi:

- Một là những thứ trần bảo do chính mình thâm thập, chẳng hạn trần bảo “ngỡ chính mình là đúng”, trần bảo chánh kiến, trần bảo “ngỡ là có sở đắc”, chẳng phải là những thứ tốt đẹp, quý vị tuyệt đối chẳng thâm thập. Các thứ trần bảo ấy là một quả núi to, ở bên vai trái của quý vị.

- Thứ kia là những điều xấu xa của kẻ khác: Người khác ác, người khác đúng, người khác sai, không ngừng thâm gom. Sau đây, đúng là hai vai mỗi bên đều nặng trĩu, chẳng biết nó sẽ đè sụm chính mình hay không? Quý vị gồng gánh lâu ngày, khi sụm xuống sẽ khổ lắm!

Tác phẩm *Phù Bản Truyện* (蜉蝣傳) của Liễu Tông Nguyên<sup>13</sup> nhằm khen ngợi, ca tụng loại người ấy, nhưng người như thế ở quanh ta

---

<sup>13</sup> Liễu Tông Nguyên (773-819), tự là Tử Hậu, là một văn học gia, tư tưởng gia thời Đường. Ông quê Hà Đông, tỉnh Sơn Tây, làm quan đến chức Giám Sát Ngự Sử đời Đường. Do tích cực tham dự cuộc cách tân do Vương Thúc Văn đề xướng dưới đời Đường Thuận Tông (bãi bỏ quy chế cho phép thái giám can dự triều chính, trừ bỏ các phe đảng thái giám trong triều đình, bỏ chế độ tiến cống, bãi bỏ nữ nhạc v.v...) Cuộc cách tân thất bại, ông bị biếm làm Tư Mã Vĩnh Châu (Hò Nam), rồi bỏ làm Thứ Sử Liễu Châu (nay thuộc Quảng Tây) và mất tại đó. Ông để lại tác phẩm *Liễu Hà Đông Tập* (45 quyển) và *Cổ Kim Thi* (gồm 140 bài). Thơ của ông được khen ngợi là tình cảm chân thành, thi pháp điêu luyện, có nhiều bài phê phán hiện thực xã

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2**

quá nhiều, chính là “*hễ gặp vật gì bèn còng lưng cõng*”. Gặp thứ gì cũng đều tự mình bắt lấy, để làm gì? Vác nặng mà đi, trọn chẳng vứt bỏ, bị đẽ sụm mới thôi! Sau đó trèo lên cao, để làm gì? Ngã chết mới thôi! Người học Phật kiêu đó đúng là đáng thương. Vì thế, “*người ấy mang tiếng là danh nhân, thật ra là tiểu trùng mà thôi!*” Mọi người hãy đọc [tác phẩm ấy], hãy nên tự răn nhắc chính mình. Nếu chúng ta nay thật sự do nhân duyên này mà phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm, sẽ xa lìa hết thảy các chuyện trái lương tâm, tức là chuyện nguy hại cho tự ngã, bỏ lìa Ngã Chấp, tức tình kiến của chúng sanh, cũng chính là “*Phú-già-la kiến*” đã nói trong phần trước. Cái chúng sanh kiến này chính là vấn đề đầu tiên phải giải quyết trong Phật pháp, nhưng đối với khá nhiều hữu tình chẳng có tri kiến chánh đáng, đó là chương ngại đầu tiên: “Chỉ có ta đúng, kẻ khác sai bét”, chẳng có lời thứ hai nào! Tất cả hành pháp đều vây quanh hai chữ “đúng, sai”, một đằng là ta, đằng kia là kẻ khác. Ta đúng, kẻ khác sai. Hai thứ đối ứng ấy chẳng hề lìa bỏ, quá nặng nề! Tôi cảm thấy mọi người hãy nên che chở người như vậy, mạnh mẽ che chở. Vì sao? Người như vậy quá khổ, tạo nghiệp vô lượng, chẳng thể tu tập Phật pháp, lại còn chẳng thể phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm, đáng tiếc! Ở đây, kinh văn cổ vũ chúng ta phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm.

*(Kinh) Thượng đắc như thị vô lượng công đức, cụ túc thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Huống phục ngã tích hành Bồ Đề thời, cúng dường ngã giả, bỉ ninh bất tốc thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề dã!*

**(經)尚得如是無量功德，具足成就阿耨多羅三藐三菩提。況復我昔行菩提時，供養我者，彼寧不速成就阿耨多羅三藐三菩提也！**

*(Kinh: Còn đạt được vô lượng công đức như thế, thành tựu đầy đủ A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Huống hồ những người trong khi ta hành Bồ Đề xưa kia, đã từng cúng dường ta, há họ chẳng nhanh chóng thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề ư!)*

---

hội thối nát thời bấy giờ. Ông được coi là người có ảnh hưởng mạnh nhất đến sáng tác văn xuôi của Trung Hoa.



Nếu trong quá khứ có thiện căn, gặp được giáo ngôn như vậy, chỉ là Sơ Phát Tâm Bồ Đề mà có thể đạt được cái quả như thế. Huống hồ những người đã từng cúng dường đức Thế Tôn khi Ngài ứng thế? Do thiện căn rộng lớn ấy, quyết định xa lìa khổ nạn, xa lìa điên đảo, xa lìa tự hại và hại người khác, phát tâm Bồ Đề thanh tịnh, chính là tâm Bồ Đề vô nhiễm, Thắng Nghĩa Đé Bồ Đề tâm, chẳng tạo tác Bồ Đề tâm. Nếu là tạo tác Bồ Đề tâm, sẽ thế nguyện lợi ích hữu tình rộng lớn, chẳng nhiễm, chẳng chấp trước. Đó là lập thế nguyện rộng lớn trong tạo tác Bồ Đề tâm phần, đại thế nguyện gì vậy? “*Chúng sanh độ hết, mới thành Phật đạo. Chúng sanh vãng sanh, ta thành Bồ Đề*”. Đây là thật sự lấy Phật nguyện làm nguyện của chính mình, phát thế nguyện rộng lớn, yêu mến thế gian. Nếu nương theo nguyện như vậy, chúng ta có phiền não gì? Có thị phi gì? Có thống khổ gì? Có gì chẳng thể chịu đựng? Quý vị có thể khéo quan sát, khéo tư duy.

*(Kinh) Hiền Hộ! Phục hữu vô lượng vô biên chúng sanh, văn thuyết thủ pháp đắc tịnh trí nhĩn.*

**(經)賢護! 復有無量無邊衆生, 聞說此法得淨智眼。**

*(Kinh: Nay Hiền Hộ! Lại có vô lượng vô biên chúng sanh, nghe nói pháp này, bèn đạt được pháp nhĩn thanh tịnh).*

“*Đắc tịnh trí nhĩn*” tức là đạt được Pháp Nhĩn tịnh, mở bừng con mắt thanh tịnh, sạch lâu chẳng có một vật nào để có thể thành, chẳng có một pháp nào để có thể đạt được. Vì thế, đối với người tâm trí an lạc, đối với tất cả các vật trông thấy, đều chẳng sanh phiền não. Tất cả đó kỵ, phiền não, thị phi, nhân ngã lập tức tiêu tan trong trí nhĩn thanh tịnh. Vì tâm chẳng thanh tịnh, mắt chẳng thanh tịnh, sự tướng cũng chẳng thanh tịnh. Do tâm thanh tịnh, mắt thanh tịnh, y phục thanh tịnh, các nhân duyên chung quanh an lạc thanh tịnh.

Chư vị thiện tri thức! Chúng ta tới đây, khẳng định là để học Phật pháp, tu tập Phật pháp, thành tựu Bồ Đề, tự lợi lẫn lợi tha, nhất định phải nhận rõ mục tiêu này. Nếu chẳng nhận rõ, sẽ bị khá nhiều ác duyên nghiệp tập của chính mình xâm hại đạo tràng. Vì thế, chúng ta ngàn dặm xa vò vọi, muôn dặm thăm thăm đến nơi đây, phải nên phát khởi sự thủ hộ thanh tịnh đối với đạo nghiệp, tu tập thanh tịnh, phát nguyện thanh tịnh để thủ hộ đạo tràng, yêu mến đạo tràng. Đừng gieo quả báo xấu ác phá diệt đạo tràng. Rất nhiều kẻ chẳng biết, làm tưởng là đúng. Quả báo

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2**

ấy rất thâm. Vì thế, các vị thiện tri thức ơi! Yêu mến và bảo vệ đạo tràng rất trọng yếu, thủ hộ đạo tràng rất trọng yếu, có thể đạt được thiện xảo thanh tịnh nơi đạo nghiệp. Do vậy, rất là trọng yếu.

*(Kinh) Phục hữu bát bách chư tỳ-kheo đẳng, u chư lậu trung, tâm đắc giải thoát.*

**(經)復有八百諸比丘等，於諸漏中，心得解脫。**

*(Kinh: Lại có tám trăm vị tỳ-kheo, đối với các lậu, tâm được giải thoát).*

Tham, sân, si, mạn, nghi, tri kiến chẳng chánh đáng, cho đến các Tùy phiền não của chúng ta, đều là nghiệp tướng hữu lậu, là tâm trí đối đãi, đều là hữu lậu trong tâm trí sanh diệt! Thuở đức Thế Tôn tại thế, các phạm phu hữu tình nơi nơi cũng đều là như thế, nhưng khi nghe chánh pháp, họ sẽ thuận theo pháp mà hành, thuận theo pháp mà tư duy, thuận theo pháp mà tu trì, thuận theo pháp mà chứng đạo, thành tựu Bồ Đề. Khi nghe pháp, chúng ta phải nên quan sát như thế nào? Tư duy như thế nào? Hành trì như thế nào? Vẫn cần mọi người phải xét kỹ từ chánh diện.

*(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn vị trùng minh thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Thùy đương thọ trì thử tam-muội, bỉ u phước tụ bất khả lượng.*

**(經)爾時，世尊爲重明此義，而說偈言：「誰當受持此三昧，彼於福聚不可量。」**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn vì nhắc lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Ai sẽ thọ trì tam-muội này, người ấy khối phước chẳng thể lường).*

Thật sự khích lệ chúng ta: “Thùy đương thọ trì thử tam-muội” (Ai sẽ thọ trì tam-muội này), khẳng định là đại chúng hiện tiền! Người sẽ phát, đã phát, hãy nên phát nguyện, hãy nên thủ hộ như thế, hãy nên tu tập như thế. “Bỉ u phước tụ bất khả lượng” (Người ấy khối phước chẳng thể lường): Chẳng phải là đức Thế Tôn dùng khối phước để dụ chúng ta tiến nhập pháp tắc, mà thật sự là phước đức và nhân duyên như thế, quả

thật là công đức và lợi ích chân thật. Quý vị có thể tu tập, có thể quan sát, có thể thủ hộ.

*(Kinh) Tư đẳng giới hạnh vô trần cấu, bốn tâm thanh tịnh do như kính.*

**(經)斯等戒行無塵垢，本心清淨猶如鏡。**

*(Kinh: Bốn họ giới hạnh chẳng trần cấu, bốn tâm thanh tịnh ví như gương).*

Do bốn tâm thanh tịnh, có thể trì các giới hạnh. Do có thể trì các giới hạnh, bốn tâm thanh tịnh. Vì sao? Do pháp tương ứng.

*(Kinh) Thùy đương thọ trì thị tam-muội, đa văn thâm quảng vô biên nhai.*

**(經)誰當受持是三昧，多聞深廣無邊崖。**

*(Kinh: Ai sẽ thọ trì tam-muội này, đa văn sâu rộng không ngăn mé).*

Ai thọ trì thì người ấy đạt được lợi ích. Đức Thế Tôn nói chân thật như thế, trực tiếp thúc đẩy chúng ta tiến nhập lợi ích của pháp tắc này.

*(Kinh) Trí huệ tự nhiên vô khuyết giảm, công đức thịnh mãn nhược minh nguyệt.*

**(經)智慧自然無缺減，功德盛滿若明月。**

*(Kinh: Trí huệ tương ứng chẳng khuyết giảm, công đức tràn đầy như trăng sáng).*

Đây là đối trước người thọ trì tam-muội mà trực tiếp tán thán, hứa khả, và ấn khế lợi ích của nó.

*(Kinh) Thùy đương thọ trì thị tam-muội, đắc đở chư Phật bất tư nghị. Trí huệ quán sát hy hữu pháp, bất tư nghị nhân giai thủ hộ.*

**(經)誰當受持是三昧，得睹諸佛不思議。智慧觀察希有法，不思議人皆守護。**

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2**

*(Kinh: Ai sẽ thọ trì tam-muội này, được thấy chư Phật chẳng nghĩ bàn. Trí huệ quan sát pháp hy hữu, người chẳng nghĩ bàn đều thủ hộ).*

“*Bất tư nghị nhân giai thủ hộ*” (Người chẳng nghĩ bàn đều thủ hộ): Nói đến “*tư nghị*”, con người phần nhiều là nghĩ bàn tà kiến, nghĩ bàn ác kiến, tức là nghĩ bàn do cưỡng chấp Ngã. Nghĩ bàn cưỡng chấp sẽ rất đau khổ. Vì sao? Do chẳng có trí huệ. Dùng cái tâm đắm nhiễm để quan sát, rất đau khổ! Dùng cái tâm thanh tịnh vô nhiễm để quan sát, người ấy sẽ được giải thoát, trụ trong an lạc. “*Trí huệ quán sát hy hữu pháp*” (Dùng trí huệ quan sát pháp hiếm có): Tức là quan sát thanh tịnh, chẳng nhiễm, chẳng chấp trước, quan sát rộng lớn chẳng nhiễm, chẳng chấp trước, quan sát rất ráo chẳng nhiễm, chẳng chấp trước. Do đó, “*trí huệ quán sát hy hữu pháp, bất tư nghị nhân giai thủ hộ*” (trí huệ quan sát pháp hiếm có, người chẳng nghĩ bàn đều thủ hộ): Trí huệ vốn chẳng suy nghĩ, bàn luận pháp chẳng nghĩ bàn, nhưng do tập quán tư duy hư vọng của chúng sanh, đức Thế Tôn mới nói trí bất tư nghị, nói ra pháp tắc bất tư nghị, nói thiện xảo bất tư nghị, khiến cho chúng sanh tùy thuận tiến nhập.

*(Kinh) Thùy thường thọ trì thử tam-muội, tăng kiến vô lượng chư Thế Tôn.*

**(經)誰常受持此三昧，曾見無量諸世尊。**

*(Kinh: Ai từng thọ trì tam-muội này, từng thấy vô lượng các Thế Tôn).*

Đức Thế Tôn không ngừng nêu ra “*ai thường thọ trì tam-muội này*”, chính là không ngừng nhắc nhở chúng ta. “*Tăng kiến vô lượng chư Thế Tôn*” (Từng thấy vô lượng các Thế Tôn): Đây cũng là thọ ký. Nếu là người thọ trì tam-muội này, [người ấy đã] từng thấy vô lượng các đức Thế Tôn. Chúng ta gặp gỡ pháp tắc tam-muội như vậy, quả thật có thiện căn đã từng gặp vô lượng chư Phật. Nếu quý vị không tin, có thể đọc lời thọ ký trong kinh điển. Nếu quý vị nói: “Ta chẳng tin lời Phật”, vậy thì chẳng cần xưng mình là Phật tử nữa, quý vị đang chống trái Phật. Nếu chống trái Phật mà vẫn nói “ta đang học Phật”, sẽ quá đau khổ! Có kẻ không chỉ chống trái Phật, mà còn biến đổi Phật, thậm chí toan vượt hơn Phật. Trong giới cư sĩ lẫn người xuất gia, đều có kẻ nói sẽ “vượt xa Phật”. Vì sao? Chẳng lấy giáo ngôn của Phật làm pháp tắc, chỉ do tâm trí

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

cuồng vọng của chính mình mà nói “Phật nói như thế này, Phật nói như thế nọ”, đều là nói cưỡng chấp. Đức Phật nói lời thanh tịnh, lời từ bi, lời phương tiện, lời lợi ích rộng khắp, lời lợi ích chúng sanh, lời khiến cho chúng sanh lia khô, được vui, còn loại hữu tình ấy (hữu tình toan vượt hơn Phật) nói gì? Lời điên đảo, lời cuồng vọng, lời tăng thượng mạn, lời khiến cho chúng sanh mê mât và sợ hãi. Loại hữu tình ấy tuy nói xoèn xoét là học Phật, thật ra chẳng phải là người trong Phật pháp. Chúng ta biết: Người nhập chủng tánh Phật, Tín Nhân, Thuận Nhân, sẽ cùng lúc được thấy, vì tôn trọng, yêu thích hữu tình, tôn trọng pháp tánh, biết hết thấy chúng sanh vốn là Phật, cho nên có thiện xảo Tín Nhân và Thuận Nhân. Pháp Tịnh Độ nói về thanh tịnh, bình đẳng, nói “*hết thấy chúng sanh đều có thể vãng sanh*”. Chỉ có từ trong Tín Nhân và Thuận Nhân thì mới có thể tùy thuận tri kiến như vậy, mới có thể nhập Phật tri kiến, mới có thể vào biển thệ nguyện của Phật. Nếu không, quý vị sẽ đi ngược đường, sẽ đề ra tà kiến “người ta có thể vãng sanh bằng cách nào” như thế đó. Vì sao? Quý vị chẳng tin “*hết thấy chúng sanh đều có Phật tánh*”. Lại càng chẳng tin “*hết thấy chúng sanh vốn sẵn là Phật*”, lại càng chẳng tin đại nguyện nghiệp lực của A Di Đà Phật thâm nhiếp trọn khắp mười phương chẳng vướng mắc, chẳng trở ngại, lại càng chẳng tin Phật là đáng Vô Úy Thí, là đáng phương tiện thí, là đáng bố thí rất ráo, là đáng thí sự chọn lựa, là đáng thí lợi ích thanh tịnh. Người như vậy sẽ chẳng đạt được lợi ích nơi Phật pháp.

***(Kinh) Bĩ Phật thuyết pháp nan xưng lượng, giai đương phụng thừa tu cúng dường.***

***(經)彼佛說法難稱量，皆當奉承修供養。***

***(Kinh: Phật thuyết pháp khó thể tính kể, đều nên phụng sự và cúng dường).***

Nếu chúng ta thật sự muốn cúng dường Phật pháp, hãy nên cung kính đánh lễ đức Thế Tôn, cung kính Phật pháp, tu tập Phật pháp, thủ hộ Chân Như. Vì thế, nơi sự tướng, thường lễ kính chư Phật, dùng hoa tươi, đèn, đuốc, thức ăn ngon lành, và các thứ trân bảo để cúng dường, yêu mến, thủ hộ, tán thán không ngớt. Trong tâm trí, thủ hộ y hệt, chẳng có đôi đũa, tôn trọng hết thấy hữu tình dường như chư Phật Thế Tôn. Đây có phải là điềm chú trọng chủ chốt hay không? Bản thân chúng ta hãy xét kỹ tự tâm, quan sát pháp tắc được thủ hộ.

*(Kinh) Thùy năng thọ trì thử tam-muội, bỉ vi thế gian tác đăng quang.*

**(經)誰能受持此三昧，彼爲世間作燈光。**

*(Kinh: Ai hay thọ trì tam-muội này, bèn làm đèn sáng cho thế gian).*

Chúng ta biết thế gian này đã bị các thứ như tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến che lấp, là thế gian hắc ám. Gọi là “hắc ám” là vì nếu chúng sanh chẳng xa lìa loại cát bụi này, sẽ bị khuất lấp. Nếu tâm trí trí huệ sanh khởi, sẽ có thể chiếu soi thế gian, làm ngọn đèn vô tận, từng ngọn đèn tiếp nối nhau, tiếp nối huệ mạng, lợi ích thế gian rộng lớn.

*(Kinh) Đại bi như tư bạt chúng sanh, sở hữu Thế Tôn tất cúng dường.*

**(經)大悲如斯拔衆生，所有世尊悉供養。**

*(Kinh: Đại bi như thế cứu chúng sanh, tất cả Thế Tôn đều cúng dường).*

Đây là pháp tắc thủ hộ của mười phương chư Phật. Nếu chúng ta thật sự tu tập pháp tắc này, chư Phật sẽ đều cúng dường quý vị. Nhưng nếu chúng ta muốn tạo thị phi, tranh đấu, dẫu một giọt nước cũng khó tiêu! Trong giáo ngôn, đức Thế Tôn đã dạy: Nếu ai tùy thuận pháp, thủ hộ pháp, tu tập pháp, vàng ròng dày vạn trượng cũng có thể tiêu! Nếu đối với Phật pháp mà chẳng tu tập, chẳng thủ hộ, chẳng yêu mến, giọt nước cũng khó tiêu, bất luận quý vị là thân phận gì. Thân phận chẳng ăn nhập chi cả, pháp ích rất tương ứng. “Sở hữu Thế Tôn tất cúng dường” (Tất cả các đức Thế Tôn đều cúng dường), nhất định đừng nghĩ đây chỉ là một câu nói suông phù phiếm, tôi tin sâu chẳng nghi. Nếu không tin, chúng ta sẽ rất khó hành pháp. Nếu chẳng tin lời dạy của Phật, chúng ta rất khó làm đệ tử của Phật Đà! Bất luận hiện tướng gì, nếu chẳng phải là đệ tử của Phật Đà, làm thế nào mới có thể tiêu được thức ăn được cúng thí trong tự viện? Pháp tắc mà chúng ta thủ hộ đều là do phước đức của Phật Đà ban bố. Nếu quý vị nói chính mình giỏi hơn đức Thế Tôn, quý vị hãy nên kiến lập một giáo pháp ngoài giáo pháp của đức Thế Tôn, chẳng thể kiến lập một [thứ dị thuyết] trong giáo pháp của đức Thế Tôn!

*Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2*

Vì đức Phật đã giao phó hai mươi năm phước đức cho những người tu tập trong đời Mạt Pháp, đương nhiên Tăng chúng được đức Thế Tôn trân trọng hơn. Sự trân trọng ấy là vì mong cho Phật pháp trụ thế. Do vậy, [Tăng chúng] là nội quyền thuộc thực thi giáo ngôn. Tuy là như thế, đối với mọi người hành pháp thì đức Phật đều thật sự yêu thương, che chở y hết như nhau. Nếu chúng ta chẳng thấy xác thực ở chỗ này, sẽ nảy sanh cái tâm tăng thượng mạn, đâm ra chẳng thể tương ứng với pháp.

*(Kinh) Thùy năng thọ trì thử tam-muội, vị lai vô số chư thánh tôn. Nhược hữu Bồ Tát dục kiến giả, thanh tịnh tín tâm tu cúng dường.*

**(經)誰能受持此三昧，未來無數諸聖尊。若有菩薩欲見者，清淨信心修供養。**

*(Kinh: Ai hay thọ trì tam-muội này, vô số đức thánh đời vị lai. Nếu có Bồ Tát muốn gặp gỡ, tín tâm thanh tịnh tu cúng dường).*

Bồ Tát, long thiên cũng sẽ đến cúng dường như thế. Trong phần trước, chúng ta đã học điều này. Trong pháp này, nếu có người cầu gặp pháp này, hoặc là người đọc tụng, thọ trì kinh điển này, vì người khác giải nói, hoặc chúng đăc tam-muội này, lợi ích ấy rộng lớn bao trùm các loài nhân phi nhân, quý thân. Chư thiên, Bồ Tát, chư Phật Như Lai đều yêu thương, che chở, bảo vệ, nghĩ nhớ, hiện tiền v.v... Cho nên chẳng thể coi thường sự tu trì Niệm Phật tam-muội, Ban Châu tam-muội, Thập Phương Chư Phật Tát Giai Hiện Tiền tam-muội này. Vì sao? Thật sự thuộc về địa vị Phật, thật sự là Phật tánh, thật sự là pháp tánh, thật sự là Tăng tánh, thật sự là công đức tạng, thật sự là chỗ lợi ích chẳng thể nghĩ bàn!

*(Kinh) Thùy năng thọ trì thử tam-muội, bỉ thắng đăc lợi nan tư nghị. Thiện năng hạ sanh w nhân gian, thường đăc xuất gia thiện cầu thực.*

**(經)誰能受持此三昧，彼勝得利難思議。善能下生於人間，常得出家善求食。**

## **Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2**

(**Kinh:** Ai hay thọ trì tam-muội này, được lợi thù thắng khó nghĩ bàn. Khéo hay hạ sanh trong nhân gian, thường được xuất gia, khéo khát thực).

Trong phần kệ rất ngắn này, đức Thế Tôn dùng câu “*thùy năng thọ trì thủ tam-muội*” (ai có thể thọ trì tam-muội này) ở tám chỗ; sau đó, trần thuật khá nhiều công đức và lợi ích chẳng thể nghĩ bàn của tam-muội này. Đây là Ngài đã cảnh sách hiện tiền đại chúng và các hữu tình hữu duyên trong pháp này hãy tới thọ trì tam-muội này, tu tập tam-muội này. Tuy đức Thế Tôn đã rất miêng buốt lòng như thế, chẳng ngừng tỉ mỉ tuyên nói trọn vẹn rộng khắp pháp ích và hành pháp cho chúng ta, nhưng trong tâm linh của chúng ta, có kẻ được kích phát sâu nặng, có kẻ mỏng ít, có kẻ trợ trợ vô cảm, cũng có kẻ lần đầu được nghe, cảm thấy trọn chẳng liên can gì đến mình! Tuy là hoàn toàn chẳng liên can, vẫn là chủng tánh Bồ Đề, chân thật chẳng thể nghĩ bàn, hễ thoáng qua tai, vĩnh viễn trở thành hạt giống đạo. Chư vị thiện tri thức ơi! Quyết định chớ nên bỏ phế ở chỗ này, chớ nên dễ dãi lướt qua. Nếu chúng ta được nghe một lần, hai lần, ba lần, hãy nên thật sự hành trì, tu tập nó.

Có nhiều vị Bồ Tát đã sớm hành trì pháp này, cũng có thể là do thiện căn trong quá khứ, ví như Hiền Hộ Bồ Tát, tám vị Đại Sĩ, cho đến năm trăm vị tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di đối trước đức Thế Tôn phát nguyện cho đến hết đời vị lai sẽ truyền bá pháp này, thủ hộ pháp này, tu tập pháp này, cho đến giải nói, giáo hóa hữu tình, khiến cho họ thành A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Cũng có thể là năm trăm vị ấy đang hiện diện nơi đây, ai biết? Phật biết. Ai biết? Người hoàng truyền biết. Ai biết? Nếu là người có tam minh tứ trí sẽ biết. Biết như thế nào? Chẳng mai một, mê muội tâm trí, chẳng xả thế nguyện mà tiếp tục thực hiện đến tận tương lai. Chúng sanh do nghiệp tận Phần Đoạn Sanh Tử, sanh sanh tử tử, luân hồi chẳng ngơi. Bồ Tát dùng nguyện lực là chỗ nương tựa cho sanh mạng, kéo dài đến vị lai. Do hết thấy chư Phật an trụ trong đại nguyện, thành tựu chân thật, dùng tam-muội-da giới chiếu sáng mười phương, an trụ trên kim cang pháp tòa, ngự trên Bồ Đề tòa, lợi ích khắp mười phương mà chẳng lìa pháp tòa, đều do nương vào thế nguyện mà kiến lập.

Vì thế, chúng ta tu tập pháp này, nếu chẳng nương vào sức thế nguyện để thủ hộ tam-muội lực này, hoặc là nếu chẳng thật sự yêu mến pháp tác này, chúng ta sẽ chẳng thể giống như chư Phật, Bồ Tát lợi ích thế gian rộng khắp, cứu vớt chúng sanh khổ nạn, ban cho chúng sanh an



lạc và vui sướng, ban cho chúng sanh phước đức đề trang nghiêm. Nếu là một người học Phật như thế, muốn thật sự tương ứng, sẽ rất khó!

*(Kinh) Thùy năng hộ trì thử tam-muội, bỉ thọ đa phước bất tư nghị. Phục năng trụ trì ư tương lai, hoạch tư công đức tối hậu lợi.*

**(經)誰能護持此三昧，彼受多福不思議。復能住持於將來，獲斯功德最後利」。**

*(Kinh: Ai hay hộ trì tam-muội này, sẽ hưởng nhiều phước chẳng nghĩ bàn. Lại hay trụ trì trong tương lai, đạt được công đức lợi sau rốt).*

Vô thượng đại lợi, lợi ích rốt ráo chính là “tối hậu lợi”. “Phục năng trụ trì ư tương lai” (Lại có thể trụ trì trong tương lai), tức là có thể khiến cho pháp này được tồn tại trong tương lai. Trong phần trước, đức Thế Tôn đã thọ ký, dạy chúng ta: Thuở đức Thế Tôn tại thế, có năm trăm vị [tăng ni, cư sĩ nam nữ], tám đại Chánh Sĩ phát nguyện hoằng truyền pháp này cho đến hết đời vị lai, thành tựu vô lượng vô biên chúng sanh, khiến cho họ đều do pháp tác này mà đắc bất thoái chuyển nơi A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, cho đến có thể thành tựu. Nay chúng ta có hiện duyên này, tôi thiểu là đã được nghe lời dạy như thế, giải nói giáo ngôn như thế, trao đổi giáo ngôn như thế, cho đến có nhiều vị thiện tri thức cũng đang tu tập giáo ngôn ấy, thật sự là phước đức thù thắng chẳng thể nghĩ bàn! Tuy là do oai đức của chư Phật gia trì khiến cho chúng ta thành thực, đó cũng là do cơ chế thiện căn thành thực, do công đức vốn sẵn có cũng thành tựu chẳng thể nghĩ bàn, cho nên hãy nên tự tôn (tự tôn trọng chân tánh của chính mình, tôn trọng cơ hội trong hiện duyên), tự khéo thủ hộ, đừng vì tri kiến [nông cạn, chấp trước] mà coi thường, hủy báng! Trong Phật pháp hiện thời, người tự tôn mười phần hiếm hoi! Nếu là kẻ trọn đủ hiện pháp, sẽ là Bồ Tát, sẽ là bậc giác ngộ, là bậc tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn, là người yêu mến thế gian, là người nhân bản trong Phật pháp, là người tạo lợi ích trong Phật pháp, là người có thể lựa chọn tự tại nơi quả vị. Loại hữu tình như thế tuyệt đối lợi ích thế gian chẳng sợ hãi, rộng hoằng truyền Phật pháp mà chẳng chán ghét.

Chư Phật Thế Tôn xuất hiện trong cõi đời, chẳng ngoài ý muốn khiến cho chúng sanh phát khởi niềm vui xuất thế rộng lớn thù thắng, như là “pháp lạc”, niềm vui do các Thiên Định, niềm vui từ bi, niềm vui

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

trí huệ, niềm vui phương tiện, cho đến các niềm vui diễn tả màu nhiệm, niềm vui lợi ích rộng khắp hữu tình. Các niềm vui ấy thật sự xa lìa nỗi khổ vì ngũ dục trong thế gian, nỗi khổ vô thường. Nhưng mọi người chúng ta thật sự đều ở trong tam đồ bát nạn, trong thế tục có nhiều khổ nạn, chúng sanh vì chẳng có niềm vui Phật pháp, cho nên tham cầu niềm vui thế tục. Đó cũng là chuyện tất nhiên. Nếu có niềm vui trong Phật pháp, các niềm vui khác thật sự chẳng thể sánh bằng, tự nhiên sẽ bỏ qua niềm vui vô ích trong thế tục. Vì sao? Do tạo nhiều nghiệp, dù thiện hay ác, thoát nhìn hơi vui sướng, chớp mắt liền hoại, lại thêm các nỗi khổ bức bách trong thời đại, càng khiến cho nghiệp luân hồi lừng lẫy!

Do vậy, đối với nội hàm thực chất của pháp tắc này, vẫn mong mọi người sau khi học tập, có thể thật sự thâm nhập tu tập, cho đến thành tựu tam-muội, hoặc là đích thân thấy chư Phật, thấy Phật nghe pháp, thiện căn thật sự thành thực, sẽ lợi ích trời, người rộng khắp, đạt được oai đức thiện xảo, bất luận là tâm trí hay lời nói, giáo pháp, tu trì, vô úy, của cải, hết thảy các thời, các chỗ, đều đạt được phương tiện. Vận dụng như thế chính là mục đích học tập Phật pháp, mà cũng là mục đích hành trì tam-muội của chúng ta.

### ***14. Phẩm thứ mười: Cụ Túc Ngũ Pháp***

Kinh điển là chủng tử Bồ Đề, là chủng tử kim cang, mà cũng là Phật tánh, Pháp tánh, Tăng tánh, là chỗ căn bản để chúng ta ấn khê tự tánh. Phật pháp hoàn toàn được chọn lựa ở nơi ấy, cội nguồn ở đây, là nơi có thể xuất sanh công đức của hết thảy chư Phật, có thể dưỡng dục hết thảy Bồ Tát, có thể lợi ích hết thảy chúng sanh. Nếu chúng ta khéo quan sát, khéo học tập, khéo thủ hộ, lợi ích ấy sẽ là chẳng thể nghĩ bàn!

Chúng ta thường vì hiện duyên mỏng ít, bèn coi duyên vị lai, hoặc cho rằng duyên thù thắng là sâu, phần nhiều đánh mất chỗ thật sự khế nhập Phật pháp của chính mình, tức là [khế nhập] ngay trong hiện tiền, cũng như cơ chế thật sự thành thực Phật pháp vẫn ở ngay trong hiện tiền. Cũng như cơ chế hoàn thiện thật sự vẫn là ngay trong hiện tiền. Thật sự lựa chọn vẫn là ngay trong hiện tiền. Thật sự truyền bá, chấp nhận, vẫn chẳng lìa hiện tiền. Hiện tiền tuy vẫn không ngừng tiếp nối, chẳng ngừng sanh diệt, thay đổi, nhưng đều chẳng rời hiện tiền! Đối với chuyện trong hiện tiền, niệm hiện tại, và bản thể của chính nó ngay trong hiện tiền, nếu nhận biết, chúng ta sẽ thấy phương tiện.

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

Kinh điển không gì chẳng phải là một phương tiện giúp cho chúng ta dùng ngoại cảnh để ấn khế tự tâm. Nếu tự tâm nhận biết ngoại cảnh, lúc cảnh và tâm như một, toàn thể kinh điển là tâm địa. Kinh điển miêu tả tâm trí của chúng ta. Toàn thể tâm trí được miêu tả trong kinh điển, bất nhị như vậy mà duy trì pháp tắc này. Chấp nhận pháp tắc này, tu tập pháp tắc này, truyền đạt, giải nói pháp tắc này, cho đến thành tựu pháp tắc này, quý vị sẽ học tập Phật pháp đặc lực, sẽ thật sự đặc lực nơi pháp tắc này.

Học Phật chẳng khó, nhưng ngay trong hiện tiền mà tôn trọng thì rất khó, vì phàm phu hữu tình phần nhiều dùng cái tâm mong mỏi cao xa đối với tương lai, chẳng biết sự chân thật trong hiện tại, phần nhiều coi hiện tại là yếu kém, phần nhiều vì duyên của chính mình yếu kém, bèn mong mỏi duyên khác, mong mỏi lúc khác, mong mỏi duyên thù thắng, mong mỏi quả thù thắng, mà đánh mất tự tôn, tự đắc, cũng như [đánh mất] Phật tánh tự nhiên trọn đủ. Đó chính là công đức vốn sẵn có của hết thảy chúng sanh. Đánh mất chính mình trong một niệm hiện tiền, khinh miệt chính mình, coi thường chính mình, khinh phạm chính mình. Trong quá trình học tập, chúng ta trang nghiêm đạo tràng, nghiêm trì nghi quỹ, hoặc là mọi người dùng cái tâm trang trọng, tâm nghiêm túc, tĩnh lặng, như bệnh nhân đối trước bậc y vương, như người bệnh nặng đối trước thuốc hay, như người trúng độc đối diện cam lộ, dùng cái tâm nghĩ tưởng “vĩnh viễn chẳng có cơ hội lần nữa, vĩnh viễn chẳng có duyên lần nữa” để nghe pháp, để trao đổi Phật pháp, để liễu giải tâm trí, thì tâm trí sẽ dễ được tỏ lộ.

Tâm trí tỏ lộ vốn là chuyện tuyệt đối chẳng thể lặp lại, mà cũng chẳng có lý do lặp lại, vì pháp chẳng có tự tánh, thời gian cũng chẳng có tự tánh, cho nên nó sẽ chẳng thể lặp lại. Chúng ta làm một việc, hoặc lao động, thoát nhìn dường như lặp đi lặp lại. Thật ra, vẫn chỉ là cái tâm lặp lại, do vọng tâm nhận biết, chấp lấy, cho là có lặp lại! Học tập lần này cũng giống như thế! Hễ duyên này kết thúc, cũng sẽ chẳng thể lặp lại, bất luận chúng ta dùng tâm tình như thế nào, đều là “hễ đi, sẽ chẳng trở lại”. Trong đời người, nếu nhận biết điều này, đối với mỗi chuyện, ngay trong mỗi niệm, đối với bản thể của niệm ấy, nếu chúng ta dùng cái tâm viên mãn, khi ấy sẽ ngay lập tức viên mãn, ngay lập tức trọn đủ, chính là bản thể của nó. Nếu chẳng dùng tâm trí viên mãn, chẳng duyên theo cái duyên ấy, mà duyên theo các thứ tưởng như vọng tưởng, tạp tưởng, nghiệp tập tưởng, ý tưởng chênh lệch chẳng đồng đều, ý tưởng mong làm chuyện cao xa, mong tưởng vị lai v.v... sẽ hứng chịu đủ thứ quả

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

báo, đủ thứ nhân duyên, đủ thứ tiếp nối. Lần này, chúng thường trụ tại Hằng Dương Am đã tốn rất nhiều công sức, cũng tốn rất nhiều thời gian. Mỗi ngày [đều phải chuẩn bị] đèn, đuốc, hoa tươi để đưa đón cúng dường, thật sự là công sức chẳng luống uổng, lợi ích chẳng thể mai một! Chư Phật, Bồ Tát sẽ gia trì, hết thầy hiền thánh đều nghĩ tưởng, hết thầy long thiên hộ pháp cũng sẽ thủ hộ.

Ngôn ngữ chẳng có cao hay thấp, sự cũng chẳng có lớn hay nhỏ, tâm trí tương ứng hay không mới là quan trọng nhất. Vì người học Phật chẳng có gì để học, chỉ là liễu giải tự tâm. Người học Phật chẳng có pháp gì để có thể đắc, chỉ là sự chân thật nơi tri kiến chẳng có tự tánh. Người học Phật cũng chẳng có gì để sợ hãi, chỉ là đối diện với mỗi niệm hiện tiền như huyễn. Trong cái hiện tiền như huyễn, như mộng ấy, quý vị dùng gì để vận dụng sanh mạng? Dùng gì để vận dụng trí huệ? Dùng gì để vận dụng tâm trí? Thật sự là bản thân mỗi người chúng ta đều phải nên xét kỹ, phải nên quan sát, phải nên thủ hộ, phải nên nhận thức sâu sắc, phải nên thủ hộ sâu sắc, quan sát sâu sắc, tôn trọng như thật, thủ hộ như thật, vận dụng như thật. “*Như thật*” là như thế nào? Tức là “*tự tôn*”, nghĩa là tự tôn trọng hiện duyên của chính mình giống hệt như tôn trọng chư Phật, tôn trọng hiện duyên giống hệt như tôn trọng lợi ích vãng sanh của chính mình. Điều này có mức độ khó khăn nhất định. Khó do nghiệp tập, khó do vọng tưởng che lấp. Nếu một khi trừ khử sự che lấp của phiền não nghiệp tập, vậy thì sẽ muôn dặm quang đăng, mặt trời rạng ngời chiếu rọi. Đó là tâm trí đã sáng suốt, chẳng vướng mắc gì, như mặt trời xoay chuyển trên không trung! Khi chúng ta học tập bản dịch kinh Ban Châu Tam Muội Đại Tập Hiền Hộ này cũng giống như thế. Bất quá nhờ vào sự tôn quý của kinh, nhờ vào sự chân thật của Pháp Bảo để liễu giải sự tôn quý và chân thật của tự tánh. Cũng như liễu giải sự tôn quý của nhất niệm hiện tiền, sự chân thật của nhất niệm hiện tiền, bản thể của hiện tiền. Quý vị sử dụng được thì sẽ gọi là “*chưa chứng tam-muội mà chẳng tách rời công đức của tam-muội*”. Do vậy, quý vị có thể nhận biết rõ ràng, vận dụng thành thực giáo ngôn của hết thầy chư Phật.

***(Kinh) Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Phần Cụ Túc Ngũ Pháp phẩm đệ thập.***

**(經)大方等大集賢護分具足五法品第十。**

***(Kinh: Kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Phần. Phẩm thứ mười: Đây Đủ Năm Pháp).***

Trong một phẩm này, đức Thế Tôn đã nhiều lượt nêu ra năm thứ pháp tắc để có thể thành tựu tam-muội này. Đây là sau khi trọn đủ ứng cúng, bèn tuyên nói giáo ngôn chân thật, vì trong cơ chế giáo ngôn của đức Thế Tôn, có pháp và có duyên thì mới có thể thực thi, mới có thể thủ hộ thành tựu. Duyên ấy là do dùng nghiệp tướng để nói? Hay là dùng tâm trí dấy khởi ý niệm để nói? Hay là dùng phước đức đầy đủ để nói? Ở đây, đức Thế Tôn đã thực hiện sự diễn luyện. Chúng ta hãy xem Ngài diễn luyện như thế nào?

*(Kinh) Nhĩ thời, Hiền Hộ Bồ Tát tùng tòa nhi khởi, chỉnh lý y phục, thiên dẫn hữu kiên, hữu tất trước địa, cung kính hiệp chưởng, nhi bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Duy nguyện Thế Tôn cập tỳ-kheo tăng, minh nhật thực thời, lâm cố ngã gia, thọ ngã cúng dường, lân mẫn ngã đẳng chư chúng sanh cố.*

**(經)爾時，賢護菩薩從坐而起，整理衣服，偏袒右肩，右膝着地，恭敬合掌，而白佛言：「世尊！唯願世尊及比丘僧，明日食時，臨顧我家，受我供養，憐愍我等諸衆生故」。**

*(Kinh: Lúc bảy giờ, Hiền Hộ Bồ Tát từ chỗ ngồi đứng dậy, chỉnh đốn y phục, trật vai áo phải, gối phải đặt sát đất, cung kính chắp tay, bạch cùng đức Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Kính mong đức Thế Tôn và các vị tỳ-kheo vào giờ dùng bữa ngày mai, quang lâm nhà con, nhận sự cúng dường của con vì thương xót bọn chúng sanh chúng con).*

Ở đây, Hiền Hộ cũng đại diện cho hết thầy hữu tình cầu pháp, hữu tình hành pháp, cho đến hữu tình thành tựu, đối trước đức Thế Tôn biểu đạt, biểu đạt điều gì vậy? Muốn thỉnh pháp, muốn được nghe pháp, cho đến thật sự thủ hộ và thành tựu. Đây là một sự phát khởi. Tuy Hiền Hộ Bồ Tát cúng dường đức Phật và các vị tỳ-kheo tăng, nhưng Hiền Hộ Bồ Tát nói “lân mẫn ngã đẳng chư chúng sanh cố” (vì thương xót bọn chúng sanh chúng con), tức là Hiền Hộ Bồ Tát vì các chúng sanh mà cầu thỉnh đức Thế Tôn và các vị tỳ-kheo đến ứng cúng.

*(Kinh) Thế Tôn mặc nhiên, thọ Hiền Hộ thỉnh.*

**(經)世尊默然，受賢護請。**

*(Kinh: Đức Thế Tôn im lặng nhận lời thỉnh của Hiền Hộ).*

“Im lặng” là cách đức Thế Tôn thâm chấp thuận ứng cúng. Vì có sao? Đức Thế Tôn là đấng Nhất Thiết Trí, đối với hết thảy thức ăn, y phục, và hết thảy vật dụng của thế gian, Ngài đều chẳng cần đến. Đối với pháp cũng như thế, vì Ngài chẳng thiếu khuyết. Do vậy, chẳng nói là chấp nhận hay không chấp nhận, chỉ im lặng khế hợp sự phát tâm ấy, khiến cho người phát tâm đạt được sự đáp ứng thanh tịnh. Vì thế, im lặng thọ thực, hoặc im lặng thọ thỉnh, chẳng trả lời như [người bình phàm trong] thế gian. Hễ im lặng tức là đã đáp ứng.

*(Kinh) Thời, bỉ Hiền Hộ tri Phật thọ dĩ.*

**(經)時，彼賢護知佛受已。**

*(Kinh: Khi đó, ngài Hiền Hộ biết Phật đã nhận lời).*

Hết thảy đệ tử của đức Phật Thế Tôn cũng giống như thế. Khi các vị tỳ-kheo thọ thỉnh, các Ngài chỉ im lặng thì cũng là ngầm đồng ý. Trong Tăng pháp, có pháp tắc đa số im lặng chấp thuận. Chẳng hạn như đối với kẻ đã phạm lầm lỗi, phải nên chỉ ra. Nếu chẳng chỉ ra, tức là im lặng chấp nhận, hoặc có nghĩa là quý vị tùy hỷ. Nếu là ứng cúng thì cũng giống như thế. Ngay như trao đổi lời lẽ, hoặc trao đổi pháp tắc, cũng có nhiều lúc im lặng. Sự im lặng ấy có nghĩa là tiếp nhận.

*(Kinh) Đánh lễ tôn túc, hữu nhiều tam táp. Ư thị từ hoàn, toại phục nghệ bỉ Ma Ha Ba Xà Ba Đề tỳ-kheo-ni sở.*

**(經)頂禮尊足，右繞三匝。於是辭還，遂復詣彼摩訶波闍波提比丘尼所。**

*(Kinh: Đánh lễ dưới chân đức Thế Tôn, nhiều theo chiều phải ba vòng. Liên đó, từ biệt quay về, bèn tới chỗ của tỳ-kheo-ni Ma Ha Ba Xà Ba Đề).*

Tỳ-kheo-ni Ma Ha Ba Xà Ba Đề (Mahāprajāpatī Gautamī) là tên [tiếng Phạn] chưa dịch nghĩa của tỳ-kheo-ni Đại Ái Đạo. Chúng ta biết đức Thế Tôn được di mẫu (đì) là bà Ma Ha Ba Xà Ba Đề nuôi lớn. Sau

## ***Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

khi đức Thế Tôn thành đạo, di mẫu và năm trăm thị nữ phát tâm theo đức Thế Tôn xuất gia, ba lượt thỉnh cầu đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn không chấp nhận, họ bèn từ trăm dặm [đi bộ], đuổi theo đức Thế Tôn. Ngài A Nan bắt nhận trước tâm bi cảm thiết tha cầu pháp của bà Đại Ái Đạo [và các thị nữ], cho nên đã thay họ hướng về đức Thế Tôn cầu xin [cho phép nữ chúng] xuất gia. Do vậy, đức Thế Tôn nói: “*Này A Nan! Sở dĩ đức Thế Tôn chẳng chấp thuận là vì có ý nghĩa sâu xa*”. Do A Nan ba lượt thỉnh cầu, đức Thế Tôn mới định ra tám pháp thanh tịnh<sup>14</sup> để cho

---

<sup>14</sup> Tám pháp tức là Bát Kính Pháp (Aṭṭha-garudhamma) còn dịch là Bát Tôn Pháp, Bát Tôn Trọng Pháp, Bát Tôn Sư Pháp, Bát Kính Giới, Bát Tôn Kính Pháp, hoặc Bát Khả Việt Pháp, là các quy định tỳ-kheo-ni phải thể hiện sự tôn trọng đối với tỳ-kheo. Theo thánh điển Pali của Phật giáo Nam truyền, khi đức Phật thành đạo vào năm thứ năm, vua Tịnh Phạn qua đời, bà Đại Ái Đạo đã xin xuất gia trong dịp đức Phật về thành Ca Tỳ La Vệ chủ trì tang lễ cho cha, nhưng đức Thế Tôn ba lần cự tuyệt. Sau đó, đức Phật đi sang thành Tỳ Xá Ly, bà Đại Ái Đạo dẫn theo mấy trăm thị nữ, đi bộ hơn 250 cây số theo chân Phật đến thành Tỳ Xá Ly. Họ đều tự cạo tóc, đắp y, cầu xin Phật cho phép xuất gia, kêu khóc ngoài cửa tinh xá. Ngài A Nan thương xót cầu xin ba lần, đức Phật đều từ chối. A Nan liền hỏi nữ chúng có thể chứng Tứ Hướng, Tứ Quả hay không? Đức Phật bảo được. A Nan liền nhắc đến ân dưỡng dục của bà Đại Ái Đạo để cầu xin. Đức Phật cho biết chánh pháp vốn dài một ngàn năm, nếu cho nữ chúng xuất gia, sẽ giảm mất 500 năm. Nếu nữ chúng tuân thủ Bát Kính Pháp, chánh pháp có thể tồn tại một ngàn năm. Nữ chúng phải hành Bát Kính Pháp thì mới có đủ tư cách là tỳ-kheo-ni. Bát Kính Pháp như sau:

1. Dẫu tỳ-kheo-ni trăm tuổi, trông thấy tỳ-kheo mới xuất gia, vẫn phải đứng dậy nghênh đón, lễ bái, trải tọa cụ sạch sẽ, mời vị ấy ngồi.
2. Tỳ-kheo-ni không được an cư kết hạ tại một địa phương nếu không có tỳ-kheo ở gần đó.
3. Vào mỗi dịp bố-tát (uposattha, tụng giới), tỳ-kheo-ni phải cử người sang chỗ tỳ-kheo cầu Tăng chúng sai một vị đến thuyết giới và dạy bảo.
4. Khi An Cư mùa Hạ kết thúc, phải cử người sang chỗ Tăng chúng cầu ba sự Tự Tứ thấy, nghe, và nghĩ.
5. Tỳ-kheo-ni không được phép mắng chửi tỳ-kheo.
6. Tỳ-kheo-ni không được cử tội của tỳ-kheo, rêu rao lỗi của họ, nhưng tỳ-kheo được quyền nói lỗi của tỳ-kheo-ni.
7. Thức-xoa-ma-na đã học giới (sáu pháp của Học Giới Nữ) phải cầu thọ đại giới từ chúng Tăng (tỳ-kheo và tỳ-kheo ni).
8. Tỳ-kheo ni hề phạm Tăng Tàn, phải đối trước hai bộ Tăng sĩ (tỳ-kheo và tỳ-kheo-ni) hành Ma Na Đỏa (ý hỷ) trong nửa tháng.

Hiện thời, tại Đài Loan có một số tỳ-kheo-ni do chịu ảnh hưởng của phong trào nữ quyền và tâm đấu tranh thế tục quá nặng, đã chủ trương Bát Kính Pháp là bất bình đẳng, trọng nam, khinh nữ, xướng suất phế trừ Bát Kính Pháp. Ngày 31 tháng 03 năm 2001, tỳ-kheo-ni Thích Chiêu Huệ ở Đài Nam đã xướng suất phong trào này,

phép nữ giới trở thành sa-môn trong giáo ngôn của Phật Thích Ca, hiện hình tướng sa-môn.

*(Kinh) Đáo dĩ, đánh lễ Ba Xà Ba Đề tỳ-kheo-ni túc, nhi túc bạch ngôn: - Nguyện A-lê-da cập chư ni chúng, lân mãn ngã cố, thọ ngã minh triêu sở thiết vi cúng.*

**(經)到已，頂禮波闍波提比丘尼足，而即白言：「願阿梨耶及諸尼衆，憐愍我故，受我明朝所設微供」。**

*(Kinh: Đã đến nơi, đánh lễ dưới chân tỳ-kheo-ni Ba Xà Ba Đề, liền bạch rằng: - Kính mong A-lê-da và các ni chúng vì thương xót con, chấp nhận lễ cúng dường nhỏ nhoi do con sắp đặt vào ngày mai).*

Đối với vị thủ lãnh của các vị ni là ngài Ma Ha Ba Xà Ba Đề, [Hiền Hộ Bồ Tát] bèn dùng từ ngữ A-lê-da (Aryā, tôn quý) để xưng hô, tức là A-xà-lê (Ācārya), cũng là Quy Phạm Sư (規範師), có thể làm chỗ nương tựa cho chúng sanh, làm bậc dạy bảo, hướng dẫn, bố thí pháp, có thể thí vô úy cho chúng sanh, khiến cho chúng sanh an lạc. Hiện thời, tại vùng Vân Nam, trong dân gian còn có giáo ngôn của A Trát Lê<sup>15</sup>, tức là bậc Quy Phạm Sư tại gia, từ Miến Điện, Thái Lan truyền qua đã lâu. Trên thực tế, [các vị A Trát Lê ấy] thuộc một pháp hệ của Mật Thừa được truyền bá [tại Vân Nam] rất sớm, còn sớm hơn Tạng truyền Phật giáo rất nhiều.

“*Lân mãn ngã cố, thọ ngã minh triêu sở thiết vi cúng*” (Vì thương xót con, chấp thuận lễ cúng dường nhỏ nhoi do con sắp đặt vào ngày mai). Vì sao nói là “*vi cúng*” (cúng dường nhỏ nhoi)? Đối trước các bậc thánh giả, trí giả ấy, cho đến đối với chư Phật, Bồ Tát là những vị đại oai đức thiện xảo, tất cả sự cúng dường trong thế gian chỉ có thể nói coi là “*vi cúng*”. Vì sao? Chư Phật Như Lai là bậc đạo sư của tam giới, là đáng được trời, người cúng dường. Sự cúng dường của nhân loại hết sức nhỏ

---

nêu ra luận thuyết Bát Kính Pháp không do đức Phật chế định, cũng như cho rằng những giới trong giới Tỳ Kheo Ni nhỏ nhặt có thể bỏ. Bà ta cho rằng Bát Kính Pháp kỳ thị nữ chúng, xâm phạm nữ quyền, tăng trưởng tâm kiêu mạn của tỳ-kheo.

<sup>15</sup> A Trát Lê là biến âm của chữ A Xà Lê trong ngôn ngữ người Thái tại Vân Nam, cũng giống như danh xưng Ajahn hoặc Acharn trong tiếng Thái Lan (để gọi các vị Tăng có từ mười tuổi hạ trở lên).



noi, đăm bạc, dẫu tận lực, cùng kiệt tài sản, vẫn là sự cúng dường nhỏ bé, đăm bạc. Nếu chẳng nói như thế, sẽ chẳng phải là như thật!

*(Kinh) Nhĩ thời, Ma Ha Ba Xà Ba Đề tỳ-kheo-ni mặc nhiên thọ thỉnh.*

**(經)爾時，摩訶波闍波提比丘尼默然受請。**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, tỳ-kheo-ni Ma Ha Ba Xà Ba Đề im lặng nhận thỉnh).*

Cũng giống như đức Thế Tôn im lặng nhận lời thỉnh.

*(Kinh) Hiền Hộ tri dĩ, đánh lễ từ hoàn. Thời, bĩ Hiền Hộ phục nghệ Bảo Đức Ly Xa Tử sở.*

**(經)賢護知己，頂禮辭還。時，彼賢護復詣寶德離車子所。**

*(Kinh: Hiền Hộ đã biết, đánh lễ, từ biệt, quay về. Khi đó, ngài Hiền Hộ lại đến chỗ của Bảo Đức Ly Xa Tử).*

Thuở đức Thế Tôn tại thế, cũng có nhiều ngoại đạo được thành tựu, ở trong thế gian đã đạt được an lạc. Rất nhiều ngoại đạo tuy chưa rõ ràng quy y giáo ngôn của đức Thế Tôn, cũng thường đến chỗ đức Thế Tôn đang dạy bảo, hoặc tới pháp hội của Ngài để nghe giáo pháp, do sức bức xạ từ oai đức rộng lớn của đức Thế Tôn.

*(Kinh) Ngữ Bảo Đức ngôn: - Bảo Đức! Nhữ lai nhữ chi sở hữu thân thích, quyến thuộc, bằng hữu, tri thức, cập thử hội trung ưu-bà-tắc chúng, nãi chí nhất thiết Vương Xá đại thành, cập dĩ tự dư thành ấp, tụ lạc, chư tân lai giả, vị ngã thỉnh viết: “Thọ ngã minh triêu sở thiết phạn thực”.*

**(經)語寶德言：「寶德！汝來汝之所有親戚眷屬朋友知識，及此會中優婆塞衆，乃至一切王舍大城，及以自餘城邑聚落，諸新來者，爲我請曰：受我明朝所設飯食」。**

## **Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2**

*(Kinh: Nói với Bảo Đức rằng: - Này Bảo Đức! Ông đến chỗ tất cả thân thích, quyến thuộc, bạn bè, người quen biết của ông, và các vị ưu-bà-tắc trong hội này, cho tới hết thấy những người mới đến trong đại thành Vương Xá, và các thành ấp, xóm làng khác, vì tôi mời như sau: “Ngày mai hãy đến dùng bữa cơm do tôi thết đãi”).*

Vì sao ở đây nói là “*phạn thực*” (bữa cơm), chẳng nói là “*vi cúng*” (cúng dường nhỏ nhoi)? Tương ứng với chuyện thí cho nhân loại thì “*phạn thực*” là từ ngữ tương ứng. Ở đây, Hiền Hộ Bồ Tát mở pháp hội Vô Giá cúng dường thức ăn rộng lớn, khiến cho hết thấy kẻ hữu duyên đều được cúng dường. Không chỉ là người trong thành Vương Xá, mà cho đến các thành thị, làng xóm khác cũng nên thọ thỉnh (chấp thuận lời mời).

Vì sao chỉ nhắc tới ưu-bà-tắc, chẳng nhắc tới ưu-bà-di? Đây là một phong tục tập quán của riêng Ấn Độ. Trong phần trước, chúng ta đã thấy, đức Thế Tôn thường nhắc tới khá nhiều long thiên hộ pháp, đủ loại quý thần, đủ loại trời, cho đến trưởng giả, chủng tánh Sát-lợi vương, Bà La Môn, ưu-bà-tắc, nhưng chẳng nói đến ưu-bà-di thọ thỉnh. Đó là tôn trọng cách nói theo phong tục của dân tộc ấy. Vì đức Thế Tôn sống trong thời đại có phong tục dân tộc như thế ấy, cho nên Ngài cũng chẳng bỏ phong tục dân tộc. Đó gọi là “*thí giáo ư thế gian, bất hủy ư thế tục*” (bồ thí giáo pháp trong thế gian, chẳng hủy phong tục của thế gian). Nếu thí giáo trái nghịch với thế tục, hữu tình trong thế gian sẽ chẳng tiếp nhận. Đức Thế Tôn là bậc trí huệ trọn đủ, phương tiện thiện xảo, cho nên Ngài tùy thuận thế tục. Về sau, chúng ta đến nơi khác học pháp, dạy pháp, cũng phải nên chẳng xả loại phương tiện ấy, cũng chớ nên trái nghịch phong tục của dân chúng trong thế gian. Nếu vứt bỏ, sẽ bị xung đột và tổn thương, hoặc mâu thuẫn.

*(Kinh) Nhĩ thời, Bảo Đức Ly Xa Tử đồng tử thọ Hiền Hộ ngôn, tức cáo hội trung chư ưu-bà-tắc, thân thích, quyến thuộc đẳng viết: “Nhân bối đương tri, bỉ Hiền Hộ Bồ Tát linh ngã cáo nhữ. Minh nhật thực thời, thọ ngã vi cúng”. Nhĩ thời, Hiền Hộ Bồ Tát, Bảo Đức Ly Xa Tử, cập Thiện Thương Chủ trưởng giả, Già Ha Ngập Đa cư sĩ tử, Na La Đạt Đa Ma Nạp, Thủy Thiên trưởng giả, tịnh cập nhất thiết chư dư quyến thuộc, bằng hữu, tri thức đẳng, danh lễ Phật túc dĩ, hoàn bỉ Hiền Hộ Bồ Tát xá trạch. Đáo dĩ, tá bỉ Hiền Hộ kinh doanh. Tức ư kỳ dạ, ước sắc gia nhân, biện cụ chư chủng tinh diệu thượng soạn, sở vị*

*thế gian phàm khả thực đạm, sắc, hương, mỹ vị, bách vật bị hữu. Nãi chí ngoại quốc viễn lai bần cùng khát cái, diệc vị biện cụ chúng chúng tinh thiện, nhi cung cấp chi, dĩ chư đại chúng, nhất đẳng vô dị.*

**(經)爾時，寶德離車子童子受賢護言，即告會中諸優婆塞，親戚眷屬等曰：「仁輩當知，彼賢護菩薩令我告汝。明日食時，受我微供」。爾時，賢護菩薩、寶德離車子、及善商主長者、伽訶岌多居士子、那羅達多摩納、水天長者，並及一切諸餘眷屬，朋友知識等，頂禮佛足已，還彼賢護菩薩舍宅。到已，佐彼賢護經營。即於其夜，約敕家人，辦具諸種精妙上饌，所謂世間凡可食啖，色香美味百物備有。乃至外國遠來貧窮乞丐，亦為辦具種種精膳，而供給之，與諸大眾，一等無異。**

*(Kinh: Lúc bảy giờ, đồng tử Bảo Đức Ly Xa Tử tiếp nhận lời dặn của Hiền Hộ, liền bảo các vị ưu-bà-tắc trong hội, thân thích, quyến thuộc v.v... rằng: “Các vị nhân giả hãy nên biết, Hiền Hộ Bồ Tát bảo tôi nói với các vị: Vào giờ dùng bữa ngày mai, hãy tiếp nhận sự cúng dường nhỏ nhoi của ông ta”. Lúc bảy giờ, Hiền Hộ Bồ Tát, Bảo Đức Ly Xa Tử, và trưởng giả Thiện Thương Chủ, con trai cư sĩ Già Ha Ngập Đa, Na La Đạt Đa Ma Nạp, trưởng giả Thủy Thiên, và hết thảy các quyến thuộc, bằng hữu, kẻ quen biết khác, đánh lễ dưới chân đức Phật xong, trở về nhà của Hiền Hộ Bồ Tát. Tới nơi, họ giúp Hiền Hộ lo liệu. Ngay trong đêm hôm ấy, căn dặn gia nhân, chuẩn bị đầy đủ các món ăn ngon khéo, tức là các thứ có thể ăn nuốt trong thế gian, sắc hương, vị ngon, trăm vật đều có đủ. Cho đến đối với những kẻ nghèo túng, ăn mày từ nước ngoài xa xôi tìm đến, cũng vì họ chuẩn bị đầy đủ các thứ thức ăn ngon khéo để cung cấp, giống hệt chẳng khác các món đãi đằng đại chúng).*

Ở đây, chúng ta thấy tâm hạnh bình đẳng của Bồ Tát. Chúng ta tu pháp trong thế gian này, nếu dùng tâm bình đẳng yêu thích, tôn trọng hết thảy hữu duyên trong hiện tiền, thật sự là thiện xảo. Đó chính là tâm trí thiện xảo bình đẳng của Bồ Tát. Chúng ta chớ nên dùng cái tâm cao

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2**

thấp, tâm chẳng bình đẳng, tâm yêu ghét, tâm thân sơ để tu tập pháp. Tu pháp [mà có các tâm] như vậy, nói chung chẳng tương ứng. Nếu chẳng có tâm rộng lớn, tâm bình đẳng, tâm chẳng thể như đại địa an trụ chúng sanh, khiến cho chúng sanh trụ trong an lạc. Như thế chính là cô phụ pháp tắc mà chính mình đã gặp. Chúng ta ở trong đạo tràng này, cũng giống như thế. Nếu có thể dùng cái tâm bình đẳng, tâm chân thật để bảo ban, an ủi hữu tình trong thế gian, bảo ban, an ủi các nhân duyên hiện tiền chung quanh. Đó là chân thật thủ hộ tâm bình đẳng, tâm thanh tịnh. Tâm như đại địa, có thể chuyên chở hết thảy, đó là chỗ an ổn, hãy nên chọn lựa chân thật.

*(Kinh) Sở dĩ giả hà? Phàm chư Bồ Tát, tâm vô tăng ái, bất cảm khinh tha, u chư chúng sanh giai bình đẳng cố.*

**(經)所以者何? 凡諸菩薩, 心無憎愛, 不敢輕他, 於諸衆生皆平等故。**

*(Kinh: Vì có sao vậy? Vì các vị Bồ Tát tâm chẳng yêu ghét, chẳng dám khinh người khác, đối với các chúng sanh đều bình đẳng).*

Chỗ này mười phần trọng yếu, vì chúng sanh duyên theo tâm trí sai khác, nhưng cung kính và tôn trọng ai nấy đều cần thiết. Tâm trí yêu ghét thường khiến cho người khác sanh khởi cảm giác thân, sơ, bất bình đẳng, cho đến cảm giác ô nhiễm, phần nhiều có tâm khinh mạn và tôn quý. Như thế thì sẽ khiến cho lòng người bất bình đẳng, bị nhiều thương tổn. Chúng ta làm thế nào để vận dụng cái tâm bình đẳng trong thế gian bất bình đẳng như thế này, vận dụng tâm trí bình đẳng để bảo ban, an ủi hữu tình? Đó thật sự là tu trì hai pháp bi và trí, cũng là tu trì an trụ thanh tịnh bình đẳng. Đây chính là một mắt xích trọng yếu mà tất cả những người tu tập Phật pháp chúng ta phải nên xem kỹ, phải nên quan sát, phải nên đúng lý xem xét kỹ càng, quán sát như lý, phải nên đúng lý tu tập pháp tắc, đúng lý thành tựu pháp tắc, rất trọng yếu, hết sức trọng yếu!

*(Kinh) Nhĩ thời, Sa Bà thế giới chủ Đại Phạm thiên vương.*

**(經)爾時, 娑婆世界主大梵天王。**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, chủ của thế giới Sa Bà là Đại Phạm thiên vương).*

Ở đây dịch Đại Phạm thiên vương là chủ của thế giới Sa Bà, cũng có khi dịch Đại Tự Tại Thiên là chủ của thế giới Sa Bà, nhưng Bồ Sư Thích Ca Mâu Ni Phật là đấng giáo hóa pháp tắc chủ của thế giới Sa Bà. Một tam thiên đại thiên thế giới ắt có một đức Thế Tôn trụ thế, khiến cho chúng sanh trong thế giới ấy được trụ trong an lạc. Nếu chẳng có Thế Tôn ngự, đức Thế Tôn sẽ dùng đủ mọi phương tiện, đủ mọi thân để thuyết giáo, trọn chẳng vứt bỏ, vì chư Phật chẳng bỏ hết thầy thế giới và hết thầy chúng sanh.

*(Kinh) Nãi chí Dao Lợi thiên vương, Thích Đề Hoàn Nhân, tứ thiên đại vương Đề Đầu Lại Trá đẳng cập bỉ Thiện Đức thiên tử, dữ chư quyến thuộc, hàm vi nhân thân tán trợ kỳ sự.*

**(經)乃至忉利天王、釋提桓因、四天大王提頭賴吒等及彼善德天子，與諸眷屬，咸爲人身贊助其事。**

*(Kinh: Cho đến Dao Lợi thiên vương, Thích Đề Hoàn Nhân, tứ thiên đại vương như Đề Đầu Lại Trá (Dhṛtarāṣṭra, Trì Quốc thiên vương) v.v... cùng với thiên tử Thiện Đức và các quyến thuộc, đều dùng thân người để giúp đỡ chuyện ấy).*

Liên chuyển đời thân tướng, dùng thân người thông thường để giúp Hiền Hộ, muốn làm cho chuyện cúng dường ấy được thành tựu. Vì đây là chuyện cúng dường Phật Đà Thế Tôn, Tăng chúng, cho đến ngoại đạo, kẻ ăn mày, hết thầy nhân dân, đều là bình đẳng cúng dường trọn khắp, rộng lớn, thanh tịnh, cùng một vị, tức là sự cúng dường Vô Giá (無遮, không ngăn che). Loại cúng dường Vô Giá này quả thật là thứ mà tâm trí chúng ta, nhất là người trong thời Mạt Pháp thiếu khuyết nhất. Tại Ấn Độ có tập tục như thế này: Nếu trong lúc hành đạo, hoặc trong nhà có nạn duyên, bèn rộng hành bố thí, cho đến dốc cạn tài lực gia sản để bố thí. Trong tâm trí của người Hoa, đó là chuyện rất hiếm xảy ra. Nhìn từ các ghi chép lịch sử, từ các sự kiện lịch sử, chắc là người Hoa rất ít người có khái niệm làm như thế! Thậm chí còn cho rằng đây là một chỗ rất đáng sợ hãi, vì người Trung Hoa, nhất là người nơi đất Hán, coi trọng an cư lạc nghiệp, tích tụ gia sản dồi dào, cũng có thể nói là tâm trí “*thành gia lập nghiệp, thủ hộ tổ nghiệp*”. Giáo ngôn và tri kiến ấy một mực tuôn chảy trong huyết dịch của toàn thể dân tộc rất sâu dày. Nhưng

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

trong dân tộc Tây Tạng, hoặc dân tộc du mục, phần nhiều có trạng thái tâm lý dộc cận gia sản để bố thí. Vì họ thường xuyên xuất hiện tình huống trong một đêm ngay lập tức mất sạch gia sản. Chẳng hạn như một trận tuyết lớn có thể phủ trùm toàn bộ bãi cỏ của trại chăn nuôi, cũng có thể là tất cả gia súc bị chết cồng hết sạch, hoặc một trận ôn dịch cũng sẽ khiến họ chẳng còn một vật nào. Vì thế, họ đã ném đủ sự vô thường, nhưng người ở đất Hán vì an cư lạc nghiệp, các thế hệ đều nối tiếp nhau sanh tồn trong cơ chế “*thường pháp*”, cho nên ý thức sai khác rất lớn. Nếu người ở đất Hán có thể tư duy chỗ này một lượt, sẽ là thuận tiện.

Tôi nhớ khi tôi mới xuất gia, rất nhiều người hỏi: “Anh làm thế nào để bỏ hoàn cảnh sống quen thuộc? Làm thế nào để bỏ được công việc quen thuộc và gia đình?” Họ cảm thấy chẳng thể nghĩ bàn, bỏ được bằng cách nào? Dẫu nhà nghèo cách mấy, giống như con chẳng chê mẹ xấu, người ta chẳng hiềm nhà nghèo. [Họ cho rằng]: Có nạn duyên chi đó, nhân duyên gì đó thì mới có thể khiến cho quý vị chẳng sanh tồn trong nhà được, đành phải xuất gia? Thật ra, đối với khái niệm “*xả gia*”, người Hoa mười phần khó thể tiếp nhận. Xả gia là buông bỏ nhân duyên quá khứ, bất luận là giàu hay nghèo, là tốt hay xấu, là thiện hay ác, tức là buông xả một hoàn cảnh quen thuộc mà thôi, đối diện một hoàn cảnh hoàn toàn mới toanh, hoàn cảnh lạ lẫm, để như thật biết rõ có sợ hãi hay không, có như thật an trụ tự tâm trong hoàn cảnh mới toanh ấy hay không? Dùng chuyện ấy để tu tập sanh mạng. Đây quả thật là một sự bố thí. Bản thân của chuyện xuất gia là bố thí, còn tại gia sẽ bố thí như thế nào? Quý vị có thể tư duy, nghĩ ngợi. Giả sử chính mình bố thí toàn bộ, tâm lý sẽ là như thế nào? Quý vị chẳng cần bố thí, trước tiên hãy suy sâu nghĩ chín, suy tưởng thì cũng là phương tiện. Dẫu cho quý vị tư duy như thế, trong tâm trí của người Hoa vẫn là mười phần khó khăn. Tôi cảm thấy chúng ta xả không được cũng không sao, thật sự là có thể cố vũ, khích lệ chính mình một phen. Trước hết, hãy thâm tưởng, thâm nghĩ, thâm quán thì cũng là phương tiện. Đó cũng là một lần huấn luyện cái tâm, là một loại phương pháp tu hành mười phần trọng yếu. Nếu chúng ta chẳng thể buông bỏ tự ngã, cho đến hết thấy phước đức và nhân duyên trong đời hiện tại, mà mong thật sự khế hợp A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, sẽ mười phần khó khăn! Vì sao? Do phần nhiều có nghiệp tập, có thể tục trôi buộc, chẳng thể khiến cho quý vị thật sự khế hợp thanh tịnh, viên mãn lợi ích trong Phật pháp.

“*Hàm vi nhân thân tán trợ kỳ sự*” (Đều dùng thân người để giúp đỡ chuyện ấy): Chư thiên dùng thân người để giúp đỡ, tức là diệt quang

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

minh, diệt oai đức của họ, dùng thân người làm bầu bạn. Có chư thiên có phương tiện như vậy, mà cũng có quỷ thần biến hóa cũng có phương tiện như thế. Người bình phàm nếu trông thấy chư thiên, sẽ đều té xỉu, hoặc có thể nói là mê loạn, vì thân người và thân trời khác biệt quá lớn. Chẳng hạn như tướng mạo sai khác, loài người rất xấu xí, thô kệch. Vì chúng ta chẳng biết chư thiên có sắc thân tinh tế, màu nhiệm, tròn đủ quang tướng, oai thần, trang nghiêm, cho nên còn thường tự cho mình là xinh đẹp. Ngài Nan Đà do thấy tướng mạo của vợ quá đẹp, chẳng nữ xuất gia! Đức Thế Tôn bèn đem Ngài lên thiên đường nhìn thử, [đã thấy dung mạo của các thiên nữ], Ngài bèn nguyện ý tu đạo. [Đức Phật lại đem Ngài] xuống địa ngục xem [những tội nhân thọ báo do phóng túng ái dục], Ngài liền bằng lòng phát tâm xuất ly. Tướng mạo của con người nếu so sánh trong nhân loại thì có thể vẫn còn đẹp đẽ. Nếu đem so với con khỉ, chúng ta cảm thấy [loài người] cũng rất đẹp, nhưng đem so với chư thiên, chúng ta quả thật rất xấu, chủ yếu là chẳng thể so sánh nổi!

Lại như đối với trang phục của chúng ta, người xuất gia hiện thời đắp tấm khoác (y ca-sa) chính là tấm áo do Đại Phạm ban tặng, tức là “tùy ý y”. Đại Phạm có thể dùng tấm áo ấy làm nhà cửa, làm tấm che, làm thuyền bè, tùy ý sử dụng, nhưng chúng ta dùng tấm áo ấy thì chỉ là một mảnh vải, mặc lâu ngày sẽ nồng sực mùi mồ hôi, sẽ dính tro bụi. Do chín lỗ của chúng ta thường tuôn chảy chẳng ngừng, y phục mặc mấy ngày chẳng giặt sẽ không được! Nhân loại thật sự đối diện rất nhiều khó khăn, đều là áp lực sanh tồn đối với bản thân chúng ta, là áp lực do nghiệp báo mang lại, nhưng con người vẫn thường tự cho là tốt đẹp, chủ yếu là vẫn chẳng so sánh. Trước kia, tôi sống trong núi, đã từng nửa năm chẳng giặt quần áo, nhưng nếu như tâm trí hơi đắm nhiễm, hơi dính thế tục, hơi động niệm, thậm chí hơi nghĩ đến thức ăn, hơi nghĩ đến ngủ nghỉ, sẽ chẳng được. Áo trời chẳng cần giặt giũ, vì sao? Cõi trời chẳng có bụi bặm. Chúng ta đều biết, chư thiên có bốn suy tướng: Một khi phước báo đã hết, tràng hoa kết trên mào sẽ héo trước, dưới nách có mùi hôi, sau đó y phục mới có tro bụi. Nếu áo có vết bụi, phước báo của vị trời ấy đã hết, các quyền thuộc ngay lập tức liả bỏ kẻ đó. Khi đó, ném mùi khở sở gáp mấy lần địa ngục. Vì sao? Bình thường có vô lượng quyền thuộc bầu bạn vui chơi, một khi bị liả bỏ, tâm trí chẳng thể chịu đựng nổi, cho nên khở sở gáp mấy lần nổi khở trong địa ngục.

Loài người chúng ta so sánh với chư thiên là như thế. Nếu so với súc sanh, chúng ta cảm thấy chính mình thanh tịnh, trang nghiêm hơn nhiều. Nếu so với ác quỷ, địa ngục, sẽ càng tốt hơn nữa. Vì súc sanh chỉ

lo trả nợ, ác quỷ chỉ hứng chịu khổ báo, địa ngục chỉ là chịu đựng trừng phạt, chẳng có duyên nào khác, nhưng nhân loại chúng ta còn có phương tiện để chọn lựa. Tuy vậy, con người rất khó biết chính mình, cho nên thông thường dễ dung tục tự mãn. Vì sao nói những điều trên đây? Nhằm khích lệ chúng ta đối với chính mình phải có sự tự tôn, hoặc là phát tâm, nhưng đối với nghiệp xử, phải biết [nghiệp chướng của] mình trầm trọng, nặng gánh, đau khổ, bản thủ, hoặc là nói “chẳng thể tự không chế”, tức là nổi khổ bất tịnh, nổi khổ vì vô thường ngăn ngại tạm bợ. Nếu chẳng có chút tri kiến này, sẽ thường là sống suốt đời xoàng xĩnh, chẳng thể tự thoát, chẳng thể nhảy bén đối với pháp.

*(Kinh) Dục linh Hiền Hộ Bồ Đề quả báo tốc thành tựu cố. Nhĩ thời, Hiền Hộ dữ chư quyền thuộc, thiện hữu, tri thức đẳng, tảo sái kỳ gia, nãi chí Vương Xá đại thành nhai, hạng, đạo lộ, xử xử giai tất huyền diệu phan, cái, quảng thiết chủng chủng chư trang nghiêm cụ nhi trang sức chi. Hựu dĩ chư chủng vi diệu hoa, hương, bố tán kỳ địa, phục thiêu thế gian đệ nhất danh hương nhi vi cúng dường.*

**(經)欲令賢護菩提果報速成就故。爾時，賢護與諸眷屬，善友知識等，掃灑其家，乃至王舍大城街巷道路，處處皆悉懸妙幡蓋，廣設種種諸莊嚴具而莊飾之。又以諸種微妙華香，佈散其地，復燒世間第一名香而為供養。**

*(Kinh: Vì muốn khiến cho quả báo Bồ Đề của Hiền Hộ mau thành tựu. Lúc bấy giờ, Hiền Hộ và các quyền thuộc, thiện tri thức v.v... quét dọn nhà cửa, cho đến ngõ hẻm, đường sá trong đại thành Vương Xá, nơi nơi đều treo các phan, lọng đẹp đẽ, bày rộng khắp các thứ vật trang nghiêm để trang hoàng. Lại dùng các thứ hoa, hương vi diệu rắc rải trên mặt đất, lại đốt các thứ hương nổi tiếng bậc nhất trong thế gian để cúng dường).*

Hoa tươi, đốt hương cũng là một thứ phong tục, đều để cúng dường. Trong quá khứ, người Hoa, nhất là hoàng gia, trưởng giả, hiền giả, cũng rất coi trọng việc thắp hương!

*(Kinh) Thời, bỉ Hiền Hộ như thị trang nghiêm Vương Xá đại thành cập diệu thực dĩ, ư minh đán thời, dữ chư quyền thuộc, nghệ*



*Thế Tôn sờ, đầu diện lễ kính, nhi khải bạch ngôn: “Thế Tôn! Ngã sự dĩ biện, nguyện tri thử thời”. Nhi thời, Thế Tôn ư thân triều thời, vị Hiền Hộ cố, trước y, trì bát, dữ bỉ vô lượng tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, thiên, nhân đại chúng, tả hữu vi nhiều, hướng bỉ Hiền Hộ Bồ Tát xá trạch.*

**(經)時，彼賢護如是莊嚴王舍大城，及妙食已，於明旦時，與諸眷屬，詣世尊所，頭面禮敬，而啓白言：「世尊！我事已辦，願知此時」。爾時，世尊於晨朝時，爲賢護故，着衣持鉢，與彼無量比丘、比丘尼、優婆塞、優婆夷、天人大衆，左右圍繞，向彼賢護菩薩舍宅。**

*(Kinh: Khi đó, Hiền Hộ trang nghiêm đại thành Vương Xá như thế và sắp đặt các thức ăn ngon lành xong, vào buổi sáng ngày hôm sau, cùng với quyến thuộc, tới chỗ đức Thế Tôn, đầu mặt lễ kính, thưa rằng: “Bạch Thế Tôn! Con đã lo xong chuyện, xin biết đã đến lúc”. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn vào lúc sáng sớm, vì Hiền Hộ bèn đắp y, cầm bát, cùng với vô lượng tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, thiên, nhân đại chúng vây quanh hai bên, đến nhà của Hiền Hộ Bồ Tát).*

“Trước y” tức là đắp y, để trang nghiêm. Trong quá khứ, khi ứng cúng, khát thực, hoặc tuyên nói pháp, phải trọn đủ trang nghiêm. Chúng ta thấy rất nhiều tượng Phật của Phật giáo Nam truyền đều đắp y. Cái y để đắp ấy là vật để thể hiện sự trang nghiêm.

*(Kinh) U thị, Hiền Hộ phát như tư niệm: - Ngã gia ải tiểu, bất thọ đa chúng.*

**(經)於是，賢護髮如斯念：「我家隘小，不受多衆」。**

*(Kinh: Trong lúc, ngài Hiền Hộ nghĩ như thế này: “Nhà ta nhỏ hẹp, chẳng chứa được nhiều người”).*

Hiền Hộ Bồ Tát thấy nhiều người như vậy thông thả đi tới, làm sao chứa hết? Ngài phải cầu nguyện. Quý vị nói đây chẳng phải là chuyện thần thoại ư? Chúng ta không quan tâm, nhưng cầu nguyện rất quan trọng, tức là tâm địa như thế, nếu nói: “Nhà tôi nhỏ hẹp, người

đông như thế, quý vị đừng tới. Người khác đừng tới, Phật Đà tới ứng cúng là được rồi!” Đó là tâm địa nhỏ hẹp, chẳng phải là nhà cửa nhỏ hẹp. Vì thế, nhà cửa nhỏ hẹp, nhưng tâm trí rộng lớn, tâm địa của các vị Bồ Tát hành pháp tất nhiên rộng lớn như thế. Chúng ta hãy xem tiếp: Mở rộng tâm địa của chính mình như thế nào? Quả báo của mở rộng tâm địa là gì?

*(Kinh) Tự phi Thế Tôn oai linh gia hộ, linh trạch khoan quảng, tận vi lưu ly, linh chư thành nội nhất thiết nhân dân, mạc bất minh kiến, diệc linh kim thử thiên nhân đại chúng tùy ý thọ dụng, vô sở phạp thiếu, bất diệc khoái hồ?*

**(經)自非世尊威靈加護，令宅寬廣，盡爲琉璃，令諸城內一切人民，莫不明見，亦令今此天人大衆隨意受用，無所乏少，不亦快乎？**

*(Kinh: Nếu chẳng do oai linh của đức Thế Tôn gia hộ, khiến cho nhà cửa rộng rãi, toàn bằng lưu ly, khiến cho hết thấy nhân dân trong các thành, không ai chẳng thấy rõ, cũng khiến cho đại chúng trời, người hiện nay thọ dụng, chẳng bị thiếu thốn, cũng chẳng vui lắm ư?)*

Đây là tâm địa rộng lớn. Vì sao? Do biết oai thần của đức Phật rộng lớn, trọn đủ, chân thật chẳng hai, chẳng bị trở ngại nơi pháp, cho nên dấy lên ý niệm như thế, phát tâm như thế.

*(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn tri bỉ Hiền Hộ tâm sở niệm dĩ, tức dĩ thần lực, linh kỳ gia trạch nghiêm lệ, khoan quảng, sở hữu chúng cụ biến thành lưu ly, diệc linh thành nội nhất thiết nhân dân giai đắc đồ kiến, phân minh hiển liễu, tức linh đại chúng tùy ý dụng chi.*

**(經)爾時，世尊知彼賢護心所念已，即以神力，令其家宅嚴麗寬廣，所有衆具變成琉璃，亦令城內一切人民皆得睹見，分明顯了，足令大衆隨意用之。**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn biết tâm niệm của Hiền Hộ rồi, liền dùng sức thần thông khiến cho nhà cửa ông ta trang nghiêm, tráng lệ, rộng rãi, tất cả các vật đều biến thành lưu ly, cũng khiến cho hết thấy*

*nhân dân trong thành đều được trông thấy phân minh, rõ rệt, đủ để đại chúng tùy ý sử dụng).*

Vì sao? Phật là đấng Nhất Thiết Trí, do Nhất Thiết Trí chiếu soi, hay biết.

*(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn nhập Hiền Hộ trạch, tùy kỳ sàng tòa, an tường nhi tọa, diệc linh nhất thiết chư tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, nhân thiên đại chúng, tùy kỳ bộ loại, thứ đệ nhi tọa.*

**(經)爾時，世尊入賢護宅，隨其牀座，安詳而坐，亦令一切諸比丘、比丘尼、優婆塞、優婆夷、人天大眾，隨其部類，次第而坐。**

*(Kinh: Lúc bảy giờ, đức Thế Tôn vào nhà của Hiền Hộ, an tường ngồi trên sàng tòa, cũng để cho hết thấy các tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, đại chúng trời, người tùy thuộc bộ loại theo thứ tự mà ngồi).*

“*Bộ loại*” rất trọng yếu. Trong cảm nhận của người Trung Hoa, chắc là quan sát đối với bộ loại khá ít, nhưng tại các quốc gia như Ấn Độ, chủng tánh và bộ loại mười phần rõ rệt. Chẳng hạn như nói đến chủng loại Sát-lợi vương, thì phải là Sát-lợi vương, trưởng giả tử là trưởng giả tử, trưởng giả là trưởng giả, Bà La Môn là Bà La Môn, tỳ-kheo là tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni là tỳ-kheo-ni, trình tự rất rõ ràng, chẳng thể lẫn lộn, cho nên họ ngồi theo thứ tự.

*(Kinh) Thời, bỉ Hiền Hộ cập Bảo Đức Ly Xa Tử, Thiện Thương Chủ ưu-bà-tắc, Già Ha Ngập Đa trưởng giả tử, Na La Đạt Đa trưởng giả tử, ký kiến Thế Tôn, dữ bỉ tứ bộ thiên nhân đại chúng, giai an tọa dĩ. Ư thị, Hiền Hộ cung dĩ tự thủ, trì tối diệu thực phụng thượng Thế Tôn.*

**(經)時，彼賢護及寶德離車子、善商主優婆塞、伽訶嵐多長者子、那羅達多長者子，既見世尊，與彼四部天人**

**大眾。 ， 皆安坐已。 於是， 賢護躬以自手， 持最妙食奉上世尊。**

*(Kinh: Khi ấy, Hiền Hộ, và Bảo Đức Ly Xa Tử, ru-bà-tắc Thiện Thương Chủ, con ông trưởng giả Già Ha Ngập Đa, con ông trưởng giả Na La Đạt Đa, đã thấy đức Thế Tôn và bốn bộ chúng trời, người đều an tọa xong. Lúc đó, Hiền Hộ cung kính, đích thân đem thức ăn ngon lành nhất dâng lên đức Thế Tôn).*

“Phụng thượng” (奉上) là nâng cao khỏi đầu. Đây vẫn là một điều thuộc về phong tục, là một hình thức biểu đạt tâm trí của người dâng cúng.

*(Kinh) Thế Tôn thọ dĩ, nhiên hậu thọ dĩ chư tứ bộ chúng, cập dĩ nhất thiết thiên nhân đại chúng, chủng chủng thượng diệu hương mỹ vị thực, hàm linh tự tứ, tất giai phong mãn.*

**(經)世尊受已， 然後授與諸四部衆， 及與一切天人大衆， 種種上妙香美味食， 咸令自恣， 悉皆豐滿。**

*(Kinh: Đức Thế Tôn thọ cúng xong, sau đó, [Hiền Hộ] dâng cho bốn bộ chúng và hết thấy trời, người đại chúng các thứ thức ăn thơm ngon, hay khéo nhất, khiến cho mọi người đều tùy ý lấy dùng, thấy đều phong phú, tràn đầy).*

“Tự tứ” (自恣) là tùy ý lấy dùng.

*(Kinh) Như thị nhất thiết phạn thực tư tất, tháo thủ, sáu khẩu, nãi chí tẩy địch bát khí, trì cử giai cánh.*

**(經)如是一切飯食斯畢， 澡手漱口， 乃至洗滌鉢器， 持舉皆竟。**

*(Kinh: Dùng cơm như thế xong xuôi, rửa tay, súc miệng, cho đến rửa sạch bát đựng, cất đi xong xuôi).*

Đây là nói đến quá trình ăn uống của Ấn Độ. Họ dùng tay bốc thức ăn. Nếu dùng bát cỡ lớn, đủ cho sáu người ăn. Bát cỡ trung thì đủ

cho bốn người ăn. Dùng bát cỡ nhỏ thì đủ cho hai người ăn. Sau khi bốc ăn, cần phải rửa tay. Ở đây, rửa tay, súc miệng, cho đến rửa sạch bát là một quá trình sinh hoạt của Tăng nhân.

*(Kinh) Hiền Hộ w thị biệt trí tiểu tòa. Tại Thế Tôn tiền, đầu diện đánh lễ, nhiên hậu thoái tọa, nhất tâm chiêm ngưỡng.*

**(經)賢護於是別置小座。在世尊前，頭面頂禮，然後退坐，一心瞻仰。**

*(Kinh: Hiền Hộ khi đó xếp riêng một chỗ ngồi nhỏ. Đối trước đức Thế Tôn, đầu mặt đánh lễ đức Phật, sau đó, ngồi lui qua, nhất tâm chiêm ngưỡng).*

Cũng là một loại phong tục. Vì làm cho mắt từ bi của đức Thế Tôn nhìn rộng khắp hết thủy hữu tình, tâm quang chiếu soi, hộ trì. Cho nên vì đức Phật lập một tòa ngồi cao rộng, còn Hiền Hộ xếp đặt một tòa nhỏ, biểu thị lòng tôn trọng, cúng dường.

“*Nhất tâm chiêm ngưỡng*” tức là chấp tay ngấm dung nhan kỳ diệu của đức Thế Tôn, trong tâm tán dương. Đó gọi là “*cung kính nhiều, chiêm ngưỡng*”, tức là dùng tâm tôn trọng, tâm kiên thành để chiêm ngưỡng đức Thế Tôn.

*(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn tức vị Hiền Hộ Bồ Tát, cập Bảo Đức Ly Xa Tử, Thiện Thương Chủ ưu-bà-tắc, Già Ha Ngập Đa trưởng giả tử, Na La Đạt Đa Ma Nạp đẳng, nãi chí tứ bộ thiên nhân đại chúng đẳng, như ứng thuyết pháp, linh kỳ giải tri, khai đạo ủy dụ, linh kỳ hoan hỷ. Nhiên hậu, dĩ chư tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, thiên, nhân đại chúng quy hoàn bản sở. Thời, bỉ Hiền Hộ Bồ Tát hậu thực tất dĩ.*

**(經)爾時，世尊即為賢護菩薩，及寶德離車子、善商主優婆塞、伽訶岌多長者子、那羅達多摩納等，乃至四部天人大眾等，如應說法，令其解知，開導慰喻，令其歡喜。然後，與諸比丘、比丘尼、天人大眾歸還本所。時，彼賢護菩薩後食畢已。**

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2**

(**Kinh:** Lúc bảy giờ, đức Thế Tôn liền vì Hiền Hộ Bồ Tát, và Bảo Đức Ly Xa Tử, ưu-bà-tắc Thiên Thương Chủ, con ông trưởng giả Già Ha Ngập Đa, Na La Đạt Đa Ma Nạp v.v... cho đến bốn đại chúng trời, người thuyết pháp thích ứng, khiến cho họ hiểu biết, hướng dẫn, an ủi, khuyên nhủ, khiến cho hoan hỷ. Sau đó, các tỳ-kheo, tỳ-kheo ni, trời, người đại chúng trở về chỗ mình. Khi đó, Hiền Hộ Bồ Tát ăn sau xong xuôi).

Hiền Hộ chăm sóc cho bốn bộ đại chúng ăn trước, sau đó mới tự mình dùng bữa.

(**Kinh**) *Tương chư quyến thuộc, thiện hữu, tri thức, cập bách thiên chúng tả hữu vi nhiều, chí Thế Tôn sở.*

**(經)將諸眷屬善友知識，及百千衆左右圍繞，至世尊所。**

(**Kinh:** Dẫn các quyến thuộc, thiện hữu tri thức, và trăm ngàn người vây quanh hai bên đến chỗ đức Thế Tôn).

Hiền Hộ là vị đứng đầu của mười sáu Chánh Sĩ, là người đứng đầu tám vị Đại Sĩ, cho đến là người đứng đầu của năm trăm vị tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di đối trước đức Thế Tôn phát nguyện thủ hộ pháp Ban Châu tam-muội. “Thủ” là người phát khởi trước, thủ hộ trước. Vì thế, Hiền Hộ dẫn mọi người tới chỗ đức Thế Tôn.

(**Kinh**) *Cung kính lễ bái, thoái tọa nhất diện, hồ quỳ, hiệp chưởng.*

**(經)恭敬禮拜，退坐一面，胡跪合掌。**

(**Kinh:** Cung kính lễ bái, lui qua ngòai một phía, hồ quỳ, chấp tay).

“Hồ quỳ” là quỳ một gối xuống đất.

(**Kinh**) *Nhi bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Bồ Tát Ma Ha Tát cụ túc kỷ pháp, đương năng chứng thử hiện tiền tam-muội?*

**(經)而白佛言：「世尊！菩薩摩訶薩具足幾法，當能證此現前三昧？」**

*(Kinh: Bèn bạch đức Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Bồ Tát Ma Ha Tát trọn đủ mấy pháp thì sẽ có thể chứng hiện tiền tam-muội này?)*

“Bồ Tát” ở đây chính là người thọ trì, yêu mến, tu tập pháp này, khéo thủ hộ pháp này, có thể chứng tam-muội. Bất luận xuất gia hay tại gia, đều dùng danh xưng Bồ Tát để gọi.

*(Kinh) Phật ngôn: - Hiền Hộ! Bồ Tát nhược năng thành tựu ngũ pháp, tắc tiên đắc thử hiện tiền tam-muội. Hà đẳng vi ngũ?*

**(經)佛言：「賢護！菩薩若能成就五法，則便得此現前三昧。何等爲五？」**

*(Kinh: Đức Phật nói: - Nay Hiền Hộ! Bồ Tát nếu có thể thành tựu năm pháp, liền đạt được hiện tiền tam-muội này. Những gì là năm?)*

Đức Thế Tôn nhiều lượt nêu ra năm pháp. Dưới đây là pháp thứ nhất.

*(Kinh) Sở vị: Nhất giả, cụ thậm thâm Nhẫn, diệt trừ chí tận.*

**(經)所謂：一者、具甚深忍，滅除至盡。**

*(Kinh: Tức là: Một là trọn đủ nhẫn rất sâu, diệt trừ cho đến hết).*

“Thâm nhẫn” là nói đến Tín Nhẫn, Thuận Nhẫn, và Vô Sanh Nhẫn. Tức là đối với hết thảy các pháp, đều có thể tùy thuận, im lặng, nghe theo, tín thuận, tùy thuận, yêu thích. Nói “diệt trừ chí tận” tức là đối với các pháp, không có gì để đạt được, mà đối với vô sở đắc, cũng chẳng bị nhiễm gì. Đối với không đấm nhiễm, cũng là chẳng nói năng, cũng chẳng có gì để biết. Đây thật sự là cội nguồn của phát tâm, là tướng mạo thanh tịnh của Vô Thượng Bồ Đề tâm. Năm pháp đầu tiên này đều là tướng tâm trí của cội nguồn Vô Thượng Bồ Đề tâm. Nếu chẳng phải là người khéo nói, có thể thuận theo lời này để khéo biểu đạt Vô Thượng Bồ Đề tâm, tức chẳng phải là tạo tác Bồ Đề tâm, mà là chân thật Bồ Đề tâm.

*(Kinh) Nhị giả, thật vô sở tận, vô hữu tận xứ.*

**(經)二者、實無所盡，無有盡處。**

*(Kinh: Hai là thật ra chẳng có gì để tận, chẳng có chỗ cùng tận).*

Pháp thứ hai tiếp nối của pháp thứ nhất. Đức Thế Tôn hướng dẫn theo thứ tự. Tuy chẳng có sâu hay cạn, vẫn khiến cho người đời có thể tuân theo. Biểu đạt chân tâm, Vô Thượng Bồ Đề tâm, Phật tâm, pháp tánh như thế, chính là có thể biểu đạt trọn đủ, hoàn toàn. Trong hành pháp Ban Châu tam-muội, điều này được nói đầu tiên. Bởi lẽ, muốn chứng tam-muội, năm pháp này là tâm trí phải chọn lựa đầu tiên, chính là cách phát tâm và vận dụng phải chọn lựa đầu tiên.

*(Kinh) Tam giả, bốn vô hữu loạn, diệt trừ chư loạn.*

**(經)三者、本無有亂，滅除諸亂。**

*(Kinh: Ba là vốn chẳng có loạn mà diệt trừ các loạn).*

Vốn là kẻ nhàn tản, vốn vô sự, vì sao tạo tác? Vốn chẳng có sanh tử, hư vọng tự thiết lập giả dối. Vốn chẳng có phiền não, kẻ tâm thường tự quấy nhiễu! Chúng ta hãy tự khéo quan sát, vì vốn không có gì để loạn, cho nên khiến cho các loạn được trừ. Vì có sao? Các loạn hiện ra sau đó đều là vốn chẳng thể được, do chẳng có tự tánh. Vì thế, các loạn ngay lập tức trừ sạch. Vì sao? Vì vốn là vô sanh.

*(Kinh) Tứ giả, bốn vô hữu cấu, diệt trừ chư cấu.*

**(經)四者、本無有垢，滅除諸垢。**

*(Kinh: Bốn là vốn chẳng có cấu, diệt trừ các cấu).*

Các vị thiện tri thức ơi! Đây là giáo ngôn rất sâu, thanh tịnh, vô nhiễm, chân thật ẩn khế tâm trí cội nguồn thanh tịnh của chúng sanh. Nếu sử dụng được, sẽ là phương tiện hiện tiền, chẳng nhờ vào tu chứng, cùng lúc trọn đủ! Đây là giáo ngôn an lập thực thi Vô Thượng Bồ Đề tâm, xa lìa tạo tác.

*(Kinh) Ngũ giả, bốn vô hữu trần, đoạn ly chư trần.*

**(經)五者、本無有塵，斷離諸塵。**



*(Kinh: Năm là vốn chẳng có trần, đoạn lìa các trần).*

Tợ hồ là “*thuyết*” mà chẳng thuyết, ngôn mà vô ngôn, “*câu*” là vô câu, loạn là chẳng loạn, sanh thì vô sanh, trừ thì vô trừ, diệt thì vô diệt. Ngay lập tức gột rửa hết sạch, trọn chẳng có gì, ngay lập tức chân thật! Giải quyết từ chỗ căn bản, hết thấy nhân duyên huyễn hóa, ở nơi trí huệ, thanh tịnh, trong diệu dụng của pháp tánh. Đó gọi là “*pháp tánh vốn tịch tĩnh, nhất thời diệu dụng sanh khởi*”. Muốn chứng tam-muội này như thế, căn cơ rất chín muồi, sẽ chẳng khó khăn!

*(Kinh) Hiền Hộ! Thị vi Bồ Tát Ma Ha Tát cụ túc thành tựu Vô Sanh Nhân cố, nhi năng đắc thử hiện tiền tam-muội.*

**(經)賢護！是為菩薩摩訶薩具足成就無生忍故，而能得此現前三昧。**

*(Kinh: Nay Hiền Hộ! Đó là Bồ Tát Ma Ha Tát do thành tựu đầy đủ Vô Sanh Nhân mà có thể đạt được hiện tiền tam-muội này).*

Năm pháp cần phải trọn đủ ấy đều dùng Vô Sanh Nhân để miêu tả, tức là nói “*chẳng đến, chẳng đi, chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng thiện, chẳng ác, chẳng phải xanh, vàng, đỏ, trắng*”, cũng chẳng nói đến xanh, vàng, đỏ, trắng. Cho nên hết thấy các cách nói đối đãi sẽ ngay lập tức tiêu mất, hết thấy giả thiết sẽ ngay lập tức vứt bỏ, hết thấy trần cấu ngay lập tức gột sạch sành sanh. Vì sao? Do vốn vô sanh. Vì vô sanh, cho nên cũng vô diệt, chẳng như mà cũng chẳng tịnh. Trong chân tâm như thế, được thấy pháp tắc. Người hành pháp như thế tất nhiên tương ứng, ắt chứng Bồ Đề, ắt có thể chứng tam-muội hiện tiền này.

Năm pháp ấy là vì trọn đủ pháp, tức là vốn sẵn vô tánh, cũng là trọn đủ Vô Sanh Nhân. Ở đây, thoát nhìn dường như ngôn thuyết quá cao, lý giáo quá cao, thật ra chẳng phải vậy! Cao hay thấp chỉ là do tâm tướng của chúng sanh. Nếu có thể tùy thuận, sẽ rất là thuận tiện! Ở đây, nếu muốn tư duy, giả thiết, muốn thông hiểu, sẽ rất khó khăn! Đây là giáo pháp ấn khê, giáo pháp chọn lựa, chẳng nhờ vào tư duy, chẳng cậy vào phương tiện, mà thẳng thừng ấn khê, tức là từ tướng của Vô Sanh Nhân, từ diện mạo của Vô Sanh Nhân, từ chỗ công đức và lợi ích của Vô Sanh Nhân, từ ngay năm pháp ấy mà có thể đắc hiện tiền tam-muội này!

*(Kinh) Phục thứ Hiền Hộ! Bồ Tát Ma Ha Tát phục hữu ngũ pháp năng đắc tam-muội.*

**(經)復次賢護! 菩薩摩訶薩復有五法能得三昧。**

*(Kinh: Lại này Hiền Hộ! Bồ Tát Ma Ha Tát lại có năm pháp để có thể đắc tam-muội).*

Đây là “năm pháp” thứ hai.

*(Kinh) Nhất giả, thâm yếm chư hữu, bất thọ chư hành.*

**(經)一者、深厭諸有，不受諸行。**

*(Kinh: Một là chán sâu xa các cõi, chẳng thọ các hành).*

Trong hết thấy các nhiễm pháp, chán lia sâu xa, chẳng có đôi đũa. Đối với các hành, hiểu chúng là vô nhiễm, trọn chẳng có gì để đạt được!

*(Kinh) Nhị giả, nhất thiết sanh xứ, niệm Bồ Đề tâm.*

**(經)二者、一切生處，念菩提心。**

*(Kinh: Trong hết thấy chỗ sanh, đều nhớ tới tâm Bồ Đề).*

Dù là thiện niệm hay ác niệm, dù là niệm hay phi niệm, phạm niệm hay thánh niệm, trong hết thấy các niệm xứ, đều dùng Bồ Đề tâm để soi tỏ, nhận biết, đây là chánh tu hành! Vì vậy, nơi pháp tắc thứ hai, chánh tu hành phát khởi, vì đối với các hành đều chẳng thọ. Do vậy, trong hết thấy các chỗ, vận dụng Bồ Đề tâm, niệm Bồ Đề tâm, quán Bồ Đề tâm, hành Bồ Đề tâm, hiểu rõ Bồ Đề tâm, chế phục Bồ Đề tâm, trong hết thấy các chỗ sanh đã hiển hiện, chỉ dùng Bồ Đề tâm để chọn lựa hiện duyên.

*(Kinh) Tam giả, sở sanh thường kiến chư Phật Thế Tôn.*

**(經)三者、所生常見諸佛世尊。**

*(Kinh: Ba là đối với chỗ sanh, thường thấy chư Phật Thế Tôn).*

Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát hành hai pháp trước, chỗ nào cũng sẽ thấy Phật. Quý vị nói: “Ta đã phát Bồ Đề tâm, vì sao chẳng thấy?” Vì quý vị chưa thường tu, rốt ráo tu, tu chẳng gián đoạn, tu vô nhiễm, chân thật hành Bồ Đề tâm, thấu hiểu Bồ Đề tâm, chế phục Bồ Đề tâm, chứng Bồ

Đề tâm, trọn đủ Bồ Đề tâm. Nếu là như thế, niệm Bồ Đề tâm sẽ là chân thật. Do vậy, thường thấy chư Phật Thế Tôn.

*(Kinh) Tứ giả, chung bắt đăm trước âm giới chư nhập.*

**(經)四者、終不耽著陰界諸入。**

*(Kinh: Bốn là trọn chẳng đăm chấp âm, giới, các nhập).*

Trong các cảnh giới, cho đến thấy tướng quang minh, cho đến trông thấy chư Phật, cũng chẳng đăm nhiễm, càng chẳng cần phải nói tới âm cảnh, mộng cảnh, huyễn cảnh, vọng cảnh trong thế gian, đều chẳng thể nhập. “*Chẳng nhập*” là như nhìn vật trong gương, giống như xem tuồng. Chúng ta chẳng cần diễn tuồng, chỉ nên xem tuồng. Nếu nhập vào trong tuồng, sợ rằng tự tâm sẽ mê, đánh mất thân phận! Tham gia làm diễn viên, một chốc buồn, một chốc vui, một chốc phàm, một chốc thánh, luân hồi chẳng ngơi trong sáu đường, mê mất tự tâm. Vì thế, “*chẳng nhập*” là chẳng trụ vào các cảnh, chẳng đánh mất các cảnh.

*(Kinh) Ngũ giả, chung bắt ái trước thọ dục lạc sự. Hiền Hộ! Thị vi Bồ Tát Ma Ha Tát cụ túc ngũ pháp thành tựu tam-muội.*

**(經)五者、終不愛著受欲樂事。賢護！是爲菩薩摩訶薩具足五法成就三昧。**

*(Kinh: Năm là trọn chẳng yêu đăm, tiếp nhận các chuyện dục lạc. Nay Hiền Hộ! Đó là Bồ Tát Ma Ha Tát trọn đủ năm pháp thành tựu tam-muội).*

Đối với hữu tình trong Dục Giới, điều này rất khó! Khó ở chỗ nào? Dục Giới hữu tình lẫn lộn trong ngũ dục. Chỗ này là chỗ chúng ta phải tự mình xem xét kỹ càng. Khi niệm Phật, khi muốn thấy Phật, đối với niềm vui ngũ dục, hãy nên có tâm lìa bỏ. Vì lẽ nào? Khi được thấy đức Thế Tôn, thiện căn sẽ thành thực, quý vị sẽ thấy rõ niềm vui ngũ dục trong thế gian quả thật là niềm vui chẳng tương ứng, vì nó là vô thường!

*(Kinh) Phục thứ Hiền Hộ! Bồ Tát Ma Ha Tát phục hữu ngũ pháp năng đắc tam-muội.*

**(經)復次賢護！菩薩摩訶薩復有五法能得三昧。**

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2**

*(Kinh: Lại này Hiền Hộ! Bồ Tát Ma Ha Tát lại có năm pháp có thể tam-muội).*

Đây là “năm pháp” thứ ba.

*(Kinh) Nhất giả, thường đương tư niệm vô biên tế tâm.*

**(經)一者、常當思念無邊際心。**

*(Kinh: Một là thường nghĩ niệm tâm không ngăn mé).*

“Tâm” không bị hạn chế, chẳng có giới hạn.

*(Kinh) Nhị giả, thường năng thiện nhập Thiền Định tư duy.*

**(經)二者、常能善入禪定思惟。**

*(Kinh: Hai là thường có thể khéo nhập Thiền Định tư duy).*

“Chư Thiền Định tư duy” và cảm nhận, tư duy của chúng sanh về Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp sai khác tột bậc to lớn. Do tu trì bốn loại vô biên mà người ta sẽ đắc Thiền Định thiện xảo. Vì sao? Vì hết thấy thức tâm sẽ tiêu tan, lìa thoát, không chấp trước gì!

*(Kinh) Tam giả, phân biệt tư duy nhất thiết chư pháp.*

**(經)三者、分別思惟一切諸法。**

*(Kinh: Ba là phân biệt, tư duy hết thấy các pháp).*

“Phân biệt” ở đây là khéo phân biệt, quan sát trong pháp tắc vô phân biệt. Vô phân biệt chính là nơi tự tánh tồn tại. Do khéo phân biệt mà liễu đạt tự tánh, chẳng có gì phân biệt. Trong vô phân biệt, hiện các thứ tướng phân biệt. Vì thế, nói là “*khéo phân biệt hết thấy các pháp*”.

*(Kinh) Tứ giả, w chư chúng sanh vô hữu tránh tâm.*

**(經)四者、於諸衆生無有諍心。**

*(Kinh: Bốn là đối với các chúng sanh, chẳng có tâm tranh chấp).*

Trong pháp tắc tu trì Ban Châu tam-muội, cái tâm vô tránh rất quan trọng. Nó chính là căn bản để thủ hộ của người niệm Phật. Có kẻ

nói chính mình là người niệm Phật, nhưng chỗ nào cũng là “người này đúng, người nọ sai”. Như thế sẽ chẳng thể niệm Phật, vì sao? Phật là đáng thanh tịnh, đáng bình đẳng, đáng chân thật, đáng lợi lạc rộng khắp chúng sanh, đáng yêu thương chúng sanh, đáng dẹp khổ cho chúng sanh, đáng ban vui cho chúng sanh, đáng ban phước huệ cho chúng sanh, sẽ chẳng tranh giành với người khác, sẽ chẳng có duyên có tranh chấp, sẽ chẳng có tâm tranh chấp, sẽ chẳng có ý tranh chấp!

*(Kinh) Ngũ giả, thường dĩ Tứ Nhiếp nhiếp thọ chúng sanh. Sở vi, bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự. Hiền Hộ! Thị vi Bồ Tát Ma Ha Tát cụ túc ngũ pháp thành tựu tam-muội.*

**(經)五者、常以四攝攝受衆生。所謂佈施愛語利行同事。賢護！是爲菩薩摩訶薩具足五法成就三昧。**

*(Kinh: Năm là thường dùng pháp Tứ Nhiếp để nhiếp thọ chúng sanh, tức là bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự. Đây Hiền Hộ! Đó là Bồ Tát Ma Ha Tát trọn đủ năm pháp thành tựu tam-muội).*

Tứ Nhiếp Pháp, bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự là thiện xảo để giao tiếp, thiện xảo để nhiếp thọ chúng sanh, là thiện xảo để tôn trọng, là pháp tắc trọng yếu trong tu hành hết thảy Phật pháp, là điều mà hết thảy hữu tình học Phật phải nên quen thuộc, phải nên khéo thủ hộ, khéo tu tập. Như thế thì đoàn thể Tăng chúng và đoàn thể cư sĩ sẽ hòa hợp, sẽ có ý nghĩa. Trong Tăng chúng và trong cư sĩ hiện thời, tội bậc thiếu khuyết pháp tắc Tứ Nhiếp, lợi ích rộng khắp người khác ít ỏi, bố thí ít ỏi, đồng sự ít ỏi. Kẻ nói “ta cao minh, ta vĩ đại, ta trang nghiêm, ta chánh xác, ta chân thật” nhiều lắm. Đó chẳng phải là đồng sự với người khác. Đồng sự là vô ngã, vô ngã tướng, không có người khác, không có tướng người khác. Như thế thì sẽ có thể tiêu trừ hết sạch cảm nhận bất bình đẳng, vì có thể khéo thực hiện bố thí, ái ngữ, có thể lợi ích rộng khắp hữu tình.

*(Kinh) Phục thứ Hiền Hộ! Bồ Tát Ma Ha Tát phục hữu ngũ pháp năng đắc tam-muội.*

**(經)復次賢護！菩薩摩訶薩復有五法能得三昧。**

*(Kinh: Lại này Hiền Hộ! Bồ Tát Ma Ha Tát lại có năm pháp có thể đắc tam-muội).*

Đây là “năm pháp” thứ tư.

*(Kinh) Nhất giả, w chư chúng sanh sở, thường hành từ tâm.*

**(經)一者、於諸衆生所，常行慈心。**

*(Kinh: Một là đối với các chúng sanh, thường hành từ tâm).*

Các vị Bồ Tát ơi! Đừng coi thường lời dạy này! Chúng ta có thể dùng năm pháp này để đối chiếu với tâm trí và hành vi thường nhật của chính mình xem có trọn đủ hay không? Quý vị sẽ biết vì sao chính mình chưa chứng tam-muội, chưa đắc Thập Phương Chư Phật Tát Giai Hiền Tiên! Chúng ta dùng cái gương vi tế này để soi rọi nghiệp của chính mình, vì sao nghiệp chẳng chín muồi? Vì sao hành pháp chẳng tương ứng? Thường hành từ tâm đối với các chúng sanh, chẳng phải là một loại, chẳng phải nhân loại, chẳng phải thiên loại, chẳng phải đồng loại, chỉ là đối với chúng sanh thường hành từ tâm!

*(Kinh) Nhị giả, w nhất thiết thời, niệm tu thánh hạnh.*

**(經)二者、於一切時，念修聖行。**

*(Kinh: Hai là trong hết thảy các thời, nghĩ tu thánh hạnh).*

Đừng nên hành hạnh của phàm ngu, hoặc hạnh đọa lạc.

*(Kinh) Tam giả, thường hành nhẫn nhục, kiến phá giới giả, hằng sanh kính tâm.*

**(經)三者、常行忍辱，見破戒者，恆生敬心。**

*(Kinh: Ba là thường hành nhẫn nhục, thấy kẻ phá giới luôn sanh tâm kính trọng).*

Điều này mười phần trọng yếu. Vì nhẫn nhục, cho nên thấy kẻ phá giới vẫn sanh lòng tôn trọng, yêu mến. Vì sao nói như thế? Trong giáo ngôn Đại Thừa của đức Thế Tôn đã dạy: “Trì giới bất kính, phạm giới bất si” (Chẳng kính người trì giới, chẳng si nhục kẻ phạm giới). Vì sao? Do cái tâm thanh tịnh, do bình đẳng, do có thể nhẫn nhục hết thảy sai biệt.

Đây là một sự tu trì tâm lý hết sức trọng yếu, tức là tâm lý thanh tịnh, bình đẳng. Hãy nên tu trì như thế, sự tu trì ấy mười phần trọng yếu. Vì mọi phàm nhân hễ thấy kẻ khác có lỗi, tâm họ sẽ sanh sân oán, bài

xích, lừa bịp. Đối với pháp như thế, chẳng thể đạt được an lạc thật sự và tâm từ bi rốt ráo, tâm bình đẳng chẳng thể chọn lựa sanh khởi.

*(Kinh) Tứ giả, tự hòa thượng, A Xà Lê sở, bất thuyết kỹ năng.*

**(經)四者、於自和尚，阿闍梨所，不說己能。**

*(Kinh: Bốn là đối với hòa thượng, A Xà Lê của chính mình, chẳng khoe tài năng của bản thân).*

Hết sức trọng yếu! Vì sao? Do tôn sư trọng đạo! Vì nếu đối với “*tự hòa thượng, A Xà Lê sở*”, khoe tài năng của chính mình, tức là khoe khoang, là khinh miệt thầy, là báng pháp. Vì sao? Do cái tâm kiêu mạn mà ra, do cái tâm tà kiến mà ra. Trong quá khứ, chuyện này được gọi là “*khi nhục sư trưởng*” (dối gạt, làm nhục sư trưởng). Tôi nêu một thí dụ để mọi người dễ cảm nhận hơn. Chẳng hạn như có một người giúp kẻ khác buôn bán, cho kẻ đó mượn tiền, lót đường cho kẻ đó buôn bán. Sau đó, kẻ đó do buôn bán mà phát tài, bèn tới trước mặt người đã giúp đỡ hẳn, bô bô: “Nay tao rất có tiền! Tao nói cho mày biết...” Tự huênh hoang dạy đời, khiến cho người kia cảm thấy kẻ đó chẳng tử tế, chẳng tương ứng. Vì sao? Kẻ đó chẳng được người khác giúp đỡ, đức hạnh sẽ chẳng thể an lập. Nếu có thể an lập, hãy nên thanh tịnh thủ hộ, cảm kích thủ hộ. Vì thế, chẳng khoe tài năng của chính mình rất quan trọng.

Tôi nhớ có lần tôi đến đạo tràng của vị ân sư thế độ. Sư phụ nói: “Nay con làm pháp sư, nghe nói con giảng kinh khá lắm, hãy đến đây giúp thầy giảng kinh”. Tôi thưa: “Thầy chó nên giảm tởn đệ tử của chính mình! Thầy nói như thế, con chỉ có nước đỏ mặt mà thôi!” Trước mặt sư phụ, đối đáp nhân duyên như thế làm sao được? Tôi chỉ có thể cảm ơn sư trưởng đã giáo huấn, dìu dắt, ban tặng, chẳng thể nói chi khác. Vì thế, đối trước hòa thượng, A Xà Lê, chẳng thể khoe tài năng của chính mình. Đây là điều chúng ta phải tránh, phải chú ý chỗ này. Nếu không chú ý, sẽ có tâm tăng thượng mạn, thậm chí sanh tâm tà kiến, như thế thì sẽ tổn hại thiện căn của quý vị. Sư trưởng sẽ không cho quý vị cơ hội, hoặc sẽ chẳng nói pháp giáo cho quý vị. Dầu có giáo ngôn thiện xảo rất sâu, thầy cũng chẳng truyền dạy quý vị. Vì sao? Như thế sẽ khiến cho quý vị bị đọa lạc, thương tổn, giống như kẻ giàu có ăn nhậu, chơi bời, cờ bạc, chẳng tương ứng! Vì thế, người khéo gìn giữ gia sản, sẽ để cho đứa con hiếu thuận thủ hộ gia sản, truyền thừa cho đời sau, hoặc lợi ích thế gian. Cũng giống như vậy, nếu chúng ta chẳng thể khéo vận dụng pháp tắc, sư trưởng sẽ ngăn trở nhân duyên của chúng ta. Đó là chuyện tất nhiên.

Khinh mạn sư trưởng là chẳng tương ứng, bất cứ người học Phật nào cũng đều nên chú ý điểm này!

*(Kinh) Ngũ giả, w nhất thiết xứ, bất cảm khinh tha. Hiền Hộ! Thị vi Bồ Tát Ma Ha Tát cụ túc ngũ pháp, tắc năng chứng thị hiện tiền tam-muội.*

**(經)五者、於一切處，不敢輕他。賢護！是爲菩薩摩訶薩具足五法，則能證是現前三昧。**

*(Kinh: Năm là trong hết thảy các chỗ, chẳng dám khinh mạn người khác. Nay Hiền Hộ! Đó là Bồ Tát Ma Ha Tát trọn đủ năm pháp sẽ có thể chứng hiện tiền tam-muội này).*

Càng trọng yếu hơn! Trong hành pháp Ban Châu, chớ nên coi thường hết thảy chúng sanh, dầu là hữu tình tội ác tội bậc, điên đảo cùng cực, cuồng vọng cùng cực, phạm làm lỗi cùng cực, cũng chớ nên khinh kẻ đó. Chúng ta chẳng có lý do gì để coi thường sự tồn tại và giá trị của bất cứ sanh mạng nào! Vì sao? Quý vị chẳng biết kẻ đó là do vị Bồ Tát nào thị hiện, do vị thiện tri thức nào thị hiện, hoặc do nhân duyên nào thị hiện, khi quý vị chẳng thấy thấu suốt, tuyệt đối phải nên tôn trọng hết thảy, trừ phi biết túc mạng trong bao kiếp lâu xa giống như đức Thế Tôn. Nếu không, quyết định chớ nên [khinh thường].

Trong lúc đức Thế Tôn tại thế thuyết pháp, tôn giả Ca Diếp đã mấy lần thưa với đức Thế Tôn lời lẽ như thế. Có một lần, các vị đại A La Hán thấy một hữu tình già khom muốn xuất gia, mỗi vị đều cho là ông cụ đó chẳng có thiện căn để xuất gia. [Các Ngài quán thấy] suốt một kiếp, hai kiếp, cho đến tám vạn đại kiếp, xét theo nhân duyên, chẳng thấy ông lão có mảy may thiện căn, làm sao có thể xuất gia cho được? Cụ già ấy được gặp đức Thế Tôn, đức Thế Tôn quán thấu triệt thiện căn, phước đức, nhân duyên của người ấy, biết bao kiếp lâu xa về trước, cụ là tiền phụ. Có con cọp đói toan ăn thịt. Cụ liền trèo lên cây. Cọp đói quá sức, nhe nanh gặm cây. Cụ già trong lòng hoảng hốt, bèn niệm một câu “*nam-mô Phật*”.

Do thiện căn từ bao kiếp lâu xa về trước ấy, đức Thế Tôn cho phép cụ xuất gia. Khi cụ xuất gia, liền chứng A La Hán. Lúc ấy, các vị đại A La Hán đều khó hiểu, nói vì sao vậy? “Bạch Thế Tôn! Người này trong tám vạn đại kiếp chẳng có mảy may thiện căn nào, vì sao đức Thế Tôn vừa nói, ông ta lập tức chứng A La Hán? Rất là bất công!” Đức Thế



***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

Tôn bèn tuyên nói với các vị A La Hán từ bao kiếp lâu xa về trước, người tiều phu này có thiện căn xưng “*nam-mô Phật*”. Do [thiện căn ấy] đã vượt ra ngoài tám vạn đại kiếp, các vị A La Hán chẳng thể suy xét sâu hơn, nhưng đức Thế Tôn có thể thấy thấu triệt, khiến cho thiện căn của người ấy thành thực. Ngay khi đó, tôn giả Ca Diếp đánh lễ dưới chân đức Phật, tán thán rằng: “Lành thay! Đức Thế Tôn oai đức hy hữu, đã vì con mở kho công đức thù thắng, khiến cho con được thấy chỗ vô tận thiện căn của chúng sanh. Bạch Thế Tôn! Từ nay về sau, chúng con chẳng thể khinh báng hết thảy kẻ hữu duyên, sẽ coi hết thảy nhân duyên giống như Thế Tôn”. Đó là tôn giả Ca Diếp ở chỗ đức Thế Tôn, đối với chuyện đức Thế Tôn đã vì chúng sanh chỉ ra lợi ích chân thật của bảo tạng trân quý, bèn ngay lập tức thốt ra lời cung kính thọ trì. Ngài nói gì vậy? Tôn trọng hết thảy hữu tình; đây là bảo tạng.

Chúng ta nói: “*Vì chúng sanh mở kho báu vô tận*”, kho báu vô tận ở chỗ nào? Chính là tôn trọng hết thảy. Các vị thiện tri thức ơi! Đừng coi các thứ duyên là tạp duyên, đừng coi các thứ duyên là ác duyên. Nếu chúng ta mở con mắt trí huệ, hết thảy các hiện duyên đều là duyên trí huệ. Nếu chúng ta mở con mắt “trợn đủ”, hết thảy các hiện duyên đều là trân bảo. Vì kẻ mù chẳng thể thấy, do phòng tối đóng kín, cho nên bị nhiều thứ trân bảo làm bị thương. Trân bảo ở nơi đó cũng trở thành ác duyên. Vì sao là ác? Do con mắt trí huệ chẳng mở! Năm pháp trợn đủ ấy nhất là đối với chúng ta là những kẻ phàm ngu hữu tình đang hành trì Ban Châu lại càng trọng yếu, nhất là trong thời đại này, chúng ta tự mình hèn kém, khiến cho kẻ khác hèn kém. Mọi người hãy nên tự khéo quan sát, thủ hộ bảo tạng ấy.

***(Kinh) Phục thứ Hiền Hộ! Bồ Tát Ma Ha Tát phục hữu ngũ pháp năng đắc tam-muội.***

**(經)復次賢護! 菩薩摩訶薩復有五法能得三昧。**

***(Kinh: Lại này Hiền Hộ! Bồ Tát Ma Ha Tát lại có năm pháp có thể đắc tam-muội).***

Đây là “*năm pháp*” thứ năm.

***(Kinh) Nhất giả, thường y thánh giáo, như thuyết tu hành.***

**(經)一者、常依聖教，如說修行。**

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2**

*(Kinh: Một là nương theo thánh giáo, tu hành đúng như lời dạy).*

Pháp này đơn giản, chẳng cần phải tư duy. Tu hành theo đúng lời dạy chính là phương tiện.

*(Kinh) Nhị giả, thanh tịnh ý nghiệp, diệt thân khẩu ác.*

**(經)二者、清淨意業，滅身口惡。**

*(Kinh: Hai là thanh tịnh ý nghiệp, diệt điều ác nơi thân và miệng).*

Đây là thiện xảo Tứ Chánh Cần, rất dễ nắm vững, có thể vận dụng trong hiện duyên bất cứ lúc nào!

*(Kinh) Tam giả, thanh tịnh giới hạnh, đoạn trừ chư kiến.*

**(經)三者、清淨戒行，斷除諸見。**

*(Kinh: Ba là giới hạnh thanh tịnh, đoạn trừ các kiến).*

Giới do chư Phật Thế Tôn chế định. Bất luận Bồ Tát giới, Thanh Văn giới, tại gia giới, hay xuất gia giới, trong các loại giới hạnh, nếu nương theo giới, tự nhiên có thể trừ các kiến.

*(Kinh) Tứ giả, thường cầu đa văn, thâm tín chư thiện.*

**(經)四者、常求多聞，深信諸善。**

*(Kinh: Bốn là thường cầu đa văn, tin sâu các điều thiện).*

Trong các pháp, chẳng sanh nghi báng, bất luận là tự pháp hay tha pháp, bình đẳng yêu thích, nhưng nương theo tự pháp để thâm nhập tu tập, phương tiện thủ hộ. Vì thế, chớ nên tự khen mình, báng bỏ người khác.

*(Kinh) Ngũ giả, thường niệm Như Lai Ứng Đẳng Chánh Giác. Hiền Hộ! Thị vi Bồ Tát Ma Ha Tát cụ túc ngũ pháp, tắc năng hoạch đắc hiện tiền tam-muội.*

**(經)五者、常念如來應等正覺。賢護！是為菩薩摩訶薩具足五法，則能獲得現前三昧。**

*Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2*

*(Kinh: Năm là thường niệm Như Lai Ứng Đẳng Chánh Giác. Đây Hiền Hộ! Đó là năm pháp mà Bồ Tát Ma Ha Tát trọn đủ, sẽ có thể đạt được hiện tiền tam-muội).*

Phải nên thường niệm “*Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác là đáng ta tôn kính*”. Chớ xem thường câu này, hãy thường tư duy, hãy luôn để trong lòng.

*(Kinh) Phục thứ Hiền Hộ! Bồ Tát Ma Ha Tát phục hữu ngũ pháp năng đắc tam-muội.*

**(經)復次賢護！菩薩摩訶薩復有五法能得三昧。**

*(Kinh: Lại đây Hiền Hộ! Bồ Tát Ma Ha Tát lại có năm pháp có thể đắc tam-muội).*

Đây là “*năm pháp*” thứ sáu.

*(Kinh) Nhất giả, thường hành đại thí. Năng vi thí chủ, bất khởi xan tham, tâm vô tật đố, hoàng quảng tâm thí, thuần trực vô siểm. Ư chư sa-môn cập Bà La Môn, bản cùng, cô độc, nhất thiết khát nhân, vô sở ái tích, vô hữu thắng thượng khả trọng chi vật, nhi bất thí giả. Sở vi nhất thiết vi diệu ẩm thực, danh y thượng phục, đệ nhất phòng xá, chư chủng phu cụ, đặng, chúc, hoa, hương, phàm sở thọ dụng, giai tất xả chi. Tuy thường hành thí, nhi bất cầu báo, lân mẫn nhất thiết, vô nghi hoặc tâm. Ký thí chi hậu, chung vô biến hối.*

**(經)一者、常行大施。能為施主，不起慳貪，心無嫉妒，宏廣心施，純直無諂。於諸沙門及婆羅門，貧窮孤獨，一切乞人，無所愛惜，無有勝上可重之物，而不施者。所謂一切微妙飲食，名衣上服，第一房舍，諸種敷具，燈燭花香，凡所受用，皆悉舍之。雖常行施，而不求報，憐愍一切，無疑惑心。既施之後，終無變悔。**

*(Kinh: Một là thường hành bố thí to lớn. Có thể làm bậc thí chủ, chẳng dấy lòng keo tham, tâm chẳng ghen tỵ, bố thí bằng cái tâm rộng lớn, tinh thuần thẳng thắn, chẳng siểm ngụy. Đối với các sa-môn và Bà La Môn, kẻ nghèo túng, cô độc, hết thầy ăn mày, đều chẳng yêu tiếc,*

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2**

chẳng có vật nào thù thắng, thượng diệu đáng trọng mà chẳng thể thí. Tức là hết thấy các thứ thức ăn vi diệu, y phục sang đẹp nổi tiếng, nhà cửa bậc nhất, các thứ đồ trái, đèn, đuốc, hoa, hương, phàm là thứ thọ dụng nào cũng đều xả được. Tuy thường hành bố thí, mà chẳng cầu báo, thương xót hết thấy, chẳng có tâm ngờ vực. Sau khi đã thí, trọn chẳng đổi dạ, hối hận).

Đây thật sự là tâm địa rộng lớn. Quý vị nói: “Tôi chẳng có gì cả, [bố thí] rộng lớn bằng cách nào đây?” Trên thực tế, bản cùng cũng rất dễ bố thí. Có phương pháp [bố thí] là người nghèo cùng nếu chẳng sát sanh, yêu mến sanh mạng [của chúng sanh]. Đó chính là bố thí. Nếu “*biết đủ*” thì là bố thí hết thấy tiền tài.

*(Kinh) Nhị giả, thường vi thí chủ nhi hành pháp thí. Sở vị thường vị chúng sanh thuyết như tư pháp, sở vị đệ nhất tối thượng, tối thắng, tối diệu, tối tinh. Tu hành như thị đại pháp thí thời, năng xuất nhất thiết vô ngại biện tài, văn nghĩa thứ đệ, tương tục bất đoạn. Như Lai sở thuyết thậm thâm pháp trung, giai năng an trụ, thành tựu thâm nhẫn. Hoặc thời bị tha phỉ báng, mạ nhục, chửi kích, tiên đã, chung vô sân hận, uế trực độc tâm, diệc vô kinh cụ, chủng chủng khổ não, nhi tâm vô úy, thường hoài hoan hỷ.*

**(經)二者、常爲施主而行法施。所謂常爲衆生說如斯法，所謂第一最上，最勝最妙最精。修行如是大法施時，能出一切無礙辯才，文義次第，相續不斷。如來所說甚深法中，皆能安住，成就深忍。或時被他誹謗，罵辱捶擊鞭打，終無瞋恨，穢濁毒心，亦無驚懼，種種苦惱，而心無畏，常懷歡喜。**

*(Kinh: Hai là thường làm thí chủ để hành pháp thí. Tức là thường vì chúng sanh mà nói pháp như thế này, chính là [các pháp] bậc nhất, tối thượng, tối thắng, mẫu nhiệm nhất, tinh vi nhất. Khi tu hành đại pháp thí như thế, có thể phát ra hết thấy biện tài vô ngại, văn và nghĩa theo thứ tự, liên tục chẳng ngừng. Trong các pháp rất sâu do Như Lai đã nói, đều có thể an trụ, thành tựu Nhẫn sâu. Hoặc có lúc bị kẻ khác phỉ báng, mạ nhục mạ, đánh đập, đòn vọt, trọn chẳng có tâm sân hận, như bản, tèn*

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

*độc, cũng chẳng có tâm kinh sợ, các thứ khổ não, mà tâm chẳng sợ hãi, thường có lòng hoan hỷ).*

Lành thay! Đây thật sự là những pháp tắc mà chúng ta có thể sử dụng trong lúc bình thời, có thể xem xét kỹ!

***(Kinh) Tam giả, nhược văn tha thuyết thử tam-muội thời, chí tâm thính thọ, thư tả, độc tụng, tư duy kỳ nghĩa, quảng vị tha nhân phân biệt, diễn thuyết, linh thị diệu pháp cứu trụ thế gian, chung vô bí tàng, sử pháp tạt diệt.***

**(經)三者、若聞他說此三昧時，至心聽受，書寫讀誦，思惟其義，廣爲他人分別演說，令是妙法久住世間，終無祕藏，使法疾滅。**

*(Kinh: Ba là nếu khi nghe người khác nói tam-muội này, chí tâm nghe nhận, biên chép, đọc tụng, tư duy nghĩa lý, rộng vì người khác phân biệt, diễn nói, khiến cho diệu pháp này tồn tại lâu dài trong thế gian, trọn chẳng giấu kín khiến cho pháp mau diệt).*

Các vị thiện tri thức ơi! Đây thật sự là một bảo điền! “*Năm pháp*” ấy chính là lời bí mật, lời như thật, lời công đức của chư Phật, có thể khiến cho chúng sanh ấn khế tự tâm, lựa chọn lợi ích. Sự lợi ích ấy được lựa chọn từ đâu? Quý vị nói: “Tôi hành Ban Châu trong một thời gian dài như thế, vì sao chẳng tương ứng?” Tương ứng với gì vậy? Tương ứng với vọng tưởng của quý vị ư? Tương ứng với sự thấy Phật giả lập của quý vị ư? Do quý vị giả lập, nói chung là chẳng tương ứng! Vì thế, ở đây chẳng có sự giả lập, nhưng khi tương ứng, chúng ta sẽ có thể đạt được công đức của Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội như thế. “*Chung vô bí tàng, sử pháp tạt diệt*” (Trọn chẳng giấu giếm, khiến cho pháp mau diệt): Vì thế, công đức tuyên nói pháp này rất chẳng thể nghĩ bàn! Kinh văn trong phần trước đã nói bốn điều:

- 1) Nếu cầu pháp này, công đức chẳng thể nghĩ bàn.
- 2) Nếu đọc tụng kinh điển này, công đức chẳng thể nghĩ bàn.
- 3) Nếu vì người khác tuyên nói, công đức chẳng thể nghĩ bàn.
- 4) Nếu đích thân chứng tam-muội này, công đức chẳng thể nghĩ bàn, chỉ có chư Phật biết, chỉ có Bồ Tát thủ hộ, chỉ có người thiện căn thuần thực truyền đạt.

*(Kinh) Tứ giả, thường vô tật đố, viễn ly chư não, khí xả Cái Triền, đoạn trừ trần cấu, bất tự xưng dự, diệc bất hủy tha.*

**(經)四者、常無嫉妒，遠離諸惱，棄捨蓋纏，斷除塵垢，不自稱譽，亦不毀他。**

*(Kinh: Bốn là thường chẳng ghen ty, xa lìa các não, vứt bỏ Cái Triền, đoạn trừ trần cấu, chẳng tự khen ngợi, cũng chẳng hủy báng kẻ khác).*

“Ghen ty” là chuyện phiền toái nhất trong loài người hiện thời. “Cái Triền” bao gồm Ngũ Cái và Thập Triền. “Bất tự xưng dự” tức là chẳng tự mình ca ngợi những gì chính mình đã đạt được. Hữu tình hiện thời thường nói: “Ta nay tốt đẹp hơn trước rất nhiều, nay ta được lắm! Nay ta như thế này, như thế nọ...” Ca ngợi chính mình như thế đó, chẳng thể tiến bộ, sẽ đứng ì tại đó, hoặc là hãm trong sự ca tụng chính mình, chẳng thể thoát ra. “Diệc bất hủy tha” (Cũng chẳng hủy báng kẻ khác). Vì sao? Kẻ tự khen mình, tất nhiên sẽ báng bỏ kẻ khác. Nếu bảo là ta đúng, tất nhiên kẻ khác sai bét! Trong pháp tương đối, sẽ tự nhiên sanh khởi như thế, chọn lựa như thế. Quý vị chẳng cần phải hoài nghi!

*(Kinh) Ngũ giả, u chư Phật sở, thường trọng tín tâm. Ư chư sư trưởng, thường hành kính úy. Ư tri thức xứ, thường sanh tâm quý. Ư chư ấu trĩ, thường hoài từ lân. Nãi chí thọ tha tiểu ân, thượng tư hậu báo. Hà hưởng nhân hữu trọng đức, nhi cảm triếp vong. Thường trụ thật ngôn, vị tăng vọng ngữ. Hiền Hộ! Thị vi Bồ Tát Ma Ha Tát cụ túc ngũ pháp, tắc năng hoạch đắc như thị tam-muội.*

**(經)五者、於諸佛所，常重信心。於諸師長，常行敬畏。於知識處，常生慚愧。於諸幼稚，常懷慈憐。乃至受他小恩，尚思厚報。何況人有重德，而敢輒忘。常住實言，未曾妄語。賢護！是為菩薩摩訶薩具足五法，則能獲得如是三昧」。**

*(Kinh: Năm là ở nơi chư Phật, thường có tín tâm sâu nặng. Đối với sư trưởng, thường giữ lòng kính sợ. Ở nơi tri thức, thường sanh lòng*

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

*hồ thẹn. Đối với những kẻ nhỏ dại, thường có lòng từ bi, thương xót. Cho đến nhận ân nhỏ của người khác, còn nghĩ báo đáp sâu đậm. Huống hồ đối với người có đức sâu nặng mà dám vội quên. Thường trụ trong lời chân thật, chưa từng nói dối. Nay Hiền Hộ! Đó là Bồ Tát Ma Ha Tát trọn đủ năm pháp, sẽ có thể đạt được tam-muội như thế).*

Kính sợ sư trưởng chính là thiện xảo, diệt trừ kiêu mạn, lập tức cung kính. Tâm cung kính chính là căn bản của hết thảy các pháp. Nếu chẳng có tâm cung kính, hết thảy các pháp đều chẳng thể đạt được, hết thảy các pháp đều chẳng thể thành, hết thảy các tam-muội đều chẳng thể thành tựu. Đó là điều chắc chắn, chẳng có mảy may hoài nghi nào! Bởi lẽ, sư trưởng là vị hướng dẫn tốt lành cho chúng ta. Chư Phật là đáng khéo hướng dẫn chúng ta, vì [các Ngài] dẫn dắt, phát khởi sự cung kính chọn lựa cho chúng ta. “*Thường trụ thật ngôn, vị tăng vọng ngữ*” (Thường trụ trong lời thật, chưa hề nói dối): Vì hành trì pháp Niệm Phật, và hành trì pháp tắc của chư Phật, nói dối sẽ gây tổn thương rất lớn cho con người. Vì thế, phải nên mười phần chú ý.

Đức Thế Tôn nêu ra sáu thứ “*ngũ pháp*”, chúng ta hãy thường nên luyện tập, thường đọc tụng, thường tu tập, thường ấn khế tự tâm, như thật biết tự tâm, sẽ đích thân chứng đắc tam-muội này chẳng khó!

***(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn vị trùng minh thử nghĩa, dĩ kệ tụng viết.***

***(經)爾時，世尊爲重明此義，以偈頌曰。***

***(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn vì nói rõ lại nghĩa này, dùng kệ tụng nói như sau).***

Đây là theo lệ thường, kệ tụng nhằm trùng tuyên ý nghĩa [trong phần Trường Hàng]. Vì sao như thế? Đức Thế Tôn giáo huấn chúng ta, muốn khiến cho chúng ta đạt được sự nhận biết rõ ràng đối với pháp tắc tam-muội, tư tưởng ít đi theo đường vòng, có thể rõ ràng nhờ vào danh tướng và ngôn từ mà hiểu rõ tự tâm, nhờ vào ngôn thuyết mà biết rõ tự tâm, nhờ vào ngôn thuyết mà hiểu rõ pháp tắc.

Đối với pháp tắc, dựa theo đạo lý, thường là chúng ta nhận biết chẳng phải là rất khó, nhưng nếu muốn nhận biết rõ ràng, chẳng nghi, cần phải không ngừng tập cho quen thuộc. Vì chúng ta đối với nghiệp tập tiếp nối từ vô thủy đến nay, tức là những cái gọi là phiền não và tri

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

kiến chẳng chánh đáng, cho đến tham, sân, si, mạn, nghi, đủ loại tư duy, chúng ta đều hết sức quen thuộc. Đối với sự nhận biết đắm nhiễm trong sáu căn và sáu trần, chúng ta đã hết sức quen thuộc, đã thuần thục rất lâu, nhưng đối với sự tư duy về pháp, sự nhận biết về pháp thì hết sức xa lạ! Nếu chẳng do thiện căn nhiều kiếp, đối với pháp chúng ta còn chẳng thể nghe, hưởng hò có thể quen thuộc, hoặc thuần thục với nó, tu tập nó, cho đến thành tựu nó ư? Vì thế, chớ nên coi thường nhân duyên quen thuộc và thâm nhập quan sát một pháp tắc. Thật sự cần phải có một cơ chế rất sâu rộng thì mới có thể thành thục tiếp xúc, nhận biết, tu tập, cũng như thành thục thiện căn thù thắng, duyên thù thắng, hay nghiệp thù thắng của một pháp tắc.

Nói theo phía đại đa số người học Phật, cảm giác xa lạ [đối với pháp] biểu hiện khá rõ rệt, nhưng đây chính là chỗ chúng ta chẳng sợ hãi, là chỗ phải nên hoan hỷ. Nói “*hoan hỷ*” hoàn toàn chẳng phải là chúng ta dễ dãi, hời hợt nhận biết một vấn đề, liền cho là đã có thành tựu, hoặc đã đạt được điều chi đó. Hoàn toàn chẳng phải là như vậy, mà là chúng ta có thể thật sự đặc lực tập trung vào sanh mạng. Tức là khi có phiền não, nghịch duyên, tạp duyên, bèn có thể từ đó thoát ra, thật sự từ trong phiền não mà thoát ly phiền não, từ nơi nghịch hạnh mà được tự tại, từ chỗ ác duyên mà đạt được thuần tịnh. Như thế thì mới có thể thật sự hiển thị sức mạnh và phương tiện chẳng thể nghĩ bàn của Phật pháp. Ở đây, cũng giống như thế. “*Nhĩ thời, Thế Tôn vị trùng minh thử nghĩa*” (Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn vì nói rõ lại nghĩa này) để khiến cho mọi người hiểu rõ. Nếu chúng ta chẳng hiểu rõ các duyên hiện tiền, dấu hết thảy chư Phật đều hiểu rõ, cũng chẳng liên can gì với chúng ta, vô ích cho chúng ta!

***(Kinh) Nhược w thâm pháp tâm dục nhạo, yếm ly nhất thiết chư hậu hữu.***

**(經) 「若於深法心欲樂，厭離一切諸後有。」**

***(Kinh: Nếu với pháp sâu, tâm ưa thích, chán lìa hết thảy các hậu hữu).***



## *Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2*

Đối với hai chữ “*hậu hữu*”<sup>16</sup>, chúng ta phải nên chú ý, dốc sức tư duy, quan sát. “*Yém ly nhất thiết chư hậu hữu*” (Chán lìa hết thấy các hậu hữu): Nếu đối với tương lai chẳng tính toán, đối với vị lai chẳng có nhiều điều mong mỏi, chẳng có nhiều vọng tưởng, nghiệp tập của người như thế đã mỏng ít. Nếu đối với sự tạo tác của “*hậu hữu*” trong đời vị lai mà xa lìa sự cưỡng chấp nơi ý chí của tự ngã, chỉ vì pháp tắc, vì lợi lạc thế gian, người như thế sẽ đạt được sự an ủi nơi pháp tắc. Nếu trong khi lợi lạc thế gian mà vận dụng thuần thực hai pháp bi và trí, người ấy đạt được công đức và lợi ích thù thắng trong sự thành tựu. Nếu hiểu rõ ràng sự vận dụng liên tục trong từng sát-na cho đến hết đời vị lai, tâm thanh tịnh, tâm vô công dụng, chỉ xét theo sự tướng có tác dụng lợi ích rộng khắp thế gian, người ấy đã đoạn trừ hậu hữu, đích thân chứng các thứ tướng công đức thù thắng chẳng thể nghĩ bàn!

Đối với Thanh Văn, “*sở tác dĩ biện, phạm hạnh dĩ lập*” (việc làm đã xong, phạm hạnh đã lập) chẳng phải là nói theo hậu hữu, mà là đã chứng thanh tịnh như thế. “*Chẳng vì hậu hữu*”, nói theo những người đang học Phật trong hiện tiền, vốn là một điều phải nên quan sát hàng đầu, phải nên phản tỉnh trong sự tu trì nội tâm. “*Hậu hữu*” thường là ích kỷ, nhưng nếu đối với một pháp tắc mà liên tục tu trì, Hữu ấy sẽ là “*hữu chẳng luân hồi*”, mà là Hữu tăng thượng. Tuy chưa đắc đạo, mà đã có đạo cơ (cơ duyên ngộ đạo, chứng đạo). Tuy chưa lìa vô minh, cái duyên “*có thể trừ khử vô minh*” đã hiện tiền. Cũng có nghĩa là nếu đối với vị lai, chúng ta còn có rất nhiều sự giả lập tự ngã, khát vọng, hoặc mong mỏi hư vọng, huy hoàng, tức là vẫn đắm chìm trong dòng nghiệp vô minh. Hậu hữu kiêu đó chớ nên có, đừng nên có! Nếu chúng ta muốn lưu truyền Phật pháp rộng khắp trong thế gian, thực hiện các thứ thiện xảo, và huân tu, trao đổi, tu hành các thứ pháp tắc, hoặc kiến thiết đạo tràng, “*hậu hữu*” kiêu đó chính là thiện duyên tăng thượng. Điều này càng trọng yếu hơn nữa đối với hữu tình còn đang mê muội. Do vậy, phải nên vận dụng Hậu Hữu như thế nào? Quan sát như thế nào?

Xa lìa hết thấy hậu hữu, thật sự là sự lựa chọn theo pháp tánh thanh tịnh, mà cũng là một loại duyên khởi thanh tịnh, viên mãn, tự đạt được trong Phật giáo, chính là tu ngay trong hiện tiền. “*Tu*” là chọn lựa,

---

<sup>16</sup> Hậu Hữu (Punar-bhava): Quả báo trong đời vị lai, hoặc thân tâm trong đời sau. Hiểu theo một nghĩa hẹp hơn, Hậu Hữu là thân sanh tử cuối cùng, còn gọi là Tội Hậu Thân, tức là thân cuối cùng của một vị Bồ Tát trước khi thành Phật. Ở đây, Hậu Hữu hiểu theo nghĩa thứ nhất.

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

chấp thuận ngay trong hiện tại, nhất là trong nghịch duyên, trong nhân duyên chẳng vừa lòng, trong ác duyên. “*Ngay trong hiện tại*” giống như hòn đá thử vàng, vì trong thuận duyên, trong cái tâm vui sướng thì sẽ thoải mái, cho nên thường là chẳng có trở ngại gì, còn nghịch duyên thì vừa khéo là thời khắc trọng yếu để hiển hiện sức mạnh trí huệ. Do vậy, “*yếm ly nhất thiết chư hữu*” (chán lia hết thầy các cõi) chính là cái được gọi là “*duyên khởi trí huệ hạnh*”, mà cũng là vận dụng trí huệ ngay trong hiện tiền. Có chán thế gian, lia thế gian, sẽ là rất có ý nghĩa. “*Chán*” là có tâm nguyện vứt bỏ, cảm thấy mệt nhọc, khôn đốn. “*Lìa*” là đã lìa bỏ nhị nguyên đối đãi, thiện ác bức bách, hoặc là lấy bỏ, được mất. Hai pháp “*ghét*” và “*lìa*” chính là cơ sở của Bồ Đề tâm, mà cũng là bước khởi đầu đặc biệt trọng yếu để chúng ta học tập Ban Châu tam-muội.

***(Kinh) Trí giả bất nguyện nhất thiết sanh, nhược năng như thị đắc tam-muội.***

**(經)智者不願一切生，若能如是得三昧。**

***(Kinh: Người trí chẳng nguyện hết thầy sanh. Nếu được như thế, đắc tam-muội).***

Chúng ta biết “*sanh*” trong “*vãng sanh thế giới Cực Lạc*” chính là thủ hộ căn bản Vô Sanh. Nói “*sanh*” tức là sanh vào cõi Vô Sanh. Thế giới Cực Lạc chẳng phải là một cõi nước luân hồi, chẳng phải là hậu hữu, mà là cõi an dưỡng, nương về để thành Phật rộng độ hữu tình, trọn đủ thiện pháp, trọn đủ oai đức. Đây chính là chánh tướng “*chẳng vì hậu hữu*”. Do vậy, quốc độ ấy là “*các tướng vô tướng*”, [nhân dân trong cõi ấy] đều đầy đủ ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo, bình đẳng nhất vị, trọn đủ các sức trang nghiêm, oai đức, thần thông tự tại vô sai biệt. “*Vô sai biệt*” là chẳng có sự nhọc nhằn vì hậu hữu. Vì thế, “*trí giả bất nguyện nhất thiết sanh*” (người trí chẳng muốn hết thầy các thứ sanh) chẳng phải là đoạn diệt, mà cũng chẳng chấp giữ sanh. Đó chính là chỗ tồn tại của công đức chân thật nơi cõi An Dưỡng (Cực Lạc), mà cũng là chỗ tồn tại của tam-muội lực. Như trong sáu loại “*ngũ cụ túc pháp*” trên đây, các điều được thủ hộ bởi năm pháp thuộc loại đầu tiên là “*vốn chẳng có sanh diệt, vốn chẳng có trần cấu, vốn chẳng chấp trước, vốn chẳng có gì được sanh*”, cho nên có thể thủ hộ duyên khởi của tam-muội này. Vô sanh chính là duyên khởi, vô cấu chướng chính là duyên khởi.

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

Nói “*chính là duyên khởi*” nghĩa là: Do vốn chẳng sanh, do vốn chẳng có nghiệp ấy, mà cũng do vốn chẳng có duyên ấy. Đó là chánh duyên hiện tiền.

Nếu chúng ta chẳng thể biết rõ ràng, rành mạch năm pháp đầu tiên, thì mỗi loại “*năm pháp*” do đức Thế Tôn đã nói sau đó đều là hướng dẫn dần dần theo thứ tự, cho đến năm pháp thuộc loại thứ sáu, đã phân tích tỉ mỉ, căn kẽ, rộng khắp cho các hữu tình phàm phu nhiệt não, khiến cho chúng ta dùng năm pháp để đạt được niềm vui tam-muội, xa lìa các nỗi khổ do tử mạn, vô ký, thiện, ác trong thế tục. Niềm vui tam-muội ấy được hết thảy các bậc có trí, bậc thiện căn thuần thực thủ hộ, mà cũng có nghĩa là tam-muội vương này trọn đủ hết thảy các pháp, là Phật địa, là Phật trí, là Pháp tánh, là Tăng tánh, lợi ích chân thật như thế, chúng ta hãy nên siêng học, siêng tu trì, siêng quan sát!

“*Nhược năng như thị đắc tam-muội*” (Nếu có thể như thế thì sẽ đắc tam-muội): Trong quá trình học tập, giáo điển này không ngừng nhắc nhở chúng ta về sự thanh tịnh ngay trong hiện tiền, hiện tiền trọn đủ, hiện tiền chân thật. Nếu thật sự có thể trong mỗi thời khắc đều vận dụng mỗi niệm hiện tiền rất khéo, đạo tràng Ban Châu sẽ ở ngay trong mỗi bước chân, trong mỗi lúc giơ tay, đặt chân, mỗi câu nói năng của chúng ta đều là hành tam-muội. Mỗi ý niệm dấy động nơi ý thức đều là sự tiếp nối tam-muội chánh thọ. Đạo tràng Ban Châu lớn nhất ở ngay trong sự suy nghĩ, quán tưởng đúng pháp, ở ngay trong hiện duyên như pháp!

Thông thường, chúng ta đối với một đạo tràng hành trì Ban Châu mà có sự cảm nhận rõ ràng, có sự quy hướng khá rõ ràng, thì sẽ hoặc là đến đó tu tập, hoặc sẽ sợ hãi. Đương nhiên cũng có kẻ sợ hãi. Kẻ sợ hãi đều tự biết, như một số vị xuất gia hay tại gia Bồ Tát nói như thế này: “Trời ơi! Đợi cho tới khi tôi đầy đủ tư lương rồi mới kinh hành Ban Châu”. Hoặc là nói: “Tôi nghi ngờ pháp Ban Châu”. Chuyện này thật sự là do có người đầy đủ phước đức, có người chẳng đủ; có người pháp đầy đủ, có người pháp chẳng đủ. Nếu hai pháp phước và huệ thật sự trọn đủ thì mới có thể đặc biệt hành pháp Ban Châu. Đây chẳng phải là cố ý khen ngợi, hoặc tung hô pháp tắc này, chẳng phải như vậy! Nếu chúng ta thật sự đơn độc, chuyên nhất hành Ban Châu, quả thật là phải có nhiều thiện căn, phước đức, và nhân duyên chín muồi! Rất ít người thật sự quan sát chỗ này! Chúng ta chẳng ngại lắng đọng cái tâm xen tạp để quan sát đôi chút: Nếu thật sự trọn đủ cơ hội chuyên môn hành pháp, phải có các duyên để thành tựu, các duyên phải chín muồi. Thiếu một

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

duyên chẳng chín muồi, sẽ khó hành trì! Rất nhiều người phát tâm trong một khoảng thời gian rất dài, dùng cả mấy tháng để chuẩn bị, kết quả thường là chẳng thể thuận theo ý nguyện của chính mình để hành pháp, vì các duyên rất khó trọn đủ! [Hành trì] một ngày một đêm thì còn thuận tiện, chứ nếu nhiều ngày hơn, ba ngày, bảy ngày, hoặc thời gian càng dài hơn, nhân duyên như thế càng khó thật sự tương ứng! Một người kinh hành suốt bảy ngày bảy đêm, hoặc bảy ngày tám đêm theo hành pháp Ban Châu, sẽ cần phải có khá đông người khác bỏ ra tinh lực, tâm lực, từ bi, và trí huệ lực của chính họ để phục vụ cho toàn thể quá trình hành pháp của người ấy, nhất là trong bốn ngày cuối. Khá nhiều người kinh hành bảy ngày bảy đêm, do sức tự không chế chẳng đủ, kết quả là [tuy một người hành Ban Châu, mà thành ra] cơ bản mọi người đều hành Ban Châu. Đối với chuyện này, chúng tôi đều đã thấy, biết, tham dự rồi!

Trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta hành Ban Châu, tức là tu trì Tùy Ý tam-muội như người đạo nghiệp thuần thực đã nói. Đó là pháp tắc mà hữu tình thiện căn cực thuần thực có thể duy trì thanh tịnh liên tục. Nếu thất niệm, người ấy sẽ sanh lòng hổ thẹn. Nếu đối với mặt Sự mà đánh mất lợi ích nơi pháp tắc, hoặc là trong một niệm hiện tiền mà chẳng tương ứng với pháp, người ấy sẽ có lòng hối hận, hoặc tâm chán lìa, hoặc dùng Bồ Đề tâm để quán chiếu, hoặc mạnh mẽ trực tiếp thấu đạt pháp tánh, chẳng dính chặt với sự tướng để rồi đánh mất pháp tắc thanh tịnh. Tu trì như thế, trên thực tế, chúng ta phải nên có một sự thiện xảo rộng lớn để cổ vũ khích lệ phổ biến. Vì trong tu tập pháp Ban Châu, rốt cuộc là rất ít người, cực ít người có thiện căn và cơ chế thành thực. Ngay như trong hiện tại, còn có rất nhiều vị xuất gia hay tại gia Bồ Tát sanh lòng sợ hãi đối với pháp này, thậm chí mười phần sợ hãi. Sợ hãi gì vậy? Chẳng ngủ, chẳng ngồi, mỗi ngày ăn một bữa. Đối với họ, đó là chuyện chẳng thể tưởng tượng. Cũng có lẽ đối với những người đã hành Ban Châu như chúng ta, chuyện này chẳng có gì đáng sợ. Người huân tập pháp tắc này trong một thời gian dài, đối với chuyện này (không ngủ, không ngồi, ăn một bữa) cũng chẳng có cảm giác gì, coi điều đó là rất tự nhiên, rất bình thản, thậm chí còn nói là một pháp tắc rất tốt. Nhưng đối với các hữu tình chưa hề bén mảng, còn sợ hãi, thì đâm ra những điều ấy vẫn là chỗ đáng sợ hãi! Có những kẻ tự ngộ chính mình có thiện căn rất lớn, nhưng dính dáng đến hành pháp như thế liền chẳng dám chen chân vào! Vì sao? Vẫn là do có nỗi sợ hãi. Thoạt nhìn dường như dễ dàng, nhưng để thành thực thiện căn ấy, vẫn thật sự phải được oai thần của Phật gia bị, cần phải thường cầu nguyện hồng thành thực các duyên hòa

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

hợp như thế. Do vậy, chúng ta chẳng ngại sử dụng hai chân đề đi lại (tức là dùng hai pháp đề thực hành Ban Châu trong cuộc sống thường nhật):

- Một là vận dụng hành pháp Ban Châu chuyên nhất trong pháp môn Ban Châu.

- Hai là trong cuộc sống hằng ngày, đối với chính mình chớ nên buông lung, chớ nên quá mức dung túng bản thân.

Đương nhiên là tâm địa phải nên khoan dung, phải nên như pháp, nhưng đối với các tâm niệm thế tục đã hết sức thuần thực, hoặc các thói quen trong phương thức tư duy, và phương thức sống thuộc về nghiệp lực luân hồi, đừng dung túng chính mình! Như thế thì đối với pháp, chúng ta sẽ có cái tâm hướng về, có cái tâm mạnh mẽ. Do vậy, thiện căn tinh tấn sẽ dễ chín muồi!

Dựa theo lời thọ ký của đức Thế Tôn, thời đại này là thời đại chẳng có sức tu trì. Vì sao đức Thế Tôn lại thọ ký pháp hội Ban Châu sẽ thịnh hành rộng rãi trong cõi đời? Chính là do oai đức, thần lực, và thệ nguyện của đức Thế Tôn gia bị, phước đức của đức Thế Tôn truyền lại cho chúng ta, khích lệ cơ duyên cuối cùng của chúng ta. Người trong thế giới Sa Bà do hành đạo và nghe pháp trong tuổi thọ trăm năm, sẽ khó thể tư duy, quán kỹ các hữu tình thuộc các thế giới ở phương khác, vì thọ mạng quá ngắn ngủi. Chúng ta tự cho hoàn cảnh sống trong hiện thời vẫn rất ưu việt, nhưng nếu thật sự biết các thế giới ở phương khác, hoặc là hoàn cảnh sống và tình huống thọ mạng của những vị thiện căn thành thực, hay công đức thành tựu thù thắng, nhất định là chúng ta sẽ khóc òa, tuôn lệ, nhất định sẽ quý trọng sự liên tục nơi sanh mạng của chính mình trong mỗi phút, mỗi giây. Vì sao? Do có cảm giác tương phản cực lớn. Nếu chúng tôi so sánh [phước đức của chúng ta với] phước đức của người có thọ mạng tám vạn bốn ngàn năm, quý vị sẽ nói: “Tôi lại chẳng thấy, chẳng nghe, chẳng biết, so sánh bằng cách nào?” Có thể nương theo kinh giáo để so sánh. Chẳng hạn như trong quần thể sanh tồn của nhân loại, thiện căn, phước đức, nhân duyên và quả báo đã thấy khác biệt rất lớn. Có người thân thể rất khỏe mạnh, có người thọ mạng khá dài, có kẻ rất trẻ đã chết non, có người đến tuổi trung niên mới từ trần, có người mắc đủ các thứ bệnh tật khó thể nói trọn, có người sống trong các khu vực thiếu thốn tài nguyên sinh hoạt, có người sống ở nơi có hoàn cảnh khí hậu ác liệt, có người sống trong hoàn cảnh phước đức khá đầy đủ, điều kiện khá hoàn thiện. Những khác biệt ấy mọi người đều có thể trông thấy, nhưng nếu so sánh với các hữu tình trọn đủ phước đức ở phương khác, sẽ rất giống với từng chút sai biệt ấy. Vì sao thường nhắc

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

tới những lời lẽ ấy? Vẫn là vì cố vũ chúng ta biết rõ vô thường, thường niệm vô thường.

Pháp sư Ấn Quang có một câu nói mười phần cảm động lòng người! Các vị thiện tri thức thuở trước, hễ thuyết pháp cho đến dặn dò, lời lẽ đều rất sâu nặng vì bi tâm cùng cực, thúc giục, cảnh tỉnh kẻ mặt học, khiến cho người đời sau có thể tỉnh ngộ hiện duyên và cơ chế của chính mình. Vì thế, lão pháp sư nói “*dùng một chữ Chết dán lên trán*”. Chúng ta chẳng biết sanh mạng này ngày nào sẽ vùi xuống đất vàng, hoặc thành một nắm tro xương? Ai nấy đều khó tránh khỏi, thời tiết nhân duyên nào vậy? Có mấy ai có thể biết rõ, có mấy ai có thể nắm vững, có mấy ai có thể chọn lựa? Đối với chuyện này, quả thật chúng ta phải nên chánh quan sát, chánh tư duy. Nếu chẳng dán chữ Chết trên trán, chúng ta rất khó thể thật sự tư duy pháp tắc này! Vì cái tâm tương tục nơi hậu hữu mười phần xa rộng; cho nên người ta thường chẳng khéo tiếp nhận chữ Chết. Có các giáo ngôn nhằm dạy chúng ta tu trì sự an lạc đối với tử vong, quan tâm tử vong, sanh lòng hớn hở đối với tử vong, vui sướng đối với tử vong, không ngừng vun bồi cho chính mình cảm giác chẳng sợ hãi và thân thiết đối với tử vong. Cách tu vô úy đối với tử vong cho đến các pháp quan sát ấy khiến cho chúng ta có thể vứt bỏ Ngã Chấp. Nếu chẳng thường xuyên tu tập như thế, sẽ có các cách suy nghĩ như “vô thường đại quý dường như chẳng thể giết chúng ta, chúng ta hãy còn trẻ, còn khỏe mạnh, còn có nhiều cơ chế mà ta vẫn chưa can dự” v.v... Các pháp vừa nói đó, không gì chẳng nhằm khiến cho mọi người tư duy, tham chiếu “*yém ly nhất thiết chư hậu hữu*” (chán lìa hết thảy hậu hữu), “*trí giả bất nguyện nhất thiết sanh*” (người trí chẳng nguyện hết thảy các thứ sanh).

***(Kinh) Bất dụng nhất thiết chư ngoại luận, nãi chí ngữ ngôn bất thính thọ.***

**(經)不用一切諸外論，乃至語言不聽受。**

***(Kinh: Chẳng dùng hết thảy các ngoại luận, cho đến lời lẽ chẳng nghe nhận).***

“*Câu pháp ngoài tâm*” chính là ngoại đạo, chính là tri kiến của ngoại đạo! Chúng ta thật sự chẳng nên bị ràng buộc quá lỏng bởi các cảnh giới và tập duyên, hãy nên thấu đạt trực tiếp bản tâm, trực tiếp thấu triệt cội nguồn, thấy trực tiếp pháp tắc, chẳng dụng công hư giả, ủy khuất để

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

đi theo nhiều con đường vòng, đạt lợi ích ít ỏi, tức là nhọc nhằn lắm nổi mà chẳng đạt được lợi ích. Vì thế, “*nãi chí ngữ ngôn bất thính thọ*” (cho đến chẳng nghe nhận lời lẽ [của ngoại đạo]). Nếu chẳng có tri thức tương ứng, phần nhiều sẽ bị thị phi, rồi ren mê hoặc tâm trí của chúng ta, khiến cho chúng ta chấp trước sự tướng. Hãy đừng nghe những lời lẽ ấy, trước hết, hãy gạt nó qua một bên, tự mình niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Tam Bảo, nghĩ thương xót, dùng phương tiện như thế, cộng trụ và cư xử với nhau như thế thì sẽ có sự gia trì thanh tịnh và khích lệ lẫn nhau, sẽ hữu ý hay vô ý tạo lợi ích cho nhau!

Chúng ta nói như thế, và cũng phải không ngừng làm như thế, chẳng quản người khác đánh chửi, tán thán, hay khinh nhục chính mình, chúng ta cứ quan sát như vậy. Trên thực tế, đánh chửi, tán thán, khinh nhục, cho đến chửi rửa, đích xác là chẳng phải do chúng ta nghe nhận. Nếu đối với chỗ này mà mê hoặc, đắm nhiễm, cho là có thật, chúng ta sẽ đánh mất cơ chế tu tập hành pháp hoặc niệm Phật trong hiện tiền, kết quả là vẫn bị tri kiến của ngoại đạo gây rối, chịu nhiều nổi ủy khuất. Sự ủy khuất ấy kéo dài càng lâu, chúng ta lìa pháp càng xa, mà cũng xa lìa lợi ích thật sự càng xa. Do đó, mê mất càng lâu. Chúng ta trải qua một khoảng thời gian học tập, tri kiến đại khái đã chẳng có vấn đề, nhưng đã vận dụng được hay chưa? Vẫn phải tùy thuộc mỗi vị thiện tri thức tự mình chiếu kiến trong hiện tiền. Chúng ta chỉ có thể tự mình xem xét, chứ xét đoán người khác sẽ gặp quá nhiều khó khăn, quá nhiều nổi bất tiện, quá nhiều thứ nặng nề, quá nhiều thứ chẳng thể nắm bắt! Hãy xét kỹ tự tâm, nhận biết vạn pháp duy tâm, nhận biết cảnh giới Nhất Thật, nhận biết vốn chẳng sanh diệt, đích xác sẽ là mười phần pháp hỷ, mười phần thiện xảo.

***(Kinh) Vĩnh đoạn thế gian chư ngũ dục, nhược năng như thị chứng tam-muội.***

**(經)永斷世間諸五欲，若能如是證三昧。**

***(Kinh: Vĩnh viễn đoạn ngũ dục thế gian. Được như thế, sẽ chứng tam-muội).***

Đối với “*ngũ dục*”, chúng ta hiểu khá rõ ràng, rất dễ cảm nhận được. “*Vĩnh đoạn*” (Vĩnh viễn dứt trừ), đừng sợ hãi! Trong hành vi mà sợ hãi “*vĩnh đoạn*” thì chúng ta chẳng ngại trước hết hãy dùng tâm niệm để “*vĩnh đoạn*”, dùng ý thức để luyện tập, kiến lập một trụ xứ an lạc để

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

vĩnh viễn đoạn trừ ngũ dục trong vương quốc ý niệm, cũng là dùng niềm vui do năm pháp, tức “*giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến*” để quan sát, dùng niềm vui do từ bi độ chúng sanh để quan sát, dùng Thiên Định, thần thông, đại phương tiện để quan sát lỗi họa của ngũ dục. Như thế thì chúng ta sẽ chẳng đắm chìm trong ràng buộc của ngũ dục và thế tục.

Chúng ta phải xét kỹ tự tâm, đừng bận tâm [xét đoán] người khác, vì khi soi mói người khác, sẽ thường là dùng vọng niệm để suy đoán, có quá nhiều khổ nạn và chẳng tương ứng. Nếu chúng ta ai nấy đều hướng theo ngoại duyên để suy lường, như thế sẽ chẳng phải là một đạo tràng, mọi người sẽ tranh đấu, vô duyên có tranh đấu, tranh đấu chẳng có ngăn hạn. Nhưng khi mỗi người chúng ta tự xét mình, đạo nghiệp sẽ tồn tại, đạo tràng tồn tại. Mỗi người tự xét kỹ tâm mình sẽ là lợi ích lẫn nhau; như thế thì Phật pháp sẽ thanh tịnh, sẽ tiếp tục tồn tại không sợ hãi. Người học Phật chúng ta phải nên sanh tâm vô úy, cho nên nêu ra ý kiến hoặc thuyết giáo cho người khác, nhất định là phải nên vô úy, thậm chí đối với nghiệp xử cũng phải nên vô úy. Vì sao? Trong quá trình tiếp nối sanh mạng của chúng ta, nhất là hữu tình phàm phu, còn có khá nhiều nghiệp tập phiền não đã biết hoặc chưa biết. Đối với những điều đã biết, chúng ta hãy khéo sám hối, đó là sự chuyển hóa tăng thượng rất tốt. Nếu chẳng biết, vẫn thật sự cần người sáng suốt hoặc người hiểu biết khéo cảnh tỉnh.

Chư vị thiện tri thức ơi! Chúng ta nhận thức “*vĩnh viễn đoạn thế gian chư ngũ dục*” (vĩnh viễn đoạn các ngũ dục trong thế gian) như thế nào? Trước hết, trong ý thức phải dám nghĩ tưởng; sau đây mới có thể thật sự thực hiện nơi nghiệp tướng! Cho đến đối với quả báo trong đời vị lai, chúng ta mới có thể thật sự từ trong sức thần thông oai đức rộng lớn, trong sự thiện xảo, trong phương tiện độ sanh, trong cõi nước thanh tịnh của chính mình mà lợi ích rộng khắp trời, người, ta lẫn người đều viên mãn. Nếu ý niệm còn chưa mơ tưởng tới [chuyện vĩnh viễn đoạn trừ ngũ dục thế gian], tự tâm vẫn còn mê mờ trong tham, sân, si, tà kiến, hai thứ chánh báo và y báo của chính mình vẫn bị vùi dập trong phiền não thô trọng thì quả thật vẫn là khá khổ não. Vì chúng ta đã biết: Nếu một pháp có thể tự hại, sẽ có thể nghịch hại các hữu tình chung quanh. Nếu [một pháp] có thể tự lợi, sẽ có lúc vô ý thức mà lợi ích hữu tình.

“*Vĩnh viễn đoạn thế gian chư ngũ dục, nhược năng như thị chứng tam-muội*” (Vĩnh viễn đoạn trừ các ngũ dục trong thế gian. Nếu có thể như thế thì sẽ chứng tam-muội): Đối với Ban Châu tam-muội, tuy chưa đoạn



## ***Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

ngũ dục, đã có thể khiến cho mười phương chư Phật thấy đều hiện tiền, tuyên nói chánh pháp, khiến cho chúng ta tiến nhập Vô Sanh Nhân, chứng đắc các thứ thiện xảo. Chúng ta đọc một đoạn văn tự trả lời ngài Viễn Công của La Thập đại sư. La Thập đại sư nêu ra sự tu chứng của mấy loại tam-muội lực và mấy loại nhân duyên thấy Phật, như vừa mở đầu [khóa giảng kinh này], chúng tôi đã nhắc tới bốn pháp để thấy Phật: Trong cảnh giới hiện tiền, hoặc trong mộng, hoặc khi xả báo, hoặc trong Thiên Định có thể thấy chư Phật. Trong bốn pháp đó, chúng ta có thể sử dụng phương pháp nào để thấy Phật? Nếu có tịnh dục Bồ Tát đạt được thiện xảo do các sức thần thông, có Thân Như Ý Thông, có thể qua lại các thế giới ở phương khác, muốn thấy Phật ở các phương khác. Do nương vào sức thần thông, trong khoảng nháy mắt đã đến nơi, đánh lễ dưới chân đức Thế Tôn, thiện xảo nghe pháp. Đó là người thiện căn đã chín muồi. Chẳng có sức thần thông như thế thì làm như thế nào? Nhất là hàng phàm phu chưa tịnh dục (chưa trừ sạch các dục vọng), làm thế nào để có thể thấy Phật, nghe pháp trong hiện tiền? Ban Châu tam-muội là một giáo ngôn bất cộng: “*Vĩnh đoạn thế gian chư ngũ dục*” (Vĩnh viễn đoạn ngũ dục của thế gian). Tuy là một sự chỉ dạy dành cho người trí, dành cho người có cái tâm mạnh mẽ mong thấy Phật, vẫn chẳng bỏ sót người có thiện căn. Vậy thì quý vị nói: “Đối với ngũ dục trong thế giới này, tâm tham ái của tôi quá lừng lẫy, tôi tu tập pháp tắc này bằng cách nào đây?” Thật sự là khi niệm Phật, khi kinh hành, tức là trong lúc chuyên tu, hãy dừng mãnh lia bỏ thì cũng đạt được phương tiện.

Vì hiện thời, trong khi hành pháp, chúng ta vẫn chưa chứng, dấu đã chứng đắc A La Hán, vẫn chẳng thấy biết tâm trí bản chất trong quá khứ, hiện tại, vị lai của hữu tình ở chỗ nào. Do vậy, sẽ chẳng thể phát hiện thiện căn của người khác. Vì thế, trong thời đại Mạt Pháp mà suy lường người khác, sẽ đặc biệt khó khăn. Nhưng trong thời đại này, kẻ chú ý ngôn thuyết của người khác, quan tâm nghiệp tướng quanh mình khá nhiều, mà kẻ thủ hộ tự tâm, hiểu thấu tự tâm, người tu pháp hiểu biết tự tâm lẫn nhau đâm ra hiểm hoi! Do vậy, chúng ta hãy nên xét kỹ trong tâm niệm, chẳng cần nhất định phải lập tức tiếp nhận nơi sự tướng, chỉ cần có thể thử thí nghiệm trong tâm niệm. Nếu như trong hiện thực chẳng làm được, thì có thể thử trong mộng!

***(Kinh) Thanh tịnh trì giới trụ phạm hạnh, sở sanh bất niệm chư nữ nhân. Tâm yếm ngũ dục chân Phật tử, nhược năng như thị chứng tam-muội.***

**(經)清淨持戒住梵行，所生不念諸女人。深厭五欲真佛子，若能如是證三昧。**

*(Kinh: Trì giới thanh tịnh, trụ phạm hạnh, suốt đời chẳng nghĩ các nữ nhân. Chân Phật tử chán sâu ngũ dục. Được như thế, sẽ chứng tam-muội).*

Đây là đối với các tỳ-kheo, sa-di, ưu-bà-tắc mà nêu ra pháp tắc. Nếu đối với nữ chúng, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-di sẽ nói ngược lại (suốt đời chẳng nghĩ tới nam nhân), chúng ta phải xét kỹ và quan sát.

*(Kinh) Thường hành đại thí bất cầu báo, diệc vô trụ trước hối hận tâm. Nhất xả dĩ hậu bất trùng duyên, duy đương nhiếp niệm tư chú Phật.*

**(經)常行大施不求報，亦無住著悔恨心。一舍已後不重緣。唯當攝念思諸佛。**

*(Kinh: Thường bố thí lớn, chẳng cầu báo, cũng chẳng chấp giữ tâm hối hận. Hễ đã xả rồi chẳng nghĩ nữa, chỉ nên nhiếp niệm nghĩ chú Phật).*

Đối với bọn phàm phu hữu tình chúng ta mà nói, khẳng định là cần phải có tâm trí mười phần mạnh mẽ thì mới có thể tiếp nhận pháp tắc như thế. Khá nhiều vị cư sĩ phát tâm xuất gia, cũng như đoàn kỳ xuất gia, và người xuất gia trường kỳ, thường có cảm giác như sau: “Ngay cả nhà mà ta còn bỏ, há còn có gì để luyện tiếc nữa?” Nhưng quý vị lắng lòng tư duy, hễ gặp các thuận duyên, các nhân duyên khiến cho quý vị hoan hỷ, dễ đắm nhiễm mà có thể quan sát, chẳng dễ dãi mang theo các chủng tử ấy, đối với các chủng tử từ vô thủy đến nay và các chủng tử từ ý thức hiện duyên trong hiện tại, nếu chúng ta chẳng sợ hãi, “nhất xả dĩ hậu, bất trùng duyên, duy đương nhiếp niệm tư chú Phật” (hễ đã xả rồi, chẳng duyên (nghĩ tưởng) chuyện ấy nữa, chỉ nên thâm nhiếp ý niệm, nghĩ tới chú Phật), thì sẽ là mười phần có ý nghĩa.

“Thường hành đại thí bất cầu báo, diệc vô trụ trước hối hận tâm” (Thường bố thí to lớn mà chẳng cần được báo đáp, cũng chẳng chấp giữ cái tâm hối hận). Đây thật sự là thiện căn cực lớn, là phước báo cực lớn đã chín muồi, là phước báo cực phong phú, là tâm trí đầy đủ tốt bậc. Nói

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

tôi “đại thí” mà chẳng cầu được báo đáp chính là đại thí. Nếu đem những thứ trân quý, đáng yêu mến ra bố thí cho các hữu tình nghèo khổ, thiếu thốn, cúng dường Tam Bảo hòng lợi ích thế gian rộng khắp, cho đến cứu tế những chỗ bị tai nạn, chẳng có tâm mong được đền đáp, mà cũng chẳng có tâm hồi hận, người ấy phước đức trọn đủ, giống như người thể lực sung mãn, chẳng vì làm chút việc nặng mà bị mệt mỏi, bèn nảy sanh tâm lý hồi hận, sợ hãi. Đó chính là tướng phước đức tràn trề.

“*Nhất xả dĩ hậu, bất trùng duyên*” (Hễ đã xả rồi, chẳng duyên theo chuyện ấy nữa), “*xả*” ở đây là bố thí. Chúng ta có thể bố thí các vật hết sức nhiều. Có khi bèn bố thí cho người khác một pháp tắc, một niệm từ bi, so với bố thí tài vật càng khó hơn, vì tài sản vẫn là vật ngoài thân. Đối với chuyện này, tôi lãnh hội mười phần sâu đậm! Có lúc sanh mạng gặp khó khăn chông chát, đạt được chút ít tương tự pháp ích, khi đó, nếu nói với người khác, sẽ càng có ý tưởng tiếc pháp, từ vô thức mà có ý niệm ấy, thường mượn cớ “chẳng dễ dãi chấp thuận nói cho người khác, kẻ đó chẳng biết trân quý”, chẳng mong nói với người khác. Keo tiếc tài vật, có thể là trong tâm trí của người đời, nhưng cái tâm keo tiếc pháp của người học Phật cũng hết sức dễ dàng xuất hiện! Chẳng hạn như đối với từ bi mà keo tiếc pháp, tức là dùng cái tâm từ bi để lợi lạc người khác, chiếu cố hữu tình. Lại như dùng tâm trí huệ để hồi thí hữu tình, dùng tâm vô úy để hồi thí hữu tình, quý vị chẳng muốn hồi thí, đó cũng là chẳng bố thí pháp! Như thế thì sẽ hình thành chướng ngại đối với pháp. Rất nhiều hữu tình bị chướng ngại rất lớn đối với pháp vì chẳng biết trợ hỷ, chẳng tùy hỷ, thường phá hoại nhân duyên tốt lành của người khác, chẳng thành thực người khác, chẳng tặng thượng người khác. Người như vậy mà muốn hành pháp, sẽ gặp nhiều chướng ngại nơi đạo nghiệp.

Bố thí pháp, nhất là trong đạo tràng, sự tu trì này đối với chúng ta rất trọng yếu. Vì trong đạo tràng, vận dụng tài bố thí sẽ chẳng được mười phần rộng khắp, nhưng vận dụng bố thí trí huệ, bố thí từ bi, bố thí vô úy, sẽ là hết sức thường xuyên. Nhưng ở nơi đó, bại hoại hoặc đánh mất cơ hội cũng hết sức nhiều. Chẳng hạn như đối với người đấm nhấm, phải nên bố thí trí huệ. Đối với ác tánh hữu tình, phải nên bố thí từ bi. Đối với hữu tình ghen tỵ, phải nên bố thí tùy hỷ. Đối với hữu tình chẳng khỏe mạnh, tà kiến, hãy nên bố thí chánh kiến. Chúng ta có thể quan sát chuyện này!

Bố thí, đích xác là chẳng nên cầu được báo đền, mà cũng chẳng có người có thể báo đền. Vì bản thân của bố thí là lợi ích, là pháp tu, là

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2**

thành tựu, không có gì để có thể báo đền. Chúng ta tu hành trong đạo tràng như thế đó, cơ hội thành tựu đạo nghiệp cũng khác với lúc ở nhà, khác với hoàn cảnh thế tục. Chư vị thiện tri thức ơi! Tôi khao khát mọi người hãy như pháp bố thí pháp tắc trí huệ, từ bi, phương tiện, chánh kiến mà chúng ta đã học được, khiến cho hữu tình chẳng khỏe mạnh, kể cả thân tâm chẳng khỏe mạnh của chính mình đều được kịp thời điều chỉnh. Như thế thì chúng ta sẽ khiến cho đạo tràng dần dần hoàn thiện, khiến cho đạo nghiệp của chính mình dần dần thuận thực. Chúng ta hãy khéo tư duy, khéo quan sát!

*(Kinh) Lân mãn chúng sanh hành thí thời, quyết định trừ nghi vô biến thoái. An trụ điều nhu nhi tu thí, nhược năng như thị đắc tam-muội.*

**(經)憐愍衆生行施時，決定除疑無變退。安住調柔而修施，若能如是得三昧。**

*(Kinh: Khi thương xót chúng sanh bố thí, quyết định trừ nghi, chẳng lui sụt, an trụ điều nhu mà bố thí. Được như thế, sẽ đắc tam-muội).*

Nếu khéo dùng năm đức để khuyên can người khác hòng lợi ích hữu tình trong thế gian, đắc tam-muội cũng chẳng phải là chuyện khó. Quán Thế Âm Bồ Tát có một danh hiệu là Thí Vô Úy Giả (đăng ban cho sự không sợ hãi). Thật ra, chư Phật Thế Tôn đã thọ ký rõ ràng cho hết thầy các vị Bồ Tát Ma Ha Tát, nói hết thầy các vị Bồ Tát Ma Ha Tát khéo trụ trong thế gian, khéo lợi ích thế gian, làm người ban cho thế gian sự an ủi lớn. Vì sao? Chính là đăng bố thí vô úy, là đăng tài bố thí và pháp bố thí rộng lớn. Vô úy thí là sự bố thí quan trọng nhất, vì sự bố thí ấy có thể đoạn trừ sự mê hoặc của con người đối với pháp, đối với sự xuất ly sanh tử, cũng như nỗi khổ sợ hãi luân hồi trong thế gian, có thể khiến cho chúng ta hiểu rõ pháp, hiểu thấu suốt cách chọn lựa. Nếu quý vị chẳng hiểu rõ, chẳng thấy thấu suốt để chọn lựa, sẽ rất khó an ủi kẻ khác. Nếu có chánh tri kiến và pháp tắc thiện xảo, sẽ có thể khiến cho chúng sanh gột sạch nghi hoặc, khiến cho tâm trí của họ chẳng nhiễm, mất đi nỗi sợ hãi. Như thế thì quý vị cũng sẽ đạt được danh hiệu Thí Vô Úy của Quán Thế Âm, cũng là danh hiệu từ bi. Vì nói “*khéo quán âm thanh của thế gian*” tức là khéo quan sát âm thanh khổ sở, nhọc nhằn, âm thanh mê hoặc của thế gian, để ban cho chúng sanh sự không sợ hãi.

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

Đối với người học Phật chúng ta, nhất là nói theo người niệm Phật, đây là sự tu trì mười phần trọng yếu, như trong Hồi Hướng Môn thuộc năm môn tu trì trong Vãng Sanh Luận đã có nói: “*Bất xả nhất thiết khổ não chúng sanh, tâm thường tác nguyện hồi hướng vi thủ, đắc thành tựu đại bi tâm cố*” (Chẳng xả hết thảy chúng sanh khổ não, tâm thường phát nguyện hồi hướng làm đầu, vì để thành tựu tâm đại bi). Hồi hướng gì vậy? Muốn khiến cho hết thảy chúng sanh vãng sanh quốc độ của A Di Đà Phật, chẳng sợ hãi! Vì sao? Do nương vào nguyện lực của Phật, liền nhập Chánh Định Tụ. Do Phật lực trụ trì, khiến cho hữu tình bất thoái. Phật lực hiển hiện ở nơi đâu? Khi chúng sanh tùy thuận liền được thành tựu. Đối với một niệm tùy thuận này, một niệm sợ hãi, kẻ sợ hãi liền hiện nghiệp phàm phu. Kẻ tùy thuận liền hiện Chánh Định Tụ, tức là chư Phật nghiệp. Quý vị chẳng ngừng tư duy như thế, quan sát như thế, tư duy như pháp, quan sát như pháp, thân tâm sẽ an lạc, ban cho chúng sanh sự chọn lựa vô úy. Không chỉ thí vô úy, mà còn để cho đối phương chọn lựa. Vì sao phải chọn lựa? Khiến cho họ như thật an trụ, chẳng có thoái chuyển.

Do vậy, trong học pháp, nhất là trong ba tiến trình học pháp của người xuất gia, tức giảng kinh là pháp thứ nhất, biện luận kinh là pháp thứ hai, trước tác là pháp thứ ba. Đương nhiên là đối với bậc tại gia thiện xảo A Xà Lê, cũng ắt phải tu ba pháp ấy. Trong ấy, giảng kinh thật sự chẳng phải là thuyết giảng, mà là như thật hiểu biết tự tâm, như thật biết tâm của người khác, như thật biết Phật tâm. Khi “*tâm, Phật, chúng sanh chẳng khác biệt*” bèn khẳng định tự tâm. Đó bất quá là khởi đầu của cái gọi là “*biện luận kinh thiện xảo*” và “*giảng kinh*”. Sau đây, quý vị có thể trước tác. Trước tác gì vậy? Trước tác về giáo ngôn chân chánh, khiến cho người trong thế gian có cái để nương theo. Đây là lộ trình ắt phải theo đuổi trong một đời của hết thảy các vị thiện tri thức trong quá khứ muốn đạt được thành tựu. Đương nhiên đây chính là cái được gọi là “*sự tuyên nói nghĩa lý theo thứ tự trong đạo*”. Trong quá trình tu pháp, chúng ta cũng phải nên làm như thế. Trong lúc bình thời, chẳng đánh mất mỗi hiện duyên “*bồ thí sự an ủi cho chúng sanh*”, tức là bồ thí pháp giáo, ban trí huệ cho kẻ ngu si, ban từ bi cho người sân hận điên đảo, ban chánh kiến cho người tà kiến, khiến cho kẻ lạc lối biết được đường nẻo. Do vậy, “*an trụ điều nhu nhi hành thí, nhược năng như thị đắc tam-muội*” (an trụ trong điều phục, nhu thuận để bồ thí. Nếu có thể làm như thế, sẽ đắc tam-muội), điều này rất trọng yếu!

*(Kinh) Nhược u tài thí vi đại chủ, vô hữu kiêu mạn, tật đố tâm. Hành nhất thiết thí thường dũng được, nhược năng như thị đắc tam-muội.*

**(經)若於財施爲大主，無有憍慢嫉妒心。行一切施常踊躍，若能如是得三昧。**

*(Kinh: Nếu rộng bố thí nơi tài vật, chẳng sanh tâm kiêu mạn, ghét ganh, hơn hờ thường hành hết thầy thí. Được như thế, sẽ đắc tam-muội).*

Tâm chẳng vướng mắc. Do chẳng vướng mắc, rộng thí hết thầy pháp tắc, cho đến thí rộng khắp hết thầy các thứ tài thí, pháp thí, vô úy, khiến cho chúng sanh an lạc, khiến cho kẻ hữu duyên có thể trụ trong an lạc. Học tập Phật pháp, đích xác là phải nên khéo điều phục cái tâm con người, khéo đối trị các bệnh tật như thế đó.

Trong thời đại này, nếu chúng ta chẳng nhờ vào một pháp tắc rõ ràng, mình lẫn người sẽ đều bị mê mất, cho đến vốn muốn chữa trị, kết quả đâm ra là mắc hại, vì dùng sai thuốc! Gặp phải bác sĩ tham tiền, đúng là khiến cho kẻ khác chết oan! Do vậy, nếu một pháp tắc có giáo pháp lưu truyền rộng rãi, có kinh điển để nương theo, mọi người có thể cùng xét kỹ, cùng tu tập, độ trong suốt<sup>17</sup> như thế sẽ rất lớn. Như pháp môn Niệm Phật trong hiện thời, hay hành pháp Ban Châu do có kinh điển, được truyền bá từ thế hệ này sang thế hệ khác trải các đời, cho nên đối với pháp này, mọi người chẳng sợ hãi mà tu tập. Chẳng cần phải bàn bạc chi khác, cứ một mực thực hành như thế. Nhưng nếu trong một pháp tắc có khá nhiều tạp duyên, có rất nhiều đặc tánh mọi người chẳng thể cùng biết, quả thật sẽ rất khó thấy thấu suốt, rất khó tư duy, rất khó cùng nhau tu tập, cùng nhau quán chiếu. Vì thế, tôi cảm thấy người thật sự gặp gỡ Tịnh Độ, chọn lựa pháp Tịnh Độ, chính là mười phần phước báo. Đối với pháp tắc này là pháp đã được mọi người xem xét, tu tập, hiểu thấu từ xưa đến nay, lại có các hữu tình ngược ngạo cho là pháp tầm thường, nhạt nhẽo vô vị, chẳng yêu thích, chẳng thâm nhập, chẳng tu tập, chẳng thấy là lạ lùng. Thật ra, chỗ chẳng lạ lùng, chỗ bình phàm, chính là chỗ công đức đặc biệt, ưu việt, chẳng thể nghĩ bàn! Vẫn mong mọi người hãy suy nghĩ chỗ này!

---

<sup>17</sup> Ý nói pháp tắc ấy mọi người đều có thể dễ dàng thấy thấu suốt, hiểu rõ ràng.

*(Kinh) Hữu u pháp thí vi thượng thủ, thiện giải vi diệu Tu Đa La. Năng tri thậm thâm tịch diệt pháp, nhược năng như thị đắc tam-muội.*

**(經)又於法施爲上首，善解微妙修多羅。能知甚深寂滅法，若能如是得三昧。**

*(Kinh: Lại với pháp thí, làm thượng thủ, khéo hiểu Tu Đa La vi diệu. Hay biết pháp tịch diệt rất sâu. Được như thế, sẽ đắc tam-muội).*

Chư vị thiện tri thức ơi! Trong Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyên Phẩm, có nói pháp cúng dường là sự cúng dường tối thượng, hết thấy các cúng dường chẳng thể sánh bằng. Đích xác là trong hết thấy các sự bố thí, pháp thí trực tiếp nhất, rốt ráo nhất, thiện xảo nhất; các sự bố thí khác là kết duyên, phương tiện, tăng thượng mà thôi. Đương nhiên, trong các pháp, nếu vô duyên, sẽ chẳng thể trao đổi, nhưng nếu chẳng có pháp thí, mọi người sẽ chẳng thể đạt được giải thoát, chẳng thể đạt được lợi ích chân thật.

*(Kinh) An trụ thậm thâm chư pháp trung, thiện năng kham nhẫn, vô tật đố. Tuy bị qua mạ vô nã hận, nhược năng như thị đắc tam-muội.*

**(經)安住甚深諸法中，善能堪忍無嫉妒。雖被撻罵無惱恨，若能如是得三昧。**

*(Kinh: An trụ trong các pháp rất sâu, khéo hay kham nhẫn, chẳng ghen ty. Tuy bị đánh chửi, chẳng bực hận. Được như thế, sẽ đắc tam-muội).*

“Thiện năng kham nhẫn, vô tật đố” (Khéo có thể kham nhẫn, chẳng ghen ty): Vì sao chỗ nào cũng đều ghen ty? Vì hữu tình trong đời Mạt Pháp tranh cãi quá nhiều, người tùy hỷ quá ít. Nhất là đối với những thứ mình yêu thích, tự mình cho là đúng, sẽ dễ nảy sanh ghen ty. Nếu chúng ta khéo quan sát động niệm và thói quen trong tâm linh, sẽ có thể diệt trừ sự chấp trước đối với nghiệp hư giả của chính mình từ vô thủy đến nay, sẽ chẳng làm tướng nghiệp tập là tự ngã. Chúng ta thường coi nghiệp tập phiền não là ngã, nắm chặt chẳng buông. Có kẻ ngỡ tội nghiệp là ngã, chẳng hạn như trót tạo một lỗi lầm, bèn nghĩ hễ người

*Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2*

khác nói đến lỗi lầm đó sẽ là nói động đến ta! Nắm chặt khư khư, nói: “Nếu mày nói động đến tao, tao sẽ liều mạng với mày”. Thật ra, tội ác chẳng phải là quý vị, nó chẳng thuộc về quý vị, nó vốn chẳng có tự tánh. Nghiệp tập của chúng ta cũng giống như thế. Tên gọi của chúng ta cũng giống như thế.

Chẳng hạn như các danh tự Trương Tam, Lý Tứ cũng là vô tự tánh; nhưng thường là nếu có ai réo cái tên ấy để mắng chửi, khi đó, cái tên ấy sẽ có tự tánh ngay! Chúng ta sẽ gắn chặt nó vào thân, buộc chặt vào mình, canh cánh trong lòng, in hằn vào óc. Sau đó, nó trở thành một nghiệp tướng. Vậy là chúng ta chẳng biết “*pháp chẳng có tự tánh*”. Quả thật, chớ nên như thế, nhất là cứ ôm chặt nghiệp tập và lỗi lầm chẳng buông, cho nó là chính mình, đó là lúc khổ nhất của chúng ta.

“*Tuy bị qua mạ, vô hận nào*” (Dầu bị đánh chửi, chẳng sân hận, bực bội): Bị người khác chửi bới, thương tổn, chẳng hỏi hận hay tức giận. Tu trì trong nghịch duyên là chân thật nhất. Trong thời Mật Pháp, nghịch duyên hừng hực, thuận duyên hiếm hoi! Có người nói kẻ nào đó “vẻ mặt lâm li khó ưa”; thật ra, mọi người đừng mong vẻ mặt người khác luôn dễ coi.

Có đôi khi trong tâm người ấy quá căng thẳng, hoặc là chẳng biết chính mình đang quá căng thẳng. Chúng ta cười xòa là xong, thật sự chớ nên so đo khuyết điểm. Chớ nên coi lỗi lầm thành ta, chớ nên coi danh tự thành ta, chớ nên coi nghiệp tập thành ta. Các thiện tri thức vốn vô ngã, sao lại kiến lập cái Ngã? Nhất định phải tự hỏi chính mình, thiện ngã còn chẳng thể được, sao lại có thể cưỡng chấp ác ngã? Chúng ta phải nên chọn lựa!

*(Kinh) Hoặc thời văn thuyết thử kinh điển, thư tả, đọc tụng, xảo quảng tuyên, duy vị pháp trụ lợi thế gian. Nhược năng như thị, đắc tam-muội. Ư chư pháp trung, bất bí lận, bất cầu lợi dưỡng cập danh văn. Đản vị thiệu long chư Phật chủng, nhược năng như thị, chứng tam-muội.*

**(經)或時間說此經典，書寫讀誦巧廣宣。唯為法住利世間，若能如是得三昧。於諸法中不祕吝，不求利養及名聞。但為紹隆諸佛種，若能如是證三昧。**

*(Kinh: Có lúc nghe nói kinh điển này, biên chép, đọc tụng, khéo rộng nói, chỉ vì pháp trụ lợi thế gian. Được như thế, sẽ đắc tam-muội.*



***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

*Chẳng keo tiếc, giấu giếm các pháp, chẳng cầu lợi dưỡng và tiếng tăm, chỉ vì rạng truyền dòng giống Phật. Được như thế, sẽ chứng tam-muội).*

“*Ư chư pháp trung bất bí lận*” (Chẳng keo tiếc, giấu giếm các pháp): Chẳng keo tiếc pháp quả thật mười phần khó khăn! Nếu mọi người nương theo pháp để cư xử, nương theo pháp để giao tiếp, nương theo pháp để bố thí, nương theo pháp để chung sống, chưa nói đến một bầu hòa khí, tối thiểu là sẽ có không khí vui sướng, rạng rỡ, có trạng thái tăng thượng đạo đức, có trạng thái dần dần khỏe mạnh, chẳng xuất hiện tướng trạng chệch choạc, chẳng xuất hiện tướng trạng khô héo. Đây là lẽ tất nhiên. Vì trao ra chút phần pháp, sẽ khiến cho người khác được an lạc, chẳng cần nói tới pháp thí rộng lớn. Khi chúng ta thí pháp cho người khác, chính mình đã đạt được pháp vị trước. Chẳng hạn như rất nhiều người buồn bã, kêu ca trong nhà có người bệnh. Tôi nói: “Như thế thì tốt quá!” Có sao nói như vậy? Vì đây chính là cơ hội cho quý vị tu pháp, cơ hội niệm Phật, cơ hội vun bồi cái tâm từ bi. Vì khi thấy những người khác [chẳng phải là người thân của chính mình] mắc bệnh, gặp nạn, quý vị chẳng quan tâm cho lắm! Nếu quý vị nói chính mình quan tâm, vậy thì trong thiên hạ hằng ngày đều có người nhiễm bệnh, tử vong, hằng ngày đều có người đau khổ khó thể chịu đựng, sao quý vị chẳng niệm Phật, sao chẳng niệm Pháp, sao chẳng niệm Tăng hồi thí cho họ? Sủng vật (thú cưng, pet) trong nhà của chúng ta chết, ta sẽ khóc ròng; ông bà của kẻ khác chết, ta đều chẳng bận tâm, vì sao? [Ta chỉ buồn bã, đau lòng khi người hay vật mất đi] có quan hệ với chính mình. Vì thế, chúng ta học Phật, cũng đích xác là [pháp môn muốn tu học ấy] phải có quan hệ với chính mình, có duyên thân thiết. Chẳng có duyên, sẽ không được. Ở đây vẫn là phải như thật quan sát. Hiện thời, chúng ta nghe nói kinh điển như thế, cho đến biên chép, đọc tụng, những điều ấy đều là kết duyên, đều là một duyên khởi để tu tập pháp tắc. Mọi người phải khéo quan sát ở chỗ này, chẳng cần để ý ai khác. Đối với cái gọi là “*nhân duyên*” của chính mình, chỉ nên thủ hộ pháp tắc. “*Đản vị thiệu long chư Phật chủng*” (Chỉ vì tiếp nối hưng thịnh chủng tánh chư Phật), tức là khiến cho chánh pháp trụ thế, lưu truyền rộng rãi trong thế gian.

***(Kinh) Viễn ly thù miên dữ suy não, trừ đoạn tật đồ cập Cái Triền. Bất tự xưng tán, khinh hủy tha, năng diệt ngã tướng, đắc tam-muội.***

**(經)遠離睡眠與衰惱，除斷嫉妒及蓋纏。不自稱讚輕毀他，能滅我相得三昧。**

(*Kinh: Xa lìa ngủ nghê và suy não, trừ dứt ghen ty và Cái Triền. Chẳng tự khen, khinh hủy kẻ khác. Diệt được ngã tướng, đắc tam-muôi*).

“Viễn ly thù miên dữ suy não” (Xa lìa ngủ nghê và suy não): Nếu ai có tâm trí cầu pháp chẳng mỏi mệt, thuyết pháp chẳng chán, tu pháp thường tinh tấn, sẽ chẳng có tướng suy não. Có khi chúng ta chẳng nhắc đến chữ Mệt thì còn được, vẫn quên bằng duyên do. Hễ nhắc tới thì duyên liền đưa đến, ngay lập tức mệt liền! Cái duyên đưa đến rốt cuộc là gì vậy? Giống như nắm lấy hòn sắt nóng sẽ bị phỏng tay, duyên như thế đó! Đối với điều này, quý vị phải nên tin tưởng. Trong tâm trí phạm phu liền có yêu đắm, hễ tiếp xúc liền đạt được, tức là có thể cảm nhận được.

“Trừ đoạn tật đó cập Cái Triền” (Trừ dứt ghen ty và Cái Triền): Lại nhắc tới ghen ty. Ghen ty rất nguy hại cho thiện căn của chúng ta, tạo thành quá nhiều chướng ngại cho chúng ta. Đây là cái ải khó qua nhất đối với người trong thời Mạt Pháp. Háo thắng là do cái tâm ghen ty đem lại, tranh đấu do cái tâm ghen ty đem lại, quá khổ! Trong tâm của phạm phu thời Mạt Pháp, chủng tử ghen ty khá lớn, khá chín muồi. Nếu đó là mầm tiêu hạt lép thì còn được, nhưng chủng tử quá chín muồi, sẽ đặc biệt dễ nảy mầm!

“Bất tự xưng tán, khinh hủy tha, năng diệt ngã tướng, đắc tam-muôi” (Chẳng tự khen mình, khinh hủy người khác. Có thể diệt ngã tướng, sẽ đắc tam-muôi): Những điều đó là bệnh tướng trong thời đại này. Nếu bệnh ấy đã trừ, sẽ liền khỏe mạnh, sẽ có oai đức thiện xảo, sẽ có thể lợi ích thế gian. Khi tôi xuất gia, trong toàn thể nghiệp tướng, có một khoảng thời gian ba bốn năm, tôi cảm thấy lỗi lầm “*tự khen mình, chê người*” là lỗi lầm tôi thường phạm, thường phải sám hối. Rất nhiều khi là vô ý thức, khi nghĩ lại mới biết là tự khen mình, chê người. Nghiệp tập ở ngay chỗ đó, thường là ngay khi đó liền buột miệng nói ra. Lúc đó, vẫn cảm thấy rất có bi trí, nhưng lắng lòng suy xét, chủng tử đã gieo ra vẫn là các thứ “*tự khen mình, chê người*”. Nếu chẳng kịp thời sám hối, sẽ tăng thêm cái nghiệp tiếp nối. Các vị Bồ Tát ơi! Cái nghiệp tiếp nối ấy phiền phức nhất; đó chính là chấp giữ cái Ngã. Chúng ta do chẳng có ý thức bèn tạo tác nghiệp ấy, cái nghiệp tiếp nối. “*Vô ý thức*” chính là vô minh, đó là Cái, là Triền. Đối với điều này, chỉ có người có

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

tâm tư tỉ mỉ, người thuần thực pháp thì mới có thể khéo quan sát, thủ hộ, nhưng người học Phật chúng ta đều phải nên quan sát cẩn thận, sâu xa. Về sau, tôi không ngừng quan sát nghiệp tập “*tự khen mình, chê người*” của chính mình, biết là do trong nghiệp tướng quá khứ của chính mình, khi thường tự cho là đúng, tự cho rằng chính mình có thiện căn, có tinh tấn, có hành pháp, có pháp tắc, sẽ dẫn tới nghiệp chủng tâm tối, vô ý thức “*tự khen mình, chê người*”. Ai có thể đoạn trừ? Chỉ có tự mình có thể quan sát, biết rõ. Thiện tri thức cũng có thể chỉ ra cho quý vị, giúp quý vị trừ bỏ lỗi lầm này. Trong thời đại của chúng ta, những kẻ đồng bệnh với tôi đặc biệt nhiều! Chúng ta đều nên xét kỹ chính mình, vì “*tự khen mình, chê người*” quá vi tế, dễ chẳng nhận biết sẽ phạm ngay.

Nhưng cái nghiệp tiếp nối này mười phần bất hảo, nhất là trong Bồ Tát giới, sẽ là phạm trọng giới, phạm căn bản giới, nhưng chúng ta thường vô ý thức vi phạm. Lỗi lầm của kẻ khác quá rõ ràng, xác thực, cứ thuận miệng nói ra sẽ mang tánh cách chỉ trích, có tánh cách gây thương tổn, biểu lộ ưu điểm của chính mình, đánh mất tâm từ bi và tâm trí huệ, tạo áp lực cho kẻ khác, chẳng phải là các thứ đem lại an lạc và vui sướng cho kẻ khác. Chẳng trừ căn bệnh ấy, nghiệp chủng cứ tiếp nối, sẽ nguy hại cho thân tâm an Khang, sẽ giống như tiếp tục bị bệnh vậy.

***(Kinh) Chánh tín chư Phật, cập Pháp, Tăng, thường hành thành tâm vô khi cuống. Bất vong nhất thiết chư ân báo, bỉ chứng tam-muội vô gian nan.***

**(經)正信諸佛及法僧，常行誠心無欺誑。不忘一切諸恩報，彼證三昧無艱難。**

***(Kinh: Chánh tín chư Phật và Pháp, Tăng, thường hành thành tâm, chẳng lừa dối, chẳng quên báo hết thầy các ân, sẽ chứng tam-muội chẳng khó khăn).***

“*Thường hành thành tâm vô khi cuống*” (Thường giữ cái tâm chân thành, chẳng lừa dối): “*Thành tâm*” quyết định đến từ sự tôn trọng mình, tôn trọng người khác. Chúng ta tự tôn trọng mình bằng cách nào? Như thật biết tự tâm, có thể biết thanh tịnh trong tâm duyên. Vì thế, chẳng đắm nhiễm, đó là một niệm tối sơ trong tâm chân thành. Khi đó, dùng bi và trí để quán thế gian, có thể vận dụng thành tâm. Nếu không,

hễ có cái tâm ô nhiễm, phân biệt, làm sao có thể xưng là “*thành tâm*” cho được?

“*Bất vong nhất thiết chư ân báo*” (Chẳng quên báo đáp hết thảy các ân): Chẳng quên hết thảy các ân. Đối với ân nhỏ nhoi như giọt nước, báo đáp tràn trề như suối trào. Báo ân như thế nào? Khi chúng ta tạo ân đức cho người khác, chớ nên nghĩ đến chuyện được báo đáp. Khi người khác ban ân đức cho chúng ta, đừng nên quên báo đền. Đó là một pháp tắc. Nếu chính mình dốc sức thực hiện, lại cầu được báo đền, đó là kinh doanh, là buôn bán. Đó gọi là tu trì nhằm cầu danh văn lợi dưỡng từ việc mua bán gia nghiệp của Như Lai, chẳng có ý nghĩa chi hết! Nhưng nếu chúng ta chẳng biết ân, chẳng báo ân, sẽ đánh mất lợi ích rộng lớn do tu chúng và tâm trí chân thành lợi ích thế gian, hoặc là sự tu trì cái tâm cung kính.

*(Kinh) Nhược năng chân thuyết vô vọng ngôn, phạm hữu sở hành diệc bất thất.*

**(經)若能真說無妄言，凡有所行亦不失。**

*(Kinh: Nếu hay nói thật, chẳng nói dối, tất cả hành vi chẳng sai trái).*

Nếu ăn nói mà chẳng tương ứng với hành vi và tâm địa của chính mình, hãy nên sám hối. Sám hối là chuyện bọn phạm phu hữu tình trong thời Mạt Pháp như chúng ta phải nên làm, phải nên thực hiện. Đó là một pháp tắc mười phần trọng yếu. Sám hối thay cho người khác cũng thế, tự sám hối cũng thế, [sám hối] thay cho pháp giới hữu tình cũng thế, sám hối cho cha mẹ, sư trưởng cũng thế. Đó là sự khỏe mạnh mười phần có ý nghĩa, là tâm lý thanh tịnh, là chuỗi anh lạc được kết bởi các pháp, là trang nghiêm Phật Đà, là chuyện được hết thảy chư Phật, Bồ Tát tán thán, hứa khả, và thủ hộ. Mọi người hãy nên kiểm điểm, ngăn che cho nhau, khiến cho người phạm lỗi được sám hối sạch lâu!

*(Kinh) Sở tác tuy vi, hoạch báo quảng. Bỉ u chứng pháp vô chướng ngại.*

**(經)所作雖微獲報廣，彼於證法無障礙。**

*(Kinh: Việc làm tuy nhỏ, được báo rộng. Người ấy chứng pháp chẳng chướng ngại).*

Nương vào các pháp tắc trên đây, tuy thực hiện ít phần, nhưng đều có lợi ích chẳng thể nghĩ bàn, vì đã hành đúng pháp.

*(Kinh) Nhược nhân hữu năng cụ tư pháp, thanh tịnh trì giới chư hữu ân. Bỉ đắc Bồ Đề thượng bất nan, hà huống thậm thâm vi diệu Định.*

**(經)若人有能具斯法，清淨持戒諸有恩。彼得菩提尚不難，何況甚深微妙定」。**

*(Kinh: Nếu ai trọn đủ các pháp ấy, trì giới thanh tịnh, ân mọi loài, sẽ chứng Bồ Đề còn chẳng khó, huống hồ Định vi diệu rất sâu).*

Thành tựu Vô Thượng Bồ Đề còn chẳng khó, huống hồ đạt được Định vi diệu rất sâu! Các vị thiện tri thức ơi! Đừng cho là Phật pháp xa vời, hãy chánh hành Phật pháp!

### **15. Phẩm thứ mười một: Thọ Ký**

Chúng ta có một cơ duyên thù thắng như vậy, có thể cùng nhau học tập kinh Ban Châu Tam Muội, đúng là một cơ chế tốt đẹp rất khó có do thiện căn và cộng nghiệp cùng chín muôi! Chúng ta học hoàn chỉnh kinh này một lượt, tiếp đó bèn học tập và tu tập, sẽ mười phần thuận tiện. Sau đó, đọc tụng, sẽ có càng nhiều sự tham chiếu và chiết xạ tâm lý<sup>18</sup>. Vì đối với sự nhận biết kinh điển, nếu một người đọc tụng hoặc lý giải nó, sự hiểu biết [của người ấy] có tánh hạn cuộc nhất định; nhưng mọi người cùng nhau học tập, sẽ thường có thể trừ khử sự hạn cuộc ấy, khiến cho chúng ta từ trong vô lượng nghĩa, chọn lựa các lời lẽ có ý nghĩa, tâm trí có ý nghĩa, và phân lượng có ý nghĩa đối với chính mình để ấn chứng tự tâm, hòng hoàn thành công đức tự lợi và lợi tha, xuất ly phiền não, xuất ly sanh tử.

---

<sup>18</sup> Đây là một thuật ngữ tâm lý học nhằm mô tả một hiện tượng: Nếu có sự kiện nào đó tạo thành ấn tượng trong tâm lý một người, bất luận thời gian đã qua đi lâu thế nào, khi thấy kẻ khác gặp phải một sự kiện tương tự, người đó vẫn nảy sinh phản ứng tâm lý gần giống như ấn tượng tâm lý ban đầu mà chính người ấy đã kinh nghiệm. Đó gọi là “*chiết xạ tâm lý*”.

**(Kinh) Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Phần Thọ Ký phẩm đệ thập nhất.**

**(經)大方等大集賢護分授記品第十一。**

*(Kinh: Kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Phần. Phẩm thứ mười một: Thọ Ký).*

Thọ ký rất trọng yếu. Pháp giáo do chư Phật Như Lai truyền lại được truyền thừa từ đời này sang đời khác. Tuy chẳng giống các vị tổ sư xung là “*vị tổ đời thứ mấy*”, nhưng trong Hiền Kiếp, một ngàn vị Phật theo thứ tự xuất thế, Phật này thọ ký cho Phật kia, chẳng gián đoạn. Quá khứ kiếp, vị lai kiếp cũng giống như thế. Vì sao chư Phật Thế Tôn thọ ký thanh tịnh? Muốn khiến cho hết thảy chúng sanh chẳng có kiến giải điên đảo đối với Vô Thượng Bồ Đề, sanh khởi sự nhận biết rõ ràng, chọn lựa dứt khoát, hoàn thiện đối với pháp tác A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Tức là nhận biết mười hiệu trọn đủ, như Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn tám tướng thành đạo, tùy cơ thị hiện, cho nên có dấu vết để có thể tìm, có mười tám pháp bất cộng có thể thấy, có thể vận dụng, có thể biết, có Thập Lực, Tứ Vô Úy, thiện xảo lợi ích rộng khắp thế gian. Như thế thì sẽ khiến cho hữu tình trong thế gian chẳng bị mê hoặc bởi những kẻ xằng bậy xưng là Phật! Nhưng trong thời Mạt Pháp, những kẻ xằng bậy xưng là Phật chỗ nào cũng đều có, thậm chí có kẻ [tự vỗ ngực] “*vượt xa Phật*” cũng có luôn. Vì thế, thọ ký mười phần trọng yếu!

*(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn cáo Hiền Hộ Bồ Tát ngôn: - Hiền Hộ! Ngã niệm vãng tích quá vô lượng A-tăng-kỳ, phục quá vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, sơ u Nhiên Đăng Phật Thế Tôn sở, văn thử tam-muội, văn dĩ tức chứng như tư tam-muội.*

**(經)爾時，世尊告賢護菩薩言：「賢護！我念往昔過於無量阿僧祇，復過無量阿僧祇劫，初於然燈佛世尊所，聞此三昧，聞已即證如斯三昧。**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn bảo Hiền Hộ Bồ Tát rằng: - Nay Hiền Hộ! Ta nhớ xưa kia quá vô lượng A-tăng-kỳ, lại qua khỏi vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, thoát đầu ở chỗ Nhiên Đăng Phật Thế Tôn nghe tam-muội này, nghe xong liền chứng tam-muội như thế).*

Trong chương Đại Thế Chí Niệm Phật Viên Thông của kinh Lăng Nghiêm có nói: Mười hai vị Như Lai lần lượt xuất thế, vị Phật cuối cùng dạy ta (Đại Thế Chí Bồ Tát) Niệm Phật tam-muội. Sau đó, [Đại Thế Chí Bồ Tát] còn nêu ra [tỷ dụ] “*như mẹ nhớ con, mẹ con nhớ nhau*”, cho đến nói “*phàm phu nhớ Phật, niệm Phật, tương lai, hiện tiền nhất định thấy Phật, cách Phật chẳng xa, chẳng nhờ vào phương tiện, tự được tâm thông sáng*”, cho đến “*tam-ma-địa như thế chính là bậc nhất*”. Vì thế, “*thấy Phật, chứng tam-muội*” là pháp tắc được chứng nhập bởi hữu tình có thiện căn đã chín muồi từ quá khứ. Hiện tại cũng giống như thế. Tôi gặp một vị cư sĩ, lúc ông ta vẫn còn là cư sĩ, sau khi nghe người khác niệm Phật, thân tâm [của vị cư sĩ ấy] rạng ngời, ngày đêm sáu thời tự nhiên niệm Phật, cũng chẳng nói ta phải niệm Phật hay không, tự nhiên trong tâm sanh khởi âm thanh thanh tịnh “*Nam-mô A Di Đà Phật*” như nước tuôn róc rách. Ông ta tới hỏi tôi: “Đó là chuyện như thế nào?” Tôi nói: - Đó là tướng thiện căn của ông đã chín muồi! Trong quá khứ, ông đã từng là người đích thân chứng Niệm Phật tam-muội. Tuy đã đánh mất, nhưng hãy nghe, sẽ liền đạt được! Đạt được gì vậy? Ông ta chẳng cần niệm, tự nhiên bèn niệm, mười phần an lạc, vui sướng, thân tâm sáng khoái, gặp pháp vô ngại. Phiền não xảy đến, vấn đề đưa đến, tự nhiên sẽ do niệm Phật mà tiêu tan các sự tướng ấy. Đó chính là tướng túc duyên thiện căn chín muồi. Hoặc là chúng ta đời này niệm Phật rất khó khăn. “*A Di Đà Phật, A Di Đà Phật*”, có người niệm rất mệt nhọc, chẳng hiểu phương pháp cho mấy, nhưng trong khi chưa hiểu ấy vẫn cứ niệm, dầu đời này chẳng liễu sanh tử, nhưng nhân duyên trong vị lai chẳng thể nghĩ bàn, sẽ liễu sanh tử, tự đạt được niềm vui. Vì thế, niệm Phật là thiện nghiệp chẳng thể nghĩ bàn, là công đức chẳng thể nghĩ bàn!

Ở đây, [đức Phật] nói đức Thế Tôn trong khi tu nhân, ở chỗ Nhiên Đăng Phật, nghe tam-muội này liền chứng. Vì sao chúng ta nghe tam-muội này chẳng chứng? Trong quá khứ, có người nghe kinh liền chứng Sơ Địa, Bát Địa. Có các vị tỳ-kheo, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di bình phàm nghe pháp, liền đắc pháp nhãn tịnh, liền chứng mấy quả vị. Vì sao chúng ta nghe pháp chẳng đạt được gì? Chẳng phải là đạt được hay không, mà là tự tâm có nhận biết hay không? Đã chín muồi hay không?

***(Kinh) Kiến chư Như Lai, thường hiện tại tiền. Tùng thị dĩ lai, kinh vô lượng A-tăng-kỳ chư Thế Tôn sở, giai thọ thị kinh, tu hành, cúng dường.***

**(經)見諸如來，常現在前。從是已來，經於無量阿僧祇諸世尊所，皆受是經，修行供養。**

*(Kinh: Thấy các Như Lai thường hiện ra trước. Từ đó trở đi, trải qua nơi vô lượng A-tăng-kỳ các vị Thế Tôn, đều lãnh nhận kinh này, tu hành, cúng dường).*

Đây là Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn đã dùng pháp tắc do chính Ngài đã hành từ vô thi đến nay để ấn khế cho chúng ta.

*(Kinh) Bĩ Phật Thế Tôn thọ ngã ký viết: “Ma Nạp! Nhữ u lai thê, đương đắc tác Phật, hiệu Thích Ca Mâu Ni Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn”.*

**(經)彼佛世尊授我記曰：「摩納！汝於來世，當得作佛，號釋迦牟尼如來、應供、等正覺、明行足、善逝、世間解、無上士、調御丈夫、天人師、佛、世尊」。**

*(Kinh: Vị Phật Thế Tôn ấy thọ ký cho ta rằng: “Này Ma Nạp! Trong đời mai sau, ông sẽ được thành Phật, hiệu là Thích Ca Mâu Ni Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn”.*

Ma Nạp là tên của Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn trong lúc tu nhân khi Ngài gặp Nhiên Đăng Cổ Phật.

*(Kinh) Hiền Hộ! Nhữ bồi diệc đương chuyên tinh nhất tâm, tư duy tu tập như tư thánh pháp.*

**(經)賢護！汝輩亦當專精一心，思惟修習如斯聖法。**

*(Kinh: Này Hiền Hộ! Các ông cũng nên chuyên ròng nhất tâm, tư duy tu tập thánh pháp như thế).*

Đây là đức Thế Tôn nhắc nhở Hiền Hộ Bồ Tát, mà cũng là nhắc nhở chúng ta. Chúng ta hằng ngày xưng niệm “*Nam-mô Bốn Sư Thích*



*Ca Mâu Ni Phật*” thì phải nương tựa pháp tắc mà Phật Thích Ca đã hành để làm căn bản quy hướng, thành tựu, phỏng theo, tu tập, đạt thành tựu, chọn lựa làm nơi quy y. Vì thế, chúng ta gọi đó là giáo ngôn của đức Bổn Sư, là pháp tắc của đức Bổn Sư.

*(Kinh) Phi thị phàm phu sở kiến cảnh giới.*

**(經)非是凡夫所見境界。**

*(Kinh: Chẳng phải là cảnh giới mà phàm phu trông thấy).*

Câu này rất trọng yếu. Nếu chúng ta chẳng nương theo giáo ngôn của thánh giáo và pháp tắc để tu tập, sẽ phải tư duy nhiều hơn, chỉ đành chịu khổ, tốn nhiều tâm tư tu trì mà chẳng thể thành tựu thánh đạo. Vì lẽ nào? Hết thấy các điều ấy đều chẳng phải là cảnh giới của phàm phu, tư duy của phàm phu chẳng thể thấu đạt, chẳng thể tương ứng được! Có các vị xuất gia và tại gia Bồ Tát, mười năm hay tám năm rất dụng công, rất chịu thương chịu khó, nhưng do nương theo cái tri kiến tiếp nối của chính mình, quý vị nói “*chuyển biến tri kiến rất đơn giản*”, nhưng họ chẳng chuyển, cố chấp ý kiến của chính mình, chẳng hồ thẹn, kiêu mạn, tự phụ, nhiều năm chẳng thay đổi, một mực kéo dài. Kéo dài gì vậy? Khô não, ngã mạn. Người trí nương theo sự tùy thuận, hòa hợp, điều phục, nhu hòa, nương theo pháp mà hành, thật sự là tăng thượng. Gặp pháp liền đạt được điều lợi ích tốt lành, vì sao? Đó là cảnh giới của hết thấy chư Phật, trọn chẳng phải là cảnh giới phàm phu hay tư duy phàm phu.

Có nhiều người học Phật, dùng cách nghĩ của chính mình để dụng công trong Phật pháp. Trong quá khứ, tất cả các kinh điển mà người xuất gia đọc đều là được truyền trao, cũng tức là có người truyền dạy thì mới có thể đọc tụng, mới có thể trao đổi với người khác. Nếu không, sẽ chẳng dám, mà cũng chẳng có sức, nhưng hiện thời người xuất gia lẫn kẻ tại gia đọc kinh, phần nhiều dụng công nơi kinh điển bằng cách dùng đầu óc của chính mình để “*xử lý*” tất cả kinh điển một lượt, cho rằng “*ta học khá lắm*”, “*ta học đã hiểu rành rồi*”. Kẻ như thế chỉ tăng thêm tri kiến, học cả đồng danh từ và danh tướng, chẳng có may mắn lợi ích cho chính mình, chỉ tăng thêm cái tâm ngạo mạn. Không chỉ chẳng được lợi ích nơi Phật pháp, mà còn có thể rất khổ, giống như cồng một đồng thuốc lớn, nhưng đối với căn bệnh nặng lại trọn chẳng biết dùng vị thuốc nào để đối trị bệnh tật của chính mình, chẳng có phương tiện! Dầu vác

*Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2*

một rương thuốc to đùng, nhưng hằng ngày mắc bệnh nặng, chẳng thể trị liệu. Đối với chuyện này, mọi người phải nên chú trọng: “*Pháp yếu phải có người truyền trao*”. Điều này mười phần trọng yếu! Cho đến thành tựu cũng có người ấn chứng, hứa khả. Nếu không, mạn tâm của chúng ta khó trừ, Ngã Chấp khó trừ đây nhé!

*(Kinh) Thâm thâm tịch tĩnh chúng tướng diệt xứ.*

**(經)甚深寂靜衆相滅處。**

*(Kinh: Là chỗ tịch tĩnh rất sâu, các tướng đều diệt).*

Chúng ta là hữu tình chấp tướng, coi “*thiện, ác, đúng, sai*” là chân thật. Như thế thì sao có thể đạt được an lạc nơi tịch tĩnh?

*(Kinh) Như thị học dĩ, vị lai tự nhiên thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề vô hữu gian nan, như ngã bất dị.*

**(經)如是學已，未來自然成就阿耨多羅三藐三菩提無有艱難，如我不異。**

*(Kinh: Học như thế rồi, trong đời tương lai sẽ tự nhiên thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề chẳng khó khăn, như ta chẳng khác).*

Vì sao vậy? Do nương theo lời thọ ký của đức Phật mà tùy thuận. Chúng ta cũng giống như thế. Nếu có thể tùy thuận chỗ “*tịch tĩnh rất sâu, các tướng diệt trừ*”, đã học như thế, trong vị lai, tự nhiên sẽ thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề chẳng khó khăn. Đây là thọ ký cho mọi người. Vì sao? Ngài Hiền Hộ tượng trưng cho tứ chúng tu pháp Ban Châu tam-muội trong thời Mạt Pháp. Bộ kinh này chỗ nào cũng đều nói nhất quán về cơ chế giáo ngôn này.

*(Kinh) Nhữ đẳng đương tri, nhược hữu an trụ thị tam-muội giả, tự nhiên đương đắc cận đại Bồ Đề.*

**(經)汝等當知，若有安住是三昧者，自然當得近大菩提。**

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2**

*(Kinh: Các ông hãy nên biết: Nếu có người an trụ trong tam-muội này, tự nhiên sẽ gần với đại Bồ Đề).*

Gọi là Đại Bồ Đề, tức là Vô Thượng Bồ Đề. “Đại” là tâm trí trọn khắp do đức Thế Tôn đã chứng, chẳng phải là lớn hay nhỏ, mà là viên mãn trọn đủ, trọn đủ chân thật, trọn khắp hết thảy.

*(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn vị trùng minh thử nghĩa, dĩ kệ tụng viết: - Ngã tích ngộ bỉ Nhiên Đăng Phật, kiến dĩ, tức đắc tam-ma-đề.*

**(經)爾時，世尊爲重明此義，以偈頌曰：「我昔遇彼然燈佛，見已即得三摩提。」**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn vì nói rõ lại nghĩa này, dùng kệ tụng như sau: - Ta xưa gặp đức Nhiên Đăng Phật, gặp rồi liền đắc tam-ma-đề).*

Chúng đắc tam-muội, đó là tam-ma-đề, an trụ trong tam-ma-đề chân thật, hoặc thành tựu tam-ma-địa. Đó là thâm nhập theo thứ tự. Chúng ta đọc kinh Viên Giác, [sẽ thấy] kinh dạy: Xa-ma-tha (Śamatha) là chí tĩnh khinh an (至靜輕安), Tam-ma-bát-đề (Samāpatti) là đại bi khinh an, Thiền Na (Dhyāna) là tịch diệt khinh an. Trong ấy, có nhắc tới tam-ma-đề (Samadhi).

*(Kinh) Tùng thị thường đồ chư Như Lai, cụ túc công đức đại danh xưng.*

**(經)從是常睹諸如來，具足功德大名稱。**

*(Kinh: Từ đây thường thấy các Như Lai, trọn đủ công đức, danh xưng lớn).*

Nếu thường thấy Phật, công đức thiện xảo tự nhiên trọn đủ. Chúng ta cảm nhận “thường chẳng thể thấy chư Phật”, thì có thể trì danh hiệu chư Phật, trì tâm chú của chư Phật, trì diệu tướng của chư Phật, trì đại nguyện của chư Phật, sẽ giống hệt như “thường học theo Phật”. Thường sử dụng tâm trí như thế, nếu dùng Phật nguyện để kéo dài sanh mạng của chính mình, duy trì tâm thức và nghiệp tướng của chính mình, người ấy sẽ chẳng thể nghĩ bàn, giống như Phật rủ lòng tùy thuận căn cơ. Tuy là

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

thân do cha mẹ sanh ra, nhưng khiến cho công đức nơi giáo pháp thù thắng của chư Phật Như Lai được truyền bá trong cõi đời, rộng lợi ích hữu tình.

***(Kinh) Nhữ dân đa tập chư công đức, nhất tâm chuyên niệm tức đắc thành. Nhực nhân năng hành thử pháp trung, đương đắc Vô Thượng Bồ Đề đạo.***

**(經)汝但多集諸功德，一心專念即得成。若人能行此法中，當得無上菩提道」。**

***(Kinh: Ông chỉ tu tập nhiều công đức, nhất tâm chuyên niệm liền được thành. Nếu ai có thể hành pháp này, sẽ đắc Vô Thượng Bồ Đề đạo).***

Đoạn kệ tụng “trùng tuyên thử nghĩa” này vẫn là từ trong phẩm Thọ Ký nhắc nhở chúng ta, nương theo sự thọ ký trong lúc tu nhân của Phật Thích Ca, mà cũng là lời thọ ký của Nhiên Đăng Cổ Phật đối với Ma Nạp. Ở đây, Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn đối với Hiền Hộ cho đến hết thầy những người tu tập hành pháp Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội trong thời Mật Pháp mà thọ ký: “*Thậm thâm tịch tĩnh chúng tướng diệt xứ, như thị học dĩ, vị lai tự nhiên thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, vô hữu gian nan, như ngã bất dị*” (Đối với chỗ tịch tĩnh rất sâu, các tướng trừ diệt, mà học như thế rồi, trong vị lai, sẽ tự nhiên thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác chẳng khó khăn, giống như ta chẳng khác). Đây là lời thọ ký. Nếu có thể noi theo lời thọ ký, thuận thế mà hành, sẽ đạt được thiện xảo ít tốn công sức. Vì thế, tu pháp chẳng khó, tam-muội chẳng khó!

### ***16. Phẩm thứ mười hai: Thâm Thâm***

***(Kinh) Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Phần Thâm Thâm phẩm đệ thập nhị.***

***Nhĩ thời, Hiền Hộ Bồ Tát phục bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Vân hà tư duy như thị tam-muội?***

**(經)大方等大集賢護分甚深品第十二。**

**爾時，賢護菩薩復白佛言：「世尊！云何思惟如是三昧？」**

*(Kinh: Kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Phần. Phẩm thứ mười hai: Rất Sâu.*

*Lúc bấy giờ, Hiền Hộ Bồ Tát lại bạch cùng đức Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Làm thế nào để tư duy tam-muội như thế này?)*

Toàn thể bộ kinh đều nhắc nhở chúng ta tư duy, quan sát, nhanh chóng chóng chúng đắc, dùng chánh ngôn để tuyên nói Ban Châu tam-muội. Ở đây, kế tiếp là nêu ra “*làm thế nào để tư duy tam-muội như thế?*”

*(Kinh) Phật ngôn: - Hiền Hộ! Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân niệm dục tư duy thử tam-muội giả.*

**(經)佛言：「賢護！若有善男子善女人，念欲思惟此三昧者。」**

*(Kinh: Đức Phật dạy: - Này Hiền Hộ! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nghĩ muốn tư duy tam-muội này).*

Tiếp đó, trực tiếp truyền dạy pháp tắc, nói chẳng tăng giảm, [người học pháp này] chỉ nên tùy văn nhập quán, liền đạt được phương tiện. Khá nhiều pháp tắc, nếu chẳng có hiểu thì sẽ rất thuận tiện. Nếu tìm hiểu, phần nhiều là dùng thức tâm của chính mình để dụng công, sẽ thêm vào pháp tắc các chất độc “hiểu biết cong queo, hiểu biết sai lầm” của chính mình, phần nhiều dẫn đến đắm quàng ngõ rẽ. Vì thế, hãy tùy văn nhập quán, đắm ra rất thuận tiện, hãy y giáo phụng hành, chẳng nhờ vào người khác chỉ vẽ. Đó là sự chọn lựa thuận tiện nhất để hành trì kinh điển.

*(Kinh) Quán bỉ sắc thời, bất ưng thủ trước.*

**(經)觀彼色時，不應取著。**

*(Kinh: Khi quán sắc, đừng nên chấp trước).*

Có thể nói câu này chính là cương lĩnh của toàn thể văn tự trong đoạn sau. “*Quán bỉ sắc thời, bất ưng thủ trước*” (Khi quán sắc, đừng

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2**

nên chấp giữ): Đối với Thọ, Tướng, Hành, và Thức, cũng giống như thế. Tâm Kinh nói “*Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc*” (Sắc chính là Không, Không chính là Sắc). Nói kiểu này, chính là khiến cho chúng ta khi quán sắc sẽ chẳng nhiễm, chẳng chấp. Đức Thế Tôn muốn khiến cho chúng ta có thiện xảo để thâm nhập nội dung tu tập và chánh tư duy. Tiếp đó, Ngài còn nói cặn kẽ đủ mọi lẽ. Chúng ta hãy xem đức Thế Tôn giải thích như thế nào!

**(Kinh) *Ư bỉ thanh trung, bất ưng thủ trước.***

**(經)於彼聲中，不應取著。**

**(Kinh: *Đối với thanh, chớ nên chấp giữ.*)**

Lần lượt nêu ra sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, đây có phải là trùng lặp hay không? Chẳng phải, mà là chỉ bảo thẳng thừng cho chúng ta: “Khi gặp sắc, khi gặp thanh, khi gặp hương, khi gặp vị, khi gặp xúc, khi gặp pháp, đối đãi như thế nào?” Chớ nên chấp giữ! Vì hết thấy phàm phu hữu tình đều tưởng “đắm nhiễm sự tướng là chỗ nương cậy của y báo và chánh báo trong sanh mạng”, cho nên trầm luân trong thế gian. Nói “*trầm luân*” là do chấp giữ mà trầm luân, chần chừ trong sự chấp giữ ấy, lãng phí trong sự chấp giữ ấy, tạo tác trong sự chấp giữ ấy. Các vị Bồ Tát và thiện tri thức biết “*pháp chẳng có tự tánh*”, cho nên đối với phong cảnh trên đường sẽ tự nhiên tiếp nối, chẳng vướng, chẳng mắc; đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, bèn vận dụng, chẳng đắm nhiễm nơi đó, tự nhiên giải thoát từ ngay nơi bản thể, đạt được Chánh Thọ ngay nơi bản thể. Phật pháp đích xác là chẳng ở ngoài sự tướng, mà cũng chẳng ở trong sự tướng. Trong hiện duyên ấy, rành rành phân minh, chẳng nhiễm, chẳng chấp, sức vô ngại ấy có thể sanh ra các thứ sức Chánh Thọ.

**(Kinh) *Ư bỉ hương trung, bất ưng thủ trước. Ư bỉ vị trung, bất ưng thủ trước.***

**(經)於彼香中，不應取著。於彼味中，不應取著。**

**(Kinh: *Đối với hương, chớ nên chấp giữ. Đối với vị, chớ nên chấp giữ.*)**

Chư vị thiện tri thức! Đừng nghĩ đức Thế Tôn nói như thế là trùng lặp. Chẳng phải là trùng lặp. Sắc chính là sắc, thanh chính là thanh, hương chính là hương, vị chính là vị, giải thích vi tế như thế đó. Nếu chúng ta có thể tùy thuận thủ hộ, tùy thuận tu tập, sẽ là đại thiện. Nếu chẳng thế, hãy nên tư duy các pháp tắc in hằn trong tâm của chính mình. Trong kinh điển, đức Phật đã như thật giải bày trọn vẹn chẳng tăng, chẳng giảm hết thấy các thiện xảo, hết thấy các pháp tắc như thật, hết thấy lợi ích chân thật. Đức Thế Tôn trọn chẳng keo kiệt bất cứ pháp nào, muốn lợi ích rộng khắp hữu tình, muốn chân thật hồi thí lợi ích chúng sanh, cho nên Ngài chẳng chọn lựa bất cứ pháp nào, chỉ hồi thí trọn vẹn.

*(Kinh) Ư bỉ xúc trung, bất ưng thủ trước. Ư chư pháp trung, bất ưng thủ trước. Ư chư sanh trung, bất ưng thủ trước. Ư nhất thiết xứ, bất ưng thủ trước. Ư thị pháp trung, đương khởi chân thật đại từ hạnh dã.*

**(經)於彼觸中，不應取著。於諸法中，不應取著。於諸生中，不應取著。於一切處，不應取著。於是法中，當起真實大慈行也。**

*(Kinh: Đối với xúc, chớ nên chấp giữ. Đối với các pháp, chớ nên chấp giữ. Đối với các sanh, chớ nên chấp giữ. Đối với hết thấy các chỗ, chớ nên chấp giữ. Do vậy, ở trong pháp, hãy nên khởi hạnh đại từ chân thật).*

“Đại từ hạnh” như vừa nói đó chính là hạnh bình đẳng, hạnh bát nhị, hạnh như thật. “Từ” là chẳng chọn lựa để giữ lấy. Vì thế, nói là “đồng thể”. Văn tự chỗ này khá dễ hiểu, nhưng lợi ích sâu rộng, chân thật, chẳng dối!

*(Kinh) Thị trung, hà đẳng danh vi tam-muội?*

**(經)是中，何等名為三昧？**

*(Kinh: Trong ấy, những gì gọi là tam-muội?)*

Ở đây, tam-muội được định nghĩa như thế nào? Trong khi chúng ta trao đổi với người khác, thậm chí khi chính mình tư duy, văn tự là tướng ngôn thuyết quyền biến, vì nếu chẳng có ngôn thuyết, mọi người

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2**

sẽ không có chỗ để nương theo. Nhưng nếu ngôn thuyết chẳng thể hướng dẫn tiêu quy tự tánh, hoặc quy vào pháp tắc, chắc là sẽ chết cứng nơi câu nói! Chúng ta phải nên làm như thế nào? Mọi người ai nấy hãy quán kỹ sự thủ hộ hiện tiền của chính mình.

*(Kinh) Sở vị u nhất thiết pháp trung, như pháp hành cố.*

**(經)所謂於一切法中，如法行故。**

*(Kinh: Chính là từ trong hết thảy các pháp, đúng như pháp mà hành).*

Câu này tự hồ nói mà cũng như chẳng nói. Văn tự trong phần sau nhằm chỉ dạy chúng ta...

*(Kinh) Nhược chư Bồ Tát quán niệm xứ thời, đương ưng như thị quán sát thân hành.*

**(經)若諸菩薩觀念處時，當應如是觀察身行。**

*(Kinh: Nếu các Bồ Tát khi quán niệm xứ, hãy nên quán sát thân hành như thế).*

Khởi đầu từ quan sát thân hành, vì hết thảy chúng sanh, nhất là chúng sanh thuộc nhân loại, phần nhiều coi cái thân thô trọng là Ngã, Thân Kiến mười phần nghiêm trọng.

*(Kinh) Chung bất phân biệt, kiến thân hành xứ.*

**(經)終不分別，見身行處。**

*(Kinh: Trọn chẳng phân biệt, thấy thân hành xứ).*

Đối với sự nhận biết về thân hành, như các cảm nhận về sức khỏe, thay đổi, hoặc là chẳng khỏe mạnh, chẳng đổi khác v.v... đều có thể nhận biết rõ ràng, như trong phần trước đã nói: Đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, trọn chẳng chấp giữ. Đối với lục căn, lục thức, chẳng chấp giữ. Đối với lục trần, cũng chẳng chấp giữ. Cho nên đối với mười pháp giới, cũng chẳng chấp giữ. Vì thế, vận dụng trong mười pháp giới chẳng nhiễm, chẳng chấp. Như thế bèn tự nhiên xuất ly.

*(Kinh) Quán sát thọ hành, diệc bất phân biệt, kiến thọ hành xứ.*



**(經)觀察受行，亦不分別，見受行處。**

*(Kinh: Quán sát thọ hành, cũng chẳng phân biệt, thấy thọ hành xứ).*

Đây là quan sát đối với mỗi chỗ cảm nhận, khiến cho chúng ta sẽ như thật tùy thuận theo kinh văn mà cảm nhận sự nhận biết của chính mình.

*(Kinh) Quán sát tâm hành, diệc bất phân biệt, kiến tâm hành xứ.*

**(經)觀察心行，亦不分別，見心行處。**

*(Kinh: Quán sát tâm hành, cũng chẳng phân biệt, thấy tâm hành xứ).*

Như trong phần trước đã nói, chẳng chấp Sắc, chẳng chấp Thanh, chẳng chấp Hương, chẳng chấp Vị, chẳng chấp Xúc, chẳng chấp Pháp. Các thứ đều chẳng chấp, cho đến hết thấy đều chẳng chấp. Ở đây cũng giống như thế, do chẳng có cái thấy phân biệt.

*(Kinh) Quán sát pháp hành, diệc bất phân biệt, kiến pháp hành xứ.*

**(經)觀察法行，亦不分別，見法行處。**

*(Kinh: Quán sát pháp hành, cũng chẳng phân biệt, thấy pháp hành xứ).*

Có Năng, có Sở, trong phần trước chỉ nói đến Năng, ở đây nói tới Sở. Năng lẫn Sở cùng mất, người như vậy sẽ có thể biết rõ, quan sát một niệm thô nặng.

*(Kinh) Bồ Tát đương ưng như thị quán sát tư duy tam-muội. Hà dĩ cố? Hiền Hộ! Bỉ Bồ Tát quán thân hành thời, w thân bất khởi tư duy, phân biệt.*

**(經)菩薩當應如是觀察思惟三昧。何以故？賢護！彼菩薩觀身行時，於身不起思惟分別。**

*(Kinh: Bồ Tát hãy nên quán sát tư duy tam-muội như thế. Vì sao? Nay Hiền Hộ! Khi vị Bồ Tát ấy quán thân hành, đối với thân, chẳng dấy lên tư duy, phân biệt).*

Thường nghe mọi người nói như thế này: “Ôi chao! Thời gian này thân thể tôi không tốt!” Cái kiêu cảm nhận “khoảng thời gian này” như thế, thật ra là một thứ quyền luyến, tham chấp, đắm nhiễm đối với sắc thân. Ở đây, đức Thế Tôn dạy chúng ta: “*Quán thân hành thời, u thân bất khởi tư duy, phân biệt*” (Khi quán thân hành, chẳng dấy lên tư duy, phân biệt đối với thân). Quý vị nói: “Rõ ràng là tôi có cảm nhận nơi thân, lẽ nào chẳng dấy lên tư duy, phân biệt?” Phương pháp này rất đơn giản, vì sao? Hết thấy sự nhận biết nơi thân, hành vi nơi thân, đều là sự kéo dài hư vọng của vô thường, biến hóa, vô ngã, là cảm giác hư vọng, không giữ lại gì. Vì thế, tuy có tư duy, tăng thêm nhiều vọng nghiệp, tăng thêm nhiều nhiễm nghiệp, tăng thêm cái khổ, chẳng được giải thoát. Ở chỗ này, nếu đối với thân chẳng dấy lên tư duy, phân biệt, liền hiện phương tiện giải thoát, cũng chính là khi cảm nhận cái thân liền thấy phương tiện.

Ngay trong lúc chúng ta coi trọng cái thân, liền thoát ly sự ràng buộc nơi thân. Nếu chẳng quán sát, tư duy như thế, phân biệt và chấp trước sẽ tăng mạnh hơn! Như có người thân thể chẳng tốt, đã nói: “Ôi chao! Trong khoảng thời gian này, thân thể tôi không khỏe”. Có người nói: “Trong khoảng thời gian này, tôi hành pháp, làm việc khá vừa lòng, thân thể cũng thoải mái”.

Trong quá trình tư duy và phân biệt đối với thân thể, dù tốt hay xấu, dù tăng hay giảm, một khi nhiễm đắm tư duy, sẽ do cái thân mà trầm luân, do cái thân mà tạo nghiệp, hễ tiếp nối như thế, sẽ là tương luân hồi liên tục. Nếu ngược lại, liền được giải thoát.

*(Kinh) Quán thọ hành thời, u thọ bất khởi tư duy, phân biệt.*

**(經) 觀受行時，於受不起思惟分別。**

*(Kinh: Khi quán thọ hành, đối với thọ, chẳng dấy lên tư duy, phân biệt).*

Đối với chuyện hiện tiền, hãy thẳng thừng xem xét, thiện xảo hiểu rõ, chẳng nhờ vào phân biệt, chấp trước, chẳng dấy lên vọng niệm. Như thế thì tuy chưa đắc Chánh Thọ trong hiện tiền mà đã cảm nhận Chánh Thọ, đã biết Chánh Thọ.

*(Kinh) Quán tâm hành thời, u tâm bất khởi tư duy, phân biệt. Quán pháp hành thời, u pháp bất khởi tư duy, phân biệt cố. Sở dĩ giả hà? Nhất thiết pháp bất khả đắc cố.*

**(經)觀心行時，於心不起思惟分別。觀法行時，於法不起思惟分別故。所以者何？一切法不可得故。**

*(Kinh: Khi quán tâm hành, đối với tâm chẳng dấy lên tư duy, phân biệt. Khi quán pháp hành, đối với pháp chẳng dấy lên tư duy, phân biệt. Vì sao vậy? Do hết thấy các pháp chẳng thể được).*

Đầy đều là những lời dạy rất sâu, có tánh chất giống như khẩu quyết, là pháp tắc chẳng thể nghĩ bàn. Nếu chúng ta có thể tùy thuận, tư duy, quan sát, sẽ thấu đạt nội dung của tam-muội Chánh Thọ, lợi ích của Chánh Thọ, chẳng cần cầu phương tiện nào khác, chẳng cần chúng ta phải tự hư giả lập bày, cũng chẳng cần đến các thứ siêng khổ và bức bách chẳng tất yếu. Hiện thời, có nhiều người hành pháp cho rằng kinh hành trong một thời gian dài, hoặc khổ sở bức bách chính mình thì sẽ có thể đạt được tam-muội. Đó là một thứ tâm lý chẳng tương ứng. Chẳng dấy lên phân biệt, tư duy, chẳng chấp, chẳng nhiệm. Ở đây chính là phương tiện chánh tam-muội, tức là phương tiện đỡ tổn sức, mà cũng là đạt đến chân thật đỡ tổn sức. Vì thế, do hết thấy các pháp chẳng thể được, chớ nên phân biệt, tư duy, chớ nên chấp giữ, thân tâm liền được an lạc. Như thế thì sẽ là chánh hành đúng như pháp.

*(Kinh) Như thị chư pháp ký bất khả đắc, vân hà đương hữu phân biệt, tư duy?*

**(經)如是諸法既不可得，云何當有分別思惟？**

*(Kinh: Chư pháp như thế đã chẳng thể được, làm sao có phân biệt, tư duy?)*

Kinh điển thật sự là một công cụ để ấn khế, giống như dùng một cái ấn để đóng xuống là phù hợp rồi! Đối với giáo ngôn trong kinh điển, nếu chẳng tăng, chẳng giảm ấn khế cái tâm của chúng ta, cũng sẽ có thể dấy lên hiệu quả ấn khế chẳng thể nghĩ bàn như thế. Hữu tình trong hiện đời có nhiều sự tư duy chẳng phải là tri kiến chánh đáng, có lắm tư duy hỗn loạn, cho đến lắm tư duy tà kiến. Vì thế, khiến cho sanh mạng của

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2**

chính mình chịu nhiều khôn khổ, lấm nổi lo lắng nhọc nhằn vô ích, chỉ tăng thêm ý nghiệp, thân nghiệp, khẩu nghiệp, cùng với các nghiệp tướng khổ nạn từ hiện tại cho đến vị lai. Nếu chẳng giác ngộ, chẳng thể tự thoát ra, nếu chẳng nương theo pháp để hành, cũng chẳng thể tự thoát. Do vậy, trong nghiệp tướng vị lai mà sanh tử luân hồi. Đức Thế Tôn thương xót chúng ta, ban cho pháp tắc thanh tịnh, pháp tắc rõ ràng, pháp tắc chân thật, muốn khiến cho chúng ta nương theo pháp để hành, chúng giữ Bồ Đề. “Giữ” ở đây thật sự là không có chỗ nào để giữ thì mới đạt được an lạc.

*(Kinh) Hiền Hộ! Thị cố, nhất thiết pháp vô hữu phân biệt. Vô phân biệt giả, vô hữu tư duy.*

**(經)賢護！是故，一切法無有分別。無分別者，無有思惟。**

*(Kinh: Này Hiền Hộ! Vì thế, hết thảy các pháp chẳng có phân biệt. Chẳng phân biệt là chẳng có tư duy).*

“Hết thảy các pháp” là nói theo bản chất, vốn chẳng thể phân biệt. Vì vốn chẳng thể phân biệt, chẳng có tư duy. Do chẳng có tư duy, có gì để lấy hay bỏ, có gì để chấp giữ ư?

*(Kinh) Vô tư duy giả, đương tri bỉ trung vô pháp khả kiến.*

**(經)無思惟者，當知彼中無法可見。**

*(Kinh: Chẳng tư duy: Hãy nên biết trong ấy chẳng có pháp để có thể thấy).*

Thật sự chẳng có một pháp để có thể đạt được. Đức Thế Tôn sư tử hống, nhưng hữu tình trong thế gian chẳng phải là như thế, phần nhiều nói thiện, nói ác, nói đúng, bàn sai, đúng đúng sai sai, nối tiếp sanh tử, thiện thiện ác ác, tạo tác luân hồi. Dầu chúng ta mười phần hiểu rõ các pháp tắc ấy, nhưng cứ gặp lúc nhân duyên thành thực, thường là sẽ nhiễm đắm pháp, sẽ chấp trước pháp. Khi nói điều thiện thì mắt lóe ánh vàng, khi nói ác thì đầu đầu buốt tim, quả thật chẳng liên can, cứ hư vọng tự nhận biết, chấp giữ, cãi chày cãi cối đúng sai, cưỡng lập đúng sai, đối với pháp tắc vô tự tánh bèn cưỡng lập tự tánh, cho nên thế gian kiên cố!

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

Thế giới Sa Bà ô nhiễm này là do sự cưỡng chấp của chúng ta tạo nên, nhưng trong cõi nước thanh tịnh của mười phương chư Phật có thể vô ngại hành pháp, thần thông tự tại, cho đến cúng dường, phước đức, nhân duyên v.v... đủ loại tự tại đều do chẳng cưỡng chấp, do chẳng chọn lựa giữ lấy, do thanh tịnh bình hòa, do một mực chân thật, do chẳng lấy, chẳng bỏ, cho nên vận dụng tự tại trong sức vô ngại, dùng phương tiện trí huệ và từ bi chẳng đắm nhiễm mười phương hữu tình. Vì thế, chẳng có tướng thế giới kiên cố, chỉ có tướng thế giới thanh tịnh vô ngại.

Thế giới Sa Bà của chúng ta cho đến chúng sanh trong Diêm Phù Đề vì do chấp trước kiên cố đã tạo thành núi, sông, đại địa, cùng với các thứ vật chất kiên cố. Nếu có người yêu thích tu tập các thứ thiện pháp, có ý tưởng cứng cõi, sẽ tạo thành đủ loại các nơi trần bảo. Nếu là kẻ thủ hộ ác tánh, thành tựu các loại chúng sanh tánh ác, cho đến các vật vô tình, núi, sông, đại địa sẽ cùng lúc hư vọng cưỡng chấp hóa hiện.

Thật ra có một vật để có thể đạt được, [tức là] bậc trí đích thân chứng tánh Không, cho nên du hý tự tại, như các bậc thiện xảo có thể đi lại trong núi đá vô ngại, đi trên hư không vô ngại, vào nước chẳng chết đuối, vào lửa chẳng bị đốt cháy, chẳng bị đao, thương tổn hại, vì sao? Do tâm trí vô nhiễm, do xa lìa đối đãi. Vì thế, chẳng bị đối đãi gây thương tổn. Chúng ta đời đời kiếp kiếp huân tập chẳng ngừng, cưỡng chấp cái tâm đối đãi, tất nhiên sẽ bị pháp đối đãi thương tổn. Thuở đức Thế Tôn tại thế, có nhiều vị tỷ-kheo do từ tâm mà đao thương chẳng thể tổn hại, chất độc chẳng thể khiến cho họ bị trúng độc chết. Nhưng trong thời đại hiện tại, có nhiều hữu tình bệnh tật ngặt nghèo, có nhiều tổn thương trọng đại, có nhiều nhân duyên xấu ác, vì lẽ nào? Do cưỡng chấp nghiệp duyên từ vô thủy tới nay!

Bản thân chúng ta có thể chẳng ngại mà tự thí nghiệm. Quý vị dùng hai mươi phút để sanh sân tâm, sau đây cắn ngay vào da thịt của chính mình, nó sẽ sưng phù. Nếu tâm trí của quý vị rất từ bi, tốt lành, chẳng hạn như dùng hai mươi phút vận dụng Từ Bi Quán để quán tự tâm, dẫn dùng kim chọc rách da thịt, vết thương sẽ lành miệng rất nhanh. Chúng ta có thể thí nghiệm, sanh mạng chính là tư lương để du hý của chúng ta. Đó là tướng phước đức. Nếu quý vị yêu mến, bảo vệ nó, sẽ bị nó xỏ mũi, đâm ra phước đức trong vị lai bị lỗ làng, tức là phước đức xuất ly, nhưng có nhiều hữu tình bị sắc thân này, bị tri kiến chẳng chánh đáng xâm hại. Do đó, đức Thế Tôn trực tiếp dạy chúng ta quán như thế nào trong pháp tắc bình nhật.

*(Kinh) Hiền Hộ! Vô khả kiến cố, tiện vi vô ngại.*

**(經)賢護! 無可見故, 便爲無礙。**

*(Kinh: Nay Hiền Hộ! Do chẳng thể thấy, sẽ là vô ngại).*

Chúng ta học pháp, trong đạo tràng, trong xã hội, trong đơn vị công tác, cho đến xuất gia hay tại gia, hành pháp, hay chẳng hành pháp, vâng giữ pháp, hay chẳng vâng giữ pháp, nếu hết thấy các chỗ đều vô úy, tức là vô ngại. Nếu là vô ngại thì sẽ không bị ngăn chướng. Nếu đã là không chỗ nào bị ngăn chướng thì chính là đại từ, tức là đại thiện. Thiện xú ấy chẳng đối đãi. Chẳng đối đãi chính là thật sự chọn lựa Chánh Thọ. Vì sao chúng ta hành pháp có nhiều chỗ chướng ngại? Do sanh khởi đối đãi, sanh khởi chọn lựa, sanh khởi chấp giữ, trong pháp chẳng phân biệt mà kiến lập!

*(Kinh) Nhất thiết pháp trung vô chướng ngại cố, tức thị Bồ Tát hiện tiền tam-muội.*

**(經)一切法中無障礙故, 即是菩薩現前三昧。**

*(Kinh: Do chẳng chướng ngại trong hết thấy các pháp, chính là hiện tiền tam-muội của Bồ Tát).*

Ở đây nói tới “*Bồ Tát hiện tiền tam-muội*”. Bồ Tát là giác thế gian, tự giác và giác tha, tự lợi, lợi tha, hai pháp thiện xảo trọn đủ. Vì sao? Xa lìa đối đãi, tức là tự lợi và lợi tha. Xa lìa đối đãi, từ tâm, bi tâm, trí tâm tự nhiên sanh khởi. Do chẳng đối đãi, cho nên chẳng bị mệt nhọc, chẳng bị nặng nề, chẳng bị chướng ngại, chẳng có gì sợ hãi. Do chẳng có gì sợ hãi, sẽ đắc lực trong thế gian, lợi ích rộng khắp hữu tình, phương tiện trụ thế. Chư Bồ Tát Ma Ha Tát đều dùng nguyện lực lợi ích rộng khắp thế gian để duy trì sanh mạng, cho nên trong một kiếp, hai kiếp, ba kiếp, cho tới chẳng thể diễn tả kiếp, như đức Thế Tôn nói “*Hàng hà sa kiếp*” (kiếp nhiều như cát sông Hằng), hoặc nhiều Hàng hà sa kiếp duy trì sanh mạng. Sanh mạng ấy có nền tảng là nguyện để duy trì. Vì thế nói “*các vị Bồ Tát dùng nguyện, dùng tam-muội-da để thủ hộ*”. Nói “*tam-muội-da*” tức là Chánh Thọ. Chánh Thọ nương vào nguyện để biểu đạt. Nếu lìa bỏ hết thấy các thọ (sự tiếp nhận khi căn tiếp xúc trần), hết thấy chấp giữ, và hết thấy đối đãi, tự nhiên trọn đủ Chánh Thọ. Sanh mạng như thế một đời, hai đời, một kiếp, hai kiếp, nhiều kiếp, Hàng hà sa kiếp, cho đến bất khả ngôn thuyết Hàng hà sa kiếp tiếp nối không ngừng. Đó

là thọ mạng rộng lớn của Bồ Tát, thanh tịnh chân thật, chẳng sợ hãi; nhưng phạm phu do chấp trước, chấp giữ nghiệp tướng, bèn có thiện, ác, đúng, sai v.v... cho nên sanh mạng có nhiều nỗi khổ đốn.

Vì thế, phần nhiều chán ngán sanh, hoặc sợ hãi tử. Khi khổ nạn, sẽ sanh khởi ý tưởng “chán ngán, vứt bỏ” đối với sanh mạng. Khi sanh mạng gặp nguy nan, lại tham tiếc sanh mạng, sợ hãi tử vong. Đó là sự chấp giữ của tâm đắm nhiễm, tâm đối đãi. Nếu chúng ta từ trong cái tâm đối đãi mà có thể lập tức tiêu trừ đối đãi, sẽ là sức vô ngại, sanh mạng như thế sẽ tươi sáng, tiếp nối rộng lớn, mà chẳng đắm nhiễm. Vì thế, phần nhiều dùng sắc thân vi tế, màu nhiệm để lợi ích rộng khắp thế gian, tối thiểu là lia khỏi cái chết thô nặng, hoặc có thể nói là Phần Đoạn Sanh Tử. Nỗi khổ và chướng ngại của Phần Đoạn Sanh Tử là do chính mình tự cường chấp lấy bỏ, chúng ta phải khéo quan sát.

*(Kinh) Bồ Tát thành tựu thị tam-muội cố, tức đắc đồ kiến vô lượng vô số quá A-tăng-kỳ chư Phật Thế Tôn, tịnh sở tuyên thuyết, giai tất thính văn.*

**(經)菩薩成就是三昧故，即得睹見無量無數過阿僧祇諸佛世尊，並所宣說，皆悉聽聞。**

*(Kinh: Bồ Tát thành tựu tam-muội như thế, liền được trông thấy vô lượng vô số quá A-tăng-kỳ chư Phật Thế Tôn, và những gì các Ngài tuyên nói thấy đều nghe thấy).*

Người tu trì như thế, dù là sơ phát tâm, hay đã phát tâm, hoặc là cái tâm đã thuần thực, chọn lựa phương tiện tự tại nơi sức tam-muội, lợi ích rộng khắp hữu tình chẳng hề sợ hãi, chẳng hề chán mệt. Hữu tình trong thế gian phần nhiều do chẳng đạt được sức Chánh Thọ, cho nên ai nấy tự tiêu hao. Cho đến vì tiêu hao mà chẳng có sức tự lợi, lợi tha, vác gánh nặng trầm trọng bởi sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp nơi sanh mạng, cho đến tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, cho đến nghiệp tướng hiện tiền của vạn sự vạn vật trong thế gian. Tự lợi là đạt được tự tại trong các chỗ khinh an, bất luận là chí tĩn khinh an, tịch diệt khinh an, hay từ bi khinh an. Chí tĩn khinh an (sự an lạc nhẹ nhàng do đã đạt đến tĩn lặng tột bậc) là đã được ngơi nghỉ. Tịch diệt khinh an là có thể xuất ly. Từ bi khinh an là lợi ích rộng khắp hữu tình, chẳng chán mệt. Chúng ta thường gặp các vị đại thiện tri thức trong khi hành pháp và lợi

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2**

ích thế gian, chẳng hề chán mệt, chẳng nghỉ ngơi, khiến cho tâm linh kẻ khác rung động và cảm kích. Vì sao bọn phàm phu chúng ta có lắm nỗi mệt nhọc, chán ngán, lắm điều đối đãi, cho đến bị hại bởi danh tự, bị hại bởi nghiệp tướng? Tức là kẻ khác dựa vào danh tự của chúng ta để thốt ra lời nguy hại, ta sẽ chẳng thể tiếp nhận. Như thế tức là coi danh tự là Ngã, coi sắc thân là Ngã, coi nghiệp tướng là Ngã, coi phiền não nghiệp tập là Ngã. Khi chấp giữ, làm tướng là có Ngã, sẽ sanh ra đủ thứ đau khổ. Vì sao? Do bị đối đãi và lấy bỏ bức bách. Các vị thiện tri thức ơi! Chúng ta phải nên khéo tư duy, khéo quan sát.

**(Kinh) Văn bỉ pháp dĩ, hàm năng thọ trì. Bỉ chư Như Lai Ứng Đẳng Chánh Giác, sở hữu nhất thiết vô ngại giải thoát, giải thoát tri kiến, diệt tức năng đắc bỉ vô ngại trí.**

**(經)聞彼法已，咸能受持。彼諸如來應等正覺，所有  
一切無礙解脫，解脫知見，亦即能得彼無礙智。**

**(Kinh: Đã nghe pháp ấy, đều có thể thọ trì. Các đức Như Lai Ứng Đẳng Chánh Giác ấy tất cả hết thảy giải thoát, giải thoát tri kiến vô ngại cũng chính là có thể đắc vô ngại trí).**

Ở chỗ này, hết thảy những điều đức Thế Tôn tuyên nói như cái ấn đem in vào nhau, như khế<sup>19</sup> phù hợp nhau. Nếu chúng ta chẳng lấy, chẳng chấp, mà thanh tịnh tiếp nhận, tiếp nhận toàn bộ, đó là Nhất Thiết Vô Ngại Trí. Chư Phật có các trí như thế nào? Chúng ta do Chánh Thọ, cũng có thể ở yên nơi Chí Chân Đẳng Chánh Giác. Khi “tâm, Phật, chúng sanh vốn chẳng sai biệt” cùng lúc hiện tiền, hiển hiện rõ rệt toàn thể nơi Chánh Thọ, hiện tiền đại dụng lập tức sanh khởi, sanh khởi pháp lạc vô úy, pháp lạc thiện xảo, pháp lạc lợi ích hữu tình chẳng chán mệt, các thứ lạc trong thế tục chẳng thể sánh bằng các loại pháp lạc ấy.

**(Kinh) Phục thứ Hiền Hộ! Bồ Tát quán sát Tứ Niệm Xứ thời, vô pháp khả kiến, vô thanh khả văn. Vô kiến văn cố, tắc vô hữu pháp khả đắc phân biệt.**

---

<sup>19</sup> Chữ Khế (契) vốn có nghĩa cổ là “dùi khắc lên mai rùa, xương thú, hoặc đá để ghi nhớ một sự kiện hoặc một sự thỏa thuận nào đó”. Từ đó, mở rộng thành ý nghĩa khế ước, tức văn kiện ghi chép những điều thỏa thuận của đôi bên. Ở đây, pháp sư Từ Pháp chỉ dùng từ ngữ này theo ý nghĩa “đôi bên phù hợp khít khao”.



**(經)復次賢護！菩薩觀察四念處時，無法可見，無聲可聞。無見聞故，則無有法可得分別。**

*(Kinh: Lại này Hiền Hộ! Khi Bồ Tát quán Tứ Niệm Xứ, chẳng có pháp nào để có thể thấy, chẳng có tiếng nào để có thể nghe. Do chẳng thấy nghe, cho nên chẳng có pháp nào để có thể phân biệt).*

Trong phần trước đã nói “chẳng tư duy, chẳng chướng ngại”. Ở đây, bèn nói “chẳng phân biệt”. Vì sao chẳng phân biệt? Do chẳng thấy nghe, cho nên “chẳng có pháp để có thể phân biệt”.

*(Kinh) Diệt vô hữu pháp khả đắc tư duy.*

**(經)亦無有法可得思惟。**

*(Kinh: Cũng chẳng có pháp để có thể tư duy).*

Cội nguồn của chẳng phân biệt, chẳng tư duy là do chẳng thể thấy, chẳng thể nghe. Đó là chánh tư duy. Quý vị nói: “Tôi thấy thì cũng thấy, nghe thì cũng nghe, tư duy thì cũng tư duy“, nào có biết đây chính sự tiếp nối của chúng tử tư duy bất chánh. Chúng ta hãy nên nương theo lời dạy của Phật Thế Tôn, nương theo ngôn thuyết chánh tư duy để hướng dẫn chánh tư duy cho chính mình, nhập phương tiện chánh tư duy, chẳng nhờ vào pháp nào khác. Như thế thì chúng ta sẽ có thể tùy thuận Phật giáo để được giải thoát, giống như người ngồi thuyền bèn được thuyền chở, ngồi xe bèn được xe chở, ngồi máy bay liền được máy bay chở đi! Chúng ta tùy thuận lời dạy của đức Thế Tôn để tư duy, cũng được lời dạy và sự tư duy ấy chuyên chở, khiến cho chúng ta đạt tới bờ trí huệ bên kia.

*(Kinh) Nhi diệt phục phi cổ manh lung loại.*

**(經)而亦復非瞽盲聾類。**

*(Kinh: Mà cũng chẳng thuộc loại mù, lòa, điếc).*

Chẳng phải là không thấy, không nghe! Vì sao? Hiểu rõ ràng, rành rẽ, sạch lâu, vô nhiễm, thể chất hiển hiện, nhưng tướng vẫn là không. Tướng là phi tướng, do nhân duyên mà hiện. Tướng là vô thường, tướng là chẳng có vật chất, vì thể chất chẳng có vật chất. Do vậy, trông thấy

chánh tướng. Chánh tướng được hiểu rõ ràng phân minh, cho nên chẳng lấy, chẳng chấp, chẳng nghĩ, chẳng niệm. Vì sao? Do trong ấy chẳng được, chẳng mất, chẳng đối đãi. Vì thế, chẳng phải là mù, cũng chẳng phải là điếc, thật sự là như thế, rành rẽ, phân minh, có thể thấy, có thể biết!

*(Kinh) Dẫn thị chư pháp vô khả kiến cố, thị cố quán thời, bất sanh trụ trước nhi kiến chư đạo.*

**(經)但是諸法無可見故，是故觀時，不生住著而見諸道。**

*(Kinh: Chỉ vì các pháp chẳng thể thấy, cho nên khi quán, chẳng sanh tâm chấp trước mà thấy các đường).*

“Đạo” là chỗ nghiệp tướng hiện tiền.

*(Kinh) Tư duy đạo cố, tức w chư pháp vô hữu nghi võng.*

**(經)思惟道故，即於諸法無有疑網。**

*(Kinh: Do tư duy đạo, liền đối với các pháp chẳng có lưới nghi).*

Vì sao? Thanh tịnh tùy thuận, chẳng đối đãi, nhị nguyên bị tán hoại, kiến lập tâm trí viên mãn. Sự kiến lập ấy là không có gì để kiến lập. Vì chúng ta sống trong không gian đối đãi nhị nguyên, một khi tắt cả các pháp tắc dây động, sẽ liền có đối đãi bầu bạn. Vì thế, nảy sanh sự cưỡng chấp Biên Kiến, cưỡng chấp lấy bỏ, cưỡng chấp đắm nhiễm, cho đến các thứ được gọi là khổ và lạc, thiện và ác, đúng và sai của hữu tình trong thế gian, đều sẽ cùng khiến cho tự ngã trong ấy mạnh hơn, chẳng đạt được thiện xảo. Nhưng kẻ thiện xảo vô nhiễm, kẻ thiện xảo chẳng cậy vào tư duy, kẻ thiện xảo chỉ nhận biết tự tánh, kẻ có thiện xảo của Như Lai Đẳng Chánh Giác, sẽ ở trong biến pháp tánh Chân Như, sạch lâu chẳng có một điều thiện hay lẽ ác. Vì sao? Chẳng có mây trần để có thể đạt được! Thật ra, chúng ta thường như “*Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác*”, Đẳng là chẳng đối đãi, Đẳng là giống hệt như nhau, nhưng hữu tình phiền não vọng chấp thiện ác, trầm luân trong thế gian.

Đức Thế Tôn nói “*tánh có thiện và ác*”, chư Phật đích thân chứng tánh “*vốn trọn đủ thiện và ác*” của hết thảy chúng sanh. Khi sự đối đãi giữa thiện và ác tiêu tan, sẽ là lúc chân thật trọn đủ. Nói là “*đủ*”, tức là

có thể trọn đủ tạo thiện, trọn đủ tạo ác. Giáo pháp Thiên Thai Tông đã phán định “sự đối đãi giữa hai pháp thiện và ác” thật sự là phương tiện để chư Phật Như Lai xuất thế độ sanh, nhưng chúng sanh đắm chìm trong đối đãi thiện ác, quả thật là tư lương để tạo ác luân hồi, trầm luân trong lục đạo. Trong một pháp, sanh khởi hai thứ tướng, có tự tại và chẳng tự tại, có giác và mê, chúng ta làm thế nào để thật sự giải thoát chính mình, tùy thuận giáo ngôn của Phật? Điều này rất trọng yếu. Nếu quý vị nương vào thức tâm của chính mình, chắc chắn sẽ là chấp giữ Biên Kiến, lấy bỏ bởi vọng thức. [Khi đó], quý vị chẳng lấy hay bỏ sẽ đau khổ, chẳng phân biệt sẽ khó tiếp nhận, lo âu nhọc nhằn sẽ khó đoạn. Vì sao? Phân biệt lấy hay bỏ trở thành sự cưỡng chấp liên tục trong sanh mạng, chính là chỗ tồn tại của nội dung sanh mạng. Nghiệp tập như thế, phiền não là như thế, cội nguồn của tội nghiệp cũng ở tại đó. Vì thế, kẻ khéo nói thiện ác, kẻ cưỡng nói thiện ác, kẻ nói nhiều về thiện ác, thì nghiệp tướng khổ nạn của kẻ đó cứ tiếp nối chẳng dứt. Vì sao? Tạo tác khổ nạn là ở chỗ này! Nhưng trong tâm trí của bậc trí, phân biệt thiện ác lập tức bị trừ sạch, thủ hộ thanh tịnh, hồi thí từ bi, cho nên trong cái tâm trí huệ chẳng có đối đãi, sức trí huệ chẳng đắm chấp chói rục trong thế gian, cùng lúc được thoát khỏi thiện ác.

Thiện ác chỉ là pháp tắc cưỡng chấp bởi hữu tình trong Dục Giới, Sắc Giới sẽ chẳng thấy. Hữu tình trong Sắc Giới chẳng chấp trước thiện, ác, đúng, sai, nhưng bọn chúng ta là hữu tình trong Dục Giới phần nhiều khoa trương sự thiện ác của chính mình. Nếu chính mình là thiện, sẽ cưỡng chế kẻ ác, nào có biết “*ác giả, thiện chi tư; thiện giả, ác chi sư*” (ác là chỗ dẫn dắt thiện phát khởi, thiện là thầy của ác)<sup>20</sup>. Nếu biết điều này, thì sẽ là người khéo dùng pháp. Nếu có ác pháp, đúng là lúc vận dụng tốt lành, đó là chánh thiện, tăng thượng thiện. Nhưng nếu thấy kẻ khác phạm lầm lỗi bèn chán ghét, quở trách, người ấy chẳng đắc thiện đạo, mà là cái tâm tà mạn. Chúng ta vận dụng trong Phật pháp, cũng phần nhiều bị Biên Kiến và tà mạn che lấp, mê mờ, cho nên kẻ xâm hại lẫn nhau thì nhiều, kẻ lợi ích lẫn nhau ít ỏi! Kẻ quan tâm yêu thương lẫn nhau hiếm hoi, kẻ cảm ơn lẫn nhau rất thưa thớt. Nếu chúng ta thật sự

---

<sup>20</sup> Câu này nếu hiểu theo nghĩa gốc thì có nghĩa là nếu người thiện quá khoan dung, người ác sẽ lợi dụng lòng khoan dung ấy để làm chuyện xấu xa. Do thấy điều ác của người khác, mà người thiện được cảnh tỉnh, phát tâm hướng thiện. Tức là thiện hay ác đều có tánh chất hỗ trợ nhau, kích phát lẫn nhau. Pháp sư Từ Pháp sử dụng theo nghĩa “khoan dung với kẻ ác để kẻ ác tăng trưởng thiện tâm, do thấy điều ác mà người thiện tự cảnh tỉnh mình, hăng hái làm lành”.

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

sống trong tâm trí cảm ơn, cảm ơn hết thầy chúng sanh bầu bạn, cảm ơn hết thầy thế gian chuyên chở, cảm ơn hết thầy hiện duyên chúng sanh, y báo và chánh báo đã che chở, chúng ta sẽ sống trong tâm trí rộng lớn, trong sự yên vui chẳng có đối đãi, sẽ sanh khởi vô úy, sanh khởi thiện xảo, sanh khởi lợi ích phước huệ chân thật.

Đối với hữu tình tánh ác, phần nhiều quả trách, thực tế là giữ lấy điều thiện, để lại điều hại cho cõi đời. Chẳng giữ lấy điều thiện, vẫn là phương tiện; một khi giữ lấy điều thiện, sẽ quả trách kẻ khác, thương tổn người khác, giống như khi giữ lấy vật sắc bén để tổn thương người khác! Người học Phật chúng ta chẳng như vậy, phải nên là chẳng chấp trước thiện ác hòng tạo lợi ích cho hữu tình có tánh ác, cứu chữa ác tánh hữu tình. Vì sao vậy? Ác tánh hữu tình mười phần khổ nạn, chìm đắm trong đờn đau chẳng được cứu thoát, họ chẳng thể tự thoát ra, nhưng thiện pháp hữu tình còn có trụ xứ an lạc. Cổ nhân Trung Hoa đã nói: “*Ác giả, thiện chi tử; thiện giả, ác chi sư*” chính là do ý nghĩa này! Trong xã hội thuộc thời đại hiện tại, chúng ta gần như đã đánh mất đạo đức tăng thượng cơ bản nhất, cho nên đâm ra: “*Kẻ ác là đối tượng trừng phạt của thiện*”. Như thế thì thiện đã đánh mất bản chất giúp đỡ cho kẻ ác [thoát khỏi điều ác]. “Giúp đỡ” chính là cơ sở để tăng trưởng thiện pháp, là cơ duyên để tăng trưởng thiện pháp.

Chúng ta thường nói “*bùn lầy có thể sanh ra hoa sen*”. Nếu muốn gột trừ sạch hết bùn lầy, nào có biết nguồn cội giúp sức cho hoa sen sanh trưởng chính là đó! Chư Phật Như Lai dạy chúng ta: “*Chúng sanh hoan hỷ thì chư Phật hoan hỷ*”. Vì sao nói như vậy? Có nghĩa là hết thầy chúng sanh là nguồn gốc của chư Phật, là thầy của chư Phật. Do vậy, chư Phật Thế Tôn chẳng hề khinh báng bất cứ hiện duyên hữu tình nào. Vì sao? Do tri ân, biết hết thầy chúng sanh là cội nguồn thiện xảo oai đức xuất thế của chư Phật, lại là thầy để hết thầy chư Phật thành Phật. Nếu chẳng xét kỹ như thế, chúng ta học Phật sẽ chẳng có tư lương, chẳng có cơ sở, giống như quý vị cho rằng đất dưới chân mình bị ô nhiễm, muốn dẹp sạch nó đi, vậy thì quý vị đứng ở chỗ nào? Nhất định là chẳng được an lạc!

***(Kinh) Vô nghi vãng cổ, kiến Phật Như Lai. Kiến Như Lai cổ, vĩnh ly mê mậu. Vô mê mậu cổ, tri nhất thiết pháp chung vô khả kiến.***

**(經)無疑網故，見佛如來。見如來故，永離迷謬。無迷謬故，知一切法終無可見。**

*(Kinh: Do chẳng có lưới nghi bèn thấy Phật Như Lai. Do thấy Như Lai, vĩnh viễn lìa khỏi mê muội, lầm lạc. Do chẳng mê muội, lầm lạc, biết hết thấy các pháp trọn chẳng thể thấy).*

Tư Hoặc được gọi là “nghi võng” (疑網, lưới nghi). Tư Hoặc dính chặt quá sâu, từ vô thi tới nay đã khiến cho hữu tình khôn khó, chúng sanh trói buộc lẫn nhau, chẳng thể tự thoát ra. Do vậy, chư Phật Thế Tôn lập bày phương tiện, khiến cho chúng ta yêu thích. Từ sự tu trì như thế đó, có thể trực tiếp đoạn trừ Tư Hoặc của chính mình, khiến cho chúng ta thoát khỏi triền phược Tư Hoặc “*tham, sân, si, mạn, nghi*”.

*(Kinh) Hà dĩ cố? Bồ Tát nhược hữu như tư kiến giả, tắc thủ bỉ kiến.*

**(經)何以故? 菩薩若有如斯見者，則取彼見。**

*(Kinh: Vì có sao? Nếu Bồ Tát có kiến giải như thế, sẽ chấp lấy kiến giải đó).*

“*Thủ bỉ kiến*” (Chấp giữ kiến giải ấy) là điều chẳng nên. Trong phần trước đã nói: Trọn chẳng nên có chấp lấy, chẳng có gì để thấy, chẳng có gì để tư duy, chẳng có gì để phân biệt.

*(Kinh) Thủ bỉ kiến cố, tắc thủ pháp tướng. Thủ pháp tướng cố, tắc thủ sự nghiệp. Thủ sự nghiệp cố, tắc kiến chúng sanh.*

**(經)取彼見故，則取法相。取法相故，則取事業。取事業故，則見衆生。**

*(Kinh: Do giữ lấy kiến giải đó, sẽ giữ lấy pháp tướng. Do giữ lấy pháp tướng, sẽ giữ lấy sự nghiệp. Do giữ lấy sự nghiệp, sẽ thấy chúng sanh).*

Đấy đều là do chấp giữ các tri kiến chẳng chánh đáng!

*(Kinh) Kiến chúng sanh cố, tắc kiến thọ mạng. Kiến thọ mạng cố, tắc kiến Phú-già-la. Kiến Phú-già-la cố, tắc kiến chư Ấm. Kiến chư Ấm cố, tắc kiến chư Nhập. Kiến chư Nhập cố, tắc kiến chư Giới. Kiến chư Giới cố, tắc kiến chư tướng. Kiến chư tướng cố, tắc kiến chư vật. Kiến chư vật cố, tắc kiến bỉ nhân. Kiến bỉ nhân cố, tắc phục kiến duyên. Dĩ kiến duyên cố, tắc tiện cầu thủ. Dĩ cầu thủ cố, tắc hữu Hữu sanh.*

**(經)見衆生故，則見壽命。見壽命故，則見富伽羅。見富伽羅故，則見諸陰。見諸陰故，則見諸入。見諸入故，則見諸界。見諸界故，則見諸相。見諸相故，則見諸物。見諸物故，則見彼因。見彼因故，則復見緣。以見緣故，則便求取。以求取故，則有有生。**

*(Kinh: Do thấy chúng sanh, bèn thấy thọ mạng. Do thấy thọ mạng, bèn thấy Phú-già-la (Pudgala). Do thấy Phú-già-la, bèn thấy các Ấm. Do thấy các Ấm, bèn thấy các Nhập. Do thấy các Nhập, bèn thấy các Giới. Do thấy các Giới, bèn thấy các tướng. Do thấy các tướng, bèn thấy các vật. Do thấy các vật, bèn thấy cái nhân. Do thấy cái nhân, lại thấy cái duyên. Do thấy cái duyên, bèn cầu chấp giữ. Do cầu chấp giữ, bèn có Hữu sanh).*

Trong phần trước, đức Thế Tôn đã nêu lên pháp tác tư duy. Ở đây, Ngài nói tới những điều chúng sanh chấp trước.

*(Kinh) Hà dĩ cố? Hiền Hộ! Nhất thiết chư pháp, chung bất khả thủ.*

**(經)何以故? 賢護! 一切諸法, 終不可取。**

*(Kinh: Vì có sao? Này Hiền Hộ! Hết thấy các pháp trọn chẳng thể lấy được).*

Ở đây, phủ định tướng ngu si chấp trước, tướng cưỡng chấp của chúng sanh, cho đến tướng y báo và chánh báo mang lại đau khổ cho thế gian này. Trong các pháp chẳng thể đạt được, chúng sanh lại cưỡng chấp một pháp. Do vậy, gọi là chấp trước vọng tướng điên đảo và nghiệp tập

phiền não. Các danh từ ấy đã cho chúng ta biết: Cường chấp là do vọng tưởng nảy sanh.

*(Kinh) Vô khả thủ cố, Bồ Tát u bĩ nhất thiết chư pháp, bất tư, bất niệm, bất kiến, bất văn.*

**(經)無可取故，菩薩於彼一切諸法，不思不念，不見不聞。**

*(Kinh: Do chẳng thể giữ lấy, Bồ Tát đối với hết thảy các pháp chẳng nghĩ, chẳng nhớ, chẳng thấy, chẳng nghe).*

Như thế chính là cái tâm thanh tịnh. Chúng ta thường nói “*nhất tâm*”, như niệm Phật nhất tâm bất loạn. Cái tướng nhất tâm ấy chẳng tăng, chẳng giảm, chẳng đến, chẳng đi. Trong cái tâm như thế, niệm Phật thanh tịnh, thanh tịnh niệm Phật, chính là nhất tâm niệm Phật. Nếu nói chẳng chứng tam-muội thì là lời lẽ chẳng tương ứng.

Cận đại, Trung Hoa có một vị đại thiện tri thức giảng kinh Lăng Nghiêm, tức người sáng lập Viên Minh Giảng Đường: Pháp sư Viên Anh. Trong lúc Nhật Bản xâm chiếm Trung Hoa, Ngài nhiều lượt sang Đông Nam Á quyên tiền và vật dụng kháng Nhật. Thậm chí, tổ chức tăng nhân cứu hộ đội v.v... Vì thế, người Nhật bắt Sư vào tù, dùng cái chết để uy hiếp, hòng khuất phục những ai chống đối Nhật Bản xâm lược. Thông thường, pháp sư Viên Anh giảng kinh Lăng Nghiêm tại Trung Hoa lục địa rất có oai danh, thậm chí tại các quốc gia ở Đông Nam Á cũng thế. Nhưng khi ấy, tâm trí của Ngài đặt nơi chuyên giảng kinh Lăng Nghiêm, dấu cho tâm trí chứng ngộ của Ngài tại chùa Tuyết Phong cũng không thể nương cậy được [trong khi đối diện với cái chết]. Nếu Ngài chết vào lúc ấy, sẽ lấy gì để nương về? Khi đó, Ngài nghĩ đến pháp môn Niệm Phật thường nhật. Pháp sư Viên Anh hiểu rõ niệm Phật, Ngài tổng kết bằng hai câu: “*Rành rành phân minh, trọn chẳng có gì để đạt được*”. Ngài dùng tâm trí ấy để niệm Phật, đạt được rành rành phân minh, thanh tịnh niệm Phật, trọn chẳng có gì để đạt được, quyết định y chỉ thanh tịnh niệm Phật, chọn lựa pháp môn Niệm Phật. Sau đó, người Nhật thấy Ngài bèn chẳng áp bức nữa, vì sao? Vì trong nhân duyên ấy, Ngài đã chứng đắc tướng Tương Tự Niệm Phật tam-muội. Trong lúc tai nạn tột cùng, pháp sư Viên Anh quy hướng Tịnh Độ, đạt được đại lợi. Sau khi ra khỏi tù, Ngài bèn truyền bá rộng rãi pháp môn Niệm Phật, hướng dẫn chúng sanh khởi lòng tin quyết định đối với niệm Phật.

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

Lúc bình thời, chúng ta chẳng biết sanh tử bức bách, cứ cho là thường hằng, cho nên chẳng thể “*rành rành phân minh, trọn chẳng có gì đạt được*” mà niệm Phật. Nói chung là có mong mỗi, có mong chờ đối với tương lai, thậm chí có mong mỗi đối với danh tự của tam-muội, chẳng biết “*chẳng nhiễm, chẳng chấp*” chính là chánh nhân của tam-muội, “*chẳng được, chẳng mất*” chính là cái duyên của tam-muội. “*Chẳng tạo tác*” chính là cái Thể của tam-muội. Lúc chẳng biết, cứ khăng khăng tạo tác, hư vọng giữ lấy thiện ác, hư vọng giữ lấy cảnh giới tốt xấu, cho đến hư vọng giữ lấy khinh an, hư vọng giữ lấy giác thọ, hư vọng giữ lấy ám cảnh v.v... các thứ cảnh giới, cho nên đã vượt mất pháp ích trong hiện tiền.

***(Kinh) Hiền Hộ! Chung bất như chư ngoại đạo, nhược ngoại đạo đệ tử thủ trước Phú-già-la, cập dĩ Ngã Kiến dã.***

**(經)賢護！終不如諸外道，若外道弟子取著富伽羅，及以我見也。**

***(Kinh: Nay Hiền Hộ! Trọn chẳng như các ngoại đạo, hoặc các đệ tử ngoại đạo chấp giữ Phú-già-la cùng với Ngã Kiến).***

Hiện thời trong Phật pháp, có nhiều vị xuất gia hay tại gia tuy tu trì, nhưng tà kiến lừng lẫy! Vì sao vậy? Tham cầu, so đo cái thân, muốn do sự nhận biết [từ các giác quan] mà chứng đắc Bồ Đề, nhưng chẳng biết, chẳng thấy sự lựa chọn “*nhất tâm thanh tịnh, chẳng tăng, chẳng giảm, chẳng đối đãi*”, chẳng dám lựa chọn. Chẳng dụng công nơi pháp tánh vô tạo tác và cái tâm chân thật, cứ từ trong cái tâm hư vọng mà lấy, bỏ nhiều lượt. Kết quả là rơi vào tri kiến của ngoại đạo.

Nếu là đệ tử Phật, chuyện liên quan đến “*khổ, không, vô thường, vô ngã, Niết Bàn tịch tĩnh, pháp chẳng có tự tánh*”, quả thật là pháp tắc trọng yếu hàng đầu, là sự nhận biết để lựa chọn. Nếu chẳng đặt vững tri kiến ấy, sẽ chẳng phải là đệ tử Phật! Dầu hành trì Phật pháp, niệm Phật hiệu, tụng kinh Phật, lễ tượng Phật, nhưng chừng tử trong tâm trí là chừng tử ngoại đạo, chẳng tương ứng! Vì thế, trong “*thuyết pháp án*” của đức Thế Tôn, Ngài đã nhiều lượt dùng án khế để in vào tâm chúng sanh, khiến cho chúng ta thoát lìa tri kiến và chừng tánh ngoại đạo. Nếu chẳng phải như thế, dầu chúng ta suốt kiếp đọc kinh Phật, vẫn trọn chẳng tương ứng. Kết quả là thường bị cảnh giới xoay chuyển, chẳng biết chuyển cảnh, vì chúng ta chẳng có pháp tắc để tu tập kinh giáo, chẳng



## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

dựa theo kinh giáo để nhận biết tự tâm, ấn chứng, hứa khả tự tâm, coi vọng chấp trong tự tâm là kinh điển [để vâng theo]. Như thế thì đầu suốt năm trọn tháng tu tập, niệm tụng, vẫn chỉ là nhân duyên xa vời vợi trong vị lai, chứ lợi ích trong hiện tiền nói chung sẽ chẳng mong đạt được!

Tri kiến của các ngoại đạo và tri kiến của Phật pháp đích xác là có sai khác như vậy đó! Do vậy, đức Thế Tôn nói ra ba pháp ấn, hay bốn pháp ấn, nói Thật Tướng ấn, chúng ta nhất định phải từ trong các ấn khế ấy mà thật sự ấn khế xem chính mình có phải là đệ tử Phật hay không? Tức là khởi tâm động niệm của chúng ta có phải là vô thường, vô ngã hay không? Có phải là Niết Bàn tịch tĩnh hay không? Có phải là lựa chọn “*pháp chẳng có tự tánh*” hay không? Nếu chẳng lựa chọn [như thế], chúng ta sẽ cho rằng có thiện, có ác, có đúng, có sai, có yêu, có ghét, có phạm, có thánh, như thế thì chính là cái tâm phạm phu trong Dục Giới, mà cũng là tâm ngoại đạo. Nhưng trong Tăng chúng, trong giới cư sĩ hiện tiền, cái tâm ngoại đạo lại càng phổ biến! Tuy nói như vậy khá nặng nề, nhưng chúng ta có thể xét kỹ chính mình, đối với khởi tâm động niệm của chính mình trong mỗi sát-na, có phù hợp pháp ấn của Phật Đà hay không? Có phải là thanh tịnh vô nhiễm, chẳng vương, chẳng mắc, chẳng đối đãi hay không? Nếu là phải, thì là đệ tử Phật. Nếu không, sẽ là tri kiến ngoại đạo. Hễ có cưỡng chấp thì chính là chủng tánh ngoại đạo. Dầu vào trong biển tri kiến của Phật pháp, vẫn giống như dùng cái bình chứa ít nước, niêm kín, vớt vào biển, [nước trong bình ấy] chẳng thể dung nhập, khế hợp với biển cả. Vì thế, trong biển trí sâu rộng, chúng ta luôn dùng tri kiến của chính mình để cưỡng chấp cách ly, chẳng thể dung nhập!

***(Kinh) Hiền Hộ! Bồ Tát chung bất tác như thị kiến, vân hà kiến Bồ Tát kiến giả? Như Như Lai kiến, chung bất thoái chuyển.***

**(經)賢護！菩薩終不作如是見，云何見菩薩見者？如如來見，終不退轉。**

***(Kinh:)*** *Này Hiền Hộ! Bồ Tát trọn chẳng có cái thấy như thế, thấy cái Thấy của Bồ Tát như thế nào? Như cái Thấy của Như Lai, trọn chẳng thoái chuyển).*

Như Lai dùng gì để thấy? Vì thế, nói quả địa giác rất trọng yếu. Kinh Viên Giác đã xiên thuật cặn kẽ bốn loại tri kiến, tức cái gọi là “*tùy*

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

*thuận giác tánh*”, bao gồm chúng sanh tùy thuận giác tánh, Bồ Tát tùy thuận giác tánh, Đấng Địa Bồ Tát tùy thuận giác tánh, và chư Phật Như Lai tùy thuận giác tánh. Trong chư Phật Như Lai tùy thuận giác tánh, tiêu trừ đối đãi, diệt mất thiện ác, tỏ lộ rõ rệt Phật Tánh, trọn đủ chân thật. Đó gọi là “*linh đệ nhất thiên cung hàm vi Tịnh Độ, trì giới, phạm giới, giai vi phạm hạnh*” (khiến cho cung trời bậc nhất đều là Tịnh Độ, trì giới hay phạm giới đều là phạm hạnh). Vì sao nói như vậy? Trong biển tịch diệt của đức Thế Tôn, đã chiếu soi, biết rõ tướng Chân Như, chứ phạm phu do phân biệt, chấp trước, sẽ chẳng thể kiến lập. Nếu chẳng thể nhận biết tri kiến của Như Lai là như thế, chúng ta sẽ chẳng thể tùy thuận cái Thấy của Như Lai. Có nhiều hữu tình vọng chấp, dùng tri kiến của chính mình để phân tích, đồng hóa Phật pháp. Kết quả là Phật pháp hoàn toàn bị họ “*xử lý*” một lượt, hoàn toàn trở thành rác rưởi. Đó gọi là “*rác rưởi tri kiến*”, nói chung là chẳng tương ứng.

Đây là một chuyện rất khó khăn, vì trong thời đại này, sách vở lưu truyền rất rộng, phương tiện để duyệt đọc, trao đổi, phương tiện ngôn thuyết, phương tiện tư duy [rất nhiều], kết quả là chẳng dạy theo thứ tự, học pháp theo kiểu xen tạp, loạn xạ, quá nhiều! Trong quá khứ, khi tôi mới xuất gia, có thiện tri thức chỉ điểm sách để xem, không cho phép xem loạn xạ. Vì chẳng hạn như xem các giáo ngôn của các vị tổ sư từ đời Tống, đời Minh trở đi, tuy là chẳng thể nghĩ bàn, nhưng giống như một bầu sữa thêm vào mùi bầu nước! Nếu chẳng khéo phân biệt, coi nước là sữa, sẽ chẳng thể tự lợi, chẳng thể dưỡng dục Pháp Thân huệ mạng. Còn từ đời Tùy - Đường trở về trước, các lời dạy của thiện tri thức chẳng tăng giảm giáo ngôn của đức Thế Tôn, ví như sữa là sữa. Tuy có chút phân nước, nhưng giống như vài nét chấm phá, vị sữa vẫn mùi phân trọn đủ. Hễ đọc, sẽ có thể tiêu hóa. Nếu một cân sữa thêm vào một trăm cân nước, dùng sữa như thế để dưỡng dục sanh mạng, có ý nghĩa gì chẳng? Chỉ có sắc, chẳng có vị sữa! Nếu phước đức của chúng ta giống như ngỗng chúa, khéo có thể chọn sữa từ trong nước, như thế thì sẽ hấp thụ chất dinh dưỡng, lợi lạc Pháp Thân huệ mạng của chính mình. Nhưng nếu chẳng có phước đức như vậy, nước lẫn sữa đều cùng dùng, sẽ chẳng đạt được lợi ích ấy! Vì thế, chúng ta học biết rất nhiều thứ mà chẳng đắc lực, vì sở học chẳng thể dưỡng dục Pháp Thân huệ mạng của chúng ta, chẳng thể tăng thêm các Thiền Định và trí huệ. Khi đó, thiện tri thức quả trách, dạy bảo tôi như thế, đích xác là đã khiến cho tôi được gia trì và lợi ích rất lớn. Nhưng người hiện thời xem sách, muốn xem thứ gì liền xem thứ đó, muốn học gì bèn học thứ đó. Tri kiến hễ tiếp

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

xúc thứ nào trước, thứ đó sẽ là chủ chốt. Đả động tri kiến còn nguy hại hơn giết sanh mạng nữa! Đây cũng là tướng cộng nghiệp!

Vì thế, học Phật mà nếu chẳng có sức truyền thừa chân thật, cũng có nghĩa là chẳng thể trừ khử lo ngại, khiến cho cái tâm quý vị tịnh, mà là chấp trước tri kiến. Chấp trước cái gọi là “địa văn”, quý vị sẽ rất khó loại trừ nghiệp tướng độc hại ấy. Vì quý vị đã bị gánh nặng trần bảo của chính mình đè sụp, giống như con trùng nhỏ thích công vật nặng trong Phù Bản Truyện. Trong lúc cùng mọi người học tập đã gần một tháng, điều tôi nhắc tới nhiều nhất là “*chúng ta đừng công gánh nặng trần bảo của chính mình*”, “*đừng công gánh nặng lầm lỗi của kẻ khác*”. Hai gánh nặng ấy có thể đè sụp con người. Do vậy, “*nhập Như Lai kiến, chung bất thoái chuyển*” (vào trong cái Thấy của Như Lai, trọn chẳng thoái chuyển). Nếu chẳng biết cái Thấy của Như Lai là thấy như thế nào ư? Chính là Như Lai ân, chính là Như Lai giác tánh, chính là quả địa giác của Như Lai, chính là giải thoát tri kiến. Toàn bộ kinh Hiền Hộ không ngừng dạy bảo chúng ta về tri kiến của Như Lai. Nếu quý vị chẳng biết, làm sao vận dụng được?

***(Kinh) Bồ Tát kiến, như Bích Chi Phật kiến, như A La Hán kiến. Bồ Tát đương ưng tác như tư kiến. Như tư kiến cố, bất ức, bất niệm, bất kiến, bất văn. Dĩ bất ức niệm cập kiến văn cố, diệt chư vọng tưởng, tức đắc tư duy như tư tam-muội dã.***

**(經)菩薩見，如辟支佛見，如阿羅漢見。菩薩當應作如斯見。如斯見故，不憶不念，不見不聞。以不憶念及見聞故，滅諸妄想，即得思惟如斯三昧也。**

*(Kinh: Cái Thấy của Bồ Tát giống như cái Thấy của Bích Chi Phật, như cái Thấy của A La Hán. Bồ Tát hãy nên thấy như thế. Do thấy như thế, chẳng nhớ, chẳng nghĩ, chẳng thấy, chẳng nghe. Do chẳng nghĩ nhớ và thấy nghe, diệt các vọng tưởng, liền được tư duy tam-muội như thế).*

Do nhân duyên “*chẳng nhớ, chẳng nghĩ, chẳng thấy, chẳng nghe*”, đạt được chánh tư duy tam-muội, tức là tư duy chẳng đắm nhiễm. Có người dùng học vấn đề tư duy sẽ chẳng thể phù hợp. Có kẻ dùng tri kiến để tư duy, cũng chẳng phù hợp. Nếu xét theo hai câu khẩu quyết niệm Phật “*rành rẽ phân minh, trọn chẳng có gì để đạt được*” của pháp

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

sur Viên Anh, dùng cái tâm hữu sở đắc (có điều gì để đạt được) sẽ rất mệt. Dùng cái tâm vô sở đắc để niệm Phật mà nếu cưỡng chấp, cũng rất mệt. Vì thế, hiểu rành rẽ, phân minh, trọn chẳng có gì để đạt được, chẳng có gì nhiệm, thanh tịnh niệm Phật, chẳng chấp trước, đỡ tốn sức mà niệm Phật, đúng là cảm ân đội đức! Vì sao vậy? Thật sự giải thoát tâm linh của chính mình, tháo bỏ gánh nặng của chính mình, tất cả gánh nặng thiện ác, gánh nặng đối đãi, gánh nặng thánh phàm, cùng lúc được giải thoát, sẽ thật sự cảm kích Phật Đà Thế Tôn.

Chỉ có bản thân chúng ta chẳng mang nặng nữa, chẳng tạo khổ nữa! Nếu không, chúng ta đúng là chẳng có gì để cảm kích, chẳng biết ân thì báo ân bằng cách nào? Ân còn chẳng thể được, có thể cảm ơn bằng cách nào? Ân ở chỗ nào? Ở chỗ trừ khử gánh nặng lấy bỏ, gánh nặng phân biệt, gánh nặng chẳng chánh kiến của chúng ta từ vô thủy đến nay, khiến cho chúng ta hiểu rõ ràng, an lạc, chẳng vướng mắc, chẳng đối đãi, chẳng nghĩ ngợi, chẳng thấy, chẳng nghe, thanh tịnh một bề, chân thật niệm Phật!

Trong Ngẫu Ích Đại Sư Toàn Tập chép: Có người tới hỏi Ngẫu Ích đại sư: “Thưa đại sư! Ngài thông đạt giáo lý. Dù là Hoa Nghiêm, hay là Thiên Thai, hay là Tam Luận, Ngài đều tiến nhập vô ngại. Sao Ngài chẳng giảng các bộ đại luận, đại giáo? Có sao cứ khuất mình giữ gìn pháp tắc Niệm Phật như thế?” Ngẫu Ích đại sư nói: “Thiện tri thức! Ông hãy thôi đi! Chẳng cần phải nói nữa!” Sau đó, Ngài bảo: “*Một niệm hiện tiền của ông, nếu chẳng niệm Phật thì ông sẽ niệm gì?*” Lúc đó, tôi đọc những câu ấy, đúng là òa khóc tuôn lệ, vì sao vậy? Đúng là một niệm sẽ là như thế nào? Một niệm tỏ lộ tam thiên, tam thiên dung nhập trong một niệm. Một niệm ấy có thể làm gì? Ai biết, ai hiểu? Thiện tri thức tự biết, nhưng kẻ mê muội đã mê mất công dụng rộng lớn của một niệm, tức là tam giới sẽ kéo dài, ba đời sẽ tiếp tục! Chúng ta hãy khéo tư duy, quan sát!

***(Kinh) Phục thứ Hiền Hộ! Thí như hư không, bốn vô hình sắc, bất khả quán kiến, vô hữu chướng ngại, vô sở y chỉ, vô hữu trụ xứ, thanh tịnh vô nhiễm, diệc vô cấu trược. Chư Bồ Tát bối, kiến nhất thiết pháp, diệc phục như thị.***

**(經)復次賢護！譬如虛空，本無形色，不可觀見，無有障礙，無所依止，無有住處，清淨無染，亦無垢濁。諸菩薩輩，見一切法，亦復如是。**

*(Kinh: Lại này Hiền Hộ! Ví như hư không vốn chẳng có hình sắc, chẳng thể xem thấy, chẳng có chướng ngại, không gì để nương tựa, chẳng có trụ xứ, thanh tịnh vô nhiễm, cũng chẳng có nhơ bẩn. Các vị Bồ Tát thấy hết thấy các pháp cũng giống như thế).*

Quan sát sâu sắc, quan sát rành rẽ, quan sát không ngừng, quan sát chân thật rồi kết luận như thế, dùng [các điều quan sát] như thế để phá trừ lưới nghi, chọn lựa pháp nghĩa như thế.

*(Kinh) Sở vị u bỉ hữu vi, vô vi nhất thiết pháp trung, vô hữu xứ chướng ngại.*

**(經)所謂於彼有爲無爲一切法中，無有處障礙。**

*(Kinh: Tức là trong hết thấy các pháp hữu vi và vô vi, chẳng có chỗ chướng ngại).*

Vì sao? Hữu vi, vô vi là các danh tự giả lập, ắt chẳng có tự tánh. Chúng ta tạo nghiệp nơi danh tự, vì sao hư vọng lấy bỏ? Vì sao cưỡng chấp phân biệt thiện ác? Vì sao hư giả giữ lấy yêu ghét?

*(Kinh) Nãi chí diệc vô xứ sở. Dĩ nhãn thanh tịnh vô chướng ngại cố, nhất thiết chư pháp tự nhiên hiện tiền.*

**(經)乃至亦無處所。以眼清淨無障礙故，一切諸法自然現前。**

*(Kinh: Cho đến cũng chẳng có xứ sở. Do mắt thanh tịnh chẳng có chướng ngại, hết thấy các pháp tự nhiên hiện tiền).*

Do tâm thanh tịnh, mắt thanh tịnh, do tâm và mắt tương ứng, cho nên được thấy chư Phật. Tâm chẳng thanh tịnh, mắt ắt ô trược! Nếu lúc chúng ta đối trước thiện duyên và ác duyên, đều có thể khéo tư duy, đối phương (đối tượng trông thấy bởi mắt) sẽ là thiện tri thức. Nếu chúng ta chẳng khéo tư duy, cứ tìm kiếm nơi sự tướng, tìm kiếm nơi âm thanh tốt đẹp như khen ngợi, ghét âm thanh xấu như phỉ báng, chúng ta sẽ bị mê

muội bởi ác ngôn, ác ngữ, bị thiện ngôn, thiện ngữ cưỡng chế. Như thế thì sẽ chẳng tự tại, chẳng hiểu rõ cái tâm. Vì thế, kẻ bị cảnh chuyển, mê mất tự tâm, được gọi là “*chúng sanh*”. Người thường có thể chuyển cảnh, an ủi thế gian, thì là Bồ Tát, là bậc giác ngộ. Vốn chẳng khác biệt, chỉ vì sử dụng và chấp trước cái Thấy và cách dùng khác biệt. Chúng ta xét kỹ như thế nào? Ở đây, phải nên rất nghiêm túc. Đáng nên nghiêm túc thì nên nghiêm túc. Chẳng nghiêm túc là như chấp giữ, đăm nhiệm, tư duy hư vọng. Đó là chẳng nghiêm túc.

*(Kinh) Bĩ chư Bồ Tát như thị niệm thời, tức kiến chư Phật. Kỳ sở trang nghiêm, trạng như kim liên, cụ túc oai nghi. Như bách thiên quang, viêm hách tư chiếu. Như Thu mãn nguyệt, chúng tinh vi nhiều. Như Chuyển Luân Vương, quân chúng xí thịnh. Như Thiên Đế Thích, tứ phụ trung tôn. Như Đại Phạm Vương, xử bĩ thiên tòa. Như sư tử vương, oai phục chúng thú. Như tiên bạch học, xử không nhi phi. Như Tu Di sơn vương, an trụ đại hải. Như Đại Tuyết Sơn, xuất chư lương dược. Như Thiết Vi sơn, nhiếp trì mãnh phong. Như bĩ thủy giới, trụ trì đại địa. Như đại phong luân, tịnh hư không giới. Như Tu Di đánh, tráng lệ thiên cung.*

**(經)彼諸菩薩如是念時，即見諸佛。其所莊嚴，狀如金輦，具足威儀。如百千光，炎赫斯照。如秋滿月，衆星圍繞。如轉輪王，軍衆熾盛。如天帝釋，四輔中尊。如大梵王，處彼天座。如師子王，威伏衆獸。如鮮白鵠，處空而飛。如須彌山王，安住大海。如大雪山，出諸良藥。如鐵圍山，攝持猛風。如彼水界，住持大地。如大風輪，淨虛空界。如須彌頂，壯麗天宮。**

*(Kinh: Các vị Bồ Tát ấy khi nghĩ như thế, liền thấy chư Phật. Các Ngài trang nghiêm, hình dạng như cỗ xe bằng vàng, tròn đủ oai nghi. Như trăm ngàn quang minh, chiếu rọi rõ, chói ngời. Như trăng tròn mùa Thu, các ngôi sao vây quanh. Như Chuyển Luân Vương, quân đội đông đảo. Như Thiên Đế Thích tôn quý trong bốn vị đại thần phù tá. Như Đại Phạm Vương, ngự trên tòa trời. Như sư tử chúa, oai thế hàng phục các loại thú. Như chim học trắng sạch, bay trên hư không. Như núi*

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2**

*chúa Tu Di, an trụ trong biển cả. Như Đại Tuyết Sơn, sanh ra các thứ thuốc tốt lành. Như núi Thiết Vi nắm giữ các luồng gió mạnh. Như thủy giới giữ yên đại địa. Như vàng gió lớn, thanh tịnh cõi hư không. Như trên đỉnh núi Tu Di, cung trời tráng lệ).*

“Túc kiến chư Phật” (Liên thấy chư Phật), chư Phật có hình dạng như thế nào? Ở đây, [đức Thế Tôn] không ngừng dùng các vật mà chúng ta có thể thấy, có thể biết để tỷ dụ, hướng dẫn, hồng tăng cường sự nhận biết và sự vui thích, yêu mến của chúng ta!

***(Kinh) Như thị Hiền Hộ! Bỉ chư Như Lai Ứng Đẳng Chánh Giác, dĩ trí đức quang chiếu minh nhất thiết tam thiên đại thiên chư Phật thế giới, kỳ sự nhược thử.***

**(經)如是賢護！彼諸如來應等正覺，以智德光照明一切三千大千諸佛世界，其事若此。**

*(Kinh: Như thế đó Hiền Hộ! Các đức Như Lai Ứng Đẳng Chánh Giác ấy dùng quang minh trí đức để chiếu sáng hết thấy tam thiên đại thiên các thế giới chư Phật, chuyện là như thế đó).*

Trí đức quang minh của chư Phật Như Lai chiếu sáng hết thấy tam thiên đại thiên thế giới chư Phật. Phạm phu hữu tình thì một tiểu thế giới cũng chẳng léo hánh được! Trong các vị đã chứng Tứ Hưong, Tứ Quả, trí lực của thánh giả Tu Đà Hoàn quả có thể khéo biết một tiểu thế giới, A La Hán có thể biết các tướng trang nghiêm trong một đại thiên thế giới, có thể vận dụng tự tại trong một đại thiên thế giới. Công đức của vị thánh ấy chẳng phải là hư giả đặt ra. Thánh giả trong Phật pháp chẳng phải là lập ra hư giả. Nếu là thánh nhân xuất thế, sẽ hiện nhân duyên đại phước đức. Như lần trước, tôn giả Hổ Ba (Khruba Boonchum) đến đây, trong tay Ngài có bảo châu do long vương hiến tặng. Khi Ngài chứng quả, đại địa chấn động. Các vị hộ pháp có lòng yêu mến từ cung trời, hoặc long vương đều đến cúng dường như thế. Ngài đã đánh mất hạt châu ấy ba bốn lần, nhưng mỗi lần đều có người dùng các thứ nhân duyên đưa trả lại. Vì sao? Người khác chẳng giữ nổi viên châu ấy. Nhân duyên oai đức và phước đức của thánh nhân như thế chẳng phải là hư giả đặt ra. Bậc thánh nhân đều có oai đức thiện xảo, phước đức thiện xảo, Thiên Định thiện xảo, sức thần thông thiện xảo, vô úy thiện xảo, biết

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

trọn khắp thiện xảo, được trời, rồng thủ hộ, trời, rồng tôn sùng, hết thầy trí giả và thánh giả yêu mến. Tất cả những điều ấy khiến cho oai đức bất cộng và phước đức bất cộng nầy sanh. Phàm thì chính là phàm, chúng ta chẳng thể dùng phàm loạn thánh. Thánh chính là thánh, dầu có ngăn trở, che lấp, vẫn chẳng thể ngăn trở, che lấp được. Sở dĩ thánh là thánh, chẳng phải là do ngôn thuyết mà thành thánh, mà là thánh vì oai đức, là thánh vì công đức chân thật. Ở đây, chẳng thể lập bày hư giả, chẳng thể hư vọng, chẳng dám coi thường, nói dối đôi chút cũng chẳng được, nói lời khác lạ một tí cũng chẳng được. Kẻ hư vọng thật sự đáng buồn, vì chẳng có đôi vai ấy, sẽ chẳng thể gánh vác các thứ này!

Ở đây, tôi lại chẳng ngại nêu một thí dụ, vì sợ mọi người đem phàm loạn thánh. Vì tôn giả Xá Lợi Phất phát nguyện làm đệ tử đứng đầu của chư Phật, và luôn nhập diệt trước chư Phật. Do đó, trước khi đức Thế Tôn nhập diệt, Ngài bạch cùng đức Thế Tôn: “Bạch Thế Tôn! Con sẽ nhập diệt”. Đức Thế Tôn im lặng chấp thuận. Ngài Xá Lợi Phất trở về thôn xóm nơi chính mình đã sanh trưởng, tức là thành phố Na Lan Đà hiện thời, vào trong ngôi nhà đã nuôi lớn Ngài. Mẹ Ngài vẫn còn sống, trông thấy Ngài, bèn sanh nghi hoặc to lớn: “Ồi chao ơi! Vì sao đến tuổi già, con lại xả giới hoàn tục vậy? Nhà mình tài sản vô số, lúc trẻ tuổi con chẳng biết lấy dùng, tuổi già hoàn tục, có ích gì đâu chứ?” Mẹ ngài Xá Lợi Phất tôn kính Đại Phạm, chẳng ưa thích Phật pháp, chẳng biết Phật pháp, thường lo ngại Xá Lợi Phất. Tuy trong lúc hoài thai Xá Lợi Phất, trí huệ và biện tài của bà ta thiện xảo bậc nhất, chẳng bị chướng ngại, nhưng bà chẳng học Phật. Do vậy, trước khi nhập diệt, ngài Xá Lợi Phất trở về nhà, bà mẹ sanh lòng nghi hoặc, nghĩ Xá Lợi Phất đã hoàn tục. Mẹ đang tựa cửa, trông thấy đứa con của chính mình đã già khòm. Khi đó, Đại Phạm hiện đến, phóng quang minh, đánh lễ dưới chân ngài Xá Lợi Phất, thốt lời tán thán. Bà mẹ hết sức kính sợ, nói: “Vì sao đại thiên tới chỗ này? Con ơi! Con hành pháp gì mà vị này đến kính ngưỡng con?” Ngài Xá Lợi Phất chẳng đáp. Cho đến các loại trời, rồng đến lễ kính, cúng dường, khuyến thỉnh Ngài trụ thế. Mẹ Ngài hết sức nghi hoặc. Khi đó, ngài Xá Lợi Phất nói: “Ưu-bà-di! Bà thấy vị thiên tôn này hay không?” Mẹ Ngài hỏi: “Ta thờ phụng vị thiên tôn này, có sao Ngài đến lễ kính dưới chân con?” Ngài Xá Lợi Phất đáp: “Con đã có thể thủ hộ pháp rất sâu. Việc làm đã xong, phạm hạnh đã lập, chẳng còn thân sau, là bậc Ứng Cúng trong tam giới, là thầy hướng dẫn của tam giới, là ruộng phước cho tam giới”. Ngài nói lời quyết định; do vậy, mẹ Ngài được Ngài thành tựu, cuối cùng trở thành một vị ưu-bà-di quy y Tam



Bảo. Thánh giả tự có thánh công đức, thánh giả tự có thánh tướng. Ngay như bậc Sơ Quả trong thánh quả Thanh Văn, biết một tiểu thiên hạ mà đạt được sức tự tại: Khi đi lại, tự nhiên lìa khỏi mặt đất, chẳng gây hại sát sanh. Đó là điều quyết định chẳng nghi. Nói đến chỗ này, chỉ sợ mọi người hễ đạt được sự khinh an tương tự, lợi ích, cảnh giới tương tự v.v... liền nhận lầm đầu với chân, tự chuốc lấy phiền não, cho nên tôi nhắc nhở đôi chút.

*(Kinh) Hiền Hộ! Bỉ chư Bồ Tát ở chánh quán trung, phục như tu niệm: “Nhi chư Như Lai hữu sở tuyên thuyết, ngã tích thính văn, văn dĩ độc tụng, thọ trì, tu hành”. Như thị niệm dĩ, tùng tam-muội khởi. Như bỉ định trung sở văn chư pháp, tư duy kỳ nghĩa, vị tha tuyên thuyết. Hiền Hộ! Đương tri thị tam-muội vương, vị chư Bồ Tát tác tư lợi ích, năng dữ như thị chư công đức tự, sở vị thế gian, xuất thế gian nhất thiết chư pháp dã.*

**(經)賢護！彼諸菩薩於正觀中，復如斯念：「而諸如來有所宣說，我昔聽聞，聞已讀誦，受持修行」。如是念已，從三昧起。如彼定中所聞諸法，思惟其義，為他宣說。賢護！當知是三昧王，為諸菩薩作斯利益，能與如是諸功德聚，所謂世間，出世間一切諸法也。**

*(Kinh: Đây Hiền Hộ! Các vị Bồ Tát ấy trong chánh quán, lại nghĩ như thế này: “Đối với các lời tuyên thuyết của các đức Như Lai, xưa kia, ta đã được nghe, nghe xong đọc tụng, thọ trì, tu hành”. Nghĩ như thế rồi, từ tam-muội khởi, đối với các pháp được nghe trong Định đều suy nghĩ ý nghĩa, vì người khác tuyên nói. Đây Hiền Hộ! Hãy nên biết tam-muội vương này vì các Bồ Tát tạo lợi ích ấy, có thể ban cho các khối công đức như thế, tức là hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian).*

Tướng quang minh công đức của tam-muội vương khiến cho chúng ta thấy rõ tam thiên đại thiên thế giới chư Phật. Có người niệm A Di Đà Phật, chứng đắc Niệm Phật tam-muội, cũng có thể biết rõ vô lượng thế giới. Thời cận đại, có ghi chép một số ít người chứng tam-muội. Trong lịch sử, có Hám Sơn đại sư chứng đắc Tùy Ý tam-muội. Khi Ngài ở một chỗ trên Ngũ Đài Sơn, lúc bấy giờ, trời đổ một trận tuyết

lớn, tuyết dày vùi kín gian nhà của Ngài. Mọi người vốn cho rằng Ngài đã bị chết cứng, nhưng sau khi tuyết tan, trông thấy Ngài đang ngồi thiền trong ấy, mọi người đều hết sức rúng động. Lại như Hám Sơn đại sư chép kinh Hoa Nghiêm, tay vừa chép kinh, vừa nói chuyện với người khác, chữ chẳng chép sai, hàng lối chẳng sai lệch, lời nói cũng không làm loạn, Tùy Ý tam-muội tự tại mà! Đây chẳng phải là Ngài nói suông, mà là Ngài làm được. Quý vị đừng nên cho rằng chính mình đã chứng hay không, cứ sử dụng là biết ngay. May may hư giả đều chẳng được. Nếu không, đại vọng ngữ sẽ gây tổn thương rất dữ dội!

*(Kinh) Hiền Hộ! Thị cố, nhược bỉ thiện nam tử, thiện nữ nhân, tùy dục cầu chứng Vô Thượng Bồ Đề, đương ưng thính văn như thị tam-muội. Văn dĩ, thư tả, đọc tụng, thọ trì, tu tập, tư duy, quảng vị tha thuyết, linh thị diệu pháp lưu bố thế gian.*

**(經)賢護！是故，若彼善男子善女人，隨欲求證無上菩提，當應聽聞如是三昧。聞已書寫，讀誦受持，修習思惟，廣爲他說，令是妙法流佈世間。」**

*(Kinh: Đây Hiền Hộ! Do vậy, nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy muốn cầu chứng Vô Thượng Bồ Đề, hãy nên nghe tam-muội như thế. Nghe rồi biên chép, đọc tụng, thọ trì, tu tập, tư duy, rộng vì kẻ khác nói, khiến cho diệu pháp này được truyền bá trong thế gian).*

Đoạn văn tự này vẫn nhằm khuyên chúng ta nghe pháp này, cầu pháp này, tư duy, biên chép, đọc tụng, truyền bá pháp tắc như vậy, chứng thực pháp tắc như vậy. Bộ kinh này chỗ nào cũng đều tuyên nói như thế, rốt cuộc chúng ta tiếp nhận được bao nhiêu? Chuyện này đúng là tùy thuộc nhân duyên của mỗi người!

Chúng ta đã nghe tiếng bước chân sắp viên mãn của An Cư kết hạ, còn năm ngày nữa. Sinh hoạt tập trung học tập trong một trăm hai mươi ngày an cư sắp kết thúc viên mãn. Thuận theo nhân duyên ấy, chúng ta học tập kinh Ban Châu Tam Muội cũng sắp viên mãn. Vốn là bộ kinh như thế này, nếu chiếu theo lối khoa phán để học tập, sẽ tốn rất nhiều thời gian; vì văn tự của kinh này khá bình dị, chúng ta liền đọc tụng, để mọi người rộng kết nhân duyên hành trì Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội. Vạn sự đều do nhân duyên mà khởi, do nhân duyên mà diệt. Nếu chẳng có duyên khởi, pháp chẳng thể tự sanh một mình

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

được. Trong cõi đời, chẳng có bất cứ pháp nào có thể trợ trợ sanh khởi, cũng chẳng có bất cứ đoạn diệt nào để có thể đạt được! Trong pháp tắc “*vốn chẳng có một pháp nào để đạt được*”, chúng ta nhờ nương theo một kinh, nương cậy một pháp tắc, thông qua cảm nhận liên tục, sẽ có thể thành thực một sanh mạng [tồn tại] liên tục để nương vào.

Đối với toàn thể chỗ nương cậy để sanh mạng được tiếp nối đến tận tương lai, kẻ không có pháp tắc sẽ mê mờ. Kẻ chẳng có pháp tắc rõ rệt, sẽ mong chủ động vận dụng trí huệ và từ bi sáng suốt, hòng dần dần thuần thực sanh mạng của chính mình. Cơ chế như thế cũng chẳng thể đạt được! Do vậy, chúng ta có thể gặp gỡ một pháp môn, một cơ chế pháp, nhất là kinh Hiền Hộ khá có hệ thống như thế, là một giáo điển đã giới thiệu hoàn thiện pháp tắc bất cộng Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội, đích xác là phước đức của mọi người. [Phước đức ấy] khó lìa khỏi oai đức gia bị của đức Thích Ca Thế Tôn, mà thiện căn của chúng ta cũng được chín muồi chẳng ít. Do thiện căn chín muồi và được Phật Đà Thế Tôn gia bị, mọi người được gặp kinh điển này. Chúng ta đừng nên học xong bèn hời hợt bỏ qua. Nếu chẳng thể thâm nhập tu tập, đúng là khá đáng tiếc, chỉ có thể trở thành chủng tử của một nhân duyên xa xôi!

Nếu chúng ta gặp pháp tắc này mà có thể thật sự tu tập nó, sẽ giống như kinh văn đã chỉ dạy: Trong các pháp xuất thế và nhập thế, pháp này tạo lợi ích rộng khắp cho các vị Bồ Tát Ma Ha Tát. Người muốn cầu Vô Thượng Bồ Đề, nghe nói tam-muội này, đọc tụng, biên chép, khéo tư duy, rộng vì người khác nói tam-muội này, cho đến người đích thân chứng tam-muội này, đều được đức Thế Tôn tán thán, được đức Thế Tôn thủ hộ, có thể khiến cho pháp này tồn tại trong thế gian, khiến cho vô lượng chúng sanh thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề thật sự là biểu hiện của tâm trí cội nguồn rõ ràng, hoàn thiện nhất, oai đức trọn đủ, sức tự tại thành thực trọn vẹn nơi hết thảy chúng sanh mà thôi! Chúng ta biết trong biển “*pháp tánh tịch diệt*”, chẳng có mây trần để có thể đạt được, chẳng có một pháp thật sự có bản chất, vô lượng chúng sanh trong các thứ nghiệp tương đối với mười pháp giới hoặc tự do, hoặc chẳng tự do, hoặc thiện xảo, hoặc chẳng thiện xảo, hoặc sáng, hoặc tối, cho đến xuất hiện sanh mạng khổ, vui, phàm, thánh, trí, ngu khác biệt như thế. Sanh mạng khác biệt do ai lựa chọn? Chính là từ ngay trong bản thể của chúng ta mà thiện xảo đúng pháp chọn lựa, hay mê mât sự chọn lựa thiện xảo ấy. Nếu

## **Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2**

nắm vững sự chọn lựa thiện xảo ấy, sẽ có pháp để nương theo, thành tựu trong một đời sẽ chẳng phải là chuyện khó, chúng tam-muội cũng chẳng phải là chuyện khó, lợi ích thế gian rộng rãi cũng chẳng phải là chuyện khó, chỉ là chuyện thuộc vào địa vị của chính mình. Do đó, “*tâm đắc bốn vị, tức đắc an lạc*” (tìm được địa vị vốn có, liền được an vui). Nếu chúng ta chẳng tìm được bốn vị, tự làm lạc mê mất nơi sự tướng, sẽ ở ngay trong các sự tướng biến đổi, vô thường, tự cho là có thật rồi xâm hại lẫn nhau, sẽ đánh mất lợi ích thanh tịnh to lớn.

Giáo điển này giống như chư Phật xuất thế, chỉ nương theo một đại sự nhân duyên, tức là “*muốn khiến cho chúng ta đoạn trừ phiền não, trừ khử tập khí, vượt thoát sanh tử, lại còn tự tại trong sanh tử, chẳng nhiễm sanh tử, chẳng giữ lấy Niết Bàn, lợi ích trời, người rộng khắp*”. Trong thực tế, cũng có nghĩa là sanh mạng tất nhiên có chỗ nương tựa. Chúng ta thấy trong Thanh Văn Thừa, có hai loại Niết Bàn là Hữu Dư và Vô Dư. Người thiện xảo chứng đắc quả A La Hán là người đã đạt tới cực quả trong giáo ngôn của Thanh Văn Thừa, nhưng trong Đại Thừa Phật giáo, chẳng chấp sanh tử, chẳng giữ lấy Niết Bàn, vãng sanh cõi vô sanh của A Di Đà Phật, gột sạch sành sanh hết thấy sanh tử bức bách từ vô thỉ tới nay. Bất luận Biến Dịch Sanh Tử hay Phần Đoạn Sanh Tử, đều cùng lúc tận diệt. Chỉ trong một đời thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, oai đức đến tận đời vị lai. Oai đức ấy chẳng phải là hành vi do kiêu mạn, do tà kiến, hay do làm bộ làm tịch, mà thật sự là tự tánh vốn có, là quang minh từ pháp tánh, là oai đức của pháp tánh, ai nấy đều có thể duyên theo nó, có thể sử dụng nó, mà cũng có thể thành tựu nó. Nói “*thành tựu*”, tức là chuyện thuộc về bốn phận, duyên theo chuyện ấy liền sử dụng nó, chọn lựa nó. Chúng ta duyên theo cái nghiệp của tam đồ, sẽ có thể thành tựu sanh mạng tiếp nối trong tam đồ y hết! Chúng ta thấy lừa, ngựa, lạc đà thồ đồ vật, bèn sanh khởi tâm niệm thương xót. Thật ra, chúng vốn cũng trọn chẳng khác biệt chư Phật! Chư thiên thấy chúng ta phiền não nặng nề, do thiếu thốn vật chất, do thiếu thốn ngũ dục bèn đau khổ tìm kiếm, sẽ thấy chúng ta chẳng khác gì trâu ngựa. Họ sẽ cảm thấy đau khổ không chịu nổi, sẽ sanh khởi tâm niệm xót thương. Còn các vị thánh giả, trí giả, trông thấy chư thiên tuy có sanh mạng tám đại kiếp, cho đến sanh mạng tám vạn đại kiếp, nhưng đối với các sanh mạng, hiện đủ loại tướng chẳng thể tự không chế, chẳng thể tự hiểu rõ, chẳng thể tự liễu thoát. Do vậy, cũng sanh một tâm niệm thương xót, còn chư Phật Như Lai thì sao? Thấy hết thấy hữu tình trong chín pháp giới, dù là vi tế Hoặc, dù là Vô Minh Hoặc, hay Kiến Tư Hoặc, trong vô tận

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

vô biên các thứ hoặc loạn, dù nặng nề, hay vi tế, dù cực vi tế, đều sanh khởi tâm bi mẫn rộng lớn. Do đó, tôn trọng, yêu thích hết thảy hữu tình trong thế gian. Vì sao? Do đồng thể, đồng dụng. Do nhân duyên này, cho nên có thể thiện xảo thí giáo rộng lớn, dạy hết thảy hữu tình trong chín pháp giới triệt để thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

Có người đã bần khoản quá sớm “sau khi thành Phật, tôi sẽ làm như thế nào?” Quý vị chẳng cần nghĩ tới chuyện đó, cứ thông thả! Nếu đối với bộ kinh Ban Châu Tam Muội này, chúng ta có thể gặp được pháp tắc như thế, giáo ngôn như thế, thật sự có thể được nghe pháp tắc như thế, nghe danh tự như thế, chính là chẳng thể nghĩ bàn! Nếu ai nghĩ là “chẳng thể nghĩ bàn”, người ấy chính là chẳng thể nghĩ bàn. Nếu kẻ nào khinh thường, trái phạm, kẻ ấy là phùng khinh dễ, trái phạm. Nếu ai tôn trọng, thủ hộ, truyền bá pháp này, sẽ do tôn trọng, thủ hộ, truyền bá, tất nhiên thành tựu lợi ích chẳng thể nghĩ bàn! Vì thế, dụng tâm gì vậy? Chọn lựa gì vậy? Chỉ là trong hiện duyên, mỗi người tự lựa chọn, có liên quan với người khác hay chẳng? Hữu tình thời Mạt Pháp lãng phí thời gian của chính mình quá nhiều, dùng một lượng lớn thời gian và tinh lực vào sự tương vô thường, biến đổi, đổ công dốc sức nơi lời lẽ và cử chỉ của người khác. Người như thật biết tự tâm, như thật vận dụng tự tâm, như thật liễu giải cơ hội chẳng tăng, chẳng giảm, rõ ràng, rộng lớn, trọn đủ hết thảy các pháp trong tâm địa quá ít! Đối với chuyện này, đức Phật thương xót chúng ta, dùng sức oai thần gia bị, khiến cho nhân duyên thiện căn của chúng ta thành thực. Do vậy, tuyên nói giáo điển chẳng thể nghĩ bàn như thế. Chúng ta tối thiểu đã có cơ chế thành thực như vậy, cho nên mới có thể học tập, lắng nghe, trao đổi, thật sự là chuyện chẳng thể nghĩ bàn! Vì thế, đừng coi tự duyên (các duyên của chính mình) là duyên nhỏ nhất, đừng vì tự duyên mà kiêu mạn, chớ nên coi rẻ tự ngã, cũng như đừng coi rẻ nhân duyên của người khác. Đương nhiên là cũng chớ nên kiêu mạn. Như thế thì tâm trí của chúng ta sẽ yên tĩnh, bình hòa, sẽ thấy thấu suốt pháp tắc, ẩn khế pháp tắc, như thật thủ hộ pháp tắc mà chúng ta đang tu tập, chẳng đánh mất duyên khởi thật sự tốt đẹp, thanh tịnh.

Con đường thành Phật ở ngay dưới chân, duyên khởi thành Phật ngay trong một niệm hiện tiền, sự chọn lựa thành Phật cũng ở trong hiện tiền. Sở dĩ vận dụng ngay trong hiện tiền là vì nhận biết một niệm hiện tiền. Một niệm hiện tiền vô nhiễm, chính là chân tâm vô nhiễm. Nếu chúng ta lập tức duyên theo sự lựa chọn thanh tịnh của Phật Đà Thế Tôn, như đối với sáu loại “*ngũ pháp*” đã nói trong phần trước, cùng với công

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2**

đức nơi một trăm hai mươi hai câu hỏi “*nhu thế nào*” mà thủ hộ, tập luyện xuyên suốt, tức là chúng ta đã lập tức lựa chọn duyên khởi thiện xảo và thanh tịnh “*xa lìa sự bức bách của sanh tử để lợi ích rộng khắp hữu tình*”.

Hành Ban Châu, chẳng qua chỉ là khiến cho duyên khởi thanh tịnh được tiếp nối, như thật công nhận, như thật vận dụng, chỉ như thế mà thôi! Cái tâm liên tục ấy, từ trong tâm trí thay đổi từ vô thi tới nay, trong tâm trí nắm níu của chúng ta, cho đến trong giả duyên như huyền, phần nhiều chẳng thể tự không chế. Chúng ta phần nhiều cưỡng chấp, đắm nhiễm [các giả duyên ấy], cho nên hình thành lòng yêu mến và truy tầm sự vô thường đối khác. Chúng ta hướng tới sự đối khác ấy, hoặc có thể nói là vô ký, vô minh, mà sự vô ký, vô minh ấy đã đem lại cho chúng ta điều gì? Chính là chẳng làm sao được, vô tri, chẳng có năng lực, như thế thì quý vị sẽ chẳng có cách nào giải quyết vấn đề của chính mình!

*(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn vị trùng minh thử nghĩa, dĩ kệ tụng viết.*

**(經)爾時，世尊爲重明此義，以偈頌曰。**

*(Kinh: Lúc bảy giờ, đức Thế Tôn vì nói rõ lại nghĩa này, dùng kệ tụng rằng).*

Vì chúng ta đối với chuyện huân tập pháp tắc còn khá xa lạ, đức Thế Tôn nhiều lượt giáo huấn chúng ta, không ngừng hướng dẫn chúng ta tư duy như thế, quan sát như thế. Ngài dùng các đoạn văn tự dưới đây để tổng kết rõ ràng, tóm tắt, đơn giản phần Trường Hàng trước đó, khiến cho chúng ta thật sự hiểu rõ. Ngoài thời gian lên lớp học tập, chúng ta hãy có thời gian hãy nên đọc tụng, đàm luận, trao đổi về kinh Hiền Hộ cho nhiều, bớt nói chuyện gẫu. Như thế thì sẽ có thể khiến cho pháp được tiếp nối, khiến cho những ngày học tập này có được một cơ chế pháp tắc thuần thực. Nếu không, cứ gián đoạn, sẽ vẫn quay về với nghiệp tập!

*(Kinh) Chư Phật thanh tịnh ly trần cấu, công đức thâm quảng, vô sở y.*

**(經)諸佛清淨離塵垢，功德深廣無所依。**

*(Kinh: Chư Phật thanh tịnh, lìa trần cấu. Công đức sâu rộng, chẳng tựa nương).*

Qua lời dạy của đức Thế Tôn, Ngài đã bóc gỡ cái tâm nắm níu của hết thầy chúng sanh. Hoặc có thể nói là khiến cho hết thầy chúng sanh từ trong cái tâm nắm níu ấy mà biết: “Thật ra, chẳng có pháp nào để có thể nắm níu!” Trong tâm trí vịn nắm của phàm phu, nếu chẳng chấp trước một thứ chi đó, chẳng nắm bắt một thứ chi đó, cái tâm chẳng có [thứ gì để vịn nắm], sẽ trở nên trống trải, mê muội, bỗng dưng chẳng biết làm như thế nào! Một khi chúng ta đã vượt khỏi chỗ ấy, như trong quá khứ đã nói, sau khi “*đình tâm*” (ngưng lặng cái tâm), sẽ tự đạt được phương tiện. Nói “*đình tâm*” chính là vĩnh viễn đoạn trừ lo ngại; khi đó, cái tâm nắm níu liền ngưng dứt. Chúng ta sẽ hiểu pháp tắc tương tự rõ ràng. Nhưng “*chư Phật thanh tịnh ly trần cấu*” tức là triệt để lìa khỏi những cái gọi là Kiến Tư Hoặc, Trần Sa Hoặc, và Vô Minh Hoặc, biết rõ ráo thanh tịnh. Chư Bồ Tát, hiền thánh là bậc phương tiện thanh tịnh, còn phàm phu là kẻ chưa đạt được thanh tịnh. Vì sao nói là “chưa đạt được?” Vì ở trong trần lao, trong trần cấu, vẫn chưa giác ngộ, vẫn mê mất nơi vọng chấp trần lao, ở trong trần lao “*vọng tưởng nắm níu*”, chẳng thể tự thoát ra!

“*Công đức thâm quảng vô sở y*” (Công đức sâu rộng, chẳng nương tựa vào đâu): Chẳng nương, chẳng dựa vào sức trí huệ, chính là trí huệ vốn sẵn có của hết thầy chúng sanh; đó gọi là “*vô tạo, vô tác*” (chẳng tạo tác), chẳng nhiễm mảy trần, chẳng nhơ, chẳng sạch. Đây chẳng phải là một câu nói thường hằng, mà thật ra là dùng ngôn ngữ quyền biến để biểu đạt một loại phương tiện trí huệ. Nếu nói với hữu tình vô minh cố chấp, thì cũng là bất đắc dĩ mà nói. Nếu nói với bậc trí giả, nói vừa đủ rồi thôi, tức là biết ẩn sau ngôn ngữ, sẽ thật sự là thanh tịnh, chẳng nhiễm, chẳng chấp!

*(Kinh) Chung cổ khanh thương chúng diệu âm, vạn chủng hàm bị tu cúng dường. Bồ tát chư chủng siêu thế hương, tinh dị hoa man, thượng bảo cái. Nhiên đăng cúng dường chúng tháp miếu, sở vị cầu tam-ma-đề.*

**(經)鐘鼓鏗鏘衆妙音，萬種咸備修供養。佈散諸種超世香，精異花鬘上寶蓋。然燈供養衆塔廟，所爲求此三摩提。**

## ***Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

*(Kinh: Chuông trống réo rắt các điệu âm, muôn thứ đều vẹn tu cúng dường. Rải rắc các hương tuyết diệu nhất, tinh xảo tràng hoa, lọng báu dâng. Cúng dường đèn soi các tháp miếu, đều vì cầu đắc chánh định này).*

Dùng ca múa, âm thanh hay đẹp, ca ngợi, cho đến sắp đặt các loại đồ vật, các thứ hoa tươi v.v... để cúng dường. Quả thật vì cầu tam-ma-đề này, tức là vì để thành tựu Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội. Tam-muội là một danh từ có đủ cả danh xưng nơi tướng trạng của cái nhân lẫn tướng trạng của cái quả. Tam-ma-đề là tên gọi theo quả tướng. Tam-muội thành tựu thì gọi là tam-ma-đề. Chẳng hạn như chúng ta nói đến Tứ Hướng và Tứ Quả, địa vị Tứ Hướng chẳng gọi là quả. Vì sao? Do mang ý nghĩa hướng đến. Nếu đã đạt tới quả vị, thì có ý nghĩa “*an trụ*”. An trụ mà thật sự chẳng có gì để an trụ. Đó là nội hàm chân thật nơi quả đức.

Chúng ta học tập một pháp tắc, nếu chẳng hiểu rõ nguyện vọng và mục đích, sẽ đứt gánh nửa đường, hoặc bị nghịch duyên làm dang dở, hoặc là bị thuận duyên làm lỡ làng. Nếu là thuận duyên, do nhiễm đắm nhân duyên, cũng sẽ đắm quàng vào ngõ rẽ. Nếu là nghịch duyên, do chẳng hiểu rõ nguyện vọng và mục đích, nhất định sẽ thoái đọa. Nếu chúng ta học Phật trong tình hướng mười phần hiểu rõ mục đích và nguyện vọng, thì sanh mạng lẫn cuộc sống đều suông sẻ, chẳng có chướng ngại! Chẳng hạn như người thường phải làm việc nơi đất khách, hề mong trở về nhà, đúng là hết sức nôn nóng mong trở về. Hề nhắm mắt là thấy người nhà. Cũng giống như thế, là người xuất gia, là người học Phật, phải nên đối với mục đích của chính mình, tức là chỗ thành tựu của pháp tắc, thật sự phải có nhận thức rõ ràng, đích xác như người nóng lòng mong trở về, phải có khát vọng chẳng điều gì có thể chướng ngại được! Nếu chẳng như thế, giữa chừng sẽ nảy sanh quá nhiều nhân duyên gây chướng ngại. Trong thời đại này, do mọi người chẳng hiểu rõ nguyện vọng và sự thủ hộ thế nguyện, cho nên phần nhiều chẳng thể thường hằng gìn giữ một pháp, hay một sự. Kết quả là khiến cho nhân duyên chẳng thể thành thực, gây gánh giữa đường nhiều lắm, người trước sau vẹn toàn cực hiếm hoi! Trong thế gian này, bất luận là làm chuyện thế tục, hay học Phật, bất luận xuất gia hay tại gia, người có thể vẹn toàn từ đầu đến cuối đều làm các chuyện có ý nghĩa đối với thế gian, hoặc có thể khiến cho thế gian đạt được các khơi gợi cụ thể.



## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

Ở đây, [kinh văn] nhắc tới các loại cúng dường, bất luận là cúng dường bằng tràng hoa, cúng dường bằng các vật, cúng dường bằng diệu âm niệm tụng, đều là vì tam-ma-đề này, cũng là để đích thân chứng Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiên Lập tam-muội. Nếu phát thệ nguyện như thế, tâm như thế, vậy thì hết thấy các chướng ngại đều chẳng còn là chướng ngại. Nếu phát tâm rõ ràng, chướng ngại chẳng gọi là chướng ngại. Nếu phát tâm chẳng rõ ràng, dường như đúng mà thật ra là sai, chướng ngại sẽ xuất hiện, sẽ bị chướng ngại. Ngay cả thuận duyên xuất hiện, cũng hình thành chướng ngại. Kết quả là thuận duyên lẫn nghịch duyên đều có nhiều chướng ngại. Chúng tôi nêu một thí dụ. Chẳng hạn như từ đây du hành qua Trung Điện<sup>21</sup>, mục đích của quý vị mười phần rõ ràng, tư duy của quý vị do phát tâm sẽ mười phần rõ ràng, xác đáng. Vì thế, tới Đại Lý<sup>22</sup>, quý vị sẽ không kẹt luôn tại Đại Lý, [trong khi ở lại Đại Lý, quý vị] cũng có thể tùy duyên xem xét [phong cảnh, phong tục ở Đại Lý], rồi lại ra đi. Tới Ly Giang, quý vị chẳng kẹt lại Ly Giang, vì sao vậy? Mục đích của quý vị là Trung Điện, chẳng phải

---

<sup>21</sup> Trung Điện vốn là một huyện thuộc tỉnh Vân Nam, gọi theo tiếng Tây Tạng là Gyaitang Zong, nằm ngay ranh giới của Tứ Xuyên, Vân Nam, và Tây Tạng. Ở đây, có một thị trấn nổi danh là Shangrila (người Tây Tạng gọi là Gyalthang) thuộc Dịch Khánh Tạng Tộc Tự Trị Khu. Thị trấn này vốn cũng gọi là Trung Điện, nhưng từ ngày 16 tháng 12 năm 2014, đã chính thức đổi tên thành Shangrila, dựa theo tên miền đất huyền tưởng trong tác phẩm Lost Horizon của James Hilton. Hilton mô tả vùng đất ấy nằm ở phía Tây rặng Côn Luân, được coi như thiên đường hạ giới, dân ở đó sống bất tử. Để hấp dẫn khách du lịch, do Trung Điện phong cảnh đẹp đẽ, lại gần Côn Luân, nhà cầm quyền Hoa Lục bèn đổi tên Trung Điện thành Shangrila. Một số nhà nghiên cứu cho rằng Shangrila được gọi hứng từ vương quốc bí mật Shambala dành cho những người chứng ngộ, như mật điển Kalachakra (Thời Luân) của Mật giáo Tây Tạng đã đề cập.

<sup>22</sup> Đại Lý (sắc dân Bạch gọi thành phố này là Guiphet) là thành phố cấp huyện của tỉnh Vân Nam, là thủ phủ của Đại Lý Bạch Tộc Tự Trị Châu. Đây là thành phố được hình thành sớm nhất ở tỉnh Vân Nam. Khu vực Đại Lý đã được kiến thiết từ thời Hán Vũ Đế trong nỗ lực kiểm soát Tây Vực mà không phải đi vào đất Thục (Tứ Xuyên). Gia Cát Lượng đã lập ra Vân Nam Quận tại vùng này. Sắc dân Bạch kiến thiết khá nhiều thành ấp quanh khu vực, hình thành sáu bộ lạc lớn gọi là Lục Chiếu. Thủ lãnh Mông Xá chiếu là Bì La Các đã thôn tính năm chiếu kia, thành lập nước Nam Chiếu. Năm 902, quyền thần Trịnh Mãi Tự của Nam Chiếu đoạt quyền, xóa sổ Nam Chiếu, lập ra Đại Trường Hòa Quốc. Nội chiến liên miên, cuối cùng Đoàn Tư Bình chiến thắng, chiếm vùng này, lập ra Đại Lý Quốc, bắt đầu quá trình Hán hóa vùng Vân Nam. Đến thời Nguyên, vùng này trở thành Đại Lý Lộ rồi biến thành Đại Lý Phủ dưới thời Minh, rồi trở thành huyện Đại Lý dưới thời Dân Quốc.

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2**

là không thấy, không nghe quang cảnh dọc đường. Quý vị đã thấy, cũng nghe, nhưng chẳng ảnh hưởng đích đến của quý vị. Có người trong tình huống mục đích chẳng rõ ràng, chắc là sau khi đã tới Đại Lý, bèn nói: “Thôi được rồi! Chắc là tới Trung Điện cũng giống như thế chớ gì!” Hoặc cảm thấy ngòi xe đúng là khôn đốn quá, bèn nghĩ: “Thôi đi! Vất vả như thế thì chẳng đi nữa!” Cũng có thể là sau khi đến Ly Giang, bèn nói: “Chẳng sai biệt nhiều lắm, cũng bất quá như thế đó”. Cứ như thế, chuyện đến Trung Điện vĩnh viễn đều chẳng làm được! Vì sao? Phát tâm chẳng rõ ràng, chẳng chọn lựa, chẳng hiểu rõ, chẳng thấy thấu triệt. Vì thế, bị cảnh tượng trên đường, dù nghịch hay thuận, thoải mái hoặc chẳng thoải mái, hai pháp ấy làm cho mai một.

Nay chúng ta chuẩn bị nhiều tư lương như thế, là vì lẽ nào? “*Sở vị cầu thử tam-ma-đề*” (Vì cầu tam-ma-đề này). Nếu đây là nguyện vọng của ta, tốt lắm, đối với phong cảnh dọc đường, dù tốt, hay xấu, dù thuận hay nghịch, chúng ta cứ thẳng thừng nhìn ngắm, vì sao? Chẳng trở ngại ngắm nghĩa, chẳng trở ngại hay biết. Dưới tình huống chẳng trở ngại, sẽ tiến thẳng đến mục đích. Người như thế thật sự có oai đức, có trí huệ trong thế gian. Nếu một chuyện là như thế, hai chuyện là như thế, mọi chuyện đều là như thế, người ấy sẽ đắc tự tại lực, tức là chẳng có chướng ngại, có sức tự tại như người tiến nhập cảnh giới không chướng ngại. Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật dạy: “*Bồ Tát thanh lương nguyệt, thường hành tất cánh không*” (Bồ Tát như trăng trong mát, thường hành Không rốt ráo), soi rõ, nhận biết thế gian, chẳng bị trở ngại. Do tâm trí vô ngại, mục đích rõ ràng, chỉ nhằm chiếu sáng thế gian, khiến cho chúng sanh đạt được thanh lương, quang minh, và vui sướng. Làm một người học Phật, nguyện vọng của chúng ta, rốt cuộc là “*vì cầu*” điều gì? Nếu chẳng hiểu rõ ràng, hành xử sẽ như cỏ đầu tường, gió Đông thổi bèn ngã qua phía Tây, gió Tây thổi bèn ngã rạp sang phía Đông, chẳng thể nào không nghiêng ngã! Như thế thì sẽ rất khó đạt được phương tiện.

**(Kinh) Phật pháp thâm thâm nan khả kiến, khai thị Thế Đế linh nhân tri.**

**(經)佛法甚深難可見，開示世諦令人知。**

**(Kinh: Phật pháp rất sâu, khó thể thấy, khai thị Thế Đế cho người biết).**

Cảnh giới vi diệu rộng lớn rất sâu của chư Phật Như Lai, hết thảy phạm thánh chẳng thể suy lường mà biết được. Vì vậy, đức Phật nói đủ loại tỷ dụ theo thể tục để hữu tình phạm ngu trong thế tục, cho đến phạm thánh hữu tình có phương tiện để khéo nhập, nhận biết hồng tham chiếu, tức là “*khai thị Thế Đế linh nhân tri*” (khai thị Thế Đế khiến cho mọi người biết). Sự tham chiếu ấy chẳng phải là chân thật, mà là nói tương tự. Nếu đức Thế Tôn chẳng nói các loại tỷ dụ, các loại pháp, các cách nói tương tự, khiến cho chúng ta nhận biết và tiên nhập, chúng ta sẽ chẳng có cơ hội tiếp xúc. Vì sao? Chẳng hạn như chúng ta mong liễu giải loài cá suy nghĩ như thế nào, nhưng do là con người, chúng ta trải qua một ngàn năm, vạn năm, ngàn kiếp, vạn kiếp, cũng suy nghĩ chẳng thấu tỏ. Tuy có thể dùng các tỷ dụ như cá sống trong nước như thế nào, cảm giác như thế nào, nhưng đều là nói tương tự! Nếu muốn thật sự thấu hiểu, chúng ta chỉ có thể làm một con cá thì mới có thể triệt để thể nghiệm sanh mạng và cảm giác của cá.

Cũng giống như thế, đối với cảnh giới rất sâu vi diệu rộng lớn của chư Phật Như Lai, cho đến thiện xảo trí huệ rộng lớn, oai đức lợi ích rộng khắp thế gian, phạm phu hữu tình, hữu tình có trí, hữu tình thánh nhân, dầu nói cùng tận, giảng giải cùng tận, tư duy cùng tận, tư duy nhiều lượt, tư duy cho đến hết đời vị lai, mọi người đều tập trung cùng nhau tư duy, cũng chẳng thể biết chút phần. Đó là sự chọn lựa, vì sao? Chẳng cùng một tầng cấp, sẽ chẳng thể tương ứng! Trong phạm tình của chúng ta, tâm còn chưa ngưng nghỉ, bị tạo tác lừa dối, chẳng có cách nào biết rõ công đức của hữu tình đã định tâm. Chúng sanh chưa định tâm trong một thế giới, hai thế giới, hay vô cùng thế giới tập trung một chỗ, vẫn chẳng thể biết tâm của một vị Bồ Tát đã định tâm. Vô lượng vô biên hữu tình đều chứng đắc các địa vị Bồ Tát Thập Hạnh, Thập Trụ, Thập Hồi Hướng cũng đều chẳng thể biết tâm trí, cảnh giới, diệu dụng, oai đức, và phước huệ của một vị Sơ Địa Bồ Tát, vì chẳng có cách nào biết, chẳng thể nhận biết. Bất luận chúng ta nói như thế này, như thế kia, nội hàm thực chất vẫn chẳng phải là như thế. Do đó, quý vị tới Ly Giang, đừng suy đoán Trung Điện cũng chẳng khác Ly Giang cho mấy. Tới Đại Lý, cũng đừng suy đoán Ly Giang, chẳng giống nhau đâu nhé! Đối với phong cảnh, chúng ta có thể quan sát như thế, nhưng nói theo sự sai biệt của đạo nghiệp, cũng chắc chắn là như thế.

***(Kinh) Bĩ như tự tánh sơ bất thiên, nhữ đương tùy thuận trí vô ngại. Do nhật nguyệt thiên sơ xuất thời, Đế Thích tá thiên tam thập***

*nhị. Chúng cụ trang nghiêm thật châu phổ, cầu bỉ tam-muội diệt phục nhiên.*

**(經)彼如自性初不遷，汝當隨順智無礙。猶日月天初出時，帝釋佐天三十二。衆具莊嚴實周普，求彼三昧亦復然。**

*(Kinh: Như tự tánh ban sơ chẳng dời, ông nên tùy thuận trí vô ngại. Như khi nhật nguyệt thiên vừa mọc, bả hai thiên phù tá Đế Thích. Các món trang nghiêm đều trọn khắp, cầu tam-muội ấy cũng giống vậy).*

Đế Thích Thiên có ba mươi hai quyền thuộc, mỗi vị thống nhiếp một phương. Kinh Hoa Nghiêm đã miêu tả một tiểu thế giới, bao gồm một núi Tu Di, hai vầng nhật nguyệt, Đao Lợi thiên cung, biển nước thơm v.v... mọi người có thể tìm đọc. Chẳng biết trong các hữu tình hiện tiền, mấy vị có thể liễu giải trạng thái của Đao Lợi Thiên? Nói thông thường, người có Thiên Định có thể đến các cung trời thuộc Sắc Giới và Dục Giới, [sau đó, khi] trở lại [ở trong] nhân loại, phần nhiều chẳng thể chịu đựng nổi! Vì thế, trong quá khứ có nói: Một số người có Thiên Định bèn “*tọa thoát*” (ngồi mà mất), tức là họ chẳng cần sắc thân này nữa! Có khi trong lúc tọa Thiên, cảm nhận sắc thân này nặng nề, thần thức liền thất lạc. Nói “*thất lạc*” tức là tham cầu các cảnh sắc ấy. Vì cảnh sắc trong Dục Giới Thiên, dấu diễn nói cùng cực, dấu là kẻ giàu có tốt bậc trong nhân loại, đều chẳng thể sánh ví được! Rất nhiều người ngỡ chính mình đang sống nơi đô thị phồn hoa, hoặc ở trong hoàn cảnh ưu việt, nhưng đều là chẳng có cách nào sánh bằng cõi trời. Sự sai khác nơi phước đức [giữa thiên cung và nhân gian] khó thể diễn tả hay thí dụ. Sự sai khác nơi thiện xảo [giữa nhân loại và thiên chúng] khó thể diễn tả, tỷ dụ được!

Người hiện thời tâm trí rã rời, phần nhiều chẳng thành tựu tam-muội. Do vậy, chẳng đạt được phương tiện như các hữu tình trong các thế giới khác, càng chẳng đạt được phương tiện thiện xảo như trong các thế giới khác. Vì thế, phần đông mê muội trong cảnh giới hiện tại, phiền não hừng hực, chạy theo nghiệp tập của chính mình, xoay vần trong cơ chế sanh mạng hữu hạn. Phần Đoạn Sanh Tử này kết thúc, chắc là sẽ tạo các nghiệp mới, rồi lại hoàn thành một Phần Đoạn Sanh Tử khác, rất khó

## *Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2*

tiên nhập các thế giới khác, rất khó cảm nhận trạng thái ý thức sanh mạng.

Thông thường, nếu một người đã tiếp xúc chúng sanh hèn kém, sẽ dễ cảm nhận những điều ấy hơn. Chẳng hạn như đa số người sống ở vùng Đông Bắc [Trung Hoa] đều thờ cúng quỷ thần, nhân loại rất dễ thấu hiểu sự kém hèn của các loại quỷ thần ấy. Chúng tôi nêu thí dụ này, mọi người đừng cho là chê trách! Đây là chuyện phát sanh không lâu trước kia. Có một vị cư sĩ tìm tôi, ông ta rất hoang mang, nói: “Ồi trời ơi! Sư phụ ơi! Con gặp một chuyện quá linh thiêng! Cư sĩ X... ở chỗ Y... lập một điện thờ, thờ phụng quỷ thần linh lắm! Tất cả những gì quý vị biết, bất luận ba mươi năm trước, hay ba mươi năm sau, nhà nào, người nào, ông ta đều biết, quả thật là quá linh!” Tôi nghĩ chắc là kẻ bị hồ ly dựa thân, bèn bảo ông ta kể xem ngôi miếu ấy thiết trí như thế nào. Sau đó, hỏi hoàn cảnh sống thông thường của người ấy có phải là thích đào dưới đất thứ chi đó hay không? Vị cư sĩ ấy nói: - Đúng rồi! Nhà ông ta chẳng cần cửa cái, cũng chẳng có cửa sổ. Dưới chân tường đào một cái hang, người khác ra vào cần phải từ dưới bò qua. Thoạt đầu, mọi người tạo cho ông ta một cái cửa, nhưng sau khi tạo xong, ông bèn đóng đinh gắn chặt, chẳng thể theo cửa ra vào được! Đây chính là thói quen [sống trong hang của loài hồ ly]! Có sao con người dễ tiếp nhận sự nhận biết của sanh mạng hèn kém? Vì đối với các thứ hèn kém thô thấp hơn quý vị, phước đức của quý vị lớn hơn chúng nó. Chỉ cần quý vị hơi phóng túng đôi chút, sẽ lẫn lộn với chúng nó, giống như một vật từ chỗ cao rơi xuống sẽ dễ dàng hơn nâng một vật từ dưới thấp lên cao khá nhiều!

Chuyện kiểu này rất phổ biến tại nhiều nơi ở Đông Bắc. Người ta đến cầu đảo, dùng sanh mạng trần quý của nhân loại để cúng dường chúng nó, khiến chúng nó hết sức khoái chí! Giống như chư thiên đến cúng dường chúng ta, chúng ta sẽ có sự cảm nhận như thế nào? Nếu có một vị trời quan tâm quý vị, sẽ giống như chúng ta chăm sóc cún con, mèo bé. Buổi tối, chúng ta mở đèn pin soi, con cún sẽ cảm thấy một cột sáng khá lớn: “Đó là ánh sáng gì vậy? Chẳng thể nghĩ bàn!” Đối với chúng nó mà nói, chắc chắn là chẳng thể nghĩ bàn! Chúng ta cho chúng nó thức ăn ngon, đồ vật để ngủ yên, là vì chúng ta có rất nhiều thứ, tất cả các thứ thuận tiện đều có thể thiết trí cho chúng nó. Làm sao chúng nó nghĩ ra phước báo của chính mình do đâu mà có, chỉ con người là có thể tạo tác cho chúng nó. Có khi, một vị trời đến chiếu cố chúng ta, [thể hiện các điều kỳ diệu] như tướng sáng, hương màu nhiệm, tâm trí điều nhu,

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

và cảm nhận thù thắng màu nhiệm, thiện duyên rộng lớn, tâm trí thông dong, đều hiện tiền, nhưng quý vị thường chẳng tưởng tượng được vì sao có sự thiện xảo tăng thượng to ngàn ấy? Sẽ giống như một người mười phần oai đức đến chăm sóc một kẻ nghèo mạt rệp, kẻ nghèo mạt rệp rất tự nhiên được thoải mái, có thể thỏa mãn các nhu cầu hiện tiền của chính mình. Giống như vậy, nếu chúng ta thờ cúng các sanh mạng hèn kém, sẽ rất dễ mười phần tương ứng với chúng nó, tức là nếu quý vị muốn sống giống như mèo, chó, giữ giới của mèo, giới của chó, sẽ rất dễ dàng hòa nhập!

Tại một thánh địa của Ấn Độ Giáo, chúng tôi thấy mấy gã ngoại đạo trần truồng bôi đầy tro than. Trong sự tu trì của bọn họ, tro bụi được coi là Bồ Thí trong tu trì Lục Ba La Mật. Tức là dùng tro thiêu xác người chết để bôi đầy thân thể của chính mình, hòng giảm bớt tướng vi tế nơi sắc thân của chính mình. Vì sau khi bôi tro, thân thể con người sẽ thô ráp giống như da ngựa, da trâu. Đó là tu trì gì vậy? Tu trì sao cho có trạng thái và cảm giác giống như động vật. Cách tu theo kiểu ấy đâm ra dễ dàng, vì chẳng cần nhờ vào bất cứ thứ gì. Trong Tạng truyền Phật giáo, có cách tu được gọi là “*đệ nhất bố thí*”, tức là buông bỏ hết cả những thứ mình có, dùng tro đất để che xấu, chống lạnh, ngăn ngừa côn trùng. Nay chúng ta cần trang phục, đức Thế Tôn đối với trang phục đã đúng lý xem xét kỹ càng, cho rằng y phục giúp cho nhân loại tôn nghiêm, ngăn ngừa loài trùng gây hại, chống đỡ mưa gió, chống đỡ rét lạnh, cho đến chống đỡ nóng bức.

Trang phục dấy lên tác dụng như thế, ở đây, [ngoại đạo] dùng tro để giải quyết vấn đề. Giống như chư thiên gia trì, nếu là sức tam-muội gia trì chúng ta, chúng ta cũng phải có chủng tử trong tâm địa, tức là phước đức tương ứng. “*Cầu bỉ tam-muội diệc phục nhiên*” (Cầu tam-muội ấy cũng giống như vậy): Trong phần trước đã nói đủ loại cúng dường, ở đây, nêu ra chư thiên để làm thí dụ, mục đích vẫn là cầu tam-muội này.

***(Kinh) Thí như Phạm thiên xử chúng Phạm, oai nghi tịch tĩnh công đức viên.***

**(經) 譬如梵天處梵衆，威儀寂靜功德圓。**

***(Kinh: Như Phạm Thiên giữa các Phạm chúng, oai nghi tịch tĩnh, công đức trọn).***

Trong hết thảy các chúng sanh thuộc về thiện pháp, Phạm Thiên Vương tôn quý, thù thắng nhất, oai đức trang nghiêm, trọn đủ diệu tướng. Nếu Đế Thích ở trước mặt Phạm Vương, sẽ lộ rõ dáng vẻ rất xấu xí, thô kệch; nhưng nhân loại chúng ta nếu đem so với Đế Thích, cũng chẳng có cách nào sánh bằng. Dầu hình tướng của một sợi lông nơi thân chúng ta cũng đều chẳng có cách nào sánh bằng ông ta. Quý vị nói “lẽ nào con người kém cõi như vậy ư?” Nếu như đem con kiến so sánh với con người, con kiến cũng chẳng có cách nào so sánh với chúng ta. Đó là nói so sánh. Vì sao hiện thời sanh mạng của nhân loại thuộc trạng thái không ngừng đi xuống? Quả thật là do lòng kiêu mạn của chúng ta. Cảm giác “*chính mình ưu việt*” của con người càng ngày càng mạnh; đúng là cái tâm kiêu mạn dần dần tổn giảm cơ thể, cơ chế, nhân duyên bề ngoài của sự sanh tồn, và sức khỏe nội tại của chúng ta. Vì thế chúng ta kiêu mạn, trời đất sẽ tổn giảm chúng ta, bản thân chúng ta cũng đang tiêu hao chính mình.

*(Kinh) Dũng mãnh tinh tấn bất khả xưng, bỉ cầu tam-muội diệc như thị.*

**(經)勇猛精進不可稱，彼求三昧亦如是。**

*(Kinh: Dũng mãnh tinh tấn chẳng thể nói, người cầu tam-muội cũng như vậy).*

Phạm Thiên thành tựu thiện pháp tôn quý, thành tựu tinh tấn, ở trong các Phạm chúng (chư thiên thuộc cõi trời Đại Phạm) rất chẳng thể nghĩ bàn! Đức Thế Tôn chứng đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, dẫn một ngàn hai trăm năm mươi vị tỷ-kheo du hóa các nước. Có một lúc nọ, đến nước Xá Vệ; khi đó, cha Ngài trông thấy liền rơi lệ, nói: “Đức Thế Tôn đã đích thân chúng Vô Thượng Bồ Đề, diệu tướng trang nghiêm, thân như vàng ròng. Cớ sao quyền thuộc nhếch nhác như thế?” Vì trong một ngàn hai trăm năm mươi vị tỷ-kheo, phần nhiều là thủ lãnh của ngoại đạo, hay quyền thuộc của ngoại đạo, tuy theo đức Phật đã chứng đắc A La Hán quả, nhưng nghiệp tập từ vô thủy đến nay che lấp, in dấu quá sâu. Do nghiệp tướng như thế, tướng mạo phần nhiều chẳng đẹp đẽ, chẳng phải là tướng cơm nhom, xám xịt, vàng vọt, thì cũng là hình tướng tiêu tụy, như các ngoại đạo thờ lửa, thân thể đều khô khan, vàng vọt. Khi đó, Tịnh Phạn Vương bèn đề nghị, mỗi gia đình trong tộc Thích Ca chọn ra một người nam đẹp nhất đi xuất gia, hòng khiến cho Tăng

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

đoàn của Phật Thích Ca trang nghiêm trọn đủ, khiến cho chúng sanh trong thế gian an lạc. Vì sao nói đến chuyện này? Nhằm nói nghiệp báo sai biệt quá lớn! Dầu chúng quả, nghiệp từ quá khứ vô thi vẫn còn che lấp chúng ta.

Trong cơ chế của nhân loại, trong tam giới, tức Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới, có đại thiện xảo, tức là thiện xảo trong chọn lựa, nhưng có khuyết điểm to lớn, tức là hiện thời thọ mạng của nhân loại quá ngắn. Ba ngàn năm trên cung trời Đâu Suất là năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm trong nhân gian, làm sao có thể so sánh cho được? Người hiện thời thọ trăm tuổi, thì trong năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm đó, phải chịu luân hồi sanh tử khổ nạn bao nhiêu lần? Bao nhiêu đời thọ thai, mang thai, sanh ra, trưởng thành, tử vong, tuần hoàn chẳng ngừng như thế? Có đau khổ hay chẳng? Nếu người hiện thời thọ năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm, chúng ta ngồi đây chờ Phật Di Lặc [giáng thế] là được rồi, chẳng cần dùng pháp chi khác! Chủ yếu là chẳng thể so sánh tương tự được, nhân loại dễ nảy sanh tự kiêu mạn, chẳng dễ biết “*sanh tử vô thường*” như đức Thế Tôn đã dạy, sẽ dường như cảm thấy chẳng liên quan gì với mình, tự hồ chẳng liên quan với vô thường, nhưng vô thường thường xuyên bức bách quý vị. Những người già suy, các bệnh nhân ung thư, họ thật sự biết vô thường là gì. Đối với lời dạy “*hôm nay còn sống, khó bảo toàn ngày mai*” của đức Thế Tôn, sẽ cảm nhận mười phần rõ rệt.

“*Dũng mãnh tinh tấn bất khả xưng*” (Dũng mãnh, tinh tấn chẳng thể nói): Công đức do Phạm Thiên đã chúng do vậy mà có. Ông ta có diệu tướng trang nghiêm như thế, có oai đức như thế, còn chúng ta giải đãi chẳng thể nói được! Trong một ngày, chúng ta có bao nhiêu ý niệm? Mà trong các ý niệm ấy, lại có bao nhiêu ý niệm là rõ ràng, trí huệ, sáng suốt? Có bao nhiêu ý niệm điên đảo, bất đắc dĩ? Nếu chúng ta có thể tính toán, dầu chỉ tính được số lượng ý niệm thì cũng khá lắm rồi. Nếu không, đúng là ngày qua ngày luống uổng, sau này sẽ hối hận!

***(Kinh) Hựu như y vương xử thế gian, cấp thí bệnh giả chúng diệu dược. Tùy thuận chư Phật thanh tịnh tâm, sơ vị tăng ly bốn Không tánh.***

**(經)又如醫王處世間，給施病者衆妙藥。隨順諸佛清淨心，初未曾離本空性。**



***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

*(Kinh: Lại như y vương trong thế gian, ban thuốc nhiệm mầu cho người bệnh. Tùy thuận chư Phật tâm thanh tịnh, chưa hề lìa tánh Không vốn có).*

Chúng sanh là người bệnh. “*Tùy thuận chư Phật thanh tịnh tâm*”: Đó là vị thuốc tốt lành nhất. Tùy thuận quả địa giáo chính là vị thuốc triệt để nhất. Đúng là có vô lượng vị thuốc, nhưng có thuốc chẳng thể trừ tận gốc chứng bệnh. Trong ba loại tâm Bồ Đề, Vô Thượng Bồ Đề tâm có thể trừ tận gốc bệnh của hết thầy chúng sanh. Thanh Văn Bồ Đề tâm và Duyên Giác Bồ Đề tâm có thể trừ chút phần, hoặc nhiều phần bệnh nạn cho chúng sanh. Tứ sanh cứu hữu trong thế gian, trong tam giới, đều là bệnh nhân, bệnh gì vậy? Từ trong các pháp, vốn chẳng có trần nhiễm, mà hư vọng tự nhiễm trần, luân hồi trong sáu nẻo, chẳng thể tự dứt, chẳng thể không chế được!

“*Tùy thuận chư Phật thanh tịnh tâm, sơ vị tăng ly bốn Không tánh*” (Tùy thuận cái tâm thanh tịnh của chư Phật, từ thoát đầu chưa hề lìa khỏi tánh Không vốn có): Tuy chúng ta tùy thuận cái tâm thanh tịnh của chư Phật Như Lai, nhưng xét theo cái sẵn có để nói, chúng ta chưa từng lìa khỏi cái tâm thanh tịnh ấy! Đây thật sự là lời nói hy hữu! Các vị thiện tri thức ơi! Thật sự phải khéo tư duy, khéo quan sát, chúng ta sẽ lãnh hội được câu nói này.

Thuốc được bố thí thật sự là thứ ta sẵn có. Sự khỏe mạnh được bố thí thật ra vẫn đang sẵn có. Nhưng nếu chẳng có quá trình tùy thuận ấy, cái “*sẵn có*” như chúng ta vừa nói chỉ là nói suông, hư vọng, là kiêu mạn và tà kiến.

*(Kinh) Thí như Tuyết sơn, chư sơn vương, vĩ diệp đồng ư Chuyển Luân đế. Diệc như bảo liên diệu trang nghiêm, bỉ kiến chư Phật chúng tướng mãn. Hựu do hộc vương tuyết minh bạch, xử không tự tại vô ngại du. Như thị chư Phật kim sắc thân, Thế Tôn chân tử như tư niệm.*

**(經)譬如雪山諸山王，燁燁同於轉輪帝。亦如寶輦妙莊嚴，彼見諸佛衆相滿。又猶鵠王絕明白，處空自在無礙遊。如是諸佛金色身，世尊真子如斯念。**

*(Kinh: Ví như núi Tuyết, các núi chúa, rặng rờ giống như Chuyển Luân Vương. Cũng như xe báu diệu trang nghiêm, trông thấy chư Phật*

tương viên mãn. Lại như học chúa<sup>23</sup> tuyết trắng sạch, tự tại vô ngại lướt hư không. Thân chư Phật sắc vàng như thế, chân Phật tử nghĩ nhớ như vậy).

Dùng các cảnh mà các loài chúng sanh thuộc Tục Đê trông thấy để làm tỷ dụ, muốn khiến cho chúng ta sanh khởi tín tâm nương cậy và tùy thuận quyết định đối với chư Phật Thế Tôn. Do muốn thấy chư Phật, chỉ có đối với Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội mà có một nguyện vọng mãnh liệt, chân thật, rõ ràng như thế, chúng ta mới có cơ hội đích thân chứng đắc!

*(Kinh) Vô cầu tam-muội tịnh trí đẵng, năng phá đại minh chư hắc ám. Bĩ trừ nhất thiết chúng vật tướng, niệm chư Phật trí vô ngại quang. Chư cầu tiêu diệt vô sân độc, vô minh thanh tịnh diệu trí nhân. Nhược năng quán thị vô tự tha, bĩ chung vô hữu chư sắc tướng.*

**(經)無垢三昧淨智燈，能破大冥諸黑暗。彼除一切衆物想，念諸佛智無礙光。諸垢消滅無瞋毒，無明清淨妙智人。若能觀是無自他，彼終無有諸色相。**

*(Kinh: Đền tịnh trí vô cầu tam-muội, phá trừ các hắc ám đen kịt. Ai trừ hết thấy tướng mọi vật, nghĩ chư Phật trí quang vô ngại. Tiêu diệt các cầu, chẳng sân độc, là người diệu trí, sạch vô minh. Nếu quán rõ chẳng có ta, người, sẽ trọn chẳng có các sắc tướng).*

Thấy sắc, phá sắc. Từ trong vô sắc mà thấy chư Phật, cho nên “chẳng chấp Sắc, chẳng hoại Sắc” là phương tiện hành pháp. Trông thấy sắc mà không giữ lại gì; đó là phương tiện để thấy Phật. Khá nhiều người hành Ban Châu, do hai pháp chấp tướng và sợ tướng mà bị trở ngại. Người chấp tướng hề thấy tướng bèn cho là có cái để đạt được, sau đó bị trở ngại. Kẻ sợ tướng liền chẳng dám thấy tướng, cũng bị trở ngại trong tu pháp. Vì thế, cứ một đường mà đi, quang cảnh hai bên đường cứ mặc tình đối diện, nhất định chớ nên đắm nhiễm chúng, mà cũng chớ nên hoại sắc. Nếu hoại sắc, tức là sợ sắc. Như thế cũng chẳng được thấy Phật, sanh ra Đoạn Kiến xấu ác!

<sup>23</sup> Học là tên một loài chim, thuộc họ Thiên Nga, bay rất cao, cổ dài, sắc trắng muốt.

*(Kinh) Vô nghi hoặc trung tịnh trí sanh, tất năng đoạn tư chur Hữu Kiến.*

**(經)無疑惑中淨智生，悉能斷斯諸有見。**

*(Kinh: Do chẳng nghi hoặc, tịnh trí sanh, tất đoạn trừ các Hữu Kiến ấy).*

Mọi người trong quá trình tu tập pháp, khi trao đổi, sẽ có khá nhiều cái gọi là “*chur Hữu kiến*”, hoặc là chấp vào ngoan không, hoặc cho là có sắc, hoặc cho là có thức, hoặc là vô thức, cũng có nghĩa là hai loại Biên Kiến Đoạn Diệt và Thường Kiến đã “*ăn mòn*” khá nhiều hữu tình, còn kẻ có kiến giải thanh tịnh hiếm hoi, tức là các tri kiến bình đẳng, thanh tịnh, vô nhiễm, vô chấp. Các tri kiến ấy là do một niệm vừa chuyển mà hình thành, từ trong thức tâm lưu xuất đối đãi, tổn hại tâm trí thanh tịnh của chúng ta. Cái gọi là “*thức tâm*” chính là phân biệt thức, nó kiến lập vô lượng vô biên pháp tắc, nhưng thật ra đều là pháp tắc của phàm ngu!

*(Kinh) Diệt dĩ diệt vong ám giới tướng, văn pháp trừ não, đắc thanh lương.*

**(經)亦已滅亡陰界想，聞法除惱得清涼。**

*(Kinh: Cũng đã diệt mất ám giới tướng, nghe pháp trừ não, đạt thanh lương).*

“*Ám giới*”: Sắc, Thọ, Tướng, Hành, Thức được gọi là Ngũ Ám; sau này, còn được dịch là Ngũ Uẩn. Trước thời pháp sư Huyền Trang, dịch theo lối cũ là Ngũ Ám, [còn dịch theo lối mới (cách dịch do ngài Huyền Trang đề xướng) thì là Ngũ Uẩn], như trong Tâm Kinh có câu “*chiếu kiến ngũ uẩn giai không*”, cũng có khi dịch là “*chiếu kiến ngũ ám giai không*”. Lại như kinh Lăng Nghiêm nói về năm mươi ám vực, thật ra là năm mươi uẩn vực. Phương pháp phiên dịch sai khác, nhưng nội dung chẳng khác, đều là bị Sắc, Thọ, Tướng, Hành, Thức năm giới ấy nhiếp trì. Vì trong Sắc Giới, tất nhiên là bị năm sự tướng thuộc về cảm nhận là Thọ, Tướng, Hành, Thức ấy nhiếp trì, hoặc dính chặt vào đó, hoặc sợ hãi trong đó, hoặc mờ mịt trong đó, trong ba pháp là thiện, ác, hay vô ký đều bị vướng mắc, bị hạn chế ở trong ấy.

Giới (界) có nghĩa là “*chẳng thể vượt qua*”. Chúng ta đến sân bay, trạm xe lửa, hay trạm xe hơi, đều có nhận biết, thường có thể trông thấy một cái cửa thủy tinh lớn: Chúng ta có thể nhìn xuyên qua, nhưng chẳng đi qua được. Vì sao? Có một tầng ngăn cách, bất luận là tầng ngăn cách ấy trong suốt hay không. Có người có thiện pháp, chẳng hạn như giải ngộ một pháp, nhưng tuy có giải ngộ, chẳng thể vượt qua giới ấy, tức là chẳng thể bẻ gãy các pháp tắc khác. Khá nhiều người nói: “Tôi hiểu rõ đạo lý này”, nhưng vẫn có cái giới hạn ấy, chẳng có sức để vượt qua, giống như ruồi bọ đâm vào kính vậy, nói chung là chẳng thể xuyên qua! Vì sao? Do chẳng có phương tiện đối với pháp, nào có biết pháp nhằm mở cho chúng ta một cái cửa để ra vào. Vì thế, rất nhiều người vì pháp mà bị cách ngăn, vì chẳng hiểu mà bị cách ngăn, vì chẳng có pháp mà bị cách ngăn, vì nghiệp tướng chấp trước mà bị cách ngăn v.v... chướng ngại nhân duyên hiện tiền của chính mình, chẳng thể tự thoát ra.

Âm giới có lẽ là một vấn đề mà người kinh hành Ban Châu, hoặc người niệm Phật, người học Phật đều phải nên chú ý. Chúng ta thường quan sát sẽ biết. Rất nhiều người nói: “Tôi hiểu rõ đạo lý này, nhưng chẳng sử dụng được!” Cũng giống như nói: “Tôi thấy các thứ bên ngoài, nhưng chẳng thoát ra được”. Vẫn là bị trở ngại. Chướng ngại ấy ở chỗ nào? Quý vị phải giải quyết. Nếu chẳng giải quyết được, chuyện hiểu rõ đạo lý này đâm ra trở thành thủy tinh, thành phương tiện trở ngại quý vị ra vào tự tại, giao lưu rộng lớn.

*(Kinh) Tỳ-kheo đương tri chư Phật tử, cập dĩ thanh tịnh tỳ-kheo-ni. Bĩ ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, nhược năng niệm thứ, đắ tam-muội.*

**(經)比丘當知諸佛子，及以清淨比丘尼。彼優婆塞優婆夷，若能念此得三昧」。**

*(Kinh: Tỳ-kheo nên biết các Phật tử, cùng với thanh tịnh tỳ-kheo-ni, các ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, nếu niệm điều này, đắ tam-muội).*

Những điều được nêu ra trên đây, vẫn là hy vọng chúng ta sẽ đích thân chứng tam-muội, hướng tới tam-muội, đọc tụng giáo điển tam-muội này sẽ có sự quy y chọn lựa rõ ràng, cũng như tuân theo pháp tắc.

**17. Phẩm thứ mười ba: Hiện Tiền Tam-muội Trung Thập Pháp Bát Pháp**

*(Kinh) Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh quyển đệ ngũ.  
Hiền Hộ Phần Hiện Tiền Tam-muội Trung Thập Pháp Bát  
Pháp phẩm đệ thập tam.*

**(經)大方等大集賢護經卷第五。**

**賢護分現前三昧中十法八法品第十三。**

*(Kinh: Kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ, quyển thứ năm.  
Hiền Hộ Phần. Phẩm thứ mười ba: Mười Pháp và Tám Pháp  
Trong Hiện Tiền Tam-muội).*

Mười pháp hay tám pháp là các yêu cầu cơ sở của đức Thế Tôn đối với sự trao đổi, giải nói Ban Châu tam-muội. Trong pháp bản này, đức Thế Tôn đã cụ thể, rõ ràng bày ra pháp tắc tu tập như thế nào, pháp tắc thành tựu trọn đủ như thế nào, cho đến nói các yêu cầu cơ sở để trao đổi với người khác và thực hiện như thế nào. Ở đây, chúng ta hãy xem nội dung cụ thể của tám pháp và mười pháp.

*(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn phục cáo Hiền Hộ Bồ Tát ngôn: -  
Hiền Hộ! Nhược hữu tỳ-kheo, nhạo dục tu tập thử tam-muội giả, tiên  
đương tư duy bỉ vô tướng tướng.*

**(經)爾時，世尊復告賢護菩薩言：「賢護！若有比丘，樂欲修習此三昧者，先當思惟彼無相想。」**

*(Kinh: Lúc bảy giờ, đức Thế Tôn lại bảo Hiền Hộ Bồ Tát rằng: -  
Này Hiền Hộ! Nếu có tỳ-kheo ưa thích tu tập tam-muội này, trước hết  
hãy nên tư duy vô tướng tướng).*

“Tiên tư duy bỉ vô tướng tướng” (Trước hết, hãy tư duy vô tướng tướng), đây là điều quan trọng hàng đầu. Trong duyên khởi của hết thảy các pháp, nếu chẳng dùng “pháp không có tự tánh” làm duyên khởi, vậy thì người ấy tu theo tri kiến của ngoại đạo, người ấy hành pháp ngoại đạo, chẳng thể chứng Bồ Đề Phần theo giáo ngôn Bồ Đề của đức Thế Tôn. Vì sao? Đây là chỗ khác biệt căn bản giữa người học tập Phật pháp chúng ta và tri kiến ngoại đạo. Chẳng hạn như trong Biên Kiến, trong tri kiến đối lập, sẽ chẳng có cách nghĩ vô tướng. Hết tư duy bèn nảy sanh các loại tà kiến như đoạn diệt hay ngoan không. “Vô tướng tướng” thật sự là vô nhiễm tướng, vô trước tướng (tướng không chấp trước), mà cũng là thiện xảo vô tự tánh tướng.

**(Kinh) Ký tư duy dĩ, ngã mạn bất sanh.**

**(經)既思惟已，我慢不生。**

*(Kinh: Đã tư duy rồi, chẳng sanh ngã mạn).*

Vì trọn chẳng có các tướng để có thể đạt được, cho nên chẳng có pháp đối đãi có thể sanh, mạn tâm chẳng thể được, cái tâm ty tiện cũng sẽ mất đi, tâm trí bình đẳng tự nhiên thuần thực. Do vậy, thấy Phật chẳng khó, như nước lạng soi vật, tự nhiên chẳng khó. Nhưng trong thời Mạt Pháp, phần nhiều là tâm con người bị kiêu mạn che khuất, ngăn chặn.

**(Kinh) Hiền Hộ! Trừ mạn cao dĩ, tâm ý thái nhiên.**

**(經)賢護！除慢高已，心意泰然。**

*(Kinh: Này Hiền Hộ! Đã trừ ngạo mạn, kiêu căng, tâm ý thanh thản).*

Vì sao vậy? Bình đẳng, an tường, thơ thới, tâm đã hiểu rõ. Tà kiến kiêu mạn che lấp hữu tình, giết chết đạo đức và thiện căn của con người rất nhanh chóng. Rất nhiều vị xuất gia học Phật, hoặc tại gia Bồ Tát khiến cho người khác rất tiếc nuối vì đã đánh mất sự tôn trọng đối với chính mình và đối với người khác trong hiện tiền, đánh mất sự cung kính như thật, cũng như sự cung kính xa lìa hý luận. Có người biến tôn trọng trở thành hý luận, trở thành một vật chẳng thật. Đó là đã đánh mất trân bảo ngay trong hiện tiền, [trân bảo] chính là tất cả lợi ích rộng lớn nơi y báo và chánh báo trong hiện tiền. Nếu đúng như thật tôn trọng bằng cái tâm cung kính, bình đẳng thủ hộ, ngay trong hiện tại sẽ là trân bảo. Đây chính là một liều thuốc chống mục nát. “*Chẳng cung kính*” chính là mục nát, nhưng vị thuốc ấy có thể khiến vật mục nát hóa thành trân bảo chẳng ngoài một sát-na, chẳng lìa khỏi bản thể. Các vị thiện tri thức ơi! Chúng ta kết giao với kẻ khác, cùng ở với người khác, cùng tham học với người khác, thí giáo cho người khác, cho đến hướng về người khác xin chỉ dạy, nếu chẳng dùng cái tâm cung kính, chân thành, kẻ ấy sẽ chẳng đạt được thành tựu. Đó là chỗ trân bảo tồn tại.

**(Kinh) Viễn ly chúng tướng.**

**(經)遠離衆相。**

*(Kinh: Xa lìa các tướng).*

Tức cái được gọi là “*tâm trí thanh tịnh bình đẳng*”. Đây là chỗ đặt đại ma-ni bảo. Thanh tịnh bình đẳng có thể xuất sanh hết thảy các công đức.

*(Kinh) Nhĩ thời, tức ưng vị tha tuyên thuyết như thị tam-muội.*

**(經)爾時，即應爲他宣說如是三昧。**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, hãy nên vì người ấy lập tức tuyên nói tam-muội như thế).*

Khi tuyên nói tam-muội cho người khác, nếu có nhân tướng, ngã tướng, chúng sanh tướng, hoặc nếu có kiêu mạn, sẽ khó thể trao đổi pháp này. Trước kia, tôi tiếp xúc khá nhiều người chưa học tập pháp tắc này, và những người nghi hoặc pháp này, vì sau khi họ trông thấy những kẻ kinh hành Ban Châu mà tâm kiêu mạn, tự đại, bèn sanh khởi lòng ngờ vực, hối hận. Đương nhiên cũng có các chúng sanh do bản thân có tâm kiêu mạn, ghen tỵ mà tự nảy sanh chướng ngại cho chính mình. Khi hai thứ vấn đề ấy đã chín muồi, sẽ sanh ra báng pháp, nghi pháp, cho đến gặp pháp mà chẳng muốn hành, chẳng muốn biết rõ hậu quả xấu ác như thế. Do vậy, chúng ta quán các tướng vô tướng, xa lìa kiêu mạn, sanh tâm chân thành, bình đẳng, như thế thì trao đổi tam-muội với người khác sẽ có ý nghĩa, người khác sẽ cảm thấy thân thiết, đáng mến, chân thật, tương ứng. Nếu dùng cái tâm kiêu mạn để trao đổi pháp tắc với người khác, thật sự sẽ tổn hại thế gian, lừa dối, làm nhục thế gian, lừa dối làm nhục loài hữu tình khác, vì mọi người vốn sẵn đủ công đức ngang bằng với chư Phật, chỉ là xét theo phương diện đầy khởi tác dụng thì có sai khác, có gì quý vị kiêu mạn? Đó là chuyện mười phần trọng yếu khi tuyên nói tam-muội này, mà cũng là một điều kiện quan trọng hàng đầu!

Tôi nhớ khi sắp mở pháp hội Ban Châu lần thứ nhất, rất nhiều người hỏi tôi về vấn đề sắp đặt cúng dường. Tôi nói: “Hiện thời, hết thảy đại chúng đều có tư cách cúng dường chư Phật, tán thán pháp tắc này, nhưng không có bất cứ một ai có thể tiếp nhận sự cúng dường ấy. Nếu nói nhờ vào nhân duyên của cá nhân tôi để tiếp nhận sự cúng dường ấy rồi hỏi thí cho Tam Bảo, hỏi thí cho pháp tắc, tôi sẽ bằng lòng làm một sứ giả như vậy. Làm một người hầu thì tôi làm được, nhưng nếu nói ‘cúng dường tôi’ thì không được”. Sau đó, thực hiện một pháp hội cúng

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2**

dường, mọi người dùng đủ loại vật chất để cúng dường, cúng dường bằng lễ bái, tán thán, cúng dường bằng niệm tụng để tán thán pháp tắc này tồn tại và được lưu truyền trong cõi đời, tán thán lòng từ bi và oai đức của chư Phật Thế Tôn, quả thật là chẳng có người nào trong chúng ta đáng nên tiếp nhận vật cúng dường. Nếu trong chúng ta có người đích thân chứng tam-muội, hoặc như thật an trụ trong tam-ma-ba-địa, tôi nhất định sẽ cực lực đề cử mọi người cúng dường người đó. Vì sao vậy? Nương theo vị thành tựu ấy sẽ đạt được thiện xảo, sẽ rất dễ dàng khế nhập tam-muội.

Trong pháp tắc này, vì sao chúng ta chẳng dám tiến một bước lớn? Trong ấy, có một điều là vì thiện căn và phước đức của người trong thời đại này chẳng đủ, pháp duyên chẳng đủ. Nếu dễ dãi truyền bá rộng khắp, sẽ tạo thành cơ chế xấu ác khiến cho kẻ khác báng pháp, nghi pháp. Vì thế, hiện thời dùng kiểu hành trì một ngày một đêm làm chánh yếu, dần dần tiếp nối thành thực như thế, sẽ có thể khiến cho thân tâm của mọi người có chỗ y chỉ, có chỗ y chỉ đối với pháp tắc, có thiện xảo tiến nhập. Như thế thì sẽ có thể lợi ích rất nhiều trời, người, cho đến chẳng thể nghĩ bàn hữu tình trong thế gian. Nếu chúng ta có các thứ bộp chộp, chẳng tương ứng, hay kiêu căng, sẽ có các pháp tắc “nói năng chẳng phù hợp thực chất”, cho đến gây nguy hại hoặc ngăn che pháp này, thậm chí hủy diệt sự tồn tại của pháp môn này trong thế gian! Do đó, đối với pháp này, nếu chẳng thuận theo kinh giáo, chẳng thuận theo pháp tắc do các vị thiện tri thức thành tựu trải các đời truyền lại, chúng ta sẽ rất khó như thật truyền bá, đánh mất kinh điển như thế để y chỉ, hoặc liễu giải nên trao đổi như thế nào!

*(Kinh) Bất ưng khởi tránh. Thị trung, vân hà danh vi Tránh dã? Sở vị vọng tưởng phi hủy, tức báng w Không, danh vi Tránh dã.*

**(經)不應起諍。是中，雲何名為諍也？所謂妄想誹毀，即謗於空，名為諍也。**

*(Kinh: Chớ nên dấy lên tranh chấp. Trong ấy, thế nào là “tranh chấp?” Tức là vọng tưởng phi báng, hủy báng, tức là báng bỏ đối với Không, thì gọi là tranh chấp).*

Tánh của các pháp vốn là Không, chẳng có trần nhiễm, chẳng có một pháp để có thể thành. Kẻ chẳng tương ứng với tâm trí như vậy, sẽ có



tâm tranh chấp. Nếu ai đã chứng đắc Vô Tránh tam-muội, sẽ đối với hết thảy thế gian đều có thể bao dung, bình đẳng thủ hộ. Vì sao vậy? Do tâm trí chẳng vướng mắc, chẳng đối đãi. Trong khi tu nhân, A Di Đà Phật dùng Vô Tránh tam-muội làm căn bản để thủ hộ, làm cội gốc để quy kết ba thứ thế nguyện căn bản, tức là Vô Tránh, có nghĩa là Không, Vô Nhiễm, Vô Trước, bình đẳng một vị. Tam-muội ấy chẳng lìa bản thể của hết thảy hữu tình. Quý vị nói: “Tôi vận dụng tham, sân, si, mạn, nghi, tri kiến chẳng chánh đáng, đấm nhiễm đủ thứ tri kiến điên đảo, vậy thì có quan hệ gì với tam-muội này cơ chứ?” Chính là từ ngay nơi bản thể, quý vị chẳng nhận biết, lầm tưởng nghiệp tướng hiện tiền của chính mình, thật sự chẳng biết nghiệp tướng ấy quả thật vô sở đắc, được sanh bởi duyên duyên. Nếu dùng trí huệ môn để quan sát, sẽ biết [nghiệp tướng] như mộng, như huyễn, thành thực trong hiện tiền, duyên diệt [nghiệp tướng] liền diệt, trọn chẳng có gì để đạt được. Nếu nhìn theo bản chất, hễ duyên duyên sanh khởi, tức là tam-muội sanh khởi.

Lựa chọn ở chỗ này hết sức ít ỏi! Vậy thì làm như thế nào? Trước hết, dùng Vô Tránh để cảm động loại hữu tình ấy. Vì thế, trong khi tu nhân, A Di Đà Phật đã phát ra thế nguyện, dùng Vô Tránh để thực hiện thủ hộ thanh tịnh, hoặc nói là duyên khởi thanh tịnh, thuận tánh phát khởi thế nguyện thiện xảo rộng lớn, muốn độ thoát hết thảy chúng sanh, thành tựu Bồ Đề, hoặc lìa hết thảy các khổ, đạt được hết thảy lạc. “*Lạc*” ở đây là sự tín thuận pháp tánh do tương ứng chân thật, đạt được sự an lạc rộng lớn và trí chẳng thể nghĩ bàn. Nhưng nếu chẳng tương ứng, sẽ sanh ra đủ thứ va chạm, đối đãi, thương tổn. Cho nên nói: “*Trái nghịch tánh, sẽ có nhiều tổn hại*”. Sự tổn hại ấy đúng là vô ích. Chư Phật Như Lai bất quá là tướng trang nghiêm, tướng chân thật, tướng oai đức, tướng trọn đủ trong biển pháp tánh tịch diệt, khiến cho kẻ khác mong mỏi, hướng đến, như thế mà thôi! Nhưng bọn phàm phu chúng ta yếu kém, ty tiện, các tướng khiến cho con người đau khổ thật ra chẳng qua là các tướng vụn vặt, vụn vẹo, đối khác, mê mât, nhưng vẫn chẳng rời biển tịch diệt, chẳng lìa pháp tánh. Do vậy, chẳng có nhân duyên trong sát-na, chưa hề có hữu tình nào có thể lìa khỏi biển Chân Như pháp tánh. Điều này chân thật chẳng dối. A Di Đà Phật đích thân chứng tâm trí vô tránh như thế, cho nên chiếu mười phương cõi chẳng bị chướng ngại, quyết định là hết thảy chúng sanh “*văn ngã danh hiệu, câu lai ngã sát*” (nghe danh hiệu của ta, đều đến cõi nước của ta). Vì sao vậy? Tâm trí như thế, oai đức như thế, bản chất như thế, nguyện lực như thế, khẳng khẳng nhiếp thọ chúng sanh cùng tội vị lai chẳng bỏ như thế! Vì tự tánh phát

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

tâm chân thật tương ứng, chân thật thành tựu, chẳng sợ hãi, cho đến tốt đời vị lai đối diện với vô lượng chúng sanh chẳng hề sợ hãi, đối trước hữu tình dầu ngu độn, ương bướng cách mấy vẫn chẳng hề sợ hãi, khiến cho họ được độ thoát. Vì thế, thực hiện giáo ngôn thanh tịnh sư tử hồng rộng lớn, oai đức nhiếp phục hết thảy hữu tình trong thế gian, hiện oai đức lớn đến tận cùng Kim Cang Tế<sup>24</sup>, độ thấu triệt tướng vô gián, ban cho hết thảy chúng sanh lợi ích rất ráo. Sự lợi ích ấy chính là do đức Thế Tôn thủ hộ thế nguyện căn bản này, bền dần phát lợi ích chẳng thể nghĩ bàn cho hết thảy phàm thánh. Nếu nghĩ bàn, quý vị sẽ rất khó tương ứng, vì chẳng có gì để khế hợp!

“*Tức báng ư Không, thị vi Tránh dã*” (Tức là báng bỏ cái Không, đó gọi là Tranh Chấp): Trước kia, khi được tiếp xúc ba thế nguyện trong khi tu nhân của A Di Đà Phật, tôi đã nói: “Có sao người thế gian tuyên truyền giáo ngôn của A Di Đà Phật trái nghịch với ba thế nguyện ấy?” Nêu ra một thế nguyện, chẳng nói nội dung cụ thể của thế nguyện, chỉ nói tướng bên ngoài. A Di Đà Phật lập một thế nguyện là rộng tu tập hết thảy các pháp, lợi lạc hết thảy chúng sanh. Danh tự của tam-muội-da thế nguyện chẳng phải là như thế, nhưng nội dung là như thế, tức là phải tu tập hết thảy các pháp tắc, bất luận là Phật pháp hay ngoại đạo, phải lợi lạc hết thảy chúng sanh, bất luận là loài côn trùng nhỏ nhít, cho đến hữu tình ngu si, thậm chí kẻ phỉ báng, hủy diệt Phật pháp, A Di Đà Phật Thế Tôn đều dùng sức oai đức để nhiếp thọ, hộ trì, tức là sức oai đức vô úy, sức oai đức chẳng đối đãi, sức oai đức vô tránh, vận dụng thuận theo pháp tánh, sức oai đức triệt để biết rõ “*các tướng chẳng phải là tướng*”. Vì thế, kẻ phỉ báng, ngò vục cũng chẳng tạo thành nghiệp phỉ báng thật sự. Vì sao vậy? A Di Đà Phật triệt để đập tan tướng hư giả, tướng biến huyễn, vô thường ấy. Trong hết thảy chúng sanh, Ngài đã chọn lựa pháp tắc căn bản thuộc về tâm trí vô lượng thọ, vô lượng quang. Nếu chẳng chọn lựa pháp tắc căn bản ấy, chúng sanh trong chín pháp giới vẫn là chín pháp giới. Vì sao? Mọi người ở yên nơi nghiệp tướng của chính mình, chẳng thể tự thoát ra được, coi nghiệp là thật, dùng nghiệp để thủ hộ. Như thế thì làm sao có thể lợi ích rộng khắp mười phương?

---

<sup>24</sup> Theo Tăng Nhất A Hàm Kinh, Kim Cang Tế chính là nền tảng của đại địa. Một thế giới được hình thành trong hư không (gọi là hư không luân), trên hư không luân có phong luân. Trên phong luân có thủy luân, trên thủy luân có địa luân. Nền tảng của địa luân được gọi là Kim Cang Tế.

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

Thiền Đạo đại sư cũng nói “*chuyên phục chuyên*” (đã chuyên lại càng chuyên hơn), nhưng ngụ ý phía sau “*chuyên phục chuyên*” chính là phương tiện “*thâm nhập một pháp*”, chẳng phải là phỉ báng hay ngờ vực các pháp khác, chẳng phải là không lợi ích các loài hữu tình khác, chẳng phải là bài xích các loài hữu tình khác! Tuyệt đối chẳng phải là như thế, chỉ là nói: “*Kẻ sơ học muốn đạt được lợi ích, hãy nên chuyên phục chuyên*”. Vậy thì đạt được lợi ích hiện tiền, tùy thuận thế nguyện của Phật, chính là công đức hiện tiền của người “*chuyên phục chuyên*”. Họ sẽ không nói lời bài xích một loại pháp nào, hoặc hướng tới loại nào, thủ hộ loại nào! Nếu có thân hay sợ, làm sao có thể tương ứng với “*chiếu thập phương quốc vô sở chướng ngại*” (chiếu mười phương cõi nước, chẳng bị chướng ngại) của A Di Đà Phật cho được? Do vậy, Vô Trách hết sức trọng yếu. Trong tu hành pháp môn Tịnh Độ, nếu chúng ta chẳng lý giải phương pháp dụng tâm này, sẽ biến pháp môn Tịnh Độ thành một pháp môn chết cứng, hoặc một pháp môn đang giãy chết, hoặc trở thành một thứ pháp môn hẹp hòi, hèn kém. Do vậy, sẽ có rất nhiều người chẳng muốn tu tập pháp này! Lại bàn về Ban Châu tam-muội, càng cảm thấy “đó là chuyện của thánh nhân”. Nhưng chúng ta xem kinh này, từ đầu đến cuối tuyên nói đều là “*tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di đều nên yêu thích pháp này, chứng thực pháp này, rộng tuyên pháp này, đọc tụng kinh giáo, đích thân chứng lợi ích*”. Chỗ nào cũng đều tuyên nói như thế, chẳng có đoạn văn tự nào nói loại thánh nhân nào thì mới có thể hành pháp!

Chúng ta chớ nên tranh chấp với kẻ khác, thế gian vốn vô tránh (chẳng tranh chấp), thế gian vốn chẳng đối đãi. Trong xuất thế và nhập thế, phạm phu chọn lựa pháp đối đãi. Nếu chúng ta chọn lấy “tranh chấp”, sẽ đọa vào tâm trí phạm phu, sẽ lưu chuyển trong nghiệp duyên phạm phu. Chúng ta đừng nên vọng tưởng “ai phạm, ai thánh”. Phạm hay thánh chẳng có địa vị đâu nhé! Quý vị nói: “Tôi mê mất trong nghiệp vô minh, ngu si, điên đảo, chẳng phải là phạm ư?” Đúng thế, nhưng quý vị chớ nên cưỡng chấp cái nghiệp ấy, địa vị ấy (phạm phu) cũng chẳng thể nói nó thuộc về quý vị! Chỉ là một thứ nghiệp tướng tiếp nối, thế nhưng nghiệp tướng vô ngã. Các vị thiện tri thức ơi! Khi chúng ta chẳng nhận biết nghiệp tướng vô ngã, sẽ cho rằng đó là danh tự ngã, vô thường ngã, nghiệp tướng ngã, phiền não ngã, tập khí ngã, nam nữ ngã, sắc thân ngã. Các cái Ngã ấy đều hư hoại, đều là một thứ tướng nhân duyên biểu lộ pháp vô ngã đó thôi. Nếu cho đó là ngã, đúng là đã nhận làm pháp tác, sẽ bị lưu chuyển vô cùng!

(Kinh) Hiền Hộ! Thị cố, bỉ tỳ-kheo dĩ vô tránh cố, đương năng tu học, vị tha tuyên thuyết thử tam-muội dã.

(經)賢護！是故，彼比丘以無諍故，當能修學，爲他宣說此三昧也。

(Kinh: Nay Hiền Hộ! Vì thế, vị tỳ-kheo ấy do vô tránh, hãy nên tu học, vì người khác tuyên nói tam-muội này).

Nếu tranh luận với người khác, sẽ rất khó trao đổi pháp tắc này. Người khác khen ngợi cũng thế, phi báng cũng thế, dầu nói theo kiểu xấu hèn, chúng ta cũng chớ nên có đối đãi. Vì sao? Sự tương vô ngã, có sao quý vị đắm nhiễm? Pháp tắc là “vô nhân tướng, vô ngã tướng”; chúng ta thuận theo pháp tắc, sẽ có thể thành tựu. Nhưng nếu thuận theo nhân, ngã, sẽ là đi ngược đường. Nêu một thí dụ, chẳng hạn như dọc theo hai bờ Trường Giang có rất nhiều ao, hồ. Nước trong hồ này có thể nói nước của hồ kia “chẳng phải là nước của Trường Giang”, mà nước hồ kia cũng nói nước hồ này “cũng chẳng phải là nước của Trường Giang”. Vì thế, khi chúng ta muốn nói một pháp tắc, bèn nói pháp tắc ấy, mọi người đều tùy thuận pháp tắc ấy, quy vào trong pháp tắc ấy, sẽ được pháp tắc ấy chuyên chở, đạt được lợi ích, mà những lời lẽ ở ngoài pháp tắc ấy sẽ trở thành vô ý nghĩa!

Chúng ta nói theo “nhân, ngã, đúng, sai”, sẽ che lấp pháp tắc, lãng phí sanh mạng của chính mình ngoài pháp tắc. Chúng ta tùy thuận một pháp tắc, sẽ vượt khỏi tranh chấp “ta, người”, vì mỗi người đều có sở trường của chính mình, mà cũng đều có sở đoản, đều là có tướng biến hóa thị phi, tướng phạm thánh biến hóa. Điều này có thể tương ứng với cơ chế pháp tắc trên tổng thể, mà cũng có thể chẳng tương ứng. Nếu tương ứng, chúng ta sẽ tùy thuận pháp tắc. Nếu chẳng tương ứng, chúng ta sẽ ở ngoài pháp tắc, mê muội trong nghiệp tướng của chính mình. Chúng ta chẳng thể dùng nghiệp tướng của người khác, hoặc nghiệp tướng của chính mình để mê hoặc chính mình, hay mê hoặc người khác. Đó mới gọi là “kẻ đáng thương xót” trong Phật pháp. Đối với những kẻ đó, phải nên khai thông, hướng dẫn họ trở lại dòng pháp trong Phật pháp, tiến nhập biên trí nguyện của chư Phật, triệt để đạt được giải thoát, chẳng bị hủy diệt, chẳng bị khô cạn.

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

Chẳng hạn như chúng ta đến vùng Vũ Hán, có thể thấy hai bên Trường Giang đặc biệt nhiều ao, hồ. Quý vị có thể nói đó là nước của Trường Giang hay là không? [Nếu nước trong ao hay hồ] chảy thông vào Trường Giang thì là nước Trường Giang. Chẳng thông với Trường Giang thì là nước ao chuôm. Nghiệp tướng của mỗi chúng sanh chúng ta giống như nước trong ao chuôm, hoặc nước trong một cái chậu. Nước ô trược, nước chẳng sạch, hay nước sạch, nước thải công nghiệp, nước thải từ gia đình, nước kiêu nào cũng đều có, nhưng nếu đổ vào Trường Giang, sẽ đều chảy ra biển cả. Đó là điều chắc chắn. Quý vị nói sợ một chút nước của chính mình ô nhiễm biển cả, biển cả rồi cuộc tốt bậc mệnh mông, có thể dung nạp, tiêu trừ đôi chút ô trược ấy. Đối với chuyện này, chúng ta hãy nên yên lòng, đừng sợ chính mình có thể nhuộm bản biển cả, chúng ta cũng chẳng có bản lãnh ấy! Có kẻ sợ nước bản của kẻ khác sẽ nhuộm bản biển cả. Quý vị cũng đừng sợ, nó rồi cuộc đều đổ vào biển. Do biển cả tâm trí rộng lớn, không gì ngăn che được, do biển dung nạp hết thảy, quý vị sợ nỗi gì? Vì thế, chúng ta đừng sợ hữu tình ngu độn, ương bướng, hữu tình tội ác, hữu tình điên đảo, giống như khơi ngòi dẫn nước ra sông, tất nhiên sẽ đổ vào biển cả, chúng ta có thể tiêu trừ nghiệp tướng của họ. Yên tâm đối với chuyện này là được rồi! Nếu vẫn nhất định nói người như thế này sẽ chẳng được như thế nào đó thì thật ra cũng cần chẳng phải nói đến ai khác. Chính quý vị cũng chẳng khác biệt cho mấy! Rất nhiều người nghĩ kẻ khác chẳng tốt lành như thế nào đó, thật ra chính mình cũng tệ hại y hệt như thế ấy! Nếu chẳng phải vậy, sao lại sống trong cùng một thời đại? Có sao chẳng sống trong thời đại đức Phật còn tại thế? Quý vị nói chính mình nương theo nguyện mà đến, càng phải nên thương xót các hữu tình! Chúng ta phải nên quán kỹ. Pháp vô tránh rất trọng yếu!

*(Kinh) Hiền Hộ! Hữu chư thiện nam tử, thiện nữ nhân, nhược dục tu học, vị tha giải thích thử tam-muội giả.*

**(經)賢護! 有諸善男子善女人, 若欲修學, 爲他解釋此三昧者。**

*(Kinh: Đây Hiền Hộ! Có các thiện nam tử, thiện nữ nhân, nếu muốn tu học, vì người khác giải thích tam-muội này).*

Đức Thế Tôn từng bước hướng dẫn chúng ta liễu giải pháp tắc thành tựu và tướng thành tựu của tam-muội này, cho đến trao đổi pháp tắc với người khác. Người tế nhị và chu đáo không ai hơn đức Thế Tôn, đúng là Ngài có đại ân đức đối với chúng ta, thật sự là cha mẹ của Pháp Thân huệ mạng, là cha mẹ dưỡng dục đạo đức của chúng ta.

***(Kinh) Ứng đương cụ túc thành tựu thập pháp, nhiên hậu vị tha giải tư tam-muội.***

**(經)應當具足成就十法，然後爲他解斯三昧。**

***(Kinh: Hãy nên thành tựu đầy đủ mười pháp, sau đấy, sẽ vì người khác giải thích tam-muội này).***

Quý vị nói: “Nay tôi chưa trọn đủ mười pháp, có thể giải thích cho người khác hay không?” Đức Thế Tôn nói: Khi quý vị muốn giải thích cho người khác, trước hết, hãy xem và học mười công đức, mười loại pháp này. Đó là nhờ vào lời của người khác để chứng lợi ích của pháp tắc trong Phật pháp cho bản thân. Vì thế, hết thấy đều chẳng lìa pháp tắc.

Khi tôi vừa mới tiếp xúc giới tỳ-kheo, đọc Tứ Phần Luật Tạng<sup>25</sup> một lượt, toàn thân mướt mồ hôi, vì có cảm giác đức Thế Tôn chưa từng

---

<sup>25</sup> Tứ Phần Luật (Dharmagupta-Vinaya) là Luật Tạng theo Pháp Tạng Bộ, còn gọi là Đàm Vô Đức Luật, hay Tứ Phần Luật Tạng. Bộ luật này gồm sáu mươi quyển, do ngài Ưu Ba Quật Đa truyền thừa. Đàm Vô Đức là phiên âm của Dharmagupta (Pháp Tạng Bộ). Gọi là Tứ Phần Luật vì gồm có bốn phần: 21 quyển đầu là giới tỳ-kheo, 16 quyển kế tiếp là giới tỳ-kheo-ni, phần thứ ba gồm các kiền độ (khandhaka) thuộc về pháp tắc an cư, tự tứ v.v... gồm 12 quyển, phần cuối cùng là các quy tắc về phòng xá, cũng như các điều lật vật khác. Theo cách lý giải truyền thống, bộ luật này được kết tập khi tôn giả Ưu Ba Ly trùng tụng giới luật tám mươi lần, giao cho Ca Diếp, A Nan, rồi truyền cho các vị Thương Na Hòa Tu, Mạt Điền Địa, Ưu Ba Quật Đa v.v... Do thoạt đầu chỉ là ghi nhớ truyền khẩu, bộ luật này về sau được ghi thành văn bản bởi bộ phái Pháp Tạng Bộ, cho nên được gọi là Đàm Vô Đức Luật. Bộ luật này được dịch sang tiếng Hán bởi hai vị Phật Đà Da Xá và Trúc Phật Niệm. Tứ Phần Luật được coi là bộ luật trọng yếu để truyền trì giới luật cho Phật giáo Bắc Tông. Đa số các trường phái Luật Tông của Trung Hoa hoàn toàn nghiên cứu Tứ Phần Luật, hoặc dùng Tứ Phần Luật làm cơ sở chính yếu để biện định giới pháp. Các vị luật sư như Huệ Quang, Đạo Tuyên (tổ sư sáng lập Nam Sơn Luật Tông) đều phán định luật này thuộc về Đại Thừa. Tác phẩm Tứ Phần Luật San Phiên Bồ Khuyết Hành Sự Sao của ngài Đạo Tuyên được coi là sách gối đầu giường cho những ai nghiên cứu Luật Tông theo truyền thống Phật giáo Bắc Tông.

## ***Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

lìa khỏi chúng ta. Thích Ca Mâu Ni Phật Thế Tôn cho đến Câu Lưu Tôn Thế Tôn, Câu Na Hàm Ma Ni Thế Tôn, Ca Diếp Thế Tôn, bốn vị Phật trong Hiền Kiếp chưa từng rời khỏi chúng ta. Các vị Thế Tôn trước Hiền Kiếp cũng chưa hề rời khỏi chúng ta. Các Ngài dùng đủ loại thân tướng, đủ loại âm thanh, đủ loại pháp tắc, chẳng ngừng thí giáo cho mọi người. Nếu quý vị đọc Tạng Kinh, nhất là những kinh mà người xuất gia cần phải đọc, sẽ mười phần có ý nghĩa. Quý vị sẽ cảm thấy rất bình thường, rất chân thật, rất gần gũi. Trước kia, cảm thấy cách biệt các vị A La Hán thuở đức Thế Tôn tại thế quá xa, khoảng cách hơn hai ngàn năm quá lớn; nhưng khi đọc Bát Thập tụng của tôn giả Ưu Ba Ly, cảm thấy mười phần thân thiết, bất cứ khoảng cách nào cũng đều chẳng có! Dầu chúng ta vận dụng cái tâm phàm phu, dung tục, vẫn chẳng cảm thấy có khoảng cách, huống hồ quý vị còn là hữu tình phát tâm dũng mãnh, trì giới thanh tịnh, thiện căn sâu dày! Vì thế, tôi vẫn hy vọng mọi người thâm nhập kinh điển, có thể đọc nhiều thì thật sự vẫn phải đọc. Niệm Phật thì hãy siêng niệm Phật, kinh hành Ban Châu thì hãy chăm kinh hành, kinh giáo vẫn phải đọc!

Trước kia, khi tôi mới ở trong núi, có nỗi sợ hãi “giải quyết vấn đề ăn uống như thế nào?” Về sau, thường gặp các vị xuất gia sư phụ hỏi tôi chuyện này: “Thầy sống trong núi thì chuyện ăn uống làm như thế nào?” Tôi nói: “Tôi không biết. Đây chẳng phải là chuyện của tôi!” “Chẳng phải chuyện của thầy thì là chuyện của ai chớ?” Tôi nói: “Có người lo”. “Ai lo?” “Phật!” Ai lo? Bồ Tát lo! Ai lo? Hộ pháp lo! Trời, người hộ pháp mà! Đó là thệ nguyện của họ. Khi quý vị thật sự hành Phật sự, chẳng có chỗ nào cố kỵ, chẳng sợ hãi chi hết! Trước kia, tôi ở nhiều nơi rất heo lánh, tuyệt đối chẳng có chuyện chết đói, trừ phi quý vị chẳng học Phật. Mà cũng chẳng gặp duyên trái nghịch, trừ phi quý vị tạo tác duyên trái nghịch.

Nay chúng ta tụ hội như thế này, mà nếu chẳng có cơ sở để hành pháp thì cũng chẳng thể được! Đối với pháp hội này, tôi một mực nói điện đường chẳng lớn, chẳng nhỏ, vừa khít, lớn chẳng được, nhỏ chẳng được. Lớn cũng chẳng mở được, nhỏ cũng chẳng mở được. Có long thiên hộ pháp, đúng không? Nếu chẳng được hộ trì, chúng ta đúng là một ngày cũng chẳng ở được. Nếu chẳng phải là trong bốn tháng an cư, có chư Phật, Bồ Tát hộ niệm và chiếu cố, chúng ta sẽ chẳng thể ngồi nổi. Quý vị thấy có bao nhiêu ngoại duyên quấy nhiễu. Trong các ác duyên từ vô thủy đã chín muồi của chúng ta, đúng là nhiệt nã! Chuyện này, chuyện nọ, một trăm tám mươi người đều giảng kéo quý vị, chẳng biết

khi nào sẽ lôi phất quý vị đi, cũng chẳng biết bị tóm đến chỗ nào! Nhưng do nguyện vọng an cư rõ ràng, Phật, Bồ Tát gia trì rõ ràng, chúng ta thông dong ngồi ở đây, tránh khỏi hơi nóng của trời Hè xâm hại, kể như đó là sự cảm nhận lớn nhất nơi thân thể đó chẳng? Chúng ta chẳng cần dùng quạt tay, quạt điện, máy điều hòa thổi ào ào chi hết, tối thiểu là khỏi bị nóng mà! Có phước đức ấy, đúng không? Trong tương lai, nếu đạo tràng này xây dựng thành quy mô [chứa được] năm trăm người, nếu năm trăm người tránh nóng, quy mô to cỡ nào? Chẳng dùng máy điều hòa, đỡ tốn bao nhiêu điện? Vì quốc gia sáng tạo bao nhiêu của cải? Vậy thì nếu là một ngàn người, một ngàn năm trăm người, ba ngàn người thì sao? Dầu là đến tránh nóng, vẫn là phước báo!

*(Kinh) Hà đẳng vi thập? Sở vị: Nhất giả, bỉ chư thiện nam tử, thiện nữ nhân, tiên tôi ngã mạn, khởi cung kính tâm.*

**(經)何等爲十? 所謂: 一者、彼諸善男子善女人, 先摧我慢, 起恭敬心。**

*(Kinh: Những gì là mười? Tức là: Điều thứ nhất, các thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy trước hết dẹp tan ngã mạn, dậy lòng cung kính).*

Tâm cung kính vẫn được đặt thành điều đầu tiên. Tôi đã gặp một chuyện, ký ức tới nay hãy còn như mới. Có một pháp sư tới chỉ đạo hành pháp Ban Châu, [nơi đó] vốn là một đạo tràng gia đình rất tốt. Mọi người kính hành rất tốt. Có người dâng nhà ra, có người cúng dường thức ăn, mọi người dốc hết sức để duy trì đạo tràng gia đình hành pháp Ban Châu ấy. Nhưng vị pháp sư ấy tới đó, lỗ mũi hình lên trời, vừa đến bèn nói: “A! Mấy người mở cuộc họp đi”. Sau đó, [sự đưa ra yêu sách] thứ nhất là, thứ hai là, thứ ba là... Người khác thấy vị đó kiêu mạn như thế: “Quên đi, chúng ta chẳng hành Ban Châu nữa! [Hành xử] kiêu đó là phá Ban Châu, chúng ta không kính hành nữa!” Trước hết, chủ nhân căn nhà nói: “Các người muốn kính hành Ban Châu thì phải trả tiền thuê nhà, một tháng là bao nhiêu đó”. Tiếp đó, vị Bồ Tát cúng dường thức ăn nói: “Ồ dào! Quý vị ai kính hành Ban Châu thì người đó tự mình bới com theo nhé!” Sau đó, người hộ quan nói: “Ái chà! Tôi còn phải làm việc, không chăm sóc quý vị nổi đâu!” OK! Đạo tràng ấy kết thúc luôn! Sự chỉ đạo của vị pháp sư ấy cũng “viên mãn!” Viên mãn gì vậy? Kiêu mạn! Sau đây, có mấy vị cư sĩ hỏi tôi: “Vì sao vị pháp sư X... kiêu mạn cỡ đó?” Tôi đáp: “Người chẳng tự biết đấy mà! Chắc là mắt nhìn quá



cao, rất dễ thấy người khác có rất nhiều điều chẳng đúng pháp”. Lỗ mũi hình lên trời, vừa nói với người ta, kết quả là một đạo tràng hành pháp rất tốt đẹp, một đạo tràng đã có rất nhiều người kinh hành phải giải tán như thế đó!

Do vậy, trò chuyện với người khác, chúng ta phải chân thành, phải tôn trọng. Như tôi đề ra ba điều cho Hằng Dương Am: Tôn trọng, bao dung, trao đổi ý kiến. Nếu làm được ba điều ấy, đạo tràng này sẽ lành mạnh, sẽ có ý nghĩa. Nếu không trao đổi ý kiến, chẳng tôn trọng, mà cũng chẳng bao dung, sẽ chẳng thể duy trì được. Vì sao? Vì mọi người chẳng muốn biết nội dung tôn trọng, bao dung, chẳng muốn biết cơ sở để giao tiếp. Đức Thế Tôn là người biết ơn ắt báo. Sau khi thành đạo, Ngài đứng làm bạn với cây Bồ Đề bảy ngày, chăm chú nhìn cây Bồ Đề, sanh lòng cảm kích, nói: “Phàm là đệ tử của ta, phải nên lễ kính cây này. Vì sao? Do cây này đã cho ta tăng thượng duyên bất thoái thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề”. Những cây chung quanh đều là tăng thượng duyên thành tựu đạo nghiệp cho chúng ta, chúng ta có nên lễ kính chúng bảy ngày hay không?

Trong đoạn văn tự này, đức Thế Tôn đã giảng giải cho chúng ta biết “vì người khác giải nói tam-muội này như thế nào?” Hãy nên trọn đủ pháp tắc như thế nào để giải thích cho người khác? Nếu chúng ta chẳng muốn giải thích pháp tam-muội này cho người khác, trong tâm chúng ta có chướng ngại như thế nào? Trên thực tế, khi giải nói, chúng ta có thể thoát khỏi chướng ngại và sự hạn cuộc trong ý thức của chính mình. Nếu có thể nương theo pháp để giải thích, tự nhiên sẽ tùy thuận giáo ngôn của Phật Đà, tự lợi và lợi tha sẽ có thể như thật hiện tiền.

Ngã mạn sẽ che lấp sự thành thực trong tâm trí Bồ Đề, vì cái tâm cung kính là cái gốc của hết thảy các pháp, mà cũng là căn bản của tâm trí Bồ Đề. Nếu chẳng có tâm cung kính, tâm Bồ Đề sẽ chẳng có gì để thuần thực. Nếu chẳng có tâm Bồ Đề, hết thảy các pháp dùng gì để thành tựu? Vì thế, tâm cung kính là điều quan trọng hàng đầu trong hành pháp, cầu pháp, và chứng pháp của hết thảy các pháp. Từ sơ phát tâm cho đến khi thành Phật, chúng ta đều chẳng lìa khỏi Bồ Đề tâm, mà tâm cung kính chính là tầng biểu hiện ngoài cùng của Bồ Đề tâm. Nếu chẳng có “lớp vỏ bọc”, hoặc “tầng biểu hiện” ấy, Bồ Đề tâm sẽ chẳng hoàn thiện, chẳng chân thật. Trong tu tập pháp tắc của Hán truyền Phật giáo, mọi người đối với chuyện huân tập, huân luyện, hoặc tự mình thể nghiệm cái tâm cung kính khá ít. Tâm cung kính hoàn toàn chẳng phải là có biểu hiện cung kính theo kiểu ủy khuất. Điều chủ yếu nhất là từ nội tâm dẫn

phát sự tôn trọng như thật, thủ hộ như thật, truyền đạt như thật đối với pháp tắc. Điều này mười phần trọng yếu. Trong giáo dục “*quân quân, thần thần, phụ phụ, tử tử*”<sup>26</sup> của Trung Hoa, thật ra cũng là xoay quanh sự cung kính. Tâm cung kính là nhu cầu căn bản của hết thảy chúng sanh, bất luận là nghèo hay giàu, là phàm hay thánh, là xuất gia hay tại gia, học Phật hay không học Phật, tôn trọng lẫn nhau là một cơ chế giáo dục nền tảng nhất! Nếu chúng ta nhận thức chẳng đủ đối với điều này, sẽ rất khó tương ứng với chín pháp kế tiếp!

**(Kinh) Nhị giả, tri ân bất vong, tâm thường niệm báo.**

**(經)二者、知恩不忘，心常念報。**

**(Kinh: Hai là tri ân chẳng quên, tâm thường nghĩ báo đáp).**

Chúng ta thường nói “*thượng báo tứ trọng ân*”, tức là ân sư trưởng, ân cha mẹ, ân quốc độ, ân chúng sanh, [ngoài ra, còn có] ân Tam Bảo. Người xuất gia còn có ân của đàn-na thí chủ v.v... Các ân ấy đích xác là trọn khắp mỗi thời khắc trong cuộc sống của chúng ta, dưỡng dục sanh mạng của chúng ta. Mỗi chỗ, mỗi thời khắc trong y báo và chánh báo của chúng ta đều biểu hiện tràn trề nội dung cụ thể của các ân ấy. Như cơm áo của người xuất gia, cho đến tất cả các vật dụng, đều là ân của thí chủ. Ân sư trưởng, ân Phật, ân Tam Bảo được biểu hiện qua cơ chế giáo dục, dưỡng dục Pháp Thân huệ mạng của chúng ta. Đối với các vị tại gia Bồ Tát, bốn trọng ân ấy cũng tồn tại rõ ràng.

Hành pháp Ban Châu, nếu tâm chẳng biết ơn, ắt sẽ thường sanh đủ loại trạng thái tâm lý chẳng tương ứng, vì cái tâm cảm ân sẽ là một loại tâm lý mười phần điều nhu, khiêm thuận. “*Biết ân, báo ân*” là một chủ đề trọng yếu hàng đầu trong Phật giáo, là một điều tất yếu phải liên tục thủ hộ trong Phật pháp. Khá nhiều người nói chính mình học Phật mà chẳng hề có động lực, tu hành chẳng có động lực. Cũng có không ít kẻ học Phật hoặc người xuất gia sau dăm ba năm tinh thần sa sút, chẳng tu

---

<sup>26</sup> Đây là một câu nói nổi tiếng trích từ thiên Nhan Uyên trong sách Luận Ngữ: “*Tề Cảnh Công vấn chánh ư Khổng Tử, Khổng Tử đối viết: Quân quân, thần thần, phụ phụ, tử tử. Công viết: Thiên tai! Tín như quân bất quân, thần bất thần, phụ bất phụ, tử bất tử, tuy hữu túc, ngô đắc nhi thực chi!*” (Tề Cảnh Công hỏi Khổng Tử về đường lối cai trị. Khổng Tử đáp: “Vua ra vua, bầy tôi ra bầy tôi, cha ra cha, con ra con” Cảnh Công nói: “Lành thay! Nếu vua chẳng ra vua, bầy tôi chẳng ra bầy tôi, cha chẳng ra cha, con chẳng ra con, dẫu có nhiều lương thực, cũng chẳng ăn được!”)

*Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2*

tập và thủ hộ pháp tắc. Vì sao? Do chẳng có tâm tri ân, báo ân. Nếu thật sự liễu giải ân đức của chư Phật, Bồ Tát đối với chúng ta, nguyện vọng mong chứng tam-muội của chúng ta sẽ mười phần bức thiết, mười phần chân thật duy trì.

*(Kinh) Tam giả, tâm vô y trước, diệt vô tật đó.*

**(經)三者、心無倚著，亦無嫉妒。**

*(Kinh: Ba là tâm chẳng dựa dẫm, mà cũng chẳng ghen tỵ).*

Không nắm níu cao thấp, chuyên hành một pháp, thâm nhập thực tiễn, do đích thân chứng đắc Thập Phương Chư Phật Tát Giai Hiền Tiền tam-muội, cho nên nói “*tâm vô y trước*” (tâm chẳng dựa dẫm). Hiện thời, sự tu tập pháp này tồn tại phổ biến một vấn đề to lớn, tức là trạng thái tâm lý thay đổi thất thường, chính là so bì lẫn nhau. Người thế tục so bì còn có thể tha thứ được, chứ so bì trong Phật pháp sẽ thường là tự khen mình, báng bỏ người khác, hoặc nẩy sanh tâm lý “đứng núi này trông núi nọ”, hoặc là ghen tỵ, hoặc là tâm thượng mạn, hoặc là tâm nắm níu, đủ mọi loại tâm như thế đều sẽ sanh khởi. Như thế thì cơ hội tu trì thực tiễn, như thật của chúng ta sẽ mất đi trong hiện duyên của chính mình.

*(Kinh) Tứ giả, trừ đoạn nghi hoặc, cập chư chướng ngại.*

**(經)四者、除斷疑惑，及諸障礙。**

*(Kinh: Bốn là trừ dứt nghi hoặc, và các chướng ngại).*

Chướng ngại của chúng ta thường được biểu hiện qua ba phương diện: Phiền Não Chướng, Nghiệp Chướng, lại còn có Báo Chướng. Báo Chướng theo thân cùng đến (tức là sanh ra đã có). Nghiệp Chướng thì trong quá trình tồn tại sẽ không ngừng tăng mạnh hơn, hoặc yếu bớt đi. Phiền Não Chướng cũng giống như thế. Mọi người còn khá thường nói đến hai loại chướng nữa là Sở Tri Chướng và Phiền Não Chướng. Bất luận nói là ba chướng hay hai chướng thì trong ấy, Phiền Não Chướng khiến cho tâm trí tịch tĩnh của chúng ta chẳng được an lạc, Sở Tri Chướng khiến cho tâm trí Vô Thượng Bồ Đề của chúng ta chẳng thể tùy thuận thành tựu.

Trong cuộc đất Hán truyền Phật giáo sôi nổi, Sở Tri Chướng thường lừng lẫy hơn Phiền Não Chướng, vì [người học Phật] thường la

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2**

cà khá nhiều sách vở và pháp môn, hoặc nhân duyên rất phức tạp, chẳng sàng lọc, chọn lựa, vàng thau lẫn lộn. Do vậy, ngã chướng khá nhiều duyên khởi thanh tịnh, duyên khởi viên mãn, và duyên khởi chân thật để tu tập các pháp.

**(Kinh) Ngũ giả, thâm tín bất hoại, hệ niệm tư duy.**

**(經)五者、深信不壞，繫念思惟。**

**(Kinh: Năm là tin sâu chẳng hoại, hệ niệm tư duy).**

Trong Phật pháp, nói “bất hoại” chẳng phải là Thường Kiến, mà là thủ hộ Tứ Tín, tức tin Phật, tin Pháp, tin Tăng, và tin Giới, do tin vào công đức chân thật của những thứ ấy. Sự “chân thật” ấy chính là nói [lòng tin ấy] có thể như thật lợi ích rộng khắp thế gian. Đối với công đức chân thật lợi ích rộng khắp thế gian của Phật, Pháp, Tăng, và Giới, bèn tin sâu, chẳng nghi, thường chú tâm tư duy, như thật quan sát. Đó chính là “thâm tín bất hoại”. Nếu chúng ta học Phật, bất luận xuất gia hay tại gia mà rời lìa lòng tin sâu xa ấy và sự quan sát đối với Tam Bảo và giới pháp, sẽ đọa nhập trạng thái tâm lý hoặc sanh mạng chẳng phải là Phật giáo đồ! Trong thời đại này, chúng ta cũng phải mười phần không ngừng luyện tập quán thông điều thứ năm này.

**(Kinh) Lục giả, tinh tấn cần cầu, kinh hành vô quyện.**

**(經)六者、精進勤求，經行無倦。**

**(Kinh: Sáu là tinh tấn siêng cầu, kinh hành chẳng mệt).**

Tại Hằng Dương Am, đích xác là hành pháp Ban Châu đã thực hiện đến mức cố tánh cách liên tục nhất định. Đối với nhận thức về tri kiến của pháp tắc, mọi người cũng liên tục không ngừng thâm nhập. Hiện thời, thông qua học tập kinh điển, có thể khiến cho chúng ta lựa chọn càng thêm cặn kẽ, chân thật. Đối với chuyện học tập kinh điển, không chỉ là người hiện thời chẳng coi trọng cho lắm, kể từ khi giáo pháp của tổ sư được truyền bá rộng rãi tại Trung Hoa cho đến nay, chuyện tu tập và thủ hộ kinh văn là một nhược điểm khá lớn của Hán truyền Phật giáo. Nếu nay chúng ta có thể nương theo pháp bản, nương theo giáo ngôn trực tiếp của Phật Đà, chẳng tăng giảm mà tu tập, sẽ đạt được đại phương tiện.

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

Có thể tin lời Phật, đó là đại phước báo. Nhưng trong Hán truyền Phật giáo, sự nhận thức của chúng ta đối với cơ chế giáo ngôn trong kinh điển thường là bị chiết khấu! Chúng ta tin lời người khác, tin lời thiện tri thức, thế nhưng đối với chuyện trực tiếp vận dụng lời Phật dạy đâm ra lại rất ít. Như các giáo ngôn về Tổng Trì Đà La Ni và Như Lai Tạng Tánh trong kinh Viên Giác, cơ bản là có tánh chất khấu quyết, tức là chẳng dùng lý giải. Nếu cứ cưỡng ép lý giải, đâm ra chẳng thể sử dụng được! Vì lẽ nào? Trong sự lý giải nơi tâm trí của phàm phu, dùng tư duy có thể nghĩ bàn của chúng ta để xử lý một phen, khiến cho nó biến thành sự ô nhiễm trong tâm thức của chính mình. Đó là một thứ ý thức biến hình đối với lời Phật, là tướng chân thật dễ dàng thâm nhập pháp giới, hoặc là lợi ích chân thật dễ dàng đích thân chứng đắc pháp tắc. Điều này thật sự đòi hỏi chúng ta phải không ngừng tu tập.

Pháp Ban Châu chẳng có kỹ xảo chi khác, chỉ là khiến cho chúng ta từ trong cái vốn chẳng sanh diệt, vốn chẳng đắm nhiễm, vốn chẳng đau khổ, vốn chẳng thất niệm, vốn chẳng có phiền não hay không phiền não, vốn chẳng có hôn trầm hay không hôn trầm, mà tiêu trừ hôn trầm, tiêu trừ phiền não, tiêu trừ đau khổ, tiêu trừ đói lạnh. Sự tiêu trừ ấy thật ra là quan sát nghiệp tương tự nhiên tiếp nối, phương pháp rất đơn giản. Trong khẩu quyết ba chữ, phía sau “*lập một niệm, đoạn các tướng*”, thêm vào “*vật niệm*” (đùng nghĩ), tức là chẳng thêm vào sự hay biết, chẳng trầm trệ, chẳng thuận theo, tùy thuận tương ứng với thế nguyện, quan sát rõ ràng, chẳng dính mắc, chẳng chấp, chẳng sợ, như thế mà thôi! Thực hiện sẽ mười phần đơn giản, thuận tiện. Nếu thật sự tu tập, pháp tắc này sẽ chẳng khó!

Hôm nay xuống tới Hằng Dương Am, mọi người hỏi tôi có cần nghỉ ngơi chốc lát hay không, tôi bèn nghỉ ngơi một chốc, nhưng cảm thấy một khi con người quý trọng cái thân, đạo nghiệp sẽ lui sụt to lớn! Bất kể mọi người khuyên bảo, vẫn là chính mình nhận biết: Một khi cho rằng sắc thân của chính mình cần nghỉ ngơi, cần quý trọng, đã biến thành đạo nghiệp sụt giảm. Xét theo pháp tắc, chắc là mỗi người đều là như thế!

Hành pháp một ngày một đêm ở Hằng Dương Am, cho đến có một số người có thể kinh hành bảy ngày tám đêm, ba ngày ba đêm, bất luận kéo dài như thế nào, một ngày một đêm là nét chung. Gần đây nhất, tôi vẫn hy vọng mọi người trong một ngày một đêm hoặc một ngày hai đêm có thể dựa theo nghi quỹ để hành trì. Vì trước đó đã có thương tích chông chát, một pháp tắc mở ra, sẽ có người xông pha chặt đứt gai góc,

tức là những người đi trước đã chịu gian khổ cỡ nào! Chắc là hành giả sẽ biết [điều ấy]. Tôi cũng đã tham dự hộ trì một số hành pháp, cũng biết nội dung pháp tắc tu tập trong một số đạo tràng, cũng gặp tại một số chỗ các vị xuất gia hay cư sĩ tương ứng hay chẳng tương ứng đối với pháp tắc này. Chẳng tương ứng sẽ có nhiều khổ nạn, hoặc nảy sinh lo ngại đối với pháp. Hễ tương ứng, sẽ sanh khởi vui sướng, cho đến thay đổi quan niệm về sanh mạng và ý thức. Pháp ấy rốt cuộc có ý nghĩa. Bất luận là do nhân duyên nào, một khi đã hành pháp ấy, sẽ kết nhân duyên chẳng thoái chuyển đối với Phật pháp. Điều này chân thật chẳng dối. Chỉ do trong đời hiện tại, chúng ta vì như pháp hay không mà biểu hiện thành lợi ích thích đáng hay chẳng thích đáng, hiện tiền hay không hiện tiền. Đó là một vấn đề khá lớn. Nhưng xét theo nhân duyên rộng khắp với hữu tình, tức là nhìn từ nhân duyên niệm Phật, nói theo lợi ích rất ráo, nói theo lợi ích to lớn căn bản, thật sự là phước đức chẳng thể nghĩ bàn. Cho nên pháp này chẳng báng được, chẳng nghi được, mà cũng chẳng thể tán thán được, nhưng hành được, thủ hộ được. Chúng ta như thật truyền bá nó, như thế thì sẽ có thể lợi ích rộng khắp hữu tình trong thế gian.

*(Kinh) Thất giả, thường hành khát thực, bất thọ biệt thỉnh.*

**(經)七者、常行乞食，不受別請。**

*(Kinh: Bảy là thường khát thực, chẳng nhận thỉnh riêng).*

Đây là nói theo người xuất gia. Thật ra, vẫn là một pháp tắc để khiến cho chúng ta trừ khử kiêu mạn. Trong Tăng pháp (pháp tắc của Tăng chúng), thường hành khát thực chính là sự thủ hộ và tu tập trọng yếu nhất nhằm vứt bỏ kiêu mạn, vứt bỏ cái Ta tôn quý nhất. Trong Hán truyền Phật giáo, ôm bát đi khát thực một mực là một Tăng pháp vẫn chưa được đề xướng rộng khắp. Tuy rằng từ xưa đến nay, cũng có hành giả duy trì pháp này, nhưng phần nhiều chẳng phải là sinh hoạt thường nhật, chỉ là dưới một nhân duyên nào đó, mọi người đi khát thực một phen, có tánh chất tượng trưng, có tánh chất lễ nghi, hoặc có tánh chất cảnh tỉnh cõi đời. Đối với chuyện này, chúng ta thủ hộ, xét kỹ như thế nào? Thực tế là trong cuộc sống hằng ngày, trừ khử cái tâm kiêu căng, ngạo mạn, trừ khử cái tâm tham cầu yên vui, buông thả. Như thế là có ý nghĩa; tại gia cư sĩ cũng phải nên chú ý điểm này!

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

Đức Thế Tôn đã giảng bộ kinh Anh Lạc và trong khá nhiều kinh điển, Ngài đã đặc biệt nhắc tới anh lạc mà Phật, Bồ Tát đeo. Đó là một loại vật dụng để trang nghiêm hồng biểu thị pháp, ngụ ý phải thường sanh hổ thẹn. Đối với những pháp mà mình đã hành, hãy nghĩ là chưa đủ. Do vậy, sẽ có cái tâm tăng thượng tiến nhập. Đối với chúng sanh và Phật Đà, đều có tâm hổ thẹn, vậy thì chính mình sẽ nỗ lực. Yêu cầu của hành pháp Ban Châu cũng là như thế. Tại các nơi hành trì Ban Châu, do đối với chuyện ẩm thực hoặc các phương diện khác của người hành pháp mà chăm sóc quá lố, cũng hình thành phản tác dụng nơi người hành Ban Châu, tức là [hành nhân] sẽ chẳng tôn trọng sự cúng dường của người khác. Có khi vì chúng ta do áo cơm sung túc, hoàn cảnh an nhàn, sẽ đánh mất lợi ích chân chánh do hành pháp, tức là đích thân chúng tam-muội.

Rất nhiều người hỏi tôi: “Vì sao hiện thời thầy bàn pháp môn Tịnh Độ chẳng tương ứng với lời bàn luận trước kia?” Thật ra, chẳng phải vậy. Chúng ta đích thân chúng tam-muội chẳng mâu thuẫn với nguyện vọng của A Di Đà Phật. Nếu chúng ta yên tâm thuận theo nguyện vọng của A Di Đà Phật, lại hành Ban Châu, đó chẳng phải là chuyện mâu thuẫn. Đích thân chúng tam-muội cũng chẳng phải là chuyện mâu thuẫn. Trong hiện duyên của chúng ta, hướng tới chuyện khiến cho pháp tắc này trụ thế và được truyền bá, cũng chẳng hề trái nghịch với đại nguyện “*lợi ích rộng hữu tình trong thế gian, khiến cho Phật pháp trụ thế, an ủi hết thấy hữu tình*” của A Di Đà Phật. Có lúc hai loại tâm trí biên kiến của chúng ta, tức là có, không, đúng, sai v.v... Tri kiến như vậy tùy thời sanh khởi, nhưng tri kiến chẳng đổi dời, tri kiến tùy thuận vẫn cần phải không ngừng điều chỉnh. Nếu có thể nương theo Trung Quán để thấy, hoặc thấy bằng trí huệ, tuy thấy mà chẳng đắm nhiễm, chẳng đổi dời, [dùng các cách thấy ấy] để quan sát pháp, sẽ rất thuận tiện.

***(Kinh) Bát giả, thiếu dục tri túc, điều phục chư căn.***

**(經)八者、少欲知足，調伏諸根。**

***(Kinh: Tám là ít muốn, biết đủ, điều phục các căn).***

Đây là công đức thánh hạnh do Bồ Tát thực hành. Bát luận là Thanh Văn Thừa, Đại Thừa, hay Kim Cang Thừa, trong chỗ y chỉ cơ bản của tất cả sự thành tựu, đều có tám pháp thiện xảo như “*thiếu dục tri túc, điều phục chư căn*” (ít muốn, biết đủ, điều phục các căn) v.v... tức tám

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

điều giác ngộ của bậc đại nhân (bát đại nhân giác). Tám điều giác ngộ của bậc đại nhân là pháp tắc ắt phải hành, phải nên hành của hàng tại gia lần xuất gia Bồ Tát. “*Ít muốn, biết đủ*” là hai pháp đầu tiên trong tám pháp, tịch tĩnh là pháp thứ ba. Sau đó có chánh niệm, chánh định, tinh tấn, chánh huệ, chẳng hý luận. Bồ Tát nên hành tám pháp ấy.

Nay chúng ta có thể quan sát một hiện tượng tu tập pháp chẳng tương ứng. Chẳng hạn như trong điện đường, trong công khóa, khi niệm Phật, hoặc khi trao đổi Phật pháp, chúng ta đều rất chánh quy, nhưng trong lúc bình thường, sẽ dễ dàng buông lung, chẳng nhiếp các căn, ý chí tản mạn. Thậm chí có khá nhiều tập khí phóng túng theo dục vọng, hoặc chẳng biết đủ, phạm phu hữu tình hết sức dễ dàng [phạm lỗi] như thế đó. Đây cũng là chướng ngại đối với chuyện đích thân chứng Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiền Tiên tam-muội. Trong hành pháp Ban Châu, có thể đoạn trừ bằng cách rời lìa nghiệp tập, có thể chiếu kiến nghiệp tập của chính mình. Nhưng để hành Ban Châu trong cuộc sống hằng ngày, cần phải có tâm trí mười phần mạnh mẽ thì mới có thể hành trì. Nói đến hành trì Tùy Ý tam-muội, luôn luôn thâm tóm về tâm ý, chỉ đề khởi danh hiệu, chẳng nhiếp, chẳng chấp, đối với “thiện, ác, đúng, sai” trong hiện duyên, trọn chẳng vướng mắc. Đối với phiền não hay chẳng phiền não, nghiệp tập hay chẳng nghiệp tập đều chẳng màng đến, cứ thẳng thừng tiến bước. Như thế thì dễ thành tựu Tùy Ý tam-muội. Thật ra, Niệm Phật tam-muội đã hàm nhiếp sự tu trì Tùy Ý tam-muội, vì dễ hành, lúc nào cũng đều có thể niệm, lúc nào cũng đều có thể tu, chẳng chọn lựa địa điểm, chẳng chọn phương pháp. Vì thế, Trì Danh Niệm Phật thật sự là một phương pháp tu hành chẳng thể nghĩ bàn. Nội hàm công đức và lợi ích của pháp ấy chỉ có Phật và Phật Thế Tôn có thể hiểu, có thể biết. Cách tu Bát Đại Nhân Giác ở nơi đây, hoặc cách tu mười pháp, khiến cho chúng ta có thể chiếu kiến chính mình, thức tỉnh chính mình, đều là pháp tắc có thể sử dụng trong bình thời. Nếu chúng ta chỉ chuyên chú trong một khắc hành Ban Châu, còn trong cuộc sống thường nhật bèn chẳng quan tâm, mà mong thật sự đạt thành tựu nơi pháp, quả thật sẽ rất khó!

***(Kinh) Cứu giả, chánh tín thậm thâm, Vô Sanh Pháp Nhân.***

**(經)九者、正信甚深，無生法忍。**

***(Kinh: Chín là chánh tín rất sâu, Vô Sanh Pháp Nhân).***



## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

Vô Sanh Pháp Nhãn là pháp tắc do chư Phật đích thân chứng đắc, mà cũng là biểu hiện chân thật của Pháp Tánh, tức là hết thấy các pháp vốn bất sanh, vốn bất diệt, chẳng đến, chẳng đi. Các pháp tịch diệt, vốn vô sở đắc. Trong cơ chế giáo ngôn của Vô Sanh Pháp Nhãn, do các phàm phu chẳng thể bén mảng, cho nên lập ra một Pháp Nhãn tương tự cho hàng Bồ Tát, tức là đạt được an lạc trong Nhất Tướng Nhất Hạnh Tương Tự Nhãn. Như trong Đàn Kinh, Lục Tổ đại sư tuyên nói phần nhiều là Nhất Tướng Nhất Hạnh Bồ Tát Pháp Nhãn, tức là Vô Sanh Nhãn của Bồ Tát, là tương tự nhãn. Tức là đối với hết thấy “thiện, ác, đúng, sai”, đều chẳng nhiễm, chẳng chấp, chẳng vướng mắc. Nếu ai có thể khéo thủ hộ như thế, sẽ chẳng thấy lỗi thế gian, tiến thẳng vào nguồn tâm thanh tịnh, tức là thành tựu Bồ Đề tâm.

Vô Sanh Pháp Nhãn thật sự chỉ có chư Phật đích thân chứng. Do vậy, ở đây chỉ có tướng đại công đức “*tin sâu chư Phật*”. Đây là chỗ chúng ta hướng đến, nương tựa, tiêu quy, là chỗ ta chẳng thể nghĩ bàn. Đó là một phương tiện. Do trong Sở Tri Chướng của chúng ta, phần nhiều do nghĩ bàn mà chính mình bị ngăn chướng, đối với Tam Tạng mười hai bộ loại đều suy nghĩ một lượt, đều trở thành chướng ngại, chẳng thể chứng quả. Khá nhiều người đi đường vòng ở chỗ này, dùng ý thức của chính mình để tư duy kinh điển, chẳng phải là dùng kinh điển để tùy văn nhập quán, trừ bỏ cái gọi là “tâm suy luận” của chính mình. Tư duy chính là chỗ tồn tại của sức mạnh lấy bỏ trong nghiệp tướng của chúng ta từ vô thủy đến nay, cũng có nghĩa là nếu chúng ta đã lý giải: “Chuyện này có ý nghĩa bèn giữ lấy. Chuyện chẳng có ý nghĩa, ta bèn bỏ đi, bèn bài xích”. Đối với kinh điển, cũng lại lấy hay bỏ như thế. Như vậy thì đối với Vô Sanh Pháp Nhãn, bèn rơi vào Danh Tự Nhãn, tức là vẫn đem tâm niệm của chính mình bỏ vào đó. Kết quả là hình thành cái gọi là Sở Tri Chướng. Do vậy, trong hành pháp, như trạng thái tâm lý của bậc thiện tri thức sau khi đắc Ngũ Đình Tâm so với những kẻ bình phàm chúng ta, sẽ sai khác như trời với đất. Vì trước khi chứng Ngũ Đình Tâm, lời lẽ thuộc nhị biên (đúng, sai, ta, người, có, không v.v...) ắt cần phải nói, chẳng đúng thì là sai, chẳng phải là thứ này bèn là thứ kia, chẳng có thứ gì ta không tạo tác. Tâm thanh tịnh, an lạc bình hòa, buông xuống mọi lo lắng. Đối với vấn đề này, chúng ta nhất định phải khéo tư duy và quan sát, từ trong niệm Phật, chứng đắc tương tự đình tâm, cũng đạt được phương tiện.

*(Kinh) Thập giả, thường niệm thù sở hữu thị tam-muội, tức u  
bỉ sư, sanh chư Phật tướng. Nhiên hậu tu tập như thị tam-muội.*

**(經)十者、常念誰所有是三昧，即於彼師，生諸佛想  
。然後修習如是三昧。**

*(Kinh: Mười là thường nghĩ ai sở hữu tam-muội này, liền sẽ đối  
với vị thầy ấy, sanh ý niệm tưởng như chư Phật. Sau đó, tu tập tam-  
muội như thế).*

Thường suy nghĩ ai đã chứng đắc tam-muội này. Đức Thế Tôn đã nêu ra một trường hợp: “*Trong đệ tử của ta, Ma Ha Ca Diếp đích thân chứng tam-muội này*”. Tôn giả Ca Diếp ở trong Hoa Thủ Môn phía trên chúng ta, chúng ta triều bái lễ kính Ngài được ngay, mười phần thuận tiện! Quý vị nói: “Đó là tảng đá, ai biết trong đó có gì”. Nếu nghi ngờ như thế, chúng ta vẫn nghi ngờ Phật pháp, mà cũng có thể là nghi ngờ vẫn tự. Thật ra, nói là tin hay nghi là do tâm trí nương tựa, do tâm trí sanh ra. Từ chỗ nương vào và chỗ xuất sanh, sẽ sanh ra phương tiện: Một đằng là nghi, một đằng là chẳng nghi. Người chẳng nghi mới chính là hành vi của bậc trí, còn nghi là chuyện phàm phu sẽ làm. Cùng là một tâm niệm, mọi người hãy khéo quan sát!

*(Kinh) Hiền Hộ! Thị vi bỉ thiện nam tử, thiện nữ nhân cụ túc  
như thượng thập chủng pháp dĩ, ưng đương tu tập như thị tam-muội,  
diệt linh tha nhân thọ trì, độc tụng. Như thị hành giả, đương đắc bát  
sự. Hà đẳng vi bát?*

**(經)賢護！是為彼善男子善女人，具足如上十種法已  
，應當修習如是三昧，亦令他人受持讀誦。如是行者，當  
得八事。何等為八？**

*(Kinh: Nay Hiền Hộ! Đây là thiện nam tử, thiện nữ nhân trọn đủ  
mười pháp như trên rồi, hãy nên tu tập tam-muội như thế, và cũng khiến  
cho người khác thọ trì, đọc tụng. Hành giả như thế, sẽ đạt được tám sự.  
Nhưng gì là tám?)*

Mười pháp trên đây khi chúng ta trao đổi với người khác, phải nên tư duy, quan sát. Như thế thì mới có sự thiện xảo trong trao đổi. Tiếp đó,

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiện Hộ Kinh giảng ký 2***

[đức Thế Tôn] dạy: “*Như thị hành giả, đương đắc bát sự*” (Hành giả như thế sẽ đạt được tám sự), tức là sẽ có tám sự hiển hiện. Các vị thiện tri thức ơi! Trong lúc học tập thì chúng ta học tập, nhưng sau đó, vẫn hy vọng mọi người thường tư duy, quan sát, thường nghĩ đến pháp tắc Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội.

***(Kinh) Nhất giả, tất cánh thanh tịnh, u chư cấm giới, vô hủy phạm cố.***

**(經)一者、畢竟清淨，於諸禁戒，無毀犯故。**

***(Kinh: Một là rốt ráo thanh tịnh, chẳng hủy phạm các giới cấm).***

Nói theo bản chất, hết thấy chúng sanh chẳng trì giới, mà cũng chẳng phạm giới, chẳng có giới để có thể trì, chẳng có giới để có thể phạm. Vì nhân duyên hiện tiền trong Tục Đệ, trong mỗi pháp bốn vị đều có pháp tắc, đều có giới cấm. Tức là bản thân mỗi người chúng ta đều có thân phận cụ thể của chính mình và những điều cần phải thủ hộ. Như hàng xuất gia, tại gia, tỳ-kheo, sa-di, tỳ-kheo-ni, sa-di-ni, [mỗi loại đều có các giới phải vâng giữ như] cận trụ giới, tại gia ngũ giới, thập giới, Bồ Tát giới v.v... Trong pháp bốn vị đều có sự thủ hộ; nhưng “*tất cánh thanh tịnh*” (rốt ráo thanh tịnh) có cội nguồn là thanh tịnh. Trong pháp bốn vị, có trì, có phạm. Nếu chẳng phạm giới cấm, trong đời hiện tại, chúng ta sẽ đạt được pháp tắc tương ứng với an lạc.

***(Kinh) Nhị giả, tri kiến thanh tịnh, trí huệ hòa hợp, bất dữ dư tương ứng cố.***

**(經)二者、知見清淨，智慧和合，不與餘相應故。**

***(Kinh: Hai là tri kiến thanh tịnh, trí huệ hòa hợp, do chẳng tương ứng với những điều khác).***

Vận dụng tâm trí trí huệ để hành pháp, tức chẳng nhiễm, chẳng đắm. Đương nhiên là như vậy thì cũng sẽ thành thực tri kiến thanh tịnh. Trong sự tìm cầu cái duyên bên ngoài, chẳng hạn như mọi người đàm luận khá nhiều “ai có cảnh giới chi đó, nhận biết sắc thân chi đó, nhận biết ý thức, nhận biết tướng cảnh giới ngoại duyên” v.v... Các điều ấy chẳng có mấy may liên quan đến tri kiến phát tâm thanh tịnh. Có người cảm thấy khinh an, có người cảm thấy thô nặng, có người cảm thấy buồn ngủ, có người cảm nhận bệnh tật. Các điều ấy thật sự chẳng liên quan

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

đền tri kiến thanh tịnh. Mục đích của chúng ta rõ ràng, tiến thẳng đến mục đích, chẳng vướng mắc. Tri kiến ấy phải nên mười phần rõ rệt. Đối với những cái ở giữa đường như “*cảm nhận, cảnh giới, ngoại duyên*”, chẳng vướng bận vì những thứ đó. Như thế là “*bất dữ dư tương ứng*” (chẳng tương ứng với các thứ khác), chính là phương tiện chúng tam-muội này, mà cũng là một con đường tắt. Chúng ta hành Ban Châu, bao gồm hành trong một ngày, một đêm, cơ bản đều là bị chướng ngại tại chỗ này. Chẳng hạn như đau đốn xảy đến, người ta bắt đầu dồn sức chú ý vào nơi đau đốn, tức là chẳng có một niệm thanh tịnh “*chẳng lập một niệm, đoạn các tướng*”!

Tri kiến thanh tịnh chẳng nhiễm, chẳng chấp, rõ ràng, rành rẽ. “*Thấy Phật*” là như người trong Tông Môn đã nói: “*Tiền niệm bất sanh, hậu niệm bất diệt*”. Cái thật sự được thủ hộ là “*các tướng vô tướng, vốn sẵn thấy Phật*”. Quý vị nói: “Như vậy thì chẳng trở thành Thiên Tông ư?” Quý vị có thể không quan tâm, chẳng vướng vào ngôn thuyết ấy, sẽ là “*vô sở đắc niệm Phật*” rất thuận tiện. Nhưng nếu như chân đau sẽ bóp chân, đùi đau liền xoa đùi, mệ bèn phải dựa, ngừng lại, điều ấy chẳng hợp với trí huệ, sẽ chẳng thấy thấu suốt “*pháp chẳng có tự tánh*”, chẳng thấy thấu suốt pháp vốn chẳng sanh diệt, vốn chẳng cảm nhận, mà cũng là vốn chẳng có đau khổ. Đã “*vốn chẳng có*” thì vì sao hiện thời lại hiện ra sự đau khổ? Đối diện các huyễn nghiệp như thế, hãy chẳng nhiễm, chẳng chấp, hành nhân sẽ an lạc. Vì nó là nghiệp tướng nhân duyên từ Dị Thực Quả trong sát-na đó thôi, chẳng hề có thực chất, sẽ chẳng [tồn tại] lâu dài. Một khi chúng ta đối với mỗi chuyện ấy mà vượt qua được, bản chất của nó sẽ tự nhiên hiển lộ, tức là bản chất “*pháp chẳng có tự tánh*” sẽ tự nhiên bộc lộ, chư Phật tự nhiên hiện tiền, giống như nước hoặc gương soi vật.

Chuyện này đích xác cần phải không ngừng tu tập thì mới có thể thuần thực, lần này sang lần khác, không ngừng quan sát, không ngừng vận dụng. Chúng ta chỉ học một số lý luận, mà chẳng thực hiện, đúng là chẳng có ý nghĩa gì hết! Lý giải chỗ này quả thật cũng chẳng có ý nghĩa. Hãy nên nương theo chánh tri kiến, tri kiến thanh tịnh, nương theo trí huệ để hành. Chỉ nói suông, chỉ nghe suông, thì chỉ là duyên khởi. Nếu chẳng hành trì, sẽ hết sức khó có thể đích thân chứng đắc. Vì thế, đối với pháp này, phải nên thường hành, hành nhiều! Hiện thời, nếu có thể thật sự kinh hành Ban Châu, thật sự là phước báo, kinh hành vào lúc nào? Chắc là chúng ta trong mỗi thời khắc đều chẳng đánh mất ý niệm, chẳng đắm nhiễm. Đó là hành Ban Châu rất tốt đẹp, mọi người hãy nên khích

lệ lẫn nhau. Trước khi chúng ta chứng được lợi ích từ pháp tắc, hãy nên sanh lòng hổ thẹn to lớn, vì pháp chẳng tương ứng. Tuy mọi người thường nghe nói và trao đổi pháp tắc này, nhưng trước khi thật sự thành tựu lợi ích, đều phải nên sanh lòng hổ thẹn.

*(Kinh) Tam giả, trí huệ thanh tịnh, cánh bất phục thọ chư hậu hữu cố.*

**(經)三者、智慧清淨，更不復受諸後有故。**

*(Kinh: Ba là trí huệ thanh tịnh vì chẳng còn nhận lấy các hậu hữu nữa).*

Trong phần trước nói về tri kiến thanh tịnh; ở đây, nói đến trí huệ thanh tịnh. Trí huệ thanh tịnh được kiến lập trên “*chẳng tạo hậu hữu*”. Chư vị Bồ Tát ai nấy hãy nên xem kỹ, xét kỹ. Nếu ngày mai chẳng có bất cứ nhân duyên thế tục nào để quý vị tiền nhập, quý vị có sanh lòng sợ hãi hay không? Nếu tất cả hành vi của ngày mai, chỉ là lợi ích hữu tình trong thế gian, [khi đó], “*hậu hữu*” chính là sự tiếp nối không có hậu hữu, là sự tiếp nối trí huệ, hoặc là sự tiếp nối từ bi. Chúng ta thường là tiếp nối hậu hữu, cũng chính là nghiệp tiếp nối. Nếu đối với nghiệp tiếp nối mà nầy sanh cái tâm “*đoạn ngang, thoát ra theo chiều ngang*” (hoành đoạn, hoành xuất), sẽ chẳng khó thủ hộ trí huệ thanh tịnh.

Khi chúng ta vẫn còn vì bản thân tạo nghiệp, tính toán được mất cho bản thân, đó chính là tướng hậu hữu, là hạnh nhiễm ô, là chẳng có trí huệ. Thiền sư Khuê Phong nói Bồ Đề tâm có ba loại tướng. Trong ấy, bậc đại trí thì trên là chẳng có chư Phật để có thể thành, giữa là chẳng có pháp để có thể tu, dưới là chẳng có chúng sanh để có thể độ. Tướng như thế là tướng “*đại trí, không, tịnh, vô ngại*”. Nếu chúng ta vẫn thiết lập một cái hậu hữu, nói ngày mai, ngày một sẽ làm gì đó, sẽ chẳng có sức thủ hộ tâm thanh tịnh và tâm trí huệ ngay trong hiện tiền. Nếu đối với sự phát tâm, chúng ta vận dụng trí huệ và từ bi để tiếp tục, đó chính là thủ hộ Bồ Đề tâm. Tức là trong sanh mạng của hậu hữu mà tiếp nối hai pháp bi và trí, sẽ chẳng lìa cái thân do cha mẹ sanh ra mà thành tựu Bồ Đề. Tâm niệm vừa chuyển, cái thân tạo nghiệp này sẽ trở thành thân bi trí, có thể lợi ích rộng khắp thế gian. Điều này hết sức rõ ràng!

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

Trong gia hạnh<sup>27</sup> của Tạng truyền Phật giáo, tâm chán lìa và triệt để lìa bỏ sự an lạc cho cái thân này, tức hết thấy các tâm hưởng thụ và an lạc. Đó là hai gia hạnh cơ bản nhất. Nếu không, thượng sư sẽ tuyệt đối chẳng truyền pháp cho quý vị. Khi tôi vừa mới xuất gia, có một vị Bồ Tát bảo tôi: “Nếu muốn thân này thật sự có thành tựu trong Phật pháp, thầy phải lìa bỏ bất cứ nghiệp tương đấm nhiễm nơi thân này. Nếu không, sẽ chẳng thể có thành tựu”. Khi ấy, tôi có cảm giác kinh hãi. Đối với chuyện triệt để lìa bỏ sự thọ dụng vật chất và tinh thần nơi thân này, vẫn còn có các nỗi băn khoăn, mờ mịt. Trải qua một thời gian tu tập, cho đến khi gặp được cơ chế giáo ngôn của A Di Đà Phật, mới biết được sự thiện xảo do đoạn ngang, thoát ra theo chiều ngang, cũng như chọn lựa “*chẳng tạo hậu hữu*” của bậc thánh như A La Hán đã chứng quả là ở chỗ nào. Chính là ngay trong việc chẳng còn tiếp nối các nghiệp thiện, ác, vô ký của chính mình và tiếp nối hai pháp bí trí, như pháp sư Đàm Loan đã dạy: “*Dĩ Phật nguyện vi sanh mạng, khởi khả tư nghị?*” Tức là dùng Phật nguyện để duy trì sanh mạng thì sẽ là chẳng thể nghĩ bàn; nhưng nếu chúng ta nương theo nghiệp lực của chính mình, nương vào tham, sân, si, mạn, nghi, tri kiến chẳng chánh đáng để tiếp nối sanh mạng thì sẽ có hậu hữu. Hãy nên quán kỹ điều này!

***(Kinh) Tứ giả, thí dữ thanh tịnh, bất nguyện nhất thiết chư hành quả báo cố.***

---

<sup>27</sup> Gia Hạnh còn gọi là Phương Tiện, hoặc Tứ Du Già. Gia Hạnh có nghĩa là “*gia công dụng hạnh*”, tức là các hạnh tương ứng nhằm phụ trợ cho chánh hạnh thành tựu, là các hạnh cần phải thành tựu để làm tiền đề cho chánh hạnh. Thông thường, Gia Hạnh có bốn món là Noãn, Đảnh, Nhẫn, Thế Đệ Nhất, gọi gộp chung là Tứ Gia Hạnh. Nếu kể thêm Tư Lương, Ngũ Đình Tâm Quán và Niệm Xứ thì thành Thất Gia Hạnh. Sau Thất Gia Hạnh là các địa vị Kiến Đạo, Tu Đạo, và Vô Học Đạo. Trong Tạng truyền Phật giáo, Gia Hạnh phải hiểu là các pháp tu chuẩn bị (thường gọi là Ngöndro, tức “*tiền phương tiện*” hoặc “*tu trì cơ bản*”) trước khi được truyền thụ quán đánh tu học một mật pháp (khác với các pháp quán đánh thường tổ chức tập thể, mang tính chất kết duyên như nghi lễ quán đánh (empowerment ritual) Kalachakra do Đại Lai Lạt Ma chủ trì, hoặc các nghi lễ quán đánh do các đoàn lạt-ma ghé thăm các thành phố tổ chức). Mục đích của gia hạnh là cảm nhận “*thân người khó được, quán cái chết là vô thường, nhân quả nghiệp lực, lỗi họa do luân hồi*” nhằm thanh tịnh thân tâm, tiêu trừ nghiệp chướng, nhằm tương ứng với Bốn Tôn. Tùy theo tông phái, Gia Hạnh có nhiều loại khác nhau, nhưng chủ yếu là quy y lễ bái, cúng dường Mạn Đà La, tụng Bách Tự Chú Chân Ngôn của Kim Cang Tát Đóa, tu Guruyoga... Thông thường, hành giả thật sự bệ quan hành trì Ngöndro thì phải cần mất từ ba năm cho đến năm năm mới hoàn tất yêu cầu.

**(經)四者、施與清淨，不願一切諸行果報故。**

*(Kinh: Bốn là bố thí thành tựu, chẳng mong quả báo từ hết thấy các việc đã làm).*

Ở đây là nói đối với hết thấy bố thí, đều chẳng mong được báo đền. Trong quá trình bố thí, chúng ta chẳng cầu được báo đền là điều rất quan trọng. Cũng giống như vậy, trong quá trình hành pháp, nếu nóng lòng mong đạt được điều gì, do nôn nóng về hậu quả và lợi ích, tự tâm cũng sẽ bị ngăn lấp. Hễ có báo đền, cùng với tiếng tăm, lợi dưỡng, thì đều là giáo dục thế gian. [Giáo dục thế gian là] “nếu đã làm gì, đều muốn được báo đáp”. Nếu chẳng được báo đáp, người ta sẽ sanh lòng oán. Chẳng hạn như nói: “Ta đã bỏ ra bao nhiêu công sức, sao mà chẳng đạt được gì?” Đó là tâm lý thông thường của phàm phu!

“*Thí dĩ thanh tịnh*” (Bố thí thanh tịnh) ở đây là chẳng cầu báo đáp. Chúng ta có thể xét kỹ tất cả những gì chính mình đã làm có phải là chẳng hề cầu được báo đền hay không? Nếu triệt để liễu thoát ngay trong mỗi hành vi, chẳng có hậu hữu, chẳng dính mắc, chẳng có tâm mong được báo đền, chẳng tìm cầu được báo đền, chẳng lập bày vọng tưởng được báo đền, chúng ta làm được như thế sẽ vô úy, chẳng truy cầu lợi lộc, chẳng so đo được mất. Cái tâm “*được, mất*” là khởi đầu căn bản của hết thấy các pháp trong tâm phàm phu. Hết thấy hành vi của phàm phu đều chẳng lìa khỏi cái tâm ấy; nhưng nếu hành vi của chúng ta thật sự chẳng còn so đo “*được, mất*”, sự bố thí thanh tịnh sẽ tự nhiên hiện ra. Các phần kinh văn này hoàn toàn có tánh cách đối trị tri kiến của hữu tình phàm phu, và cũng hết sức cụ thể. Trong cuộc sống bình thời, mọi người đều có thể tự mình xét kỹ.

Chẳng mong được báo đền, thường là nói rất đơn giản, nhưng trong phàm tình, chẳng cầu được báo đền là tâm lý như thế nào? Hào phóng ư? Vô tư ư? Vô ngã ư? Nếu đúng là một vật mà quý vị thật sự ưa thích, tham ái, hay là tôn trọng, quý vị có thể bỏ ra hay không? Ngày hôm qua, có một vị pháp sư nói, khi ông ta sống ở Chung Nam Sơn, gặp cường đạo đoạt y bát, khi đó, ông ta phải nên đối diện vấn đề như thế nào? Có nên đưa cho hắn hay không? Vấn đề ấy ông ta đã hỏi rất nhiều người. Có tỳ-kheo nói đưa hết cho kẻ cướp, có người nói hãy chế phục hắn, cũng có người nói “*thà xả thân mạng, cũng chẳng thể xả y bát*”. Nói theo các kiểu khác nhau! Chúng ta xem xét vấn đề ấy như thế nào? Trong Tứ Phần Luật Tạng có giải thích chuyện này. Người thật sự chẳng

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2**

cầu được báo đền, sẽ hành xử rất vô úy. Vô tư chính là vô úy, khẳng định chẳng có tâm trí ủy khuất hoặc chỉ trích. Kẻ thường ủy khuất sẽ ủy khuất ở chỗ báo đền; do chẳng được báo đền tương ứng, sẽ cảm thấy ủy khuất. Do đó, “*thí dữ thanh tịnh*” (bố thí thanh tịnh) là một pháp tắc to lớn mà người xuất gia lẫn tại gia chúng ta đều phải nên xét kỹ. Trong tám pháp và mười pháp này, đức Thế Tôn đều nói về các nội dung mười phần cụ thể trong cuộc sống của chúng ta, cũng như khuyết điểm dễ phạm nhất, hoặc là tri kiến dễ dàng cưỡng chấp nhất. Ở đây, mỗi điều đều được nêu rõ!

***(Kinh) Ngũ giả, đa văn thanh tịnh, ký văn pháp dĩ, tất cánh bất vong cố.***

**(經)五者、多聞清淨，既聞法已，畢竟不忘故。**

*(Kinh: Năm là đa văn thanh tịnh, do đã nghe pháp sẽ rốt ráo chẳng quên).*

Trong tâm trí bất xả pháp, nghe nhiều các pháp chính là thiện xảo. Nghe mà chẳng nhiệm, cơ duyên thành thực liền có thể hành trì; đó là phương tiện. Vì thế, “*đa văn thanh tịnh*” rất trọng yếu. Đa văn chẳng trở thành gánh nặng, chẳng trở thành kiêu mạn. Hễ cơ duyên chín muồi, bèn có thể hành trì, hoặc là bố thí cho người khác, rộng truyền trong thế gian. Đó đều là thiện xảo. Có người sau khi tiếp xúc pháp, tiếp xúc với nhiều người khác, sẽ sanh lòng kiêu mạn, tà kiến, tức là đa văn chẳng thanh tịnh, vì do đa văn của chính mình mà sanh tâm kiêu mạn, tâm tà kiến, tâm cao thấp. Như thế thì sẽ ô nhiễm pháp tắc này.

***(Kinh) Lục giả, tinh tấn thanh tịnh, u nhất thiết thời, cầu Phật Bồ Đề cố.***

**(經)六者、精進清淨，於一切時，求佛菩提故。**

*(Kinh: Sáu là tinh tấn thanh tịnh, do trong hết thảy mọi lúc đều cầu Phật Bồ Đề).*

Các pháp tắc đã thủ hộ đều phổ giai hồi hướng (hồi hướng trọn khắp) A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, chỉ nương theo tâm tối thượng thừa, chẳng vì cầu chi khác, chẳng đọa vào thứ gì khác. Đó là “*tinh tấn thanh tịnh*”. Trong tâm trí tam thừa, có Thanh Văn Bồ Đề tâm, Duyên Giác Bồ Đề tâm, cho đến Phật Bồ Đề tâm. Ở đây, chỉ nói “*cầu*



*Phật Bồ Đề*”, tức là cầu tối thượng thừa tâm, vì tinh tấn, hãy đừng nên bỏ hoặc đánh mất cái tâm ấy.

***(Kinh) Thất giả, viễn ly thanh tịnh, w nhất thiết danh lợi, bất nhiễm trước cố.***

***(經)七者、遠離清淨，於一切名利，不染著故。***

*(Kinh: Bảy là xa lìa thanh tịnh, do đối với hết thấy danh lợi, chẳng đắm nhiễm).*

Trong cơ chế Phật pháp, chúng ta cũng thấy tiếng tăm, lợi dưỡng. Nếu hơi có chánh hạnh, đối với pháp tắc có đôi chút tương tự tu tập, danh lợi sẽ theo ngay đến. Chẳng chú ý đôi chút, sẽ bị danh lợi làm hại, bị nhiễm danh lợi, bị danh lợi nhuốm bản. Do đó, phải nên “*viễn ly thanh tịnh*”.

***(Kinh) Bát giả, bất thoái thanh tịnh, đương đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, sơ bất động dao cố.***

***(經)八者、不退清淨，當得阿耨多羅三藐三菩提，初不動搖故。***

*(Kinh: Tám là bất thoái thanh tịnh, sẽ đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề vì thoát đầu chẳng dao động).*

Thoạt đầu chẳng thể dao động. Thật ra, A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm, tức Vô Thượng Bồ Đề tâm, từ sơ phát tâm mãi cho đến khi thành tựu đều là cùng một tâm trí, cho nên nói “*phát tâm, liền thành Phật*”. Đã là “*phát tâm liền thành Phật*”, cho nên cần phải mười phần hiểu rõ sự phát tâm này. Đó là “*bất thoái thanh tịnh*”.

***(Kinh) Hiền Hộ! Thị vi bỉ thiện nam tử, thiện nữ nhân, sở hoạch bát pháp dã.***

***(經)賢護！是為彼善男子善女人，所獲八法也。***

*(Kinh: Này Hiền Hộ! Đó là tám pháp mà thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy đạt được).*

“*Hoạch*” là sẽ thủ hộ, sẽ tu tập, sẽ thành tựu. Đúng là các kinh điển ấy phải thường nên đọc; mọi người ở chùa Phóng Quang đã đọc suốt một tháng. Sau đó, chúng tôi lại nhắc nhở từng điều, không gì chẳng nhằm khiến cho kinh điển Ban Châu có thể lưu truyền rộng rãi trong cõi đời, khiến cho mọi người có thể nương theo kinh mà hành, nương theo pháp mà hành, đúng pháp mà hành, đúng pháp mà thành tựu. Như thế thì sẽ chẳng đi đường vòng, tránh khỏi khổ sở vô ích mà tiến nhập Bồ Đề.

*(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn vị trùng minh thử nghĩa, dĩ thuyết kệ viết: - Trí nhân bất khởi hữu tướng tướng, diệt đương trừ mạn chấp ngã tâm. Ư thâm nhẫn trung vô thủ trước, bỉ năng tốc tuyên thử tam-muội. Không trung bốn cầu diệt tránh căn, Niết Bàn vô tướng đại tịch định. Ư Phật vô hiềm, bất bán pháp pháp, bỉ năng tốc tuyên thử tam-muội.*

**(經)爾時，世尊爲重明此義，以說偈曰：「智人不起有相想，亦當除慢及我心。於深忍中無取著，彼能速宣此三昧。空中本求滅淨根，涅槃無相大寂定。於佛無嫌不謗法，彼能速宣此三昧。」**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn vì muốn nói rõ lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Người trí chẳng dấy hữu tướng tướng, cũng sẽ trừ mạn, tâm chấp ngã. Đối với nhẫn sâu chẳng chấp giữ, người ấy mau tuyên tam-muội này. Trong Không, vốn cầu gốc diệt tránh, Niết Bàn vô tướng đại tịch định, chẳng hiềm trách Phật, chẳng bán pháp. Người ấy mau tuyên tam-muội này).*

Nói rõ tâm trí phải nên thủ hộ trong khi tuyên nói pháp tam-muội này.

*(Kinh) Trí giả bất hưng tật đồ ý, niệm Phật tri ân cập Pháp, Tăng. Sở sanh hàng phục vô thiên di, như thị tịch tĩnh trì tam-muội. Vô hữu tật đồ, diệt vô nghi, tư duy thâm pháp chân thật tín. Tinh tấn bất giải, ly chư dục. Bỉ năng như thị đắc tam-muội.*

**(經)智者不興嫉妒意，念佛知恩及法僧。所生降伏無遷移，如是寂靜持三昧。無有嫉妒亦無疑，思惟深法真實信。精進不懈離諸欲，彼能如是得三昧。**

*(Kinh: Người trí chẳng dấy ý ghen tỵ, nghĩ tưởng biết ơn Phật, Pháp, Tăng, sở sanh hàng phục chẳng dời chuyển, tịch tĩnh trì tam-muội như thế. Chẳng có ghen tỵ cũng chẳng nghi, tư duy pháp sâu, tin chân thật. Tinh tấn chẳng lười, lìa các dục. Ai được như thế, đắc tam-muội).*

Trong kệ tụng có “tuyên tam-muội”, “trì tam-muội”, và “đắc tam-muội”. Thứ tự thuyết pháp ấy chẳng ngoài từ cầu pháp, đọc tụng, truyền bá, giải nói, đích thân chứng lợi ích của pháp tắc, mà lập ra các thứ pháp tắc để ấn khế tự tâm của chúng ta. Trong ấy, có rất nhiều toa thuốc để trị các loại bệnh tật của chúng ta, nhưng đối với ghen tỵ và kiêu mạn, kinh này hết sức chú trọng nhắc nhở. Ngoài ra, cũng đặc biệt nhắc tới tinh tấn, nhưng trong sự thủ hộ vô thượng thừa thì [tinh tấn] chính là tinh tấn thiện xảo.

*(Kinh) Thường hành tỳ-kheo khát thực pháp, xả chư biệt thỉnh hưởng cầu tài! Đoạn trừ cấu nhiễm, chứng Chân Như. Bĩ năng như thị đắc tam-muội.*

**(經)常行比丘乞食法，舍諸別請況求財。斷除垢染證真如，彼能如是得三昧。**

*(Kinh: Thường hành pháp khát thực của Tăng, bỏ các thỉnh riêng, hưởng cầu tài! Đoạn trừ cấu nhiễm, chứng Chân Như. Người được như thế, đắc tam-muội).*

“Khát thực pháp” trên thực tế là pháp lìa bỏ các kiêu mạn, cũng là pháp tắc lìa bỏ tham cầu an nhàn. “Xả chư biệt thỉnh, hưởng cầu tài” (Bỏ các lời thỉnh nhận cúng dường riêng, hưởng hồ cầu tài vật): Người xuất gia hoặc người hành pháp nếu tham lam các món tài vật, lỗi họa vô cùng, sẽ khiến cho người ấy mang gánh nặng trầm trọng, trì hoãn cơ hội thành đạo của chính mình.

*(Kinh) Thùy năng hữu thử tam-ma-đề, ngã ưng thính thọ, quảng lưu bố, u giáo sư sở khởi Phật tướng. Bỉ năng như thị, đắc tam-muội.*

**(經)誰能有此三摩提，我應聽受廣流佈。於教師所起佛想，彼能如是得三昧。**

*(Kinh: Hễ ai có tam-ma-đề này, ta nên nghe nhận, lưu truyền rộng, đối với người dạy tướng như Phật, người được như thế, đắc tam-muội).*

Tam-ma-đề là thành tựu và an trụ tam-muội. Người hành pháp trong hiện thời đông đảo như thế, nếu có người thật sự chứng pháp tắc tam-ma-đề an lạc, hãy nên thỉnh vị thiện tri thức như vậy lợi ích rộng khắp thế gian. “U giáo sư sở, khởi Phật tướng” (Đối với thầy dạy tướng như Phật): Hiện thời, trong Hán truyền Phật giáo, lòng tôn trọng đối với thầy, đối với sự dạy bảo của thầy vẫn khá yếu ớt, còn Tạng truyền Phật giáo thì chuyện xem xét, nhận biết thầy là một vấn đề mười phần trọng yếu, cũng có thể nói là một vấn đề trọng yếu hàng đầu. Vì nếu chẳng tưởng thầy như Phật, chuyện đạt được pháp ích và lưu thông [Phật pháp] sẽ bị trở ngại. Trên thực tế, sự nghĩ tưởng ấy chẳng phải nghĩ tưởng sai lầm, chúng ta tuyên nói phải tương ứng khế hợp pháp thể thì mới có thể đạt được sự gia trì thật sự trong Phật pháp.

*(Kinh) Nhược nhân tu hành thử tam-muội, đương cụ công đức siêu thế gian.*

**(經)若人修行此三昧，當具功德超世間。**

*(Kinh: Nếu ai tu hành tam-muội này, sẽ có công đức siêu thế gian).*

“Đương cụ công đức siêu thế gian” (Sẽ có công đức vượt xa thế gian): Giáo ngôn xuất thế của đức Thế Tôn, tuyệt đối chẳng phải chỉ đơn giản là tăng ích thế gian, mà vì khiến cho hữu tình trong thế gian thật sự xét kỹ thế gian, vượt khỏi pháp tắc thế gian. Nếu chẳng vậy, chúng ta sẽ coi Phật pháp thành giáo pháp nhân gian, đồng hóa Phật pháp, tức là thế tục hóa Phật pháp. Đây cũng là một vấn đề đặc biệt to lớn trong hiện thực.

*(Kinh) Bĩ ưng tốc thọ bát chủng pháp, xung chư Phật tâm tịnh vô cấu.*

**(經)彼應速受八種法，稱諸佛心淨無垢。**

*(Kinh: Hãy nên mau thọ tám loại pháp, khen tâm chư Phật sạch chẳng nhơ).*

Chúng ta nếu có thể tùy thuận chư Phật, như thế thì sẽ tự nhiên siêu việt các cấu chướng nghiệp duyên.

*(Kinh) Trì giới thanh tịnh vô hữu biên, tam-muội Bồ Đề cấp thắng kiến, bĩ năng thanh tịnh chư hữu trung, trụ dĩ tối diệu công đức tụ.*

**(經)持戒清淨無有邊，三昧菩提及勝見。彼能清淨諸有中，住以最妙功德聚。**

*(Kinh: Trì giới thanh tịnh chẳng ngăn mé, tam-muội Bồ Đề và thắng kiến, ai hay thanh tịnh trong các hữu, trụ khỏi công đức mâu nhiệm nhất).*

Hai câu kệ này đặc biệt ngắn gọn nêu ra: “*Thanh tịnh chư hữu trung*” (Thanh tịnh trong các hữu). Nếu chúng ta vô nhiễm trong các hữu, tức là thanh tịnh. Nếu có nhiễm, tức là đắm nhiễm trong các Hữu. Nếu đắm nhiễm trong các Hữu, hết thảy các thứ sanh ra đều là nghiệp tướng liên tục.

Nếu chẳng đắm, chẳng nhiễm trong các Hữu, thanh tịnh an lập, tự nhiên sẽ là công đức thù thắng, nhiệm mầu, tức cái gọi là “*tối diệu công đức tụ*” (khỏi công đức nhiệm mầu nhất). Vì thế, trong nghiệp tướng hiện duyên này, chúng ta nương theo hai pháp là nhiễm hoặc chẳng nhiễm, đạt được thanh tịnh hay không thanh tịnh, diệu dụng và nghiệp tiếp nối.

*(Kinh) Trí huệ thanh tịnh bất thọ hữu, bố thí ly cấu nhập vô vi.*

**(經)智慧清淨不受有，佈施離垢入無爲。**

*(Kinh: Trí huệ thanh tịnh, chẳng thọ hữu. Bố thí lìa cấu, nhập vô vi).*

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

Kệ tụng chủ yếu là trùng tuyên nội dung của phần Trường Hàng trước đó, cho nên chúng ta đọc sẽ thấy có ý trùng lặp. Thật ra, chẳng phải vậy. Giáo ngôn trong Phật pháp dầu một câu nói mười lần, vẫn là dần dần thâm nhập nhiều hơn, vi tế hơn, thuần thực hơn, đừng nghĩ là trùng lặp!

***(Kinh) Đắc bỉ đa văn vị tăng vong, kỳ vi trí nhân công đức tạng.***

**(經)得彼多聞未曾忘，其爲智人功德藏。**

*(Kinh: Đạt được đa văn chưa từng quên, là tạng công đức của bậc trí).*

Trong Hậu Đắc Trí, nếu chẳng có pháp đa văn, chúng ta rất khó thành tựu cái gọi là Bất Không Trí. Vì trong pháp Tu Đức, tức là pháp tác lợi lạc thế gian, trong những hành vi hiện tiền, vẫn cần phải được truyền dạy, huân tập, cần phải lắng nghe.

***(Kinh) Dũng mãnh tinh tấn đắc Bồ Đề, u thế danh lợi bất tham nhiễm, nhược chư trí giả thiện hành thử, bỉ nhập vô thượng thâm diệu Thiền.***

**(經)勇猛精進得菩提，於世名利不貪染。若諸智者善行此，彼入無上深妙禪」。**

*(Kinh: Dũng mãnh tinh tấn đắc Bồ Đề, chẳng tham đắm danh lợi thế gian, nếu bậc trí khéo hành pháp này, sẽ nhập vô thượng thâm diệu Thiền).*

Vẫn là không ngừng nêu ra chẳng nhiễm, chẳng chấp, đoạn trừ Hậu Hữu, duy trì bi trí, tiếp tục truyền pháp, tiếp tục hành pháp, nhưng chẳng trụ trong nghiệp tướng liên tục. Chúng ta thấy trọng điểm được tuyên nói trong mười pháp và tám pháp ấy chính là trừ kiêu mạn, là ghen tỵ, chẳng cầu được báo đền, chẳng đắm nhiễm trong các Hữu, thủ hộ Vô Thượng Bồ Đề, nhưng chẳng tham thế gian, đã lựa chọn Vô Thượng Bồ Đề, đừng tham pháp khác, chẳng hành pháp khác v.v...

### ***18. Phẩm thứ mười bốn: Bất Cộng Công Đức***

Trong phẩm này, đức Thế Tôn tán thán pháp tác mười tám môn Bất Cộng và Thập Lục của chư Phật Như Lai, khuyên Bồ Tát tán tu pháp

này, thành tựu Bồ Đề. Nếu giải thích chi tiết các danh tướng trong phẩm này, lời giải thích sẽ có phân lượng hết sức lớn, cho nên ở đây chúng ta hãy cùng đọc.

*(Kinh) Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Phần Bất Cộng Công Đức phẩm đệ thập tứ.*

*Nhĩ thời, Thế Tôn phục cáo Hiền Hộ Bồ Tát Ma Ha Tát ngôn: - Hiền Hộ! Bỉ chư Bồ Tát Ma Ha Tát, phục đương thành tựu thập bát bất cộng pháp.*

**(經)大方等大集賢護分不共功德品第十四。**

**爾時，世尊復告賢護菩薩摩訶薩言：「賢護！彼諸菩薩摩訶薩，復當成就十八不共法。」**

*(Kinh: Kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Phần. Phẩm thứ mười bốn: Công Đức Bất Cộng.*

*Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn lại bảo Hiền Hộ Bồ Tát Ma Ha Tát rằng: - Nay Hiền Hộ! Các vị Bồ Tát Ma Ha Tát ấy lại nên thành tựu mười tám pháp bất cộng).*

Mười tám pháp bất cộng được viên thành khi chư Phật Thế Tôn trọn đủ mười hiệu.

*(Kinh) Hà đẳng danh vi bất cộng pháp dã? Sở vị Như Lai sơ thành A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, nãi chí bát Niết Bàn, w kỳ trung gian, Như Lai sở hữu tam nghiệp, trí huệ vi thủ. Nhất thiết thân nghiệp tùy trí huệ hành. Nhất thiết khẩu nghiệp tùy trí huệ hành. Nhất thiết ý nghiệp tùy trí huệ hành. Hựu chư Như Lai tri kiến quá khứ vô hữu chướng ngại, tri kiến vị lai vô hữu chướng ngại, tri kiến hiện tại vô hữu chướng ngại. Hựu chư Như Lai sở vi vô hữu thác mậu, ngôn vô lậu thất, ý vô vọng niệm, vô biệt dị tướng, thường tại tam-muội, vô bất tri dĩ xả. Hựu chư Như Lai ý dục vô giảm, tinh tấn vô giảm, Thiên Định vô giảm, trí huệ vô giảm, giải thoát vô giảm, giải thoát tri kiến vô giảm.*

**(經)何等名爲不共法也？所謂如來初成阿耨多羅三藐三菩提，乃至般涅槃，於其中間，如來所有三業，智慧爲**

**首。一切身業隨智慧行。一切口業隨智慧行。一切意業隨智慧行。又諸如來知見過去無有障礙，知見未來無有障礙，知見現在無有障礙。又諸如來所爲無有錯謬，言無漏失，意無妄念，無別異想，常在三昧，無不知已舍。又諸如來意欲無減，精進無減，禪定無減，智慧無減，解脫無減，解脫知見無減。**

*(Kinh: Những gì là pháp bất cộng? Chính là Như Lai khi mới thành A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề cho đến lúc nhập Niết Bàn, trong khoảng ấy, tất cả tam nghiệp của Như Lai, trí huệ làm đầu. Hết thấy thân nghiệp thuận theo trí huệ mà hành xử. Hết thấy khẩu nghiệp thuận theo trí huệ mà hành xử. Hết thấy ý nghiệp thuận theo trí huệ mà hành xử. Lại nữa, các đức Như Lai thấy biết quá khứ chẳng có chướng ngại, thấy biết vị lai chẳng có chướng ngại, thấy biết hiện tại chẳng có chướng ngại. Lại nữa, việc làm của các đức Như Lai chẳng sai lầm, lời lẽ chẳng sai sót, ý chẳng có vọng niệm, chẳng nghĩ điều gì khác lạ, thường ở trong tam-muội, không điều gì đã biết mà chẳng xả. Lại nữa, các đức Như Lai ý dục chẳng giảm, tinh tấn chẳng giảm, Thiền Định chẳng giảm, trí huệ chẳng giảm, giải thoát chẳng giảm, giải thoát tri kiến chẳng giảm).*

Biết quá khứ, hiện tại, vị lai chẳng chướng ngại, thật sự là do Thiên Nhân Minh, Túc Mạng Minh, và Lưu Tận Minh mà có thể biết thấu triệt. Nay chúng ta nói “vô chướng ngại” tức là đối với nghe nói và suy luận, do phạm phu hữu tình chúng ta thủ hộ phân lượng hữu hạn, cho nên phần nhiều đối với sự hay biết thì bất quá lắng nghe cũng là chẳng thể nghĩ bàn, vì có phương tiện để tu tập hồng tiến nhập. Nếu thật sự đạt được vô ngại lực, sẽ sư tử hống, đối với pháp vô úy, đối với hành vô úy, đối với sự vô úy. Vì thế, Lý vô ngại, Sự vô ngại, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại, có thể thật sự tự tại vô ngại!

“Ngôn vô lậu thất, ý vô vọng niệm, vô biệt dị tướng” (Lời lẽ chẳng sai sót, ý chẳng có vọng niệm, không nghĩ gì khác lạ), khác hẳn hết thấy phạm phu ăn nói sơ sót, ý niệm vọng tưởng, thậm chí đủ loại suy tưởng khác lạ. “*Thường tại tam-muội*” (Thường ở trong tam-muội):



*Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2*

Hết thầy chư Phật Như Lai Thế Tôn chẳng ra khỏi tam-muội, dùng sức tự tại an ủi thế gian.

“*Vô bất tri dĩ xả*” tức là tuy biết nhưng đều xả (chẳng chấp trước điều mình hiểu biết). Bọn phàm phu hữu tình chúng ta phần nhiều bị vô minh và vô tri che lấp, chẳng nói tới “xả” được! Chỉ có bậc tròn đủ đức ấy, hiểu rõ chuyện ấy thì mới có thể nói đến Xả. Giống như chúng ta có một món đồ thì mới có thể nói đến xả. Nếu chẳng có đức như thế, chẳng có nhân duyên như thế, sao có thể nói đến xả cho được? Chư Phật Như Lai đã đích thân chúng hết thầy pháp tắc tự tại, cho nên các Ngài có thể đối với những gì đã biết, không gì chẳng xả!

“*Hựu chư Như Lai ý dục vô giảm, tinh tấn vô giảm, Thiền Định vô giảm, trí huệ vô giảm, giải thoát vô giảm, giải thoát tri kiến vô giảm*” (Lại chư Như Lai ý dục chẳng giảm, tinh tấn chẳng giảm, Thiền Định chẳng giảm, trí huệ chẳng giảm, giải thoát chẳng giảm, giải thoát tri kiến chẳng giảm), chúng ta thường nói Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác. Nếu dùng Đẳng Chánh Giác để giải thích “*vô giảm*” thì khá chuẩn xác. Nếu nói cặn kẽ hơn, sẽ khá rườm rà!

*(Kinh) Hiền Hộ! Thị vi Như Lai thập bát bất cộng pháp, bỉ Bồ Tát Ma Ha Tát đương ưng tu tập cụ túc thành mãn.*

**(經)賢護！是為如來十八不共法，彼菩薩摩訶薩當應修習具足成滿。**

*(Kinh: Này Hiền Hộ! Đó là mười tám pháp bất cộng của Như Lai, các vị Bồ Tát Ma Ha Tát ấy hãy nên tu tập trọn đủ, thành tựu viên mãn).*

Trước hết, tán thán mười tám món bất cộng thiện xảo của Như Lai, sau đó là khuyên các Bồ Tát tấn tu pháp này.

*(Kinh) Phục thứ Hiền Hộ! Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu cụ túc thậm thâm nan kiến nhiếp thọ chánh pháp, tức dục tuyên thuyết thị tam-muội giả, ưng đương cánh thọ thập chủng thắng pháp.*

**(經)復次賢護！若菩薩摩訶薩成就具足甚深難見攝受正法，即欲宣說是三昧者，應當更受十種勝法。**

*(Kinh: Lại này Hiền Hộ! Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu trọn đủ nhiếp thọ chánh pháp rất sâu khó thấy, nếu muốn tuyên nói tam-muội này, hãy nên thọ thêm mười thứ pháp thù thắng).*

Trước tiên là nói về mười tám món bất cộng, sau đó nói đến Thập Lực và bốn món vô úy, dần dần sẽ nói. Vì sao hướng dẫn chúng ta thâm nhập dần dần? Nếu chúng đắc tam-muội, tất nhiên chúng ta sẽ huân tập mười tám món bất cộng và pháp Thập Lực. Nếu chẳng có sức tam-muội, sẽ chỉ là nghe danh tự, chúng ta vẫn chẳng có sức để dính líu được!

*(Kinh) Hà đẳng vi thập? Sở vị Như Lai Thập Lực. Vân hà Thập Lực? Hiền Hộ! Thị trung, Như Lai thị xứ phi xứ lực giả, Như Lai w chư xứ phi xứ sự, năng dĩ chánh trí như thật trí cố. Hiền Hộ! Như thị xứ phi xứ sự, Như Lai năng dĩ chánh trí như thật trí giả. Thử tắc Như Lai xứ phi xứ lực. Như Lai đắc thử lực dĩ, trí chân thật xứ, w đại chúng trung, tác sư tử hồng, chuyển đại phạm luân, tích sở vị chuyển. Nhược hữu sa-môn, Bà La Môn, nhược thiên, nhược Phạm, nhược ma, nhược nhân, nhất thiết thế gian, chung vô hữu năng như thị chuyển giả. Hiền Hộ! Thị vi Như Lai đệ nhất trí lực. Bồ Tát Ma Ha Tát ưng đương tu học cụ túc thành mãn.*

**(經)何等爲十？所謂如來十力。云何十力？賢護！是中，如來是處非處力者，如來於諸處非處事，能以正智如實知故。賢護！如是處非處事，如來能以正智如實知者。此則如來處非處力。如來得此力已，知真實處，於大眾中，作師子吼，轉大梵輪，昔所未轉。若有沙門婆羅門，若天若梵若魔若人，一切世間，終無有能如是轉者。賢護！是爲如來第一智力。菩薩摩訶薩應當修學具足成滿。**

*(Kinh: Những gì là mười? Nói đến Thập Lực của Như Lai. Thập Lực là gì? Đây Hiền Hộ! Trong ấy, thị xứ phi xứ lực của Như Lai là Như Lai đối với các chuyện thị xứ và phi xứ, có thể dùng chánh trí để biết như thật. Đây Hiền Hộ! Đối với chuyện thị xứ hay phi xứ như thế, Như Lai có thể dùng chánh trí để biết như thật. Đây chính là xứ phi xứ lực của Như Lai. Như Lai đã đạt được sức này, biết chỗ chân thật, ở trong*

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

*đại chúng, hiện sư tử hống, chuyển đại phạm luân trước kia chưa chuyển. Nếu có Sa-môn, Bà La Môn, hoặc trời, hoặc rồng, hoặc Phạm Vương, hoặc ma, hoặc người, hết thấy thế gian trọn không có ai có thể chuyển như thế. Nay Hiền Hộ! Đó là trí lực thứ nhất của Như Lai, Bồ Tát Ma Ha Tát hãy nên tu học trọn đủ, thành tựu viên mãn).*

“*Như Lai xứ phi xứ lực*”: Trong thế gian này, chúng ta đối với mọi chuyện nhận biết là đương cơ hay chẳng phải đương cơ, là tương ứng hay chẳng tương ứng, đều chẳng thể sanh ra sức chân thật<sup>28</sup>, nhưng chư Phật Như Lai đối với điều này chẳng bị chướng ngại. “*Chuyển đại phạm luân, tích sở vị chuyển*” (Chuyển đại phạm luân trước kia chưa chuyển): Tức là [tuyên nói] pháp chưa từng có. Hết thấy chư Phật Như Lai xuất thế đều tuyên nói rộng rãi, đều là [các pháp] chưa từng có. Tuy tâm ấn của chư Phật Như Lai đã truyền lại chưa hề khác biệt, nhưng các giáo pháp được nói ra đều là pháp chưa từng có.

“*Nhược hữu sa-môn, Bà La Môn, nhược thiên, nhược Phạm, nhược ma, nhược nhân, nhất thiết thế gian, chung vô hữu năng như thị chuyển giả*” (Nếu có sa-môn, Bà La Môn, hoặc trời, hoặc Phạm Vương, hoặc ma, hoặc người, hết thấy thế gian, trọn chẳng có ai có thể chuyển như thế): Vì sao đặt Ma trước người? Chúng ta thường cho rằng nhân loại chắc là tốt đẹp hơn Ma đôi chút, nhưng con người trước khi thoát khỏi sanh tử, phần nhiều là quyến thuộc của ma, bị tử ma, thiên ma, phiền não ma v.v... đủ loại ma quấy rối, gây khó khăn, bị chúng nó sai khiến, trở thành nô dịch. Do vậy, đặt Ma lên trước, người ở sau. Đối với chuyện này, chớ nên sợ hãi, vì chúng ta được gặp Phật pháp, đối với ma pháp lẫn ma cảnh đều chẳng sợ hãi. Vì sao vậy? Do có giáo ngôn oai đức của Phật. “*Bồ Tát Ma Ha Tát ưng đương tu học cụ túc thành mãn*” (Bồ Tát Ma Ha Tát phải nên tu học thành tựu, viên mãn trọn đủ): Trước là tán thán, sau là khuyên tấn tu.

***(Kinh) Phục thứ Hiền Hộ! Thị trung, Như Lai nhất thiết chí xứ đạo lực giả, Như Lai ư nhất thiết xứ đạo sai biệt, giai dĩ chánh trí như thật tri cố. Hiền Hộ! Như thị nhất thiết chí xứ đạo sự, Như Lai năng dĩ chánh trí như thật tri giả. Thử tắc Như Lai chí xứ đạo lực dã. Như Lai đắc thử lực dĩ, tri chân thật xứ, ư đại chúng trung, tác sư tử hống,***

---

<sup>28</sup> Chuyện tương ứng, hợp lý, chính xác thì gọi là Xứ (hay Thị Xứ), còn chuyện chẳng tương ứng, chẳng hợp lý thì gọi là Phi Xứ.

*chuyển đại phạm luân, tích sở vị chuyển. Nhược chư thế gian, sa-môn, Bà La Môn, nhược thiên, nhược Phạm, nhược ma, nhược nhân, chung vô hữu năng như thị chuyển giả. Hiền Hộ! Thị vi Như Lai đệ nhị trí lực, Bồ Tát Ma Ha Tát ưng đương tu học cụ túc thành mãn.*

**(經)復次賢護！是中，如來一切至處道力者，如來於一切處道差別，皆以正智如實知故。賢護！如是一切至處道事，如來能以正智如實知者。此則如來至處道力也。如來得此力已，知真實處，於大衆中，作師子吼，轉大梵輪，昔所未轉。若諸世間沙門婆羅門，若天若梵若魔若人，終無有能如是轉者。賢護！是爲如來第二智力，菩薩摩訶薩應當修學具足成滿。**

*(Kinh: Lại này Hiền Hộ! Trong ấy, nhất thiết chí xú đạo lực (sức đến hết thấy các chỗ, các đường) của Như Lai là Như Lai trong hết thấy các chốn, các đường sai biệt, đều dùng chánh trí như thật mà biết. Nay Hiền Hộ! Đối với chuyện tới hết thấy các chốn, các đường như thế, Như Lai có thể dùng chánh trí để biết như thật. Đó chính là “chí xú đạo lực” của Như Lai. Như Lai đã đạt được sức ấy, biết chỗ chân thật, ở trong đại chúng, hiện sư tử hống, chuyển đại phạm luân xưa kia chưa chuyển, dù các sa-môn, Bà La Môn, hoặc trời, hoặc Phạm Vương, hoặc ma, hoặc người trong các thế gian, trọn chẳng có ai có thể chuyển như thế. Nay Hiền Hộ! Đó là trí lực thứ hai của Như Lai, Bồ Tát Ma Ha Tát hãy nên tu học, thành tựu viên mãn trọn đủ).*

*“Như Lai đắc thử lực dĩ, tri chân thật xú” (Như Lai đạt được sức này rồi, biết chỗ chân thật): “Đắc” là như thật vận dụng, như thật thành tựu. Hiện thời, chúng ta là hữu tình không có sức tu trì trong thời Mạt Pháp, mạng người ngắn ngủi, phước đức mỏng ít, nghe pháp còn chẳng kịp, càng chẳng nói có sức hành pháp. Nhưng nói “thời đại này không có sức hành pháp” hoàn toàn chẳng phải là nói “chúng ta không thể hành pháp, không thể chứng Thập Phương Chư Phật Tát Giai Hiện Tiền tam-muội, hoặc là mười tám pháp bất cộng cho đến Thập Lực đều chẳng thể chứng”, mà là nói: Trong thời đại này, người có đủ nhân duyên ấy mười phần hiếm hoi. Cho đến người nghe nói pháp này rất thưa thớt.*

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

Chúng ta thấy trong thế tục, hữu tình lặn hụp trong nghiệp và nghiệp duyên, chôn vùi trong nghiệp và nghiệp duyên, đúng là nhưong mắt nhìn, đâu đâu cũng có. Còn kẻ gặp gỡ Phật pháp hiếm thấy, khó gặp! Đối với pháp Ban Châu, hữu tình trong thời Mạt Pháp như thế mà còn có thể thành tựu pháp. Trên thực tế, [Ban Châu] là một pháp nhanh chóng, cắt đứt theo chiều ngang, vượt khỏi [tam giới] theo chiều ngang, lập tức huân tu, lập tức lựa chọn. Nếu một niệm có thể lựa chọn thật sự tương ứng, do [tương ứng] liên tục, bèn đạt được lợi ích chẳng thể nghĩ bàn, cho đến Thập Lực, cho đến mười tám bất cộng lực, đều có cơ hội tương ứng khế nhập, bởi cơ duyên ấy mạnh mẽ, nhạy bén!

Rất nhiều pháp tu khi con người thọ tám vạn tuổi, sáu vạn tuổi, hay bốn vạn tuổi thì vẫn rất dễ tu, nhưng hiện thời con người thọ một trăm tuổi, thậm chí chưa đến trăm tuổi, phước đức và thọ mạng của chúng ta đều quả thật quá kém cỏi, chỉ trong phút chốc sanh mạng đã tận. Trong khoảng vừa đặt chân, phước huệ đã hao sạch. Nhưng tuổi thọ con người càng ngày càng ngắn, tánh cảnh giác của chính mình lại càng chẳng đủ, càng dễ dàng trở lìa. Khi con người thọ tám vạn bốn ngàn năm, nhân loại tôn trọng sanh mạng, phước đức trọn đủ, sống trọn thọ mạng tám vạn năm. Trong khoảng đó, chẳng nảy sanh vấn đề, chỉ có ba thứ bệnh là ăn uống, tiêu tiểu, và tử vong; còn chúng ta trong đời này có bao nhiêu bệnh nạn? Có bao nhiêu chướng ngại? Khi tuổi thọ của chúng ta là một trăm năm, coi ăn uống là vui sướng; còn khi thọ mạng hơi dài lâu hơn, ăn uống và tiêu tiểu trên thực tế đều bị coi là bệnh tật. Chúng ta bị nhiều nỗi khốn khó vì hai pháp cơm áo. Do vậy, hành pháp thì phải giảm thiểu áo cơm, ba bữa giảm thành một bữa để tiện hành đạo. Nếu trong thế tục, rất nhiều thời gian bị lãng phí trong ba bữa cơm mỗi ngày. Nhất là nói theo phía người Hoa vốn coi trọng ẩm thực, lãng phí sanh mạng và thời gian quá lớn! Không chỉ có ẩm thực, mà còn phải tiêu hóa. Cơ thể còn phải chịu đựng gánh nặng khi tiêu hóa. Sau gánh nặng ấy, còn phải bài tiết. Đó quả thật là duyên gây chướng nạn; nhưng hiện thời chúng ta vẫn hưởng thụ! Trong thế tục, thường có kẻ nói: “Tu Phật pháp làm gì chớ? Không ăn thứ này, lại chẳng uống thứ kia, có ý nghĩa chi đâu?” Thực tế là đang ở trong bệnh tật mà cứ coi là vui, chuyện này đáng bị người có trí nhạo báng!

***(Kinh) Phục thứ Hiền Hộ! Thị trung, Như Lai thế gian chủng chủng giới lực giả, Như Lai w thế gian chủng chủng chư giới vô lượng sai biệt, năng dĩ chánh trí như thật tri cố. Hiền Hộ! Như thị thế***

*gian chủng chủng giới sự, Như Lai giai dĩ chánh trí như thật tri giả. Thử tắc Như Lai thế gian giới lực dã. Như Lai đắc thử lực dĩ, tri chân thật xứ. Ư đại chúng trung, tác sư tử hống, chuyển đại phạm luân, tích sở vị chuyển. Nhược chư thế gian, sa-môn, Bà La Môn, nhược thiên, nhược Phạm, nhược ma, nhược nhân, chung vô hữu năng như tư chuyển giả. Hiền Hộ! Thị vi Như Lai đệ tam trí lực, Bồ Tát Ma Ha Tát ưng đương tu học cụ túc thành mãn.*

**(經)復次賢護！是中，如來世間種種界力者，如來於世間種種諸界無量差別，能以正智如實知故。賢護！如是世間種種界事，如來皆以正智如實知者。此則如來世間界力也。如來得此力已，知真實處。於大眾中，作師子吼，轉大梵輪，昔所未轉。若諸世間沙門婆羅門，若天若梵若魔若人，終無有能如斯轉者。賢護！是為如來第三智力，菩薩摩訶薩應當修學具足成滿。**

*(Kinh: Lại này Hiền Hộ! Trong ấy, “sức biết các thứ giới trong thế gian của Như Lai” là Như Lai đối với các thứ giới vô lượng sai biệt trong thế gian, có thể dùng chánh trí để biết chân thật. Đây Hiền Hộ! Đối với các chuyện thuộc về các giới trong thế gian như thế, đức Như Lai đều dùng chánh trí để biết như thật. Đó chính là thế gian giới lực của Như Lai. Như Lai đã đạt được sức ấy rồi, biết chỗ chân thật. Ở trong đại chúng, hiện sư tử hống, chuyển đại phạm luân mà trước kia chưa chuyển. Dù sa-môn, Bà La Môn, hoặc trời, hoặc Phạm Vương, hoặc ma, hoặc người trong các thế gian, trọn chẳng có ai có thể chuyển như thế. Đây Hiền Hộ! Đó là trí lực thứ ba của Như Lai, Bồ Tát Ma Ha Tát hãy nên tu học thành tựu viên mãn trọn đủ).*

Không ngừng tán thán Phật, khuyên tu như thế.

*(Kinh) Phục thứ Hiền Hộ! Thị trung, Như Lai tâm hạnh lực giả, Như Lai ư chư chúng sanh chủng chủng tâm hạnh, vô lượng sai biệt, giai dĩ chánh trí như thật tri cố. Hiền Hộ! Như thị chúng sanh chủng chủng tâm hạnh vô lượng sai biệt, Như Lai năng dĩ chánh trí như thật tri giả. Thử tắc Như Lai tri tâm hạnh lực dã. Như Lai đắc*

*thử lực dã, tri chân thật xứ, w đại chúng trung, tác sư tử hống, chuyển đại phạm luân, tích sở vị chuyển. Nhược chư thế gian, sa-môn, Bà La Môn, nhược thiên, nhược Phạm, nhược ma, nhược nhân, chung vô hữu năng như thị chuyển giả. Hiền Hộ! Thị vi Như Lai đệ tứ trí lực, Bồ Tát Ma Ha Tát ưng đương tu học cụ túc thành mãn.*

**(經)復次賢護！是中，如來心行力者，如來於諸衆生種種心行，無量差別，皆以正智如實知故。賢護！如是衆生種種心行，無量差別，如來能以正智如實知者。此則如來知心行力也。如來得此力已，知真實處，於大衆中，作師子吼，轉大梵輪，昔所未轉。若諸世間沙門婆羅門，若天若梵若魔若人，終無有能如是轉者。賢護！是爲如來第四智力，菩薩摩訶薩應當修學具足成滿。**

*(Kinh: Lại này Hiền Hộ! Trong ấy, sức tâm hạnh của Như Lai là Như Lai đối với các thứ tâm hạnh vô lượng sai biệt của các chúng sanh, đều dùng chánh trí để biết như thật. Đây Hiền Hộ! Đối với các tâm hạnh vô lượng sai biệt của chúng sanh như thế, Như Lai có thể dùng chánh trí để biết như thật. Đó chính là sức biết tâm hạnh của Như Lai. Như Lai đạt được sức ấy rồi, biết chỗ chân thật, ở trong đại chúng, hiện sư tử hống, chuyển đại phạm luân trước kia chưa chuyển. Dù là sa-môn, Bà La Môn, hoặc trời, hoặc Phạm Vương, hoặc ma, hoặc người trong các thế gian, trọn chẳng có ai có thể chuyển như thế. Đây Hiền Hộ! Đó là trí lực thứ tư của Như Lai, Bồ Tát Ma Ha Tát hãy nên tu học thành tựu viên mãn trọn đủ).*

Cũng giống như thế, cách thức hành văn trong phần Thập Lực này giống như nhau: Không ngừng tán thán Phật, khuyên tu, rồi lại tán thán Phật, khuyên tu.

*(Kinh) Phục thứ Hiền Hộ! Như Lai tri chúng sanh chư căn sai biệt lực giả, Như Lai w chúng sanh chư căn chủng chủng sai biệt, giai dĩ chánh trí như thật tri cố. Hiền Hộ! Như thị chúng sanh chư căn chủng chủng sai biệt, Như Lai giai dĩ chánh trí như thật tri giả. Thị tác Như Lai chư căn sai biệt lực dã. Như Lai đắc thử lực dĩ, tri chân*

*thật xứ. Ư đại chúng trung, tác sư tử hống, chuyển đại phạm luân, tích sở vị chuyển. Nhược chư thế gian sa-môn, Bà La Môn, nhược thiên, nhược Phạm, nhược ma, nhược nhân, chung vô hữu năng như thị chuyển giả. Hiền Hộ! Thị vi Như Lai đệ ngũ trí lực, Bồ Tát Ma Ha Tát ưng đương tu học cụ túc thành mãn. Phục thứ Hiền Hộ! Thị trung, Như Lai Thiên Định lực giả, Như Lai ư nhất thiết Thiên Định giải thoát tam-muội, sanh khởi phiền não, cập dĩ diệt trừ, tư dĩ chánh trí như thật tri cố. Hiền Hộ! Như thị nhất thiết Thiên Định giải thoát tam-ma-bạt-đề sanh khởi phiền não, nãi chí thanh tịnh, Như Lai giai dĩ chánh trí như thật tri giả. Thị tắc Như Lai Thiên Định lực dã. Như Lai đắc thủ lực dĩ, tri chân chánh xứ. Ư đại chúng trung, tác sư tử hống, chuyển đại phạm luân, tiên sở vị chuyển. Nhược bỉ thế gian, sa-môn, Bà La Môn, nhược thiên, nhược Phạm, nhược ma, nhược nhân, chung vô hữu năng như thị chuyển giả. Hiền Hộ! Thị vi Như Lai đệ lục trí lực, Bồ Tát Ma Ha Tát, ưng đương tu học, cụ túc thành mãn. Phục thứ, Hiền Hộ! Như Lai nghiệp lực giả, Như Lai ư bỉ nhất thiết chư nghiệp chủng chủng sai biệt, cập bỉ vị lai hòa hợp đắc báo, diệc vô lượng sai biệt. Như Lai tư dĩ chánh trí như thật tri cố. Hiền Hộ! Như thị chư nghiệp chủng chủng sai biệt, vị lai đắc quả diệc phục sai biệt, Như Lai giai dĩ chánh trí, như thật tri giả. Tư tắc Như Lai tri nghiệp lực dã. Như Lai đắc dĩ, tri chân thật xứ. Ư đại chúng trung, tác sư tử hống, chuyển đại phạm luân tiên sở vị chuyển. Nhược bỉ thế gian, nhược sa-môn, Bà La Môn, nhược thiên, nhược Phạm, nhược ma, nhược nhân, chung vô hữu năng như tư chuyển giả. Hiền Hộ! Thị vi Như Lai đệ thất nghiệp lực, Bồ Tát Ma Ha Tát, ưng đương tu học, cụ túc thành mãn. Phục thứ Hiền Hộ! Như Lai thiên nhân lực giả, Như Lai thường dĩ thanh tịnh thiên nhân, quá ư nhân nhân, kiến bỉ vị lai chư chúng sanh bối, tử tử, sanh tử, kỳ sở thọ thân, hoặc mỹ, hoặc xú, hoặc thiện, hoặc ác, sở đắc chư sắc, hoặc hảo, hoặc ác, hoặc diệu, hoặc thô, hoặc sanh thiện đạo, hoặc sanh ác thú. Hựu kiến chúng sanh sở tác chư nghiệp, hoặc thiện, hoặc ác. Hữu chư chúng sanh, cụ thân ác nghiệp, cụ khẩu ác nghiệp, cụ ý ác nghiệp, ha mạ thánh nhân, phỉ báng chánh pháp, hoại hòa hợp Tăng. Cụ túc như thị chư ác nghiệp cố, thân hoại, mạng chung, sanh ư ác đạo. Hựu chư chúng sanh cụ thân thiện nghiệp, cụ khẩu thiện nghiệp, cụ ý thiện nghiệp, cung kính thánh nhân, tôn trọng chánh pháp, cúng dường chúng Tăng. Cụ hành như thị chư thiện nghiệp cố, mạng chung đắc sanh nhân thiên thiện thú. Như thị đẳng sự, giai như thật tri. Hiền Hộ!*



*Như Lai dĩ tịnh thiên nhãn, kiến chư chúng sanh, tử thử, sanh bỉ, nãi chí mạng chung, sanh ư thiên thượng. Thị tắc Như Lai sanh tử trí lực. Đắc thị lực dĩ, tri chân thật xứ. Ư đại chúng trung, tác sư tử hồng, chuyển đại phạm luân, tích sở vị chuyển. Nhược bỉ thế gian, nhược sa-môn, Bà La Môn, nhược thiên, nhược Phạm, nhược ma, nhược nhân, chung vô hữu năng nhược tư chuyển giả. Hiền Hộ! Thị vi Như Lai đệ bát trí lực, Bồ Tát Ma Ha Tát ưng đương tu học, cụ túc thành mãn.*

**(經)復次賢護！如來知衆生諸根差別力者，如來於衆生諸根種種差別，皆以正智如實知故。賢護！如是衆生諸根種種差別，如來皆以正智如實知者。是則如來諸根差別力也。如來得此力已，知真實處。於大衆中，作師子吼，轉大梵輪，昔所未轉。若諸世間沙門婆羅門，若天若梵若魔若人，終無有能如是轉者。賢護！是爲如來第五智力，菩薩摩訶薩應當修學具足成滿。復次賢護！是中，如來禪定力者，如來於一切禪定解脫三昧，生起煩惱，及以滅除，斯以正智如實知故。賢護！如是一切禪定解脫三摩跋提生起煩惱，乃至清淨。如來皆以正智如實知者。是則如來禪定力也。如來得此力已，知真正處。於大衆中，作師子吼，轉大梵輪，先所未轉。若彼世間沙門婆羅門，若天若梵若魔若人，終無有能如是轉者。賢護！是爲如來第六智力，菩薩摩訶薩應當修學具足成滿。復次賢護！如來業力者，如來於彼一切諸業種種差別，及彼未來和合得報，亦無量差別。如來斯以正智如實知故。賢護！如是諸業種種差別，未來得果亦復差別，如來皆以正智如實知者。斯則**

如來知業力也。如來得已，知真實處。於大眾中，作師子吼，轉大梵輪，先所未轉。若彼世間，若沙門婆羅門，若天若梵若魔若人，終無有能如斯轉者。賢護！是為如來第七業力，菩薩摩訶薩應當修學具足成滿。復次賢護！如來天眼力者，如來常以清淨天眼，過於人眼。見彼未來諸衆生輩，死此生彼。其所受身，或美或醜，或善或惡。所得諸色，或好或惡，或妙或粗，或生善道，或生惡趣。又見衆生所作諸業，或善或惡。有諸衆生，具身惡業，具口惡業，具意惡業，訶罵聖人，誹謗正法，壞和合僧，具足如是諸惡業故，身壞命終，生於惡道。又諸衆生，具身善業，具口善業，具意善業，恭敬聖人，尊重正法，供養衆僧。具行如是諸善業故，命終得生人天善趣，如是等事，皆如實知。賢護！如來以淨天眼，見諸衆生死此生彼，乃至命終，生於天上。是則如來生死智力。得是力已，知真實處。於大眾中，作師子吼，轉大梵輪，昔所未轉。若彼世間，若沙門婆羅門，若天若梵若魔若人，終無有能若斯轉者。賢護！是為如來第八智力，菩薩摩訶薩應當修學具足成滿。

*(Kinh: Lại này Hiền Hộ! Sức “chúng sanh có biết các căn sai biệt” của Như Lai là Như Lai đối với các loại căn sai biệt của chúng sanh, đều dùng chánh trí để biết như thật. Đây chính là chư căn sai biệt lực (sức biết các căn sai khác) của Như Lai. Như Lai đã đắc sức ấy rồi, biết chỗ chân thật. Ở trong đại chúng, hiện sư tử hống, chuyển đại phạm luân xưa kia chưa chuyển. Dù*

## ***Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

*sa-môn, Bà La Môn, hoặc trời, hoặc Phạm Vương, hoặc ma, hoặc người trong các thế gian, trọn chẳng có ai có thể chuyển như thế. Nay Hiền Hộ! Đó là trí lực thứ năm của Như Lai, Bồ Tát Ma Ha Tát hãy nên tu học thành tựu viên mãn trọn đủ.*

*Lại này Hiền Hộ! Trong ấy, sức Thiên Định của Như Lai là Như Lai đối với hết thấy Thiên Định, giải thoát tam-muội, sanh khởi phiền não, cùng với diệt trừ, đều dùng chánh trí để biết như thật. Nay Hiền Hộ! Đối với hết thấy Thiên Định giải thoát, tam-ma-bạt-đề sanh khởi phiền não, cho đến thanh tịnh như thế, Như Lai đều dùng chánh trí để biết như thật. Đấy chính là Thiên Định lực của Như Lai. Như Lai đã đắc sức ấy rồi, biết chỗ chân chánh. Ở trong đại chúng, hiện sư tử hống, chuyển đại phạm luân trước kia chưa chuyển. Dù sa-môn, Bà La Môn, hoặc trời, hoặc Phạm Vương, hoặc ma, hoặc người trong các thế gian, trọn chẳng có ai có thể chuyển như thế. Nay Hiền Hộ! Đó là trí lực thứ sáu của Như Lai, Bồ Tát Ma Ha Tát hãy nên tu học thành tựu viên mãn trọn đủ.*

*Lại này Hiền Hộ! Nghiệp lực của Như Lai là Như Lai đối với hết thấy các thứ nghiệp sai biệt, và các quả báo do hòa hợp mà đạt được trong vị lai, cũng là vô lượng sai biệt, Như Lai đều dùng chánh trí để biết như thật. Nay Hiền Hộ! Do các thứ nghiệp sai biệt như thế, đạt được cái quả trong vị lai cũng sai biệt, Như Lai đều dùng chánh trí để biết như thật. Đấy chính là sức biết nghiệp của Như Lai. Như Lai đã đạt được, biết chỗ chân thật. Ở trong đại chúng, hiện sư tử hống, chuyển đại phạm luân trước kia chưa chuyển. Dẫu cho sa-môn, Bà La Môn, hoặc trời, hoặc Phạm Vương, hoặc ma, hoặc người trong các thế gian, trọn chẳng có ai có thể chuyển như thế. Nay Hiền Hộ! Đó là nghiệp lực thứ bảy của Như Lai, Bồ Tát Ma Ha Tát hãy nên tu học thành tựu viên mãn trọn đủ.*

*Lại này Hiền Hộ! Thiên nhân lực của Như Lai là Như Lai thường dùng thiên nhân thanh tịnh vượt xa mắt của loài người, thấy các loại chúng sanh trong vị lai chết đây, sanh kia, họ thọ thân hoặc đẹp, hoặc xấu, hoặc thiện, hoặc ác, đạt được các sắc, hoặc tốt, hoặc xấu, hoặc màu nhiệm, hoặc thô kệch, hoặc sanh vào đường lành, hoặc sanh trong nẻo ác. Lại thấy chúng sanh tạo tác các nghiệp hoặc thiện, hoặc ác. Có các chúng sanh trọn đủ ác nghiệp nơi thân, trọn đủ ác nghiệp nơi miệng, trọn đủ ác nghiệp nơi ý, chửi rửa thánh nhân, phỉ báng chánh pháp, phá hoại hòa hợp Tăng. Do đầy đủ các ác nghiệp như thế, thân hư, mạng hết, sanh vào đường ác. Lại có các chúng sanh trọn đủ thiện nghiệp nơi*

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2**

thân, trọn đủ thiện nghiệp nơi miệng, trọn đủ thiện nghiệp nơi ý, cung kính thánh nhân, tôn trọng chánh pháp, cúng dường chúng Tăng. Do hành trọn đủ các thiện nghiệp như thế, mạng chung được sanh vào đường lành trời, người. Các chuyện như thế, đều biết như thật. Nay Hiền Hộ! Như Lai dùng thiên nhãn thanh tịnh, thấy các chúng sanh chết đây, sanh kia, cho đến mạng chung, sanh lên cõi trời. Đây chính là sanh tử trí lực của Như Lai. Đã đạt được sức ấy rồi, sẽ biết chỗ chân thật. Ở trong đại chúng, hiện sự tử hống, chuyển đại phạm luân, xưa kia chưa chuyển. Dẫu cho các thế gian, hoặc sa-môn, Bà La Môn, hoặc trời, hoặc Phạm Vương, hoặc ma, hoặc người, trọn chẳng có ai có thể chuyển như thế. Nay Hiền Hộ! Đó là trí lực thứ tám của Như Lai, Bồ Tát Ma Ha Tát hãy nên tu học thành tựu viên mãn trọn đủ).

Chư Phật Như Lai phần nhiều thọ ký cho các chúng sanh hữu duyên. Vì sao thọ ký? Do thấy bằng Thiên Nhãn, trông thấy chân thật, chẳng phải là hư giả lập ra, chẳng phải là tự tạo. Đối với chuyện “*chết đây, sanh kia; mất nơi này, hiện ra nơi khác*” đều biết rõ ràng rẽ, chẳng hề lẫn lộn. Đó là sức thiên nhãn.

**(Kinh) Phục thứ, Hiền Hộ! Như Lai tức mạng trí lực giả, Như Lai năng dĩ chư tức mạng trí, tri u quá khứ chư tức mạng sự. Sở vị chúng sanh sanh tử, tử bỉ, hoặc u nhất xứ, sơ thọ nhất sanh, hoặc nhị, hoặc tam, hoặc ngũ, hoặc thập, hoặc bách, hoặc thiên, nãi chí hoặc thọ vô lượng bách sanh, vô lượng thiên sanh, vô lượng bách thiên sanh. Như thị nãi chí vô lượng chuyển kiếp, vô lượng định kiếp, vô lượng chuyển bất chuyển kiếp đẳng, giai như thật tri. Hựu u bỉ sở sanh thú, như thị xứ, như thị gia, như thị chủng tánh, như thị danh tự, như thị tướng mạo, như thị sanh trung, như thị phục thực, như thị sở tác, như thị thiện ác, như thị ưu hỷ, như thị khổ lạc, nãi chí nhược can thọ mạng đẳng, diệc như thật tri. Hựu u mỗ xứ, xả bỉ thân dĩ, phục sanh mỗ xứ. Như thị thân tướng, như thị sở thuyết, như thị sở kinh, nãi chí thọ mạng chư quá khứ sự, giai tất tri cố. Hiền Hộ! Như Lai năng dĩ chủng chủng vô lượng chư tức mạng trí, tri bỉ chúng sanh tức mạng sở kinh, tử tự nhất sanh, cập vô lượng sanh, nãi chí thọ mạng, chư quá khứ sự, như thật tri giả. Thị tắc Như Lai tức mạng trí lực dã. Đắc thị lực dĩ, xử đại chúng trung, tác sự tử hống, chuyển đại phạm luân, tích sở vị chuyển. Nhược bỉ thế gian, sa-môn, Bà La Môn, nhược thiên, nhược Phạm, nhược ma, nhược nhân, chung vô hữu**

*năng nhược tư chuyển giả. Hiền Hộ! Thị vi Như Lai đệ cứu trí lực. Bồ Tát Ma Ha Tát ưng đương tu học, cụ túc thành mãn. Phục thứ Hiền Hộ! Như Lai lậu tận lực giả, Như Lai năng tận nhất thiết chur hữu, vô phục chur lậu, tâm huệ giải thoát, tự giác pháp dĩ. Thị cố xướng ngôn: “Ngã sanh dĩ tận, phạm hạnh dĩ lập, sở tác dĩ biện, bất thọ hậu hữu”. Hiền Hộ! Như Lai như thị năng tận chur lậu, tâm huệ minh thoát, tự chứng tri cố. Cố ngôn ngã sanh dĩ tận, nãi chí bất thọ hậu hữu, như thật tri giả. Thị tắc Như Lai lậu tận trí lực dã. Như Lai đắc dĩ, xử đại chúng trung, tác sư tử hống, chuyển đại phạm luân, tích sở vị chuyển. Nhược bỉ thế gian, sa-môn, Bà La Môn, nhược thiên, nhược Phạm, nhược ma, nhược nhân, chung vô hữu năng nhược tư chuyển giả. Hiền Hộ! Thị vi Như Lai đệ thập trí lực. Bồ Tát Ma Ha Tát ưng đương tu học cụ túc thành mãn.*

**(經)復次賢護！如來宿命智力者，如來能以諸宿命智，知於過去諸宿命事。所謂衆生，生此死彼，或於一處，初受一生，或二或三或五或十，或百或千，乃至或受無量百生，無量千生，無量百千生。如是乃至無量轉劫，無量定劫，無量轉不轉劫等，皆如實知。又於彼所生趣，如是處如是家，如是種姓，如是名字，如是相貌，如是生中，如是服食，如是所作，如是善惡，如是憂喜，如是苦樂，乃至若干壽命等，亦如實知。又於某處，舍彼身已，復生某處。如是身相，如是所說，如是所經，乃至壽命諸過去事，皆悉知故。賢護！如來能以種種無量諸宿命智，知彼衆生宿命所經，始自一生，及無量生，乃至壽命，諸過去事，如實知者。是則如來宿命智力也。得是力已，處大衆中作師子吼，轉大梵輪，昔所未轉。若彼世間沙門婆羅門，若天若梵若魔若人，終無有能若斯轉者。賢護！是爲如**

來第九智力。菩薩摩訶薩應當修學具足成滿。復次賢護！如來漏盡力者，如來能盡一切諸有，無復諸漏，心慧解脫，自覺法已。是故唱言：「我生已盡，梵行已立，所作已辦，不受後有」。賢護！如來如是能盡諸漏，心慧明脫，自證知故。故言我生已盡，乃至不受後有，如實知者。是則如來漏盡智力也。如來得已，處大眾中，作師子吼，轉大梵輪，昔所未轉。若彼世間沙門婆羅門，若天若梵若魔若人，終無有能若斯轉者。賢護！是為如來第十智力。菩薩摩訶薩當應修學具足成滿。

*(Kinh: Lại này, Hiền Hộ! Sức tức mạng trí lực của Như Lai là Như Lai có thể dùng các tức mạng trí, đối với các chuyện tức mạng trong quá khứ, như là chúng sanh sanh nơi đây, chết nơi kia, hoặc ở một chỗ, nhận lãnh một đời, hoặc hai, hoặc ba, hoặc năm, hoặc mười, hoặc trăm, hoặc ngàn, cho đến hoặc thọ sanh vô lượng trăm đời, vô lượng ngàn đời, vô lượng trăm ngàn đời. Như thế cho đến vô lượng chuyển kiếp, vô lượng định kiếp, vô lượng chuyển bất chuyển kiếp v.v... đều biết như thật. Lại còn đối với đường đã sanh vào, chỗ như thế, gia đình như thế, dòng họ như thế, tên gọi như thế, tướng mạo như thế, trong cuộc đời như thế, ăn mặc như thế, làm lụng như thế, thiện ác như thế, lo, mừng như thế, khổ, vui như thế, cho đến thọ mạng dài chừng nào v.v... cũng đều biết như thật. Lại ở chỗ nào đó, đã xả thân đó, lại sanh vào chỗ nào đó. Thân tướng như thế, nói năng như thế, từng trải như thế, cho đến các chuyện thuộc về thọ mạng trong quá khứ, đều biết trọn hết. Đây Hiền Hộ! Như Lai có thể dùng vô lượng các thứ tức mạng trí, biết chuyện chúng sanh đã từng trải qua trong đời trước, bắt đầu từ một đời, cho đến vô lượng đời, cho đến thọ mạng, các chuyện quá khứ, đều biết như thật. Đây là tức mạng trí lực của Như Lai. Đã đạt được sức ấy rồi, ở trong đại chúng, hiện sư tử hống, chuyển đại phạm luân, xưa kia chưa chuyển. Dầu cho sa-môn, Bà La Môn, hoặc trời, hoặc Phạm Vương, hoặc ma, hoặc người trong thế gian, trọn chẳng có ai có thể chuyển như*

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2**

thế. *Này Hiền Hộ! Đó là trí lực thứ chín của Như Lai, Bồ Tát Ma Ha Tát hãy nên tu học thành tựu viên mãn trọn đủ.*

*Lại này Hiền Hộ! Lậu tận lực của Như Lai là Như Lai có thể hết sạch các hữu, chẳng còn các lậu, tâm huệ giải thoát, đã tự giác ngộ pháp. Vì thế, xưng rằng: “Ta đã hết sanh, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, chẳng nhận lấy hậu hữu”. Này Hiền Hộ! Như Lai có thể hết sạch các lậu như thế, tâm huệ sáng suốt, giải thoát, do tự chứng biết. Vì thế nói “ta đã hết sanh”, cho đến “chẳng nhận lấy hậu hữu”, biết như thật. Đây là lậu tận trí lực của Như Lai. Như Lai đạt được rồi, ở trong đại chúng, hiện sự tử hống, chuyển đại phạm luân, xưa kia chưa chuyển. Dầu cho thế gian, sa-môn, Bà La Môn, hoặc trời, hoặc Phạm Vương, hoặc ma, hoặc người, trọn chẳng có ai có thể chuyển như thế. Này Hiền Hộ! Đó là trí lực thứ mười của Như Lai, Bồ Tát Ma Ha Tát hãy nên tu học thành tựu viên mãn trọn đủ).*

“*Như Lai Lậu Tận lực*”: Trong quá khứ, đã nói về Tam Minh, tức là Thiên Nhân Minh, Túc Mạng Minh, và Lậu Tận Minh. Đây là ba cơ chế giáo ngôn riêng biệt trong Phật pháp, biết quá khứ, hiện tại, vị lai. “*Như Lai năng tận nhất thiết chư hữu, vô phục chư lậu, tâm huệ giải thoát*” (Như Lai có thể tận hết tất cả các hữu, chẳng còn các lậu, tâm huệ giải thoát) tức là biết hiện tiền. Rất nhiều người nói đến thời điểm hiện tiền, có thể dùng Lậu Tận Lực để xem xét kỹ thì sẽ dễ nói hơn. “*Như thật tri giả, thị tắc Như Lai lậu tận trí lực dã*” (Do biết như thật, đây là sức lậu tận trí của Như Lai): Đây chẳng phải là vô ích, vô lực, mà thật sự là đích thân chúng.

*(Kinh) Hiền Hộ! Nhược chư Bồ Tát Ma Ha Tát đọc tụng, thọ trì, tư duy, tu tập thị tam-muội giả, tắc năng nhiếp thọ Như Lai Thập Lực dã. Nhĩ thời, Thế Tôn vị trùng minh thử nghĩa, dĩ kệ tụng viết: - Thập bát bất cộng đẳng giác pháp, Thập Lực minh trí chư Phật đồng.*

**(經)賢護! 若諸菩薩摩訶薩, 讀誦受持, 思惟修習, 是三昧者, 則能攝受如來十力也」。爾時, 世尊為重明此義, 以偈頌曰: 「十八不共等覺法, 十力明智諸佛同。**

*(Kinh: “Này Hiền Hộ! Nếu các Bồ Tát Ma Ha Tát đọc tụng, thọ trì, tư duy, tu tập tam-muội này, sẽ có thể nhiếp thọ Thập Lực của Như*

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

*Lai”.* Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn vì muốn nói lại nghĩa này, dùng kệ tụng nói như sau: - Giác pháp như mười tám bất cộng, Thập Lực trí sáng như Phật đồng).

Sự biểu đạt bằng sanh mạng của hết thầy Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, hoặc sự biểu đạt của các vị trí giả đều nương theo mười tám món bất cộng và Thập Lực, cùng với Tứ Vô Úy sẽ nói trong phần sau v.v... để hoằng pháp, trụ thế, thủ hộ pháp bất cộng lợi ích rộng khắp thế gian. Đây cũng là biểu hiện và sự lựa chọn nơi thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp, quá khứ, hiện tại, vị lai.

***(Kinh) Bồ Tát tu tập thứ diệu Thiên, tự nhiên thành tựu tư nhị chủng.***

**(經)菩薩修習此妙禪，自然成就斯二種」。**

*(Kinh: Bồ Tát tu tập thứ diệu Thiên này, tự nhiên thành tựu hai loại ấy).*

Ở đây, đức Thế Tôn hoàn toàn biểu đạt công đức và lợi ích trọn đủ của hai loại pháp “mười tám Bất Cộng” và Thập Lực trong Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiên tam-muội.

### ***19. Phẩm thứ mười lăm: Tùy Hỷ Công Đức***

Mọi người công khai đến cùng nhau đọc tụng, học tập kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ này, đúng là đã rộng kết duyên thù thắng tu trì Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiên tam-muội. Bất luận tu trì tương ứng hay chẳng tương ứng, nhân duyên này đều là cơ hội mười phần có ý nghĩa, mười phần đáng đề cho mọi người thâm nhập tu tập, thâm nhập tham dự.

***(Kinh) Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Phần Tùy Hỷ Công Đức phẩm đệ thập ngũ.***

**(經)大方等大集賢護分隨喜功德品第十五。**



***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

*(Kinh: Kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Phần. Phẩm thứ mười lăm: Tùy Hỷ Công Đức).*

Trong kinh điển, đức Thế Tôn nơi nơi đều chỉ dạy chúng ta phải thành tựu Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội, học tập, đọc tụng pháp tắc này, truyền bá pháp tắc này, cho đến vì người khác giải nói như thế nào, khiến cho pháp này được trụ thế lâu dài, khiến cho hết thấy hữu tình hữu duyên được chẳng thoái chuyển nơi Phật pháp. Đối với pháp Tịnh Độ, cho đến pháp môn Niệm Phật, nếu có thể gặp gỡ, người ấy chắc chắn thuộc vào chủng tánh bất thoái chuyển trong Phật pháp.

Nhân duyên bất thoái chuyển ấy quả thật là sự giáo hóa chẳng thể nghĩ bàn, tức là cái được gọi là “*sự giáo hóa chân thật trong giáo ngôn thuộc về quả địa của chư Phật Như Lai*”.

***(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn phục cáo Hiền Hộ Bồ Tát ngôn: - Hiền Hộ! Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát cụ túc thành tựu tứ tùy hỷ cố, tức đương đắc tư hiện tiền tam-muội.***

**(經)爾時，世尊復告賢護菩薩言：賢護！若菩薩摩訶薩具足成就四隨喜故，即當得斯現前三昧。**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn lại bảo Hiền Hộ Bồ Tát rằng: - Nay Hiền Hộ! Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát do thành tựu trọn đủ bốn thứ tùy hỷ, sẽ liền đắc hiện tiền tam-muội này).*

Trong phần trước, đã nói nhiều pháp tắc có thể chứng đắc tam-muội; ở đây, chỉ nói về công đức tùy hỷ. Trong phần trước, thường nhắc tới xa lìa kiêu mạn, ghen tỵ. Ở đây, nhắc tới tùy hỷ thành tựu.

***(Kinh) Tốc tạt thành mãn A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.***

**(經)速疾成滿阿耨多羅三藐三菩提。**

*(Kinh: Mau chóng thành tựu viên mãn A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề).*

Không chỉ là đích thân chứng Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội, mà còn mau chóng thành tựu Vô Thượng Bồ Đề.

*(Kinh) Hà đẳng danh vi tứ chủng tùy hỷ dã? Sở vị bỉ Bồ Tát Ma Ha Tát ưng tác như thị niệm.*

**(經)何等名爲四種隨喜也？所謂彼菩薩摩訶薩應作如是念。**

*(Kinh: Những gì gọi là bốn thứ tùy hỷ? Tức là Bồ Tát Ma Ha Tát hãy nên nghĩ như thế này).*

Đức Thế Tôn nhẫn nại, tỉ mỉ hướng dẫn chúng ta quan sát, tư duy, tu tập, cho đến hướng dẫn chúng ta trong mỗi ý niệm như thế. Kinh điển như vậy rất hiếm thấy, mà cũng là mười phần thuận tiện, đối với hết thảy hữu tình dù phàm hay thánh, dù trí hay ngu, đều chân thật gia trì tăng thượng công đức và lợi ích.

*(Kinh) Như bỉ quá khứ nhất thiết chư Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, các u vãng tích hành Bồ Tát thời, giai nhân tùy hỷ, đắc thị tam-muội. Nhân tam-muội cố, cụ túc đa văn. Do đa văn cố, tốc tât thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.*

**(經)如彼過去一切諸如來、應供、等正覺，各於往昔行菩薩時，皆因隨喜，得是三昧。因三昧故，具足多聞。由多聞故，速疾成就阿耨多羅三藐三菩提。**

*(Kinh: Như hết thảy các đức Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác trong quá khứ, mỗi vị khi hành Bồ Tát thuở trước, đều do tùy hỷ mà đắc tam-muội này. Do vì tam-muội, đầy đủ đa văn. Do vì đa văn, mau chóng thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề).*

Đây là ý niệm quan sát tương ứng, tức là hết thảy các vị Bồ Tát Ma Ha Tát do tùy hỷ tam-muội này, bèn thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Cơ chế giáo ngôn này chẳng đơn giản chỉ là hướng dẫn chúng ta cầu tam-muội này, đọc tụng kinh điển, vì người khác giải nói, cho đến đích thân chứng đắc tam-muội, mà còn nói người tùy hỷ tam-muội này sẽ chắc chắn chẳng thoái chuyển nơi Vô Thượng Bồ Đề, đạt được thành tựu. Điều này thật sự vượt khá xa sự nhận biết đơn giản của chúng ta khi thoát đầu tiếp xúc tam-muội Thập Phương Chư Phật Tât Giai Hiện Tiền này. Chẳng hạn như thoát đầu, [Hiền Hộ Bồ Tát] nêu

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

ra một trăm hai mươi hai công đức; ở đây, không chỉ nêu ra một trăm hai mươi hai công đức đó chỉ là chút ít phần trong rất ít phần vô lượng công đức của chư Phật, mà còn nói thẳng thừng: “Có thể thành tựu Vô Thượng Bồ Đề”. Do tùy hỷ tam-muội này, cho nên được thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Cơ chế giáo hóa như vậy quả thật rung động lòng người, rất chẳng thể nghĩ bàn!

***(Kinh) Như ngã kim nhật, diệc ưng như thị, y nhân tùy hỷ, đắc thị tam-muội. Nhân tam-muội cố, cụ túc đa văn. Do đa văn cố, tốc đắc thành tựu Vô Thượng Bồ Đề.***

**(經)如我今日，亦應如是，依因隨喜，得是三昧。因三昧故，具足多聞。由多聞故，速得成就無上菩提。**

*(Kinh: Như ta ngày nay, cũng nên như thế, do nương vào tùy hỷ, đạt được tam-muội này. Do tam-muội, cho nên trọn đủ đa văn. Do đa văn nên mau chóng thành tựu Vô Thượng Bồ Đề).*

Đức Thế Tôn hướng dẫn chúng ta: Muốn được mau chóng viên mãn đạo Vô Thượng Bồ Đề, hãy nên tùy hỷ tam-muội này, hãy nên tu tập, hãy nên thành tựu. Sau đó, trọn đủ đa văn. Do nhân duyên này mà được thành tựu Vô Thượng Bồ Đề.

***(Kinh) Hiền Hộ! Thị vi Bồ Tát Ma Ha Tát đệ nhất tùy hỷ công đức tụ dã.***

**(經)賢護！是為菩薩摩訶薩第一隨喜功德聚也。**

*(Kinh: Này Hiền Hộ! Đó là khối công đức thứ nhất do tùy hỷ của Bồ Tát Ma Ha Tát).*

Bảo Vương tam-muội này đúng là kho chứa hết thảy công đức, là đại tổng trì môn. Nếu có thể gặp gỡ, chứng môn tam-muội này, hoặc là tùy hỷ tam-muội này, hoặc hướng tới, hoặc vì người khác giải nói, cho đến đọc tụng. Công đức ấy đều là đại công đức tụ, lợi ích ấy chẳng thể nghĩ bàn!

***(Kinh) Hiền Hộ! Bỉ Bồ Tát Ma Ha Tát phục ưng như thị niệm: Như bỉ đương lai nhất thiết chư Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, hành Bồ Tát thời, giai nhân tùy hỷ đắc thị tam-muội. Nhân thứ***

*Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2*

*tam-muội cố, cụ túc đa văn. Do đa văn cố, tốc tạt thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.*

**(經)賢護！彼菩薩摩訶薩復應如是念：如彼當來一切諸如來、應供、等正覺，行菩薩時，皆因隨喜得是三昧。因此三昧故，具足多聞。由多聞故，速疾成就阿耨多羅三藐三菩提。**

*(Kinh: Nay Hiền Hộ! Vị Bồ Tát Ma Ha Tát ấy lại nên nghĩ như thế này: Như hết thấy các đức Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác trong tương lai khi hành Bồ Tát, đều do tùy hỷ mà đắc tam-muội này. Do vì tam-muội này, đầy đủ đa văn. Do vì đa văn, mau chóng thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề).*

Theo thứ tự, đức Thế Tôn hướng dẫn rõ ràng cho chúng ta: Trong phần trước là nghĩ tới hết thấy chư Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác trong quá khứ, các Ngài đều do tùy hỷ tam-muội này, cho nên chứng đắc tam-muội. Do chứng tam-muội nên đắc đa văn. Do đa văn cho nên mau chóng thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Ở đây, hãy nên nghĩ tùy hỷ hết thấy các đức Như Lai Thế Tôn trong tương lai. Trong khi tu nhân, các Ngài cũng do tùy hỷ tam-muội này. Do tam-muội mà đa văn, do đa văn nên mau chóng thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

*(Kinh) Như ngã kim nhật, diệc ưng như thị, đương nhân tùy hỷ đắc thị tam-muội. Quy bằng tam-muội, câu mãn đa văn. Do đa văn cố, tốc tạt thành bỉ Vô Thượng Bồ Đề. Hiền Hộ! Thị vị Bồ Tát Ma Ha Tát đệ nhị tùy hỷ công đức tự dã.*

**(經)如我今日，亦應如是，當因隨喜得是三昧。歸憑三昧，求滿多聞。由多聞故，速疾成彼無上菩提。賢護！是為菩薩摩訶薩第二隨喜功德聚也。**

*(Kinh: Như ta ngày nay cũng phải nên như thế, hãy nên do tùy hỷ mà đạt được tam-muội này. Dựa vào tam muội, câu thỏa đa văn. Do đa văn nên mau chóng thành tựu Vô Thượng Bồ Đề. Nay Hiền Hộ! Đó là khỏi công đức thứ hai do tùy hỷ của Bồ Tát Ma Ha Tát).*

“*Bỉ Vô Thượng Bồ Đề*” chính là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Trong sự hướng dẫn theo thứ tự này, chúng ta thấy hết sức rõ ràng phải nên tùy hỷ hết thảy chư Phật dù quá khứ, dù tương lai, hay hiện tại.

*(Kinh) Hiền Hộ! Thị Bồ Tát Ma Ha Tát phục ưng như thị niệm: Nhi kim hiện tại vô lượng vô biên A-tăng-kỳ chư thế giới trung, nhất thiết chư Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, các u vãng tích hành Bồ Tát thời, diệc nhân tùy hỷ đắc thị tam-muội. Nhân thị tam-muội, cụ túc đa văn. Do đa văn, diệc ưng tùy hỷ, nãi chí vị dục tốc thành Vô Thượng Bồ Đề cố. Hiền Hộ! Thị vi Bồ Tát Ma Ha Tát đệ tam tùy hỷ công đức tụ dã.*

**(經)賢護！是菩薩摩訶薩復應如是念：而今現在無量無邊阿僧祇諸世界中，一切諸如來、應供、等正覺，各於往昔行菩薩時，亦因隨喜得是三昧。因是三昧，具足多聞。由多聞，亦應隨喜，乃至為欲速成無上菩提故。賢護！是為菩薩摩訶薩第三隨喜功德聚也。**

*(Kinh: Nay Hiền Hộ! Vị Bồ Tát Ma Ha Tát ấy cũng nên nghĩ như thế này: Trong vô lượng vô biên A-tăng-kỳ thế giới hiện thời, hết thảy các đức Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, mỗi vị khi xưa lúc hành đạo Bồ Tát, cũng do tùy hỷ mà đắc tam-muội này. Do tam-muội này, trọn đủ đa văn. Do đa văn, cũng nên tùy hỷ, cho đến vì muốn nhanh chóng thành Vô Thượng Bồ Đề. Nay Hiền Hộ! Đó là khối công đức thứ ba do tùy hỷ của Bồ Tát Ma Ha Tát).*

Tùy hỷ chư Như Lai trong quá khứ, chư Như Lai trong tương lai, cho đến chư Như Lai trong hiện tại. Tất cả ba đời hết thảy chư Phật Thế Tôn đều do tùy hỷ tam-muội này mà chứng đắc sức tam-muội. Do sức tam-muội mà nghe nhiều, thấy nhiều, mau chóng thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Đúng là sự tùy hỷ ở đây có công đức chẳng thể nghĩ bàn. Người trong thời đại này vì trong tâm nhiệt nảo, cho nên so đo. Do so đo, lại sanh ra nhiệt nảo, mỗi người nầy sanh kiêu mạn, tri kiến chẳng chánh đáng, ghen ty, và đấu tranh. Ở đây, chỉ nhắc tới công đức chân thật của pháp tùy hỷ. Trong mười đại nguyện vương của Phổ Hiền

Bồ Tát Hạnh Nguyễn Phẩm cũng tuyên nói nhiều về công đức và lợi ích của tùy hỷ.

*(Kinh) Phục thứ Hiền Hộ! Bỉ Bồ Tát Ma Ha Tát phục ưng như thị niệm: Ngã kim dĩ đắc ngưỡng học tam thể nhất thiết chư Như Lai, bốn u quá khứ hành Bồ Tát thời, giai nhân tùy hỷ đắc thị tam-muội, giai nhân tam-muội, cụ túc đa văn, giai do đa văn nhi đắc thành Phật. Kim ngã dĩ thử tùy hỷ công đức, nguyện dĩ nhất thiết chúng sanh cộng chi, đồng sanh tùy hỷ, đồng hoạch tam-muội, đồng cụ đa văn, đồng tất thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Hiền Hộ! Thị vi Bồ Tát Ma Ha Tát đệ tứ tùy hỷ công đức tỳ dã.*

**(經)復次賢護！彼菩薩摩訶薩復應如是念：我今已得仰學三世一切諸如來，本於過去行菩薩時，皆因隨喜得是三昧，皆因三昧，具足多聞，皆由多聞而得成佛。今我以此隨喜功德，願與一切衆生共之，同生隨喜，同獲三昧，同具多聞，同悉成就阿耨多羅三藐三菩提。賢護！是爲菩薩摩訶薩第四隨喜功德聚也。**

*(Kinh: Lại này Hiền Hộ! Vị Bồ Tát Ma Ha Tát lại nên nghĩ như thế này: Ta nay đã được kính ngưỡng, học theo ba đời hết thấy các vị Như Lai, vốn trong quá khứ, khi hành Bồ Tát, đều do tùy hỷ mà đắc tam-muội này, đều do tam-muội mà đầy đủ đa văn, đều do đa văn mà được thành Phật. Nay ta do công đức tùy hỷ này mà nguyện cùng với hết thấy chúng sanh, cùng sanh tùy hỷ, đồng đắc tam-muội, đồng trọn đủ đa văn, cùng đều thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Đây Hiền Hộ! Đó là khối công đức thứ tư do tùy hỷ của Bồ Tát Ma Ha Tát).*

Ở đây là nguyện, rất nhiều người tu pháp suốt đời mà chẳng có nguyện lực chống đỡ, chẳng có nguyện lực hướng dẫn. Vì thế, tu pháp phần nhiều do mê mờ bèn tiếp tục chuyển đổi nhân duyên, nhưng chẳng thể thật sự hiểu rõ pháp tắc “*thâm nhập một môn*”. Vì chẳng có sức như thế, cho nên phần nhiều là bỏ dở nửa chừng, hoặc “*sáng ba, chiều bốn*” (thay đổi thất thường), chẳng thể chân thật tương ứng với đạo nghiệp.

Nguyện vọng ở chỗ này chính là công đức thứ tư do tùy hỷ. Nếu có các Bồ Tát Ma Ha Tát phát nguyện như thế, thật sự là rất dễ đạt được,

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

rất dễ thành tựu tướng công đức to lớn này. Trên cơ sở của ba nguyện trước, ở đây đã thực hiện tùy hỷ triệt để, tổng kết, “*nguyện dữ nhất thiết chúng sanh cộng chi, đồng sanh tùy hỷ, đồng hoạch tam-muội, đồng cụ đa văn, đồng tất thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề*” (nguyện cùng chung với hết thảy chúng sanh, cùng sanh tùy hỷ, cùng đạt được tam-muội, cùng trọn đủ đa văn, đều cùng thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề). Đây đúng là nguyện đại trí huệ chẳng thể nghĩ bàn, là nguyện đại dụng, là nguyện đại phương tiện!

Trong kinh giáo, đức Thế Tôn đã nhiều lượt tuyên nói nguyện vọng thù thắng, pháp tắc thù thắng, tâm địa thù thắng, và sự thủ hộ cùng thành tựu thù thắng như thế. Tâm trí của hạng phàm phu lè tè sát đất thường hẹp hòi, ích kỷ, dùng Thân Kiến, Pháp Kiến, hoặc đủ loại nghiệp kiến, tức là các tri kiến chẳng tương ứng như tham, sân, si, mạn, nghi, tri kiến chẳng chánh đáng v.v... để tổn giảm, lãng phí sanh mạng hoàn chỉnh vốn sẵn thanh tịnh của chính mình. Nếu có thể phát nguyện như thế, đúng là chẳng thể nghĩ bàn.

*(Kinh) Phục thứ Hiền Hộ! Nhi bỉ Bồ Tát ký đắc thành tựu như thị tùy hỷ, như thị tam-muội, như thị đa văn, như thị tốc tất thành tựu Bồ Đề. Dĩ thị công đức, tất dữ chúng sanh cộng đồng hồi hướng A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Như thị công đức, nan khả xưng lượng, ngã kim vị nhữ lược khai thiểu phần, nhữ nghi đế thính, thiện tư niệm chi.*

**(經)復次賢護！而彼菩薩既得成就如是隨喜，如是三昧，如是多聞，如是速疾成就菩提。以是功德，悉與衆生共同迴向阿耨多羅三藐三菩提。如是功德，難可稱量，我今爲汝略開少分，汝宜諦聽，善思念之。**

*(Kinh: Lại này Hiền Hộ! Nhưng vị Bồ Tát ấy đã được thành tựu tùy hỷ như thế, tam-muội như thế, đa văn như thế, mau chóng thành tựu Bồ Đề như thế. Do công đức ấy, đều cùng với chúng sanh cùng nhau hồi hướng A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Công đức như thế khó thể tính kể, ta nay vì ông nói đại lược chút phần, ông hãy nên lắng nghe, khéo suy nghĩ đó).*

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

Đối với tướng công đức của bốn loại khối công đức trên đây, đức Thế Tôn sẽ dùng tỷ dụ để chúng ta có thể cảm nhận, có thể thật sự tùy hỷ sự hành trì của hết thầy chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai trong khi tu nhân. Do tùy hỷ tam-muội này, sẽ đích thân chứng tam-muội này, có thể đạt được đa văn, cho đến đích thân chứng A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Đối với tướng công đức to lớn này và nội dung thực chất của nó, đức Thế Tôn dùng tỷ dụ để chúng ta có thể cảm nhận phần nào, sẽ phát khởi sự tùy thuận quyết định đối với pháp tắc tùy hỷ này.

***(Kinh) Hiền Hộ! Thí như hữu nhân định thọ bách tuế.***

**(經)賢護! 譬如有人定壽百歲。**

***(Kinh: Nay Hiền Hộ! Ví như có người chắc chắn thọ một trăm tuổi).***

Nay chúng ta đang ở trong kiếp giảm, tuổi thọ của con người chỉ còn trong vòng một trăm năm. Đây là giai đoạn khổ nhất của nhân loại từ bao kiếp rộng lớn đến nay, nhưng người trong thời đại này hết sức kiêu mạn, tự đại, ghen tỵ, hiềm chiến. Vì lẽ nào? Cộng nghiệp của mọi người không ngừng cường hóa, đem lại quả báo thuộc loại xấu ác ấy. Khi chúng ta nghe tuổi thọ của con người là tám vạn bốn ngàn năm, tâm trí sẽ cảm thấy thoải mái, thông dong, vì khi đó, sẽ có đủ thời gian để làm mọi chuyện, tinh lực, thể lực, phước đức lực đều trọn đủ, còn hiện tại thì tâm trí và nghiệp duyên của con người bị nhiều nổi bức bách, bị Khổ Khổ bức bách. Do sanh mạng ngắn ngủi, cho nên con người nóng lòng đạt được hiệu quả và lợi ích chẳng màng thủ đoạn, chẳng bận tâm đến pháp tắc, kết quả là mắc hại vì chỉ chuyên chú đạt lợi ích bất cần thủ đoạn! Tuy làm thành công một chuyện chi đó, nhưng đã tạo vô lượng nghiệp. Dầu đạt được một mục đích, nhưng đã thương tổn vô lượng hữu tình.

Như vậy đều là do cái tâm cưỡng chấp hiệu quả và lợi ích của chính mình, gieo hại cho chúng sanh, nhiễu loạn xã hội, bức bách lẫn nhau, khiến cho năm sự ác, năm sự đau, năm sự thiêu đốt trong thế giới này càng thêm hùng hực. Đây quả thật là chuyện đọa lạc mà nhân loại trong thời đại này cần phải đặc biệt phản tỉnh. Nếu hiện thời chẳng phải là con người thọ tám vạn bốn ngàn năm, dầu là năm vạn năm, chúng ta vẫn có thể yên tâm vận dụng, tu tập các pháp tắc đó. Nhưng hiện thời, tuổi thọ của con người quá ngắn ngủi, trong vòng một trăm năm, thời gian chúng ta có thể tự làm chủ là bao lâu? Thời gian chúng ta có thể



nghe pháp, hành pháp lại là bao lâu? Trí huệ của chúng ta lại thật sự có thể sáng suốt trong thời gian bao lâu? Đây quả thật là những chỗ chúng ta phải nên suy nghĩ!

*(Kinh) Thân khinh khí mãnh, hành tuấn nhược phi. Thị nhân sanh tiện tức năng hành nhất thế giới. Tiên hành Đông phương tận thế giới biên. Như thị thứ đệ hành u Nam, Tây, Bắc phương, tứ duy, thượng, hạ, châu toàn thập phương, cùng cực địa tế. Hiền Hộ! U ý vân hà? Giả sử hữu nhân thông minh xuất thế, thiện thông toán thuật, năng kế thị nhân sở hành địa giới đạo lộ viễn cận, trường đoản da?*

**(經)身輕氣猛，行駿若飛。是人生便即能行一世界。先行東方盡世界邊。如是次第行於南西北方四維上下，周旋十方，窮極地際。賢護！於意云何？假使有人聰明出世，善通算術，能計是人所行地界道路近遠長短耶？」**

*(Kinh: Thân nhẹ nhàng, sức mạnh mẽ, đi vùn vụt như bay. Người ấy vừa sanh ra đã có thể đi khắp một thế giới. Trước hết, đi trọn hết các thế giới ở phương Đông. Theo thứ tự như thế, đi trong các phương Nam, Tây, Bắc, bốn góc, trên, dưới, trọn khắp mười phương, cùng cực ranh giới các cõi đất. Này Hiền Hộ! Ý ông nghĩ sao? Giả sử có người thông minh ra đời, khéo thông thạo tính toán, có thể tính toán đường sá xa gần, dài ngắn nơi các cõi đất mà người ấy đã đi hay chăng?)*

Ở đây, đức Thế Tôn nêu một giả thiết: Một người đi lại nhanh chóng như bay, sanh ra đã có thể đi khắp một thế giới. Trước hết đi từ phương Đông, sau đó đến Tây, Nam, Bắc, bốn phương bàng, trên, dưới, mỗi phương đều đi cùng tận giới hạn của cuộc đất, hỏi rằng người thông minh có thể tính toán đường sá mà kẻ đó đã đi dài ngắn cỡ nào hay chăng?

*(Kinh) Hiền Hộ bạch ngôn: “Bất dã!” “Hựu năng xưng lượng da?” “Bất dã!” “Hữu năng quán sát da?” “Bất dã”. “Diệc năng tư duy da?” “Bất dã, Thế Tôn”. “Hiền Hộ! Thử trí sơ hành, tức sử thị nhân mãn túc bách niên, tốc tạt vãng phản, biến chí thập phương vô lượng thế giới. Bĩ minh toán nhân, phục năng tri phủ?” Hiền Hộ báo*

ngôn: “*Bất dã, Thế Tôn. Bỉ minh toán nhân, thượng bất năng tri sơ thời sở hành địa giới cận viên, vân hà năng kế thị nhân nhất thế, tận lực phi hành châu biến thập phương vô số thế giới đạo lộ do-tuần, kỳ số đa thiểu? Nhược dục đắc tri, duy độc Thế Tôn cập đại đệ tử Xá Lợi Phất, dữ bỉ bất thoái chư đại Bồ Tát đẳng, nãi năng tri nhĩ!*”

(經)賢護白言：「不也！」「又能稱量耶？」「不也！」「又能觀察耶？」「不也！」「亦能思惟耶？」「不也！世尊」。「賢護！且置初行，即使是人滿足百年，速疾往返，遍至十方無量世界。彼明算人，復能知否？」賢護報言：「不也！世尊。彼明算人，尚不能知初時所行地界近遠，云何能計是人一世，盡力飛行周遍十方無數世界道路由旬，其數多少？若欲得知，唯獨世尊及大弟子舍利弗，與彼不退諸大菩薩等，乃能知耳！」

(*Kinh: Hiền Hộ bạch rằng: “Thưa không ạ!” [Đức Thế Tôn hỏi]: “Lại có thể tính kê hay chẳng?” “Thưa không ạ”. “Có thể quan sát hay không?” “Thưa không ạ!” “Cũng có thể tư duy hay không?” “Bạch Thế Tôn! Không ạ”. “Này Hiền Hộ! Hãy để chuyện đi trên đây lại đó. Giả sử người ấy trọn một trăm năm, qua lại nhanh chóng, đến khắp vô lượng thế giới trong mười phương, người giỏi toán đó lại có thể biết được chẳng?” Hiền Hộ thưa rằng: “Bạch Thế Tôn, không ạ! Người giỏi toán đó còn chẳng thể biết lúc kê đó khi đi lần đầu, đã đi trong bao nhiêu cõi đất gần xa, thì làm sao có thể tính ra kê đó trong một đời, tận lực phi hành trọn khắp mười phương vô số thế giới, con số do-tuần nơi các đường sá kê đó đã đi là bao nhiêu? Nếu muốn biết, chỉ riêng đức Thế Tôn và đại đệ tử Xá Lợi Phất, cùng với các vị đại Bồ Tát bất thoái mới có thể biết mà thôi!”)*

“Do-tuần” (Yojana) là một đơn vị đo lường [chiều dài] của Ấn Độ. Nếu nói khá chuẩn xác, đại khái là ở vùng núi thì năm mươi dặm là một do-tuần, nơi núi đồi thì ba mươi dặm hoặc bốn mươi dặm là một do-tuần, nơi đồng bằng thì sáu mươi dặm là một do-tuần. Cũng có người trực tiếp coi bốn mươi dặm là một do-tuần [trong mọi trường hợp].

*(Kinh) Phật cáo Hiền Hộ: - Như thị, như thị. Ngã kim ngữ như. Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân khởi tín kính tâm, u bỉ phong hành tráng nhân sở kinh thế giới, thịnh mãn trân bảo, trì dụng phụng hiến thập phương chư Phật, kỳ sở hoạch phước, tuy viết cực đa, nhiên thượng bất như tùy hỷ tam-muội công đức thiểu phần.*

**(經)佛告賢護：「如是，如是。我今語汝。若有善男子善女人，起信敬心，於彼風行壯人所經世界，盛滿珍寶，持用奉獻十方諸佛，其所獲福，雖曰極多，然尚不如隨喜三昧功德少分。**

*(Kinh: Lại này Hiền Hộ: - Như thế đó, như thế đó. Ta nay bảo ông, nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân khởi tâm kính tin, đối với các thế giới mà người mạnh khỏe đi như gió ấy đã trải qua, bèn chứa đầy trân bảo, dùng để dâng cúng mười phương chư Phật, phước do người ấy đạt được tuy nói là cực nhiều, vẫn chẳng bằng chút phần công đức do tùy hỷ tam-muội).*

Đây là tỷ dụ, nêu rõ sự sai biệt giữa Tài Bồ Thí và Pháp Bồ Thí. Quý vị nói: “Như vậy thì chẳng phải là pháp tùy hỷ quá tiện nghi hay sao?” Chẳng phải vậy! Nếu chẳng có thiện căn từ bao kiếp lâu xa tới nay đã chín muồi, chúng ta sẽ chẳng có cơ hội được nghe! Đừng tưởng chính mình được nghe [tam-muội này] là chuyện rất đơn giản. Nếu [cứ nghĩ như thế], thật ra là đang tự khinh! Có khi do tự mạn, chúng ta nẩy sanh tri kiến tự khinh chẳng chánh xác! Thường là đối với thiện căn của chính mình, chẳng thể chánh tín, đối với ác duyên của chính mình chẳng thể trực diện xét kỹ, đối với lỗi lầm của chính mình cũng chẳng thể sám hối. Con người có khi là như thế đó, rất khó thể thuyết phục được! Nếu chúng ta có thể nắm rõ ràng, nhận thức chuẩn xác, sẽ rất dễ dàng xử lý các vấn đề sanh tử phiền não.

*(Kinh) Hà dĩ cố? Hiền Hộ! Do bỉ Bồ Tát Ma Ha Tát tu thử tam-muội, cụ túc như thượng tứ đại tùy hỷ, hồi hướng A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Vị cầu đa văn thành Chánh Giác cố. Hiền Hộ! Dĩ thị nhân duyên, trì bỉ thí phước, vọng tiền tùy hỷ sở hoạch công đức, bách phần bất cập nhất, thiên phần bất cập nhất, bách thiên vạn phần*

*bất cập nhất, ức bách thiên phần bất cập nhất. Nãi chí toán số thí dụ, sở bất năng cập. Hiền Hộ! Nhữ kim đương tri, chư Bồ Tát đẳng, tùy hỷ hồi hướng sở đắc công đức. Thị cố, ngã kim cánh vị nhữ thuyết Bồ Tát tùy hỷ công đức thiểu phần, nhữ nghi để thính dã.*

**(經)何以故? 賢護! 由彼菩薩摩訶薩修此三昧, 具足如上四大隨喜, 迴向阿耨多羅三藐三菩提。爲求多聞成正覺故。賢護! 以是因緣, 持彼施福, 望前隨喜所獲功德, 百分不及一, 千分不及一, 百千萬分不及一, 億百千分不及一。乃至算數譬喻, 所不能及。賢護! 汝今當知, 諸菩薩等, 隨喜迴向所得功德。是故, 我今更爲汝說菩薩隨喜功德少分, 汝宜諦聽也。**

*(Kinh: Vì có sao? Này Hiền Hộ! Do Bồ Tát Ma Ha Tát ấy tu tam-muội này, sẽ đầy đủ bốn món đại tùy hỷ như trên, hồi hướng A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, vì để cầu đa văn, thành Chánh Giác. Này Hiền Hộ! Do nhân duyên ấy, đem phước bố thí đó so với công đức đạt được do tùy hỷ trên đây thì chẳng bằng một phần trăm, chẳng bằng một phần ngàn, chẳng bằng một phần trăm ngàn vạn phần, chẳng bằng một phần ức trăm ngàn. Cho đến toán số thí dụ, đều chẳng thể bằng được. Này Hiền Hộ! Ông nay nên biết công đức đạt được của các vị Bồ Tát do tùy hỷ hồi hướng. Vì thế, ta nay lại vì ông nói chút phần công đức do tùy hỷ, ông hãy nên lắng nghe).*

Đức Thế Tôn lại dùng tỷ dụ để nói rõ với chúng ta một vấn đề, tức là phước đức đạt được do bố thí cúng dường chư Phật so với công đức tùy hỷ tam-muội, hồi hướng A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề sẽ là chẳng thể nói trọn được!

**(Kinh) Hiền Hộ! Ngã niệm vãng tích quá u vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp, nhĩ thời hữu Phật, hiệu Sư Tử Ý Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, xuất hiện u thế.**

**(經)賢護！我念往昔過於無量無邊阿僧祇劫，爾時有佛，號師子意如來、應供、等正覺、明行足、善逝、世間解、無上士、調御丈夫、天人師、佛、世尊，出現於世。**

*(Kinh: Nay Hiền Hộ! Ta nhớ xưa kia quá vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp, lúc ấy có Phật, hiệu là Sư Tử Ý Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn xuất hiện trong đời).*

*“Sư Tử Ý Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn”, cách dịch này thuận theo kết cấu ngôn ngữ của người Hoa. Trong quá khứ, cũng có người dịch thành “Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư .... Phật Thế Tôn”. Đó là cách nói đảo ngược.*

*(Kinh) Hiền Hộ! Thời thử thế giới Diêm Phù Đề trung, nhân dân xí thịnh, đa nhiều tài bảo, phong lạc an ổn, thậm khả ái nhạo. Hiền Hộ! Nhĩ thời, thử Diêm Phù Đề, kỳ địa hoàng quảng, cụ túc nhất vạn bát thiên do-tuần. Kỳ gian thành đô, tụ lạc, nãi hữu nhất vạn bát thiên, nhất thiết giai dĩ thất bảo sở thành. Kỳ thành tung quảng thập nhị do-tuần, u chư thành nội, thành ngoại, giai hữu cửu thập ức dân gia.*

**(經)賢護！時此世界閻浮提中，人民熾盛，多饒財寶，豐樂安穩，甚可愛樂。賢護！爾時，此閻浮提，其地宏廣，具足一萬八千由旬。其間城都聚落，乃有一萬八千，一切皆以七寶所成。其城縱廣十二由旬，於諸城內城外，皆有九十億民家。**

*(Kinh: Nay Hiền Hộ! Khi đó, trong Diêm Phù Đề của thế giới này, nhân dân đông đảo, của cải sung túc, giàu mạnh, an ổn, rất đáng yêu thích. Nay Hiền Hộ! Lúc bấy giờ, trong Diêm Phù Đề này, cuộc đất*

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2**

rộng rãi, trọn đủ một vạn tám ngàn do-tuần. Trong đó, thành đô, xóm làng bên có một vạn tám ngàn nơi, hết thấy đều do bảy báu tạo thành. Thành ấy có kích thước mười hai do-tuần, trong ngoài thành đều có chín mươi ức nhà dân).

“Nhất thiết giai dĩ thất bảo sở thành” (Hết thấy đều do bảy báu tạo thành): Trong Phật giáo, thường nhắc tới thất bảo. Dùng thất bảo để kiến tạo thành thị là như thế nào? Tâm trí của chúng ta rất khó suy nghĩ được, chẳng có khái niệm! Nay các thành thị tốt đẹp nhất của chúng ta đều chẳng rời các loại xi măng, cốt thép, ngói, gạch v.v... Bất luận trau chuốt cỡ nào, vẫn là ngói, đá! “Cửu thập ức dân gia” (Chín mươi ức nhà dân): Tại Ấn Độ, đối với chữ Úc, có khi hiểu là một trăm vạn, hoặc một ngàn vạn, mà cũng có khi nói là một vạn vạn. Ở đây nói theo kiểu nào? Chẳng thể biết!

*(Kinh) Hiền Hộ! Nhĩ thời, đại thành danh viết Hiền Tác. Thành trung cư dân, hữu lục thập ức, bỉ thành tức thị Sư Tử Ý Như Lai hiện sanh xứ dã. Hiền Hộ! Nhĩ thời, Sư Tử Ý Như Lai sơ hội thuyết pháp, hữu cửu thập ức nhân chứng A La Hán quả. Quá thất nhật dĩ, u đệ nhị hội, phục hữu cửu thập ức nhân đắc A La Hán quả. Quá đệ nhị hội, đệ tam hội trung, phục hữu cửu thập ức nhân đắc A La Hán quả. Quá tam hội dĩ, phục hữu cửu thập ức nhân hàm tàng tha phương nhi lai đại tập, tất thị thanh tịnh chư Bồ Tát chúng. Tự hậu, bỉ Phật hàng hữu vô lượng A-tăng-kỳ chư Thanh Văn chúng. Hiền Hộ! Nhĩ thời, nhân dân hành Thập Thiện nghiệp, như bỉ vị lai Di Lạc Phật thế.*

**(經)賢護！爾時，大城名曰賢作。城中居民，有六十億，彼城即是師子意如來現生處也。賢護！爾時，師子意如來初會說法，有九十億人證阿羅漢果。過七日已，於第二會，復有九十億人得阿羅漢果。過第二會，第三會中，復有九十億人得阿羅漢果。過三會已，復有九十億人咸從他方而來大集，悉是清淨諸菩薩衆。自後，彼佛恆有無量**

**阿僧祇諸聲聞衆。賢護！爾時，人民行十善業，如彼未來彌勒佛世。**

*(Kinh: Đây Hiền Hộ! Lúc bảy giờ, thành lớn tên là Hiền Tác. Trong thành có sáu mươi ức cư dân. Thành ấy chính là chỗ Sư Tử Ý thị hiện giáng sanh. Đây Hiền Hộ! Lúc bảy giờ, trong hội thuyết pháp đầu tiên của Sư Tử Ý Như Lai có chín mươi ức người chứng A La Hán quả. Bảy ngày sau, trong hội thứ hai, lại có chín mươi ức người chứng A La Hán quả. Sau hội thứ hai, trong hội thứ ba, lại có chín mươi ức người chứng A La Hán quả. Sau ba hội, lại có chín mươi ức người đều từ phương khác đến tụ họp đông đảo, đều là các vị Bồ Tát thanh tịnh. Từ đó về sau, đức Phật ấy luôn có vô lượng A-tăng-kỳ chư Thanh Văn chứng. Đây Hiền Hộ! Lúc ấy, nhân dân đều hành Thập Thiện nghiệp như thời Di Lặc Phật giáng thế trong đời vị lai).*

Sau Thích Ca Mâu Ni Phật năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm, Di Lặc Thế Tôn hạ sanh trong Diêm Phù Đề, thị hiện tám tướng thành đạo. Khi đó, con người thọ tám vạn bốn ngàn năm, tự nhiên hành Thập Thiện. Nay chúng ta hãy nói đến Ngũ Giới, Thập Thiện, phần đông đều sợ hãi, rất nhiều người nói: “Ồi trời ơi! Tôi trì Ngũ Giới không nổi, đành trì một giới vậy!” Có kẻ nói có thể trì hai điều, ba điều, tức là một phần, họ là thiếu phần ưu-bà-tắc, ưu-bà-di.

Nếu là nguyện vọng trì mãi phần Ngũ Giới đều chẳng có, càng chẳng nói tới chuyện hành trì. Đây là cơ chế trong thời đại này, mọi người hãy như thật xem xét kỹ!

*(Kinh) Giáo chư chúng sanh, cụ túc thành tựu thập chủng nghiệp hạnh. Nhĩ thời, nhân thọ bát vạn tứ thiên, như Di Lặc thời nhân thọ vô dị.*

**(經)教諸衆生，具足成就十種業行。爾時，人壽八萬四千，如彌勒時人壽無異。**

*(Kinh: Dạy các chúng sanh trọn đủ thành tựu mười loại nghiệp hạnh. Lúc bảy giờ, con người thọ tám vạn bốn ngàn năm, như tuổi thọ của người thời Phật Di Lặc chẳng khác).*

Vì Di Lặc Thế Tôn gần chúng ta nhất trong hiện thời, [cho nên so sánh như thế]. Hiện nay, Phật Thích Ca đã nhập diệt hơn hai ngàn năm,

phải năm mươi sáu ức bảy ngàn năm sau, Di Lạc Thế Tôn mới giáng thế. Chúng ta sanh giữa hai vị Thế Tôn, trong thời trước và sau Phật đều chẳng thể thấy Phật, chỉ có thể lãnh thọ di giáo của Thích Ca Phật Thế Tôn, nương theo di giáo mà hành trì.

*(Kinh) Hiền Hộ! Thời bỉ đại thành hữu Chuyển Luân Vương, danh viết Thắng Du, như pháp trị thế, cụ túc thất bảo. Sở vị: Kim luân bảo, tượng bảo, mã bảo, ma-ni bảo, nữ bảo, trưởng giả bảo, chủ binh bảo. Thị vị thất bảo.*

**(經)賢護！時彼大城有轉輪王，名曰勝遊，如法治世，具足七寶，所謂：金輪寶、象寶、馬寶、摩尼寶、女寶、長者寶、主兵寶。是爲七寶。**

*(Kinh: Nay Hiền Hộ! Khi đó, thành lớn ấy có Chuyển Luân Vương tên là Thắng Du, đúng pháp cai trị cõi đời, trọn đủ bảy báu. Tức là kim luân bảo, tượng bảo, mã bảo, ma-ni bảo, nữ bảo, trưởng giả bảo, chủ binh bảo. Đây là bảy báu).*

Phần nhiều là Luân Vương xuất thế, thất bảo mới sanh ra. Tức là khi [Luân Vương] giáng thế, bảy thứ công đức ấy tự nhiên hiển hiện bên thân. Đó là tướng Luân Vương. Như chúng ta biết Thiện Tài đồng tử vừa mới sanh ra, tất cả các phòng trống trong nhà đều tự nhiên trồi lên bảy báu đầy ắp. Do nhân duyên mạnh mẽ, cho nên thất bảo mới sanh ra tràn trề. Nếu ác nghiệp thành thực, gia đình của chính mình sẽ bị suy bại.

*(Kinh) Mãn túc thiên tử.*

**(經)滿足千子。**

*(Kinh: Trọn đủ một ngàn con trai).*

Đây cũng là tướng riêng biệt của Luân Vương. Trong loài người chúng ta, người có mười con trai hết sức hiếm hoi, trăm đứa con trai hầu như không có, nhưng Luân Vương do oai đức, có trọn đủ một ngàn con trai. Như A Di Đà Phật khi làm Luân Vương cũng trọn đủ một ngàn con trai. Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền v.v... đều ở trong số một ngàn đứa con trai ấy. Trong đó, Quán Âm và Thế Chí là con thứ nhất và thứ hai. A Di Đà Phật dùng thân Luân Vương phát nguyện, sau đó, thành



*Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2*

Phật. Do trong lúc tu nhân, A Di Đà Phật có đại thế lực, một ngàn người con của Ngài cũng phát nguyện trong khi tu nhân, sau đó lại trở thành một ngàn vị Phật hoặc Bồ Tát. Tuy mỗi người con đều phát nguyện, nhưng đều lìa bỏ thế giới ngũ trược Sa Bà, cho nên Phạm Chí [tiên thân của] Thích Ca Mâu Ni Phật bèn phát ra năm trăm đại nguyện hồng nhiếp hóa thế giới bị một ngàn vị Phật lìa bỏ. Vì thế, một khi Phật Thích Ca ứng thế trong đời ô trược, chư Phật hoặc các vị đại Bồ Tát đều lìa bỏ Tịnh Độ của chính mình để đến giúp Phật Thích Ca thực hiện sự nghiệp hoằng hóa, trở thành quyến thuộc tùy thuận của Ngài để sự giáo hóa ấy được lưu truyền rộng rãi.

Vì ngũ trược ác thế hiện thời rất ô trược, bị chư Phật lìa bỏ, giống như chúng ta vứt rác rưởi vậy, chư Phật cũng lìa bỏ, chẳng quay lại nhìn tới thế giới này. Phật Thích Ca giống như trạm trưởng thu nhặt rác, tới đâu nhặt nghiệp duyên của chúng ta. Vì sao Ngài có thể hóa các thứ mục nát thành trân bảo? Ngài lập ra năm trăm trọng thệ, trở vào thế giới Sa Bà bị vứt bỏ này. Chúng ta đọc kinh Bi Hoa sẽ biết, nhưng thường là chúng ta chẳng tự biết, cứ tự phụ, tự kiêu mạn, trong chôn cực khổ coi khổ là vui, vẫn dùng khổ để thủ hộ tăng thượng mạn, xâm hại lẫn nhau. Điều này mười phần vẫn là chuyện khiến cho người khác hổ thẹn, tiếc nuối!

*(Kinh) Thân tướng đoan nghiêm, thành tựu oai hùng, hàng phục oán địch. Bĩ vương sở thống tận thế giới biên, bất dụng đao binh, diệt vô oai bách, vô sở thuế liễm, chúng cụ tự nhiên.*

**(經)身相端嚴，成就威雄，降伏怨敵。彼王所統盡世界邊，不用刀兵，亦無威迫，無所稅斂，眾具自然。**

*(Kinh: Thân tướng đoan nghiêm, thành tựu oai hùng, hàng phục oán địch. Vị vua ấy thống lãnh đến tận ngàn mé thế giới, chẳng dùng tới chiến tranh, cũng chẳng dùng oai thế bức bách, chẳng có thuế khóa, các vật dụng tự nhiên [trọn đủ]).*

Luân Vương có Kim Luân Vương, Ngân Luân Vương, Đồng Luân Vương, và Thiết Luân Vương. Thời Kim Luân Vương, hết thấy tự nhiên thành tựu. Thời Ngân Luân Vương, hễ kiến lập quân đội là được rồi (tự nhiên thống ngự thế giới). Thời Đồng Luân Vương, dẫn quân đội đi khắp

thiên hạ liền chinh phục thiên hạ, nhưng thời Thiết Luân Vương thì phải giao chiến khổ sở.

*(Kinh) Thời, Thắng Du vương nghệ Sư Tử Ý Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác sở, đánh lễ tôn túc, nhiên hậu thoái tọa. Nhĩ thời, Sư Tử Ý Như Lai tri Thắng Du vương khát ngưỡng tâm dĩ, tức vị quảng tuyên hiện tiền tam-muội.*

**(經)時，勝遊王詣師子意如來、應供、等正覺所，頂禮尊足，然後退坐。爾時，師子意如來知勝遊王渴仰心已，即為廣宣現前三昧。**

*(Kinh: Khi đó, vua Thắng Du đến chỗ Sư Tử Ý Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, đánh lễ dưới chân đức Thế Tôn, sau đó lui ra ngồi [một phía]. Lúc bấy giờ, Sư Tử Ý Như Lai biết cái tâm khát ngưỡng của vua Thắng Du rồi, liền vì nhà vua tuyên nói rộng rãi hiện tiền tam-muội).*

“Hiện tiền tam-muội” tức là Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội như đã nói, ở đây là gọi tắt.

*(Kinh) Thời, bĩ vương ký văn như thị tam-muội, thâm tự khánh hạnh, phát tùy hỷ tâm.*

**(經)時，彼王既聞如是三昧，深自慶幸，發隨喜心。**

*(Kinh: Khi đó, vị vua ấy đã nghe tam-muội như thế, vui mừng sâu xa, phát tâm tùy hỷ).*

Chúng ta trong thời gian học tập một tháng này, chẳng biết mọi người đối với chuyện được nghe nói tam-muội này có sanh khởi tâm trí “chính mình quá may mắn” hay không? Đúng là quá may mắn!

*(Kinh) Dĩ nhất bả bảo phụng tán Phật thượng.*

**(經)以一把寶奉散佛上。**

*(Kinh: Dùng một nắm báu dâng rải lên trên Phật).*

“Phụng thượng” (Dâng lên) là một phương thức cúng dường khá xưa cũ. Có hai loại dâng tặng: Một là trao tận tay, khiến cho đối phương

chạm đến, tiếp nhận. Loại kia thì rải lên là được rồi. Dùng cách làm ấy để cúng dường pháp ấy, hoặc nhân duyên ấy, tức là cúng dường mà chẳng cần được đền đáp, mà cũng chẳng báo cho đối phương biết, chỉ cúng dường là được rồi! Như thế sẽ rất dễ giúp cho tùy hỷ. Nói “tùy hỷ” tức là chẳng cầu được báo đáp, thiện căn như thế chính là chẳng thể nghĩ bàn!

Trong thời đại của chúng ta, loại cúng dường Phật theo kiểu tùy hỷ này khá ít! Mọi người thường nói là: Trương X... hoặc Trần Y... dâng cúng bao nhiêu tiền, có ý nguyện gì đó. Chẳng hạn như trong nhà có người bệnh mong được chữa lành, hoặc mong phát tài, hoặc mong lập công ty v.v... mong Phật, Bồ Tát, thánh nhân gia trì. Chúng ta có thể như pháp cúng dường hay không? Ở đây, kinh điển đã chỉ bảo chúng ta, nhưng con người hiện thời đối với chuyện này thường là nhận biết chẳng đầy đủ. Vì sao vậy? Có chướng ngại trong tu tập, có chướng ngại nơi tâm lý, hoặc thường là không có tâm trí “chẳng mong cầu được đền đáp thứ gì”. Vì thế, chúng ta bỏ ra điều gì, đều cần phải được đền đáp thứ chi đó. Chuyện này nói theo phía phàm phu là có ý nghĩa, nhưng chỉ có thể kết thành một duyên, duyên ấy sẽ chẳng rộng lớn, sẽ chẳng sâu đậm, chẳng phải là duyên thù thắng. Nếu quý vị kết một nhân duyên thanh tịnh, chẳng đòi lấy được gì, đó sẽ là duyên thù thắng, có thể nhanh chóng đạt được công đức và lợi ích. Quý vị nói: “Đấy chẳng phải là tham ư?” Chẳng phải! Tương công đức là như thế, lợi ích chân thật ở chỗ này!

*(Kinh) Bỉ vương duyên thử tùy hỷ thiện căn, mạng chung chi hậu, hoàn sanh Diêm Phù, vi bỉ vương tử danh viết Phạm Đức, phục thiệu vương vị, như pháp trị hóa. Bỉ Phật diệt hậu, u chánh pháp trung, hữu nhất tỳ-kheo kỳ danh viết Bảo, thông minh, tinh tấn, thường vị tứ chúng, tuyên dương, quảng thuyết như thị kinh điển.*

**(經)彼王緣此隨喜善根，命終之後，還生閻浮，爲彼王子名曰梵德，復紹王位，如法治化。彼佛滅後，於正法中，有一比丘其名曰寶，聰明精進，常爲四衆，宣揚廣說如是經典。**

*(Kinh: Vị vua đó do thiện căn tùy hỷ ấy, sau khi mạng chung, vẫn sanh trong Diêm Phù, làm vương tử tên là Phạm Đức, lại nối tiếp ngôi vua, đúng như pháp mà cai trị, giáo hóa. Sau khi đức Phật ấy diệt độ, ở*

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2**

trong chánh pháp, có một vị tỳ-kheo tên là Bảo, thông minh, tinh tấn, thương vì bốn chúng, tuyên dương, nói rộng kinh điển như thế).

“Kinh điển như thế” chính là giáo điển Ban Châu Tam Muội Kinh như vậy.

**(Kinh) Hiền Hộ! Nhĩ thời, bĩ Phạm Đức vương ư tỳ-kheo sở văn tam-muội dĩ.**

**(經)賢護！爾時，彼梵德王於比丘所聞三昧已。**

**(Kinh: Này Hiền Hộ! Lúc bấy giờ, vua Phạm Đức ở chỗ tỳ-kheo nghe tam-muội rồi).**

Do trong kiếp trước, do nhân duyên đời trước đức Phật, trong khoảng sát-na, rải báu cúng dường và tùy hỷ, ở nơi đây, chuyển sanh làm vua Phạm Đức, vẫn được nghe tam-muội này.

**(Kinh) Đắc thâm tịnh tín, khởi tùy hỷ tâm, trì thượng diệu y, giá trị bách thiên, phú tỳ-kheo thượng.**

**(經)得深淨信，起隨喜心，持上妙衣，價直百千，覆比丘上。**

**(Kinh: Đạt được lòng tin thanh tịnh sâu xa, dấy lòng tùy hỷ, cầm áo thượng diệu, giá trị trăm ngàn, che trên tỳ-kheo).**

Trong chỗ sống thuộc đời trước, [vua Phạm Đức] đã cúng dường Thế Tôn, còn ở đây là che diệu y để cúng dường tỳ-kheo. “Che y để cúng dường” khá phổ biến trong Nam truyền Phật giáo, còn đối với người nơi đất Hán, khái niệm “cúng dường y bát” chẳng rõ ràng cho lắm. Ở Ấn Độ, y có giá trị rất cao, có tấm y giá trị liên thành. Trong tâm mục của người Hoa, nếu nói một tấm y có giá trị liên thành, phần nhiều cảm thấy chẳng thể nghĩ bàn. Từ xưa tới nay, dường như rất ít nghe nói theo kiểu như thế. Tuy có “kim lữ y, ngân lữ y” (y ca-sa dệt bằng sợi vàng, sợi bạc), nhưng nói là “giá trị liên thành” thì vẫn rất khó nghĩ bàn. Nhưng tại Ấn Độ, một tấm y giá trị liên thành thường xuất hiện, có thể do nhân duyên phong tục trong dân chúng.

*(Kinh) Hiền Hộ! Hựu Phạm Đức vương tòng tỳ-kheo sở văn tam-muội dĩ, tức phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm, vị ái pháp cố, xả gia, xuất gia, thể trừ tu phát, phi phục ca-sa. Thị thời, diệc hữu bách thiên nhân chúng thành tựu tín tâm, tức tùy bĩ vương, pháp phục xuất gia, diệc vị như thị tam-muội kinh cố.*

**(經)賢護！又梵德王從比丘所聞三昧已，即發阿耨多羅三藐三菩提心，為愛法故，舍家出家。剃除鬚髮，披服袈裟。是時，亦有百千人眾成就信心，即隨彼王，法服出家，亦為如是三昧經故。**

*(Kinh: Này Hiền Hộ! Lại nữa, vua Phạm Đức từ chỗ tỳ-kheo nghe tam-muội xong, liền phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm, do vì yêu mến pháp nên bỏ nhà, xuất gia, cạo bỏ râu tóc, khoác mặc ca-sa. Lúc ấy, cũng có trăm ngàn người thành tựu tín tâm, liền theo nhà vua ấy, khoác pháp phục xuất gia, cũng vì kinh tam-muội như thế).*

Vua Phạm Đức do công đức của tam-muội nên phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm. Vì yêu thích pháp nên bỏ nhà, xuất gia, cạo bỏ râu tóc, khoác mặc ca-sa. Cho đến có trăm ngàn người như thế cũng tùy thuận vị vua ấy mặc pháp phục xuất gia, đều là vì kinh tam-muội này!

*(Kinh) Thời, bĩ Phạm Đức tỳ-kheo dĩ bĩ bách thiên chư tỳ-kheo chúng, kinh bát thiên tuế, cúng dường thừa sự bĩ Bảo tỳ-kheo, vô hữu bì quyện, chung bất năng đắc như thị tam-muội.*

**(經)時，彼梵德比丘與彼百千諸比丘眾，經八千歲，供養承事彼寶比丘，無有疲倦，終不能得如是三昧。**

*(Kinh: Khi đó, tỳ-kheo Phạm Đức cùng với trăm ngàn các vị tỳ-kheo, trải qua tám ngàn năm cúng dường, thừa sự vị tỳ-kheo Bảo ấy, chẳng hề mệt nhọc, trọn chẳng thể đắc tam-muội như thế).*

Hàm nghĩa trong đoạn văn tự này rất rõ ràng. Tỳ-kheo Phạm Đức do trong đời quá khứ cúng dường Phật, được nghe nói và tùy hỷ pháp này. Sau đó, chuyển sang kiếp khác, làm vương tử, lại ở chỗ tỳ-kheo Bảo

nghe giáo điển này. Do vậy, phát Vô Thượng Tâm, bỏ nhà, xuất gia, trong tám ngàn năm thừa sự tỳ-kheo Bảo chưa hề mệt mỏi, nhưng nhà vua trọn chẳng thể đắc tam-muội như thế. “Đắc” có nghĩa là đích thân chứng.

*(Kinh) Duy trừ nhất văn.*

**(經)惟除一間。**

*(Kinh: Chỉ trừ một lần nghe).*

Cũng có nghĩa là chỉ có thể nghe nói tam-muội này, nhưng chẳng có cơ chế tu tập, thành tựu.

*(Kinh) Văn dĩ tùy hỷ, cụ dĩ tứ chủng tùy hỷ công đức, hồi hướng A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Như sơ tùy hỷ, như thị quảng hành, nhiên hậu, Phạm Đức tỳ-kheo cập bách thiên chúng, duyên thử thiện căn.*

**(經)聞已隨喜，具以四種隨喜功德，迴向阿耨多羅三藐三菩提。如初隨喜，如是廣行，然後，梵德比丘及百千衆，緣此善根。**

*(Kinh: Nghe rồi tùy hỷ, trọn đủ bốn loại công đức tùy hỷ, hồi hướng A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Như thoạt đầu tùy hỷ, hành rộng rãi như thế, sau đó, tỳ-kheo Phạm Đức và trăm ngàn đại chúng, do thiện căn ấy).*

“Duyên thử thiện căn” (Do thiện căn ấy) tức là thiện căn tùy hỷ, chỉ có thể nghe lời dạy này, chẳng hành, chẳng chứng, nhưng phần nhiều sanh lòng tùy hỷ hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề.

*(Kinh) Tầm đắc trị ngộ lục vạn bát thiên chư Phật Thế Tôn.*

**(經)尋得值遇六萬八千諸佛世尊。**

*(Kinh: Liền được gặp gỡ sáu vạn tám ngàn chư Phật Thế Tôn).*

Tuy chưa chứng Thập Phương Chư Phật Tắt Giai Hiện Tiền tam-muội, nhưng do tùy hỷ mà đạt được nhân duyên phước đức này.

*(Kinh) Phàm sở sanh xứ, thường đắc vị chúng, ban tuyên, quảng thuyết như thị tam-muội.*

**(經)凡所生處, 常得爲衆, 頒宣廣說如是三昧。**

*(Kinh: Phàm sanh ở chỗ nào, cũng đều thường vì đại chúng ban bố, tuyên nói rộng rãi tam-muội như thế).*

Nương vào thiện căn tùy hỷ chín muôi, được gặp sáu vạn tám ngàn chư Phật Thế Tôn, cho đến chỗ nào cũng đều làm thầy hướng dẫn cho đại chúng, tuyên nói công đức của Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiền Tiên tam-muội.

*(Kinh) Bĩ vương tỳ-kheo nhân bĩ thiện căn, phục cánh trị ngộ lục vạn bát thiên ức số chư Phật, như thị thứ đệ chủng chư thiện căn, đắc thử tam-muội.*

**(經)彼王比丘因彼善根, 復更值遇六萬八千億數諸佛, 如是次第種諸善根, 得此三昧。**

*(Kinh: Vị cựu vương tỳ-kheo ấy do thiện căn đó, lại gặp gỡ sáu vạn tám ngàn chư Phật, lần lượt gieo các thiện căn như thế, đắc tam-muội này).*

Do vậy có thể thấy: Nếu hiện thời chúng ta hề hơi dính dáng đến pháp tắc liền nóng lòng đạt được lợi ích, như thế là không được! Bởi lẽ, đối với pháp tắc này, cầu được truyền dạy, tu tập, đọc tụng, vì người khác giải nói, cho đến chứng đắc tam-muội này, công đức đều giống hệt nhau. Thậm chí tùy hỷ, thù hộ, công đức cũng đều chẳng thể nghĩ bàn. Vì thế, chúng ta hướng đến tu tập tam-muội này, đối với pháp tắc tam-muội này phải nên thực hành, phải nên tùy hỷ, nhưng chớ nên nóng ruột cầu đạt được lợi ích, chớ nên vội vã bức bách chính mình. Có khi do gấp rút, sẽ sanh ra duyên trái nghịch, chẳng tương ứng, nhưng tùy hỷ mười phần trọng yếu.

*(Kinh) Cụ túc viên mãn trợ Bồ Đề pháp dĩ, tầm đắc thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.*

**(經)具足圓滿助菩提法已，尋得成就阿耨多羅三藐三菩提。**

*(Kinh: Trọn đủ viên mãn pháp trợ Bồ Đề rồi, liền được thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề).*

Do chứng tam-muội mà đạt được đa văn. Do đa văn mà thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Trong phần văn tự trước đó có nói đích thân chứng Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội, sẽ có thể đa văn. Vì lẽ nào? Vì có thể thấy mười phương chư Phật, vì có thể thấy chư Phật nghe pháp, cho nên chứng tam-muội này, tất nhiên sẽ đa văn. Đa văn thì tất nhiên có thể thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, có thể nhanh chóng thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Đây là lời thành thật!

*(Kinh) Hiệu viết Kiên Cố Tinh Tấn Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, nhi bỉ bách thiên chư tỳ-kheo chúng, đắc thử tam-muội, diệc năng thành tựu trợ đạo pháp cố, giai dĩ thành w A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, danh viết Kiên Dũng Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác. Phục linh vô lượng bách thiên chúng sanh trụ w A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.*

**(經)號曰堅固精進如來、應供、等正覺、明行足、善逝、世間解、無上士、調御丈夫、天人師、佛、世尊，而彼百千諸比丘衆，得此三昧，亦能成就助道法故，皆已成於阿耨多羅三藐三菩提，名曰堅勇如來、應供、等正覺。復令無量百千衆生住於阿耨多羅三藐三菩提。**

*(Kinh: Hiệu là Kiên Cố Tinh Tấn Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, mà trăm ngàn các vị tỳ-kheo kia, do đắc tam-muội này, cũng có thể thành tựu trợ đạo pháp, đều đã thành A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, hiệu là Kiên*



*Dũng Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác. Lại khiến cho vô lượng trăm ngàn chúng sanh trụ trong A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.*

Tỳ-kheo Phạm Đức chứng đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Một ngàn vị tỳ-kheo theo Ngài xuất gia cũng chứng đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, cũng nhờ vào điều ấy mà thành tựu nhân duyên. “*Phục linh vô lượng bách thiên chúng sanh trụ ở A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề*” (Lại có thể khiến cho vô lượng trăm ngàn chúng sanh trụ trong A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề), tức là lay tỉnh càng nhiều hữu tình trụ trong pháp tắc Vô Thượng Bồ Đề.

***(Kinh) Hiền Hộ! Bĩ đản nhĩ văn, thượng hoạch như thị, hà hướng Bồ Tát văn thọ tam-muội, độc tụng, ức trì, vị tha quảng thuyết, phục cần tư hành, nhi bất đắc dã?***

**(經)賢護！彼但耳聞，尚獲如是，何況菩薩聞受三昧，讀誦憶持，爲他廣說，復勤思行，而不得也？**

*(Kinh: Này Hiền Hộ! Họ chỉ do tai nghe mà còn được như thế, hướng hồ Bồ Tát nghe nhận tam-muội, độc tụng, nhớ giữ, vì người khác rộng nói, lại còn tư duy, hành trì, mà chẳng đắc [tam-muội này] ư?)*

“*Cần tư hành*” (Siêng năng suy nghĩ, hành trì), chẳng phải là nóng lòng mong đạt được lợi ích. Trong quá trình hành pháp, siêng hành, tán thán, tùy hỷ, vì người khác rộng nói đều được, nhưng cái tâm chỉ chú trọng đạt lợi ích thì không được, cái tâm kiêu mạn chẳng được. Trên thực tế, nóng lòng mong đạt lợi ích đều là chiết xạ của các trạng thái tâm lý kiêu mạn và ghen tỵ đó thôi! Như thế thì sẽ chẳng thể chứng tam-muội này. Cho đến chỗ này, đối với câu chuyện của vị vua này, chúng ta thấy rất rõ ràng: Do nghe nói mà tùy hỷ. Sau đó, chuyển sang kiếp khác làm vua, kế đến là xuất gia, nhưng do công đức tùy hỷ mà được thành tựu quả A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Đây là nêu ra tấm gương để nói, khiến cho chúng ta độc tụng, tư duy, truyền bá, tu tập pháp tắc này.

***(Kinh) Hiền Hộ! Dĩ thử nghĩa cố, chư Bồ Tát đẳng, văn thị tam-muội, thù bất tùy hỷ? Thù bất độc tụng? Thù bất thọ trì? Thù bất tu tập? Thù bất quảng thuyết?***

**(經)賢護！以此義故，諸菩薩等，聞是三昧，誰不隨喜？誰不讀誦？誰不受持？誰不修習？誰不廣說？**

*(Kinh: Nay Hiền Hộ! Do vì nghĩa này, các vị Bồ Tát nghe tam-muội này, ai chẳng tùy hỷ? Ai chẳng đọc tụng? Ai chẳng thọ trì? Ai chẳng tu tập? Ai chẳng rộng nói?)*

Đây là nhắc nhở chúng ta: Lợi ích như thế, ai chẳng tùy hỷ? Ai chẳng đọc tụng? Ai chẳng thọ trì? Ai chẳng tu tập? Ai chẳng rộng nói? Là trí hay ngu? Đặt ra những câu hỏi ấy nhằm khích lệ chúng ta trực diện quán kỹ pháp tắc này!

*(Kinh) Hà dĩ cố? Hiền Hộ! Dĩ bỉ Bồ Tát văn thị tam-muội, tức đắc thành tựu trợ đạo pháp đẳng, tốc tột thành u A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề cố. Hiền Hộ! Dĩ thị nhân duyên, ngô kim ngữ nhữ, nhược nhân chánh tín tịnh tâm, dục cầu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề giả, yếu tiên chí tâm cầu thủ tam-muội.*

**(經)何以故？賢護！以彼菩薩聞是三昧，即得成就助道法等，速疾成於阿耨多羅三藐三菩提故。賢護！以是因緣，吾今語汝，若人正信淨心，欲求阿耨多羅三藐三菩提者，要先至心求此三昧。**

*(Kinh: Vì có sao? Nay Hiền Hộ! Do vị Bồ Tát ấy nghe tam-muội này, liền được thành tựu các pháp trợ đạo v.v..., mau chóng thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Nay Hiền Hộ! Do nhân duyên ấy, nay ta nói với ông: Nếu ai chánh tín, tịnh tâm, muốn cầu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, trước hết, phải chí tâm cầu tam-muội này).*

Đức Thế Tôn đã đặt tam-muội này làm điều kiện hàng đầu để thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Vì sao vậy? Nếu hướng tới tam-muội này, sẽ có thể thấy vô lượng vô biên chư Phật. Nếu tùy hỷ tam-muội này, sẽ có thể thấy vô lượng vô biên chư Phật. Nếu có thể đọc tụng, có thể vì người khác giảng nói, có thể đích thân chứng, thì cũng có thể thấy vô lượng vô biên mười phương chư Phật. Bởi đó, có thể thấy Phật, nghe pháp, có thể nhanh chóng thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

Tam Bồ Đề. Thông qua sự hướng dẫn của văn tự, chúng ta cũng biết pháp tắc này mạnh mẽ và chân thật rốt ráo chẳng thể nghĩ bàn.

***(Kinh) Bồ Tát nhược văn bách do-tuần nội, hữu thử thậm thâm tam-muội kinh giả.***

**(經)菩薩若聞百由旬內，有此甚深三昧經者。**

***(Kinh: Nếu Bồ Tát được nghe trong vòng một trăm do-tuần có kinh tam-muội rất sâu này).***

Nay trong tay chúng ta đều cầm bộ kinh này, chẳng biết mọi người đối với kinh có cảm xúc gì? Coi thành vô thượng trân bảo, hay là coi như một bộ sách bình thường? Hy vọng mọi người sau khi học tập, tốt nhất là có thể mỗi người đem theo một quyển, tốt nhất là lại có thể thường xuyên đọc tụng, tu tập pháp tắc này. Hoặc tối thiểu là thường tư duy và trao đổi với người khác. Pháp môn trân bảo như thế khó có, khó gặp, khó nghe. Nếu trong đời quá khứ, chúng ta đã từng được thấy, vận dụng; đời này sẽ có thể là bậc Bồ Tát đầy đủ thiện xảo. Nếu không, chắc là đời quá khứ đúng là chưa từng gặp gỡ.

***(Kinh) Bồ Tát tức ưng cung tự vãng nghệ, thính thị kinh điển.***

**(經)菩薩即應躬自往詣，聽是經典。**

***(Kinh: Bồ Tát hãy nên lập tức cung kính tự đến đó, nghe kinh điển này).***

Chúng ta học tập kinh giáo trong một đạo tràng, thoát nhìn dường như rất đơn giản, trên thực tế, ẩn sau đó là mọi người phải có phước đức và nhân duyên rất thành thực mới có thể kiên trì học tập. Cũng chắc là có người nói: “Có gì đâu! Tự mình cũng thường đọc”. Nhưng hoàn toàn chẳng phải là như thế! Có đôi khi thấy một vấn đề rất đơn giản, nhưng nhân duyên ẩn sau đó chẳng đơn giản. Đối với chuyện học tập kinh điển này, thực tế là cảm động trời đất, là chuyện chẳng thể nghĩ bàn! Nếu chẳng tin, chúng ta có thể không ngừng đọc tụng kinh điển này, lợi ích sẽ là chẳng thể nghĩ bàn. Hoặc là tuyên nói với người khác, hoặc tự mình tu tập, đều có lợi ích và oai đức chẳng thể nghĩ bàn. Cơ chế thiện căn này thật sự giống như đức Phật đã tuyên nói trong phần trước, rất khó thể tính kể, vì là rốt ráo Bồ Đề.

*(Kinh) Văn dĩ, tức ưng độc tụng, thọ trì, tu tập tư duy, vị tha quảng thuyết.*

**(經)聞已，即應讀誦受持，修習思惟，爲他廣說。**

*(Kinh: Nghe rồi hãy nên liền đọc tụng, thọ trì, tu tập tư duy, vì người khác rộng nói).*

Thời gian chúng ta học tập một tháng sẽ viên mãn rất nhanh chóng, chư vị thiện tri thức hãy nên đối diện pháp tắc này như thế nào? Ở đây, tôi cầu mong, chúc phước mọi người có thể đúng như trong giáo ngôn của đức Thế Tôn đã nói mà như thật đọc tụng, tư duy, yêu mến pháp tắc này, cho tới vì người khác tuyên nói rộng khắp, hồi thí cho những người hữu duyên quanh ta sẽ nhanh chóng thành tựu cơ chế trợ đạo pháp A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Đương nhiên chúng ta chẳng phải là tuyên truyền chi đó, mà là như thật tuyên nói công đức thù thắng chẳng thể nghĩ bàn này, khiến cho thiện căn của hữu tình trong thế gian thành thực. Nếu chư vị Bồ Tát gặp pháp tắc này mà chẳng truyền bá, chẳng thủ hộ, chẳng yêu thích, đúng là đáng tiếc!

*(Kinh) Hiền Hộ! Thả trí bách do-tuần nội, đương vãng thính thọ. Hựu bỉ Bồ Tát, nhược văn nhị bách do-tuần, tam bách, tứ bách, ngũ bách, nãi chí thiên do-tuần nội, hữu thị tam-muội, tại mỗ đô thành, mỗ tụ lạc sở, Bồ Tát tức ưng cung vãng thính thọ, tập tụng, thọ trì.*

**(經)賢護！且置百由旬內，當往聽受。又彼菩薩若聞二百由旬，三百四百五百，乃至千由旬內，有是三昧，在某都城，某聚落所，菩薩即應躬往聽受習誦受持。**

*(Kinh: Nay Hiền Hộ! Chuyện “trong một trăm do-tuần phải nên đến nghe nhận” hãy để lại đó. Lại nữa, vị Bồ Tát ấy nếu nghe trong hai trăm do-tuần, ba trăm, bốn trăm, năm trăm, cho đến trong một ngàn do-tuần mà có tam-muội này, ở đô thành nào đó, trong thôn xóm nào đó, Bồ Tát liền nên cung kính đến đó, nghe nhận, tu tập, đọc tụng, thọ trì).*

Đây là yêu cầu của đức Thế Tôn. Một trăm do-tuần, một ngàn do-tuần, đối với hành nhân trong quá khứ vẫn là chẳng dễ dàng. Hiện thời [cả thế giới] là thôn địa cầu, rất thuận tiện!

*(Kinh) Hà dĩ cố? Hiền Hộ! Dĩ thị Bồ Tát thanh tịnh tín tâm, vị cầu thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề cố. Thị cố, Bồ Tát bất ưng khởi giải đãi tâm, sanh lãn mạn tâm, khởi tán loạn tâm, đương cánh phát tinh tấn tâm, phát mãnh lợi tâm. Ưng đương vị thị tam-muội, tốc chí thiên do-tuần sở, nãi chí dẫn đắc văn thị tam-muội, hà huống độc tụng, thọ trì, tư duy, giải thuyết!*

**(經)何以故? 賢護! 以是菩薩清淨信心, 爲求成就阿耨多羅三藐三菩提故。是故, 菩薩不應起懈怠心, 生懶惰心, 起散亂心, 當更發精進心, 發猛利心。應當爲是三昧, 速至于由旬所, 乃至但得聞是三昧, 何況讀誦受持思惟解說!**

*(Kinh: Vì sao vậy? Này Hiền Hộ! Do vị Bồ Tát ấy có tín tâm thanh tịnh, vì cầu thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Bởi thế, Bồ Tát chớ nên dấy lòng giải đãi, sanh tâm biếng nhác, dấy tâm tán loạn, mà hãy nên phát tâm tinh tấn, phát tâm mạnh mẽ. Hãy nên vì tam-muội này mà nhanh chóng đến chỗ xa ngoài một ngàn do-tuần, thậm chí chỉ để được nghe tam-muội này, huống hồ đọc tụng, thọ trì, tư duy, giải nói).*

Một ngàn do-tuần có xa lắm hay không? Tám vạn dặm. “Tọa địa nhật hành bát vạn lý” (Vừa sanh ra đã có thể một ngày đi tám vạn dặm), tức là đi quanh địa cầu một vòng là tám vạn dặm, như thế thì người trên địa cầu này đều phải nên nghe; thật sự là phải nên! Trong bộ giáo điển này, đức Thế Tôn đã giải thích mười phần rõ ràng. Ngài dạy Bồ Tát Ma Ha Tát phải khéo nghe pháp, vì pháp này có thể nhanh chóng thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Bất luận là tùy hỷ, hoặc đọc tụng, tư duy, tu tập, vì người khác giải nói. Do thiện căn ấy, có thể gặp gỡ vô lượng chư Phật, nhanh chóng thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Do vậy, pháp này có công đức chẳng thể nghĩ bàn! Hiện thời, trong số chúng ta, có những vị Bồ Tát từ các nơi rất xa trong nước đến nghe, có thể trước sau vẹn toàn, thật sự là thiện căn khó nghĩ bàn! Đừng nên coi thường nhân duyên của chính mình! Có khi khinh hủy bản thân

cũng là phạm lỗi, nhưng cũng chớ vì chính mình có thiện căn mà khinh mạn!

*(Kinh) Hà dĩ cố? Hiền Hộ! Dĩ thị tam-muội năng nhiếp nhất thiết trợ đạo pháp cố. Phục thứ Hiền Hộ! Thị trung, nhược hữu Bồ Tát dĩ thuần tịnh tâm, vị cầu Bồ Đề, ưng đương vãng nghệ thiên do-tuần sở. Vị thính như thị tam-muội pháp thời, Bồ Tát ưng đương thừa sự, cúng dường bỉ thuyết pháp sư. Nhất thiết chúng cụ, tất giai phụng thượng.*

**(經)何以故？賢護！以是三昧能攝一切助道法故。復次賢護！是中，若有菩薩以純淨心，為求菩提，應當往詣千由旬所。為聽如是三昧法時，菩薩應當承事供養彼說法師。一切眾具，悉皆奉上。**

*(Kinh: Vì sao vậy? Này Hiền Hộ! Do tam-muội này có thể nhiếp thủ hết thảy các pháp trợ đạo. Lại này Hiền Hộ! Trong ấy nếu có Bồ Tát dùng cái tâm thuần tịnh, vì cầu Bồ Đề, hãy nên tới chỗ xa ngoài một ngàn do-tuần. Khi vì nghe pháp tam-muội như thế, Bồ Tát hãy nên thừa sự, cúng dường vị thầy thuyết pháp ấy. Hết thảy các vật thầy đều dâng lên).*

Pháp duyên có hai loại:

- Một loại như rải báu cúng dường, chủ động cúng dường, tâm trí yêu thích mà cúng dường, sẽ sanh khởi nhân duyên thành thực mạnh mẽ.

- Hai là bị bức bách, có tánh chất thù tạc, như thế thì sẽ là dấu nghe mà như chẳng nghe, dấu thấy mà như chẳng thấy, lãng phí nhân duyên!

Có khi chúng ta đối với chuyện này chẳng hiểu rõ cho lắm, sợ là đến núi báu mà trở về tay không! Do vậy, vẫn hy vọng mọi người sanh khởi tâm thật sự tôn trọng, yêu mến và thủ hộ đối với pháp tắc này. Thật ra, vì pháp này, vớt bỏ sanh mạng cũng thật sự đáng giá! Nhưng hiện thời, mọi người có bao nhiêu người mang lòng tôn trọng và tùy hỷ? Tôi cũng không biết, nhưng tối thiểu là kết thành nhân duyên “tai nghe”, cũng là chẳng thể nghĩ bàn!

Cúng dường ở đây chẳng phải là cúng dường bao nhiêu tiền, chẳng phải là nói đến vật chất nhiều hay ít, chỉ là tùy hỷ, chỉ là tùy phần.

Tùy hỷ thì như giọt nước trở về biển cả, công đức ấy chẳng thể nghĩ bàn! Nếu quý vị nói: “Chỉ cần tôi đã nghe, cũng là chẳng thể nghĩ bàn”. Nhưng đối với pháp này, chẳng sanh tâm tùy hỷ, tâm cầu được truyền trao, đọc tụng, rộng vì người khác nói, cho tới cái tâm khát vọng chúng đắc tam-muội này, tuy rốt cuộc vẫn là một tặng thượng duyên cho A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm, nhưng có vấn đề nhân duyên chín muồi hay không. Tuy vậy, ở đây, đức Thế Tôn thật sự cố vũ mọi người sanh khởi duyên thù thắng đối với pháp này, do cơ chế thuận thực, chẳng phải là dấu nghe pháp này mà “tuy thấy, dường như chẳng thấy; dấu nghe mà như chẳng nghe”, thậm chí hành các pháp khác, hoặc là hành theo đạo khác.

“*Tất giai phụng thượng*” (Thảy đều dâng lên): Chủ yếu là nói tới công đức tặng. Mỗi cá nhân chúng ta phải nên xét kỹ tự tâm, chính mình có hướng đến pháp tác này hay không? Nếu không có tâm niệm và nguyện vọng ấy, tuy có duyên mà thật ra như vô duyên, tuy đã nghe mà giống như chẳng nghe. Nếu đối với pháp này mà chẳng tin tưởng, chắc là bản thân chúng ta còn có thứ gì sơ sót, mấy năm sau sẽ có sự sai khác rất rõ rệt, chúng ta nhìn vào sự biến hóa là biết ngay. Một phẩm này từ đầu đến cuối đều nói về tùy hỷ. Ở đây, đức Thế Tôn cảnh tỉnh mọi người, vẫn là hy vọng mọi người nhờ vào pháp này, tối thiểu là tùy hỷ, trong tâm chẳng tương ứng với thứ chi khác.

*(Kinh) Thường đương tùy trực pháp sư nhi hành, hoặc thời nhất niên, hoặc phục nhị niên, hoặc thập, nhị thập, hoặc kinh bách niên, nãi chí tận thọ, tùy trực pháp sư, bất đắc xả ly, nãi chí dẫn câu văn thị tam-muội. Hà hưởng năng đắc độc tụng, thọ trì, tư duy nghĩa lý, vị tha giải thích. Như thị Bồ Tát tùy pháp sư thời, đương xả tự tâm chư sở vi sự, thường đương tùy thuận bỉ A Xà Lê pháp sư ý hành, cẩn tâm thừa sự, bất đắc vi giáo, khởi tôn kính tâm, cập trọng ái tâm, trừ xả nhất thiết vô ái kính sự.*

**(經)常當隨逐法師而行，或時一年，或復二年，或二十，或經百年，乃至盡壽，隨逐法師，不得舍離，乃至但求聞是三昧。何況能得讀誦受持，思惟義理，為他解釋。如是菩薩隨法師時，當舍自心諸所為事，常當隨順彼阿**

**闍梨法師意行，謹心承事，不得違教，起尊敬心，及重愛心，除舍一切無愛敬事。**

*(Kinh: Thường nên theo sát pháp sư mà hành, hoặc là trong thời gian một năm, hoặc lại là hai năm, hoặc mười, hai mươi, hoặc trải qua trăm năm, cho đến hết tuổi thọ, theo sát pháp sư, chẳng được lìa bỏ, thậm chí chỉ để cầu nghe tam-muội này. Huống hồ có thể được đọc tụng, thọ trì, tư duy nghĩa lý, vì người khác giải thích. Bồ Tát như thế, khi theo pháp sư, hãy nên xả các chuyện tự tâm muốn làm, hãy nên thường thuận theo ý của vị pháp sư A Xà Lê mà hành, tâm cần trọng phụng sự, chẳng trái nghịch lời [pháp sư] dạy, dấy tâm tôn kính, và tâm yêu mến sâu đậm, trừ bỏ hết thảy các chuyện chẳng yêu kính).*

Đây là thật sự nhờ vào thầy để hoàn thành công đức của bản thân. Chúng ta thủ hộ viên mãn sự phát tâm thuần tịnh của chính mình, thật ra là thành tựu sự phát tâm của chính mình, thành tựu sự viên mãn của chính mình. Thường là chúng ta chẳng biết ngoại duyên đầy đủ hay không. Nếu tự tâm trọn đủ, sẽ có thể soi thấy ngoại duyên đầy đủ.

Vì lẽ này, chánh báo đã viên mãn, y báo lẽ nào chẳng viên mãn ư? Chánh báo chẳng viên mãn, y báo làm sao viên mãn cho được? Thật ra, đây là cở vũ, khích lệ chúng ta phát tâm, là một thứ thiện xảo căn bản để thuận thực sự phát tâm của chúng ta, hoặc có thể nói là trợ duyên thiện xảo.

*(Kinh) U' pháp sư sở, phát thiện tri thức tướng, nãi chí đương khởi như chư Phật tâm.*

**(經)於法師所，發善知識想，乃至當起如諸佛心。**

*(Kinh: Đối với pháp sư, hãy tưởng là thiện tri thức, cho đến tâm nên tưởng [pháp sư] giống như chư Phật).*

Đây cũng là dạy chúng ta hãy nên tư duy như thế nào? Coi thầy như là Phật, đây thật sự là bước khởi đầu trọng yếu trong học Phật. Kinh điển nơi đất Hán rất ít khi nói như thế, nhưng trong kinh Ban Châu đã nêu ra rất khẳng định “như thế nào để thành tựu tam-muội nhanh chóng?” Chính là phải coi thầy như Phật. Thật ra, coi thầy như Phật, tức là tự tâm như Phật, như thế mà thôi! Đó gọi là “tâm tác Phật thời, tâm thị Phật” (khi tâm làm Phật, tâm là Phật). “Tâm tác viên mãn, đắc kiến



viên mãn” (Tâm tạo viên mãn, sẽ thấy viên mãn). Do tâm chẳng tự thấy, tâm chẳng tự biết, tâm vô tướng, chẳng có gì phụ thuộc, cho nên khi tâm ta làm Phật, tâm chính là Phật. Đây thật sự là phương tiện tu hành, là phương tiện trợ duyên.

*(Kinh) Hiền Hộ! Bỉ Bồ Tát u thị pháp sư A Xà Lê sở, năng sanh như thị kính ái tâm dĩ, nhược đương bất đắc đọc tụng, thọ trì, tư duy, quảng thuyết, nãi chí thính văn thị tam-muội giả, chung vô thị sự. Duy trừ vãng tích phỉ báng như thị thậm thâm kinh điển, nghiệp thời dĩ thực, định đọa ác đạo, nghiệp bất tịnh nhĩ.*

**(經)賢護！彼菩薩於是法師阿闍梨所，能生如是敬愛心已，若當不得讀誦受持思惟廣說，乃至聽聞是三昧者，終無是事。惟除往昔誹謗如是甚深經典，業時已熟，定墮惡道，業不淨耳。**

*(Kinh: Đây Hiền Hộ! Vị Bồ Tát ấy đối với pháp sư A Xà Lê mà có thể sanh tâm kính yêu như thế, nếu chẳng đọc tụng, thọ trì, tư duy, rộng nói, cho đến lắng nghe tam-muội này, trọn chẳng có lẽ ấy! Chỉ trừ xưa kia đã phỉ báng kinh điển rất sâu như thế, đến lúc nghiệp đã chín muồi, chắc chắn đọa vào ác đạo, do nghiệp bất tịnh).*

Nếu báng bỏ kinh điển này, sẽ biểu hiện thành nghiệp quả báo ứng “chẳng có cơ hội đọc tụng kinh này”, hoặc “chẳng thể nghe nhận, tiếp xúc kinh điển này”. Phỉ báng kinh như vậy, thật ra là đã đánh mất cơ hội đối với pháp tắc như thế, hứng chịu ác báo chẳng thể nói gì được! Chúng ta có thể tự xét kỹ, như trong kinh Quán Phật Tam Muội Hải, đức Phật đã bảo ngài A Nan rằng: Trong đời Mạt Pháp, các ông hãy nên dạy người trì Niệm Phật tam-muội này ngậm thủ hộ ba nghiệp, đừng nên tăng thượng mạn. Nếu tăng thượng mạn, sẽ ví như voi cuồng vào trong ao sen, phá hoại thiện căn của người khác, trở thành quyến thuộc của ma, mà cũng đánh mất cam lộ vị niệm Phật. Nếu chúng ta báng kinh điển quá sâu như thế, hễ Dĩ Thực Quả chín muồi, khẳng định là quả báo rất khổ. Quý vị nói xem, đức Thế Tôn nói [quả báo] do phỉ báng kinh điển khủng bố như thế để làm gì? Thật ra chẳng phải vậy! Đó là tướng nhân quả mà thôi! Kẻ đại ác ắt có đại khổ báo; người đại thiện bèn có đại

thiện báo. Người rốt ráo thanh tịnh sẽ có quả báo là thành tựu Bồ Đề. Các pháp do nhân duyên mà sanh đó thôi!

*(Kinh) Phục thứ Hiền Hộ! Giả sử Bồ Tát, hoặc dục tu ly bỉ pháp sư giả, thường đương tri ân, thường đương niệm ân, thường đương báo ân. Hà dĩ cố? Hiền Hộ! Dĩ thị pháp sư tuyên giảng nhân duyên, linh tư kinh điển, cứu trụ bất một.*

**(經)復次賢護！假彼菩薩，或欲須離彼法師者，常當知恩，常當念恩，常當報恩。何以故？賢護！以是法師宣講因緣，令斯經典，久住不沒。**

*(Kinh: Lại này Hiền Hộ! Giả sử vị Bồ Tát ấy nếu cần phải lìa khỏi vị pháp sư đó, hãy thường nên biết ân, thường nên nghĩ tới ân đức, thường nên báo ân. Vì cớ sao? Này Hiền Hộ! Do nhân duyên tuyên giảng của vị pháp sư ấy, đã khiến cho kinh điển tồn tại lâu dài, chẳng bị mất đi).*

Chúng ta đều biết: Trong Tam Tạng mười hai bộ loại, bị diệt mất sớm nhất là hai bộ kinh điển, một là kinh Lăng Nghiêm, hai là kinh Ban Châu. Vì lẽ nào? Do [hai kinh ấy] bị dè bủ nhiều nhất. Do dần dần chẳng có người hành trì, mọi người sẽ chê bai các kinh ấy, nói là kinh điển chẳng thật. Chẳng hạn như nói chín mươi ngày chẳng ngủ để kinh hành, làm sao có thể thực hiện được? Vì hiện thời kẻ hành pháp đông đảo, mọi người dần dần cảm thấy chẳng có gì là có thể hay không thể, chỉ có như pháp hay là không, nhưng thoát đầu, sự phỉ báng như thế vẫn rất nhiều, rất mạnh mẽ. Khi đó, tôi thường nói với đối phương: “Nếu là đánh giá khuyết điểm của cá nhân, chúng tôi có thể sám hối, hoặc là đối với các chỗ chẳng thích đáng của cá nhân, hãy nên điều chỉnh. Nhưng đối với kinh điển hoặc giáo pháp, chớ nên dễ người phỉ báng! Chúng ta có thể không hiểu, không biết [ý nghĩa chân thật của lời dạy trong kinh], nhưng tốt nhất là chớ nên khinh dễ đánh giá. Hãy nên xem xét, xem đọc, quan sát trước đã!”

*(Kinh) Phục thứ Hiền Hộ! Nhược hữu Bồ Tát vị thị tam-muội, thượng đương ưng vãng thiên do-tuần xứ, hưởng phục tùy cận thành đô, quốc ấp, tự lạc, không xứ, hoặc sơn dã trung, nhi đương bất vãng thánh thọ, độc tụng, tư duy nghĩa lý, vị tha quảng thuyết dã.*

**(經)復次賢護！若有菩薩爲是三昧，尚當應往干由旬處，況復隨近城都國邑聚落空處，或山野中，而當不往聽受讀誦，思惟義理，爲他廣說也。**

*(Kinh: Lại này Hiền Hộ! Nếu có Bồ Tát vì tam-muội này, còn nên đến chỗ xa một ngàn do-tuần, hướng hồ là chỗ thành đô, quốc ấp, xóm làng, chỗ trống, hoặc trong rừng núi gần đó, mà chẳng đến nghe nhận, đọc tụng, tư duy nghĩa lý, vì người khác rộng nói).*

Hiện tiền đại chúng chúng ta, nếu tùy thuận giáo ngôn như thế để đọc tụng, tư duy, vì người khác diễn nói, cho đến quan sát pháp tắc này, thật sự là thiện căn và phước đức nhân duyên chẳng thể nghĩ bàn! Chẳng hạn như nay chúng tôi ngồi ở vị trí này, đọc tụng cho mọi người, tôi cũng trọn chẳng dám khinh mạn nhân duyên của chính mình. Đương nhiên là cũng chẳng dám khinh mạn nhân duyên của bất cứ một người nào trong hiện tiền đại chúng. Quý vị nói xem, nếu có người nào chẳng muốn nghe nhận, chẳng yêu mến pháp tắc này, hãy nên đối đãi với kẻ ấy như thế nào? Vẫn tôn trọng y hệt! Chỉ vì thiện căn của người ấy chưa chín muồi, pháp duyên chưa trọn đủ, có chút đáng tiếc mà thôi.

*(Kinh) Phục thứ Hiền Hộ! Ngã kim ngữ nhữ, nhược hữu Bồ Tát vị tam-muội cố, tức năng vãng chí thiên do-tuần sở, nãi chí bất đắc vãn thị tam-muội, nhi bỉ Bồ Tát tuy phục bất đắc vãn thị tam-muội, v thị pháp trung, niệm câu thiện căn, đương phát tinh tấn, mạc tức giải nọa, nhữ ưng đương tri: Như thị chi nhân, tắc vi dĩ đắc bất thoái chuyển v A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Hà hướng thánh vãn, thọ trì, độc tụng, tư duy, tu tập, vị tha quảng tuyên.*

**(經)復次賢護！我今語汝，若有菩薩爲三昧故，即能往至干由旬所，乃至不得聞是三昧，而彼菩薩雖復不得聞是三昧，於是法中，念求善根，當發精進，莫即懈惰，汝應當知：如是之人，則爲已得不退轉於阿耨多羅三藐三菩提。何況聽聞，受持讀誦，思惟修習，爲他廣宣。**

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

*(Kinh: Lại này Hiền Hộ! Ta nay nói với ông, nếu có Bồ Tát vì tam-muội liền có thể đến chỗ cách xa một ngàn do-tuần, thậm chí chẳng được nghe tam-muội này, nhưng vị Bồ Tát ấy dầu chẳng được nghe tam-muội này, nhưng ở trong pháp này, nghĩ mong cầu thiện căn, hãy nên phát tâm tinh tấn, chớ có biếng nhác. Các ông nên biết: Người như thế chính là đã chẳng thoái chuyển nơi A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Huống hồ lắng nghe, thọ trì, đọc tụng, tư duy, tu tập, vì người khác rộng nói).*

Đức Thế Tôn nói: Nếu có Bồ Tát hướng đến tam-muội này, đi ngàn dặm [tìm đến chỗ pháp sư đang giảng tam-muội này], dầu chưa có thể nghe giáo ngôn tam-muội này, vẫn đắc bất thoái chuyển đối với A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Vì lẽ nào? Vì “*niệm cầu thiện căn*”, do nhân duyên ấy mà thành tựu đắc bất thoái chuyển đối với A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Trong phần sau, đức Thế Tôn nói theo kiểu đối lập: “*Hà huống thính văn, đọc tụng, tư duy, tu tập, vị tha quảng thuyết thử pháp tắc*” (Huống hồ nghe nhận, đọc tụng, tư duy, tu tập, vì người khác rộng nói pháp tắc này ư?)

Các cách nói của đức Thế Tôn trong kinh điển chẳng có mấy may nào là lời lẽ chẳng đúng như sự thật. Đức Thế Tôn là đáng nói lời thành thật, là đáng nói lời chân thật, là đáng nói lời đúng sự thật, là đáng chẳng nói tăng giảm. Nếu chúng ta chẳng ngờ vực mà quan sát, thử hộ như thế, tức là người có thiện căn đã chín muồi, sẽ có thể đạt được lợi ích từ chỗ an ổn này. Trong cơ chế giáo ngôn của Phật giáo Nam Truyền thường nói: “*Thưa trưởng lão! Tất cả các công đức của Ngài đều nên thưởng cho tôi, nên thuộc về tôi*”. Tức là công đức của chư Phật cũng nên thuộc về tôi. Nếu quý vị chẳng dám mong muốn, đó là chuyện cá nhân của quý vị! Chúng ta niệm A Di Đà Phật, có nghĩa là: “Thưa A Di Đà Phật! Công đức của Ngài thuộc về con”. Vì lẽ nào? Lấy quả địa giác làm nhân địa tâm (lấy sự giác ngộ nơi cái quả làm cái tâm để tu nhân). Công đức nơi quả địa sẽ tùy thuận nhân địa mà an trụ. Nhưng quý vị chẳng dám, bảo “*đó chẳng phải là kiêu mạn, cuồng vọng hay sao?*” Thật ra đó là “*giọt nước trở về biển cả*”. Khi giọt nước trở về biển cả, công đức của biển cả sẽ thuộc vào giọt nước, điều này chẳng hề có chỗ nào chần chờ! Bản thân chữ Nam Mô có nghĩa là “*công đức của Phật thuộc về chúng ta*”, nhưng chúng ta thường có cái tâm bài xích, tâm ngờ vực, tâm chẳng tương ứng đối với điều ấy. Do vậy, chư Phật Thế Tôn liền dùng đủ loại phương tiện hướng dẫn chúng ta vận dụng công đức của chư Phật, vận

dụng như thế nào? Tâm, Phật, chúng sanh vốn chẳng khác biệt. Khác biệt là do nơi chúng sanh, chẳng phải do phía Phật, mà cũng chẳng phải từ phía pháp, cũng chẳng phải nơi phía Tăng, chẳng ở nơi thành tựu, mà ở nơi mê mất. Do vậy, chúng ta chỉ là giác ngộ, thành tựu, tùy thuận, liền đạt được công đức và lợi ích to lớn của chư Phật. Nếu chẳng xét kỹ như thế thì ngã mạn và ngã chấp của chúng ta vẫn chưa trừ, ngã kiến vẫn chưa diệt.

*(Kinh) Hiền Hộ! Nhữ kim đương quán bỉ Bồ Tát bối, văn thử tam-muội dĩ, nhi năng thọ trì, tư duy, tu hành, tức đắc nhĩ hứa đại công đức tu, nãi chí câu dĩ bất năng đắc văn, diệt đương cụ túc kỷ đại thiện căn! Nhược văn bất văn, giai vi dĩ trụ bất thoái chuyển địa.*

**(經)賢護！汝今當觀彼菩薩輩，聞此三昧已，而能受持，思惟修行，即得爾許大功德聚，乃至求已不能得聞，亦當具足幾大善根。若聞不聞，皆爲已住不退轉地。**

*(Kinh: Nay Hiền Hộ! Ông nay nên quán các vị Bồ Tát ấy, đã nghe tam-muội này rồi, bèn có thể thọ trì, tư duy, tu hành, liền đạt được khối công đức to ngàn ấy, cho đến người đã cầu mà chẳng thể nghe, cũng sẽ đầy đủ thiện căn to ngàn ấy. Dù nghe hay chẳng nghe, đều đã trụ nơi địa vị chẳng thoái chuyển).*

“Chí cầu dĩ” (Đã đến để cầu [được nghe tam-muội]): Nghe và không nghe, đều đạt được lợi ích. Giáo ngôn kiều này rất nhiều trong lời thọ ký của đức Thế Tôn. Trong Thiện Đạo Đại Sư Toàn Tập đã bảo chúng ta: “Thấy và chẳng thấy đều là ân Phật, gia hộ ngấm ngấm hay gia hộ hiển nhiên đều là Phật đức”. Đọc xong, tâm mọi người sẽ cảm thấy rất kiên định, chẳng tạo tác, xa lìa đối đãi, lập tức quy y. Ở đây, cũng giống như thế. Nếu muốn nghe mà chưa được nghe, đều trọn đủ đại thiện căn, trụ bất thoái chuyển, còn chúng ta đã nghe pháp này, hướng đến cầu chứng pháp này, đọc tụng kinh điển, truyền bá pháp này, cũng đều có thể an trụ nơi địa vị bất thoái chuyển. Vì thế nói: “Ban Châu tam-muội nhiếp chuyện thuộc Bát Địa”. Đó là nói như thật!

Rất nhiều người hỏi tôi học Phật, xuất gia phát nguyện gì? Về cơ bản thì nguyện vọng chủ đạo là: “Nguyện những người hữu duyên đều bất thoái Bồ Đề trong một đời”. Thực tế là nguyện vọng Tịnh Độ mà thôi! Đối với tất cả các thọ ký trong kinh điển Tịnh Độ, đức Thế Tôn đều

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2**

nói được gặp gỡ pháp tắc như thế thì sẽ bất thoái ngay trong một đời, như kinh A Di Đà nói: “*Nhược hữu nhân dĩ phát nguyện, kim phát nguyện, đương phát nguyện, dục sanh A Di Đà Phật quốc giả, thị chư nhân đẳng, giai đắc bất thoái u A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, u bỉ quốc độ, nhược dĩ sanh, nhược kim sanh, nhược đương sanh*” (Nếu có người đã phát nguyện, đang phát nguyện, sẽ phát nguyện, muốn sanh về cõi của A Di Đà Phật, thì những người đó đều được chẳng thoái chuyển nơi Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đối với cõi ấy, hoặc là đã sanh, hoặc nay sanh, hoặc sẽ sanh). Trong khá nhiều kinh giáo, điều này đúng là chẳng thể nghĩ bàn, đúng là đại ân đức hồi thí, thật sự là đại quán đảnh!

*(Kinh) Tất cánh thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Hà hướng văn dĩ độc tụng, thọ trì, tư duy, tu tập, quảng vị tha thuyết, diệp linh đa nhân, văn dĩ tụng trì, tu tập tư duy, xí nhiên lưu bố dã.*

**(經)畢竟成就阿耨多羅三藐三菩提。何況聞已讀誦受持，思惟修習，廣爲他說，亦令多人，聞已誦持，修習思惟，熾然流佈也」。**

*(Kinh: Rốt ráo thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Hướng hồ nghe rồi thọ trì, đọc tụng, tư duy, tu tập, rộng vì người khác nói, cũng khiến cho nhiều người nghe xong bèn tụng trì, tu tập tư duy, lưu truyền mạnh mẽ vậy).*

Mọi người chúng ta phải nên thủ hộ như thế, hướng tới pháp này như thế, đọc tụng, thọ trì, tư duy tu tập, vì người khác rộng nói, khiến cho các hữu tình được nghe biết, sẽ có thể tư duy, khiến cho pháp này được hưng hực lưu truyền trong thế gian, khiến cho vô lượng hữu tình thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề ngay trong một đời.

*(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn vị trùng minh thử nghĩa, dĩ kệ tụng viết: - Ngã niệm quá khứ hữu Như Lai, hiệu Sư Tử Ý nhân trung thiên.*

**(經)爾時，世尊爲重明此義，以偈頌曰：「我念過去有如來，號師子意人中天。」**

(**Kinh:** *Lúc bảy giờ, đức Thế Tôn vì muốn nói rõ lại nghĩa này, dùng kệ tụng nói: - Ta nhớ quá khứ có Như Lai, hiệu Sư Tử Ý nhân trung thiên).*

“*Nhân trung thiên*” (Vị trời trong loài người): Cách xưng hô này được sử dụng hết sức rộng khắp trong Phật giáo, chủ yếu là thuận ứng lúc đức Thế Tôn xuất hiện nhằm lúc Ấn Độ có chín mươi sáu thứ ngoại đạo, đây là xưng hô bậc tôn quý trong loài người. Trong tiếng Hán, cũng có khi dịch là Đại Thiên, Đại Tiên, hoặc Thiên Trung Thiên v.v...

(**Kinh**) *Bỉ thời, hữu vương vi chúng thủ, thân vãng nghệ Phật cầu tam-muội. Thời đại trí vương đắc văn dĩ, hoan hỷ biến mãn bất khả tuyên!*

(經)彼時有王爲衆首，親往詣佛求三昧。時大智王得聞已，歡喜遍滿不可宣。

(**Kinh:** *Lúc ấy, vua đứng đầu đại chúng, tự đến chỗ Phật cầu tam-muội. Vua đại trí khi được nghe xong, khắp thân hoan hỷ, chẳng nói trọn).*

“*Hoan hỷ biến mãn*” là một danh từ mô tả lợi ích của Phật pháp trong Phật giáo. Quá khứ nói là “*sung doanh chi chí*” (充盈之至, đầy ắp tột bậc), miêu tả trạng thái mười phần hữu lực và vui sướng. Mỗi cách tu từ<sup>29</sup> trong Phật pháp đều là một tiêu chí thực tế, ở đây có ý nói tướng trạng an lạc do đạt được lợi ích và tướng trạng đắc lực.

---

<sup>29</sup> Tu từ (修辭, Rhetoric) là các biện pháp nhằm khiến cho lời văn súc tích, sâu đậm, tạo ấn tượng mạnh khiến cho người đọc dễ lãnh hội, thậm chí lãnh hội ý nghĩa vượt ngoài ngôn từ. Các biện pháp tu từ thường sử dụng là dùng tỷ dụ, mô phỏng, trùng phức (nói liên tiếp nhiều ý hay nhiều tỷ dụ tương tự), luyện láy (chẳng hạn nhỏ tí tí tí, bé tẹo tẹo tẹo, lạch bà lạch bạch), so sánh đối lập (chẳng hạn “*hữu ý trồng hoa, hoa chẳng nở; vô tâm cắm liễu, liễu xanh um*” hoặc “*thượng vàng, hạ cám*”), bài tỷ (liệt kê một loạt hình ảnh có liên quan, chẳng hạn như “*tọa sơn khán hổ đấu, tá đao sát nhân, dẫn hỏa xuy phong*” tức là ngồi trên núi xem hổ đánh nhau, mượn đao giết người, dẫn lửa thổi gió...)

*(Kinh) Dĩ thủ trì bảo phụng tán chi, cúng dường nhân tôn Sư Tử Ý. Nội tâm tư duy phát thị ngôn: “Ngã kim quy y Vô Thượng Giác, vị chư thế gian tác nhiều ích, duy nguyện thiện thuyết tam-ma-đê”.*

**(經)以手持寶奉散之，供養人尊師子意。內心思惟發是言，我今歸依無上覺。爲諸世間作饒益，唯願善說三摩提。**

*(Kinh: Tay cầm báu rải để dâng hiến, cúng dường nhân tôn Sư Tử Ý. Nội tâm suy nghĩ, thốt lời này: “Con nay quy y Vô Thượng Giác, lợi ích rộng khắp các thế gian, chỉ xin khéo nói tam-ma-đê”).*

Chúng ta không ngừng thấy các danh từ tam-muội, tam-ma-đê, tam-ma-địa v.v... Tam-muội chứa đựng hai pháp nhân quả, nhưng ở đây nói đến tướng quả đức thì là tam-ma-đê, tức là sự thành tựu và vận dụng chân thật của tam-muội.

*(Kinh) Thời vương hưng kiến thử nghiệp dĩ, xả thân hoàn sanh w bử cung, tầm đắc trị ngộ Bảo tỳ-kheo, đại đức danh văn mãn thập phương.*

**(經)時王興建此業已，捨身還生於彼宮。尋得值遇寶比丘，大德名聞滿十方。**

*(Kinh: Khi ấy, vua lập nghiệp ấy rồi, xả thân lại sanh trong cung ấy, liền được gặp gỡ tỳ-kheo Bảo, là đại đức danh rền mười phương).*

Các vị đại thiện tri thức trong quá khứ oai danh truyền xa, thật đức lợi đời, cũng có nghĩa là các Ngài có công đức chân thật lợi ích thế gian rộng khắp, ví như vàng mặt trời trừ các tối tăm. Vì các vị đại thiện tri thức ấy xuất thế, có thể khiến cho hữu tình ngu si điên đảo được an vui, được thoát khỏi ngu si và tri kiến điên đảo, tiếng tăm thật sự chẳng dối. Vì thế nói là “danh mãn thập phương”.

*(Kinh) Bử văn tỳ-kheo thiện thuyết thời, tâm sanh hoan hỷ vô xưng lượng. Tức dĩ thắng diệu chúng bảo phục, cái bử tỳ-kheo vị Bồ Đề. Phục dĩ sở thiên chúng xuất gia, cúng dường thừa sự bử tỳ-kheo. Kinh lịch mãn w bát thiên tuế, vị cầu như thị tam-muội cố.*



**(經)彼聞比丘善說時，心生歡喜無稱量。即以勝妙衆寶服，蓋彼比丘爲菩提。復與數千衆出家，供養承事彼比丘。經歷滿於八千歲，爲求如是三昧故。**

*(Kinh: Khi nghe tỳ-kheo khéo nói pháp, tâm sanh hoan hỷ khôn tính kể, liền dùng các áo báu thượng diệu, phủ lên tỳ-kheo, cầu Bồ Đề. Lại cùng mấy ngàn người xuất gia, cúng dường thừa sự tỳ-kheo ấy. Trải qua trọn cả tám ngàn năm, vì để cầu tam-muội như thế).*

Vua Phạm Đức do nghe lời dạy về Ban Châu tam-muội, sanh lòng hớn hở hoan hỷ đôi với tỳ-kheo Bảo, bỏ ngôi vua, khoác pháp phục xuất gia. Đồng thời, cũng có rất nhiều hữu tình theo nhà vua xuất gia. Vì để chứng đắc tam-muội như thế, mà cúng dường, thủ hộ tỳ-kheo Bảo.

*(Kinh) Bĩ duy nhất thuyết, bất tái tuyên, văn thọ thâm diệu như đại hải.*

**(經)彼惟一說不再宣，聞受深妙如大海。**

*(Kinh: Thầy nói một lần, chẳng nhắc lại, nghe nhận sâu mầu như biển cả).*

“*Bĩ duy nhất thuyết, bất tái tuyên*” (Vị ấy chỉ nói một lần, chẳng nhắc lại): Đó là nhắc nhở các vị Bồ Tát chúng ta: “Giáo ngôn tam-muội này rất sâu!” Chẳng phải là vị tỳ-kheo ấy tiếc pháp, mà là thị hiện như thế. Quả thật là do pháp này khó tuyên nói, khó được nghe!

*(Kinh) Nhĩ thời, tâm trí đô vô quyện, cầu thử như thật thắng tịch Thiền.*

**(經)爾時心智都無倦，求此如實勝寂禪。**

*(Kinh: Lúc ấy, tâm trí đều chẳng mệt. Cầu Thiền như thật, thắng tịch này).*

Trong các giáo điển khác, đức Thế Tôn nói: “*Niệm Phật nãi vi thâm diệu Thiền*” (Niệm Phật chính là Thiền sâu mầu), ở đây nói “*như thật thắng tịch Thiền*” (Thiền thù thắng tịch diệt đúng như thật). Chúng ta đều biết, trong Phật pháp, niềm vui tịch diệt chính là thủ hộ công đức

chân thật. Như các vị A La Hán “*việc làm đã xong, phạm hạnh đã lập, không tạo hậu hữu*”, đã chứng như thật Hữu Dư, hoặc Vô Dư Niết Bàn, tức là chứng Thật Tế Lý Địa, ngay lập tức đạt được niềm vui tịch diệt, mà cũng là công đức chân thật tịch diệt. Do chứng đắc tịch diệt, chán nhàm thế gian, vô ý vận dụng bi tâm; nhưng trong pháp Ban Châu tam-muội này, hoặc là nói theo nội hàm của công đức tu trì Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội, quả thật là đại bi lợi lạc cõi đời, khiến cho chúng sanh được nghe, hoặc chúng sanh hữu duyên, cho đến chúng sanh đọc tụng, giải nói, hướng tới, tùy hỷ tam-muội này, đều đạt được công đức chẳng thể nghĩ bàn, tức là thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Vì thế, ở đây nói “*như thật thắng tịch Thiên*”, cũng là vượt xa công đức tự lợi của Thanh Văn Thừa. Đây là lời chân thật. Nếu chẳng thể quan sát, xét kỹ như thế, chúng ta vẫn rất khó thấy thấu suốt lợi ích rộng lớn rất sâu của pháp Ban Châu. Ở đây, tôi hy vọng mọi người có thể chân thật khéo tự quan sát, khéo tự so sánh.

*(Kinh) Bỉ bối như thị tu hành dĩ, trị ngộ chư Phật đại oai hùng, cụ mãn lục vạn hữu bát thiên, kỳ gian diệc văn thử tam-muội.*

**(經)彼輩如是修行已，值遇諸佛大威雄。具滿六萬有八千，其間亦聞此三昧。**

*(Kinh: Bọn họ đã tu hành như thế, gặp gỡ chư Phật đại oai hùng, trọn đủ sáu vạn tám ngàn vị, cũng từ các Ngài nghe tam-muội).*

Do nhân duyên nghe pháp này, có thể gặp gỡ sáu vạn tám ngàn chư Phật Thế Tôn. Đối trước sáu vạn tám ngàn chư Phật Thế Tôn, cũng nghe pháp này.

*(Kinh) Dư thế cúng dường, phục thừa sự, lục vạn bát thiên ức Thế Tôn. Sở văn thâm diệu tất tùy hỷ, tư do Sư Tử Như Lai cố.*

**(經)餘世供養復承事，六萬八千億世尊。所聞深妙悉隨喜，斯由師子如來故。**

*(Kinh: Đời khác cúng dường và thừa sự, sáu vạn tám ngàn ức Thế Tôn, nghe pháp sâu diệu đều tùy hỷ, vốn do Sư Tử Ý Như Lai).*

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2**

Cho đến gặp gỡ sáu vạn tám ngàn ức Thế Tôn, nghe kinh giáo rất sâu này. Đó đều là sự tiếp nối công đức đã sanh khởi do thoát đầu được nghe giáo ngôn rộng lớn này từ nơi Sư Tử Ý Như Lai Thế Tôn. Dấu vết nghiệp nơi đại chúng hiện tiền trong tương lai sẽ là như thế nào? Hoặc là nói tướng công đức sẽ như thế nào? Đây thật ra là gián tiếp thọ ký cho mọi người. Nói là Ký, tức là muốn khiến cho chúng ta đối với công đức và lợi ích của pháp này, sẽ sanh khởi sự thấu hiểu quyết định, quyết định tùy thuận.

*(Kinh) Bửu vương như thị cụ tu hành, chung đắc thành Phật hiệu Kiên Dũng, giáo hóa chúng sanh vô lượng số, sở tại sanh tử giai viễn trần. Tùy vương xuất gia số thiên chúng, diệc đồng đắc Phật danh Kiên Dũng.*

**(經)彼王如是具修行，終得成佛號堅勇。教化衆生無量數，所在生死皆遠塵。從王出家數千衆，亦同得佛名堅勇。**

*(Kinh: Vua ấy tu hành trọn như thế, trọn thành Phật hiệu là Kiên Dũng, giáo hóa chúng sanh số vô lượng, trong sanh tử đều là trần cấu, mấy ngàn người theo vua xuất gia, cũng đều thành Phật hiệu Kiên Dũng).*

Mấy ngàn người theo vị vua ấy cùng xuất gia cũng do tam-muội mà thành Phật trọn đủ mười hiệu.

*(Kinh) Đức thanh biến mãn thập phương, văn tam-muội danh chứng Đại Giác.*

**(經)德聲遍滿於十方，聞三昧名證大覺。**

*(Kinh: Tiếng đức hạnh trọn khắp mười phương, nghe tên tam-muội chứng Đại Giác).*

Nghe giải thoát, nghe thành tựu, nghe công đức lợi ích. Trong Phật pháp đều có các trường hợp cụ thể và thí giáo về chuyện này. Thông qua học tập bộ kinh này, mọi người phải nên có sự nhận thức ấy!

*(Kinh) Hà hướng phục năng vị tha thuyết, bất nhiễm trước bỉ chư thế giới. Đương cánh quảng hiển diệu tư duy. Nhược tư tam-muội chư Phật diễn. Nhược tri tam-muội bách do-tuần, vị cầu Bồ Đề nghe bỉ thính.*

**(經)何況復能爲他說，不染著彼諸世界。當更廣顯妙思惟，若斯三昧諸佛演。若知三昧百由旬，爲求菩提詣彼聽。**

*(Kinh: Hướng hồ lại vì người khác nói, chẳng đắm nhiễm các thế giới ấy. Hãy nên hiển rộng diệu tư duy, tam-muội chư Phật nói như thế, hoặc biết tam-muội trăm do-tuần, vì cầu Bồ Đề đến đó nghe).*

Đây là khuyên thỉnh kẻ hữu duyên [nếu biết] trong một trăm do-tuần, cho đến trong vòng hai trăm, ba trăm, vài trăm do-tuần [có thiện tri thức dạy pháp này], cũng nên qua đó nghe giảng Ban Châu tam-muội, như trong kinh Vô Lượng Thọ, đức Thế Tôn đã nói: “Giả sử khắp đại thiên thế giới tràn ngập lửa, vẫn nên vượt qua cầu pháp này”. Vì lẽ nào? Vì pháp như thế ấy rất khó gặp! Thà xả sanh mạng, vẫn mong được nghe pháp này. Công đức ấy cũng là chẳng thể nghĩ bàn. Vì sanh mạng một đời có thể hết, nhưng pháp này có thể lợi ích rộng khắp thế gian nhiều kiếp. Cho đến khiến cho hữu tình thành tựu Bồ Đề, cho nên lợi ích chẳng thể nghĩ bàn!

*(Kinh) Ư ngôn giáo trung mạc từ quyện, văn giả công đức bất khả lượng.*

**(經)於言教中莫辭倦，聞者功德不可量。**

*(Kinh: Trong ngôn giáo, chẳng hề chán mệt, người nghe công đức chẳng thể lường).*

Tùy hỷ, nghe nói, đọc tụng, giải nói, đích thân chứng, các lợi ích ấy đều chẳng thể nghĩ bàn. Nói “lợi ích” chính là thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Trong cả bộ kinh này, đức Thế Tôn đều tuyên nói như thế.

*(Kinh) Nhược chí ư bỉ bất đắc văn, thượng hoạch nhược can chư phước tụ.*

**(經)若至於彼不得聞，尚獲若干諸福聚。**

*(Kinh: Nếu đến nơi đó, chẳng được nghe; vẫn được chừng ấy các khỏi phước).*

Nếu chỉ nghe nói, sau đó chẳng tiếp tục, công đức do nghe rồi tùy hỷ cùng với công đức “cầu nghe mà chẳng được nghe” cũng là chẳng thể nghĩ bàn.

*(Kinh) Hà huống văn dĩ, tư thuyết giả, duy đương tốc cầu thử tam-muội.*

**(經)何況聞已思說者，唯當速求此三昧。**

*(Kinh: Huống hồ đã nghe, còn nghĩ, nói. Chỉ nên mau cầu tam-muội này).*

Nếu là kẻ được nghe, hãy khéo tư duy, tu trì. Đức Thế Tôn nhiều lượt nêu ra các trường hợp “đọc tụng, tư duy tu trì, vì người khác giải nói, cùng với đích thân chứng”. Ở đây, nêu ra công đức và lợi ích đạt được do nghe tam-muội này.

*(Kinh) Đương niệm bỉ cụ phạm đức nhân, thân cận, thừa sự vật sanh yếm.*

**(經)當念彼具梵德人，親近承事勿生厭。**

*(Kinh: Hãy nghĩ người trọn đủ phạm đức, thân cận, thừa sự, chớ sanh chán).*

“Cụ phạm đức nhân” là nói tới người tuyên nói trọn đủ giáo ngôn này, khiến cho giáo ngôn này được truyền rộng khắp trong thế gian.

*(Kinh) Thùy tỳ-kheo sở hữu thử kinh, tức đương nghê bỉ tu cúng dường.*

**(經)誰比丘所有此經，即當詣彼修供養」。**

*(Kinh: Tỳ-kheo nào có được kinh này, hãy đến tu cúng dường vị ấy).*

Trong phần trước, chúng ta đã đọc thấy Hiền Hộ Bồ Tát là Thượng Thủ của năm trăm vị tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di,

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

cho đến tám vị Đại Sĩ v.v... vì thủ hộ kinh giáo này, bèn đối trước đức Thế Tôn lập thế nguyện rộng lớn, ở chỗ một đức Phật, hai đức Phật, cho đến tận vị lai hết thấy Phật, đều tuyên nói kinh này. Vì sao trong phần trước có bốn chúng, mà ở đây chỉ nhắc đến tỳ-kheo? Vì tỳ-kheo đứng đầu bốn chúng, nhắc đến tỳ-kheo thì ba chúng kia không gì chẳng được bao gồm.

“*Tỳ-kheo sở*” tức là dặn bảo. Đây là cơ chế trụ thế trong giáo ngôn chúc lụy của đức Thế Tôn, mà cũng là cơ chế truyền bá, tu trì. Khi đức Thế Tôn nhập diệt, Ngài đã căn dặn các tỳ-kheo hãy làm cho chánh pháp trụ thế, khiến cho Tượng Pháp trụ thế, thậm chí khiến cho trong thời Mạt Pháp, [Phật pháp] chẳng mất dấu vết trong thế gian, khiến cho kẻ tiến nhập Phật pháp, yêu mến Phật pháp sẽ có kinh giáo để có thể tu tập, cho đến nói có chỗ quy y. Vì thế, [đức Phật] sắc truyền tỳ-kheo hãy tùy cơ thị hiện. “*Sắc truyền*” là đức Thế Tôn truyền các vị đại A La Hán, các vị đại Bồ Tát đã sớm thành tựu, thậm chí ứng cơ thân (thân ứng hiện thuận theo căn cơ) của chư Phật, hiện đủ loại thân trong thế gian này, hoặc là thân thù thắng, hoặc thân kém cõi, hoặc thân phàm phu, hoặc thân ngu si, hoặc thân tội ác, cho đến thân xuất gia, thân Bồ Tát, tùy thuộc căn cơ mà tuyên nói, dạy bảo, khiến cho kẻ hữu duyên được nghe kinh giáo có thể tu trì, có thể thành tựu.

Từ phần Trường Hàng cho đến phần Kệ Tụng của phẩm này, chúng ta có thể thấy đức Thế Tôn đối với chuyện nghe nói, hướng đến, và tùy hỷ pháp Ban Châu đã ban sự gia trì và thọ ký không chỉ lớn bằng, khiến cho các hữu tình hữu duyên nghe rồi bèn thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Do tùy hỷ mà thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Do đọc tụng mà thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Do tư duy, quan sát, chánh hạnh mà thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Thậm chí khiến cho người truyền tụng, người đích thân chứng [tam-muội] thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Vì sao nói như thế? Nếu đức Thế Tôn chẳng thọ ký cho chúng ta, tức là chẳng có Phật lực dẫn dắt và thọ ký, thường là đối với chỗ này, chúng ta chẳng có sức tư duy và nhìn thấu suốt một cách rộng lớn rốt ráo, có thể là đối với một chút nào đó, một khía cạnh nào đó mà có chút cảm giác, nhưng chẳng thể quan sát lợi ích rốt ráo, hoặc lợi ích viên mãn ở nơi đâu, hoặc chỗ quy hướng chân thật.

Các vị Bồ Tát hiện tiền đang nghe giảng, tư duy, đọc tụng, vì người khác diễn nói Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội, trong cơ chế của mấy loại nhân duyên này, chắc là có dính dáng,

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

hoặc đều có chút hành trì tương tự. Do vậy, ở nơi đây, giống như đức Thế Tôn đã ban cho chúng ta một sự chọn lựa và thọ ký, khiến cho chúng ta thật sự tiến nhập Bồ Đề, viên mãn vị lai!

***20. Phẩm thứ mười sáu: Giác Ngụ***

***(Kinh) Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Phần Giác Ngụ phẩm đệ thập lục.***

**(經)大方等大集賢護分覺寤品第十六。**

***(Kinh: Kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Phần. Phẩm thứ mười sáu: Tỉnh Ngủ)<sup>30</sup>.***

Trong phẩm này, đức Thế Tôn đã tuyên nói, khiến cho chúng ta giác ngộ kinh điển này khó có, khó nghe. Chúng ta có cơ hội nghe pháp, tu tập pháp, tư duy, luyện tập, đọc tụng, cho đến vì người khác giải nói, trao đổi, đích thân chứng nhập. Đó là thiện căn, phước đức như thế nào? Đức Thế Tôn chẳng ẩn giấu bất cứ nhân duyên nào, mà cũng chẳng khoe khoang bất cứ nhân duyên nào, chỉ nói như thật. Chúng tôi nêu một thí dụ đơn giản nhất. Chẳng hạn như trâu, ngựa, la, lừa chở nặng, nếu chúng nó chuyên môn đến nghe kinh giáo như thế này, gần như là chẳng có cơ hội ấy! Vì chủ nhân của chúng nó sẽ chẳng lôi lừa, ngựa đến nghe pháp. Chúng nó có thể ngẫu nhiên nghe thấy, nhưng hiểu hay không, biết hay không, vẫn là một câu hỏi! Tôi dự Phật Thất hoặc tụng kinh ở nhiều nơi, đã từng gặp chuyện súc sanh đến nghe pháp, nhưng chúng nó phần nhiều bị mọi người la hét, xua đuổi, phước đức của chúng nó chẳng đủ! Lại như các quỷ thần thường là có sức thần thông, nếu nơi nào đó hiện tướng quang minh to lớn, sanh ra âm thanh vi diệu, họ phần nhiều muốn tới đó, nhưng do phước đức chẳng đầy đủ, chẳng thể đi khỏi khu vực của chính mình. Tức là bị một loại nghiệp lực nào đó hạn cuộc, chẳng thể tiến nhập! Ngay trong loài người chúng ta, cũng có nhân duyên giống như thế. Chẳng hạn như có người nói cuộc sống và khoa học kỹ thuật trong các quốc gia phương Tây phát triển; do vậy, mong tới đó du học, sanh sống, hoặc phát triển tại những nước ấy, nhưng do phước đức ngăn trở, chẳng xin hộ chiếu được, chẳng ra khỏi nước được, chẳng làm chuyện ấy

---

<sup>30</sup> Hiểu theo nghĩa thông thường, Giác Ngụ là thức dậy, đôi khi nó còn dùng như một chữ đồng âm do Giác Ngộ vì tỉnh ngủ giống như thoát khỏi giấc ngủ say sưa, giống như chúng sanh thoát khỏi giấc mộng vô minh thì gọi là Giác Ngộ.

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

được! Phước đức nơi hết thầy các hiện tượng sanh mạng khi chưa thành thực, đều là như thế.

Trong một tháng này, chúng ta đã nhiều lần nghe danh tự Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiền Tiên tam-muội, cho đến nội dung của giáo điển tam-muội này, không ngừng tư duy, quan sát, nghe nhận, trao đổi, cho tới tu tập. Thoạt nhìn, tuy mười phần đơn giản, nhưng đối với nội hàm của pháp tắc này, chúng ta biết hay không, hiểu hay không, tiếp nhận hay không, cho tới một niệm nguyện vọng học tập là nguyện vọng thuận theo tình thế, nguyện vọng thuận duyên, hay là nguyện vọng do chính mình lựa chọn? Phước báo ấy sai khác mười phần to lớn! Nếu đối với một pháp tắc, chúng ta có thể chủ động, rõ ràng tiến nhập, pháp hỷ tràn trề, yêu thích thủ hộ. Đây thật sự là biểu hiện của thiện căn chín muồi. Nếu không như vậy, chúng ta chỉ thuận theo nghiệp tướng, tuy nghiệp tướng ấy cũng là thiện căn, nhưng nó sẽ thường tiến nhập hai loại: Một loại là tiếp tục thành thực, loại kia là chuyển vào duyên khác. Tức là do quý vị chẳng ưa, bài xích, thậm chí chẳng tiếp tục, nó sẽ sanh khởi tác dụng nơi nhân duyên khác. Vì vậy, đức Thế Tôn không ngừng hướng dẫn chúng ta, thậm chí hướng dẫn rất tỉ mỉ, muốn khiến cho chúng ta sanh khởi tín tâm quyết định đối với pháp tắc này, quyết định thủ hộ, cho đến quyết định tu tập, và chánh tư duy quan sát, hoặc là một niệm tâm tùy hỷ, hoặc là có tâm muốn nghe.

Đối với chuyện nghe kinh, nếu nghe rồi sanh lòng tin, nghe xong có thể hành, nghe rồi bèn biết, nghe rồi bèn sanh khởi chánh hạnh vui sướng. Đó gọi là Văn (聞, nghe). Nếu nghe xong, sanh lòng phi báng, bài xích, nghe mà chẳng mừng, sanh nghi, dấu nghe mà như chẳng nghe. Có thiện tri thức hướng tới Ban Châu tam-muội này, nếu muốn nghe mà chưa được nghe, do đã hướng về, yêu thích, thiện căn ấy cũng chín muồi chẳng thể nghĩ bàn! Trong đời sau, có thể thấy Phật, có thể thấy nhiều vị Phật, có thể thấy trăm ngàn vị Phật, do thấy Phật mà nghe pháp. Trong kinh điển, đức Thế Tôn không ngừng hướng dẫn chúng ta như vậy, muốn khiến cho chúng ta có thể tiến nhập, có thể yêu thích pháp này. Đối với các giáo ngôn Đại Thừa, nhất là giáo ngôn thành tựu trong một đời như thế này, người nghe xong mà chẳng báng bỏ, nghi hoặc rất ít ỏi, người nghe xong hoan hỷ càng tốt bậc hiếm hoi! Người nghe xong, hoan hỷ, lại còn siêng năng tu tập, tư duy, tán thán, truyền bá, thủ hộ, tu tập, đã hiếm lại càng hiếm hơn! Đó là sự tương ứng dẫn khởi từ tâm địa. Các vị thiện tri thức ơi! Hãy nên khéo tư duy, khéo quan sát!



*(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn phục cáo Hiền Hộ Bồ Tát ngôn.*

**(經)爾時，世尊復告賢護菩薩言。**

*(Kinh: Lúc bảy giờ, đức Thế Tôn lại bảo Hiền Hộ Bồ Tát rằng).*

Vì Hiền Hộ Bồ Tát là bậc đương cơ, là vị khai giáo (khải thỉnh giáo pháp), và cũng là vị thượng thủ truyền bá thí giáo trong đời vị lai của giáo ngôn này, do vậy, trong kinh điển, đức Thế Tôn không ngừng bảo Hiền Hộ.

*(Kinh) Hiền Hộ! Ngã niệm vãng tích quá đa vô lượng A-tăng-kỳ kiếp.*

**(經)「賢護！我念往昔過多無量阿僧祇劫。**

*(Kinh: Này Hiền Hộ! Ta nhớ xưa kia qua khỏi nhiều vô lượng A-tăng-kỳ kiếp).*

Phẩm này nói về sự giác ngộ. Lời dạy của đức Thế Tôn không gì chẳng ngoài khiến cho chúng ta ngộ nhập tri kiến của Phật, thành tựu đạo nghiệp thanh tịnh. Đó là chánh nhân xuất thế của hết thầy chư Phật. Trong phẩm giác ngộ này, đức Thế Tôn dùng ngài Hiền Hộ làm đối tượng để tuyên nói, hồng chân thật thí giáo cho đại chúng hiện tiền.

“Ngã niệm vãng tích quá đa vô lượng A-tăng-kỳ kiếp” (Ta nhớ xưa kia qua khỏi nhiều vô lượng A-tăng-kỳ kiếp): Số lượng mà đức Thế Tôn biết, tâm trí của Bồ Tát chẳng thể theo kịp, Thanh Văn, Duyên Giác cũng giống như thế. Phàm phu chỉ nghe danh tướng, chẳng thể biết nội con số đức Thế Tôn đã nói. “Vô lượng A-tăng-kỳ kiếp” là con số như thế nào? Đối với một kiếp, bọn nhân loại chúng ta phải nên tính toán như thế nào? Nếu nói “năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm có thể là thời gian tiếp nối giữa một đức Phật này và đức Phật kia”, vậy thì trong thời gian và không gian rộng lớn, rốt ráo phải nên dùng số lượng như thế nào để cân nhắc? Chuyện này đòi hỏi chúng ta phải chân thật tu chứng các pháp lợi ích cho nhiều, như thế thì mới có thể tiến nhập các pháp tắc chân thật, liễu giải số lượng như thật. Điều này được gọi là “hữu chứng lượng”. Tuy rằng “pháp chẳng có tự tánh, các pháp rốt ráo chẳng có thực chất, do nhân duyên sanh ra”, nhưng tu tập và đích thân chứng các pháp mười phần trọng yếu! Ở đây, chẳng phải là Pháp Chấp, chỉ là nhu cầu. Chúng ta đối với pháp tắc Ban Châu tam-muội, cho đến đối với hết thầy các

pháp tắc đáng nên tu tập, đối với số lượng ấy, cho đến cảm nhận thế giới, đều phải nên tu trì như thật.

*(Kinh) Hữu Phật xuất thế, danh Tát Giá Na Ma Như Lai.*

**(經)有佛出世，名薩遮那摩如來。**

*(Kinh: Có Phật xuất thế, tên là Tát Giá Na Ma Như Lai).*

Tát Giá Na Ma dịch nghĩa là Chí Thành, nhưng cách dịch này chỉ có thể nói là miễn cưỡng, chẳng hoàn toàn tương ứng. [Phiên dịch kinh Phật từ] Phạm văn có [quy ước] “*ngũ chủng bất phiên*” (năm loại không phiên dịch), “*bí mật bất phiên*” (do bí mật nên chẳng phiên dịch) là một loại trong ấy. Chẳng hạn như chân ngôn, hễ phiên dịch thì mọi người chẳng đọc, hoặc giải nghĩa thì chẳng có ý nghĩa. Khá nhiều tâm chú chính là thệ nguyện bí mật, đều chẳng thể nói rõ ràng được, vì người thệ gian chẳng đủ sức [để thấu hiểu nội dung của thệ nguyện ấy]. Nếu nói rõ ràng, phần nhiều sẽ khiến kẻ khác nghe xong sợ hãi, nghe rồi sanh nghi ngờ, phỉ báng, nghe xong sanh tâm chửi bới, phần nhiều bị tổn hại thiện căn và phước đức. Trong năm thứ không phiên dịch, còn có một loại [chẳng phiên dịch] là vì phương này (Trung Hoa) chẳng có, cho nên chẳng thể dịch, hoặc do có nhiều ý nghĩa nên chẳng dịch. Các danh từ chuyên dụng cũng chẳng thể dịch, như từ xưa đến nay, mọi người đã quen sử dụng các danh từ ấy, như Bát Nhã Ba La Mật, Niết Bàn v.v... chỉ có thể hiểu ý, chẳng phiên dịch!

Na Ma tức là Nam Mô. Trong quá khứ, Nam Mô có năm thứ ý nghĩa mật thuyết (nói theo ý nghĩa bí mật), hai mươi lăm cách khai thuyết (nói theo cách nói công khai, rõ ràng, chẳng bí mật). Thông thường, phần nhiều chẳng tuyên nói năm nghĩa, nhưng phải nên biết các ý nghĩa “*lễ kính, quy mạng, cúng dường, tùy thuận, trọn đủ, hàng phục, chân thật an trú*”. Nam Mô [được hiểu theo nghĩa nào] là do người sử dụng. Chẳng hạn như người lễ kính bèn coi lễ kính là Nam Mô. Người quy mạng tự coi quy mạng là Nam Mô. Người cúng dường hiểu cúng dường là Nam Mô. Người tùy thuận bèn do tùy thuận mà nói Nam Mô. Có người dùng Nam Mô để hàng phục phiền não hiện tiền; vậy thì hàng phục là Nam Mô. Có người do thấy chư Phật trọn đủ các thiện công đức, bèn thủ hộ như thế, lấy Phật đức làm đức của chính mình, ngay lập tức tiêu trừ [mọi phiền não], chẳng chấp trước, chẳng có Ngã Chấp, chẳng có Pháp Chấp, tâm trí thanh tịnh, tự tâm chân thật “chẳng đến, chẳng đi”

ngay lập tức sáng tỏ. Loại người như thế tức là coi Nam Mô là “trộn đũ”. Lại còn có người coi xếp đặt các phương tiện bô thí là Nam Mô, tức Nam Mô theo kiểu lợi tha. Còn có người coi tán thán, hứa khả là Nam Mô, như chư Phật Như Lai Thế Tôn xưng niệm Nam Mô A Di Đà Phật chính là trực tiếp ca ngợi A Di Đà Phật Thế Tôn có quang minh chẳng thể nghĩ bàn, nguyện lực chẳng thể nghĩ bàn, sức thần thông chẳng thể nghĩ bàn. Đó cũng là Nam Mô. Do vậy, Nam Mô có vô lượng vô biên nghĩa bí mật, trong một từ ngữ chứa đựng vô lượng nghĩa. Nếu sử dụng thích đáng, khéo sử dụng, sử dụng chân thật vô lượng nghĩa ấy, sẽ có công đức hiện tiền, liền có thể như thật khởi tác dụng của nội hàm chữ Nam Mô.

*(Kinh) Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, thập hiệu cụ túc.*

**(經)應供、等正覺、十號具足。**

*(Kinh: Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, mười hiệu đầy đủ).*

Trong quá khứ, các vị được xưng là chư Phật Như Lai Thế Tôn có đủ mười hiệu. Hiện thời, trong thế giới Sa Bà có nhiều loại hữu tình cuồng vọng, tự xưng là Phật, thậm chí còn [vênh váo tuyên bố] “vượt xa Phật Thích Ca”, coi thường Ứng Thân của đức Thế Tôn, cho đến coi thường giáo pháp của Ứng Hóa Thân Phật Thích Ca, tức là giáo pháp của Ứng Thân. Thật ra, chẳng thể chê bai! Vì ba thân Pháp, Báo, Ứng chẳng cách biệt, chẳng tách rời, một Thế cùng phóng quang minh, chỉ ứng theo nhu cầu của chúng sanh. Nếu dùng thân to lớn, thân trang nghiêm, thân oai đức hiển hiện trong cõi đời, hết thấy chúng sanh sẽ mê hoặc, điên đảo! Khi đức Thế Tôn xuất thế, thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, có ngoại đạo liền báng bỏ đức Thế Tôn, nói: “Cù Đàm (Gautama) là hóa nhân (người biến hóa ra), chẳng phải là có thật. Chẳng giống như người thế gian chúng ta có cha, có mẹ”. Đức Thế Tôn nói: “Cha ta là Tịnh Phạn (Suddhodana), mẹ ta là Ma Da (Māyā) ở nước Ca Tỳ La Vệ (Kapilavastu)”. Vì sao đức Thế Tôn chứng thực cha mẹ và quê hương của chính mình như thế? Muốn khiến cho hết thấy chúng sanh chẳng sanh tâm sợ hãi, cho nên Ngài sanh trong thân phận tương ứng để an trụ.

Chư Phật Như Lai Thế Tôn trọn đủ mười hiệu, Thích Ca Mâu Ni Như Lai Thế Tôn cũng trọn đủ mười hiệu. Trong mười hiệu ấy, Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiên Thệ, Thế Gian Giải,

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn đều là các danh xưng trọn đủ đức. Nói cách khác, chẳng phải là khoác lấy danh xưng đẹp đẽ, to tát, mà là có nội hàm của mười loại công đức cụ thể. Vì thế, đó là danh xưng toàn vẹn nơi danh hiệu của chư Phật. Đối với A Di Đà Phật Thế Tôn, cũng như trong danh xưng của chư Phật Thế Tôn, hoặc trong các chân ngôn, đều dùng các mười hiệu ca ngợi trọn đức để xưng tán. Chẳng hạn như nói “*Nam-mô Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư A Di Đà Phật Thế Tôn*”. Hoặc nói: “*Nam-mô Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư Dược Sư Lưu Ly Quang Phật Thế Tôn*”. Trong quá khứ, có người niệm Phật truyền dạy cách niệm như thế, nhưng người hiện thời dường như cảm thấy niệm kiểu ấy quá rườm rà, dường như đọc lên quá mệt. Thật ra, chẳng phải vậy, vì Như Lai thật sự tương ứng trọn vẹn mười danh hiệu công đức ấy, hiển hiện trọn đủ oai đức, quyết định là bậc đạo sư trong tam giới, trong hết thảy chúng sanh Ngài quyết định an ủi, trong hết thảy thế gian, Ngài quyết định làm phước điền. Trong hết thảy chúng sanh, Ngài quyết định ban pháp thí, vô úy pháp thí trọn đủ, chẳng có mây may chần chừ, siểm khúc, hoặc các [phiền não] tương tự như thế.

Trước kia, tôi đã gặp một vị tại gia Bồ Tát nói pháp tắc của ông ta tu tập cao hơn giáo pháp do Phật Thích Ca tuyên nói bao nhiêu lần! Tôi nói: - Ông chẳng cần phải khoe chính mình cao siêu! Có một phương pháp để ngay lập tức thí nghiệm. Vì Thích Ca Mâu Ni Phật Thế Tôn chứng đắc pháp thể tràn đầy, tức là cái Thể pháp tắc sung mãn, thân hiện viên quang, hết thảy Bồ Tát đều chẳng thể sánh bằng! Ở trong ngũ trước ác thế này, nếu nói đến thân quang (quang minh tỏa ra từ thân thể) thì A La Hán có hạng quang (quang minh tỏa ra từ phía sau cổ, bao quanh đầu), các vị Bồ Tát có thân tướng quang (hào quang bao quanh thân), nhưng đều chẳng có viên quang. Viên quang là chẳng có thân tướng trước sau. Vì viên quang tràn trề, là quang minh hỷ duyệt và trí huệ. Do vậy, chẳng thấy tướng lung. Khi đức Thế Tôn tuyên nói, hết thảy chư thiên vây quanh, Bồ Tát vây quanh, các vị tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, cho đến đại chúng vây quanh trước sau, đều thấy tướng chánh diện của đức Thế Tôn, chẳng thấy tướng lung của đức Thế Tôn. Chẳng phải là đức Thế Tôn không có lung, mà là do viên quang chiếu rọi. Thích Ca Phật Thế Tôn, cho đến chư Phật Thế Tôn trong lúc ứng

## *Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2*

hóa, đều có viên quang. Đây là bất cộng pháp, bất cộng lực, bất cộng thiện xảo giữa tướng xuất thế của hết thầy chư Phật Thế Tôn và hết thầy Bồ Tát, phàm phu! Hữu tình cuồng vọng, ngu si, vô minh trong thế gian phần nhiều tự phụ, tự đề cao, khoe chính mình lớn hơn Phật. Vậy thì xin nhà người hãy hiện quang minh chẳng có thân tướng trước sau xem sao? Đúng là thứ gì cũng chẳng phải, chỉ bất quá là tâm cuồng loạn, ý điên đảo, là thứ mất trí, bị các tâm trí xấu ác không chế đó thôi! Chút phần công đức còn chẳng thể đạt được, vẫn xằng bậy xưng là Phật, vẫn nói là cao hơn Phật! Hiện thời, hữu tình thuộc loại này xuất hiện nhiều trong cõi đời, là yêu nghiệt rối loạn thế gian, mê hoặc hữu tình!

Bởi vậy, chúng ta nếu học Phật, nhất định phải tin chắc mười hiệu công đức trọn đủ là chư Phật. Chư Phật xuất thế chắc chắn đều có sự thọ ký thanh tịnh, chẳng hề chênh lệch. Chẳng hạn như Phật Di Lặc xuất thế trong vị lai đã có chư Phật thọ ký từ lâu, mà sau khi Phật Di Lặc xuất thế, lại có vị Phật thứ sáu, vị Phật thứ bảy, một ngàn vị Phật trong Hiền Kiếp được thọ ký nhiều lần; trong ấy, tuyệt đối chẳng có sự gián đoạn nào! Là một Phật giáo đồ, chúng ta phải nhận biết điều này! Nếu không, sẽ bị các ngoại đạo, cho đến bị phùng tà kiến mê hoặc. Nếu vậy, chúng ta sẽ chẳng thể đạt được sự y chỉ rốt ráo an ổn. Hiện thời, trong thế gian này, hữu tình tâm trí cuồng điên hết sức đông đảo. Có một lần, tôi đến vùng Đông Bắc, một cư sĩ đến bảo tôi: “Tôi chỉ có thể chào thầy bằng một tay. Thầy có biết vì sao hay không? Tôi là Phật X... Nếu tôi chấp hai tay chào thầy, thầy sẽ bị tổn phước”. Tôi nói: “Ông là Phật thì cứ thông thả thủ hộ là được rồi! Hết thầy chúng sanh vốn là Phật, nhưng khi ông nói chính mình là Phật, các đức chẳng đầy đủ, hãy nên sanh tâm hổ thẹn, đừng kiêu ngạo, cuồng vọng, tự phụ!” Nhưng có kẻ mười phần mê hoặc thế gian như thế đó. Rất nhiều kẻ học Phật khi chẳng có chánh tri chánh kiến, sẽ thường dễ gặp vấn đề xuất hiện. Trước kia, có một vị cư sĩ còn kể với tôi: Ông ta quen một người tại gia làm nghề y, chẳng học Phật, nhưng có sức thần thông. Kết quả là rất nhiều Phật tử chẳng học Phật mà đến chỗ hần, nói hần là một vị Phật sống. Vì sao? Hần ta “có công phu thật sự!” Nhưng sức thần thông là gì? Giống như kỹ thuật, hoặc kỹ xảo, chẳng thể đại diện cho Phật pháp, chỉ có thể đại diện cho một phương diện kỹ thuật chi đó! Nhưng vị cư sĩ ấy kể với tôi trong nước có nhiều vị cư sĩ chẳng học Phật nữa, đều đến chỗ kẻ đó, cho rằng kẻ đó mới là Phật thật. Hần ta cũng mặc nhiên thừa nhận chuyện đó. Đó là gì? Chính là vì chẳng hiểu rõ giáo lý Phật pháp.

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

Mười hiệu trọn đủ cũng là sự thủ hộ cho nhận thức Phật giáo và tu tập Phật pháp của chúng ta. Đối với chỗ này, phải sanh quyết định giải, cho đến mỗi vị Phật ứng hóa, xuất thế, cũng đều chẳng thể tạp loạn. Nhất là vào cuối thời chánh pháp của đức Phật Thích Ca trong mai sau, giáo ngôn của Phật pháp phần nhiều bị các hữu tình ngu si, hữu tình cuồng vọng, hữu tình có tri kiến điên đảo dựa hơi, để “*tương tự truyền bá*”. Tức là chẳng thuận theo kinh giáo, cứ xằng bậy sáng chế, hoặc chẳng nương theo truyền thừa, cứ hư vọng tự “sáng chế”, hoặc chẳng tuân theo pháp hệ để truyền bá, cứ tự hư vọng “sáng chế”, hướng dẫn hữu tình sai lầm, khiến cho rất nhiều hữu tình bị mê mất. Vì thế, chúng ta học bất luận pháp tắc nào, nhất định phải có xuất xứ từ kinh điển, nhất định phải có giáo ngôn xuất xứ, hoặc xuất xứ truyền thừa, cũng như xuất xứ từ sự tu chứng của lịch đại tổ sư trong quá khứ. Xét coi kinh điển nói như thế nào? Lịch đại tổ sư nói như thế nào? Trong quá trình chúng ta tu tập, có tương ứng hay không? Đó đều là các tham số (parameters) an toàn cơ bản, tức là phán đoán quý vị có phải là dùng pháp Tứ Đế, Tứ Pháp Ấn, hoặc Tam Pháp Ấn để ấn khế tự tâm, dùng Thật Tướng Ấn để ấn khế pháp tắc. Nếu chẳng phải như vậy, sẽ chẳng an toàn. Nếu chúng ta tu tập pháp tắc trong Phật pháp, lại ngược ngạo đi đường vòng, thậm chí rơi vào tri kiến hoặc sự tu chứng của ngoại đạo thì sẽ là gặp Phật pháp mà chẳng được giải thoát, bị pháp tắc tương tự làm hại, quả thật quá đáng tiếc! Chư vị thiện tri thức hãy khéo tư duy, khéo quan sát ở chỗ này!

***(Kinh) Thời, hữu tỳ-kheo danh viết Hòa Luân, u Phật diệt hậu, xưng dương, quảng thuyết thị tam-muội kinh.***

**(經)時，有比丘名曰和輪，於佛滅後，稱揚廣說是三昧經。**

***(Kinh: Khi đó, có tỳ-kheo tên là Hòa Luân, sau khi đức Phật diệt độ, xưng dương, rộng nói kinh tam-muội này).***

Trong hội của Tát Giá Na Ma Như Lai, có một tỳ-kheo tên là Hòa Luân. Sau khi đức Phật ấy diệt độ, sư bèn tuyên nói rộng khắp kinh giáo Thập Phương Chư Phật Tát Giai Hiện Tiền tam-muội này. “*Thị tam-muội kinh*” (Kinh tam-muội này) có thể là kinh điển dịch theo ý nghĩa, hoặc thuộc loại trực dịch, cho đến các thứ kinh điển giáo hóa rất sâu về

## *Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2*

Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội như thế, đều có thể gọi là “*thị tam-muội kinh*”.

Chúng ta thấy kinh Ban Châu Tam Mọi được dịch theo nhiều cách, thành [các bản dịch gồm] một quyển, ba quyển, hoặc năm quyển. Nội dung như nhau, vì sao số quyển bất đồng? Do người phiên dịch có vị thích đơn giản, có vị thích chi tiết, có vị là trực dịch, có vị dịch ý. Từ xưa đến nay, có khá nhiều phương pháp dịch kinh. Như La Thập đại sư khéo dịch ý, phần nhiều dùng ngôn từ ngắn gọn, thanh thoát, lưu loát để diễn đạt ý nghĩa trong kinh văn, nhưng chẳng đánh mất giáo nghĩa, còn pháp sư Huyền Trang thì trung thực dịch sát từng chữ, chẳng tăng, chẳng giảm. Từ kinh A Di Đà, chúng ta có thể thấy được sự khác biệt giữa lối cựu dịch và tân dịch. Cựu dịch phần nhiều tôn sùng cách dịch ý, khiến cho chúng ta là người Hán thích ngắn gọn, phần lớn sẽ đọc tụng. Về sau, pháp sư Huyền Trang cho rằng cách ấy có những chỗ chẳng thỏa đáng. Chẳng hạn như trong kinh A Di Đà, Thích Ca Văn Phật (Thích Ca Mâu Ni Phật) nói mười phương chư Phật đều cùng ca ngợi công đức thù thắng chẳng thể nghĩ bàn của A Di Đà Phật. Mười phương chư Phật cùng lúc hiện đại thần biến, dùng đủ loại oai đức để nhiếp hóa hữu tình trong mười phương, khiến họ thoát lìa sanh tử, thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề ngay trong một đời. Còn La Thập đại sư dịch kinh A Di Đà là sáu phương Như Lai. Vì thế, các vị thiện tri thức dịch kinh về sau như pháp sư Huyền Trang v.v... cho rằng [dịch theo lối cũ] có chỗ chẳng thỏa đáng, lại sang Ấn Độ cầu được nguyên bản tiếng Phạn, muốn dịch sát văn tự, trên thực tế là phiên dịch chẳng tăng giảm câu văn gốc.

Trong Hán truyền Phật giáo, có kinh điển được dịch vào thời kỳ đầu, cũng có kinh điển được dịch vào trung kỳ và hậu kỳ, tức là hai thuyết cựu dịch và tân dịch. Ở đất Tây Tạng, cũng có hai phái cựu dịch và tân dịch<sup>31</sup>. Thường là kinh điển cựu dịch trải qua thời đại lắng đọng,

---

<sup>31</sup> Phật giáo được truyền vào Tây Tạng dưới thời vua Songtsan Gampo (618-649), nhưng chỉ giới hạn trong cung đình. Đây là giai đoạn hình thành chữ viết Tây Tạng dựa trên văn tự Ấn Độ. Mãi cho đến thế kỷ thứ tám, dưới thời vua Trisong Detsen (755-787), vua thỉnh các học giả Ấn Độ sang truyền giáo. Trong số đó, có hai vị lỗi lạc nhất là Liên Hoa Sanh (Padamashambava) và Tịch Hộ (Sāntaraksita, vị này chuyên dạy về Trung Quán). Liên Hoa Sanh đại sư chuyên dạy về Mật Tông, và được coi là sáng tổ của Phật giáo Tây Tạng. Các giáo pháp, kinh điển truyền thừa trong thời kỳ này được gọi là Cựu Mật, và được kế thừa bởi tông phái Cổ Mật (Nyingmapa). Đến thời vua Langdarma (836-842), tuy chỉ làm vua trong sáu năm,

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

sẽ bộc lộ một số khuyết điểm. Chẳng hạn như sẽ sanh ra các tranh luận về ý nghĩa, khiến cho hữu tình nương theo giáo ngôn gặp mê hoặc, hay chẳng tương ứng. Do vậy, sẽ xuất hiện một số thiện tri thức sang Ấn Độ lần nữa, thỉnh Phật bản về, phiên dịch lần nữa, để khiến cho mọi người xả trừ nghi hoặc, sanh quyết định y chỉ. Nguồn gốc thanh tịnh và sự tuyên nói như thật của kinh điển là một điều rất trọng yếu để chúng ta y chỉ trong tu tập Phật pháp.

Rất nhiều người đã đọc kinh Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ, và cũng đã đọc kinh A Di Đà. Vào thời Đường, kinh A Di Đà đã được lưu thông hết sức phổ biến và nổi tiếng như kinh Kim Cang và Tâm Kinh, nhưng bản kinh Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ do ngài Huyền Trang dịch được truyền bá rất ít. Trước kia, chúng tôi ở trong nước cũng đi khắp nơi đề xướng bộ kinh ấy, nhưng rất khó được thật sự lưu truyền rộng rãi và tiếp nhận. Nhưng so sánh hai bản dịch, chúng ta sẽ thấy chỗ thù thắng của bản trực dịch (bản của ngài Huyền Trang), vì nó có thể như thật tuyên nói giáo ngôn của Phật Đà dành cho hữu tình phàm phu, còn trong bản dịch ý lại biểu hiện sự thiện xảo của các vị thiện tri thức dịch kinh. Chẳng hạn như đối với chỗ “*nhược nhất nhật, nhược nhị nhật, nhược tam nhật, nhược tứ nhật, nhược ngũ nhật, nhược lục nhật, nhược thất nhật, nhất tâm bất loạn*” (hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, hoặc bốn ngày, hoặc năm ngày, hoặc sáu ngày, hoặc bảy ngày, nhất tâm bất loạn), sẽ nảy sanh vấn đề lớn, trở thành một công án lịch sử! Bản dịch Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ Kinh của ngài

---

nhà vua đã bức hại Phật giáo, khiến cho nguyên khí của Phật giáo Tây Tạng bị tổn hoại nghiêm trọng. Sau cái chết của nhà vua, chế độ phong kiến tập quyền trung ương tan rã, nội loạn triền miên, các lạt-ma của Cổ Mật đa phân sống theo lối thế tục, đê tóc, cưới vợ, sinh con, và giáo pháp có sự pha tạp các tín ngưỡng bản địa. Năm 1042, tôn giả Atisha (982-1054) được mời đến Tây Tạng để phục hưng giáo pháp. Các tông phái vâng theo sự truyền thừa của Ngài được gọi là Sarma (tân dịch). Trong thời kỳ này, các thiện tri thức Tây Tạng cũng sang Ấn Độ để cầu học, và từ đó, hình thành phái Sakya (sáng lập bởi Khon Konchok Gyelpo, người đứng đầu phái này vẫn là tại gia, và người đứng đầu luôn là con cháu dòng họ Khon). Một vị học giả khác là Marpa sang Ấn Độ cầu pháp với đại thành tựu giả Tilopa. Marpa có đệ tử tâm đắc là Milarepa. Đệ tử của Milarepa là tỳ-kheo Gamgopa là người sáng lập dòng tu Kargyupa. Phái Kargyupa có nhiều chi phái, nhưng hiện thời, tại Tây Tạng, chi phái Kargyupa lớn nhất là Karma-Kargyupa. Sau này, nhà cải cách tôn giáo Tsongkhapa vốn theo học với phái Sakyapa, đã chọn lọc các tinh hoa của Mật Giáo từ ba tông phái trên, nhấn mạnh vấn đề giới luật và Trung Quán, đã sáng lập dòng tu Gelugpa (phái của Đại Lai Lạt Ma).



***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

Huyền Trang lại chép: “*Xá Lợi Tử! Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, nhược nhất nhật nhất dạ, nhược nhị nhật, nhược tam nhật, tứ nhật, ngũ nhật, lục nhật, thất nhật, hệ niệm tư duy*” (Này Xá Lợi Tử! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, hoặc một ngày một đêm, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, bốn ngày, năm ngày, sáu ngày, hệ niệm tư duy). “*Hệ niệm tư duy*” có nghĩa là quý vị có thể tư duy trong một ngày, hai ngày, ba ngày v.v... và câu “*như thị tư duy*” (tư duy như thế) trong kinh Ban Châu Tam Muội mà nay chúng ta đang học giống nhau, đối lập với “*nhất tâm bất loạn*”. Sự sai biệt ẩn sau [các từ ngữ] đó rất lớn. Trong hai pháp Lý nhất tâm và Sự nhất tâm do Ngẫu Ích đại sư đề xướng, Sự nhất tâm còn thuận tiện thấy được, nói cách khác là còn dễ tu chứng, nhưng Lý nhất tâm thì rất khó để đích thân chứng được! Theo bản dịch của pháp sư Huyền Trang, nếu một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm ngày, sáu ngày, bảy ngày, hệ niệm bất loạn thì dễ dàng hơn, phạm phu hữu tình có thể làm được!

Chẳng hạn như xếp đặt đàn tràng, nhiễu Phật, lễ tán, một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm ngày, sáu ngày liên tục cúng dường, sẽ có lợi ích chẳng thể nghĩ bàn. Chuyện này so với yêu cầu nhất tâm bất loạn từ một ngày cho tới bảy ngày, sai khác quá lớn! Cũng có nghĩa là do chọn lựa pháp môn khác biệt, sẽ khiến cho người tu hành cảm nhận pháp tác mà họ nương theo có sự sai khác rất lớn. Bản trực dịch của pháp sư Huyền Trang có thể mở rộng con đường thành tựu Niết Bàn cho vô lượng hữu tình. Nếu chiếu theo yêu cầu “*Lý nhất tâm, hoặc Sự nhất tâm*” trong một ngày, bảy ngày nhất tâm bất loạn, hoặc là trong bảy ngày hay một ngày chứng bất loạn, nói theo nhân duyên của phạm phu, sẽ đều là có mức độ khó khăn nhất định, sẽ đóng lấp thiện duyên và cơ hội thành tựu của khá nhiều hữu tình.

Y chỉ pháp môn, y chỉ kinh điển hết sức trọng yếu. Chúng ta đọc bộ kinh Ban Châu Tam Muội này, cũng là một pháp tác để y chỉ. Từ phẩm Tư Duy, phẩm Quán Sát, phẩm Chánh Niệm, cho đến phẩm Thọ Ký và Chúc Lụy thuộc phần sau, khắp nơi đức Thế Tôn đều mở rộng con đường Niết Bàn cho tứ chúng, tạo thiện căn rộng lớn để hồi thí và thọ ký, muốn khiến cho hết thảy kẻ hữu duyên đều tiến nhập Bồ Đề, chẳng thoái chuyển, chẳng sợ hãi. Đây thật sự là phước đức nhân duyên chẳng thể nghĩ bàn. Vì trước kia, trong Tịnh Độ Tông, được tranh luận nhiều nhất là công án “*nhất tâm bất loạn*”. Ngoài ra, còn có công án vãng sanh, công án về biệt thời ý, nan hành và dị hành, tự lực và tha

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

lực<sup>32</sup> v.v... là các vấn đề khá lớn. Phần lớn người hiện thời chú giải “yêu cầu để vãng sanh thế giới Cực Lạc” là “*nhất tâm bất loạn*”, bất luận là Lý hoặc Sự. Rất nhiều người đều nói chêm đính, chặt sắt như thế; nhưng điều ấy chẳng tương ứng với lời dạy của Như Lai. Như Lai chẳng nói như thế. Như từ bộ kinh điển này, chúng ta đã thấy, thậm chí có người hướng tới, nghe, tụng kinh này, dù muốn nghe mà chưa được nghe, đều đã thành tựu cái quả trong vị lai “*sẽ thấy một vị Phật, nhiều vị Phật, ngàn vị Phật*”, cho đến “*thành tựu Bồ Đề*”. Vì sao đức Thế Tôn mở ra một con đường lớn về tín tâm như thế? Chính là do Ngài khéo nói an ủi, an ủi chân thật, an ủi như thật, an ủi rất ráo, an ủi chẳng xả, đối với hết thảy người thiện căn thành thực hoặc chẳng thành thực, người gặp duyên hoặc chẳng gặp duyên, khiến cho bất cứ ai hể hướng tới sẽ đều có thể thành tựu Bồ Đề. Nếu có người nào phát tâm thì người ấy sẽ đều có thể thành tựu trên con đường tiến nhập Phật đức rộng lớn như thế; đó chính là kim quang đại đạo vậy!

---

<sup>32</sup> Công án vãng sanh tức là tranh luận không cần vãng sanh Cực Lạc, mà cầu vãng sanh Di Lạc Nội Viện, vãng sanh Hoa Tạng thế giới, vãng sanh cõi Diệu Hỷ của A Súc Bệ Phật v.v...

Biệt thời ý (Kālāntarābhīpṛāya) thoát đầu chỉ đơn giản có nghĩa là Như Lai nói pháp dựa theo nhân duyên để khuyến hóa chúng sanh giải đãi sẽ tinh tấn. Chẳng hạn như nói “trì tụng danh hiệu Phật Đa Bảo sẽ chắc chắn chẳng thoái chuyển Vô Thượng Bồ Đề”, người ấy không thể ngay lập tức chẳng thoái chuyển được, nhưng việc trì tụng ấy sẽ tạo nhân duyên tốt lành cho người ấy không thoái chuyển trong quá trình tu trì. Hoặc như kinh Pháp Hoa nói “trẻ nhỏ gom cát làm tháp, dùng móng tay vẽ hình Phật, người vào tháp miếu, giơ tay cúi đầu đều thành Phật”, đều là những cách nói biệt thời ý. Về sau, khi giảng giải Tịnh Độ, một số vị đã đi quá xa, cho rằng tín nguyện niệm Phật vãng sanh trong một đời cũng là biệt thời ý, hành nhân không thể vãng sanh ngay trong một đời v.v... Hoặc cho rằng Cực Lạc là quyền tạm, niệm Phật vãng sanh chỉ là cách nói khuyến hóa để hành nhân đạt tới nhất tâm tịnh ý hòng tiếp tục tấn tu trong đời kế tiếp...

“Nan hành và dị hành” là tranh luận so với các pháp môn khác, Tịnh Độ là dễ hành, các pháp khác là khó hành. So trong các pháp niệm Phật thì trì danh là dễ hành, quán tưởng, thật tướng v.v... là khó hành.

“Tự lực và tha lực” là tranh luận chỉ cần tin vào bốn nguyện và phát nguyện vãng sanh là đủ, hoàn toàn trông cậy vào A Di Đà Phật tiếp dẫn, không cần phải gắng sức niệm Phật, đoạn trừ phiền não, tịnh hóa cái tâm... Những người theo chủ trương này kết án những người tin tưởng tu Tịnh Độ phải có ba tư lương “tín, nguyện, hạnh” là tu theo lối tự lực, hoàn toàn phủ nhận sức tiếp dẫn của A Di Đà Phật. Thậm chí còn có những phái như Tịnh Độ Chân Tông của Nhật Bản chủ trương có tín và nguyện là đủ để vãng sanh, niệm Phật chỉ là hình thức xưng dương Phật để cảm ơn, không cần chú trọng niệm Phật liên tục miên mật như Tịnh Tông Trung Hoa.

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

Nhưng chúng ta thấy trong nước có các vị Bồ Tát viết lách, cho rằng [pháp môn Tịnh Độ] chẳng phải là “tam căn phổ bị, lợi độn toàn thâm” (thích hợp khắp ba căn, gồm thâm lợi căn lẫn độn căn). Do đó, [theo họ] chuyện “đều có thể vãng sanh” chẳng thể thành lập! Chiếu theo cách nhìn của các vị thiện tri thức ấy, đúng là trong một vạn người, chẳng được một hai người [vãng sanh]. Thậm chí có kẻ còn chấp nhận lập thuyết “trong vạn người, chẳng được một hai người vãng sanh”, bèn thâm thập một lượng lớn tài liệu để phủ định trí huệ rộng lớn rất sâu vô ngại, thiện xảo và nguyện lực của A Di Đà Phật, chê gièm công đức được đích thân chứng đắc bởi Pháp Tánh của chư Phật Như Lai, tức là [chê bai] chỗ quy kết của căn bản công đức to lớn nơi trí huệ và đức tướng của Như Lai mà hết thấy chúng sanh đều sẵn đủ, khiến cho hết thấy chúng sanh mê mất tự tâm. Tự tâm là gì? Chính là trí huệ và đức tướng của Như Lai mà hết thấy chúng sanh đều sẵn đủ, là điều được chiếu kiến bởi cái tâm chân thật của hết thấy chúng sanh, là pháp được đích thân chứng đắc bởi chư Phật. Do vậy, vô lượng hữu tình bị mê lầm trong các giáo ngôn hư ngụy ấy, không có chỗ để nương theo. Đây chẳng phải là Phật pháp! Phật pháp sẽ ban cho hết thấy chúng sanh sự an ủi, tạo sự hồi thí lợi ích chân thật! An ủi, lợi ích thế gian, khiến cho chúng sanh thành tựu Bồ Đề, thoát lìa biển khổ sanh tử, tạo nhân duyên chân thật rộng lớn cho hết thấy chúng sanh; điều này mười phần trọng yếu. Thời Mạt Pháp, có lắm ác tri thức ngăn lấp con đường thoát ly sanh tử của chúng sanh, hư vọng tự lập ra ý kiến, ăn nói ra vẻ cao minh, thốt ra những lời lẽ khiến cho chúng sanh chẳng thể mò mẫm được, chẳng thể nương theo, chẳng thể tư duy, chẳng thể quan sát, chẳng thể tu tập pháp tắc, khiến cho chúng sanh lầm lạc. Đó chẳng phải là Phật pháp, chẳng phải là quang minh vô ngại sanh tử bi tâm của đức Thế Tôn, mà cũng chẳng phải là sự thí giáo khéo an ủi chúng sanh của Bồ Tát. Trong thời đại này, đối với các vấn đề ấy, chúng ta phải khéo nhận thức rõ ràng.

***(Kinh) Ngã w nhĩ thời vi đại quốc vương.***

**(經)我於爾時爲大國王。**

***(Kinh: Ta trong khi ấy làm đại quốc vương).***

## **Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2**

Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn tuyên nói nhân địa của Ngài với Hiền Hộ, cho biết sau khi Chí Thành Như Lai (Tát Giá Na Ma Như Lai) diệt độ, lúc tỳ-kheo Hòa Luân chuyển pháp luân, giảng kinh tam-muội này, Phật Thích Ca là quốc vương.

*(Kinh) Nhất tâm chuyên cầu thị diệu tam-muội, tức u mộng trung, vẫn hữu cáo ngôn thị tam-muội xứ.*

**(經)一心專求是妙三昧，即於夢中，聞有告言是三昧處。**

*(Kinh: Nhất tâm chuyên cầu tam-muội mẫu nhiệm ấy, liền ở trong mộng nghe có tiếng bảo cho biết chỗ của tam-muội ấy).*

“*Nhất tâm*” ở đây biểu thị loại tâm lý siêng ròng tư duy, chẳng xả tư duy, tư duy liên tục, cung kính tư duy, cầu pháp chẳng mệt mỏi. Nếu chúng ta đối với một pháp mà sanh khởi lòng yêu thích và tùy thuận quyết định; sau đó, liên tục tư duy, quan sát, cũng sẽ ở trong mộng được nghe pháp âm màu nhiệm, cho đến được thấy diệu tướng trang nghiêm. Tánh chất liên tục mười phần trọng yếu, giống như nấu nước, một bầu nước, bất luận quý vị dùng gas cũng thề, dùng điện cũng thề, dùng củi cũng thề, cho đến dùng phân trâu để đun nó cũng thề, chỉ cần nó đã được đun sôi lên, thì đều được gọi là “*nước sôi*”, dầu nó là nước đun sôi để nguội thì vẫn là nước đã được đun, bầu nước ấy đã có thể dùng để uống. Chúng ta tu hành một pháp tắc, tư duy một pháp tắc, giải quyết một vấn đề, cũng giống như thế. Cổ nhân nói “*sán nhiệt đả thiết*” (rèn sắt khi còn nóng). Khi chúng ta gặp một pháp tắc, hãy nên thâm nhập, tu tập, thuần thục pháp tắc ấy, đừng nên chần chừ, chớ nên đánh mất chánh niệm, chớ bỏ lỡ cơ hội này. Đây thật sự là tướng trạng liên tục “*nghe pháp sanh hoan hỷ, nghe pháp rồi chánh hành, nghe pháp đạt được lợi ích*”.

“*Nhất tâm chuyên cầu*” mười phần trọng yếu. Người hiện thời hành pháp thành tựu ít ỏi; vì sao? Do đun nước nóng tới hai mươi độ, sẽ chẳng đun nữa, tắt lửa đi! Lại bận bịu với chuyện khác. Do đó, người trong thời đại này ít có cơ hội “*đun sôi nước*”. Cũng có nghĩa là cơ hội làm xong một việc trong một lần đặc biệt ít ỏi, vì tạp duyên hừng hực, vọng tưởng hừng hực, tâm trí biến đổi khác lạ, đa nghi, lăm nôi mê hoặc, phước đức chẳng chín muồi, trợ duyên chẳng mạnh mẽ, người thủ hộ pháp ích rất ráo rất thưa thớt, người tuyên nói như thật rất hiếm hoi. Do

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

đó, phần nhiều khiến cho chúng sanh bị mê mất, chẳng thể chọn lựa rốt ráo một pháp để như thật đích thân chứng đắc. Kết quả là bỏ dở nửa chừng, hoặc tương tự lý giải. Rất nhiều người một khi đã “lý giải”, sẽ chẳng hành trì. Do vậy, trong thời đại Mạt Pháp, người hiểu giáo thì nhiều, người y giáo phụng hành thì ít, người đích thân chứng lại càng ít hơn, như đức Thế Tôn đã thọ ký: Đây là một thời đại đấu tranh kiên cố, thị phi kiên cố, khó giáo hóa, khó độ thoát, là một thời đại chẳng có sức tu trì. Rất nhiều người nói chính mình vẫn rất siêng rông, rất muốn tu trì, vậy thì cứ nhất định chuyên cầu, nhất tâm tu trì là được rồi!

Thời Mạt Pháp, thiện tri thức đề xướng chuyên tu rất nhiều, nhưng người thật sự đích thân chuyên tu ít ỏi. Nếu là bậc thật sự đã đề xướng, lại có thể chuyên tu tập một môn, đã ít lại càng ít hơn. Như pháp sư Ân Quang, người đời sau tôn xưng Ngài là “tam bách niên lai, độc xuất thủ nhất nhân” (trong hơn ba trăm năm qua, chỉ mình vị này xuất hiện). “Mình vị này xuất hiện” chẳng phải vì lý do nào khác, chỉ vì Ngài chuyên tu tập một pháp, thâm nhập cặn kẽ, rốt ráo thấu triệt, chẳng nhờ vào phương tiện, do thâm nhập một pháp, biết hết thấy các pháp. Hiện thời, rất nhiều vị cư sĩ và sư phụ xuất gia tự hồ đối với Tam Tạng mười hai bộ loại không gì chẳng thông đạt, tự hồ không cơ chế giáo ngôn nào chẳng liễu giải, thậm chí đối với mỗi vị thiện tri thức đều biết, đến khắp các đạo tràng, nhưng chẳng thật sự chứng thực một pháp tắc nào, chẳng thật sự hành trọn một lợi ích, thật sự đã lựa chọn cho chính mình nỗi hoang mang trong sanh tử, hoang mang trong phiền não! Chúng ta chỉ khăng khăng chẳng mệt mỏi “xử lý” sạch sành sanh những thứ ấy, chọn lựa “chẳng ngờ” ở chỗ này thì mới có thể dừng tay, mới có thể nghỉ ngơi! Mọi người ai nấy hãy nên cố vũ chính mình, tối thiểu là thành tựu tín tâm như vậy, nguyện vọng như vậy, tri kiến như vậy.

Thiện tri thức trong Tạng truyền Phật giáo nhiều lượt cổ vũ: “Nếu thành tựu một Bốn Tôn thì đối với trăm vị Bốn Tôn, ngàn vị Bốn Tôn sẽ tự đạt được phương tiện”. Tại đất Hán, chúng ta cũng cố vũ giống như thế: “Nếu thâm nhập một môn, thật sự chứng đắc lợi ích chân thật trong pháp môn ấy, thì môn nào cũng đều thông!” Hiện thời, e rằng mọi người là “tương tự đều thông”, chỗ nào cũng thông, [nhưng thật ra] chỗ nào cũng bị chướng ngại! Giống như một con trùng bị nhốt trong cái buồng thủy tinh, bốn phía trong suốt, nhưng chỗ nào cũng đều chẳng thoát ra được, chỉ có thể va vào vách mà thôi! Trong tương tự giải, rất nhiều hữu tình bị nguy hại. Vì thế, nếu chẳng có truyền thừa, buông sách xuống, đâm ra là sự giải thoát của quý vị sẽ giống như kinh Viên Giác đã nói:

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2**

“Người đời Mạt mong cầu đa văn, ngược ngạo nấy sanh chướng ngại”. Trên thực tế, nếu có thể thâm nhập một pháp, thật sự chứng đắc “đình tâm”, cho đến địa vị Gia Hạnh, địa vị Tư Lương, địa vị Kiến Đạo, thật sự tu chứng được địa vị, sẽ là tuyệt diệu. Nếu nương theo quả địa giáo, triệt để buông xuống Ngã Chấp và Pháp Chấp của chính mình, tùy thuận nguyện vọng của Như Lai, tùy thuận tri kiến nơi quả địa của Như Lai, thật sự an tâm, chẳng còn bận lòng, nương theo Phật nguyện để làm thiện xảo tu trì, thiện xảo quan sát, “dùng Phật nhãn để nhìn, từ tâm đối với nhau” thì cũng là một phương pháp chẳng sơ sót. Đương nhiên, phương pháp có nhiều môn, nhiều loại, nhưng thâm nhập một pháp để tu tập mười phân quan trọng!

**(Kinh) Ký giác ngộ dĩ, toại tiện cung nghệ tỳ-kheo sư sở, cầu thị tam-muội.**

**(經)既覺寤已，遂便躬詣比丘師所，求是三昧。**

**(Kinh: Đã tỉnh giác, liền lập tức cung kính đến chỗ vị thầy tỳ-kheo, cầu tam-muội này).**

Trong mộng, nghe tỳ-kheo Hòa Luân tuyên nói pháp ấy. Do vậy, dựa theo giác mộng để tìm cầu vị tỳ-kheo ấy. Người trong quá khứ vì cầu pháp, kể cả đức Thế Tôn trong khi tu nhân cũng cầu pháp giống như thế. Nghe xong, bèn lập tức hành, nhưng hiện thời chúng ta nghe pháp có thể hành ngay lập tức hay chẳng? Nếu thật sự chứng đắc an lạc nơi một pháp, thật sự chứng đắc Thật Tế lý địa, chân thật chứng đắc tướng đại công đức thì mới có thể nghỉ ngơi. Nếu không, thật sự chẳng thể nghỉ ngơi!

**(Kinh) Nhân thỉnh pháp sư, thế phát xuất gia.**

**(經)因請法師，剃髮出家。**

**(Kinh: Do vậy, thỉnh pháp sư xuống tóc, xuất gia).**

Vì nghe pháp như thế; do vậy, thỉnh tỳ-kheo Hòa Luân cho nhà vua xuống tóc. Đại quốc vương xuống tóc, trong tâm mục của người Hoa, chắc là chỉ có hoàng đế Thuận Trị làm như thế, nhưng tại các quốc gia ở Đông Nam Á như Miến Điện, Thái Lan v.v... cũng như vương quốc Nam Chiếu thời cổ tại thành phố Đại Lý mà chúng ta đang ở,

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

chuyện này chẳng được coi là hy hữu. Họ có rất nhiều quốc vương hoặc thân vương, tức là anh em của hoàng đế, đều xuất gia. Vì trong ý thức của người Hoa, phần nhiều chẳng chấp nhận pháp sa-môn, do đại đa số chấp nhận tư tưởng “*nhập thế*” của Nho giáo, coi đó là tư tưởng chánh thống. Vì thế, trong Phật giáo có các vị thiện tri thức muốn thông qua tư tưởng Nho giáo để truyền bá giáo nghĩa Phật giáo, xem chừng khá thiện xảo, nhưng ở đây có thể giải thích như thế hay chẳng? Lịch sử sẽ trả lời vấn đề này!

***(Kinh) Vị cầu thánh thọ thị tam-muội cố.***

**(經) 爲求聽受是三昧故。**

***(Kinh: Vì cầu được nghe nhận tam-muội này).***

Vì sao quốc vương xuất gia? Vì cầu tam-muội này, hòng đạt được phương tiện nơi pháp này.

***(Kinh) Cung dụng thừa sự Hòa Luân pháp sư.***

**(經) 躬用承事和輪法師。**

***(Kinh: Cung kính thừa sự pháp sư Hòa Luân).***

Trong Phật giáo Nam truyền hoặc Tạng truyền, khi sa-di thấy tỳ-kheo, chắc chắn là sẽ khom lưng [vái chào]. Cư sĩ bạch y càng làm như thế, chẳng dám thẳng lưng mà đi. Nhưng nơi đất Hán, lưng của cư sĩ, lưng của sa-di, lưng của tỳ-kheo mới thọ giới dường như duỗi còn thẳng hơn lưng của hòa thượng, thượng tọa! Vì các tỳ-kheo, pháp sư hòa thượng nơi đất Hán đã cống nặng quá, eo đều bị cong vòng rồi! Hình tượng được biểu lộ vẫn là có ý nghĩa, nhưng phong tục của dân tộc Hán là như thế, đòi hỏi như vậy có thích hợp hay không? Có lẽ chẳng thích hợp, vì giáo dục trăm ngàn năm của chúng ta là như thế. Vậy thì làm như thế nào? Chúng ta phải nên giữ tâm tôn kính, yêu mến pháp tắc, vì cung kính và kiên thành là điều mọi người đều cần, bất luận là người học Phật hay không, dù là người xuất gia hay kẻ tại gia. Chúng ta phải khéo tư duy, quan sát điều này!

***(Kinh) Bị kinh tam vạn hữu lục thiên tuế, thiên ma chướng tế, cánh bất đắc văn.***

**(經)備經三萬有六千歲，天魔障蔽，竟不得聞。**

*(Kinh: Trải qua trọn ba vạn sáu ngàn năm, do bị thiên ma ngăn chướng, trọn chẳng được nghe).*

Thừa sự pháp sư ba vạn sáu ngàn năm, nhưng vì bị thiên ma ngăn chướng, rốt cuộc chẳng được nghe giáo pháp tam-muội này. Nay vì sao chúng ta có thể học tập, trao đổi, và tu tập pháp tắc này? Ân sau đó là phước đức nhân duyên mà quả thật chỉ có Phật và Phật mới có thể biết! Cũng có thể là khi chúng ta chứng đắc Bồ Đề, hồi tưởng khi chúng ta tại Niệm Phật Đường của Hằng Dương Am trên núi Kê Túc, thuộc huyện Tân Xuyên, châu Đại Lý, tỉnh Vân Nam nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa trong Diêm Phù Đề, lắng nghe giáo ngôn của kinh Ban Châu Tam Muội. Cơ chế phước đức nhân duyên ấy được chín muồi là do điều gì kiến lập? Khi đó, quý vị sẽ lại quan sát.

Hiện thời, chúng ta không có sức quan sát, mắt cách một tờ giấy đã chẳng trông thấy. Một trang giấy đã ngăn trở tầm nhìn của chúng ta, chẳng cần nói nhìn suốt quá khứ, hiện tại, vị lai theo chiều ngang. Cũng có nghĩa là chúng ta chẳng có thiện xảo rộng lớn, Thiên Nhân chưa mở sáng, Túc Mạng chưa biết, chưa hiểu. Dầu có hiện duyên, lại chẳng có thiện căn để thấy biết rành rẽ! Cũng có thể là có biết, nhưng do thủ hộ nghiêm mật, chẳng tuyên nói cho! Đương nhiên, chẳng biết thì cũng chớ nên tự khinh; đã biết thì càng tốt hơn. Vì nếu có thể hiểu rành rẽ, rõ ràng cơ chế cội nguồn nghiệp tướng của chính mình, tâm người ấy sẽ được yên vui, như chúng ta trong phần trước đã học về pháp tắc mười tám món Bất Cộng và Thập Lực. Trong mười tám món bất cộng, có pháp biết hết thấy mọi chuyện trong quá khứ, hiện tại, vị lai. Trong đời nào đó, có tên họ là gì, đã làm gì, tuổi tác như thế nào, gia tộc như thế nào, thân tướng như thế nào, đều biết rõ ràng. Dù một đời, nhiều đời, trăm ngàn đời, vạn đời, Hằng hà sa đời, cho đến đời đời kiếp kiếp, đều thấy biết cùng tận, thấy biết thấu triệt, chẳng hề sơ sót. Đó gọi là Túc Mạng Minh, Thiên Nhân Minh, và Lưu Tận Minh của chư Phật Như Lai. Do các Minh ấy, tự nhiên thông đạt vô ngại, chẳng phải là nói suông, mà thật sự là như thế, tức là chỗ quy kết của tự lợi.

Do vậy, chúng ta là Phật giáo đồ, phải nên hướng đến chuyện đích thân tu tập, chứng đắc các pháp tắc trân bảo, phải nên biết sức thiện xảo rộng lớn và sự chân thật của sức ấy. Nói “*chân thật*” tức chẳng phải là nói suông, chẳng phải là giả thiết! Vì thế, các pháp tắc như mười tám



món Bất Cộng, Thập Lực, Tứ Vô Úy v.v... chư Phật Như Lai đều đã từng tu tập, nhưng chẳng nhiệm các pháp, thấy thấu triệt “*các pháp vốn chẳng có pháp*”. Tuy chẳng có pháp mà hành vô lượng pháp, dùng đó để lợi ích rộng khắp nhu cầu của hữu tình, khiến cho chúng sanh thoát khỏi mê chấp, cũng có nghĩa là đối với các hữu tình ngộ là thật sự có pháp, sẽ khiến cho họ phá trừ Pháp Chấp. Nhưng nếu chúng ta chẳng đích thân chứng pháp tắc, làm thế nào để phá trừ Pháp Chấp? Chúng ta phải nên khéo tư duy, khéo quan sát ở chỗ này!

*(Kinh) Thời, Phật phục cáo chư tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di ngôn: - Ngã kim ngữ nhữ, nhữ đẳng đương ưng cấp tạt thính thọ thị tam-muội vương.*

**(經)時，佛復告諸比丘、比丘尼、優婆塞、優婆夷言：「我今語汝，汝等當應急疾聽受是三昧王。」**

*(Kinh: Khi đó, đức Phật lại bảo các tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di rằng: - Ta nay bảo các vị, các vị hãy nên gấp rút lắng nghe tam-muội vương này).*

Ở đây, đức Phật bỏ qua Hiền Hộ Bồ Tát, trực tiếp nói với mọi người. Dường như đức Thế Tôn có đôi chút gấp rút, vì thấy thiên ma gây ma chướng, có thể khiến cho đại quốc vương xuất gia làm tỳ-kheo sa-môn phụng sự, hầu hạ pháp sư ba vạn sáu ngàn năm, vẫn chẳng thể nghe pháp như thế. Đức Thế Tôn nhớ lại điều ấy, bèn nóng ruột: “*Thời, Phật phục cáo chư tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di ngôn: - Ngã kim ngữ nhữ*” (Khi đó, đức Phật lại bảo các tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di rằng: - Ta nay bảo các vị). Nói cách khác, đức Thế Tôn chẳng nói với ngài Hiền Hộ, mà trực tiếp nói với chúng ta. “*Nhữ đẳng đương ưng cấp tạt thính thọ thị tam-muội vương*” (Các vị hãy nên gấp rút, nhanh chóng lắng nghe tam-muội vương này): Hai chữ “*cấp*” và “*tạt*” gộp chung lại. Một chữ Cấp (急, gấp rút) đã đủ khiến cho người ta toát mồ hôi, lại còn phải thêm một chữ Tạt (疾, nhanh chóng)! Chẳng phải là đức Thế Tôn nóng lòng, mà là thật sự muốn khiến cho mọi người nhanh chóng chín muồi thiện căn!

*(Kinh) Vô đức xa trì, diệc vô vong thất, thiện thừa sự sư, vô linh thất sở.*

**(經)無得奢遲，亦無忘失，善承事師，無令失所。**

*(Kinh: Chớ nên chần chừ, cũng đừng quên mất, hãy khéo thừa sự thầy, đừng bỏ sót nơi chốn [truyền bá tam-muội này]).*

“Vô đắc xa trì” tức là chớ nên trì hoãn, lãn khân, lãng phí nhân duyên như thế! “Vô linh thất sở” nghĩa là nếu biết chỗ nào truyền bá tam-muội này, đừng bỏ lỡ cơ hội học tập như thế, đừng mê mất chỗ truyền dạy như vậy! Chẳng hạn như chúng ta ở nơi đây, bất luận là nhân duyên như thế nào khiến cho đạo tràng Ban Châu được kiến lập ở chỗ này, quả thật là do oai đức thù thắng chẳng thể nghĩ bàn của chư Phật gia trì. Đương nhiên cũng là do oai đức của Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật tụ tập truyền lại trong cõi đời mà thành. Chúng ta nương vào nhân duyên này có thể thành thực thiện căn, có thể nghe pháp, tư duy, giải thích, cho đến tu chứng. Phước đức nhân duyên ấy quả thật khó thể diễn nói.

*(Kinh) Câu thị tam-muội, dĩ đắc vi kỳ. Nhược kinh nhất kiếp, nãi chí bách thiên, bất sanh giải tâm, vô bất đắc dã.*

**(經)求是三昧，以得爲期。若經一劫，乃至百千，不生懈心，無不得也。**

*(Kinh: Cầu tam-muội ấy, lấy chứng đắc làm kỳ hạn. Nếu trải qua một kiếp, cho đến trăm ngàn kiếp, chẳng sanh tâm giải đãi, không ai chẳng đạt được).*

Chớ nên sanh khởi tâm giải đãi. Sau khi chúng ta đã nghe tam-muội này, có phải là hướng đến tam-muội hay không? Hay là hướng tới cuộc sống hằng ngày? Hay là hướng tới nghiệp tập của chính mình? Hay là hướng tới các tạp duyên chung quanh chính mình? Tại các nơi trong nước, thường có người đến đây cầu hành pháp Ban Châu. Đương nhiên cũng có người ở ngoài nước, bất quá họ mang tánh chất quan sát nhiều hơn. Mọi người đều nghe pháp này, hướng tới pháp này, có lẽ phần nhiều thuộc vào một trạng thái nhất định, tức là vẫn mong chính mình trở về sẽ sống an ổn, làm việc thuận lợi. Vì thế, nếu thật sự lấy chuyện chứng tam-muội này làm kỳ hạn, quả thật cần phải có thiện căn, phước đức, nhân duyên.

Nếu có thể chứng đắc tam-muội ngay trong một đời, sẽ giải quyết vấn đề sanh tử to lớn từ bao kiếp đến nay, giải quyết các vấn đề to lớn do

phiền não bức bách từ bao kiếp đến nay, giải quyết vấn đề to lớn thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề của hết thảy chúng sanh, cũng giải quyết hết thảy các vấn đề thế gian, giải quyết hết thảy nghi nan và hết thảy các pháp tắc trong mười pháp giới! Trong đời này, quý vị có thể gặp được pháp tắc rốt ráo viên mãn như thế, đó là phước báo như thế nào? Có thể tu tập, đó là phước báo như thế nào? Có thể chẳng bỏ pháp tắc như vậy, lại là phước báo như thế nào? Đối với chuyện này, chúng ta cần thật sự tư duy như thật, quan sát như thật, quan sát tinh tế, quan sát tỉ mỉ pháp tắc chánh tư duy này. Nếu cứ qua loa lướt qua, lại quay về với thế tục, lại trở vào trong nhân duyên tạp duyên lòng lẫy, lại chọn lựa các thứ chẳng tương ứng, hoặc pháp tắc chẳng tương ứng, nói cao, nói thấp, nói tương ứng, hay chẳng tương ứng, kết quả sẽ đánh mất đại lợi trong hiện tiền. Vì thế, chư Phật buồn than, hết thảy trời người cũng đều cảm thấy nuôi tiếc thay cho chúng ta!

*(Kinh) Hiền Hộ! Nhược nhân nhất tâm cầu thị tam-muội, thường tùy trục sư, bất đắc viễn ly, đương thiết cúng dường, sở vị thang dược, ẩm thực, y phục, sàng phu, chủng chủng chúng cụ.*

**(經)賢護！若人一心求是三昧，常隨逐師，不得遠離，當設供養，所謂湯藥，飲食，衣服，牀敷，種種眾具。**

*(Kinh: Đây Hiền Hộ! Nếu ai nhất tâm cầu tam-muội này, hãy thường theo sát thầy, chẳng được xa lìa, hãy nên sắp đặt cúng dường, như là thuốc thang, thức ăn, quần áo, giường, mền, các thứ vật dụng).*

Trong quá khứ, thuốc thang, thức ăn, quần áo, và giường, mền được gọi là “*tứ sự cúng dường*”. Đó là các thiết trí cơ bản cho cuộc sống của người xuất gia. Người xuất gia chẳng có mong cầu, chỉ vì đạo nghiệp, vì Phật pháp trụ thế, cũng vẫn cần phải sống!

*(Kinh) Cập dĩ nhất thiết kim, ngân, trân bảo, phàm thị tư dụng, tận phụng u sư, vô sở ái tích. Như kỳ tự vô, khát cầu nhi dĩ.*

**(經)及以一切金，銀，珍寶，凡是資用，盡奉於師，無所愛惜。如其自無，乞求而與。**

## **Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2**

(**Kinh:** Cùng với hết thầy vàng, bạc, trân bảo, phàm là các vật dụng cần thiết, đều dâng trọn cho thầy, chẳng hề quý tiếc. Nếu chính mình chẳng có, bèn đi xin để dâng thầy).

Nếu chính mình có vật dụng, bèn cung phụng cho thầy. Đây quả thật là đức Thế Tôn hy vọng chúng ta sẽ duy trì pháp này, yêu mến và tu tập pháp này, duy trì lòng chân thành trong tâm trí. Nếu chính mình chẳng có vật gì, bèn đi xin để dâng cúng. Thoạt nhìn, yêu cầu này quá nặng nề; thật ra, chẳng phải vậy! Đó là yêu cầu như thật, mà cũng là yêu cầu để duy trì. Người đất Hán học pháp, tu tập pháp, nhận biết yêu cầu này thường sanh lòng ngần ngại, hoặc lo ngại! Nhưng trong quá khứ, cầu pháp đích xác là như thế, chẳng hề tiếc thân mạng, huống hồ tài vật ư? Chẳng tiếc chân, tay, đầu, não, huống hồ các vật thuộc y báo của chính mình ư? Do vậy, người trong quá khứ đốt cánh tay, đốt ngón tay, đốt đỉnh đầu, trên thực tế đều nhằm biểu thị hàng Bồ Tát muốn xả tự thân, nhờ vào nhân duyên ấy để biểu lộ niềm chân thành, tâm trí như thật. Nếu tâm chẳng thật, làm các hành vi ấy sẽ chẳng có ý nghĩa chi hết!

Cúng dường cũng lại như thế, nhằm dẫn phát sự chân thành, dẫn phát tâm trí “nhất tâm cầu tam-muội”, chẳng bản khoản chi khác. Chẳng hạn như hết thầy các vật đều buông xả, hết thầy các tạp duyên đều buông xả, chỉ thủ hộ tam-muội này. Đó là nhất tâm chuyên cầu. Nếu chúng ta có rất nhiều đường lui, rất nhiều tạp duyên mà mong nhất tâm cầu tam-muội này; đó là đôi gát chính mình! Nhưng người hiện thời vốn có đủ phước đức nhân duyên hừng hực, tạp duyên hừng hực, người mong cầu pháp muốn xả càng khó hơn! Nhớ năm xưa, nghe có người kể: Đại khái là tại vùng Quảng Đông, có một chủ xí nghiệp, kinh doanh đến mức khá khá, liền trực tiếp bán đấu giá xí nghiệp ấy. Sau đó, cầm tiền kiếm một vị lạt-ma, nói: “Thưa lạt-ma, tôi có tiền, thầy có pháp. Tôi đưa tiền cho thầy, thầy cho tôi pháp”. Vị lạt-ma ấy nói: “Ông đem tiền của ông về nhà đi! Vì sao? Tiền tuy rất nhiều, nhưng tâm trí chẳng tương ứng!” Nếu khi [người ấy] chân thành cúng dường, xót xa cầu xin cúng dường, tức là thật sự vì cầu pháp mà cúng dường, người ấy sẽ đâm ra chẳng coi trọng tiền bạc của chính mình. Nếu chúng ta có thể thật sự vứt bỏ nỗi lo toan cho mai sau của chính mình để tiến nhập một pháp tắc; đó là cái tâm một dạ dũng mãnh! Như xuất gia, giống như vứt bỏ các thứ sở hữu của chính mình trong thế tục, bất luận là thứ gì tốt hay xấu, đều phải triệt để vứt bỏ. Có thể triệt để vứt bỏ hay không? Có thể là nhất thời trên phương diện tâm lý chẳng vứt bỏ được, từ hình tượng thì có thể vứt bỏ. Nếu tâm

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

lý lẫn hình tượng đều có thể vứt bỏ, đúng là đạo nghiệp đã thành thực. Chúng ta đều nói tỳ-kheo A Nan là “*thân đã xuất gia, nhưng tâm chưa xuất gia*”, cũng có nghĩa là Ngài còn chưa thật sự lìa thoát tam giới khổ não, vậy thì nhiều vị xuất gia trong thời đại Mạt Pháp này hành trì như thế nào? Phải nên tư duy, quan sát.

Ở đây, chúng ta phải nên biết hàm nghĩa của chuyện “*nhất tâm cầu pháp, cúng dường các vật dụng*” thật ra là cái tâm chân thành. Có kẻ chỉ đem thân xuất gia, thứ gì cũng chẳng mang theo, bèn dùng hành pháp để cúng dường. Đó là sự cúng dường lớn nhất. Nếu còn quan tâm, lưu luyến trong nhà có bao nhiêu tiền, bao nhiêu căn nhà và xe cộ phải nên giải quyết như thế nào; đó thật sự là sự trói buộc khiến cho [hành nhân] chẳng dừng mãnh tu pháp. Quý vị nói: “Ta phải giải quyết sạch rồi mới đến tu tập pháp”, đó vẫn là có nhiều nỗi băn khoăn. Như chúng ta vừa mới sanh ra trần trụi, đồ hỏn, chẳng có vật chi hết, khi hành pháp, nếu tâm chẳng vướng mắc, chẳng có vật gì có thể tồn tại; đó chính là phương tiện để tu tập pháp. Người như vậy nhất định đạt được thành tựu. Nếu hôm nay nhớ thương gia sản của chính mình, bữa mai lại bận tâm về công ty của chính mình, ngày một lại lo âu về con cái của chính mình, người như vậy mong thành tựu chắc hẳn mười phần khó khăn, vì bị tạp duyên không chế!

Tiền tài, vật phẩm cúng dường đúng là quan trọng thứ yếu! Thật sự hành pháp tắc chẳng đoái tiếc thân mạng, chẳng tiếc nuôi nhân duyên, chuyên tâm dốc chí, sẽ rất dễ thành tựu. Ở đây, đức Thế Tôn tuyên nói với dụng ý khiến cho chúng ta nhất định cầu tam-muội, chớ ôm ấp những ý niệm khác, hoặc băn khoăn, hoặc dính mắc. Phải vứt bỏ các duyên, chỉ hành pháp, chỉ cầu pháp, căn bản là chẳng ngó ngang tới những thứ khác. Nếu bận lòng, quý vị sẽ chẳng thể bố thí được. Chẳng bận lòng thì thật sự là bố thí, đừng đắm nhiễm chúng nữa, đừng thủ hộ chúng nữa, đừng hướng đến chúng nữa. Vốn là bố thí, cho nên nói “*xuất gia, buông xả thế gian là phương tiện bố thí bậc nhất*”.

***(Kinh) Thú đắc tam-muội, vật sanh yếm tâm. Hiền Hộ! Thả trí như tư tầm thường cúng cụ. Phù cầu pháp giả, sư nhược hữu tu, nữ chí ưng đương tự cát kỳ thân, cơ phu, chi thể, cung phụng ư sư. Sư nhược tu mạng, thượng vô ái tích, hưởng dư ngoại vật nhi bất phụng sư.***

**(經)趣得三昧，勿生厭心。賢護！且置如斯尋常供具。夫求法者，師若有須，乃至應當自割其身，肌膚肢體，供奉於師。師若須命，尚無愛惜，況餘外物而不奉師。**

*(Kinh: Tiến nhập tam-muội, đừng sanh tâm chán. Nay Hiền Hộ! Hãy để các vật cúng tâm thường như vậy lại đó. Phàm là người cầu pháp, nếu thầy cần dùng, thậm chí hãy nên cắt thân mình, da thịt, chân tay để dâng hiến cho thầy. Nếu thầy cần mạng, còn chẳng yêu tiếc, huống hồ các vật ngoài thân khác mà chẳng dâng cho thầy).*

Đức Thế Tôn nói như thế, thật ra là vẫn muốn cho chúng ta quy kết vào lòng chân thành, gieo mình vào tâm trí. Kinh điển Đại Thừa và kinh điển của Thanh Văn Thừa sai khác rất lớn. Do kinh điển Thanh Văn Thừa thuận theo Tục Đế, xét theo giới luật, cách tu tập, cũng như [các lời] dạy bảo đều rất mềm mỏng, đều là pháp thuần bạch, chỗ nào cũng đều an ủi, nói dịu dàng, nói tịch diệt thanh tịnh. Nhưng trong kinh điển Đại Thừa, có nhiều chỗ nói mạnh mẽ, hăng hái, nói oai đức, muốn khiến cho chúng sanh nhanh chóng thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Ở đây, thực tế đều là nói theo oai đức, chúng ta phải khéo quan sát cơ chế khác biệt giữa hai loại giáo pháp này. Nếu chẳng khéo quán, người ta sẽ thường nẩy sanh ngờ vực.

Lúc học tập Bồ Tát giới bốn, rất nhiều người chẳng muốn xem. Chẳng hạn như trong đó có bốn đại nguyện, “*thà đọa địa ngục, ngàn lưỡi mâu đâm vào thân suốt một kiếp, hai kiếp*” v.v... Rất nhiều người sợ hãi các thệ nguyện đó, nói đó chẳng phải quá tàn nhẫn, quá lớn, chẳng tương ứng hay sao? Có phải là có chút vượt ngoài pháp tắc cơ bản về đạo đức nhân luân hay không? Thật ra, chẳng phải vậy! Ân sau những lời dạy của đức Thế Tôn là cách nói an ủi to lớn, cách nói chân thật to lớn.

Sự an ủi to lớn ấy rất ráo khiến cho quý vị thoát lìa nỗi hoang mang sanh tử, thoát khỏi các pháp tắc bị ràng buộc bởi sanh tử, khiến cho quý vị sanh khởi sự vô úy, tùy thuận tương ứng pháp tánh. Nếu chuẩn xác nương theo pháp tánh, người ta sẽ chẳng sanh lòng sợ hãi. Vì sao? Chẳng còn con đường nào khác. Nếu chẳng nương theo thệ nguyện như thế, cứ thuận theo sự cảm nhận dựa trên nghiệp tập của chính mình, người ta sẽ sợ hãi. Nhưng nếu thuận theo pháp tánh, sẽ ngay lập tức giải thoát, rất ráo an ổn, lần lượt nương tựa như thế, sẽ chẳng nẩy sanh sợ

hãi. Giáo ngôn ở đây cũng giống như thế, vì các vật ngoài thân đáng nên cúng dường vô ngại, đối với tự thân thì sao? Cũng giống như thế. Đây thật sự là nhắc nhở chúng ta vì cầu tam-muội, hãy nên dũng mãnh phát tâm.

*(Kinh) Hiền Hộ! Kỳ cầu pháp giả, thừa sự pháp sư, tương hộ tùy thuận, kỳ sự nhược thử. Hựu thừa sự sư, như nô tùy chủ, như thân sự quân, sự sư diệc nhĩ. Tư nhân như thị, tất đắc tam-muội.*

**(經)賢護！其求法者，承事法師，將護隨順，其事若此。又承事師，如奴隨主，如臣事君，事師亦爾。斯人如是，疾得三昧。**

*(Kinh: Này Hiền Hộ! Người cầu pháp thừa sự pháp sư, hộ trì, tùy thuận như thế đó. Lại nữa, thừa sự thầy như đầy tớ theo chủ, như bày tôi phụng sự vua, phụng sự thầy cũng thế. Người như thế sẽ mau chóng đắc tam-muội).*

Mau chóng đắc tam-muội là duyên khởi của tất cả các hành vi [thừa sự, tận lực dâng hiến]. Nhờ vào những hành vi đó triệt để trừ bỏ Thân Ngã Chấp và Pháp Ngã Chấp, Tài Ngã Chấp, cho đến triệt để vứt bỏ tự ngã, trở về tam-muội chánh hạnh. Nếu chúng ta bị Ngã Chấp và Pháp Chấp ngăn chướng, hoặc tham luyến các tài vật, tham luyến thế tục, mà muốn thành tựu pháp này, sẽ chẳng thể được!

*(Kinh) Đắc tam-muội dĩ, đương niệm ức trì, thường niệm sư ân, hằng tư báo đáp.*

**(經)得三昧已，當念憶持，常念師恩，恆思報答。**

*(Kinh: Đã đắc tam-muội, hãy nên nghĩ nhớ, thường nghĩ tới ân thầy, luôn nghĩ báo đáp).*

Nếu chẳng phải như vậy, sức tam-muội sẽ có tiền thoái. Đối với chuyện này, từ các câu chuyện về Thiện Đạo đại sư đã có một công án. Khi Thiện Đạo đại sư tại thế, do nhân duyên từ Quán Kinh, Ngài chứng đắc Niệm Phật tam-muội tại chùa Ngộ Chân ở huyện Lam Điền (thuộc tỉnh Thiểm Tây). Do vậy, có nhiều vị tỳ-kheo theo Ngài tu tập pháp tắc. Có vị tỳ-kheo sau khi chứng tam-muội, sanh tâm tăng thượng mạn che lấp tâm trí, nên sức tam-muội chẳng hiện, kết quả là phi báng tam-muội

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

ấy. Nếu chúng ta duyệt tạng (đọc Đại Tạng Kinh), sẽ có thể thấy trong rất nhiều kinh điển đều có cách nói như vậy. Chẳng phải là hề chứng bèn vĩnh viễn chứng. Có người sau khi chứng đắc tam-muội lực, do tham cầu cảnh giới của tam-muội lực, đọa vào cái tâm thế tục, tức là tâm tham. Sau đây, ngoại duyên vừa quấy nhiễu, chẳng hạn như có tạp âm, tạp duyên, tạp cảnh tượng, sẽ sanh tâm sân. Do vậy, liền đọa lạc! Thuở đức Thế Tôn tại thế, cũng có tỳ-kheo đọa lạc như thế. Do công đức chứng tam-muội bèn sanh vào Vô Sắc Giới Thiên, sau tám vạn đại kiếp, thiện căn và nhân duyên đã hao hết, liền đọa vào đời ác. Vì thế, thường nghĩ tới ân thầy, thường mong báo đáp, thật sự là một thứ tư lương cơ bản để duy trì sức tam-muội. Thật ra, Niệm Phật tam-muội chủ yếu nhất là tri ân, báo ân đó thôi! Vì hết thầy đều do công đức thanh tịnh của chư Phật Như Lai ban tặng, chúng ta chẳng có một pháp nào để có thể đạt được, chẳng có một thiện căn nào tồn tại, mà cũng chẳng tồn tại một ác pháp nào, cũng chẳng có một nghiệp tướng vô ký tiếp nối nào, chỉ nương theo đại công đức tạng của chư Phật Như Lai làm sanh mạng, tùy thuận ý thức. Như thế thì sẽ dễ thành tựu, dễ đạt được, dễ tương ứng. Nếu hơi tồn tại tri kiến của chính mình, sẽ rất khó đạt được tam-muội lực, tương ứng với các đại công đức lực. Đối với pháp tắc này, chúng ta vẫn phải nên tư duy.

***(Kinh) Hiền Hộ! Thị tam-muội bảo, bất dị khả văn.***

**(經)賢護! 是三昧寶, 不易可聞。**

***(Kinh: Này Hiền Hộ! Báu tam-muội này, chẳng dễ được nghe).***

Trong phần trước nói là “tam-muội vương”; ở đây lại nói là “tam-muội bảo”, cho thấy chẳng dễ nghe tam-muội này. Từ vô thủy tới nay, chúng ta trầm luân trong thế tục, bận bịu trong các thứ sự vụ, nếu nương theo những lời dạy trong kinh giáo thì cũng có các thứ ngăn che, chướng nạn, như trong khi tu nhân, Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn xuất gia, phụng sự thầy suốt ba vạn sáu ngàn năm, do bị thiên ma ngăn chướng, vẫn chẳng được nghe! Nhưng chúng ta bị sự vụ thế tục che lấp, chẳng hạn như có người theo đuổi phước báo nhân thiên, có người theo đuổi đủ loại sự vụ trong thế gian, làm đủ loại chuyện thuộc về sự tướng, chẳng có dịp nghe pháp, chẳng thể tu tập pháp tắc như vậy, chẳng thể trao đổi pháp tắc như vậy. Trên thực tế cũng là bị thiên ma che lấp, gây chướng ngại. Nghe pháp rất khó, trong thế tục, chúng ta muốn thành thực nghiệp của



***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

chính mình, nhưng do nghiệp liên tục, ở trong nghiệp liên tục thì sẽ chẳng thể tự thoát ra được, chẳng thể tự giải quyết được, như thế thì sự liên tục của nghiệp chính là chỗ khiến cho “*chẳng dễ nghe pháp*”. Đó cũng là sự thật nầy sanh bởi cái gọi là “*các ma che lấp, ngăn chướng*”.

Đối với cơ chế và cơ duyên nghe pháp, chúng ta thường rất khó thật sự sanh khởi lòng tôn trọng! Vào thời Tùy - Đường, nếu có chỗ nào giảng pháp, hoặc là trong núi rừng, dưới tàng cây, hoặc chỗ thanh vắng, mọi người đều đến đó, yêu thích. Nhưng nghe pháp trong hiện thời thì thường là mang tánh chất hình thức hóa nhiều hơn. Do vậy, tuy người nghe đông đảo, nhưng người đạt được lợi ích rất hiếm hoi! Như chúng ta tụng niệm công khóa cũng vậy, nếu thật sự yêu thích, công khóa như thế sẽ trở thành cơ duyên tăng thượng để chúng ta tu chứng, thành tựu Bồ Đề cho chúng ta. Nếu có thái độ ứng phó “*làm hòa thượng một ngày, giộng chuông một ngày*”, hoặc có cảm giác nhọc nhằn, chán ngán, như thế thì sẽ hoàn toàn tương phản! Trong cơ chế học tập liên tục hiện thời, rốt cuộc chúng ta dùng cái tâm yêu thích, hay là cái tâm chán ghét, tâm ứng phó? Thực sự là [kết quả sẽ sai khác một trời, một vực] nếu chọn lựa cái tâm sai khác. Một niệm ấy hoàn toàn do chính mình, chứ cơ chế ngoại vi như người khác, hoặc đạo tràng v.v... thuần túy là trợ duyên. Chúng ta phải nhận biết rõ ràng đối với điều này!

*(Kinh) Chánh sử hữu nhân, quá bách thiên kiếp, dẫn cầu văn danh, thượng bất đắc văn, hà hưởng văn dĩ, thư tả, tụng trì, chuyển phục vị tha, phân biệt thuyết dã. Hiền Hộ! Giả sử Hằng hà sa số chư Phật thế giới thịnh mãn trân bảo, trì dĩ hành Đàn, kỳ phước tuy đa, do diệc bất như văn thử kinh danh.*

**(經)正使有人，過百千劫，但求聞名，尚不得聞，何況聞已，書寫誦持，轉復爲他，分別說也。賢護！假使恆河沙數諸佛世界盛滿珍寶，持以行檀，其福雖多，猶亦不如聞此經名」。**

*(Kinh: Nếu như có người trải qua trăm ngàn kiếp, chỉ cầu được nghe tên, còn chưa được nghe, hưởng hồ là nghe xong, biên chép, tụng trì, lại còn vì người khác nói phân biệt. Nay Hiền Hộ! Giả sử dựng đầy trân bảo trong Hằng hà sa số thế giới của chư Phật, dùng để bố thí, phước ấy tuy nhiều, vẫn chẳng bằng nghe tên của kinh này).*

Trong rất nhiều kinh điển Đại Thừa, đức Thế Tôn đều có cách nói hy hữu như vậy. Chẳng hạn như đối với danh tự Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, đức Thế Tôn cũng từng thọ ký: Nếu là người có thể nghe tên kinh này, phước đức của người ấy chẳng thể nghĩ bàn. Đối với sự thọ ký tương đại công đức này, thật sự là lời lẽ thành thật, nhưng có nhiều chúng sanh chẳng thể sanh lòng tin đối với chỗ này, chẳng thể yêu thích. Chúng ta biết Lục Tổ nghe một câu kinh Kim Cang “*ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*” (hãy nên đừng trụ vào đâu mà sanh tâm) liền được chứng ngộ, tâm sanh quang minh, tâm sanh hoan hỷ. Nếu thiện căn của chúng ta chín muồi, hoặc là cơ hội chín muồi, nghe tên của kinh Ban Châu Tam Muội này, cũng sẽ đạt được phước đức chẳng thể nghĩ bàn!

*(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn vị trùng minh thử nghĩa, dĩ kệ tụng viết: - Ngã niệm quá khứ vô lượng thời, cụ túc số mãn lục thiên tuế, thường tùy pháp sư bất tạm xả, sơ bất văn thị tam-muội danh. Phật hữu quyết hiệu vi Chí Thành, thời bỉ tỳ-kheo danh Hòa Luân. Kỳ u Thế Tôn diệt độ hậu, tỳ-kheo quảng thuyết thị tam-muội. Ngã thời vi bỉ thiên hạ vương, mộng trung văn cáo tam-muội xứ.*

**(經)爾時，世尊為重明此義，以偈頌曰：「我念過去無量時，具足數滿六千歲。常隨法師不暫舍，初不聞是三昧名。有佛厥號為至誠，時彼比丘名和輪。其於世尊滅度後，比丘廣說是三昧。我時為彼天下王，夢中聞告三昧處。」**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn vì muốn nói rõ lại nghĩa này, dùng kệ tụng như sau: - Ta nhớ quá khứ vô lượng thời, trọn đủ con số sáu ngàn năm, thường theo pháp sư chẳng tạm rời, trọn chẳng nghe tên tam-muội này. Đức Phật danh hiệu là Chí Thành, tỳ-kheo khi ấy tên Hòa Luân. Sau khi Thế Tôn đã diệt độ, tỳ-kheo rộng nói tam-muội này. Thuở đó ta làm vua cõi đời, trong mộng nghe nói chỗ tam-muội).*

Ở đây, nêu lên một trường hợp, có thể là quốc vương chẳng có cơ hội nghe pháp, nhưng trong mộng, biết chỗ tuyên thuyết tam-muội. Có nhiều vị Bồ Tát, cho đến chư Phật đều phát diệu nguyện rộng lớn rất sâu,

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

muốn khiến cho hết thảy hữu tình trầm luân dùng các thứ nhân duyên để thoát lìa biển khổ sanh tử, hoặc dùng Hiền Giáo, hoặc dùng Mật Giáo, hoặc dùng giáo pháp trong lúc ban ngày, hoặc dùng giáo pháp trong mộng, hoặc dùng giáo pháp trong Tam Tạng mười hai bộ loại để tuyên nói diệu tướng trang nghiêm, cho đến danh hiệu bí mật, danh hiệu Hiền Giáo, cho đến sức thần thông nhiếp hóa trọn khắp. Thệ nguyện căn bản của Văn Thù Bồ Tát quy kết vào một thệ nguyện, chính là muốn khiến cho nhiều hữu tình ngu độn, ương bướng ở trong mộng sẽ được gặp gỡ thí giáo, hoặc khiến cho nhiều hữu tình chẳng có cơ hội nghe pháp sẽ có dịp nghe pháp trong mộng. Vì thế, có chúng sanh từ trong mộng nghe danh hiệu của chư Phật, giáo ngôn của chư Phật, được sức thần thông chẳng thể nghĩ bàn của chư Phật gia trì, thấy diệu tướng quang minh của chư Phật.

Bốn loại thấy Phật là hiện tiền thấy Phật, trong mộng thấy Phật, trong định cảnh do sức thần thông thấy Phật, cho đến lúc lâm chung xả báo sẽ thấy Phật, đều là do thiện căn thù thắng đã chín muồi. Nay chúng ta học tập, tu tập một pháp Ban Châu, tức Thập Phương Chư Phật Tát Giai Hiện Tiền tam-muội, điều được tuyên nói [trong pháp tắc này] chính là muốn khiến cho chúng sanh trong hiện tiền thấy mười phương chư Phật, gặp Phật nghe pháp, chẳng nhờ vào phương tiện, chẳng đến thế giới ở phương khác, mà Phật cũng chẳng đến đi, chúng ta cũng chẳng đến đi, chỉ nương vào cái tâm thanh tịnh, do thiện căn thành thực mà nghe pháp rất sâu, chứng Vô Sanh Nhẫn, chọn lựa sanh tử.

*(Kinh) Hòa Luân tỳ-kheo thường tuyên chuyển, vương đương thính thọ thị diệu kinh, tòng mộng ngu dĩ tức thôi cầu, cung nghệ tỳ-kheo thính tam-muội.*

**(經)和輪比丘常宣轉，王當聽受是妙經。從夢寤已即推求，躬詣比丘請三昧。**

*(Kinh: Hòa Luân tỳ-kheo thường tuyên nói, vua sẽ nghe nhận diệu kinh ấy, đã tỉnh giấc mộng liền tìm cầu, cung kính xin sự dạy tam-muội).*

Tam-muội ở đây là nói tắt của Thập Phương Chư Phật Tát Giai Hiện Tiền tam-muội, chẳng phải là tam-muội nào khác. Báu tam-muội này là vua của hết thảy các tam-muội. Kinh Đại Phật Đánh Thủ Lăng Nghiêm nói Phật Đánh Thủ Lăng Nghiêm tam-muội là vua của hết thảy các tam-muội, vì sao ở đây lại xuất hiện một tam-muội vương khác?

Chúng ta chẳng khảo cứu điều này, nhưng có một điều: Công đức của Lăng Nghiêm tam-muội và Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền có sai khác hay không? Có phải là được truyền dạy dưới danh xưng khác nhau hay không? Hay là công đức có sai khác? Nói thiện xảo thì có thể là Lăng Nghiêm tam-muội nhiếp hóa một loại căn cơ riêng biệt, còn Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội thâm nhiếp trọn khắp hết thảy hữu tình phàm ngu lẫn phàm thánh hữu tình! Vì thế, tam-muội này có thiện xảo rộng lớn!

*(Kinh) Toại xả vương vị nhi xuất gia, cung kính cúng dường bất tạm hưu. Kinh lịch tam vạn lục thiên niên, đản nguyện hậu phùng bỉ tuyên lưu, thường vị thiên ma lai cố nhiễu, chung cánh vị quả nhất thính văn. Thị cố tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, chư ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, ngô cố giới nhữ thử thành ngôn, nhữ đương thú trì thị tam-muội.*

**(經)遂舍王位而出家，恭敬供養不暫休。經歷三萬六千年，但願後逢彼宣流。常為天魔來固擾，終竟未果一聽聞。是故比丘比丘尼，諸優婆塞優婆夷。吾故誡汝此誠言，汝當趣持是三昧。**

*(Kinh: Bèn bỏ ngôi vua để xuất gia, cung kính cúng dường, chẳng tạm nghỉ. Trải qua ba vạn sáu ngàn năm, chỉ mong được nghe pháp thầy nói, thường bị thiên ma đến quấy nhiễu, trọn chẳng một lần được nghe thấy. Vì thế, tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, các ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, ta nay răn dạy lời chân thành, nên tiến nhập, trì tam-muội này).*

“Giới nhữ” là khuyên bảo mọi người, khích lệ kẻ hữu duyên: “Nhữ đương thú trì thị tam-muội” (Người hãy nên tiến nhập, thọ trì tam-muội này). Kinh Hiền Hộ từ mở đầu cho đến hiện thời, chỗ nào cũng đều khiến cho chúng ta nghe dạy, đọc tụng, giải nói, cho đến tu hành pháp tắc tam-muội này. Đức Thế Tôn dùng đủ mọi tỷ dụ, đủ mọi hướng dẫn, để khiến cho chúng ta sanh lòng tin quyết định đối với pháp này.

*(Kinh) Kỳ dục kính thừa bỉ pháp sư, nhược kinh nhất kiếp cập đa kiếp, bị phụng dục thang, chư diệu thiện, cầu văn như thị tam-muội kinh.*

**(經)其欲敬承彼法師，若經一劫及多劫。備奉藥湯諸妙膳，求聞如是三昧經。**

*(Kinh: Muốn kính trọng thừa sự pháp sư, trải qua một kiếp và nhiều kiếp, dâng đủ thuốc thang, các món ngon, cầu nghe kinh tam-muội như thế).*

Hầu thầy, cúng dường để thật sự nhanh chóng thành tựu công đức của tam-muội này.

*(Kinh) Hựu biện ức số chúng y phục, sàng phu, dăng chúc, cập chư trân. Tinh cần như thị bất giác bì. Vị thính như thị diệu tam-muội.*

**(經)又辦億數衆衣服，牀敷燈燭及諸珍。精勤如是不覺疲，爲聽如是妙三昧。**

*(Kinh: Lo toan ức số các y phục, giường, mền, đèn đuốc, và các báu. Siêng rông như thế chẳng thấy mệt. Vì nghe diệu tam-muội như thế).*

Duyên khởi của tất cả các sự cúng dường đều vì để tam-muội này tồn tại và được truyền bá trong cõi đời. Vì lẽ nào? Người truyền bá, tu tập, lắng nghe, cho đến người tùy hỷ tam-muội này, người đến nghe cùng chẳng nghe, đều đã gieo chủng tử chẳng thể nghĩ bàn nơi Vô Thượng Bồ Đề, trong đời vị lai, nhất định sẽ thành Phật. Vì thế, sự cúng dường này rất có ý nghĩa, được đức Thế Tôn cổ vũ, tán thán.

*(Kinh) Tỳ-kheo tự vô, đương khát phụng, nãi chí thân mạng vô lận tích.*

**(經)比丘自無當乞奉，乃至身命無吝惜。**

*(Kinh: Tỳ-kheo chẳng có, xin về dâng. Dầu xả tánh mạng, chẳng keo kiệt).*

Người xuất gia không có gì để có thể cúng dường, bèn có thể dùng những vật dụng chính mình xin được để cúng dường, hoặc dùng thân để

cúng dường. Biểu hiện của người xuất gia là buông xả thế tục, thủ hộ, tu tập, truyền bá pháp.

*(Kinh) Hà huống dư vật hữu tích tâm, như thị cầu giả đắc tam-muội. Thọ ân thường niệm tư báo ân, trí nhân văn dĩ ưng quảng thuyết.*

**(經)何況餘物有惜心，如是求者得三昧。受恩常念思報恩，智人聞已應廣說。**

*(Kinh: Huống hồ tiếc nuôi các vật khác, người cầu như thế đắc tam-muội. Chịu ân thường nghĩ báo đáp ân, người trí nghe rồi nên rộng nói).*

“Ân nhân” là người có ân với ta. Nếu đối với lợi ích thực tế và tương công đức của Ban Châu tam-muội mà chẳng hiểu biết, có lẽ cũng sẽ có kẻ cho rằng “vì sao là có ân và chẳng có ân cơ chứ?” Vì tu tập có thành thực hay không, có tương ứng hay không. Do đó, đối với chỗ chịu ân, có thể hiểu biết hay không, vẫn thật sự là một ẩn số! Thông qua học tập, thông qua nhận biết, trao đổi lẫn nhau, cho đến tuyên nói, tu tập pháp tắc này, đối với ân đức, chúng ta hãy nên thật sự có sự hiểu biết rõ ràng!

“Trí nhân văn dĩ quảng tuyên thuyết” (Người trí nghe xong sẽ tuyên nói rộng rãi): Người trí huệ thật sự thành thực, sẽ thường tuyên nói pháp này. Vì sao? Nếu truyền bá, lưu thông pháp này, sẽ có thể khiến cho hữu tình hữu duyên thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, được thấy mười phương chư Phật, nghe giáo ngôn rộng lớn. Đó là do tam-muội nên đa văn, do đa văn nên có thể chứng A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Cơ chế này chẳng thể nghĩ bàn! Vì thế, người tuyên nói tam-muội này có thể khiến cho hữu tình trong thế gian đạt được sự yên vui rốt ráo!

*(Kinh) Ưc na-do kiếp chuyên tinh cầu, tư diệu tam-muội nhĩ nãi văn. Giả sử Hàng sa chư thế giới, thịnh mãn trân bảo dụng hành Đàn. Năng w thị trung thuyết nhất kệ, thử nhân công đức quá w bỉ.*

**(經)億那由劫專精求，斯妙三昧爾乃聞。假使恆沙諸世界，盛滿珍寶用行檀。能於是中說一偈，此人功德過於彼。**

*(Kinh: Úc na-do kiếp chuyên ròng cầu, mới được nghe diệu tam-muội này. Giả sử thế giới như Hằng sa, chứa đầy trân bảo đem bố thí. Người có thể nói một kệ trong đó, công đức sẽ vượt xa người trước).*

Trong [các loại] bố thí, tài bố thí chỉ là bố thí để kết duyên, tức bố thí thuộc về phước đức. Chỉ có hành pháp, nghe pháp, đích thân chứng pháp tác, như thế mới là cơ hội to lớn có thể khiến cho chúng sanh thành tựu Vô Thượng Bồ Đề. Công đức của một bài kệ là có thể làm cho con người thành Phật, còn công đức cúng dường trân bảo trong nhiều thế giới chỉ là hiện tượng phước đức, hai đẳng chẳng thể so sánh được. Do vậy, “*thử nhân công đức quá u bi*” (công đức của người ấy vượt hơn đó).

*(Kinh) Chánh ngôn tuyên thuyết nhất kệ giả, quá u chư kiếp na-do-tha. Hà hướng văn dĩ năng quảng tuyên, tư nhân công đức bất khả thuyết.*

**(經)正言宣說一偈者，過於諸劫那由他。何況聞已能廣傳，斯人功德不可說。**

*(Kinh: Người chánh ngôn tuyên nói một kệ, vượt khỏi na-do-tha các kiếp. Hướng chỉ nghe xong, lại rộng tuyên, công đức người ấy chẳng thể nói).*

Đức Thế Tôn không ngừng khích lệ chúng ta đọc tụng, truyền bá, tu tập pháp tác này. Nói đến công đức thì [xét theo pháp tánh], do chẳng có công đức, cho nên công đức rộng lớn. Vì công đức rốt ráo, cho nên chẳng có công đức để thấy, nhưng thật sự là công đức. Vì thế, “*tư nhân công đức bất khả thuyết*” (công đức của người ấy chẳng thể nói).

*(Kinh) Nhược nhân nhạo hành u Bồ Đề, đương vị nhất thiết cầu thị pháp.*

**(經)若人樂行於菩提，當爲一切求是法。**

*(Kinh: Nếu ai thích hành đạo Bồ Đề, hãy vì hết thảy cầu pháp này).*

Trong hết thảy mọi thời, mọi chốn, hãy nên lập tức tu tập, truyên bá rộng rãi, thường hành đạo, thường thủ hộ.

*(Kinh) Tất năng chánh giác vô thượng đạo, vẫn dĩ an trụ tu định trung.*

**(經)必能正覺無上道，聞已安住斯定中。**

*(Kinh: Ất với chánh giác vô thượng đạo, nghe xong, an trụ trong Định ấy).*

Ở đây, đức Thế Tôn chọn lựa pháp. Các vị Bồ Tát hiện tiền nếu nhận biết mười phần rõ ràng, chọn lựa một pháp tắc, nhưng vẫn chưa rất thành thực, cần phải thông qua không ngừng học tập, quan sát, tu tập, cũng như so sánh thành tựu trong Phật pháp với nghiệp tương luân hồi của thế gian thì mới có thể sanh khởi lòng yêu thích và tu tập pháp tắc ấy.

Trong phẩm này, đức Thế Tôn nêu ra sự chằng chẽ nghĩ bàn của tam-muội này, nghĩ tới ân thầy rất quan trọng. Pháp này khó nghe, khó được. Chúng ta đừng nên vừa xong buổi giảng bèn bàn tán chuyện thế tục, đánh mất nhân duyên tăng thượng thanh tịnh của chính mình. Hãy nên thường tập quen tư duy pháp tắc như thế, trong tâm trí liên tục, trong nghiệp tướng, hãy nhiều lượt luyện tập, cũng phải nên nhanh chóng thành tựu công đức thiện căn như thế.

## **21. Phẩm thứ mười bảy: Chúc lụy**

*(Kinh) Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Phần, Chúc Lụy phẩm đệ thập thất.*

**(經)大方等大集賢護分囑累品第十七。**

*(Kinh: Kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Phần. Phẩm thứ mười bảy: Chúc Lụy).*



## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

Hôm nay là ngày thánh đản của Đại Thế Chí Bồ Tát, nương cậy sự gia trì thù thắng này, chúng ta học tập viên mãn đoạn văn tự cuối cùng này.

“*Chúc lụy*” là sự căn dặn đối với một pháp tắc, bao gồm cách duy trì tiếp nối pháp ấy như thế nào, tu tập như thế nào, căn nguyên của pháp tắc ấy, ai là người truyền bá, cũng như người truyền bá nên truyền bá bằng cách nào, các pháp tắc cơ bản đáng được chấp thuận [để thủ hộ, truyền bá pháp ấy]. Sự chúc lụy của đức Thế Tôn có lược thuyết và cũng có quảng thuyết. Chẳng hạn như đức Thế Tôn chúc lụy Di Lạc Bồ Tát chỉ dùng bốn câu kệ, vì đối với các bậc đại trí, chỉ dùng lời phương tiện, lời gián lược đã khiến cho tâm trí họ tương ứng, còn đối với hữu tình phàm ngu (phàm phu, ngu muội) như chúng ta, phải tuyên nói cho nhiều, cho đến nói cạn kẽ, nói rộng rãi, nói trọn khắp, khiến cho chúng ta có pháp để nương cậy, hoặc là có ngôn thuyết để y chỉ.

Học tập một bộ kinh điển, Tự Phần là duyên khởi của kinh điển, [nêu ra] đối tượng để tuyên nói. Chánh Tông Phần là trực tiếp tuyên nói nội dung thực tế, khiến cho hữu tình hiện tiền tu tập, yêu thích pháp tắc. Hiện thời, chúng ta đang học phần Chúc Lụy chính là phần Lưu Thông, tức là nương theo lợi ích hiện tiền để thủ hộ pháp tắc, mong sao pháp tồn tại trong cõi đời, truyền rộng đến đời vị lai, hồng lợi ích hữu tình trong vị lai. Lưu Thông Phần là một bộ phận rất trọng yếu trong kinh điển. Tâm chúng ta duy trì liên tục đối với một pháp tắc, thâm nhập tu tập và nhận biết một pháp tắc, đây cũng là nội dung thực tế của sự lưu thông, tức là đối với chuyện thành tựu Bồ Đề bền tu tập chẳng lười nhác và nhận biết. Vì thế, có một cách nói ví von: Phần Chánh Tông giống như thấp đèn, thấp sáng ngọn đèn trong tâm trí của đại chúng hiện tiền, khiến cho chúng ta đối với pháp có một sự nhận biết hoàn chỉnh, sáng sủa, rõ ràng, có một thứ tự để tu tập. Lưu Thông Phần là truyền bá rộng rãi cho đời mai sau, khiến cho Phật chủng thành thực nơi hữu tình trong thế gian, giống như ngọn đèn này thấp chuyển sang ngọn đèn khác, chiếu sáng vị lai. Đèn vô tận, đèn này chuyển sang đèn kia, trí hỏa chẳng diệt, khiến cho chúng sanh tối tăm, hoặc hữu tình đang say ngủ vô minh được quang minh chiếu sáng rực, có cơ hội tỉnh giấc. Đây là một cơ chế tiếp nối pháp tắc, kinh điển về cơ bản đều được thiết trí như vậy. Sau khi chúng ta học tập, trong cuộc sống thường nhật, phải nên đối với Chánh Tông Phần, thủ hộ lợi ích hiện tiền như thế nào để giống như đèn sáng chiếu rực cả mình lẫn người? Đối với Lưu Thông Phần, lại nên như thế

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

nào để truyền bá đến đời vị lai, lợi ích cho người đời sau? Thật sự là càng phải nên sanh tâm yêu thích, càng nên sanh tâm vui sướng.

Chúng ta còn phải giữ cho cái tâm của chính mình liên tục, duy trì liên tục đối với pháp, đối với các sự tướng phồn tạp trong thế tục và các ngôn thuyết chẳng tương ứng, đúng là chẳng nên nói. Nếu không, tuy học tập Phật pháp mà vĩnh viễn chẳng có cơ hội thành tựu! Giống như thí dụ đun nước ở phần trước, lại như mài giũa một món pháp khí, nếu tâm trí tản mạn, buông lung, đúng là sẽ rất khó thành thực pháp. Cứ như thế, ngày này qua ngày khác, năm này qua năm kia bị lãng phí! Nếu gặp được giáo ngôn thù thắng như thế mà chẳng yêu thích, cứ ham hố thế tục, vui thích tạp duyên, ham chuộng tán gẫu, đúng là đã phần nào cô phụ cơ duyên của chính mình. Nếu cô phụ cơ duyên của chính mình, mà chẳng rối loạn người khác, thì vẫn còn chấp nhận được! Nhưng không chỉ cô phụ cơ duyên của chính mình, lại còn nhiễu loạn [người khác] thấy nghe, đúng là chẳng tương ứng. Do vậy, trong các trường hợp học Phật, trong cơ duyên hành đạo của mọi người, phải quý tiếc! Trong nhân duyên thế tục, chẳng hạn như ở trong các hoàn cảnh thế tục nơi gia đình, xã hội v.v... vẫn cần phải nghĩ tưởng Tam Bảo, nghĩ tưởng ân đức của Phật, ân đức được học giáo pháp, ân đức của sư trưởng, ân đức dưỡng dục của cha mẹ, hướng hồ trong đạo tràng, trong các dịp học pháp ư? Đối với các chỗ ấy, phải nên nghiêm túc, chớ nên qua loa.

Hôm nay là thánh đàn của Đại Thế Chí Bồ Tát, đầu đức Đại Thế Chí tới ngồi ở bên cạnh chúng ta, nếu quý vị vẫn chẳng yêu thích Phật pháp thì cũng chẳng đạt được lợi ích nơi Phật pháp. Chư Phật Như Lai phóng đại quang minh nhiếp thọ trọn khắp hết thảy chúng sanh, chẳng gián đoạn. Quý vị chẳng yêu thích Phật pháp, sẽ chẳng đạt được lợi ích nơi Phật pháp y hết. Giống như kẻ ngủ mê, đầu mặt trời mọc giữa bầu trời quang đặng, chiếu sáng rực Diêm Phù Đề, ngay lập tức chúng sanh đều đạt được phương tiện, ai nấy đều có ánh sáng, nhưng kẻ ngủ mê chẳng đạt được. Quý vị còn đắm chìm trong cơn mê ngủ vô minh, trong nghiệp tập tán loạn của chính mình, sẽ chẳng đạt được đại quang minh của chư Phật. Vì sao? “Được” và “chẳng được” là do cách dùng; vì chẳng biết dùng, cho nên chẳng thể đạt được. Chư vị thiện tri thức ơi! Nhất định phải trân quý từng cơ hội nhỏ nhặt của chính mình, mạng người vô thường còn hơn nước từ trên núi tuôn xuống, gặp pháp rất khó, nghe pháp rất khó, cứ ham thích nghiệp tập, lưu chuyên trong tam đồ bát nạn thật dễ! Tạo các ác nghiệp thật dễ, hành các thiện pháp thật khó, đã khó lại càng khó hơn! Do phước báo từ bao kiếp lâu xa tới nay, chúng ta

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2**

mới có dịp nghe pháp. Nếu vẫn để [cơ hội đó] tiêu hủy trong chốc lát, đối với cái nhân đời sau, cái quả đời sau, chẳng phải là do nhân như thế nào, quả sẽ như thế ấy đó ư? Các vị Bồ Tát phải khéo tư duy! Nếu thật sự không biết, hãy nên khích lệ chính mình một phen!

**(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn cáo Hiền Hộ Bồ Tát ngôn: - Hiền Hộ! Thị cố, bỉ thiện nam tử hữu tịnh tín giả, thường đương tinh cần thính thử tam-muội.**

**(經)爾時，世尊告賢護菩薩言：「賢護！是故，彼善男子有淨信者，常當精勤聽此三昧。」**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn bảo Hiền Hộ Bồ Tát rằng: - Nay Hiền Hộ! Vì thế, thiện nam tử có lòng tin trong sạch, hãy thường nên siêng ròng, nghe tam-muội này).*

“Tinh cần” (精勤) là tâm phải nên chuyên chú, đối với pháp phải nên chuyên chú. Nếu ở trong tạp duyên, sẽ thường khiến cho cái tâm bị tán hoại, đổi khác. Đương nhiên, nếu quý vị hiểu rõ pháp tánh không gì chẳng trọn khắp, sự tướng gì cũng đều là vô sở đắc, đều chẳng có tự tánh; đó là hành pháp phương tiện. Nếu hành pháp phương tiện, sẽ thật sự có thể dẹp trừ nỗi khổ, ban vui cho người khác!

**(Kinh) Ký văn thọ dĩ, độc tụng, tổng trì, tư duy kỳ nghĩa.**

**(經)既聞受已，讀誦總持，思惟其義。**

*(Kinh: Đã nghe nhận rồi, đọc tụng, tổng trì, tư duy ý nghĩa).*

Tướng đại công đức của Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiền Tiên tam-muội cũng thuộc về pháp tổng trì. Nói “tổng trì” tức là trong một pháp có thể trọn đủ hết thấy các tướng công đức chân thật.

**(Kinh) Quảng vị thế gian phân biệt, diễn thuyết.**

**(經)廣爲世間分別演說。**

*(Kinh: Rộng vì thế gian, phân biệt, diễn nói).*

Mọi người diễn nói đều là diễn nói gì vậy? Có tương ứng với pháp hay không? Chính mình có yêu thích pháp tắc ấy hay không? Nếu chúng ta vẫn chẳng tôn trọng, chẳng yêu thích nhân duyên của pháp, làm sao có

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

thể vận dụng Phật pháp vào chỗ phi pháp cho được? Chúng ta chẳng thể không chú ý ngôn hạnh của chính mình, chớ nên không biết ngôn hạnh của chính mình. Nay vẫn còn đang ở trong giai đoạn an cư, còn có Tam Bảo, được chư Phật, Bồ Tát gia bị, có thể khiến cho cái tâm chúng ta đặt vững trong thiện duyên, nhưng sau khi An Cư kết thúc, đúng là mỗi người có nghiệp báo riêng, nghiệp duyên sẽ theo sát bầu bạn!

Giả sử chúng ta qua một trăm hai mươi ngày An Cư, hoặc thông qua học tập kinh Ban Châu, đã có sự liễu giải, yêu thích, tu tập, không ngừng thường tư duy, thường nghĩ tưởng kinh Ban Châu, trong hết thầy mọi nơi, mọi chỗ đều chẳng bỏ mất mỗi niệm hoặc mỗi chuyện để tùy thuận pháp tắc. Đó gọi là “*tu ngay trong mỗi niệm*” nhằm uốn nắn tự tâm, uốn nắn nhân duyên, hoặc là như thật biết cái tâm, như thật biết nhân duyên, trong hiện tiền phiền não mà đích thân chứng Bồ Đề. Đó là chuyện mười phần có ý nghĩa. Nếu nhân duyên này chẳng thể chín muồi, tiếp tục tồn tại sau khi An Cư thì sẽ là như thế nào? Chúng ta đều nên tự xét kỹ, vì sau khi An Cư, cơ hội tập trung học tập, cơ hội được nhắc nhở, cơ hội trao đổi như vậy có thể là càng ít hơn, nhân duyên của mỗi người trở nên mười phần rời rạc, những thứ thuộc về thế tục như nói chuyện gẫu, làm những chuyện vô bổ v.v... chẳng thể mười phần trọn khắp cổ vũ, khích lệ [cái tâm tấn tu của hành giả]. Khi đó, chúng ta vận dụng Phật pháp sẽ càng mệt mỏi hơn! Nay chúng ta ở chỗ ít tổn sức, trong cơ hội thừa thế học tập và tu tập, quán sát, mà vẫn chẳng yêu thích, thì dần mình vào thế tục sẽ là “*chệch đi ngàn dặm!*” Đây chẳng phải là nói theo kiểu sợ hãi đâu nhé! Mọi người phải nên tư duy, vì trong thế giới Diêm Phù Đề này, thiện ít, ác nhiều, nghịch duyên lừng lẫy, kẻ hoại pháp, diệt pháp, và các tạp duyên ngập tràn cõi đời. Người như pháp, chánh pháp, hướng về pháp, hạnh tăng thượng đã ít ỏi lại càng hiếm hoi hơn, giống như trân bảo trong thế gian khó có, khó gặp! Các vị thiện tri thức hãy khéo quan sát nhé!

***(Kinh) Nghi thiện thư tả, an trí tạng trung.***

**(經)宜善書寫, 安置藏中。**

***(Kinh: Hãy nên biên chép, đặt trong kho báu).***

“*An trí tạng trung*” trên thực tế là cất chứa, trân tàng, cung kính. “*Tạng*” ở đây chẳng phải là phong kín, mà là khiến cho chúng ta yêu thích pháp tắc ấy, ví như thủ hộ vật báu gia truyền. Đây đích xác là trân

bảo ma-ni do Phật Thích Ca truyền lại cho chúng ta, có thể sanh ra hết thảy công đức.

*(Kinh) Sở dĩ giả hà? Hiền Hộ! Ư ngã diệt hậu, đương lai chi thế.*

**(經)所以者何? 賢護! 於我滅後, 當來之世。**

*(Kinh: Vì có sao vậy? Này Hiền Hộ! Sau khi ta diệt độ, trong đời tương lai).*

Cũng tức là thời hiện tại của chúng ta, đức Thế Tôn đã nhập diệt ba ngàn năm, Di Lạc Thế Tôn vẫn chưa giáng thế. Trong thời gian chẳng có Phật này, phần nhiều là ác tri thức ra đời, ma nào hại hữu tình trong thế gian, nếu chẳng nương theo giáo pháp, chúng ta sẽ chẳng có gì để độ thoát. Vì thế nói giáo pháp này hết sức trân quý.

Di giáo mười phần trân quý! Trong thời đại này, nếu chúng ta chẳng nương theo giáo pháp của Phật Thích Ca, thật sự sẽ tất nhiên đọa vào tam đồ bát nạn! Nay chúng ta ở trong tám nạn, vẫn còn có kinh giáo của Phật pháp để có thể tu tập, học tập, huân tu, truyền đạt, đứng là phước đức chẳng thể nghĩ bàn! Đáng phải nên tôn trọng, đáng phải nên nghiêm túc tư duy! Đối với chỗ này, nếu coi thường chẳng quan tâm, một khi chút phần thiện căn tán hoại, ác nghiệp tất nhiên chín muồi nhanh chóng, như thế thì tam đồ bát nạn sẽ khó thể chẳng phải là quê nhà, quý vị còn trở về đâu được nữa! Các vị thiện tri thức chẳng thể không tư duy!

Thời gian kết thúc An Cư càng ngày càng gần, tôi càng cảm thấy tâm tình ngày càng mười phần nặng nề, trọn chẳng phải là thanh thản, vì nếu nghiên cứu pháp sâu xa, yêu thích tu tập pháp tắc, nhất định sẽ dẫn khởi sự coi trọng [pháp tắc tam-muội này] nơi mỗi cá nhân chúng ta. Nhiều khi người có duyên lại vô phước, kẻ có phước lại vô duyên. Kẻ vô duyên phần nhiều hướng về, do hướng về còn có thể thành thực thiện căn. Nếu chúng ta trong lúc có cơ duyên mà chẳng yêu quý, chẳng trân trọng, mai sau cơ hội gặp pháp lần nữa sẽ rất ít. Cơ hội tăng thượng để tiếp tục tu tập pháp đã ít ỏi lại càng hiếm hoi hơn! Thật sự đáng tiếc! Đối với chuyện này, chúng ta nhất định phải sanh ý tưởng tôn trọng.

*(Kinh) Hữu chư Bồ Tát Ma Ha Tát bôi, tịnh tín tâm giả, vị chúng sanh cố, đương cầu đa văn. Cầu đa văn cố, đương nghệ chư*

*phương, thỉnh thọ chánh pháp. Hiền Hộ! Thị cố, bỉ chư thiện nam tử hữu dục lạc giả, cụ túc tín tâm giả, nhiếp thọ chánh pháp giả, ái nhạo chánh pháp giả, tổng trì Tu Đa La giả, vị như thị đẳng quảng tuyên thuyết cố, dĩ Như Lai lực gia trì cố.*

**(經)有諸菩薩摩訶薩輩，淨信心者，為衆生故，當求多聞。求多聞故，當詣諸方，聽受正法。賢護！是故，彼諸善男子有欲樂者，具足信心者，攝受正法者，愛樂正法者，總持修多羅者，為如是等廣宣說故，以如來力加持故。**

*(Kinh: Có các vị Bồ Tát Ma Ha Tát là kẻ tín tâm thanh tịnh, vì chúng sanh mà cầu đa văn, hãy nên cầu đa văn. Do cầu đa văn, sẽ đến các phương, nghe nhận chánh pháp. Nay Hiền Hộ! Vì thế, các thiện nam tử là kẻ có ham muốn yêu thích, trọn đủ tín tâm, nhiếp thọ chánh pháp, yêu thích chánh pháp, tổng trì Khế Kinh, sẽ vì những người như thế mà tuyên nói rộng rãi, do được Như Lai lực gia trì).*

“*Dĩ Như Lai lực gia trì cố*” (Do được Như Lai lực gia trì): Trong việc hội thí công đức của giáo ngôn A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề thù thắng nhất, nếu lìa khỏi sự gia trì của đức Thế Tôn, sẽ chẳng thể thành tựu. Do đó, hết thảy Bồ Tát Ma Ha Tát từ sơ phát tâm, cho đến chứng đắc Đẳng Giác, Diệu Giác Bồ Tát, đều nương vào công đức của chư Phật để niệm niệm tăng thượng, đó gọi là “*chẳng rời niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng*”. Chúng ta là hữu tình trong thời Mạt Pháp, niệm nào cũng đều nên chẳng lìa Phật, chẳng lìa Pháp, chẳng lìa Tăng, chẳng lìa Tử, chẳng lìa Giới. Nếu rời khỏi cơ chế như thế, chúng ta sẽ chẳng được Tam Bảo gia trì, sẽ rơi vào tri kiến thế tục, tri kiến phiền não, thậm chí tà kiến, ác kiến, lưu chuyển trong tam đồ bát nạn. Điều này có thể khiến cho các vị thiện tri thức khéo tư duy, khéo quan sát, khéo chọn lựa.

*(Kinh) Thư tả như thị Đại Thừa kinh điển, dĩ Như Lai ấn, ấn phong chi dĩ.*

**(經)書寫如是大乘經典，以如來印，印封之已。**

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

***(Kinh: Biên chép kinh điển Đại Thừa như thế, dùng ấn của Như Lai để đóng ấn, niêm phong).***

Vì sao phải dùng ấn của Như Lai để in vào, phong kín? Nhằm nói rõ kinh giáo này do kim khẩu của đức Thế Tôn tuyên thuyết, chẳng phải do người đời sau biên soạn. Điều nhận biết này mười phần trọng yếu! Nếu có kẻ ngờ vực, pháp này sẽ chẳng thành. Nếu có kẻ hủy báng, kẻ đó sẽ bị đọa lạc. Dùng ấn của Như Lai để in vào, vì đây là giáo ngôn chân chánh, có thể nương vào, có thể thuận theo, có thể đọc và chép, có thể tu tập, có thể truyền bá. “*Có thể*” tức là để thủ hộ người có lòng tin thanh tịnh, thủ hộ người chứng pháp, thủ hộ người yêu thích pháp, cho đến thủ hộ người muốn thành tựu pháp này, đều dùng Phật ấn, Phật lực để gia trì, khiến cho chúng ta sanh khởi chánh tín và yêu mến, cung kính và chân thành!

Cái tâm thế tục, tâm phàm phu chẳng chân thành. Phần nhiều tùy thuộc tánh tình của chính mình mà phát huy, tức là trong tri kiến đắm nhiễm, mỗi người sẽ tự phát huy tánh mạng của chính mình, cho nên xoay vần trong sáu đường, ai nấy tự hiển lộ sở đắc. Cái “*sở đắc*” đó thật ra là các thứ nhân duyên khác biệt đó thôi! Như Lai Thế Tôn vì khiến cho các loại tạp cư hữu tình trong tứ sanh cửu hữu thành tựu sức đại thiện xảo tự tại, cho nên đã tuyên nói với chúng ta Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội, khiến cho chúng ta lắng nghe, đọc tụng, giải nói, tu tập thành tựu, muốn khiến cho chúng ta có thể chứng đắc tam-muội, cho đến đa văn, thậm chí thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. “*Ấn*” chính là ấn khả, chấp thuận tự tâm, thật sự phải nên chú ý, phải nên tư duy điều này!

***(Kinh) Nhiên hậu an trí w hạp tạng trung.***

***(經)然後安置於匣藏中。***

***(Kinh: Sau đó, an trí trong hộp đựng).***

Không gì chẳng ngoài khiến cho chúng ta như thật tôn trọng, thủ hộ, trân tàng. Trong quá khứ, kinh điển phải đựng trong hộp bảy báu để khiến cho kẻ khác sanh tâm trân quý. Lại như tụng kinh thì phải tắm gội, rửa sạch tay, rửa sạch mặt, súc miệng sạch sẽ v.v... Vì sao? Chỗ nào cũng đều vun bồi cái tâm kiên thành, tâm cung kính, cũng tức là cái tâm chân thật. Nếu chẳng toàn tâm toàn ý, cứ tùy tiện đem kinh điển giống

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2**

như vút bừa ở nơi nào tiện tay, tùy ý giở đọc, bước qua, làm bản, quý vị làm sao có thể đạt được pháp ích? Làm sao có thể sanh khởi tâm tôn quý và chân thật cho được? Do vậy, trong phần Lưu Thông này, luôn khích lệ chúng ta tôn trọng, yêu thích pháp tắc này.

Vì tôn trọng, yêu thích pháp tắc, khiến cho chúng ta tôn trọng và yêu thích tự tâm. Vì tôn trọng và yêu thích tự tâm, khiến cho cái tâm thanh tịnh. Do tâm thanh tịnh, sẽ thấy tự tánh chân thật, thành tựu Bồ Đề. Điều này thật ra là do nhờ vào công đức thanh tịnh rất sâu của chư Phật để ấn khế tự tâm mà thôi! Do vậy, nếu chẳng có sự ấn chứng tôn trọng và thanh tịnh, khả phát thanh tịnh, chúng ta sẽ chẳng thể biết chút phần Bồ Đề! Nghiệp tập và vọng tưởng từ vô thi đến nay của chúng ta đã chín muồi, chúng ta ở trong lục đạo mười phần thuần thực, chẳng nhờ vào bất cứ trợ duyên nào cũng có thể tùy ý luân hồi! Hành vi, ý thức, và tướng quả báo của chúng ta, bất luận mỗi ngày từ sáng đến tối làm gì, tư duy hay chẳng tư duy, chọn lựa hay không chọn lựa, đều là tiếp nối từ ngày này sang ngày khác, năm này qua năm nọ, chẳng nhờ vào bất cứ sức nào, cứ tự nhiên thuận lý thành chương. Nhưng đối với pháp có ngộ hay không, được nghe hay không, chân thành hay không, quả thật là vấn đề do chọn lựa và phước báo có thành thực hay không?

*(Kinh) Hiền Hộ! Thị trung hà đẳng vi Như Lai ấn? Sở vi: Nhất thiết chư hành vô tạo, vô tác, vô tạo tác giả, vị tăng hữu, vô vi, vô tướng, vô tướng, vô y, vô nhiếp, vô thủ, vô trụ. Nhất thiết chư hạnh tận, khổ nhân tận, hữu tận. Nhất thiết phiền não tận, vô sanh, vô diệt, vô đạo, vô đạo quả.*

**(經)賢護! 是中何等為如來印? 所謂: 一切諸行無造, 無作, 無造作者, 未曾有, 無為, 無相, 無想, 無依, 無攝, 無取, 無住。一切諸行盡, 苦因盡, 有盡。一切煩惱盡, 無生, 無滅, 無道, 無道果。**

*(Kinh: Nay Hiền Hộ! Trong ấy, những gì là ấn của Như Lai? Tức là hết thấy các hành chẳng tạo, chẳng tác, chẳng có người tạo tác, chưa từng có, vô vi, vô tướng, vô tướng, chẳng nương tựa, chẳng thủ nhiếp, chẳng giữ lấy, chẳng trụ. Hết thấy các hạnh tận, khổ nhân tận, hữu tận. Hết thấy phiền não tận, chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng có đạo, chẳng có đạo quả).*



Hết thấy các pháp đều là chưa từng có, nhưng dùng Phật ấn để in vào, khiến cho chúng ta biết điều chưa từng có. Hết thấy các pháp đều dứt bất đối đãi, vì lẽ nào vậy? Do chẳng có tự tánh, chẳng thể lập lại. Chỉ vì hữu tình phạm phu phiền não hư vọng nhận biết, chấp giữ, dùng các tri kiến cất chứa trong A Lại Da Thức của chính mình để ấn chứng, hứa khả đây là thiện, đây là ác, coi là đã từng có, coi là vô ký (chẳng thiện, chẳng ác), coi là tịnh, coi là trược, coi là phạm, coi là thánh v.v... Vô lượng vô biên nhận biết, chấp giữ đấm nhiễm như thế chẳng phải là Phật ấn, mà là tạo tác phân, là hữu lậu, là hữu vi, là chấp trước. Chấp trước như thế, trôi lăn trong tam giới là lẽ tất nhiên. Nhưng dùng ấn của Như Lai để in vào, đó gọi là “*hết thấy chẳng tạo tác*”, đều là chưa từng có. Do chưa từng có, cho nên “*vô vi, vô tướng, vô tướng, chẳng nương cậy, chẳng thâm nhiếp, chẳng giữ lấy, chẳng trụ. Hết thấy các hành đều tận, khổ nhân tận, hữu tận. Hết thấy phiền não tận, chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng có đạo, chẳng có đạo quả*”.

Nếu chỉ nói tới vô sanh, chúng sanh sẽ mê muội. Vì thế, đức Thế Tôn lần lượt dùng các thứ ngôn từ quyền biến, hướng dẫn chúng ta nhận biết Phật ấn, tức là chánh tín, chánh hạnh “*chẳng nhiễm, chẳng chấp, chẳng đến, chẳng đi, bất cấu, bất tịnh*”. Hết thấy các pháp vốn vô sanh. Nói “*do nhân duyên mà sanh*” sẽ phá trừ, lìa bỏ Thường Kiến và Đoạn Kiến, khiến cho chúng ta thoát ly hai loại Biên Kiến ấy.

Đọc đoạn kinh văn này giống như đọc Tâm Kinh, “*vô trí diệt vô đắc. Dĩ vô sở đắc cố, Bồ Đề Tát Đỏa*” nương theo trí huệ môn để quan sát, trọn chẳng có một vật, quang minh “*không, tịnh*”, trong ngôn thuyết thật sự đã trừ sạch hết thấy đấm nhiễm của chúng sanh, trừ hết thấy chấp trước của chúng sanh, trừ hết thấy phiền não của chúng sanh, cũng như [phá trừ] cưỡng chấp phiền não, cưỡng chấp nghiệp duyên, cưỡng chấp thiện duyên, cho đến các thứ khổ, cùng với cưỡng chấp các thứ tạo tác khổ.

*(Kinh) Nhất thiết chư thánh, vô hữu覆藏, 愚癡所毀, 智者所稱, 巧*

**(經)一切諸聖，無有覆藏，愚癡所毀，智者所稱，巧  
者能受。**

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2**

*(Kinh: Hết thầy các vị thánh, chẳng có vị nào ẩn giấu, bị kẻ ngu si hủy báng, bậc trí ca ngợi, người thiện xảo bèn có thể tiếp nhận).*

Vì kẻ ngu si phần nhiều sanh tà kiến đoạn diệt, nói đoạn diệt theo kiểu ngoan không, khiến cho tâm trí của người khác bị mê loạn. Vì thế, nói “ngu si sở hủy”, tức là hủy hoại cái tâm thanh tịnh. Còn “trí giả sở xưng” tức là hết thầy người trí yêu thích, thủ hộ giáo ngôn như thế!

*(Kinh) Như Lai Thế Tôn thuyết thử kinh thời, vô lượng chúng sanh, giai u A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, chủng chư thiện căn.*

**(經)如來世尊說此經時，無量衆生，皆於阿耨多羅三藐三菩提，種諸善根。**

*(Kinh: Khi Như Lai Thế Tôn nói kinh này, vô lượng chúng sanh đều gieo các thiện căn nơi A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề).*

Đây là nói chân thật. Chúng ta nghe đức Thế Tôn nói kinh giáo như vậy, giống như dùng ấn của Như Lai để ấn khế tự tâm. Tuy nhất thời chưa thể giác, vẫn còn nghi ngờ, băn khoăn, hoặc là ở giữa thành thực và chẳng thành thực, nhưng cơ duyên “u A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, chủng chư thiện căn” (gieo các thiện căn nơi A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề) đã chín muồi, tối thiểu là Nhĩ Căn đã được nghe. Đối với kinh điển, kinh giáo như thế và nội hàm của nó, chúng ta đã có thể nghe đầy đủ vẹn toàn từ đầu đến cuối một lượt, hoặc là thậm chí ngẫu nhiên nghe một câu, nửa lời, nếu đã có thể thoảng qua tai, sẽ đều là thiện căn. Vì khác với những lời thông tục, thô tục, lời thô ác, cho đến lời lẽ tà kiến trong thế tục, lời lẽ chánh giáo của chư Phật sẽ có thể khiến cho chúng sanh đạt được an lạc, gieo các thiện căn, thuần thực thiện căn, cho đến ắt sẽ đạt được Vô Thượng Bồ Đề. Vì thế, nghe kinh pháp cho nhiều là điều rất trọng yếu.

*(Kinh) Bỉ Hằng hà sa đẳng chư Phật thế giới, hữu vô lượng A-tăng-kỳ chư Bồ Tát Ma Ha Tát chúng, giai tùng bốn quốc phát lai chí thử, hàm vi thánh thọ thị tam-muội giả.*

**(經)彼恆河沙等諸佛世界，有無量阿僧祇諸菩薩摩訶薩衆，皆從本國發來至此，咸爲聽受是三昧者。**

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

***(Kinh: Trong các thế giới của chư Phật nhiều như cát sông Hằng, có vô lượng A-tăng-kỳ các vị Bồ Tát Ma Ha Tát đều từ cõi mình xuất phát đến đây, đều là vì nghe nhận tam-muội này).***

Tâm trí và sanh mạng của hết thảy chúng sanh chên lệch chẳng giống nhau, biểu hiện muôn ngàn sai khác. Ở đây [đức Phật] nhắc tới các vị Bồ Tát Ma Ha Tát từ các thế giới ở phương khác, có sức tự tại như ý, tức sức thần thông vô ngại, có thể từ thế giới của chính mình đến vô biên thế giới ở phương khác. Sau đó, nương theo công đức danh hiệu của đức Thế Tôn trong thế giới của chính mình mà quay về, giống như chúng ta niệm danh hiệu của đức Bổn Sư A Di Đà Phật bèn có thể sanh về bốn quốc của A Di Đà Phật.

“*Giai từng bốn quốc phát lai chí thư*” (Đều từ nước mình xuất phát đến nơi đây): Đều do nghe nói danh hiệu công đức thù thắng của Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật trong thế giới Sa Bà, cho đến sự giáo hóa chẳng thể nghĩ bàn của tam-muội này. Do nhân duyên ấy mà từ nước mình ra đi, tới cõi này để thấy Phật, nghe pháp. Các vị Đại Bồ Tát Ma Ha Tát ấy đã từ vô lượng kiếp tới nay siêng tu các loại pháp, đối với Ban Châu tam-muội, hoặc còn gọi là Thập Phương Chư Phật Tát Giai Hiền Tiền tam-muội, đều thuần thực vô ngại. Do đó, khi xưng danh hiệu Phật, liền gặp Phật: Nhân chính là quả, quả chính là nhân, đạt được phương tiện có thể thấy Phật, nghe pháp. Bồ Tát trong thế giới Sa Bà muốn đến thế giới phương khác để thấy Phật, nghe pháp, cũng phải xưng danh hiệu công đức của chư Phật trong thế giới phương khác. Nay chúng ta hướng tới, quan sát, tu tập, yêu thích, lắng nghe pháp tắc này. Trước kia, tôi ở tại một ngôi chùa thuộc tỉnh Hà Bắc, gặp một vị cư sĩ. Vị này niệm vị Phật nào, hình tượng của vị Phật ấy sẽ hiện tiền. Chẳng hạn như khi lạy tám mươi tám vị Phật [trong Hồng Danh Bảo Sám], niệm đến vị Thế Tôn nào, hình tượng, biểu cảm, cho đến động tác của vị Thế Tôn ấy đều hiện tiền. Tôi hỏi ông ta: “Các vị Phật khác nhau có gì khác biệt?” Ông ta nói: “Chủ yếu là tay kết ấn khác nhau, tướng âm thanh hơi khác nhau”. Đây có thể là cách nói của mình ông ta, tôi cũng chẳng biết, cũng chưa từng thấy. Nếu thật sự đích thân chúng Niệm Phật tam-muội thì trông thấy chư Phật cũng chẳng phải là chuyện khó, vì sao? Mười phương Bồ Tát Ma Ha Tát đã sớm đích thân chứng pháp tắc như thế, cho đến đức Thế Tôn cũng nói: Đối với sự giáo hóa này, tôn giả Ma Ha Ca Diếp đã thành tựu pháp này để khiến cho người đời sau có chỗ để nương theo.

Hiện thời, chúng ta đang ở trên núi Kê Túc là chỗ tôn giả Ca Diếp đang giữ y [của Phật Thích Ca], nhập Định [chờ Phật Di Lặc giáng thế], chúng ta đã được tôn giả Ca Diếp nhiếp hóa bởi quang minh từ công đức chân thật của Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội, vậy thì có sao chẳng yêu thích, tu tập pháp tắc này? Nếu chẳng yêu thích, tu tập, cứ đợi các nhân duyên khác, mong cho thiện căn chín muồi, vẫn chẳng biết sẽ là như thế nào? Vì trong pháp tắc thế tục, luyện thép thì cần phải dùng lò luyện thép. Nếu dùng các loại lò khác, sẽ rất khó luyện thành thép rất tốt! Vì thế, đối với sự tu trì của phàm phu hữu tình, nói theo hình tướng thế tục, sẽ rất quan trọng; nói theo trợ duyên, sẽ là hết sức quan trọng. Thậm chí là có mức độ quan trọng chẳng thể thay thế được!

*(Kinh) Bĩ bối giai đắc bất thoái chuyển ư A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Thử thời, tam thiên đại thiên thế giới, nhất thiết đại địa lục chủng chấn động.*

**(經) 彼輩皆得不退轉於阿耨多羅三藐三菩提。時此，三千大千世界，一切大地六種震動。**

*(Kinh: Bọn họ đều đắc bất thoái chuyển nơi A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Khi đó, hết thảy đại địa trong tam thiên đại thiên thế giới sáu thứ chấn động).*

Khi đức Thế Tôn nói giáo pháp liễu nghĩa rốt ráo, lợi ích rộng khắp hữu tình trong pháp giới. Vì thế, hết thảy các thế giới đều có sáu loại chấn động, hoặc là mười tám loại chấn động, rung động hết thảy thế gian, cảm động hết thảy thế gian, nhuần thấm hết thảy thế gian, thuận thiện căn của hữu tình trong hết thảy các thế gian, muốn khiến cho hết thảy hữu tình đang mê muội, trơ lì, trầm luân sẽ thức tỉnh, giác ngộ, thoát khỏi tâm trí u ám, tối tăm. Vì thế, “chấn động” chính là tướng đại quang minh chiếu trọn khắp, là tướng thức tỉnh chúng sanh, là tướng cảm động thế gian.

*(Kinh) Sở vị: Động, đại động, đẳng biến động.*

**(經)所謂：動，大動，等遍動。**

*(Kinh: Tức là động, đại động, đẳng biến động).*

## ***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

Trong mỗi thứ “động”, lại có ba loại động, cho nên cũng nói là “mười tám loại chấn động”. Chẳng biết mọi người đã từng thể nghiệm loại chấn động này hay không? Trong kinh giáo, có ghi chép như thế này: Nhằm lúc trong thế giới này và thế giới ở phương khác có thiện tri thức xuất thế, hoặc nhằm lúc có thiện tri thức chứng đắc thánh quả, hoặc vị nào thuộc địa vị Bồ Tát chứng đắc các phương tiện Thiên Định, hay phương tiện thần thông lực, mười phương thế giới sẽ cùng lúc chấn động, phóng đại quang minh. [Khi đó], tất cả những vị đã có các môn Thiên Định, các vị đã đắc thánh quả đều biết, đều dùng trợ duyên tán thán hy hữu, tán thán “*thiện tai*” (lành thay). Như khi Thích Ca Phật Thế Tôn xuất thế, mười phương chư Phật đều đến tán thán. Khi Ngài thành đạo cũng lại như thế, mà vị nào chứng đắc Sơ Quả, Nhị Quả, Tam Quả, Tứ Quả, cho đến chứng quả trong các giai vị Bồ Tát, cũng đều đạt được các thứ oai đức và phương tiện cảm động thế gian. Ở chỗ này, chẳng cần phải nhờ vào ngôn thuyết!

Khi thầy Đại Hùng hành Ban Châu chín mươi ngày ở Đông Bắc, lúc xuất quan, toàn thể trời đất đều là màu trắng tinh, điềm chứng đắc ấy mười phần hy hữu, vì nội hàm và công đức của chín mươi ngày tu tập có thể cảm động rất nhiều hữu tình trong thế gian. Nếu thật sự hành pháp, như đạo tràng Hằng Dương Am này, cũng sẽ cảm động rất nhiều vị thiện tri thức có Thiên Định, có phước đức đều dùng sức phước đức của chính mình để nghĩ tưởng nơi này, cổ vũ, khích lệ cho đạo nghiệp ở nơi này được thành thực. Đương nhiên, người biết tự biết, người chẳng biết sẽ chẳng tự biết, người có thể thấy, có được phương tiện để trông thấy. Người chẳng thấy, nếu có thể tín thuận, cũng đạt được phương tiện lợi lạc, nhưng nếu chúng ta đối với công đức thù thắng ấy và sự gia trì oai đức thù thắng ấy lại chẳng cho là thù thắng thì chuyện ấy cũng sẽ chẳng thù thắng. Nếu dè bĩu thì chuyện ấy [đối với kẻ đó] cũng trở thành đáng dè bĩu!

Vì thế, sự chấn động này quả thật là lúc [các vị có trí, thánh nhân trong tam thiên đại thiên thế giới] bị cảm động, là tướng khích lệ, là sự biểu đạt chân thật của căn cơ chín muồi. Trước kia, tôi cho rằng chuyện này có thể là do oai đức trong Phật pháp. Về sau, tiếp xúc với một vị Bồ Tát trong Đạo gia đã đạt thành tựu nhất định. Ông ta cho biết trong Đạo gia, khi họ chứng đắc quả vị, đại địa cũng nghiêng ngửa, chấn động y hệt. Có người nói trong quá trình kinh hành Ban Châu, đại địa cũng rung động. Có phải là giống như thế hay không? Có liên quan đến chuyện

chúng quả hay chẳng? Cứ đề mặc đó, nhưng nó có thể cảm động thế gian.

Hơn nữa, pháp Ban Châu cảm động thế gian rộng lớn trọn khắp. Nếu chúng ta cảm kích Tam Bảo, dùng cái tâm cảm ơn để tu tập, duy trì pháp tắc này, sẽ là rất chẳng thể nghĩ bàn. Nếu dùng tâm kiêu mạn, tâm tà kiến để hành pháp này, sẽ bị nguy hại rất lớn. Vì thế, trong cơ chế tuyên truyền hoặc truyền bá pháp này, cứ nhắc đi nhắc lại, yêu cầu chúng ta, cứ nhiều lượt nhắc nhở chúng ta, phải xa lìa kiêu mạn, phải thanh tịnh, điều phục, nhu thuận. Đây là điều trọng yếu hàng đầu. Nhưng pháp này lại cực dễ khiến cho người ta sanh khởi cái tâm kiêu mạn, vì có thể xuất sanh nhiều loại công đức và thiện xảo.

Hễ một khi kiêu mạn, sẽ bị hại. Khi ấy, đâm ra chẳng bằng kẻ tầm thường! Đó quả thật là chỗ lợi ích to lớn và chỗ nguy hại to lớn trong pháp này, các vị thiện tri thức nhất định phải tự khéo quan sát, tự khéo tư duy.

*(Kinh) Dũng, đại dũng, đẳng biến dũng. Khởi, đại khởi, đẳng biến khởi. Chấn, đại chấn, đẳng biến chấn. Hống, đại hống, đẳng biến hống. Giác, đại giác, đẳng biến giác.*

**(經)湧, 大湧, 等遍湧。起, 大起, 等遍起。震, 大震, 等遍震。吼, 大吼, 等遍吼。覺, 大覺, 等遍覺。**

*(Kinh: Dũng, đại dũng, đẳng biến dũng. Khởi, đại khởi, đẳng biến khởi. Chấn, đại chấn, đẳng biến chấn. Hống, đại hống, đẳng biến hống. Giác, đại giác, đẳng biến giác).*

Sáu loại chấn động ấy<sup>33</sup> được hiển lộ theo thứ tự, có trạng thái mỗi thứ sau cao hơn [thứ trước]. Sáu loại chấn động là nói chung, nói tách ra thì có mười tám loại, như nói “đại, đẳng, biến”, thật sự cảm động thế gian. Chúng ta chớ nên khinh miệt hoặc tự phụ đối với chuyện đạt được lợi ích nơi pháp tắc hay không, chỉ xét coi có lợi ích thế gian hay không, chỉ xét coi có thật sự cảm động hay không. Trong kinh điển nhà Phật, thường có cách nói sung mãn như “cảm động sung mãn”, hoặc “đại hỷ

---

<sup>33</sup> Theo Pháp Hoa Văn Cú Ký, mặt đất tròng trành là Động, đất bằng đột ngột dâng cao lên là Khởi, chỗ trôi lên chỗ sụp xuống thì gọi là Dũng, có tiếng âm ì trong lòng đất là Chấn, phát ra tiếng vang lớn như vật bị va đập, xé rách thì là Hống, khiến cho chúng sanh giác ngộ thì gọi là Giác.

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2**

*sung mãn*” v.v... Thật ra, khi lợi ích sung mãn, sẽ cảm thấy chân động, vui sướng, hữu lực tràn trề. Trong Tạng truyền Phật giáo, đã đặc biệt nêu ra tám loại “*nội thọ dụng*”; trong đó, sung mãn thọ dụng là loại thọ dụng bậc nhất. Bản thân trông thấy quang tướng và oai đức, sức lực trọn đủ, thiện xảo đầy đủ, chẳng phải là nói suông, chẳng phải là hý luận, mà là nội hàm như thật, công đức chân thành cảm động thế gian.

**(Kinh) Nãi chí biên dũng trung một, trung dũng biên một. Thời, thử thế giới như thị đại động.**

**(經)乃至邊湧中沒，中湧邊沒。時，此世界如是大動」。**

*(Kinh: Cho đến ngoài rìa dâng lên, chính giữa chìm xuống, hoặc chính giữa dâng lên, ngoài rìa chìm xuống. Khi đó, thế giới này chân động to lớn như thế).*

Đại động như thế, trên thực tế là vì khi Phật Thích Ca tuyên nói pháp này đã cảm động thế giới. Như Thích Ca Mâu Ni Phật dưới cội Bồ Đề, ở trên tòa Kim Cang trái cỏ cát tường, phát ra thệ nguyện “*chẳng chừng A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, sẽ không rời khỏi tòa*”, ngay lập tức đại địa chấn động. Vì thế, ma cung nứt rách, tan hoại. Do vậy, Ba Tuần liền tìm kiếm xem phương nào có Bồ Tát sắp chứng Bồ Đề, phát ra đại thệ nguyện, khiến cho các ma sanh lòng sợ hãi, cho nên hấn cố ý đến khiêu chiến. Có người nói quá trình tu tập pháp của chính mình thuận buồm xuôi gió; thật ra, chính là người tu tập gặp nhiều thử thách, nhưng khi trừ được thử thách thì sẽ chính là tướng thành tựu các pháp, cũng có nghĩa là một khi vượt qua, sẽ ở ngay chỗ đó mà đạt phương tiện thành tựu, do quán tự tánh vô sở đắc, chẳng sợ hãi. Do vậy, có thể vượt qua!

Hiện thời, người tu tập gặp nhiều duyên trái nghịch mà sanh lòng sợ hãi, do gặp duyên trái nghịch mà sanh áo não, do gặp duyên trái nghịch mà phi báng Phật pháp; đúng là đã đánh mất đại lợi của Phật pháp trong hiện tiền. Nhiều hữu tình hễ đả thất, hễ niệm Phật, hễ tụng kinh liền có chuyện chi đó xảy đến, bệnh cũng đưa đến, phiền não cũng đưa tới, gia đình xảy ra vấn đề, bình thường thì chuyện gì cũng đều thuận lợi, rất tốt đẹp! Chuyện này tùy thuộc chúng ta ở trong Phật pháp, sẽ nương theo lợi ích của Phật pháp để triệt để giải quyết các thứ chướng, nghiệp chướng, phiền não chướng, sở tri chướng từ vô thỉ tới

***Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2***

nay như thế nào! Các chướng ấy chính là ma chướng. Khiến cho chúng nó bị tiêu trừ, sẽ có thể thật sự đích thân chúng A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, sẽ đạt được pháp vô ngại, đạt được trí vô ngại, phương tiện vô ngại. Đối với điều này, phải nên tư duy, phải nên quan sát.

Vì thế, gặp nạn duyên trong hành pháp, thật sự là chỗ thù thắng. Các vị thiện tri thức trong quá khứ đều nhận định như thế! Vậy mà người hiện thời hễ gặp nạn duyên bèn tích cực trốn tránh, hoặc sanh nhiều nỗi oán hận, hoặc lăm điều chửi bới, thật là đáng tiếc! Lợi ích Phật pháp hiện tiền, kết quả là báng Phật. Đúng là thiện căn chẳng chín muồi, đúng là chuyện đáng tiếc nuôi! Nhưng người chẳng sợ hãi, yêu thích Phật pháp, thật sự biết Phật pháp, ngay khi nguy nan hiện tiền, sẽ biết là đại lợi hiện tiền. Khi đó, bèn tán thán đức Thế Tôn, tán thán Tam Bảo, nghiệp duyên như thế sẽ ngay lập tức tiêu trừ, sẽ đạt được vô thượng đại lợi. Sau đây, lại gặp chuyện kiểu đó, sẽ chẳng bị chướng ngại tí nào! Trong các pháp tu, hễ thiện căn có chút chín muồi, tất nhiên là nạn duyên sẽ hiện tiền. Ai nấy đều là như thế, chẳng phải là riêng một ai! Trong toàn bộ quá trình thành đạo của Phật Thích Ca, cùng với bảy lần bảy bốn mươi chín ngày dưới cội Bồ Đề, phần nhiều cũng là thị hiện. Kinh nghiệm thành Phật dưới cội Bồ Đề của Phật Thích Ca thật ra là kinh nghiệm về ma nạn đó thôi. Vượt qua các ma nạn càng nhiều, càng triệt để thấy rõ các ma nạn chẳng có tự tánh, xét kỹ bằng trí huệ, đích thân chúng Bồ Đề. Vì thế, hễ dụng công đôi chút, sẽ có người đến gây duyên chướng ngại, nếu tán Phật sẽ vượt qua, hễ nghi Phật, sẽ trầm trệ nơi đó. Báng Phật sẽ bị nguy hại. Điều này rất rõ ràng, các vị thiện tri thức phải nên khéo quan sát nhân duyên học pháp.

***(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn cáo tôn giả Ma Ha Ca Diếp.***

**(經)爾時，世尊告尊者摩訶迦葉。**

***(Kinh: Lúc bảy giờ, đức Thế Tôn bảo tôn giả Ma Ha Ca Diếp).***

Trong khi Di Lặc Hạ Sanh, cho đến trong khá nhiều kinh giáo, đều ghi chép khi Thích Ca Thế Tôn sắp nhập diệt, đã đem chánh pháp nhân tàng chúc lụy cho tôn giả Ca Diếp. Cho đến đem y bát Ngài đang dùng, dặn dò tôn giả Ca Diếp hãy khéo thủ hộ, chờ đến năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm sau, khi Di Lặc Thế Tôn giáng thế, sẽ truyền cho Di Lặc Thế Tôn, và cũng ủy thác tôn giả Ca Diếp căn dặn Di Lặc Thế Tôn bốn câu kệ, tức “*pháp bốn pháp vô pháp, vô pháp pháp diệt pháp, kim*



*phó vô pháp thời, pháp pháp hà tăng pháp*”<sup>34</sup>. Vì thế, tôn giả Ca Diếp quả thật đã đại diện cho tướng chánh pháp trụ thế, tướng chánh pháp tồn tại, là tướng lãnh thọ ấn khế của vị lai Phật, là tiêu chí trong Phật pháp.

Nay chúng ta vào núi Kê Túc, vào đạo tràng “*giữ y, nhập định*” thù thắng của tôn giả Ca Diếp như thế, phải nên cảm nhận là chuyện mười phần may mắn. Nếu chẳng cho là đúng, đã có nhiều khảo chứng, quý vị có thể tự tham khảo. Nếu là người có tín tâm, sẽ tự đạt được tín tâm an ủi, nhưng các vị thiện tri thức từ xưa tới nay, không chỉ là Hán truyền Phật giáo, Tạng truyền Phật giáo, Nam truyền Phật giáo, mà những vị thiện tri thức đạt Thiền Định ở một mức độ nhất định, có chứng ngộ nhất định, sẽ đều cung kính, mến thích, kính ngưỡng chẳng nghi đôi với núi Kê Túc, tâm thường nghĩ tưởng, lễ kính phương vị ấy. Lời này chẳng khoa trương chút nào, cũng có thể là chúng ta đang ở nơi đây chẳng cho là đúng, đó gọi là “*đang hưởng phước mà chẳng biết phước*”, chắc là như thế đó!

*(Kinh) Tôn giả Xá Lợi Phất, tôn giả Mục Kiền Liên, tôn giả A Nan.*

**(經)尊者舍利弗、尊者目犍連、尊者阿難。**

*(Kinh: Tôn giả Xá Lợi Phất, tôn giả Mục Kiền Liên, tôn giả A Nan).*

Tôn giả Ca Diếp, tôn giả Xá Lợi Phất, tôn giả Mục Kiền Liên, tôn giả A Nan, đây là tứ đại đệ tử của đức Phật Thích Ca, đại diện cho hết thảy bậc Thượng Thủ của chúng Thanh Văn. Nếu chúng ta xem lời thọ ký của Phật Thích Ca dành cho các vị ấy sẽ biết: Tuy các Ngài là bậc

---

<sup>34</sup> Theo pháp sư Siêu Nhiên, bài kệ này phải hiểu như sau: Chữ Pháp đầu tiên là Phật pháp. Phật pháp là pháp bất nhị. Cho nên trong Phật pháp vốn chẳng có pháp và vô pháp để phân biệt, cũng tức là chẳng có hữu pháp và vô pháp. Nói đơn giản, Phật pháp chẳng phải có, chẳng phải không, mà cũng đừng nghĩ là Phật pháp vừa có vừa không. Mọi phân biệt nhị nguyên đối đãi đều là tình kiến. Đó là ý nghĩa của câu “*pháp bốn pháp vô pháp*”. “*Vô pháp pháp diệt pháp*”: Tuy Nhất Chân pháp giới là một pháp chẳng lập, nhưng cũng chẳng ngại hiển hiện vạn pháp, bao la vạn tượng. Tuy chẳng có một pháp để có thể nói, nhưng chẳng ngại dùng ngôn thuyết để diễn nói. “*Kim phó vô pháp thời, pháp pháp hà tăng pháp*”: Nay ta (Phật Thích Ca) đem cái pháp “*không có pháp*” giao phó cho ông, đối với các pháp mà ta đã nói trước kia, có pháp nào lại chẳng từng đã nói ư? Hoặc có thể nói là “*ta thuyết pháp bốn mươi chín năm, một câu cũng chưa hề nói*”.

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2**

Thượng Thủ của hàng Thanh Văn, thật ra, đã sớm thành Phật ở phương khác, hoặc đã sớm trụ nơi địa vị Bất Thoái Chuyển Đại Bồ Tát ở phương khác, dùng thân đại Bồ Tát nhiếp hóa thế gian, nhưng do người trong thế giới Sa Bà thọ trăm tuổi rất nhơ bẩn, các Ngài bèn hiện thân Thanh Văn để giúp Phật Thích Ca giáo hóa, hoằng truyền giáo pháp thù thắng của đức Thế Tôn, khiến cho pháp trụ thế. Phải nên lý giải sự thị hiện này như thế nào? Vẫn là nói “*thiên lý giang thủy, thiên giang nguyệt*” (ngàn dặm nước sông, ngàn bóng trăng). Vì các vị thánh nhân giống như vàng trắng, tỏa ra quang minh thanh tịnh, trong một ngàn thế giới, trong trăm thế giới, nếu có chỗ nào có nước, sẽ đều có thể soi bóng. Nước đục cũng có thể chiếu rọi vàng trắng rạng rỡ ấy. Ngũ trược ác thế giống như nước đục, mà quang minh thánh oai, thánh đức của bậc thánh nhân chiếu soi toàn thể pháp giới, trong mỗi thế giới đều chiếu rọi, đều vận dụng.

*(Kinh) Cập Hiền Hộ Bồ Tát, Bảo Đức Ly Xa Tử, Thương Chủ trưởng giả, Tinh Đức trưởng giả tử, Vĩ Đức Ma Nạp Thủy Thiên trưởng giả đẳng, ngũ bách chúng nhân, tịnh dư chư thiên, thế nhân, tứ bộ chúng đẳng ngôn.*

**(經)及賢護菩薩、寶德離車子、商主長者、星德長者子、偉德摩納水天長者等，五百人衆，並餘諸天世人，四部衆等言。**

*(Kinh: Và Hiền Hộ Bồ Tát, Bảo Đức Ly Xa Tử, trưởng giả Thương Chủ, trưởng giả tử Tinh Đức, trưởng giả Vĩ Đức Ma Nạp Thủy Thiên v.v... năm trăm người, và các chư thiên, người đời khác, bốn bộ chúng rằng).*

“*Chư thiên*” ở đây là nói chung, vì trong Tự Phần đã ghi chép cặn kẽ rộng khắp các vị trời tới Trúc Lâm Tinh xá nghe pháp. “*Tứ bộ chúng đẳng*”: Bốn bộ tức là các tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, tức những người được gọi là Phật giáo đồ. Từ chỗ này có thể thấy, khi đức Thế Tôn thuyết pháp, không chỉ có Phật giáo đồ, mà thật sự là toàn thể Diêm Phù Đề, hoặc [nói rộng hơn] là tuyên nói trong thế giới Sa Bà, tức tam thiên đại thiên thế giới. Thường là người học Phật chúng ta xem nhẹ điều này. Ba Tuần tuy ngăn trở đức Thế Tôn giáo hóa khắp nơi, nhưng do oai đức của đức Thế Tôn, hấn cũng đến dự pháp hội. Tuy là hiện đủ loại nguy nan, nhưng đức Thế Tôn khéo hướng dẫn, giáo hóa, khiến hấn phát Bồ

Đề tâm. Ba Tuần cũng phát Bồ Đề tâm, do đại oai đức của đức Phật, chiếu thấu triệt tâm trí của hết thấy hữu tình trong thế gian, cho đến tâm trí của chúng sanh ma vương, đức Thế Tôn cũng khiến cho họ tâm khai ý giải. Trong giáo ngôn rất ráo, chắc chắn là thí giáo như thế.

*(Kinh) Ca Diếp.*

**(經)迦葉。**

*(Kinh: Này Ca Diếp!)*

Ở đây, lấy ngài Ca Diếp làm đối tượng để chúc lụy. Vì thế, chúng ta ở đạo tràng của ngài Ca Diếp tại núi Kê Túc này, nếu quý vị cảm thấy may mắn, sẽ nhận được sự gia trì bất cộng. Nếu cảm thấy bình thường, sẽ có nhân duyên bình thường!

*(Kinh) Ngã kim dĩ thị tam đại A-tăng-kỳ kiếp tu thành A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề pháp, phó chúc như đấng.*

**(經)我今以是三大阿僧祇劫修成阿耨多羅三藐三菩提法，付囑汝等。**

*(Kinh: Ta nay đem pháp A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề do ba đại A-tăng-kỳ kiếp tu thành, phó chúc cho các ông).*

Đương nhiên là các vị trời, người, Thanh Văn, Bồ Tát đã được nhắc đến trước đó đều thuộc vào đối tượng được chúc lụy. Chẳng biết vị Bồ Tát nào đang hiện diện tại đây đã lãnh nhận sự phó chúc này trong thưở đức Thế Tôn còn tại thế?

*(Kinh) Như thị đấng nghĩa, nhất thiết thế gian sở bất năng tín. Hà dĩ cố? Như Lai sở thuyết Tu Đa La, tối thắng vi diệu, đệ nhất thậm thâm, ư đương lai thế, năng dữ nhất thiết chúng sanh A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Thị cố, ngã kim ân cần chúc như, như đương thính thọ, như đương độc tụng, như đương ức trì, như đương tư duy, như đương tu hành.*

**(經)如是等義，一切世間所不能信。何以故？如來所說修多羅，最勝微妙，第一甚深，於當來世，能與一切衆**

**生阿耨多羅三藐三菩提。是故，我今殷勤囑汝，汝當聽受，汝當讀誦，汝當憶持，汝當思惟，汝當修行。**

*(Kinh: Các nghĩa như thế, hết thảy thế gian đều chẳng thể tin. Vì sao vậy? Tu Đa La do Như Lai đã nói vì diệu, thù thắng nhất, rất sâu bậc nhất, trong đời tương lai có thể ban A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề cho hết thảy chúng sanh. Vì thế, ta nay ân cần căn dặn ông, ông hãy nên nghe nhận, ông hãy nên đọc tụng, ông hãy nên nghĩ nhớ, gìn giữ, ông hãy nên tư duy, ông hãy nên tu hành).*

Đây thật sự là căn dặn chúng ta, chúng ta biết tôn giả Ca Diếp chính là bậc thành tựu pháp này, vì sao vẫn phải nói “nhữ đương tu hành” (ông nên tu hành)? Mọi người hãy tự khéo quan sát.

*(Kinh) Nhữ đương khai phát, nhữ đương quảng tuyên, nhữ đương giải thích, nhữ đương tận thiện, nhữ đương lưu bố, vật linh đoạn tuyệt.*

**(經)汝當開發，汝當廣宣，汝當解釋，汝當盡善，汝當流佈，勿令斷絕。**

*(Kinh: Ông hãy nên khai phát, ông hãy nên tuyên nói rộng rãi, ông hãy nên giải thích, ông hãy nên trọn hết điều thiện, ông hãy nên truyền bá, đừng để đoạn tuyệt).*

Thật sự dặn bảo tôn giả Ca Diếp, cho đến các vị thiện tri thức, các hữu tình, trong đời Mạt Pháp thuở vị lai, mong cho pháp này được lưu truyền rộng khắp, khai phát, có thể khiến cho chúng sanh tín giải, tu tập, thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

*(Kinh) Phục thứ A Nan! Nhược hữu chư thiện nam tử, thiện nữ nhân, niệm dục tu tập thử tam-muội kinh giả, dục độc tụng giả, dục thọ trì giả, dục tư duy giả, dục khai thị giả, dục quảng thuyết giả. Đương ưng linh tha sanh chánh tín cố, linh tha độc tụng cố, linh tha thọ trì cố, linh tha tư duy cố, linh tha khai thị cố, linh tha quảng thuyết cố, ngã kim vì bỉ an trụ Đại Thừa.*

**(經)復次阿難！若有諸善男子善女人，念欲修習此三昧經者，欲讀誦者，欲受持者，欲思惟者，欲開示者，欲廣說者。當應令他生正信故，令他讀誦故，令他受持故，令他思惟故，令他開示故，令他廣說故，我今爲彼安住大乘。**

*(Kinh: Lại này A Nan! Nếu có các thiện nam tử, thiện nữ nhân, nghĩ muốn tu tập kinh tam-muội này, muốn đọc tụng, muốn thọ trì, muốn tư duy, muốn khai thị, muốn rộng nói. Hãy nên khiến cho người ấy sanh chánh tín, khiến cho người ấy đọc tụng, khiến cho người ấy thọ trì, khiến cho người ấy tư duy, khiến cho người ấy khai thị, khiến cho người ấy tuyên thuyết rộng rãi, ta nay khiến cho người ấy an trụ trong Đại Thừa).*

Khiến cho chúng sanh đạt được pháp ích như thế, đọc tụng, thọ trì, tư duy, khai thị, rộng nói v.v... Do nhân duyên ấy mà an trụ trong Đại Thừa.

*(Kinh) Chư thiện nam tử, thiện nữ nhân bói, quảng khai phát dĩ, đương như thị học, thường đương niệm ngã như tư giáo sắc.*

**(經)諸善男子善女人輩，廣開發已，當如是學，常當念我如斯教敕」。**

*(Kinh: Các vị thiện nam tử, thiện nữ nhân đã rộng khai phát rồi, hãy nên học như thế, thường nên nghĩ đến ta đã sắc truyền như thế).*

Cũng có nghĩa là mọi người đừng quên mất lời căn dặn này.

*(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn thuyết thị kinh dĩ, tôn giả Ma Ha Ca Diếp, Xá Lợi Phất, Đại Mục Kiền Liên, A Nan, tỳ cư nhất thiết chư đại Thanh Văn, cập bỉ Hiền Hộ, Bảo Đức, Thiện Thương Chủ, Tinh Đức, Vĩ Đức, Thủy Thiên trưởng giả đẳng ngũ bách ưu-bà-tắc chúng. Cập bỉ tùng thập phương tha Phật quốc độ chư lai Bồ Tát Ma Ha Tát chúng, nãi chí nhất thiết thiên, long, quỷ thần, nhân phi nhân đẳng, bỉ văn Như Lai thuyết, giai đại hoan hỷ, phụng giáo tu hành.*

**(經)爾時，世尊說是經已，尊者摩訶迦葉、舍利弗、大目犍連、阿難，自餘一切諸大聲聞、及彼賢護、寶德、善商主、星德、偉德、水天長者等五百優婆塞衆。及彼從十方他佛國土諸來菩薩摩訶薩衆，乃至一切天、龍、鬼神、人非人等，彼聞如來說，皆大歡喜，奉教修行。**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn nói kinh này xong, tôn giả Ma Ha Ca Diếp, Xá Lợi Phất, Đại Mục Kiền Liên, A Nan, cùng với hết thầy các vị đại Thanh Văn, và Hiền Hộ, Bảo Đức, Thiện Thương Chủ, Tinh Đức, Vĩ Đức, trưởng giả Thủy Thiên v.v... năm trăm vị ưu-bà-tắc, cùng với các vị Bồ Tát Ma Ha Tát đến từ các quốc độ khác của chư Phật trong mười phương, cho đến hết thầy trời, rồng, quỷ thần, nhân phi nhân v.v... Họ nghe đức Như Lai nói đều hết sức hoan hỷ, vâng theo lời dạy tu hành).*

Thông thường, trong phần kết thúc của kinh giáo đều nhắc nhở chúng ta như thế này, “giai đại hoan hỷ, phụng giáo tu hành” (đều hết sức hoan hỷ, vâng theo lời dạy mà tu hành), hoặc “y giáo phụng hành”. Phụng giáo tu hành là lời căn dặn trọng yếu nhất, lưu truyền quan trọng nhất, bảo ban quan trọng nhất, mà cũng là lời kết thúc cuối cùng mà mỗi cá nhân trong đại chúng hiện tiền phải nên y giáo tu hành, và cũng là ấn khế cuối cùng dành cho chúng ta. Do vậy, “phụng giáo tu hành” là chỗ sự quy kết tốt cùng của toàn thể những người nghe pháp chúng ta, cũng là cơ duyên to lớn rốt cục của việc nghe pháp này. Chúng tôi đã giảng phẩm Hiền Hộ trong kinh Đại Tập, thông qua gần một tháng học tập, luyện tập một lượt, do được chư Phật và Tam Bảo gia bị, có thể kết nhân duyên “chẳng thoái chuyển” nơi A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề với mọi người, khiến cho chúng ta cùng sanh An Dưỡng, cùng thành Bồ Đề! Cám ơn mọi người, pháp hội tới đây đã viên mãn!

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký hết**

**“Hoan nghênh ấn tống, công đức vô lượng”**